

MICHAEL V. HAYDEN

CHƠI ĐẾN CÙNG
TÌNH BÁO MỸ
TRONG KỶ NGUYÊN KHỦNG BỐ

(Sách tham khảo)

Người dịch: Đinh Trọng Minh



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. CÙ THỊ THÚY LAN
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
ThS. HOÀNG THỊ THU QUỲNH
NGUYỄN THU HƯỜNG
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ

Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THU HƯỜNG
BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/3-23/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 415-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.

Nộp lưu chiếu: tháng 7 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-6888-4.

CHƠI ĐẾN CÙNG
TÌNH BÁO MỸ
TRONG KỶ NGUYÊN KHỦNG BỐ

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Hayden, Michael V.

Chơi đến cùng - Tình báo Mỹ trong kỷ nguyên khủng bố : Sách tham khảo / Michael V. Hayden ; Đinh Trọng Minh dịch. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 640tr. : bảng ; 24cm

Tên sách tiếng Anh: Playing to the edge

ISBN 9786045767337

1. An ninh quốc gia 2. Cơ quan tình báo 3. Mỹ 4. Sách tham khảo
327.1273 - dc23

CTF0548p-CIP

PLAYING TO THE EDGE

Copyright©2016, Michael Hayden

All rights reserved

CHƠI ĐẾN CÙNG

Bản quyền tiếng Việt năm 2019

của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Tất cả các quyền đã được bảo hộ.

MICHAEL V. HAYDEN

CHƠI ĐẾN CÙNG
TÌNH BÁO MỸ
TRONG KỶ NGUYÊN KHỦNG BỐ

(Sách tham khảo)

(Tái bản lần thứ nhất)

Người dịch: Đinh Trọng Minh

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

*Gửi vợ yêu, Jeanine,
người luôn đồng hành cùng tôi,
nhưng đã phải chịu hy sinh nhiều hơn trên các chặng đường đó*

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 (sau đây gọi tắt là: vụ khủng bố 11/9 hay sự kiện 11/9) vào Tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới (WTC) và Lầu Năm Góc của Mỹ được xem là một đòn giáng mạnh mẽ vào một trong những giá trị mà người Mỹ luôn tự hào đứng đầu thế giới - hệ thống phòng thủ. Niềm tin về một đất nước được bảo đảm an toàn đã sụp đổ, người dân Mỹ trở nên hoảng loạn và thiếu niềm tin vào an ninh quốc gia. Chỉ số niềm tin vào chính phủ sụt giảm nhanh chóng, vì thế, Chính phủ Mỹ tuyên bố đất nước bắt đầu bước vào cuộc chiến chống khủng bố.

Chủ nghĩa khủng bố trở thành mục tiêu chính và là chủ đề trung tâm chi phối các vấn đề khác trong chính sách đối ngoại và các chiến lược an ninh suốt hai nhiệm kỳ của Tổng thống George W. Bush. Song song với việc truy quét khủng bố là việc tăng cường an ninh quốc gia thông qua nhiều hoạt động, kế hoạch mới nhằm tấn công bộ máy chỉ huy, bộ phận điều khiển, kiểm soát và thông tin liên lạc của tổ chức khủng bố, cũng như ngăn chặn sự ủng hộ vật chất và cung cấp tài chính cho chúng, làm cho chúng mất khả năng lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động khủng bố.

Tướng Michael V. Hayden là người được Tổng thống Bush bổ nhiệm làm Giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia (NSA) giai đoạn 1999-2005 và sau đó trở thành Giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) giai đoạn 2006-2009. Ông được nhiều người công nhận là chuyên gia trong lĩnh vực thu thập tin tình báo công nghệ. Nổi tiếng nhất là việc ông ủng hộ mạnh mẽ chương trình nghe lén của

chính quyền Bush và cho rằng chương trình này là công cụ hợp pháp cần thiết để chống các phần tử khủng bố.

Kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tình báo, cũng như lượng thông tin kỳ thú mà Michael V. Hayden nắm được trên cương vị người đứng đầu CIA hay NSA trong giai đoạn cả nước Mỹ bước vào thời kỳ chống khủng bố mạnh mẽ sẽ dần được hé lộ trong cuốn sách ***Chơi đến cùng - Tình báo Mỹ trong kỷ nguyên khủng bố***. Đối với Tướng Michael V. Hayden, “chơi đến cùng” nghĩa là bạn sẽ tiếp tục đến tận giây phút cuối cho dù bạn có thể phải nhận những thất bại. Nếu không bằng cách chơi lại, bạn chỉ có thể tự bảo vệ mình mà không thể bảo vệ nước Mỹ. Và đây vẫn là nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt khi Hayden điều hành NSA và CIA. Đây là một quan điểm của người trong cuộc, người phải đương đầu với những trọng trách to lớn và cao cả vào thời điểm sau vụ tấn công khủng bố 11/9.

Cuốn sách đi sâu vào các vấn đề như tình báo Mỹ đã phản ứng như thế nào trong bối cảnh bị khủng bố - một cuộc chiến lớn và một cuộc cách mạng công nghệ sâu rộng nhất trong 500 năm qua? Trước khi xảy ra vụ khủng bố 11/9, NSA làm những gì và sau đó đã thay đổi như thế nào? Tại sao NSA lại bắt đầu chương trình giám sát chống khủng bố gây tranh cãi bao gồm cả việc nghe lén điện thoại cá nhân trong nước? Điều gì khác đã xảy ra trong giai đoạn này tạo thành bối cảnh cho những tiết lộ động trời của cựu điệp viên E. Snowden vào năm 2013?, v.v..

Mục tiêu của Tướng Hayden khi viết cuốn sách này rất đơn giản: không biện minh; không xin lỗi; chỉ đơn giản là kể những gì đã xảy ra; và lý do cho những hành động. Ông viết, “Ở đây có những chuyện đáng được nói, không giấu giếm và không gian dối. Quan điểm của tôi chỉ là của tôi, và những người khác chắc chắn sẽ có những quan điểm khác nhau, nhưng quan điểm này đáng được lên tiếng để viết lên bản lịch sử hoàn thiện trong thời kỳ hỗn loạn này. Tôi muốn đây là một bản lịch sử trung thực và giá trị

đối với người dân Mỹ, những người vốn phụ thuộc và đánh giá cao những thông tin tình báo, nhưng không có thời gian để tìm hiểu những vấn đề này”.

Nhằm cung cấp cho độc giả những thông tin chân thực và chính xác nhất các vấn đề liên quan đến hoạt động tình báo, chống khủng bố của Mỹ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã tổ chức biên dịch, hiệu đính và xuất bản cuốn sách ***Chơi đến cùng - Tình báo Mỹ trong kỷ nguyên khủng bố***.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Michael V. Hayden là vị tướng bốn sao của không quân Mỹ đã nghỉ hưu, nguyên Giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia Mỹ (DIR-NSA), Phó Giám đốc Thường trực Tình báo quốc gia Mỹ (PDDNI) và Giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ (DIR-CIA). Ông là tư vấn trưởng tại Chertoff Group, một công ty tư vấn an ninh do cựu Bộ trưởng Bộ An ninh nội địa Mỹ Michael Chertoff sáng lập. Hayden cũng là giáo sư thỉnh giảng đặc biệt tại Khoa Sau đại học về chính sách, chính quyền và các vấn đề quốc tế thuộc Đại học George Mason.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chú giải thuật ngữ viết tắt</i>	11
<i>Lời mở đầu: Lý do cuốn sách ra đời?</i>	19
<i>Chương I</i> Sập hệ thống	
Fort Meade, Maryland, 1999-2000	25
<i>Chương II</i> Một báu vật quốc gia...	
Được thêm bao lâu nữa?	
Fort Meade, Maryland, 2001-2005	35
<i>Chương III</i> Vào cuộc chiến...	
Với sự trợ giúp đặc lực từ những người	
bạn của chúng ta	
Fort Meade, Maryland, 2001-2003	63
<i>Chương IV</i> Lại vào cuộc chiến...	
Hết trận này đến trận khác	
Fort Meade, Maryland, 2002-2005	93
<i>Chương V</i> Chương trình Stellarwind	
Fort Meade, Maryland, 2001-2003	116
<i>Chương VI</i> Công khai thông tin...	
Theo chủ ý và không theo chủ ý	
Fort Meade, Maryland, và Washington, D.C.,	
2004-2008	155
<i>Chương VII</i> Công chúng có quyền được biết...	
và được an toàn	
Fort Meade, Maryland,	
và Langley, Virginia, 1999-2009	184
<i>Chương VIII</i> Cuộc sống trong không gian mạng	
San Antonio, Texas - Fort Meade, Maryland,	
Langley, Virginia, 1996-2010	205

<i>Chương IX</i>	Liệu việc này có thực sự cần thiết? Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia (ODNI), 2005-2006 và sau đó	242
<i>Chương X</i>	“Tôi muốn ông tiếp quản CIA” Washington, D.C., tháng 5 - tháng 9 năm 2006	280
<i>Chương XI</i>	Ba miếng “dễ nuốt” Baghdad, Islamabad, Kabul, 2006	303
<i>Chương XII</i>	Cách nhìn nhận lạ đời Langley, Virginia, 2007-2008	332
<i>Chương XIII</i>	Trở về nhà Pittsburgh, Pennsylvania, 1945-2014	369
<i>Chương XIV</i>	“Họ không có hạt nhân. Ta không gây chiến” Al-Kibar, Syria, 2007-2008	386
<i>Chương XV</i>	Hoạt động gián điệp, bộ máy cơ quan và cuộc sống gia đình Langley, Virginia, 2006-2009	408
<i>Chương XVI</i>	Iran: Ném bom hay chấp nhận đối mặt với quả bom? Langley, Virginia, 2007-2009	435
<i>Chương XVII</i>	Sứ mệnh toàn cầu Langley, Virginia, 2007-2009	463
<i>Chương XVIII</i>	“Chúng ta sẽ không phải giải trình về hành động thiếu và yếu” Washington, D.C., 2002-2009 và sau đó	492
<i>Chương XIX</i>	Giai đoạn chuyển tiếp CIA, tháng 11 năm 2008 - tháng 02 năm 2009	525
<i>Chương XX</i>	Thưa Đại tướng, họ định công bố Bộ biên bản ghi nhớ McLean, Virginia, 2009-2014	559
<i>Chương XXI</i>	Khu vực tư nhân Washington, D.C., 2009-2014	593
<i>Lời cảm ơn</i>		636

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
AIA	Air Intelligence Agency	Cục Tình báo Không quân
AUMF	Authorization for the use of military force (the “declaration of war” against al-Qaeda)	[Quyết định của Quốc hội] Cho phép sử dụng sức mạnh quân sự (“tuyên chiến” với al-Qaeda)
CENTCOM	Central Command (US forces in the Middle East and Afghanistan)	Bộ Tư lệnh Trung tâm (chỉ huy các lực lượng Mỹ tại Trung Đông và Ápganixtan)
CIC	Counterintelligence Center	Trung tâm Phản gián CIA
CIRT	Computer Incident Response Team	Đội Phản ứng sự cố máy tính
CNA	Computer network attack	Tấn công mạng máy tính
CND	Computer network defense	Phòng thủ mạng máy tính

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
CNE	Computer network exploitation	Khai thác mạng máy tính
CNO	Computer network operations (CNA + CND + CNE)	Hoạt động mạng máy tính (CNA + CND + CNE)
CNs	Congressional Notifications	Thông báo của Quốc hội
CPAC	Conservative Political Action Conference	Hội nghị Hành động chính trị bảo thủ
CT	Counterterrorism	Hoạt động chống khủng bố
DCI	Director of Central Intelligence (the old head of the American intelligence community; now the DNI)	Giám đốc Tình báo Trung ương (chức danh trước đây của người đứng đầu cộng đồng tình báo Mỹ; giờ đây là Giám đốc Tình báo quốc gia (DNI))
DCIA	Director of the Central Intelligence Agency	Giám đốc Cục Tình báo Trung ương
DGMO	Director general of military operations (Pakistan)	Tổng Chỉ huy các chiến dịch quân sự (Pakistan)
DI	Directorate of Intelligence (the analytic arm of CIA)	Ban Tình báo (bộ phận phân tích thông tin tình báo của CIA)

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
DIA	Defense Intelligence Agency	Cục Quân báo
DIRGRAMS	Director's e-mails at NSA	Email của Giám đốc tại NSA
DIRNSA	Director of the National Security Agency	Giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia
DNI	Director of National Intelligence	Giám đốc Tình báo quốc gia
DO	Directorate of Operations (CIA)	Ban Điều hành (CIA)
DOD	Department of Defense	Bộ Quốc phòng
DOJ	Department of Justice	Bộ Tư pháp
DSD	Defense Signals Directorate (Australia)	Cục Tín hiệu quốc phòng (Ôxtrâylia)
EFPs	Explosively formed projectiles	Đầu đạn xuyên phá
EITs	Enhanced interrogation techniques	Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường
EO	Executive order	Sắc lệnh hành pháp
EXCOM	DNI's executive committee formed by the heads of all the intelligence agencies	Ban Chấp hành của Giám đốc Tình báo quốc gia (DNI), gồm người đứng đầu của tất cả các cơ quan trong cộng đồng tình báo Mỹ

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
EXORD	Execute order	Sắc lệnh thực hiện
FATA	Federally Administered Tribal Areas	Khu vực bộ lạc quản lý liên bang (Khu vực FATA)
FISA	Foreign Intelligence Surveillance Act	Đạo luật Giám sát tình báo nước ngoài
FORNSAT	Foreign satellite	Vệ tinh nước ngoài
FSB	Russian Intelligence Service	Cơ quan tình báo Nga
HPSCI	House Permanent Select Committee on Intelligence	Ủy ban [thường trực đặc biệt] Tình báo Hạ viện
HUMINT	Human intelligence	Thông tin tình báo con người
HVD	High - value detainee	Đối tượng giam giữ quan trọng
IC	Intelligence community	Cộng đồng tình báo
ICRC	International Committee of the Red Cross	Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế
IMINT	Imagery intelligence	Thông tin tình báo hình ảnh
INIS	Iraqi National Intelligence Service	Sở Tình báo quốc gia Iraq
INR	Bureau of Intelligence and Research (State Department)	Cục Tình báo và nghiên cứu (Bộ Ngoại giao)

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
IO	Information Operations	Điều hành thông tin
IOC	Information Operations Center (CIA)	Trung tâm Điều hành thông tin (của CIA)
IOD	Iranian Operations Division	Ban chiến dịch Iran
IOTC	Information Operations Technology Center (NSA)	Trung tâm Công nghệ điều hành thông tin (NSA)
IRGC	Iranian Revolutionary Guard Corps	Quân đội Vệ binh cách mạng Iran
ISI	Inter-Services Intelligence (Pakistan)	Cơ quan Tình báo liên sở Pakixtan
JFCC-NW	Joint Functional Component Command - Network Warfare	Bộ Tư lệnh Thành phần chức năng hỗn hợp - Chiến tranh mạng
JIC	Joint Inquiry Commission	Ủy ban Thẩm tra hỗn hợp
JSOC	Joint Special Operations Command	Bộ Tư lệnh Chiến dịch đặc biệt hỗn hợp
MICE	Money, ideology, compromise and ego (techniques to solicit information)	Tiền bạc, ý thức hệ, sự thỏa hiệp và cái tôi (Cơ chế MICE để khai thác thông tin)

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
MNF-I	Multi-National Force-Iraq	Lực lượng đa quốc gia tại Irắc
MOIS	Ministry of Intelligence and Security (Iran)	Bộ Tình báo và An ninh (Iran)
MOU	Memorandum of understanding	Biên bản ghi nhớ
MSS	Ministry of State Security (China)	Bộ An ninh quốc gia (Trung Quốc)
NDS	National Directorate of Security (Afghanistan)	Cục An ninh quốc gia (Ápganixtan)
NGA	National Geospatial-Intelligence Agency	Cơ quan Tình báo Địa không gian quốc gia
NIE	National Intelligence Estimate	Đánh giá Tình báo quốc gia
NRO	National Reconnaissance Office	Cục Trinh sát quốc gia
NSC	National Security Council	Hội đồng An ninh quốc gia
NSOC	National Security Operations Center at NSA	Trung tâm Chiến dịch an ninh quốc gia tại NSA
NTOC	NSA Threat Operations Center	Trung tâm Chiến dịch về các mối đe dọa của NSA
OCR	Optical character recognition	Nhận diện ký tự quang học
ODNI	Office of the Director of National Intelligence	Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
OSS	Office of Strategic Services	Cơ quan Tình báo chiến lược
PAKMIL	Pakistani military	Quân đội Pakixtan
PDB	President's Daily Brief	Tường trình hằng ngày dành cho Tổng thống
PDDNI	Principal Deputy Director of National Intelligence	Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia
PPP	Pakistani Peoples Party	Đảng Nhân dân Pakixtan
PRB	Publications Review Board	Ban Kiểm duyệt xuất bản phẩm
PSAT	Perimeter Security Anti-Terrorism	Chương trình Chống khủng bố an ninh vòng ngoài
QFRs	Questions for the record	Câu hỏi lấy thông tin lưu hồ sơ
RDI	Rendition, Detention and Interrogation (Program)	Chương trình điều chuyển, giam giữ, thẩm vấn
RTB	Reason to believe	Lý do để tin
S&T	Science and Technology	Khoa học và công nghệ
SIGINT	Signals intelligence	Thông tin tình báo tín hiệu

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
SOCOM	Special Operations Command (United States)	Bộ Tư lệnh Chiến dịch đặc biệt (Mỹ)
SOFA	Status of forces agreement	Quy chế thỏa thuận lực lượng
SSCI	Senate Select Committee on Intelligence	Ủy ban đặc biệt Tình báo Thượng viện
SWIFT	Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication	Hiệp hội Viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu
TAG	Technical Advisory Group	Nhóm Cố vấn kỹ thuật
TAO	Tailored Access Operations	Kế hoạch Tiếp cận tùy biến
UAV	Unmanned aerial vehicle	Phương tiện bay không người lái
WMD	Weapons of mass destruction	Vũ khí hủy diệt hàng loạt

LỜI MỞ ĐẦU: LÝ DO CUỐN SÁCH RA ĐỜI?

Tôi vừa mới bước ra ngoài hứng tia sáng chói lọi trong cái nóng oi ả của vùng hoang sâu ở Ôxtrâylia, càng thêm khó chịu trước ánh sáng bị che lại và màn hình sổ của phòng điều hành vốn không có cửa sổ mà tôi vừa chui ra từ đó. Tôi đang ở trạm Pine Gap, giữa nơi gần như cảnh vật hư vô. Khi đặt chân xuống sân bay địa phương và đi theo con đường mở tạm đến đường cao tốc chính, chào đón ta là một biển hiệu giao thông. Thị trấn gần nhất là Alice Springs, nằm cách đó hơn 10 kilômét một chút về phía tay phải. Rẽ trái và cảnh vật quan trọng tiếp theo, gò đá Ayers Rock (Uluru) mang dáng vẻ thần bí và có ý nghĩa linh thiêng với người địa phương, nằm cách đó 450 kilômét.

Lúc chúng tôi lấy tay che cho nắng khỏi chiếu vào mắt, tôi quay về phía người đồng nhiệm người Ôxtrâylia và hỏi đã bao giờ ông ấy từng muốn giải thích với người dân nước mình, và nhất là với những người chỉ trích mình, về ý nghĩa tốt đẹp của công việc mà chúng tôi vừa mới chứng kiến bên trong cơ sở này. Thực ra tôi đã nói thứ gì đó đại loại như “Ông có muốn là mình có thể nói với người dân chính xác những gì chúng ta làm không?”. Ông ấy lập tức trả lời là có.

Những người chỉ trích, giới quan sát và người dân thường vốn dĩ không biết nhiều về công tác tình báo như mức họ muốn

biết hoặc cần biết. Một trong những mục tiêu của cuốn sách này là giúp họ giải quyết vấn đề đó.

Được thôi. Tuy không thể tiến vào nơi hoang sâu ở Ôxtrâylia, song chúng tôi có thể tiếp cận nơi hoạt động bí mật không ai biết tới. Những trang sách này là nỗ lực cao nhất của tôi nhằm mang đến cho người dân Mỹ sự hiểu biết về những gì các cơ quan tình báo nước mình đang làm thay mặt cho họ. Dẫu vậy, chẳng có huyền thoại Jack Bauers* hay Jason Bourne** nào ở đây cả. Chỉ có những người Mỹ siêng năng và tận tụy mà mồ hôi, công sức của họ xứng đáng được ghi nhận, hàm ơn song thậm chí đôi khi đã bị đưa ra bình luận. Đây là một hồi ký, vậy nên tôi phải kể câu chuyện theo sự nhìn nhận của mình, song cũng hy vọng những người tôi kể ở đây cũng sẽ nhận ra đó là câu chuyện của họ.

Đương nhiên cũng có những yếu tố hạn chế. Quy định phân loại thông tin và những yêu cầu đại loại như vậy. Thẳng thừng mà nói, có quá nhiều yêu cầu hạn chế và điều đó làm tổn thương cộng đồng dân chúng mà tôi phụng sự và vẫn còn yêu mến, cũng như tổn thương nền cộng hòa mà cộng đồng dân chúng đó phụng sự. Nhưng tôi cũng đặt câu chuyện ở giới hạn của sự cần trọng và luật pháp (cũng như Ban Kiểm duyệt xuất bản phẩm - PRB của CIA) cho phép.

Ngay cả khi có những thời điểm làm việc như giảng viên cho ROTC (Chương trình Đào tạo sĩ quan dự bị) và một vài quãng thời gian làm về nghiên cứu chính sách, song để miêu tả một cách đúng đắn nhất về tôi như là một sĩ quan tình báo

*, **: Hai nhân vật điệp viên nổi tiếng trên truyền hình và điện ảnh Mỹ (BT).

chuyên nghiệp: đọc hình ảnh vệ tinh trong vai trò là một trung úy tại trụ sở chính của Bộ Tư lệnh Không quân chiến lược Mỹ (SAC); hỗ trợ cho các chiến dịch B.52 ở Đông Nam Á từ căn cứ Guam; phụ trách mảng tình báo của một đơn vị tiêm kích chiến thuật tại Triều Tiên; một người thu thập thông tin tình báo công khai trong vai trò là tùy viên không quân tại Bungari thời Đảng Cộng sản lãnh đạo; phụ trách bộ phận thông tin tình báo cho quân đội Mỹ tại châu Âu trong Chiến tranh Balkan; chỉ huy trưởng đơn vị tình báo của không quân Mỹ đóng tại Texas.

Tôi có hứng thú với từng phút giây làm những công việc này, nhưng cuốn sách này không nói nhiều về những phút giây đó mà tập trung nhiều hơn vào mười năm cuối trong sự nghiệp phụng sự chính phủ của tôi, thập kỷ mà, ở cấp quốc gia, tôi đã đảm nhận các chức vụ Giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia (DIR-NSA); Phó Giám đốc Thường trực Tình báo quốc gia (PPD-NI) và Giám đốc Cục Tình báo Trung ương (D-CIA)*.

Có rất nhiều vấn đề chính sách và vấn đề quốc tế những năm đó (1999-2009) và đa phần trong số đó đụng chạm và bị đụng chạm bởi hoạt động tình báo. Nhiều vấn đề được kể lại ở đây dựa theo quan điểm mà tôi có khi ở những cương vị đó. Nội dung kể lại phản ánh mối quan hệ luôn quan trọng, nhưng đôi khi là tế nhị, giữa bên tình báo và giới hoạch định chính sách mà tình báo phục vụ. Cũng có một phần nội dung vừa phải về mối quan hệ thậm chí là tế nhị hơn với bộ phận giám sát của Quốc hội.

* Khác hoàn toàn với chức danh Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI). Trước năm 2005, Giám đốc CIA cũng đồng thời là người đứng đầu cộng đồng tình báo Mỹ và được gọi là Giám đốc Tình báo Trung ương, hay DCI. Tôi chỉ là người từng đứng đầu một cơ quan là Giám đốc CIA.

Có một hoặc ba chương cũng nói về bộ máy quan chức chính quyền. Sau cùng, ngân sách của những cơ quan mà tôi phụ trách được đo bằng con số hàng tỷ đôla, với quân số nhân sự là hàng chục nghìn người, còn phạm vi hiện diện là toàn cầu. Những quyết định về tổ chức, ngân sách và nhân sự có ý nghĩa quan trọng, không phải do những yếu tố quyền năng nội tại của bộ máy này, mà với ý nghĩa thúc đẩy hiệu năng hoạt động và sự thành công của nhiệm vụ. Đưa cả một khối kết cấu đi đúng hướng là mục tiêu theo đuổi của tình báo Mỹ trong hơn một thập kỷ qua.

Bất kỳ ai đang điều hành một tổ chức lớn đều sẽ hiểu những công cụ mà giám đốc điều hành, một tư lệnh hay một giám đốc có trong tay bị hạn chế như thế nào. Người đó có thể làm dịch chuyển tiền tệ (hoặc kiếm nhiều tiền hơn), làm dịch chuyển các khung hộp trên một biểu đồ tổ chức, thay thế nhân sự, hô hào vận động và truyền cảm hứng. Đó là toàn bộ hộp công cụ. Tôi luôn cảm thấy khó khăn trong việc đọc hết một cuốn sách về quản lý hay lãnh đạo, vậy nhưng tôi không ngần ngại trình bày những kinh nghiệm của mình ở đây.

Rồi có cả một mớ chủ đề ma quỷ - nào là hoạt động gián điệp, điệp vụ mật và những thứ tương tự. Có rất nhiều câu chuyện mà cần phải kể thêm về chúng thì bây giờ cũng không được phép. Rất nhiều trong mớ câu chuyện ma quỷ liên quan đến hoạt động khủng bố, nhưng vì NSA và CIA có trách nhiệm toàn cầu, nên những chủ đề khác cũng sẽ được nêu ở đây.

Việc kể chuyện chủ yếu theo thứ tự thời gian, bắt đầu bằng những sự việc tại NSA và tiếp diễn qua Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia (ODNI) và CIA. Dẫu vậy, khi đã chú tâm nói kỹ về một chủ đề, đôi lúc tôi cũng phải nhắc tới và lật lại.

Chẳng hạn, chương nói về mạng máy tính cố nhiên bắt đầu trong thời gian tôi làm việc tại NSA, nhưng để kể câu chuyện một cách xác đáng thì tôi phải bắt đầu bằng quãng thời gian ở Texas vào thập niên 1990 và kể tiếp qua thời gian tôi làm việc tại CIA và sau đó. Cũng có một số mẫu chuyện liên quan đến các vụ giam giữ và thẩm vấn.

Vì đây là một hồi ký, nội dung trọng tâm là về quá khứ và điều này đòi hỏi phải nói nhiều về những chủ đề như điều chuyển nghi phạm, thẩm vấn, cũng như chương trình “giám sát quốc nội” được đặt tên gây hiểu lầm trầm trọng. Nhưng trong cuốn sách này, tôi ấn tượng trước mức độ trải nghiệm của chính mình đã đẩy tôi về phía tương lai, về phía những lĩnh vực như mạng máy tính và những thách thức của nó, một lĩnh vực của sự xung đột và hợp tác mà tầm quan trọng của nó dường như tăng lên theo từng giờ đồng hồ.

Và, điều có thể còn quan trọng hơn nữa, tôi bị kéo vào thách thức của mối quan hệ lâu dài giữa hoạt động gián điệp của Mỹ và người dân Mỹ trong một kỷ nguyên mà lòng tin vào chính quyền đang ngày một co ngót, trong khi các mối đe dọa toàn cầu thì ngày một phình ra.

Ai đó có thể buộc tội tôi đề cao công việc của mình, nhưng tôi tin tưởng rằng, dù còn có nhiều thiếu sót, song chúng tôi thực sự giỏi trong vai trò gián điệp này. Chúng tôi cần duy trì vai trò đó, thế giới này chẳng hề an toàn hơn và hoạt động gián điệp vẫn là phòng tuyến đầu tiên của chúng ta.

Độ khó của thách thức đó ngày một tăng đã góp phần cho sự ra đời tên sách *Chơi đến cùng (Playing to the Edge)*. Hàm ý là sử dụng mọi công cụ và mọi thẩm quyền ta có được, kiểu như cách mà một vận động viên điền kinh giỏi tận dụng toàn bộ

phần sân vận động tiến đến sát vạch giới hạn hai bên đường và vạch đích của vòng chạy.

Trong hoạt động gián điệp, việc đó thường gây nhiều tranh cãi và tôi sợ rằng chúng tôi sẽ không đủ khả năng làm công việc đó trong tương lai nếu công chúng của chúng ta không được trang bị những hiểu biết sâu hơn về tình báo Mỹ là gì và công việc của họ là gì và nếu chúng ta không làm điều mà tôi đã gợi ý cho vị đồng nhiệm người Ôxtrâylia vào cái buổi chiều nắng nôi đó. Vậy nên tôi quyết tâm kể ra câu chuyện này, câu chuyện đã nhận được sự đồng tình của hàng nghìn đồng sự mà tôi đã có dịp cộng tác.

Tóm lại, được là một phần của công việc cao quý đó, tôi thấy vô cùng may mắn trong đời.

Chương I

SẬP HỆ THỐNG

Fort Meade, Maryland, 1999-2000

Cú điện thoại gọi đến sau bữa tối vào một ngày thứ Hai lạnh giá, khi tôi đang xem tin tức trên tivi tại nhà. Có vấn đề về máy tính tại cơ quan. Một lỗi phần mềm đã làm sập mạng của Cơ quan An ninh quốc gia (NSA).

“Nói rõ xem nào!”, tôi hỏi viên sĩ quan trực qua đường dây mật. “Chúng ta đang nói về điều gì vậy?”

“Là *toàn bộ* hệ thống”.

Hệ quả của sự quá tải. Một trong những kỹ thuật viên của tôi về sau đã miêu tả chúng tôi là nạn nhân của một “cơn bão dữ liệu”. Khối lượng dữ liệu tập hợp tăng đột biến đã làm quá tải khả năng xử lý theo cấu hình thiết kế của hệ thống mạng chúng tôi. Nó chẳng khác nào một cơn bão ở đông bắc tấn công những khu đàu tàu kiên cố, kê chắn sóng và đập ngăn nước biển ngay gần vịnh Chesapeake.

Không *hoàn toàn* là lỗi của chúng tôi. NSA đã phải trải qua tình trạng trong nhiều năm ngân sách ngày một sụt giảm, quân số ngày một co ngót, cơ sở vật chất lạc hậu lại hầu như không tuyển dụng thêm. Cố “giật gấu vá vai”, chúng tôi đã làm cho mạng này trở nên lộn xộn đến mức dường như chẳng một ai thực sự biết nó hoạt động ra sao. Không hề có một biểu đồ chạy dây theo đúng nghĩa mà bất cứ ai nhìn vào có thể nắm được.

Hình ảnh nhân vật do Darren McGavin thủ vai đang đâm túi bụi cái cây trong bộ phim *Câu chuyện Giáng sinh* (A Christmas Story) mô tả chính xác tình cảnh của chúng tôi.

Đó là ngày 24 tháng 01 năm 2000. Tôi là tướng không quân ba sao và vừa mới bước qua tháng thứ mười trên cương vị Giám đốc NSA (DIRNSA), cơ quan hoạt động gián điệp lớn nhất và quyền lực nhất của Mỹ. Dù vẫn tương đối lạ lẫm với lĩnh vực này, song tôi không cần viên sĩ quan trực phải giải thích mức độ hệ trọng của vấn đề.

Tình báo tín hiệu, hay còn gọi là SIGINT, là một quy trình liên tục, một dây chuyền sản xuất trong lĩnh vực gián điệp theo đó mọi cuộc liên lạc đều được thu thập, xử lý, phân tích và báo cáo liên tục 24/24 giờ. Vào lúc đó, các vệ tinh và điểm thu tín hiệu hướng về trái đất trên khắp thế giới vẫn đang chặn thu các cuộc liên lạc, sản phẩm khổng lồ thu được của chúng là các cuộc điện thoại, fax, tín hiệu radio - vẫn đang đổ ối ối vào các vùng đệm bộ nhớ. Nhưng một mặt, khối dữ liệu này tê liệt. Chúng tôi không thể dịch chuyển nó. Không ai có thể truy cập nó. Không ai có thể phân tích nó. Chẳng mất nhiều thời gian để những khách hàng của thông tin tình báo phát hiện ra có điều gì đó không ổn. Họ có thể nói điều đó khi hệ thống nhận dữ liệu buổi sáng của họ xuất hiện đèn báo hiệu hoặc không xuất hiện thứ gì cả. Về cơ bản mà nói, NSA đã “chết não”.

Tôi lo lắng gọi cho George Tenet, Giám đốc Tình báo Trung ương, theo một đường dây mật và đường đột thông báo tin này cho anh ấy. Cả hai chúng tôi đều chẳng thể làm được gì khác ngoài việc đứng tránh sang một bên để các chuyên gia kỹ thuật cố gắng xác định vấn đề. Là những người giữ bí mật quốc gia, chúng tôi giờ đây có thêm một bí mật nữa cần giữ - một bí mật Saddam Hussein, Osama bin Laden hay bất kỳ kẻ thù nào khác hoàn toàn có thể sử dụng để giành lợi thế lớn.

Sáng hôm sau, điều an ủi duy nhất tôi có được là tuyết: một trận bão tuyết kỷ lục đã làm đảo lộn hoạt động tại khu vực Washington và đóng cửa chính quyền liên bang, giúp cho đội quân kỹ sư và kỹ thuật viên máy tính đang tập hợp chỗ chúng tôi có thêm đôi chút thời gian - khi không có nhân viên làm việc bao quanh - để đưa cơ quan này ra khỏi tình trạng “tạm thời tê liệt”. Nhưng bầu không khí thất vọng đã trở nên trầm trọng hơn khi đã hai ngày đêm trôi qua mà chưa có tiến triển gì. Toàn bộ đội ngũ các chuyên gia toán học, chuyên gia ngôn ngữ học và chuyên gia phân tích đã quay trở lại làm việc vào sáng thứ Ba và họ thấy có một tin nhắn viết tay được dán dè vào tất cả các cánh cửa và thiết bị đọc thẻ. Với việc nói giảm một cách đáng ngạc nhiên, chúng tôi đã báo: “Mạng của chúng tôi đang gặp những trục trặc thỉnh thoảng vẫn gặp. Vui lòng hỏi ý kiến cấp trên trước khi đăng nhập hệ thống”.

Vụ sập mạng giờ đây đã biến thành cuộc khủng hoảng an ninh đích thực. Đến trưa, tại một cuộc họp được triệu tập vội, tôi tiến tới bức diễn giả của khán phòng Friedman (được đặt theo tên của cặp vợ chồng William và Elizebeth Friedman, cả hai đều là những người tiên phong trong lĩnh vực mật mã ở Mỹ) của cơ quan và thông báo với hàng nghìn nhân viên - trực tiếp và thông qua truyền hình nội bộ - chuyện đã xảy ra. “Chúng ta là người giữ bí mật quốc gia”, tôi nói khi kết thúc phần trình bày dữ dội của mình. “Nếu chuyện này bị đồn thổi ra ngoài, chúng ta sẽ làm tăng đáng kể số người dân Mỹ bị tổn thương. Những kẻ có ý đồ gây hại cho đất nước và công dân của chúng ta sẽ thừa cơ lấn tới. Vì vậy, đây không phải là phần nửa sau của câu nói đùa đẩy việc rửa bát đĩa tối nay với phần mào đầu là ‘Em à, em không thể tin nổi điều gì đã xảy ra với anh hôm nay ở chỗ làm đâu’. Đây là một bí mật. Việc này không được lọt ra khỏi tòa nhà này”.

Vụ sập mạng máy tính là phép ẩn dụ hoàn hảo cho một cơ quan đang rất cần thay đổi. Máy tính lỗi thời là một vấn đề. Nhưng hiện trạng thực tế còn tệ hơn nhiều.

NSA thật sự cần một cuộc lột xác. Kế thừa tinh thần hào hùng trong lĩnh vực giải mã trong Chiến tranh thế giới thứ hai, NSA được Harry Truman bí mật lập ra vào năm 1952. Nhiều người coi thông tin tình báo tín hiệu thậm chí còn giá trị hơn so với tình báo con người hay hình ảnh vệ tinh vì số lượng và chất lượng của sản phẩm thu nhận được thường lớn hơn rất nhiều.

Nhưng thông tin tình báo tín hiệu cũng rất mong manh. Các điệp viên thường cảm thấy khó khăn trong việc truy tầm, nhưng một kẻ đối địch có thể vô hiệu hóa ngay cả một hệ thống thông tin SIGINT được thiết kế kỹ xảo cẩn thận chỉ đơn giản bằng cách gác máy điện thoại. Việc chặn thu các cuộc liên lạc và phá mã đòi hỏi sự bí mật tuyệt đối, vậy nên NSA đã đẩy sự bí mật lên tới cực điểm. Đa phần người Mỹ không hay biết gì về cơ quan này trong suốt nhiều thập kỷ sau khi nó được thành lập.

Và sau đó, nhiều người trong số họ đã được nghe về cơ quan này theo cách tệ nhất. Năm 1975, một Ủy ban Thượng viện do Thượng nghị sĩ Frank Church đứng đầu tiết lộ rằng, NSA đã vượt quá thẩm quyền hoạt động tình báo ở nước ngoài như Truman hình dung và quay sang cả hoạt động gián điệp trong nước, nhắm tới những nhân vật như Jane Fonda, Joan Baez và Benjamin Spock.

Những tiết lộ này dẫn đến sự ra đời của những điều luật và quy định hạn chế nghiêm ngặt những việc NSA có thể làm, nhất là khi liên quan đến yếu tố mà cơ quan này gọi là “người Mỹ”; trên thực tế thì thuật ngữ trên có nghĩa là bất kỳ ai đang ở Mỹ và công dân Mỹ ở bất kỳ nơi đâu. Cơ quan này đã bị ràng buộc

với những quy tắc đó, đến mức những năm sau đó còn bị chỉ trích là quá thận trọng.

Sự thành công của cơ quan này trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh chủ yếu nhờ vào nguồn ngân sách khổng lồ, công nghệ ưu việt và sự may mắn chỉ có một kẻ địch duy nhất là Liên Xô, vốn không có được ngân sách dồi dào và công nghệ cũng không ưu việt hơn. Nhưng bây giờ tất cả những trụ cột đó đang sụp đổ. Dù vẫn là một trong những cơ quan có số lượng nhân viên đông nhất trong tiểu bang Maryland, song NSA đã mất đi 30 phần trăm nguồn ngân sách và một tỷ lệ tương tự về quân số trong thập niên 1990. Và thay vì trở thành đối thủ lạc hậu, có chế độ chính trị “đầu sỏ”, kém cỏi về công nghệ và chậm chuyển biến, giờ đây cơ quan này đứng trước tình thế phải căng mình đối mặt với các tổ chức khủng bố khó lường, tập đoàn tội phạm buôn ma túy và các quốc gia bất hảo, tất cả đều sử dụng điện thoại di động, internet và ứng dụng công nghệ liên lạc hiện đại. Và đó là còn chưa nói đến cả một danh sách các mục tiêu truyền thống như Nga, Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Đang có ngày một nhiều cuộc liên lạc được mã hóa bằng công nghệ mã hóa thương mại mới rất tinh vi và hầu như không thể bị bẻ khóa. Tiếp đến, khối lượng các cuộc liên lạc toàn cầu tăng đột biến do ngày càng có nhiều tin nhắn được chuyển đi thông qua hệ thống cáp quang nên khó mà can thiệp vào được. Và cáp quang băng thông rộng đang được lắp đặt trên khắp thế giới với tốc độ truyền hàng trăm dặm mỗi giờ. Luồng dẫn dữ liệu hiện đại đang đe dọa nhấn chìm NSA trong một biển những ký hiệu 1 và 0.

Trong thế giới mới này, chính giới công nghiệp tư nhân và đầu tư thương mại là động lực thúc đẩy những tiến bộ công nghệ và NSA đã bị chính tinh thần sùng bái bí mật của mình cô lập với sự năng động của thị trường. Năm 1999, Ủy ban

[thường trực đặc biệt] Tình báo Hạ viện (HPSCI) tuyên bố rằng NSA “đang gặp rắc rối nghiêm trọng” do thiếu hụt ngân sách và vị trí lãnh đạo trầm trọng. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi trên cương vị là Giám đốc NSA với Porter Goss, Chủ tịch Ủy ban nói trên, ông ấy nói rằng: “Anh phải lao được về vị trí sân nhà sau cú vụt gây đầu tiên của đội mình đấy [bóng chày]”^{*}.

Đồng thời, những người theo thuyết tự do dân sự, nhà hoạt động vì quyền riêng tư và doanh nghiệp trong lĩnh vực mật mã - đây là còn chưa nói đến Nghị viện châu Âu và hàng nghìn, cũng có thể là hàng triệu người dân thường châu Âu - đã chất vấn về việc có nên tiếp tục cần đến một cơ quan như vậy, miêu tả NSA như một “mối đe dọa tốt bậc đối với quyền riêng tư của người dân trên khắp thế giới”, theo cách nói của website Liên đoàn Tự do dân sự Mỹ (ACLU).

Năm 1997, hai năm trước khi tôi trở thành Giám đốc NSA, Nghị viện châu Âu đã ủy nhiệm lập một báo cáo về thứ được gọi là Echelon. Báo cáo đó đã kết luận rằng NSA và các đối tác Ănglô-Xăcxông của cơ quan này có thể chặn thu mọi cuộc fax, điện thoại và email ở châu Âu và đang đánh cắp bí mật của các công ty châu Âu rồi chuyển chúng cho đối thủ cạnh tranh của những công ty này.

Vượt ra ngoài khuôn khổ hoạt động gián điệp công nghiệp, người châu Âu cũng lo ngại về quyền riêng tư cá nhân, bởi vì những điều luật và quy định của Mỹ đã ngăn cấm NSA có hành động gián điệp đối với người Mỹ song không hề có những điều khoản bảo vệ tương tự đối với người nước ngoài. Đến năm 1999, cuộc tranh cãi này đã thu hút sự chú ý của những người hoạt động

^{*} Nghĩa là: phải gánh vác một nhiệm vụ trong những hoàn cảnh và/hoặc điều kiện không thể bảo đảm cho sự thành công của nhiệm vụ đó - ND.).

tự do dân sự ở Mỹ khi họ lo ngại NSA một lần nữa lại có hoạt động gián điệp nhắm vào người Mỹ.

Sự trớ trêu được thể hiện mạnh mẽ: NSA là cơ quan cùng lúc bị buộc tội là nắm quyền tuyệt đối và thiếu thẩm quyền hoạt động. Cơ quan này đang dần bị điếc và vẫn đang đọc mọi email của bạn.

Vụ sập mạng máy tính vào tháng 01 chỉ càng củng cố thêm những mối lo sợ tồi tệ nhất về công nghệ lỗi thời và bộ máy lãnh đạo quan liêu của cơ quan này. Sau cuộc nói chuyện tại tòa thị chính, tôi đã triệu tập toàn bộ các chuyên gia kỹ thuật và kỹ sư hàng đầu của cơ quan, thông báo với họ vụ sập mạng đã trở nên nghiêm trọng đến mức nào. Bản tường trình hằng ngày (Daily Brief) dành cho Tổng thống đang trở nên rất mỏng.

Trên thực tế, khoảng một phần ba khối lượng dữ liệu SIGINT vẫn đang tiếp tục được chuyển về. Đó là phần dữ liệu do các đồng minh hoặc những trạm thu của Mỹ có khả năng tự xử lý dữ liệu đảm nhận. Nhưng hai phần ba còn lại thì vẫn đang ì ra ở kia, trong các vùng đệm bộ nhớ máy tính của chúng tôi mà chẳng ai làm gì nổi.

Tenet vẫn đang dành cho chúng tôi nhiều không gian để lập ra một giải pháp, nhưng áp lực đang gia tăng ở “trung tâm thủ đô”. Người của NSA hiểu điều này. Là những cựu binh có tình yêu với cơ quan, họ có thể còn hiểu rõ hơn cả tôi nữa.

Mọi chuyện bắt đầu phá vỡ buổi tối thứ Năm. Tình cờ đó lại là dịp kỷ niệm 32 năm ngày cưới của tôi. Tối hôm đó, khi hệ thống có những dấu hiệu hồi sinh nhất định, tôi đưa vợ là Jeanine đến một quán nhỏ nằm ở phía tây Frederick, tên là Stone Manor để dùng bữa tối. Khi đang lái xe trở về nhà, Bob Stevens, Phó Giám đốc phụ trách công nghệ, gọi cho tôi và nói rằng cần nói chuyện “bí mật” với tôi. Tôi gọi lại cho anh ấy bằng một đường dây mật ngay khi về đến nhà.

Hệ thống trực trực chức năng đã hơn 72 giờ đồng hồ rồi. Theo Stevens, hệ thống đã được khôi phục khoảng 25% lưu lượng hoạt động, nhưng anh ấy không cho là các chuyên gia kỹ thuật đang đi đúng hướng. Có rất nhiều mối giắc cắm, mỗi giắc cắm lại hỗ trợ cho một khách hàng khác nhau. Chúng tôi đang cố gắng khôi phục hệ thống theo từng giắc cắm, ưu tiên những giắc cắm quan trọng nhất. Nhiều phần của mạng đang được khôi phục, nhưng điều này chỉ có được thông qua các phương tiện đặc biệt nhưng không duy trì được lâu. Chúng tôi đang không hướng tới một giải pháp khả thi hoặc ổn định. Mọi thứ vẫn đang rất mong manh. Chúng tôi đang tăng tốc hướng về cuối con phố cụt.

Bob muốn xin phép cho tắt toàn bộ hệ thống và khởi động mọi thứ lại từ đầu. Anh ấy nói cần hợp lý hóa từng giắc cắm một và làm cho chúng tương thích với nhau, chứ không phải độc lập riêng từng cái nào.

Tôi đồng ý tiến hành theo hướng đó và khi hệ thống được tắt hoàn toàn, anh ấy lắp một ổ cứng lớn rồi nâng cấp phần mềm. Đến sáng thứ Sáu, hệ thống dần hồi sinh.

George Tenet đến xem xét tình hình vào tối thứ Sáu cùng với cấp phó là Tướng John Gordon để đích thân cảm ơn các kỹ sư, những người mà giờ đây có vẻ muốn lời con người vì quá mệt mỏi. George rất giỏi chuyện này. Anh ấy đích thân đến, bày tỏ sự cảm ơn chân thành với họ. Tiếng cảm ơn lẫn nhau vang râm ran khắp nơi. Nước Mỹ đã quay lại với công việc SIGINT.

Tôi cũng muốn cảm ơn George rất nhiều. Tôi luôn miêu tả những người cấp trên trực tiếp của mình như bộ phát tín hiệu, bộ khuếch đại hay bộ đệm khi họ phải chịu áp lực từ cơ quan. George là một bộ đệm. Anh ấy cũng đã điều máy bay bay qua cơn bão tuyết hồi đầu tuần để mang tới một số thiết bị cần thiết. Chúng tôi gặp khó khăn khi lái xe đến sân bay, vậy mà

người của anh ấy đã bay xuyên qua cơn bão. Tôi gặp họ sau đó, họ xứng đáng là những người kế tục sự nghiệp của Air America, lực lượng không quân thời Chiến tranh Việt Nam đầy ngổ ngáo của CIA.

Ngày hôm sau, thứ Bảy, hoạt động thông tin SIGINT toàn cầu của Mỹ vận hành thông qua cơ chế *backlog* (giải quyết những phần tồn đọng). Không có vùng bao phủ nào bị mất cả; tất cả đều được lưu vào bộ đệm tại điểm thu. Hãy tưởng tượng dung lượng lưu trữ máy tính cần phải có ở các điểm thu thập dữ liệu nếu chúng tôi thực sự “rút sạch” mọi thứ ngoài kia, như một số người cáo buộc. Chẳng ai phát hiện ra điểm mâu thuẫn cố hữu này.

Tuyết vẫn dày chừng hai *feet* trên mặt đất, vậy nên tôi quyết định nghỉ ngơi bằng hoạt động trượt tuyết băng đồng trên sân golf 36 hố của Fort Meade với vợ tôi. Trời nhá nhem, lúc chúng tôi đang trượt gần một trong những con đường của trạm, một chiếc xe tuần tra của NSA bắt đầu bám theo chúng tôi, rồi vọt lên phía trước và dừng lại. Một sĩ quan leo ra khỏi buồng lái, nhìn tôi và nói: “Ngài Giám đốc phải không? Tôi cần đưa ngài về trung tâm điều hành”.

Từ hồi khoảng 13 tuổi đến nay, tôi chưa từng bị một chiếc xe tuần tra nào bám theo. Tôi ném bộ đồ trượt tuyết của mình lên thùng xe và để Jeanine tự trượt tuyết về.

John McWethy của hãng tin *ABC News* đã có bài tường thuật về vụ mạng máy tính của chúng tôi. Thời gian giữ bí mật thật ngắn ngủi. Anh ấy đang định đưa tiếp bài tường thuật vào tối hôm đó và muốn nói chuyện với chúng tôi.

Với sự cho phép miễn cưỡng của Tenet, tôi khẳng định rằng chúng tôi đã bị sập mạng trong 72 tiếng đồng hồ, nhưng giờ đây đã khôi phục được và hệ thống đang hoạt động bình thường.

McWethy hoài nghi: “Nghe thì hay đấy, nhưng làm sao tôi biết có đúng vậy hay không?”

“Có đời nào tôi chịu nghe điện thoại của anh nếu hệ thống chưa ổn, hay nếu chúng tôi chưa khôi phục được?”

“Hay đấy”.

Tôi xem bài tường thuật vào tối hôm đó trong mục bản tin tối.

Vụ sập mạng này đã giúp tôi hiểu rõ hơn về những gì đợi mình phía trước. Tôi đã quá cẩn trọng. NSA là một báu vật quốc gia và nhiệm vụ đầu tiên của tôi là không để tài sản bị phương hại. Giờ đây tôi có thể thấy rõ rằng, không một lối hành động nào mà tôi có thể áp dụng với cơ quan này nguy hiểm hơn việc khoanh tay đứng nhìn.

Giá như biết được những gì đang đợi mình - và nước Mỹ - trong một năm rưỡi tới, có thể tôi sẽ còn mạnh dạn hành động hơn nữa.

Nhưng bài học đến với tôi còn có hàm ý rộng hơn nữa. Thận trọng không phải lúc nào cũng là đức tính tốt. Càng không phải nếu ta thực sự quyết tâm thực hiện bốn phận công việc của mình.

Chương II

MỘT BÁU VẬT QUỐC GIA... ĐƯỢC THÊM BAO LÂU NỮA?

Fort Meade, Maryland, 2001-2005

Tôi từng có lần miêu tả NSA như “một con tàu lớn với một bánh lái nhỏ”. Giờ có thể tôi còn bổ sung thêm: “Với một thuyền trưởng tạm thời và một hoa tiêu tạm thời”.

Tôi chưa bao giờ tiên liệu cho việc trở thành Giám đốc của Cơ quan An ninh quốc gia (DIRNSA). Năm 1998 tôi ở Hàn Quốc, làm tham mưu phó các lực lượng Mỹ và Liên hợp quốc ở đó theo lệnh chỉ huy từ Cục Tình báo không quân (AIA) ở Texas. Vị trí công tác ở Hàn Quốc không phải là một công việc tình báo. Ở cương vị tham mưu phó, tôi có nhiệm vụ bảo đảm mọi việc suôn sẻ với Chỉ huy Mỹ ở Seoul, giữ liên lạc thông suốt với đồng minh Hàn Quốc, cũng như vai trò của tôi tại Liên hợp quốc là thương lượng với người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên tại làng đình chiến Panmunjom (Bàn Môn Điểm).

Bước ngoặt đột ngột của cuộc đời tôi bắt đầu vào một sáng mùa Thu rạng rỡ ở Seoul khi tôi đang thư giãn trong phòng tắm thì vợ tôi nói rằng Mike Ryan, tham mưu trưởng không quân, đang chờ nói chuyện điện thoại.

“Mikey này”, ông ấy mở lời, dùng cách xưng hô mà ông ấy bắt đầu áp dụng với tôi một vài năm trước khi tôi phụ trách

hoạt động tình báo Mỹ ở châu Âu, còn ông ấy đang điều hành hoạt động không chiến trên bầu trời vùng Balkan.

“Mikey này, chúng tôi đang định bổ nhiệm anh làm giám đốc NSA. Giờ thì anh chưa vào vị trí đó ngay, nhưng chúng tôi sẽ bố trí để anh về nước, làm loanh quanh một số vị trí, cho đến khi trở thành người thích hợp khi vị trí giám đốc DIA [Cục Quân báo] trống người vào mùa Hè năm tới. Đó là vị trí chúng tôi đang nhắm tới”.

Không hẳn là một kiểu bỏ phiếu tín nhiệm, nhưng ít nhất vị tham mưu trưởng này cũng quan tâm đến sự nghiệp của tôi và thế là đủ để tôi làm một chuyến về nước. Thực ra đó là một cuộc dịch chuyển lòng vòng. Tôi bay đến Hawaii trình diện ủy ban đề bạt, tiếp tục đến Washington D.C. để phỏng vấn công việc, rồi lại tiếp tục đến Geneva với tư cách là đại diện của Bộ Tư lệnh Mỹ tại Hàn Quốc tham gia cuộc đàm phán bốn bên giữa Trung Quốc, Mỹ và hai phía Triều Tiên trước khi quay trở lại Seoul.

Tôi chỉ tham gia một cuộc phỏng vấn cho vị trí Giám đốc NSA. Đó là với George Tenet tại Trang trại sông Wye, phía Bờ Đông tiểu bang Maryland khi Tenet đang phải chạy hối hả như con thoi qua lại giữa Yasser Arafat và Bibi [Benjamin] Netanyahu trong nỗ lực môi giới một thỏa thuận hòa bình ở Trung Đông.

Tôi được đón từ nơi đang ở là Căn cứ Không quân Bolling, leo lên khu ghế sau của một trong những chiếc Chevrolet Suburban màu đen to lớn mà dường như xuất hiện trong phần lớn các bộ phim trinh thám. Chúng tôi băng qua cầu Vịnh Chesapeake và chỉ đội an ninh thả tôi xuống một trong những khu nhà nghỉ dự phòng của Trang trại sông Wye, nơi tôi đội DCI [Giám đốc Tình báo Trung ương] và tranh thủ lấy lại sức sau chuyến đi xa.

George xuất hiện khoảng một tiếng đồng hồ sau đó, tràn đầy năng lượng, dường như rất hào hứng nói về chuyện gì đó

khác ngoài Ixraen và Palestin. Trước đây tôi chưa từng gặp anh ấy, nhưng cuộc trò chuyện diễn ra rất thoải mái. Chúng tôi nói về hoạt động tình báo nói chung và vài điều về NSA nói riêng; vì chưa từng làm việc gì ở đó, tôi phải dựa nhiều vào những gì học được tại bộ phận không quân của NSA là Cục Tình báo không quân (AIA), là bộ phận tôi từng chỉ huy tại Texas những năm 1996-1997.

Khoảng một tháng sau, lúc này là ở Hàn Quốc, tôi nhận thấy rằng mình sắp trở thành giám đốc mới của NSA. Tôi băn khoăn mình có quá lấn át George hay không, nhưng cấp phó mới của anh ấy là Tướng không quân John Gordon, khi John và tôi từng phục vụ trong cùng bộ phận thuộc biên chế của Hội đồng An ninh quốc gia (NSA) thời chính quyền Tổng thống George. H.W. Bush. Những thứ như vậy vẫn thường xảy ra ở Washington.

Trước khi việc bổ nhiệm tôi được công bố chính thức, tôi cùng vợ có buổi đi xem phim tối thứ Sáu tại căn cứ lục quân Yongsan. Rạp đầy áp lính Mỹ đến xem bộ phim kinh dị được ưa chuộng mang tên *Kẻ thù của nước Mỹ* (Enemy of the State), trong đó nhân vật do Will Smith thủ vai đấu tranh chống lại một Cơ quan An ninh quốc gia chuyên chế và hiểm ác. Bộ phim chuyển sang tình tiết một nhân viên dân sự chuyên nghiệp của NSA đang khát khao vị trí phó giám đốc đã ra tay giết một thượng nghị sĩ Mỹ. Tôi co người lại trong ghế ngồi khi vợ tôi nói thâm vào tai: “Anh đã phải làm gì để có được công việc này?”

Tôi đọc tuyên thệ khi chính thức nhận công việc ở NSA vào cuối tháng 3 năm 1999. Một ngày sau lễ tuyên thệ, cơ quan mới bố trí cho tôi ngồi vào một chiếc ghế tựa, đính các thiết bị cảm ứng khắp người tôi, rồi hỏi một loạt những câu hỏi về độ đáng tin cậy của tôi. Tất cả những người ở NSA đều phải trải qua quá trình ghi lại mạch đập. Đó là cái giá của việc được nhận vào đây. Và nếu như một gã Snuffy nào đó phải làm việc

này, thì giám đốc mới cũng phải như vậy. Rõ ràng tôi đã qua được vòng này.

Tôi về cơ quan trong thời điểm đang diễn ra chiến dịch không kích của NATO ở Kosovo. Cơ quan đang thực hiện hỗ trợ trực tiếp và liên tục cho các hoạt động tác chiến, giống như những gì từng làm trong Chiến tranh vùng Vịnh tám năm trước. Không có gì đáng ngạc nhiên ở đó cả. NSA là một báu vật quốc gia. Kể từ ngày được Tổng thống Truman lập ra vào năm 1952, cơ quan này từng được giao nhiệm vụ đại loại như chặn thu các cuộc liên lạc có chứa thông tin giúp người Mỹ được tự do và an toàn, cũng như thúc đẩy những lợi ích an ninh quốc gia sống còn của nước Mỹ. Đó hầu hết là các cuộc liên lạc của các đối thủ, nhưng cũng có cuộc liên lạc của những người không nằm trong diện bảo vệ của Tu chính án thứ tư - Hiến pháp Mỹ (suy cho cùng thì Tu chính án này cũng không phải là một hiệp ước quốc tế), những người tình cờ nói về những chuyện mà chúng ta cần biết. Hãy thử tưởng tượng một nhân viên đại lý lữ hành tình cờ tiết lộ kế hoạch đi lại của một đối tượng khủng bố hay một tay buôn lậu vũ khí.

Đơn vị tương nhiệm thân cận nhất của NSA là Sở Chỉ huy Thông tin chính phủ (Government Communications Headquarters - GCHQ) của Anh, cơ quan có quy mô chỉ bằng 1/5 so với NSA.

Dù vậy, đến năm 1999, NSA gặp một vấn đề, như chúng ta đã thấy. Vấn đề nảy sinh trong một kỷ nguyên mà ở đó cơ quan này phải là người đi tiên phong, hướng tới một loạt những tiến bộ về điện toán và viễn thông. Nhưng thế giới bên ngoài đã vượt mặt NSA trong nhiều lĩnh vực. John Mills, người phụ trách đội ngũ nhân sự Hạ viện chuyên trách giám sát NSA, bình luận rằng “công nghệ từng là người bạn của NSA, nhưng trong bốn hoặc năm năm trở lại đây công nghệ đã chuyển từ bạn sang thù”. Những tập quán văn hóa được hình thành

trong một thế giới mà điều đáng ngại với hoạt động thông tin SIGINT nằm ở chỗ có quá ít thứ, cũng như quá khó, để thu thập nay đã trở nên phản tác dụng trong một thế giới mà điều đáng ngại chính là có quá nhiều thứ cần phải nắm bắt và quá khó để nắm bắt. NSA bị ám ảnh với yêu cầu bảo mật là đúng, những cánh cổng và bức tường cao giúp bảo đảm an ninh trong thế kỷ XX đã ngăn trở NSA tiếp cận với sự đổi mới khi bước vào thiên niên kỷ mới.

Rồi đến vấn đề vị trí giám đốc, người được một quan chức dân sự cấp cao* (đồng thời cũng là một người bạn) miêu tả như một “sự giúp đỡ Giáng sinh”. Ngay cả trong hoàn cảnh công khai, không có gì là bất thường khi các nhà lãnh đạo NSA gọi nhân vật ngự tại căn phòng tầng tám là “giám đốc *hiện thời*”. Thật không dễ dàng gì để một sĩ quan quân sự chuyên nghiệp ngồi vào vị trí chỉ huy một đám công chức dân sự, những người biết rằng họ đúng và mọi người khác đều sai, cũng là những người hoàn toàn có khả năng và rất dày dặn kinh nghiệm trong việc chờ cho sự thay đổi mà họ phản đối đi qua. Cách miêu tả đó không phải áp dụng cho mọi trường hợp, nhưng đã áp dụng cho rất nhiều trường hợp.

Cựu giám đốc Bobby Ray Inman là một nhân vật được nể trọng tại NSA. (Tôi đã có lần so sánh địa vị của ông ấy khi nghỉ công tác với địa vị tôn kính ngoài đời thường dành cho Randolph Scott trong phim *Cánh sát trưởng da đen* (Blazing Saddles) của đạo diễn Mel Brooks). Ngay từ đầu tôi đã làm một chuyến hành hương đến Austin để xin lời khuyên của Inman.

* Cộng đồng tình báo Mỹ có một mô rối rắm những từ rút gọn gần như không thể hiểu được để miêu tả những công chức dân sự có cấp bậc ngang hàng với cấp tướng trong các lực lượng vũ trang như: SIS, SES, DISES, DISL. Tất cả những vị trí này được gọi chung là quan chức cấp cao (senior).

Ông ấy cảnh báo tôi về thế cô lập của văn phòng giám đốc trên tầng tám. “Họ muốn đặt anh lên một chiếc ghế kiệu, kiệu anh đi vòng quanh như kiệu Pharaoh vậy, rồi đẩy anh ra càng xa những quyết định càng tốt”.

Đó còn là nơi tắm tối nữa. Thay vì gọi tên một bộ phận, chẳng hạn như Ban Thu thập thông tin Balkan, đơn vị đó lại được gán một mã hiệu định danh chữ - số gần như không thể hiểu được. Các nhân viên NSA thường trả lời điện thoại bằng bốn chữ số cuối của số văn phòng: “3685 đây. Tôi có thể giúp gì?” Đó là cơ chế an ninh tác chiến rất tốt, nhưng lại khiến nơi này trở nên khó hiểu, ngay cả với người trong cơ quan. Sau này một nhân viên có tâm sự rằng thấy tôi đã cố gắng thấu hiểu đội ngũ làm việc nơi đây giống như cơ quan cố gắng tìm hiểu một mục tiêu vậy. Tôi đã dành một trong những ngày thứ Bảy của mình chỉ để đi qua lại khắp các phòng họp trống người, cố giải đoán những ký hiệu và vị trí văn phòng.

Và cơ quan này có một văn hóa vô cùng bất định. Một nhân viên kỳ cựu ở đây đã so sánh quan điểm phổ biến nơi đây với quan điểm của Tevye trong phim *Người chơi vĩ cầm trên mái nhà* (Fiddler on the Roof): “Truyền thống!” Đối diện với xu hướng thay đổi và thách thức chưa từng có, truyền thống mang lại cảm giác thoải mái, truyền thống mang lại cảm giác ổn định.

Nhưng giới quan sát bên ngoài lại cho rằng NSA là một nền tảng đang cháy rụi. Một nhóm có tên gọi SSCI TAG (Nhóm Cố vấn kỹ thuật của Ủy ban đặc biệt Tình báo Thượng viện) gồm các chuyên gia hàng đầu về công nghệ cao đã đưa ra cảnh báo rằng chỉ khoảng mười năm tiến bộ công nghệ toàn cầu đã đưa cơ quan này thoát khỏi tình trạng “điếc hoạt động”, trong khi kim đồng hồ vẫn đang chạy.

Đối với một cơ quan tình báo tin hiệu, chúng ta có những hệ thống công nghệ thông tin lỗi thời một cách đáng ngạc nhiên,

về cả hệ thống phục vụ chúng ta lẫn hệ thống nhắm vào đối thủ. Ngay khi vừa đến nơi tôi đã hỏi: “Làm thế nào để tôi gửi một email cho mọi người?”

Câu trả lời là “Ồ, thực ra thì chúng ta không thể làm việc đó”.

“Nhưng chẳng phải chúng ta phát minh ra cái máy tính ở đây hay sao?”

Về mặt nhiệm vụ mà nói, theo một ước tính, 70 phần trăm đến 80 phần trăm lượng báo cáo vẫn được lấy từ các bản chặn thu tiếng truyền thống. Nhưng ngay cả ở đây chúng ta vẫn không bắt kịp xu hướng. Al Qaeda và các mục tiêu khác đang chuyển sang sử dụng một hình thức liên lạc vệ tinh mới. Săn đuổi tín hiệu đòi hỏi một cuộc đầu tư hạ tầng mà NSA từ chối thực hiện, nên CIA đã làm việc đó để phục vụ riêng cho công việc của họ. Khi cơ quan đó báo cáo vấn đề với tôi về chương trình của họ, tôi có hỏi: “NSA đã gây tội lỗi tày đình gì mà khiến các vị phải phát triển riêng cho mình hệ thống thông tin SIGINT vậy?”

Và điều này xảy ra trong một thế giới mà các hình thức liên lạc số - email và những thứ tương tự - cũng đang phát triển bùng nổ. NSA chủ yếu chỉ bám theo các dữ liệu phi tiếng nói khi dữ liệu được mã hóa (gợi ý về tầm quan trọng của dữ liệu) và ngay cả trong trường hợp đó thì dữ liệu fax và telex vẫn hơn là email.

Trước giai đoạn này, email nói chung là hình thức liên lạc hạn chế, tinh xảo và theo cơ chế điểm nối điểm, được chuyển đến một chương trình được cài đặt trong máy tính của bạn. Nếu không có phần mềm thích hợp, bạn không thể đọc, cũng không thể gửi một tin nhắn. Chúng ta giờ đây đang ở thời kỳ đỉnh điểm của các hệ thống email đi theo website, hứa hẹn mang tới sự tiện lợi hơn nhiều và do đó khối lượng giao tiếp cũng lớn hơn rất nhiều. Chơi đùa với các email điểm nối điểm cũ khiến chúng tôi bị bỏ xa mục tiêu của mình.

Cố gắng thoát khỏi sự chuyên chế về chuyên môn (còn được gọi là cơ cấu tổ chức hiện hành), tôi đã xin ý kiến của một nhóm chuyên gia bên ngoài và một nhóm người trẻ tuổi gốc Thổ Nhĩ Kỳ trong cơ quan. Họ cho tôi rất nhiều khuyến nghị và ý kiến nhận xét, đích đáng nhất trong số đó là nhận định rằng cơ quan này không hoàn toàn là sự tổng hòa của các bộ phận cấu thành (họ nhấn mạnh rằng nhiều bộ phận thực sự hoạt động rất hiệu quả).

Nhóm chuyên gia bên ngoài đã phải phá lệ để tỏ ra rộng lượng, bình luận về những năng lực đẳng cấp thế giới của NSA, vai trò xung yếu, khả năng ứng phó trước khủng hoảng và tinh thần tận tụy hết mình của NSA với thể chế và người dân. Sau đó nhóm này liệt kê theo mục những hệ thống yếu kém trong lĩnh vực liên lạc, ra quyết định, quản lý tài chính và nhân sự, xây dựng yêu cầu và quy trình làm việc. Họ tiên đoán về tình trạng lạc hậu công nghệ nhanh chóng, sản phẩm của một văn hóa hướng nội và một đội ngũ lãnh đạo mà ở đó nhiều người (kể cả một số người trong đội ngũ lãnh đạo) cho rằng chưa đủ khả năng ứng phó với thách thức trên.

Nhóm nội bộ, hay còn gọi là Nhóm New Enterprise, có ý kiến không kém phần gay gắt. Họ khởi đầu báo cáo của mình bằng một đoạn trích dẫn lời của Darwin về mối quan hệ giữa khả năng thích ứng và khả năng sống còn. Sau đó họ chỉ trích kịch liệt thể chế hoạt động và ban lãnh đạo cơ quan này, nói rằng khách hàng của NSA đã bắt đầu tách riêng các sản phẩm và dịch vụ của NSA (những thứ mà họ vẫn đánh giá cao) với thể chế của NSA, thứ mà giờ đây họ nhìn nhận như một mối đe dọa tới ích lợi liên tục của những sản phẩm và dịch vụ này. Theo họ, đội ngũ nhân sự NSA đang phải cõng cơ quan này trên lưng trong cả thập kỷ nay rồi.

Họ đồng ý rằng chúng tôi thiếu năng lực lãnh đạo, một kế hoạch chiến lược, một quy trình ra quyết định và khả năng

quản lý nguồn lực. Thứ mà chúng tôi có, như họ chỉ ra, là rất nhiều ủy ban. Một trong những “liệu pháp nhanh” mà họ đề xuất là giải tán tất cả các nhóm công tác và ủy ban ở nơi mà chỉ cần một cá nhân cũng có thể ra các quyết định. Tôi đã dùng lệnh giải tán tất cả chúng và buộc chủ tịch các ủy ban này làm đơn kiến nghị khôi phục lại bộ phận của mình nếu họ vẫn cho rằng bộ phận đó là cần thiết. Khi mọi việc xong xuôi, chúng tôi đã cắt giảm được một phần ba trong tổng số đáng kinh ngạc là hơn 450 *bộ phận công tác nội bộ*.

Tiếp đến là công việc tổ chức lại là điều không thể tránh được, suy cho cùng thì đó là điều các cơ quan chính phủ vẫn thường làm. Với những quy định hạn chế nhiều khế đối với ngân sách và nhân sự, thực sự là không có nhiều công cụ khác mà ta có thể lựa chọn.

Tôi đã cố đơn giản hóa mọi thứ trên biểu đồ tổ chức, xác định hai khung hoạt động lớn, một cho hoạt động tấn công (SID - Ban Tình báo tín hiệu) và một cho hoạt động phòng thủ (IAD - Ban Bảo đảm thông tin). Chúng tôi đã kéo những chức năng thi hành - những thứ đại loại như nghiên cứu, công nghệ thông tin, đào tạo, hậu cần, nhân lực - ra khỏi các đơn vị vận hành và chuyển chúng vào các báo cáo trực tiếp dưới quyền giám sát của tôi. Dát mỏng tổ chức theo cách đó giúp tôi kiểm soát được phạm vi rất rộng, đồng thời cũng giúp tôi trực tiếp sử dụng những hoạt động hỗ trợ có phạm vi toàn cơ quan này làm công cụ để tiến hành thay đổi.

Một bộ phận có ý nghĩa quan trọng ở cấp của tôi là Ban Đối ngoại (FAD). Chúng ta có nhiều đối tác, nhưng mối quan hệ với đa phần trong số họ được quản lý ở cấp điều hành tương đối thấp và những quyết định về chúng chủ yếu dựa vào việc liệu bộ phận bị ảnh hưởng của NSA có cảm thấy chúng cần được củng cố theo từng thời điểm hay không. Tôi muốn các mối quan hệ này phải dựa vào những suy xét chiến lược, chứ không chỉ

dựa vào việc ai có thể hay không thể kiểm soát được các mục tiêu, ngôn ngữ hay tần số phát thanh khác nhau.

Toàn bộ việc tái tổ chức này đã mang đến kết quả, nhưng điểm cộng thực sự là cơ hội đặt những nhà lãnh đạo mới vào một loạt những vị trí mới được tạo ra. Chúng tôi đã làm đảo lộn sâu sắc đội ngũ nhân sự, đánh cược rằng phần lớn những “tân binh” đầy hứa hẹn này sẽ học được cách tạo sự thay đổi đột biến nhanh nhất có thể. Và họ đã làm được như thế.

Chúng tôi đã thể chế hóa cách tiếp cận đó, lập ra một bộ phận nhân sự cấp cao chỉ có một người ở cách văn phòng tôi một dãy phòng họp. Các công chức liên bang chỉ chuyên tâm với việc xử lý các vụ đề bạt và giao nhiệm vụ, ủy ban phụ trách ủy ban quyết định ai sẽ được đề bạt, khi nào và vào công việc gì. Cơ chế đó được thiết kế để giảm thiểu việc thiên vị (và kiện tụng) và nâng cao sự ổn định. Chúng tôi không muốn có sự ổn định; chúng tôi muốn có sự xáo trộn, trong khi tôi là người có thiên hướng ủng hộ một số người nhiều hơn những người khác.

Chúng tôi đã lặng lẽ rút cả một thế hệ lãnh đạo khỏi vị trí công việc và “cắt đường nối nhiệm” đối với rất nhiều nhân vật được coi là người nối nhiệm đương nhiên. Đây là những người tốt. Họ không đáng phải gánh chịu điều này. Đôi lúc tôi nghĩ đến quan điểm nhấn tâm đã trở thành huyền thoại của Tướng Không quân Curtis LeMay khi đụng chạm đến những thiếu sót. Ông ấy từng nói: “Tôi không thể phân biệt được giữa kẻ thiếu may mắn và kẻ thiếu tay nghề, vì kết quả là giống nhau”. Tôi biết rằng những người này hoàn toàn “có nghề”, chỉ là thiếu may mắn mà thôi. Chính lòng kính trọng dành cho cơ quan này và những cá nhân này mà họ đã xử lý việc này rất lịch sự, dù cho lỗi duy nhất mà họ phạm phải là ở sai vị trí và sai thời điểm.

Lựa chọn mang tính xáo trộn nhất của tôi là vị trí phó giám đốc mới. Barbara McNamara đang giữ vị trí này khi tôi về cơ quan

và tiếp tục công việc đến tháng 6 năm 2000. Barbara là một nhân viên NSA chuyên nghiệp và yêu mến cơ quan bằng cả trái tim mình. Bà ấy vào cơ quan trong vai trò là một chuyên viên ngôn ngữ và cú pháp thăng tiến dần. Bà ấy cứng rắn và xốc vác trong công việc chẳng kém các đồng nghiệp nam. Chữ cái đầu tiên trong tên đệm của bà ấy là “A” và chữ ký bà ấy để lại trên vô vàn văn bản trong suốt nhiều năm qua khiến mọi người gọi bà ấy đơn giản là BAM.

Barbara bị đối xử tệ trong bài báo được đăng trên tạp chí *New Yorker* (Người New York) số tháng 11 năm 1999 của Seymour Hersh, nhân vật nổi tiếng nhờ đưa tin phơi bày vụ thảm sát Mỹ Lai và là người theo sát các vụ bê bối có thực cũng như tưởng tượng suốt từ hồi đó. Bài báo dài dằng dặc này là một bản phê bình vô cùng nghiêm khắc đối với vị trí công việc của NSA (khá chính xác), nhưng sau đó đã chỉ đích danh McNamara. Hersh đã dẫn lời một phụ tá của Ủy ban tình báo. “Hayden hiểu điều đó. Nhưng ông ta chỉ là người vừa mới nhảy dù vào cơ quan đó, để rồi phải đối mặt với một vị phó giám đốc mà công việc chính là phá hỏng bất kỳ điều gì vị giám đốc muốn làm”.

Không đúng, nhưng Barbara sẽ không bao giờ là tác nhân thay đổi tiên nhãn tâm; bà ấy đảm nhiệm công việc được ba năm và với tư cách là một người thân Anh triệt để thì bà ấy rất vui được kết thúc sự nghiệp của mình bằng việc đại diện cho chúng ta tại London để làm việc với đối tác Anh.

Không thiếu gì nhân tài trong hàng ngũ lãnh đạo cấp cao, nhưng chưa có lựa chọn rõ ràng cho vị trí phó giám đốc mới, mà không có ai trong số những người này có khả năng gần với “tay ném bom” mà tôi muốn. Vậy nên tôi đã sục sạo tìm trong hội cựu nhân viên xem có ai vừa mới rời đi và rời đi bằng thái độ giận dữ hay không. Tên của Bill Black nhanh chóng nổi lên.

Bill Black từng là trợ lý đặc biệt chuyên trách chiến tranh thông tin (xem Chương VIII) cho người tiền nhiệm của tôi và đã xin ra khỏi cơ quan ba năm trước. Kể từ khi vào làm việc tại NSA năm 1959, ông ấy đã có vai trò trung tâm trong nhiệm vụ truyền thống của cơ quan nhắm vào Khối Hiệp ước Vácsava, nhưng rồi ông ấy thấy nản lòng với tốc độ chuyển đổi chậm chạp hướng tới một kỷ nguyên mới. Ông ấy cũng là một đấu sĩ trong bộ máy quan chức; nếu ông ấy làm phó cho tôi, tôi biết ông ấy sẽ được tôi hậu thuẫn.

Tôi đã mời Bill dùng bữa trưa tại một nhà hàng Hàn Quốc không mấy đặc trưng phía ngoài cổng sau khu phức hợp Fort Meade. Bên món *bulgogi* và *kimchi*, chúng tôi nói về tình hình cơ quan và nghe quan điểm của ông ấy về những việc có thể làm với cơ quan. Ông ấy kiên quyết, nhưng đặc biệt không oán trách gì cơ quan. Cuộc nói chuyện diễn ra suôn sẻ. Trợ lý điều hành của tôi, người cũng ngồi cùng chúng tôi lúc đó, về sau có nói rằng tôi có vẻ mặt thoải mái nhất mà cô ấy từng thấy trong suốt bữa ăn.

Chúng tôi đã chọn nhà hàng Hàn Quốc bên ngoài căn cứ với ý muốn toàn bộ việc này diễn ra lặng lẽ. Nhưng NSA với tính chất là một nhóm xã hội được biết đến khắp miền đông Maryland, nên ngày hôm sau, Bill nhận được email từ một nhân viên đã nghỉ hưu ở California, hỏi về việc dùng bữa trưa với vị giám đốc diễn ra như thế nào.

Tôi đã chọn Bill, nhưng vẫn còn một câu hỏi cuối cùng. Tôi đã mời ông ấy đến trụ sở căn cứ của tôi để dùng bữa tối, chỉ có riêng hai chúng tôi vào Chủ nhật. Vợ tôi đang đi vắng, nên tôi đã chọn món rau củ nướng đơn giản thay cho món *couscous**.

* Couscous là một món ăn của vùng Bắc Phi, gồm bột mì nấu với thịt hay nước thịt (BT).

Tôi nói với Bill rằng tôi muốn ông ấy làm phó cho mình, nhưng còn một điều băn khoăn. Tôi biết rằng ông ấy có thể làm mọi thứ; ông ấy đã khét tiếng về sự tinh thông trong những lĩnh vực của sau. Tôi nói: “Nhưng Bill này, chúng ta phải thể chế hóa việc này. Việc này vẫn phải tiến triển trơn tru ngay cả khi tôi và ông không trực tiếp xuất đầu lộ diện”. Ông ấy đồng ý. Chúng tôi đã thỏa thuận được với nhau.

Bill là một lựa chọn tuyệt vời. Ông ấy đảm nhận vị trí công việc tôi mời được sáu năm và làm quyền giám đốc sau khi tôi rời khỏi cơ quan. Tôi phải hàm ơn ông ấy rất nhiều. Dẫu vậy, sau sự kiện 11/9, trong một khoảnh khắc riêng tư, tôi đã thú nhận rằng khi ấy đáng ra tôi phải cảm ơn ông ấy vì đã ở đó. Tôi nói: “Còn bây giờ, ông cần phải cảm ơn tôi”. Ông ấy không tranh luận. Tưởng chừng ông ấy có thể chết vì thất vọng nếu bị đứng ngoài cuộc sau vụ tấn công đó.

Để củng cố cuộc đại cải cách, chúng tôi đã thuê người từ bên ngoài để tạo ra các luồng trái chiều nhau trong văn hóa của chúng tôi. Chúng tôi xáo trộn một cách có chủ ý. Vào thời điểm đó tôi không nghĩ khu vực tư nhân có đủ năng lực chuyên môn để giao nhiệm vụ cho những người mới đến không thuộc biên chế cơ quan, nên đã không làm việc đó. Điều gần sát nhất với việc đó là quyết định vào năm 2000 khoán ngoài hệ thống công nghệ thông tin của chúng tôi cho một tập đoàn tư nhân trong chương trình Groundbreaker (kéo dài mười năm trị giá 2 tỷ USD của NSA).

Nhìn lại có thể thấy đáng ra tôi đã bỏ lỡ một cơ hội, vì giới công nghiệp Mỹ đang tạo ra bước đột phá mới trong thứ mà tiến tới sẽ được gọi là không gian ảo, trong khi càng tìm hiểu nhiều, tôi càng thấy các yếu tố song hành càng trở nên mạnh mẽ.

Nhưng sự thận trọng của tôi chắc chắn *không* áp dụng cho một loạt các nhiệm vụ hỗ trợ. Giám đốc Tài chính mới đến từ

Legg Mason, một công ty đầu tư ở Baltimore. Chúng tôi tuyển mộ tổng thanh tra mới thông qua một quảng cáo trên tờ *Wall Street Journal* (Nhật báo Phố Wall). Chúng tôi tạo ra chức vụ chuyên gia mua lại cấp cao và đưa vào vị trí đó một cựu phó trợ lý thư ký bộ trưởng hải quân với ba mươi lăm năm kinh nghiệm trong lĩnh vực mua lại. Giám đốc Thông tin đến từ Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) và NASA. Giám đốc pháp lý thì từng là trợ lý điều hành tại Quốc hội trong năm năm.

Chúng tôi thậm chí còn hướng ra bên ngoài để thực hiện hỗ trợ nhiệm vụ trực tiếp. Làm việc thông qua một thành viên của ban cố vấn từng giành được Giải thưởng Hàn lâm điện ảnh ở Hollywood, chúng tôi đã tuyển mộ được giám đốc nghiên cứu mới từ bộ phận nghiên cứu & phát triển của Walt Disney Imagineering.

Một thành viên ban cố vấn khác với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thông đã móc nối chúng tôi với một nhân vật bên ngoài sành sỏi về công nghệ và kinh doanh, người này đã trở thành giám đốc công nghệ thông tin của chúng tôi. Tôi đã phỏng vấn riêng anh ấy, không trống dong cò mở, rồi đơn giản giới thiệu anh ấy và nhiệm vụ của anh ấy với những nhân vật cấp cao đang cố gắng giải đoán vụ sập mạng công nghệ thông tin hồi tháng 01 năm 2000.

Việc này diễn ra chẳng dễ dàng gì. Chúng tôi buộc phải thay đổi, nhưng tôi thì không muốn gây chiến với cơ quan và chắc chắn tôi không nghĩ mình là kẻ được xúc dầu thánh để đến cơ quan như một Đấng Cứu thế.

Tôi nghĩ mình luôn sẵn sàng nghe lời khuyên, nhưng tôi phải tự mình quyết định. Những người thâm niên cao ở đây rất ngay thẳng và sâu sắc, nhưng trong một tổ chức nhiều bộ phận như NSA, hầu hết mọi người thường nhìn nhận các vấn đề theo thiên kiến của riêng mình chứ không phải là trường quan điểm

rộng hơn mà tôi có từ vị trí công việc của mình. Tôi đã phải rũ bỏ X của sự thụ động*, việc chờ đợi để xây dựng sự đồng thuận hoặc dung hòa mọi mối quan ngại sẽ là một sai lầm chết người.

Tôi phải thực sự thận trọng với lời lẽ của mình. Tôi mới đến NSA chưa đầy một năm; nhiều người từng ở đó (và không ở nơi nào khác) đến vài chục năm. Tôi luôn sử dụng ngôi thứ nhất số nhiều. “Chúng ta sẽ làm việc đó”, “Chúng ta sẽ thử việc đó”, chứ không bao giờ sử dụng ngôi thứ nhất số ít. Và không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ sử dụng ngôi thứ hai. Việc sử dụng chữ “you” (anh, chị, bạn ở ngôi thứ hai) trong giao tiếp hằng ngày có thể đào sâu thêm hố ngăn cách vốn luôn chực chờ mở thêm khoảng cách giữa tôi và đội ngũ nhân sự tài năng.

Bắt đầu vào tháng 11 năm 1999, tôi đã liên lạc định kỳ bằng một loạt các email của giám đốc mà chúng tôi gọi là DIRGRAM để thông tin và giải thích cho những thay đổi và tạo kênh mở tiếp nhận ý kiến nhận xét và phê bình theo chiều ngược lại. Cho đến thời điểm tôi rời khỏi NSA vào mùa Xuân năm 2005, tôi đã gửi hơn 400 email như thế. Việc này bảo đảm thông điệp được truyền đi ở dạng không sàng lọc và có thể giúp chúng tôi đẩy nhanh tiến độ công việc, nhưng với tư cách là một sĩ quan quân đội chuyên nghiệp, tôi biết rằng việc tôi làm là “nhảy cấp”, liên lạc thẳng với mọi cấp, gây ảnh hưởng đến thẩm quyền thực sự hay dụng ý của các cấp lãnh đạo xen giữa.

*

* *

Không phải tất cả mọi chuyện của chúng tôi đều là vấn đề nội bộ hay vấn đề tự gây ra. Chúng tôi cũng gặp phải vấn đề

* Chữ X trong trường hợp này là điểm yếu bộc lộ tối đa. Một cụm từ phổ thông trong cộng đồng tình báo là “Chúng ta phải rũ bỏ X tại đây”.

quan hệ công chúng đang đe dọa tương lai của mình. Ngay cả khi một số nghị sĩ Quốc hội và chuyên gia bên ngoài đang buộc tội chúng tôi thiếu khả năng hoạt động và đang có xu hướng rơi vào tình trạng điếc, thì một số nhân vật hoạt động tự do dân sự và giới hoạt động nghị trường châu Âu lại cáo buộc chúng tôi là tọc mạch, đánh cắp các bí mật công nghiệp và xâm phạm quyền riêng tư cá nhân. Từ thông dụng cho tất cả chuyện này là Echelon, với người châu Âu là mưu đồ của những Anglo-Xácxông đánh cắp thế mạnh kinh tế; với những tổ chức như Liên đoàn Tự do dân sự Mỹ (ACLU), thì “Chính phủ đang một lần nữa hướng hoạt động gián điệp vào những cuộc liên lạc riêng tư của người Mỹ”.

Chưa bao giờ được định nghĩa chính thức hay chính xác, khái niệm Echelon là một dạng “ông ba bị” vạn năng và thuận tiện với bất kỳ nhân vật chỉ trích nào muốn ý kiến của mình thu hút được sự chú ý. Những “người chuyên kêu ca” xuyên Đại Tây Dương này dường như đang hỗ trợ cho nhau dẫu rằng nội dung những lời kêu ca của họ không hoàn toàn giống nhau.

Những “người chuyên kêu ca” ở Mỹ quan trọng với chúng tôi hơn. Chúng tôi phải đối mặt trực diện với họ. Chúng tôi cần có nhiều tiền hơn, mà điều đó sẽ không có được nếu người dân Mỹ và đại biểu họ bầu ra không tín nhiệm chúng tôi ở một mức nhất định. Tín nhiệm là điều đặc biệt quan trọng, vì chúng tôi sẽ phải nói với những người giám sát mình rằng những tín hiệu mà chúng tôi đang săn đuổi không chỉ giới hạn trong mạng lưới mục tiêu biệt lập, mà ở nhiều mạng lưới quốc tế hòa lẫn với những cuộc liên lạc thông tin bình thường khác, kể cả những cuộc liên lạc của người Mỹ.

Còn những người châu Âu, họ là những kẻ gây phiền toái, lúc nào cũng cho mình đúng. Tôi đã từ chối gặp họ. Họ dành nhiều thời gian để nghiên cứu về chúng ta hơn là các hệ thống an ninh của chính họ, trên thực tế một vài trong số đó cũng tiến hành

hoạt động gián điệp kinh tế. Và lý do khiến họ nghiên cứu chúng ta là hoạt động gián điệp của Mỹ minh bạch hơn nhiều so với hoạt động gián điệp của châu Âu. Giống như việc tìm chìa khóa xe của bạn bên dưới chiếc cột đèn. Tôi cho là chúng ta đã có một chút coi thường. Giờ đây nhìn lại, điều đó có vẻ vẫn khá đúng.

Chúng tôi đã thuyết phục Porter Goss, Chủ tịch Ủy ban Tình báo Hạ viện, mở một buổi điều trần công khai về toàn bộ việc này. Tháng 4 năm 2000, George Tenet và tôi đã làm chứng trước buổi điều trần, cùng với cả Nghị sĩ Bob Barr, một đảng viên Cộng hòa của tiểu bang Georgia tận tụy hết mình với các quyền tự do dân sự.

Trước một dãy hành lang chật kín người, trong suốt hai tiếng đồng hồ, cả George và tôi đều thoải mái thừa nhận rằng chúng tôi đang thu thập thông tin về các hoạt động làm ăn ở nước ngoài khi thông tin liên quan đến những thứ như bán vũ khí, mua bán hóa chất, rửa tiền và buôn lậu ma túy. Nhưng chúng tôi kiên quyết phủ nhận việc NSA hướng hoạt động gián điệp vào các công ty châu Âu để thu thập các bí mật công nghiệp và bán lại cho các công ty Mỹ.

Tôi đã nói về những thách thức mà NSA phải đối mặt do khối lượng và sự đa dạng của các hình thức liên lạc thông tin hiện đại. Tiên đoán về những thách thức thuộc không gian mạng khi đó đang bắt đầu bùng nổ, tôi nói: “Khả năng thu thập của chúng tôi có thể đã tăng lên, nhưng tăng với mức độ chậm hơn và ở quy mô nhỏ hơn nhiều so với những con số 1 và con số 0 ngoài kia”.

Về quyền riêng tư của người Mỹ, tôi nhấn mạnh chúng tôi hoạt động đúng luật và nhận định rằng nếu Osama bin Laden vượt qua cây cầu bắc qua thác Niagara từ Ontario đến New York, thì các điều khoản của luật pháp Mỹ sẽ nhảy vào cuộc, mang đến cho hắn một cơ chế bảo vệ, và gây ảnh hưởng đến cách chúng ta khống chế hắn. Vào thời điểm nói điều này,

đây hoàn toàn là một ý kiến giả định. Mười bảy tháng sau, nó là vấn đề sinh tử.

*

* *

Ngay cả khi thành công trong việc xây dựng một mức độ tín nhiệm công chúng nhất định và moi thêm được vài đôla từ Quốc hội, chúng tôi vẫn phải đối mặt với thách thức kỹ thuật của những tín hiệu vốn đang trở nên ngày một phức tạp, ngày một nhiều và ngày càng được mã hóa. Giải quyết bài toán đó như thế nào đây?

Câu trả lời của chúng tôi là Trailblazer. Nỗ lực bị đả kích nhiều này (không hoàn toàn là bất công) là một quỹ đầu tư mạo hiểm hơn là một chương trình đơn thuần, với việc chúng tôi đầu tư vào một loạt những sáng kiến khác nhau liên quan đến cả một loạt những nhu cầu. Điều chúng tôi muốn là một cấu trúc phổ biến ở toàn bộ các bộ phận thực hiện sứ mệnh của mình là có khả năng tương tác và mở rộng. Nó liên quan đến việc thu bắt các tín hiệu, xác định và phân loại chúng, lưu trữ những thứ quan trọng, rồi sau đó tìm kiếm nhanh chóng dữ liệu khi có yêu cầu cung cấp.

Và tất cả những việc này phải được thực hiện với tốc độ và khối lượng chưa ai từng thấy trước đây. Một nhân vật vô cùng lão luyện và nổi tiếng trong ngành công nghệ thông tin đã đến gặp tôi tại văn phòng vào một tối nọ và khi chúng tôi giải thích thách thức về khối lượng, ông ấy từ từ thở một hơi thật mạnh trước khi nhận xét rằng thứ chúng tôi đang bàn đến lớn hơn bất cứ thứ gì ông ấy từng gặp phải.

Bất chấp ý kiến thận trọng của ông ấy, chúng tôi vẫn cho rằng điều quan trọng là phải lôi kéo giới công nghiệp vào việc này, dẫn cho việc này buộc giới công nghiệp phải căng mình

chạy theo những thách thức công nghệ và nhấn mạnh đến khả năng của chúng tôi trong việc quản lý một hợp đồng có nhiều hạng mục phải giao bên ngoài phạm vi của việc đơn thuần là lập dự toán về thời gian và vật chất cần sử dụng.

Vấn đề chương trình của chúng tôi có cách phát triển công việc hợp lôgic trong đầu: bắt đầu bằng giai đoạn định nghĩa khái niệm, rồi chuyển đến nên tảng thuyết minh công nghệ để thể hiện một vài khả năng bước đầu rồi đến nhận định và giảm thiểu rủi ro công nghệ. Sau đó sẽ là sản xuất hạn chế và triển khai theo từng giai đoạn.

Việc này trên giấy tờ có vẻ rất hay và chẳng ai mảy may nghi ngờ việc chúng tôi có được nhiều điều từ nỗ lực này, chứ không đơn thuần chỉ là những sản phẩm ăn theo như Velcro và Tang trong chương trình không gian của NASA. Những tiến bộ của Trailblazer được lồng ghép vào các hệ thống thực hiện sứ mệnh của chúng tôi và chúng vẫn còn đóng góp nhiều cho đến tận ngày nay.

Nhưng cũng chẳng có ai nghi ngờ các kết quả tổng thể là rất đáng thất vọng và mất nhiều thời gian hơn so với những gì chúng tôi mong muốn. Chúng tôi nhận thấy rằng khi hướng tới giới công nghiệp để nhờ họ làm những việc họ đã biết cách làm, chúng tôi nhận được những kết quả ấn tượng. Khi nhờ họ làm những việc chưa ai từng làm, chúng tôi nhận thấy trong trường hợp tốt nhất họ cũng không làm tốt hơn hay nhanh hơn chúng tôi. Và điều đó cũng áp dụng ngay cả với một đội hình gồm toàn những gã khổng lồ công nghiệp quốc phòng như SAIC, Boeing, CSC, AT&T và Booz Allen Hamilton.

Chúng tôi cũng đang cố gắng làm nhiều, làm nhanh. Trailblazer bao gồm nhiều cuộc phóng tên lửa lên mặt trăng. Vậy là các chương trình của chúng tôi rất cuộc giống với nhiều chương trình công nghệ thông tin liên bang lớn - như Virtual Case File (Hồ sơ vụ án ảo) của Cục Điều tra Liên bang (FBI) và

Navy Marine Corps Intranet (Mạng nội bộ của Thủy quân lục chiến thuộc Hải quân). Chúng tôi đã có thể nhận được sự tham mưu tốt hơn khi lựa chọn những chiến lược thích hợp và tăng dần mức độ công việc, dựa vào mô hình phát triển hình xoắn ốc để cuối cùng đưa chúng tôi đến nơi mong muốn.

Chúng tôi cũng phải giải quyết vấn đề chiến tranh du kích. Có một nhóm kỹ sư công nghệ tài năng trong nội bộ cơ quan đã phát triển một công cụ mang tên Thin Thread để thu thập và phân loại kho siêu dữ liệu (những chi tiết của một cuộc liên lạc như số gọi đi, số gọi đến, thời điểm, độ dài và những thứ tương tự) và sau đó chỉ cho các chuyên gia phân tích hướng tới những mạch giàu chất lượng thông tin SIGINT nằm trong một núi thông tin.

Thin Thread không phải là chương trình ghi lại thông tin khi tôi về cơ quan. Tôi cũng không biến nó thành chương trình ghi lại thông tin trong thời gian làm việc ở đó. Và người kế nhiệm tôi cũng vậy. Đương nhiên tất cả chúng tôi đều có thể sai, nhưng chúng tôi có lý do của mình.

Công nghệ Thin Thread bao gồm các email, mà điều này rất tốt, khi khối lượng email toàn cầu đang trên đà bùng nổ. Nó có một bộ xử lý theo gói rất tốt và điều này có nghĩa là có thể tập hợp các gói dữ liệu riêng có chứa tin nhắn qua email với nhau. Nó còn có cơ chế “tái lập phiên làm việc” (session reconstruction), cho phép đặt những cuộc liên lạc trở lại với nhau từ các gói dữ liệu riêng rẽ.

Khía cạnh thứ ba của Thin Thread là phần mềm dò tìm phương tiện lưu thông có ý nghĩa thông qua kho siêu dữ liệu của một luồng thông tin liên lạc đồ sộ (email hoặc giọng nói). Bằng việc nghiên cứu phương thức, tần suất và độ dài các cuộc gọi, hệ thống này dự kiến sẽ nhắm tới những cuộc liên lạc có *nội dung* cần phải nghiên cứu. Đương nhiên, mọi luồng dữ liệu đều khác nhau, vậy nên hệ thống phải được cài đặt trong phạm vi

luồng dữ liệu cụ thể để nhặt ra những thứ có giá trị từ những thông tin liên lạc thông thường khác.

Chúng tôi muốn áp dụng thử nghiệm thứ này và triển khai một mẫu thử đến Yakima, một trạm thu thập vệ tinh nước ngoài (FORNSAT) ở miền Trung tiểu bang Washington. Cài đặt cho hệ thống nhắm tới mục tiêu duy nhất (trong số khoảng hàng ngàn mục tiêu) mất đến vài tháng, để rồi thứ này chẳng làm tốt hơn là mấy so với những gì một con người có thể làm. Có quá nhiều xác thực sai, chỉ ra thứ có giá trị tình báo nhưng thực tế lại không phải như vậy. Nó cũng đòi hỏi quá nhiều sự can thiệp của con người.

Ở khu vực trạm FORNSAT, Yakima cũng đang xử lý một luồng dữ liệu mà không nơi nào đáp ứng được luồng lưu thông dữ liệu cấp hiện thời. Quy tắc kinh nghiệm hay cho tốc độ FORNSAT là khoảng 150 megabit/giây. Chặn thu vi sóng thì phải trên 600. Chúng tôi dự liệu cấp, thứ mà hầu hết lượng lưu thông dữ liệu đi qua, có nhiều thớ sợi, mỗi thớ sợi truyền tải tối thiểu 10 gigabit/giây, mỗi thớ sợi có tốc độ gấp 70 lần tốc độ FORNSAT. Ngay cả nếu Thín Thread thể hiện được tốt hơn đi chẳng nữa, thì những yêu cầu về không gian và điện năng vận hành hệ thống vẫn khiến cho việc áp dụng công nghệ Thín Thread vào các luồng dữ liệu cấp khối lượng lớn trở nên tốn kém đến mức không thể thực hiện được.

Điều tóm lược chuẩn nhất từ những suy nghĩ kỹ thuật khả dĩ nhất của tôi là những khía cạnh của Thín Thread đều rất hay, chỉ là không thể triển khai rộng trên thực tế. NSA có nhiều nhược điểm, nhưng việc chối bỏ các giải pháp công nghệ thông minh thì không phải là một trong những nhược điểm đó. Cuối cùng, các thành phần của Thín Thread được đem kết hợp với các phần của Trailblazer để tạo ra những hệ thống mới phát huy hiệu quả khá tốt và được sử dụng trong nhiều năm.

Nhưng những người phát triển Thin Thread là Bill Binney, Kirk Wiebe và Ed Loomis lại mang quan điểm Đấng Cứu thế trong cách tiếp cận của mình và họ tìm được một đồng minh là Diane Roark, Ủy viên Ủy ban Tình báo Hạ viện (HPSCI), người chuyên trách giám sát hồ sơ hoạt động của NSA. Sau này họ được sự góp sức của Tom Drake, một nhân vật thuê ngoài có thâm niên cao vào cơ quan gần như cùng thời điểm với sự kiện tòa tháp đôi sụp đổ.

Việc liên minh với Ủy viên HPSCI Roark đã tạo ra một số động lực khác thường. Thực chất vấn đề mà tôi gặp phải là một số kỹ thuật viên của cơ quan vượt khỏi hệ thống chỉ huy để tích cực vận động hành lang một ủy viên thuộc một ủy ban của Quốc hội nhằm đảo ngược những quyết định theo chương trình và ngân sách có tính chất bất lợi đối với họ trong nội bộ cơ quan. Việc đó trái ngược hoàn toàn với kinh nghiệm quân sự của tôi - nói vậy là còn nhẹ nhàng.

Vào tháng 4 năm 2000, tôi gửi một thông điệp đến toàn thể nhân sự cơ quan, trình bày những suy nghĩ của mình. Tôi cảm thấy giận dữ, đồng thời cũng thấy cần thận trọng. Tôi bắt đầu thông điệp: “Một số cá nhân, trong một phiên họp với những người giám sát ở Quốc hội, đã đặt mình vào thế chống đối trực tiếp chủ trương mà chúng ta đã cùng nhau nhất trí tuân theo. Việc này khiến Quốc hội có cái nhìn sai về đường lối và quyết tâm chung của cơ quan. Quyết định toàn thể được đưa ra sau rất nhiều hoạt động thu thập dữ liệu, phân tích, tranh luận và suy nghĩ. Những hành động trái với những quyết định chung của chúng ta sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với nỗ lực của chúng ta trong công cuộc cải tổ NSA và tôi không thể tha thứ cho những hành động đó”.

Sau khi xác nhận sự tham gia đầy đủ vào quy trình ra quyết định nội bộ của chúng tôi, tôi tiếp tục nói rằng “một khi

quyết định chung đã được đưa ra, tôi muốn mọi người thi hành quyết định bằng mọi khả năng có thể. Tôi không muốn mọi người miễn cưỡng tuân theo. Tôi muốn những vấn đề cần điều chỉnh về đường lối sẽ được giải quyết trong phạm vi những bức tường này”.

Sau đó tôi nhắc mọi người nhớ rằng “sự thẳng thắn và vô tư là yếu tố sống còn đối với sự thành công trong tương lai của chúng ta và tôi không muốn mọi người tiếp xúc với những người giám sát chúng ta ở Quốc hội bằng tinh thần nào khác ngoài sự trung thực. Hơn nữa, bất kỳ ai nghi ngờ rằng bất kỳ hoạt động nào tại NSA là vi phạm pháp luật, quy định hay đạo đức đều phải bảo đảm có thẩm quyền phù hợp. Tuy nhiên, khi những quyết định về chính sách, nguồn lực hay hoạt động được nhất trí và ban hành một cách đúng đắn theo thẩm quyền của cơ quan, tôi muốn mỗi chúng ta hãy thi hành phận sự của mình trong tổng thể chương trình”.

Bức thông điệp này không phải là tối mật, nên Quốc hội chắc chắn nắm được nội dung. Ngạc nhiên thay, chuông điện thoại không reo. Họ làm việc của họ. Tôi làm việc của tôi.

Đa phần mọi người chưa bao giờ coi toàn bộ cuộc tranh cãi Thin Thread là thứ gì đó khác ngoài tranh luận về kỹ thuật; tôi chưa bao giờ gặp bất kỳ nhân vật cấp cao nào có suy nghĩ hay hành động khác vậy cả. Nhưng một nhóm nhỏ những người cổ xúy nhiệt thành Thin Thread đã đẩy vấn đề này leo thang thành một cuộc chơi đạo lý thời kỷ nguyên số.

Trước hết, họ tự cho là có một dạng tương đương trong hoạt động và sau đó so sánh nhân ghi giá tương đối khiêm tốn trong chương trình của họ với những chi phí khổng lồ của Trailblazer. Ngay cả nếu có khả năng phát triển quy mô lớn, Thin Thread cũng chỉ giải quyết một phần nhỏ những vấn đề mà Trailblazer được thiết kế xử lý. Sự so sánh này chỉ đúng ở bề ngoài.

Kể từ đó, họ cũng đã tranh luận về sự gian lận, lãng phí và lạm dụng, không chỉ đề cập lịch sử thầu mua sắm vô cùng rắc rối của Trailblazer, mà còn cả thực tế rằng SAIC, nơi Bill Black từng làm việc sau khi rời khỏi cơ quan, là nhà thầu chính đối với nền tảng thuyết minh công nghệ của Trailblazer. Đúng SAIC là nơi Bill từng làm việc - và là nơi ông ấy đã rời đi khi tôi mời ông ấy trở về cơ quan làm việc - nhưng việc đó không liên quan gì đến quy trình thầu cả.

Cuối cùng, Binney, Roark, Wiebe, Drake và Loomis đã tuyên bố có vị trí cao hơn về cả đạo lý và pháp lý. Binney đã thắng thường buộc tội NSA gian dối. Năm 2012, ông ta đưa ra cáo buộc rằng “George W. Bush, Dick Cheney, Tenet và Hayden đã thông đồng với nhau để lật đổ Hiến pháp, phá vỡ quy trình hợp hiến và một số đạo luật”.

Những bình luận như vậy nhận được xung lượng và mức độ chú ý lớn hơn sau khi NSA nắm giữ kho siêu dữ liệu của Mỹ bị Edward Snowden vạch trần. Thin Thread có thể khiến cho toàn bộ những việc như vậy trở nên không cần thiết, họ lập luận.

Tôi không thấy có cách nào, ngay cả việc dẹp sang một bên những vấn đề điều hành này. Họ lập luận rằng, Thin Thread có thể thu thập dữ liệu nhưng mã hóa ngay lập tức dữ liệu đó khiến cho chỉ có thể truy cập được thông qua những giao thức thủ tục nghiêm ngặt. Nhưng vấn đề liên quan đến việc NSA nắm giữ những khối lượng khổng lồ siêu dữ liệu của Mỹ *không* nằm ở việc NSA đã sử dụng sai mục đích, thay vào đó là việc NSA *đã* có dữ liệu đó, một điều kiện không thể được cải thiện bằng việc mã hóa.

Vào thời điểm trước sự kiện ngày 11 tháng 9 (sự kiện 11/9), những người cổ xúy Thin Thread đã tiếp cận các luật sư đại diện cho NSA. Các luật sư này nói với họ rằng không một hệ thống

nào có thể làm việc *một cách hợp pháp* với các dữ liệu của Mỹ như những gì Thin Thread được thiết kế để thực hiện. Thin Thread dựa vào tập hợp siêu dữ liệu rộng lớn cần thu thập bao gồm những cuộc liên lạc giữa các bên nước ngoài với nhau, từ bên ngoài vào Mỹ và ngược lại. Nói cách khác, rất nhiều dữ liệu liên quan đến người Mỹ rơi vào diện thu thập theo thường lệ của NSA.

Nhưng các giao thức thủ tục của NSA yêu cầu rằng thông tin cá nhân của người Mỹ phải được sàng lọc tại mọi bước trong quy trình thu thập thông tin tình báo. Tránh thu thập thông tin dạng này ở mức có thể; nếu đã thu thập rồi thì tránh giữ lại thông tin như vậy, vân vân và vân vân. Thin Thread yêu cầu thu thập, giữ lại và sau đó *sử dụng* thông tin của Mỹ thì mới bảo đảm thành công.

Binney và đội của mình khẳng định cho rằng, mã hóa và kiểm soát quyền truy cập dữ liệu của Mỹ đã giải quyết vấn đề này; họ nói với chúng tôi rằng Roark, người giám sát NSA, cũng đã đồng ý với điều này. Các luật sư của NSA thì không. Và khi họ trình bày vấn đề với nhân viên Ủy ban Tình báo Hạ viện, các luật sư đại diện cho cả hai cánh trong Hạ viện đều đứng về phía NSA.

Không phải chúng tôi không nỗ lực. Khi chúng ta chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, khi năm 1999 sắp chuyển qua năm 2000, tất cả chúng tôi đều quan ngại sâu sắc về khả năng diễn ra một cuộc tấn công khủng bố ở chính nước Mỹ. Mối quan ngại của chúng tôi là có cơ sở; một nhân viên biên phòng cảnh giác về sau có bắt giữ được một đối tượng khủng bố đang cố gắng thâm nhập vào lãnh thổ nội địa Mỹ trên một chuyến phà ở Puget Sound.

Tại NSA, khắp nơi đều vang lên những giọng điệu thống thiết. Người của bộ phận điều hành thì đề xuất một đường lối hành động mới. Giống như tất cả chúng tôi, họ cũng quan ngại

về những kẻ khủng bố đang thâm nhập hoặc đã ở bên trong nội địa Mỹ. Người đứng đầu bộ phận điều hành muốn thử áp dụng cách tiếp cận Thin Thread, giữ lại kho siêu dữ liệu của Mỹ mà chúng tôi đang thu thập trong các hoạt động tình báo của mình ở nước ngoài, mã hóa nó, hạn chế quyền tiếp cận thông qua một dạng giao thức “hai chìa khóa”, rồi sau đó (khi được chỉ định), chuyển kho siêu dữ liệu này qua những đầu mối khác.

Việc này có vẻ hợp lý về khía cạnh hoạt động, nhưng các luật sư của tôi vẫn rất hồ nghi về tính hợp pháp của nó. Họ đề nghị một cuộc họp với tôi. Sau một buổi họp mặt với cả nhân sự bộ phận điều hành lẫn các tổ công tác pháp lý có mặt, tôi quyết định đẩy mạnh vấn đề. Tôi nói: “Báo cho Bộ Tư pháp đi. Nói với họ chúng ta muốn làm việc này”.

Cho phép tôi được nói rõ. Chính tôi là người vận động sử dụng hạn chế cách tiếp cận Thin Thread trước sự kiện 11/9.

Câu trả lời từ Bộ Tư pháp cũng rất rõ ràng: “Ngài biết là ngài không thể làm việc này”. Khi việc đó được báo cáo trở lại Ủy ban Tình báo Hạ viện, Roark đã buộc tội NSA gây áp lực chưa đủ mạnh với Bộ Tư pháp, một cáo buộc của một thành viên Đảng Dân chủ trong ủy ban khiến người ta khó nhin được cười.

Vậy là Thin Thread không nêu vấn đề cá nhân người Mỹ như một số người sau này đã cáo buộc khi nhắm mũi dùi chỉ trích vào chương trình Stellarwind của Tổng thống Bush (xem Chương V). Vấn đề thông tin cá nhân của người Mỹ chỉ được nêu ra sau khi tổng thống, trong chương trình Stellarwind, đã cho phép NSA thu nhận siêu dữ liệu Mỹ sau vụ tấn công khủng bố 11/9. Đó quả là một quyết định gây tranh cãi (dẫu NSA tiếp tục thu nhận kho siêu dữ liệu Mỹ đến hết mùa Hè năm 2015), nhưng Thin Thread nếu triển khai cũng đòi hỏi sự cho phép tương tự. Theo cách rất khó hiểu (ít ra là với tôi), nhóm vận động

Thin Thread đã tiếp tục duy trì cách tiếp cận của họ như một phương án thay thế hợp pháp cho chương trình Stellarwind “bất hợp pháp” của tổng thống.

Thẳng thừng mà nói, trước khi Tổng thống Bush cho phép triển khai chương trình Stellarwind, những yêu cầu rắc rối và quy trình của Thin Thread đã không đáp ứng được các yêu cầu của luật pháp Mỹ. Sau khi Stellarwind được triển khai, các vấn đề liên quan đến khả năng triển khai của Thin Thread đơn giản đã khiến chúng tôi quay sang chọn một hệ thống khác.

Những người vận động ủng hộ Thin Thread đã khởi trình một đơn khiếu nại đến Tổng Thanh tra chống lại chương trình Trailblazer năm 2002. Sau khi tôi rời khỏi NSA, vào cuối năm 2005, Siobhan Gorman đã công bố một loạt bài báo trên tờ *Baltimore Sun* (Mặt trời Baltimore) với nội dung chỉ trích gay gắt Trailblazer. Sau đó, năm 2005, họ còn tuồn cho Tom Drake, người lúc đó rõ ràng đã mất hết hy vọng, thông tin về việc Giám đốc NSA mới là Keith Alexander sẽ đảo ngược chủ trương liên quan đến Thin Thread. Hoạt động điều tra vụ rò rỉ thông tin của FBI sau đó đã dẫn đến những cuộc đột kích nặng tay vào nhà riêng của hầu hết thành viên trong nhóm vận động Thin Thread. Drake về sau bị buộc tội theo Đạo luật Gián điệp, một công cụ hạng nặng và vô tình, để rồi, không có gì ngạc nhiên, vụ này cuối cùng đã sụp đổ dưới chính sức nặng của nó.

Cần nói rõ là tôi không liên quan đến việc đó. Thậm chí tôi còn không nộp đơn tố cáo để khởi lập vụ điều tra. Drake đã đi quá giới hạn, và những người còn lại trong nhóm là một sự khó chịu không hề nhỏ, nhưng khó có thể coi đó là lý do để hủy hoại cuộc sống. Đây là vấn đề nên được xử lý bằng công cụ hành chính thì tốt hơn, chẳng hạn như thu hồi quyền hoạt động.

Dẫu vậy, những người vận động Thin Thread vẫn chưa ngưng hẳn hoạt động. Khi một nhóm người Mỹ đến Mátxcova

năm 2013 để trao cho Edward Snowden Giải thưởng Sam Adams về sự chính trực trong tình báo, Tom Drake cũng có mặt trong nhóm.

Rồi vào mùa Hè năm 2014, Drake và Binney đã xuất đầu lộ diện trước một ủy ban của Hạ viện (Quốc hội Liên bang) Đức chuyên trách giám sát hoạt động của NSA ở đó. Binney khẳng định rằng “Họ [NSA] muốn có thông tin về mọi thứ. Đây thực sự là một cách tiếp cận chuyên chế. Mục tiêu là kiểm soát mọi người”. Sau khi cáo buộc NSA muốn trừng phạt nước Đức vì đã chứa chấp những kẻ không tặc vụ 11/9, Drake nói thêm rằng “chế độ giám sát [của NSA] đã phát triển thành một cơ chế bóp nghẹt cả thế giới”.

Như tôi đã nói, họ thể hiện mình là Đáng Cúi đầu. Tôi băn khoăn họ sẽ như thế nào nếu trước đó chúng tôi mua “sản phẩm bảo bối” của họ.

Chương III

VÀO CUỘC CHIẾN...

VỚI SỰ TRỢ GIÚP ĐẮC LỰC

TỪ NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA CHÚNG TA

Fort Meade, Maryland, 2001-2003

Tất cả chúng ta đều nhớ sáng thứ Ba đó, trời trong xanh, không một gợn mây ở vùng Bờ Đông. Ngày 11 tháng 9 năm 2001, ngày tồi tệ nhất với chúng ta. Đêm hôm trước tôi thức khuya để xem chương trình *Monday Night Football*. Trận đấu diễn ra ở Denver, cũng là buổi khai trương sân vận động mới của đội Denver Broncos, để rồi tôi có mặt ở văn phòng sau khi ngủ được sáu tiếng. Vào khoảng 7h00 sáng, như mọi ngày, tôi bắt đầu bằng việc chạy xuống bộ phận cắt tóc của cơ quan để chỉnh qua râu tóc. Trên đường trở lại văn phòng, tôi dừng lại tại trung tâm điều hành của cơ quan, NSOC, để cập nhật thông tin. Hoàn toàn bình thường. Không có gì đặc biệt sắp diễn ra cả.

Trở lại văn phòng, lúc tôi đang giải quyết một số cuộc hẹn thường nhật thì trợ lý điều hành của tôi là Cindy Farkus vào và nói: “Một chiếc máy bay đâm vào Trung tâm Thương mại thế giới”. Giống với hầu hết mọi người, tôi nghĩ đó hẳn là một vụ tai nạn, có thể là một chiếc máy bay nhỏ và tôi tiếp tục cuộc họp. Sau đó Cindy lại vào và nói: “Một chiếc máy bay khác đâm vào tòa tháp còn lại”.

“OK, gọi trưởng bộ phận an ninh lên đây”, tôi trả lời và hoãn cuộc họp. Khi Kemp Ensor, trưởng bộ phận an ninh, vừa bước qua cửa phòng tôi thì Cindy lại vào và nói: “Có báo cáo về những vụ nổ khác ở trung tâm mua sắm”, một kiểu nói trại cho ý có chiếc máy bay thứ ba đâm vào Lầu Năm Góc. Ensor vẫn chưa nói được lời nào. Tôi ra lệnh: “Báo cho mọi người, toàn bộ những người không có phận sự, sơ tán ngay”.

Sau đó tôi chỉ đạo những người còn lại (có thể là hơn năm nghìn người) phải di chuyển khỏi hai tòa nhà cao tầng và dồn vào khu nhà điều hành gốc, một khối công trình ba tầng, thấp và dài, nơi có thể là mục tiêu khó tấn công hơn đối với một chiếc máy bay. Đó là nơi có trung tâm điều hành của tôi nên tôi cũng sang bên đó.

Trợ lý điều hành của tôi cũng đi cùng. Những nhân viên văn phòng còn lại đã sơ tán, nhưng trước khi sơ tán, một trong số họ là Cindy Finifter, người luôn cẩn thận ghi lịch làm việc của tôi, đã nghĩ ra một mục ghi trong nhật ký của cô ấy:

GHI CHÚ: TẤN CÔNG NHẪM VÀO NƯỚC MỸ - GIẢI TÁN SỚM - HOÃN CÁC CUỘC HỌP VỚI TỔNG THỐNG

Tấn công nhằm vào nước Mỹ. Giám đốc Tình báo Trung ương George Tenet gọi cho tôi khi buổi sáng còn chưa kết thúc, hỏi xem chúng tôi có được những gì. Giống như mọi người khác trong cộng đồng tình báo (IC)*, chúng tôi biết đó là al-Qaeda,

* IC - Cộng đồng tình báo (đọc như “eye-see”) chỉ khối liên hiệp mười sáu cơ quan hiện không ít thì nhiều nằm dưới thẩm quyền chỉ đạo của Giám đốc Tình báo quốc gia (DNI). Cộng đồng tình báo bao gồm từ những thành viên nổi tiếng như NSA và CIA đến những thành viên kín tiếng hơn như những đơn vị tình báo nhỏ nằm trong Cơ quan Phòng chống ma túy (DEA) hay Bộ Năng lượng (DOE).

nhưng tôi cần có bằng chứng thực tế và chỉ có thể báo cáo rằng chúng tôi đang thu được những cuộc liên lạc kiểu như màn nổ súng ăn mừng trong các mạng lưới của al-Qaeda. George đáp lại đầy miễn cưỡng: “À ừ”.

Một nhóm mà chúng tôi không thể chuyển ra khỏi hai khu nhà cao tầng là đội chống khủng bố của chúng tôi. Fort Meade không chỉ là khu liên hợp trụ sở của NSA; đây còn là trạm hoạt động thực tế lớn nhất của cơ quan với tỷ lệ lớn thông tin SIGINT của nước Mỹ được tạo ra ở đây mỗi ngày - bao gồm cả các bản chặn thu và báo cáo trong hoạt động chống khủng bố của cơ quan, và chúng tôi cũng *không thể* can thiệp vào công việc của đội chống khủng bố để yêu cầu họ chuyển đến địa điểm an toàn hơn.

Lúc trời chuẩn bị nhá nhem thì tôi lên tới khu văn phòng của họ. Phần lớn thành viên nhóm là người Mỹ gốc Ả-rập, vậy nên sự tổn thất cho quốc gia và nghề nghiệp mà loạt vụ tấn công khủng bố gây ra thậm chí còn có ý nghĩa riêng tư hơn với họ.

Họ miệt mài làm việc. Tôi không làm gián đoạn công việc của họ. Tôi chỉ bước từ trạm này sang trạm khác, thậm chí không dừng lại đủ lâu để họ phải tháo bộ thiết bị liên lạc ra khỏi đầu, vỗ và nắm chặt vào một bên vai, gật đầu, thỉnh thoảng nói câu “cố gắng nhé” hoặc những câu đại loại như thế.

Lúc tôi đang ở đó thì đội bảo trì đang giăng rèm che ánh sáng trên những khung cửa sổ. Một cảm giác kỳ quái. Rèm che ánh sáng ở miền Đông Maryland thế kỷ XXI.

Cuối cùng tôi cũng về đến nhà vào đêm hôm đó, vợ tôi đang đợi và trao cho tôi cái ôm nồng ấm. Chúng tôi cùng gia nhập lễ quốc tang khi nước mắt cứ tuôn trào. Tôi chưa nói thêm gì với cô ấy kể từ cú điện thoại chớp nhoáng vào buổi sáng hôm đó hỏi xem lũ trẻ lớn nhà tôi đang ở đâu. Cô ấy đã nhận được điện thoại từ mẹ cô ấy và anh trai tôi rồi trấn an họ là tôi không có mặt ở Lầu Năm Góc lúc máy bay đâm vào đó.

Ở đó, tại khu hành lang, Jeanine và tôi thừa nhận rằng ngày mai sẽ là một ngày rất khó khăn.

Đúng vậy. Và cũng đúng vậy với tất cả những ngày tiếp theo đó trong thời gian tôi ở NSA. Một lý do ở đây là với nhiều người hơn và nhiều tiền hơn cũng như với trọng tâm rõ ràng, chúng tôi có thể dồn các nguồn lực của mình vào những điểm quyết định. Ngày 11 tháng 9 chúng tôi có khoảng 250 khu vực tên lửa được yêu cầu kiểm soát. Trong vòng vài tuần sau loạt vụ tấn công và không gặp phải sự phản đối nào, tôi đã đình chỉ hơn 10 phần trăm trong số này và giáng cấp thêm một phần tư số khu vực nữa. Có thêm nguồn lực và trọng tâm hoạt động cũng cho phép chúng tôi đẩy nhanh công cuộc cải tổ đang được triển khai. Ngay trong tuần xảy ra loạt vụ tấn công, tôi đã triệu tập các nhân vật cấp cao của cơ quan để hỏi họ xem vụ 11/9 sẽ có tác động gì đến chương trình cải tổ của chúng tôi. Quan điểm mấu chốt của họ là: “Không thay đổi gì cả. Chỉ đẩy nhanh mọi việc”.

Có cả sự giận dữ cũng như quyết tâm hành động trong phản ứng của chúng tôi. Trước khi kết thúc tuần lễ xảy ra vụ 11/9, tôi có thể thấy các miếng dán khẩu hiệu ở khắp nơi trong trụ sở CIA với câu nói nổi tiếng cuối cùng của Todd Beamer, một trong những người hùng của Chuyến bay số 93 trên bầu trời Pennsylvania: “Lăn vào thôi” (“Let’s roll”). Jeanine gợi ý áp dụng chủ đề tương tự cho NSA sau khi chúng tôi thức khuya một đêm để xem phần phát lại chương trình hòa nhạc quốc gia tưởng niệm những người thiệt mạng trong sự kiện 11/9. Đó là bài “I Won’t Back Down” (Tôi sẽ không chùn bước) của Tom Petty. Với sự cho phép đầy hào hiệp của Ngài Petty, chúng tôi đã nhồi kín các cơ sở của NSA trên khắp thế giới suy nghĩ này và bản nhạc này trong một vài năm tới.

Về mặt điều hành hoạt động, các trưởng bộ phận liên quan đến chống khủng bố tại NSA đã thu hẹp công việc của họ xuống

thành ba nhiệm vụ rõ ràng: bám theo tiền (tài trợ khủng bố); bám theo đồ (vũ khí, tiền chất hóa học và những thứ tương tự); và, quan trọng hơn cả, bám theo người.

Thông tin SIGINT có giá trị vô cùng to lớn cho các mục tiêu này. Hết lần này đến lần khác việc chặn thu những cuộc liên lạc cho phép chúng tôi biết những điều cần biết. Xin nêu một ví dụ: “Eliza Manningham-Buller, Giám đốc Tổng cục An ninh MI-5 của Anh, có gọi cho tôi vào tháng 3 năm 2004 sau khi cơ quan bà phối hợp với cảnh sát Anh đột kích hai mươi tư địa điểm, thực hiện tám vụ bắt giữ và thu giữ được nửa tấn *nitrat amoni*. Bà ấy cảm ơn tôi về thông tin SIGINT mà NSA cung cấp, thứ mà theo bà là “khối cấu kiện vô cùng quan trọng cho toàn bộ chiến dịch”.

Tôi giao nhiệm vụ đó cho toàn thể đội ngũ nhân sự NSA và đổi lại nhận được một email cảm ơn. Có vẻ như đài phát thanh địa phương ở Maryland đã quá bóng bẩy khi nói về vụ xử lý vấn đề của người Anh, khen nó là trái ngược hoàn toàn với cách làm vụng về của giới tình báo Mỹ. Người viết email đương nhiên cũng thấy chướng tai và nóng lòng muốn biết vai trò của NSA trong việc này. Đó là việc nhắc nhở rằng, trong hoạt động tình báo, ta thường không công khai với mọi người những việc cá nhân ta đã làm.

Để theo đuổi những kẻ khủng bố, chúng tôi cũng phải làm chủ được định vị địa lý và siêu dữ liệu, hơi khác một chút so với chế độ báo cáo truyền thống về *nội dung* của các cuộc liên lạc khủng bố, ngoại giao hay thậm chí quân sự mục tiêu. Nếu có đủ siêu dữ liệu - cách thức sử dụng lặp đi lặp lại đối với một thiết bị liên lạc (gọi cho ai, ai dùng nó để gọi, khi nào và trong bao lâu) - ta hoàn toàn có thể xác định người sở hữu thiết bị liên lạc chuẩn bị làm gì. Một số mảng của loại dữ liệu này về sau trở thành chủ đề tranh cãi khi vấn đề liên quan đến thu thập siêu dữ liệu của Mỹ, nhưng ở đây nó cho phép NSA

“mượn tạm thông tin” trên một chiếc điện thoại bần và xác định rõ người sử dụng nó và các mối liên lạc của anh ta ngay cả khi nắm được rất ít nội dung. Sau đó, sử dụng mọi công cụ có trong tay, chúng tôi có thể định vị chính xác, biết chiếc điện thoại đó đang nằm ở đâu.

Chúng ta đã từng thực hiện vụ không kích “đánh bừa hóa trúng” trước đây ở Ápganixtan, tiêu diệt một thủ lĩnh al-Qaeda và một số trợ thủ thân tín của hắn khi bọn chúng đang trên đường chạy khỏi Kabul. Cuộc không kích được thực hiện bằng việc kết hợp tín hiệu hình ảnh và tín hiệu chặn thu theo thời gian thực. Sau khi nghe báo cáo vắn tắt về chiến dịch này, tôi có hỏi: “Sao chúng ta không áp dụng cách này trong mọi trường hợp nhỉ?” và lóe lên suy nghĩ vạch ra cách thể chế hóa cách tiếp cận này.

Chúng tôi đã nỗ lực thiết lập một bộ phận mang tên Geocell, đưa vào đó những con người trẻ tuổi thông minh, bố trí để họ phối hợp với các chuyên gia phân tích hình ảnh đến từ Cơ quan Tình báo địa không gian quốc gia (NGA) và sau đó kết nối họ trực tiếp với các đơn vị chiến thuật đang tham gia tác chiến.

Những người làm việc với thông tin SIGINT thuộc thế hệ trước đây sẽ nói rằng, đây chỉ là phiên bản của thứ mà họ vẫn thường gọi là phân tích sự lưu chuyển. Nếu đúng vậy, thì đó là việc phân tích sự lưu chuyển của “vô cùng nhiều thứ”.

Chúng tôi đặt Geocell ở khu tầng hầm, nằm giữa các vòi dẫn nhiệt, thiết bị nâng hạ, nhu yếu phẩm và những vật dụng khác trong cơ sở công nghiệp của chúng tôi. Dẫu vậy, khi người đến thăm bước qua cửa được khóa bằng mã số và bước vào khu làm việc an toàn, họ có thể thấy những màn hình khổng lồ với hình ảnh hiện thời và xem các chuyên gia phân tích của Fort Meade ở nhiều phòng trải khắp vùng chiến sự nói chuyện, tham mưu cho các lực lượng chiến đấu theo thời gian thực và nỗ lực hết mình

với vai trò tự mô tả của họ: “Chúng tôi lần theo chúng, các anh dần nát chúng” (“We track ‘em, you whack’ em”).

Vào đầu tháng 11, bằng một phương tiện bay không người lái dòng Predator, Chính phủ Mỹ đã tấn công vào một khu đồn trú của Taliban ở phía bắc Kabul dựa vào nguồn thông tin đầu vào do Geocell cung cấp. Chúng tôi đã vào cuộc.

Phương thức hoạt động này ban đầu chỉ giới hạn trong vùng chiến sự ở Ápganixtan, nhưng sau đó, bắt đầu vào cuối năm 2002, thông tin SIGINT của NSA được kết hợp với tín hiệu hình ảnh theo thời gian thực và những thông tin tình báo khác đã hỗ trợ cho các hành động chống lại al-Qaeda ở nhiều nơi khác.

Tạp chí *Time* (Thời đại) tỏ ra hoài nghi. Khi đưa tin bài về những cuộc không kích như vậy, *Time* nêu ra quan điểm cho rằng “ý tưởng nhắm vào con mồi khủng bố từ những vùng trời nằm cách xa chiến trường mở ở Ápganixtan đương nhiên là việc hoàn toàn khác và việc này ít có khả năng trở thành quy chuẩn”.

Sai rồi.

Quanh khoảng thời gian đó, George Tenet và các nhân vật cộm cán trong giới tình báo khác đang ở Fort Meade để kỷ niệm 50 năm ngày thành lập NSA theo sắc lệnh hành pháp (bí mật) của Tổng thống Truman năm 1952. Họ nói rất nhiều về các chủ đề nguồn gốc và tầm quan trọng của cơ quan. Nó đặt một dấu chấm than đẹp để lên những thành công hiện thời của chúng tôi.

Sự thành công trong hoạt động tác chiến từ việc phối hợp giữa thông tin SIGINT và tín hiệu hình ảnh đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải tăng cường số lượng và mức độ các mối liên kết. Jim Clapper là bạn cũ đồng thời cũng là quân sư của tôi, giờ là người đứng đầu NGA, cái tên viết tắt hơi ngớ ngẩn của Cơ quan Tình báo địa không gian quốc gia. NGA đã kết hợp thông tin tình báo hình ảnh (IMINT) với phương pháp lập sơ đồ truyền thống và cố gắng làm tốt phương châm “Hiểu rõ trái đất. Dẫn dắt lối đi”

“Know the earth. Show the way”). Hai lĩnh vực chuyên môn của chúng tôi là thông tin SIGINT và thông tin IMINT tồn tại song hành xét theo khía cạnh công nghệ và tốc độ của chúng. Cả hai đều đang thu thập và tạo ra các electron.

Qua thời gian chúng tôi đã kết nối các cơ sở dữ liệu và các hệ thống công nghệ thông tin của hai cơ quan với nhau và chia sẻ những kỹ thuật khai thác thông tin. Mùa Thu năm 2004, Jim và tôi cùng nhau diễn thuyết trong một tiếng đồng hồ tại New Orleans, trình bày sơ lược quan hệ cộng tác giữa chúng tôi trước hàng ngàn người tại trụ sở nhà thầu của chúng tôi. Ai còn nghi ngờ ý nghĩa quan trọng của cảnh tượng đó thì chưa hiểu đầy đủ về văn hóa truyền thống của cộng đồng tình báo Mỹ.

Jim và tôi hợp tác với nhau vì nhận thức rõ ràng, đây là một cuộc chiến do thông tin tình báo chi phối. Đương nhiên là cuộc chiến nào cũng vậy, nhưng cuộc chiến này thì ở mức đặc biệt. Chúng tôi đã dành phần lớn thời gian cho hoạt động chuyên môn của mình trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Tình báo hồi đó là công việc khó khăn, nhưng đối thủ của chúng ta cũng gặp khó khăn trong việc che giấu các đoàn xe tăng của Tập đoàn quân Liên Xô tại Đức hay trận địa tên lửa đạn đạo liên lục địa rộng lớn ở Siberia. Kẻ thù như thế rất dễ phát hiện, chỉ khó tiêu diệt mà thôi.

Kẻ thù nay đã khác. Kẻ thù nay tương đối dễ tiêu diệt, chỉ có điều là rất, rất khó tìm ra hấn.

Có vẻ đơn giản, nhưng việc này đòi hỏi đảo lộn rất nhiều khía cạnh trong tư duy truyền thống. Đó là lý do vì sao sau này, khi một số chương trình tình báo gây tranh cãi, tôi đã nhận định rằng việc hạn chế hoạt động tình báo của chúng ta trong nỗ lực hiện nay cũng chẳng khác gì việc đơn phương giải trừ quân bị ngày trước. Ta tự nguyện từ bỏ những yếu tố then chốt cho sự thành công.

Yêu cầu hiện nay cũng làm đảo lộn một số khái niệm về điều hành tác chiến. Giới chuyên gia tình báo quen với việc giới điều hành tác chiến đề nghị cung cấp thông tin để họ có thể tiến hành làm những việc quan trọng. Tôi từng dùng bữa tối tại nhà Charlie Holland, Chỉ huy Bộ Tư lệnh Chiến dịch đặc biệt (USSOCOM) trong thời gian đầu của cuộc chiến. Charlie là một người bạn tốt. Chúng tôi đã từng làm việc cùng nhau trong cái gọi là CAPSTONE, chương trình hoàn thiện kỹ năng cho các lữ đoàn trưởng mới của Bộ Quốc phòng, và trong thời gian tham gia chuyến hành trình thực tế của chương trình đó chúng tôi đã cùng nhau chạy bộ trên đường phố thủ đô một số nước Mỹ Latinh. Lúc dùng món tráng miệng, Charlie quay sang tôi, gõ nhẹ tay vào bàn và nói: “Mike này, tôi cần thông tin tình báo dùng được”.

Tôi cam đoan với anh ấy là chúng tôi đang làm hết mình vì điều đó, nhưng sau đó lại nói: “Charlie này, cho phép tôi trình bày một cách suy nghĩ khác về việc này. Nếu anh cho phép tôi có một hành động nhỏ, tôi sẽ cung cấp cho anh nhiều thông tin tình báo hơn rất nhiều”. Nói cách khác, chúng tôi cần những chuyển dịch trong hoạt động để thúc vào kẻ thù, buộc hấn phải dịch chuyển và liên lạc, nhờ đó chúng tôi có thể biết nhiều hơn về hấn. Các hoạt động có thể được thiết kế để tạo phát thông tin. Qua thời gian, chúng tôi ngày càng áp dụng ổn định cách làm này.

*

* *

Sau sự kiện 11/9, nhiều người muốn giúp đỡ chúng tôi, nhất là những người bạn thân cận nhất, những người mà NSA gọi là bên thứ hai - những chế độ dân chủ nói tiếng Anh, thành viên của cộng đồng Five Eyes [Năm Con Mắt] (Ôxtrâylia, Canada, Niu Dilân, Anh và Mỹ), khối liên minh có nguồn gốc hoạt động

thông tin SIGINT truy nguyên trở về Bletchley Park và phá được mật mã Enigma của Đức ở châu Âu hay những nỗ lực và địa điểm tương tự ở Thái Bình Dương.

Những mối quan hệ bền chặt này đã bắt rễ sâu. Có một sự đồng thuận chung giữa những người hoạt động thông tin SIGINT của Anh và Mỹ rằng, mối quan hệ chính trị đặc biệt của hai nước bắt đầu tại khu phòng khách của trang viên Bletchley, khi các chuyên gia mật mã người Mỹ đến và được những người đồng nhiệm Anh trình bày những gì họ biết (và *không* biết) về mật mã Enigma.

Vào ngày 11 tháng 9, một người mới đến thuộc bộ phận liên lạc của Niu Dilân xuất hiện ở văn phòng của anh ấy ở Fort Meade. Anh ấy được yêu cầu phải sơ tán khỏi đó. Anh ấy đã từ chối và tiếp tục cập nhật nguồn thông tin riêng của mình. Sau này anh ấy có nói với tôi: “Bạn bè không ai lại bỏ nhau trong những lúc như thế này”.

Chỉ khoảng vài tiếng đồng hồ sau vụ tấn công, những người đứng đầu các cơ quan tình báo Anh đã sang Mỹ. Họ cần sự cho phép đặc biệt và thậm chí là sự hộ tống đặc biệt để vào không phận Mỹ. Khi máy bay hạ cánh, họ đến Langley, nơi họ hội kiến với George Tenet và những người khác trong nhóm của anh ấy. Chỉ thị từ phía thủ tướng của họ cho các vị khách của chúng ta là rất rõ ràng: giúp đỡ người Mỹ bằng mọi khả năng.

Họ là những khối kết cấu bền vững, tạo thuận lợi cho sự hợp tác này. Hằng năm, các cơ quan tình báo thuộc cộng đồng Five Eyes thường nhóm họp cùng nhau. Đại diện cho Mỹ đến tham dự những cuộc họp này là người đứng đầu CIA, NSA và FBI. Không phải mọi cơ quan đối tác đều có cơ cấu tổ chức giống chúng tôi; thông thường thì có mười ba cơ quan đến tham dự họp, đại diện cho năm quốc gia. Cuộc họp đầu tiên sau sự kiện 11/9 diễn ra vào tháng 3 năm 2002 trên Đảo Nam của Niu Dilân. Việc Niu Dilân đăng cai tổ chức đã được lập kế hoạch từ lâu, nhưng

thời gian tiến hành hội nghị đã bị hoãn lại và sau đó chương trình nghị sự xã hội bị cắt bỏ rất nhiều. Chúng ta cũng rút gọn số người tham dự. Các yêu cầu về an ninh sẽ rất cao; chúng ta không cần phải biến chúng thành cơn ác mộng.

Chúng tôi đều biết rõ về nhau. Mặc dù có sự khác biệt về ngân sách và quy mô cũng như thẩm quyền giữa các tổ chức chúng tôi, song mối quan hệ cá nhân phản ánh chủ nghĩa quân bình về chuyên môn. Không hề có thái độ bề trên của siêu cường. Ngoại trừ lúc ở sân bay. Những người đứng đầu CIA và FBI đến bằng máy bay riêng của họ, khiến báo chí địa phương đoán già đoán non về việc những gã này là ai và chuyện gì sắp diễn ra.

Chúng tôi nhanh chóng bắt tay vào việc. Làm thế nào để bảo đảm an toàn cao nhất cho công dân nước mình đây? Chắc chắn có những cuộc bàn luận nội dung hoạt động để bảo đảm mọi chuyện, nhưng cũng có những vấn đề khác nữa. Tất cả chúng tôi vừa là người bảo vệ vừa là *sản phẩm* của các chế độ dân chủ. Eliza Manningham-Buller, khi đó là Phó Giám đốc Tổng cục An ninh MI-5 của Anh với bề dày kinh nghiệm trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố của Quân đội Cộng hòa Ailen (IRA), gọi cho chúng tôi nhớ điều đó bằng sự miêu tả không cần giữ ý về thách thức trong khía cạnh hoạt động và liên quan đến Hiến pháp của chúng tôi. Chúng tôi phải làm thế nào để xử lý đối tượng chưa bị tuyên án là có tội đây? Suy cho cùng, chúng tôi đang làm cả công việc ngăn chặn, chứ không chỉ là trừng trị hoạt động khủng bố.

Ấn ý trong câu hỏi của bà ấy là quan điểm ngoan cố tiềm tàng muốn duy trì sự cân bằng truyền thống giữa quyền tự do và an ninh. Quả thực, tháng 9 năm 2005, sau loạt vụ đánh bom ga tàu điện ngầm London, Eliza Manningham-Buller (lúc này đã là Giám đốc Tổng cục An ninh MI-5) nêu ý kiến cho rằng “cần phải tranh luận xem có cần thiết chấp nhận những quyền tự do công dân mà chúng ta đều trân trọng bị ảnh hưởng phần

nào để đổi lấy việc cải thiện cơ hội cho những công dân của chúng ta không bị thổi bay khi họ đi lại để làm những công việc thường ngày”.

Về sau tôi nhận ra rằng giới tinh hoa chính trị (ít nhất là ở Mỹ) không thực sự sốt sắng với việc trả lời câu hỏi của Manningham-Buller. Họ chọn cách dễ dàng hơn nhiều: chỉ trích các cơ quan tình báo vì hoạt động chưa đủ mạnh tay khi họ cảm thấy bị đe dọa, trong khi vẫn giữ cho mình quyền chỉ trích những cơ quan đó việc hoạt động thái quá khi họ cảm thấy an toàn trở lại.

Thật đáng tiếc. Việc tránh né những lựa chọn khó khăn thường tạo ra hiệu ứng kéo dãn, dựa vào những nhận thức về khoảng khắc hiện thời, rồi cuối cùng là khiến chúng ta bị tổn hại cả quyền tự do lẫn an ninh.

Dù các quốc gia trong cộng đồng Five Eyes có thân cận nhau tới mức nào thì vẫn có những khác biệt. Trên đường từ Queenstown trở về nhà, tôi dừng chân ở Wellington và hội kiến với Thủ tướng Helen Clark. Bà ấy có thái độ lịch thiệp và niềm nở chưa từng có - hơi ngạc nhiên, vì vào thập niên 1980 bà ấy là người chịu trách nhiệm chính cho chính sách phi hạt nhân của Niu Dilân, là chính sách đã khiến liên minh ANZUS (Khối hiệp ước An ninh quân sự Ôxtrâyliya - Niu Dilân - Mỹ) suýt đi đến chỗ tan rã. Giờ đây bà ấy có quan điểm ủng hộ, nhưng giữ thái độ quan ngại thận trọng về những diễn biến trong công cuộc chống khủng bố của Mỹ. Bà ấy sợ rằng những động thái quá quyết liệt từ phía chúng ta sẽ ảnh hưởng đến những quy chuẩn và quy trình quốc tế mà những nước nhỏ như Niu Dilân của bà ấy dựa vào. Không có vấn đề cụ thể nào. Chỉ là việc không thoải mái mà thôi. Nhìn lại, chúng tôi đáng ra phải nhạy cảm hơn với những mối quan ngại như vậy.

Về sau chúng tôi đã có cuộc bàn luận ấn tượng hơn, có thể là ấn tượng nhất, với người Anh. Người của Sở Chỉ huy Thông tin

chính phủ (GCHQ), cơ quan tương ứng với NSA bên phía Anh, có quan điểm mâu thuẫn nhau (cũng như một số người trong đội ngũ nhân sự của NSA) về sự khôn ngoan của việc tiến hành cuộc chiến ở Iraq. Đầu năm 2003, một người trong số họ là Katharine Gun đã để rò rỉ thông tin cho tờ *Observer* (Người quan sát) có trụ sở ở London về một cuộc trao đổi email giữa NSA và GCHQ kêu gọi mở rộng diện bao phủ thu thập thông tin SIGINT đến các phái đoàn của Liên hợp quốc trước thêm một cuộc bỏ phiếu quan trọng của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc phê chuẩn tiến hành chiến tranh. Gun nói về mình như một “đứa trẻ thuộc văn hóa thứ ba”, một thuật ngữ miêu tả những trẻ em được nuôi dạy trong một nền văn hóa khác ngoài văn hóa của cha mẹ chúng trong phần lớn thời gian thuộc giai đoạn phát triển nhân cách. Cô ta coi mình là công dân của thế giới hơn là công dân của Vương quốc Anh sau khi đã trải qua những năm đầu đời sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc). Quả thực, chính những kỹ năng tiếng Trung của cô ta đã thu hút sự quan tâm của GCHQ.

Katharine Gun nên được coi là một biểu hiện cho sự thay đổi giá trị trong xã hội của chúng ta. Chúng ta đã không có phản ứng gì với điều đó. Một thập kỷ sau, biểu hiện này trở nên rõ ràng hơn rất nhiều với vụ việc của Edward Snowden.

Vụ việc của Gun là một điều gây bức mình hơn là một cuộc khủng hoảng, ít nhất là đối với chúng tôi. Ngay cả nếu những cáo buộc của cô ta là đúng, việc chặn thu những cuộc liên lạc ngoại giao để đạt được mục đích chính trị không phải là chuyện gì đó lạ thường. Ý nghĩ về việc nước Anh sử dụng bức điện của Ngoại trưởng Đức Zimmermann năm 1917 để thúc giục Mỹ nhảy vào cuộc chiến đã hiện lên trong đầu tôi. Và chúng tôi khó có thể lên án một đối tác nước ngoài vì một cuộc rò rỉ không phải là thường xuyên, cũng không gây khó khăn gì cho chúng tôi trong lĩnh vực đó. (Điều đó có khi còn hay nữa, vì hơn một

thập kỷ sau một chút, tay Edward Snowden người Mỹ đã tiết lộ cả tấn bí mật của GCHQ ra trước công chúng).

Nhưng năm 2004, người đồng nhiệm với tôi bên phía GCHQ, David Pepper có giải bày với tôi rằng ông ấy đã đưa một số người ra khỏi phái bộ ở Iraq vì cá nhân họ cảm thấy không thoải mái với phái bộ đó. Ông ấy đề xuất một cuộc bàn luận về “các giá trị” trong cuộc họp song phương sắp tới.

Tôi nghĩ một người Anh có thể đã miêu tả tôi là kẻ há hốc mồm ngạc nhiên trước quan niệm cho rằng những người làm việc trong cơ quan thông tin SIGINT có thể chọn rời bỏ nhiệm vụ trong thời chiến. Phải thừa nhận rằng chúng tôi có một số chuyên gia ngôn ngữ không muốn xác định bằng giọng nói các mục tiêu của chiến dịch tiêu diệt (xem Chương IV), và GCHQ là một cơ quan dân sự hoàn toàn, trực thuộc Văn phòng Đối ngoại và Thịnh vượng chung (tức Bộ Ngoại giao Vương quốc Anh), trong khi NSA lại có 50 phần trăm thành phần quân sự và là một cơ quan hỗ trợ chiến đấu trực thuộc Bộ Quốc phòng. Tôi lập tức đồng ý với đề nghị của David, vì tinh thần hữu nghị, cũng như vì tò mò.

Lãnh đạo cấp cao của NSA và GCHQ họp với nhau hàng năm và việc đăng cai tổ chức được luân phiên giữa mỗi bên của Đại Tây Dương. GCHQ thường tìm một khu điền trang gần London và tiếp đón chúng tôi vô cùng lịch thiệp. Sang Mỹ lần này họ may mắn được ở khách sạn Motel 6 ở Glen Burnie, mặc dù có năm chúng tôi ở một khách sạn thuộc chuỗi Sheraton nằm gần sát ngay khu Chiến trường Gettysburg, nơi có cảnh quan đẹp cho cuộc bàn luận của chúng tôi. Tôi vẫn còn nhớ phản ứng của các đối tác của mình khi giáo sư của trường Đại học Lục quân Mỹ, sắp sửa dẫn chúng tôi trở về khoảnh khắc đột tấn công cuối cùng của Sư đoàn Pickett, lên giọng: “Trong chín mươi phút nữa, ở đây sẽ có nhiều người Mỹ chết hơn cả tại Normandy vào tám mươi một năm sau”.

Cuộc họp năm 2004 của chúng tôi được tổ chức tại Chevening, một khu nhà đồng quê xinh đẹp ở Anh. Benjamin Franklin đã thực sự thích thú với những nét đẹp ở nơi đây. Nói vậy là dựa vào bức thư cảm ơn mà ông gửi cho ban tổ chức nước chủ nhà hiện vẫn đang được trưng bày tại đây. Chúng tôi dành cả ngày cho những cuộc bàn luận hoạt động, kỹ thuật thông thường và sau đó, sau bữa tối, chúng tôi kéo ra thư viện, tay cầm ly rượu mạnh, để tham gia cuộc bàn luận theo yêu cầu của David.

Đây là bầu không khí chân thành giữa những người bạn nhưng, sau khi cân nhắc mọi nhẽ, những người Mỹ chúng tôi đã dành khá nhiều thời gian để giải thích về bản thân. Ví dụ như chúng tôi giải thích quan điểm của mình về việc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Đương nhiên là sự khác biệt quan điểm với những người châu Âu lục địa sẽ lớn hơn, nhưng chúng tôi đang đại diện cho một chính phủ và (theo tôi nghĩ) một đất nước có quan điểm thiết thực hơn về tính hữu dụng của vũ lực so với ngay cả những người anh em Anh quốc của chúng tôi.

Một khía cạnh đáng ngạc nhiên của cuộc thảo luận này là các bộ phim, đặc biệt là bộ phim *High Noon* (Trưa hè nóng bỏng), thường xuyên xuất hiện trong danh sách những tuyệt phẩm điện ảnh của Mỹ. Vai chính trong phim, Cảnh sát trưởng Will Kane (Gary Cooper thủ vai), là một trong số năm người hùng điện ảnh hàng đầu mọi thời đại của Viện Điện ảnh Mỹ (AFI). Dù các đối tác của chúng tôi không biết nhiều về bộ phim này, song bộ phim miền Tây kinh điển này tự nó đã là huyền thoại về nước Mỹ. Đối mặt với một băng côn đồ giết người đang đe dọa tính mạng mình, người vợ mới cưới theo giáo phái Quaker, Kane và cả thị trấn đã cự tuyệt con đường thỏa hiệp hay chạy trốn mà hành động trái với lối suy nghĩ phổ biến của nhiều người là dựa vào bạo lực

chính đáng để tồn tại. Đây không hẳn là lối hành xử của người châu Âu đương thời.

Gần cuối buổi tối, khi chúng tôi uống gần cạn những ly brandy, tôi trình bày tóm lược một số khác biệt văn hóa trong tình trạng hơi chệnh choáng: “Hầu hết người Mỹ sở hữu súng và hầu hết người Mỹ đến nhà thờ vào Chủ nhật”^{*}.

Đó là một buổi tối tốt lành. Nếu còn bất kỳ vấn đề cần cá nào cần giải quyết, chúng tôi đã giải quyết hết. Bên cạnh đó, GCHQ cũng đang gặp phải những vấn đề của riêng họ với xu hướng “yếu tố châu Âu” đang ngày một tăng ở nước Anh. Việc đặt Công ước Nhân quyền của châu Âu (ECHR) lên trên luật pháp, chính sách và thông lệ nước Anh là vấn đề bao trùm đối với chính phủ. Đối với GCHQ, điều này có nghĩa là tăng thêm gánh nặng và thủ tục hành chính để thể hiện sự tuân thủ.

Người Ôxtrâylia thì không phải chịu những vướng mắc với yếu tố châu Âu như vậy. Tôi từng đồng ý vô điều kiện với Thủ tướng Rudd rằng đây là mối quan hệ tình báo tốt đẹp nhất mà chúng tôi từng có, không thể nói khác được. Tôi không biết liệu điều đó có phải xuất phát từ lịch sử di cư song trùng, quá trình mở rộng biên cương tương tự hay văn hóa thực dụng chung giữa hai nước. Dù là gì đi nữa thì cũng đều tốt cả. Người Ôxtrâylia

^{*} Vì chúng tôi chưa bao giờ cất súng ở nhà, nên chỉ có chủ đề “đến nhà thờ” là đúng với cá nhân tôi. Chúng tôi gần gũi, thân thiết với nhà thờ đến mức từng mời cha cố của giáo khu mình đi cùng kỳ nghỉ gia đình trong đợt công tác đầu tiên của tôi ở Hàn Quốc. Khi đã nghỉ hưu, tôi từng kết hợp các chủ đề này trong một bài diễn văn tốt nghiệp tại Đại học Franciscan ở Steubenville khi nói về hoạt động bắn tỉa ở Sarajevo. Tôi nói với các sinh viên vừa tốt nghiệp rằng nếu họ có ý muốn ngủ nướng và bỏ lỡ Lễ Mass vào sáng Chủ nhật, họ nên tự hỏi mình: “Liệu có tay bắn tỉa nào đang trên đường tới nhà thờ không nhỉ?”, “Nếu câu trả lời là không, hãy rời khỏi giường ngay”, tôi nói với họ.

rất giỏi, tuy rằng mạng lưới dịch vụ của họ ở quy mô nhỏ song năng lực hoạt động của họ hoàn toàn xứng đáng để chúng tôi hợp tác.

Thông qua quy trình phân công lao động kỹ lưỡng, NSA dựa vào báo cáo từ DSD (Cục Tín hiệu quốc phòng Ôxtrâylia) để có thông tin về một số khu vực trên thế giới. Chúng tôi thậm chí còn hướng các kênh thu thập thông tin của NSA về một số khu vực hải ngoại sang Canberra để xử lý thông tin đầu vào ở đó, và mặc dù khả năng tập hợp những cuộc liên lạc cá nhân của Mỹ không hẳn là không có, song chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng các chuyên gia phân tích của DSD sẽ tôn trọng những quy định bảo vệ quyền riêng tư cá nhân của Mỹ, điều chúng tôi đã huấn luyện họ. Thật khó có lòng tin vào một đối tác nào lớn hơn lời tuyên bố: “Nếu anh ta phạm sai lầm, tôi sẽ vào tù”. (Tháng 10 năm 2014, Đại sứ Ôxtrâylia đã tổ chức một buổi lễ kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ giữa Canberra và CIA. Không phải nước nào cũng tổ chức kỷ niệm kiểu sự kiện như vậy).

Chúng tôi cũng có những mối quan hệ tin cậy khác. Một trong những đối tác Bắc Âu của chúng tôi đã có lần vô tình chặn thu được một bản fax của Chính phủ Mỹ tiết lộ những chi tiết nhạy cảm về chuyến hành trình của tổng thống. Đối tác này có đủ niềm tin vào mối quan hệ (rằng chúng tôi sẽ không cho là họ cố tình nhắm vào chúng tôi) nên đã cho chúng tôi xem bản fax, cảnh báo rằng nếu họ có thể chặn thu nó thì những người khác cũng có thể làm được. Chúng tôi cảm ơn họ và chuyển cảnh báo đến Sở Mật vụ Mỹ (USSS). Đó là một người bạn rất tốt.

Bản thân chúng tôi cũng là một người bạn tốt. Chúng tôi đã giúp một đồng minh châu Âu khi một số công dân nước đó bị bắt làm con tin ở Bắc Phi. Chúng tôi đã làm việc cật lực trong

vụ này. Cuối cùng, họ nói rằng chúng tôi đã hành động như thể những con tin này là người Mỹ vậy.

Tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể làm nhiều hơn thế. Một trong những người tiên nhiệm của tôi đã tập hợp những nước thuộc khối NATO chủ chốt vào một mối quan hệ chia sẻ thông tin SIGINT có tính hợp tác cao hơn để nhắm vào mục tiêu Liên Xô. Mặc dù Liên Xô đã tan rã từ lâu, song khối liên minh trên với tên gọi là Nhóm Cấp cao SIGINT (SIGINT Seniors) vẫn tiếp tục hoạt động. Những cuộc họp được tổ chức hằng năm, luân phiên giữa các thành viên, và vì mỗi đơn vị chủ nhà đều cố gắng thể hiện tốt hơn trong khâu đón tiếp khách, nên mọi cuộc họp đều rất vui vẻ. Tuy nhiên, mức tiến triển trong một số hoạt động lại rất ảm đạm hay theo nhận xét của một người vui tính hiểu biết, nó được đo bằng cái mà anh ta gọi là “đơn vị thời gian NATO”.

Giám đốc NSA là vị trí chủ tịch thường trực của nhóm này, và mặc dù không phải đến lượt chúng tôi làm chủ nhà, song tôi đã kêu gọi tổ chức một cuộc họp ngoài chu kỳ vào đầu tháng 12 năm 2001. Chúng tôi sẽ đăng cai tổ chức cuộc họp này, không phải tại Mỹ vì gánh nặng an ninh và chi phí đi lại, mà tại một cơ sở ở châu Âu mà NSA sử dụng cho công tác hậu cần và hỗ trợ kỹ thuật. Cuộc họp sẽ diễn ra trên đất châu Âu và được người châu Âu hoàn toàn ủng hộ. Các cơ quan của Anh không phải là trường hợp duy nhất lặng lẽ lên sang Mỹ sau vụ tấn công khủng bố 11/9 để đề nghị giúp đỡ chúng tôi.

Không có nghi lễ, đồ ăn ngon hay rượu vang tại cuộc họp lần này. Chúng tôi bàn bạc thẳng thắn, tập trung vào các vấn đề chiến thuật và hoạt động với độ chưa từng có. Chúng tôi cung cấp rất nhiều thông tin về những việc mình đang làm. Chúng tôi nói với những người bạn của mình về chi tiết những cuộc liên lạc liên quan đến khủng bố mà chúng tôi phát hiện gọi đến

hoặc gọi từ nước họ. Tôi xin phép được nhắc lại điều này, vì quá tức giận với những tiết lộ sau này của Edward Snowden: chúng tôi khi đó có nói với những người bạn châu Âu của mình những số điện thoại nào ở nước họ có liên lạc với những số mà chúng tôi tình nghi liên quan đến hoạt động khủng bố. Phản ứng của họ năm 2001 là ghi chép lại.

Chúng tôi nói rõ về tình thế của mình - đây là khía cạnh chúng tôi nghĩ mình mạnh và đây là khía cạnh chúng tôi cần được giúp đỡ. Chúng tôi không cần phải cố thuyết phục họ chung vai gánh vác trong cuộc chiến này. Đương nhiên là tất cả họ sẽ phải làm sao để việc làm của mình tuân theo luật pháp nước họ cũng như định hướng chính trị của cá nhân họ, nhưng chúng tôi đã có kết quả mình muốn: mọi người đều sẵn sàng giúp đỡ.

Qua thời gian, tại Ápganixtan, chúng tôi đã xây dựng được thứ gọi là Center Ice (Trung tâm Băng), một sáng kiến của Mỹ kết hợp những đối tác SIGINT này thành một mạng lưới chiến thuật đơn lẻ. Sự đầu tư của chúng tôi chẳng qua cũng chỉ là các máy tính xách tay và đường liên lạc bảo mật, song việc đó cho phép chúng tôi phối hợp và giảm nguy cơ xung đột trong hoạt động thu thập thông tin giữa các đơn vị quốc gia.

Chúng tôi cũng không ngần ngại phát huy tính sáng tạo trong lựa chọn đối tác. Ngay trước sự kiện 11/9 chúng tôi đã tiếp cận một số quốc gia Trung Á để thiết lập quan hệ hợp tác. Địa bàn cơ sở trước đây thuộc Liên Xô ở Termez, Udobêkixtan nhìn ngay xuống dưới vùng yết hầu Mazar-i-Sharif ở phía bắc Ápganixtan. Ngay cả khi một số nơi thuộc địa bàn cơ sở này vẫn gắn với hệ thống SIGINT của Nga, song yếu tố địa lý khiến nơi đây trở nên quan trọng với chúng tôi.

Bên ngoài phạm vi SIGINT, NATO đã có một động thái gây sửng sốt mà chủ yếu mang tính tượng trưng vào mùa Thu

năm 2001. Liên minh quân sự này viện dẫn Điều 5, nêu rõ rằng một cuộc tấn công chống lại một nước là một cuộc tấn công chống lại tất cả, và triển khai Hệ thống Chỉ huy và Kiểm soát trên không (AWACS) của NATO đến Bắc Mỹ để phòng thủ cho lục địa này. Tôi đã dành đến 30 năm trời suy nghĩ về khả năng dịch chuyển sức mạnh quân sự theo chiều ngược lại và ví dụ ở thế giới thực đầu tiên về phòng thủ chung là châu Âu đến đây để giúp đỡ chúng ta. Thấy cũng lạ.

*

* *

Đương nhiên tại NSA chúng tôi cũng phải chăm lo cho việc tự bảo vệ mình. Chúng tôi luôn có người rơi vào tình huống nguy hiểm. Máy bay hoạt động SIGINT đã từng bị Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên bắn hạ trước đây, trong khi không quân Ixraen đã từng oanh tạc một tàu hoạt động SIGINT năm 1967. Nhưng chúng tôi luôn quan niệm rằng nơi đóng quân, như Fort Meade hay một cơ sở hoạt động nào khác, cũng là nơi trú ẩn an toàn. Vụ tấn công khủng bố 11/9 cho thấy điều này không còn đúng nữa.

Tình trạng ách tắc giao thông do lệnh của tôi sơ tán những người không phận sự vào ngày 11 tháng 9 cho thấy rất rõ ràng, chúng tôi chưa chuẩn bị tốt việc phòng thủ tại chỗ. Và có quá nhiều khu nhà của chúng tôi nằm quá gần các khu đất công và đường cao tốc.

Nhiều người trong đội ngũ nhân sự của tôi ý thức được điều đó và tôi biết, gia đình họ cũng vậy. Tôi đã cố làm dịu bớt mối lo ngại này bằng một bức thư gửi cho gia đình của toàn thể nhân viên cơ quan. Trong thư tôi viết: “Xin mọi người cứ yên tâm, tin tưởng rằng mọi nỗ lực đang được thực hiện nhằm

bảo đảm an toàn cho nhân viên của chúng tôi. Chúng tôi sẽ tự bảo vệ mình - nhưng, điều quan trọng nhất, chúng tôi sẽ bảo vệ đất nước”.

May sao, chúng tôi có một chương trình mang tên PSAT (Chương trình Chống khủng bố an ninh vòng ngoài) đang được triển khai, vậy nên chúng tôi đã đẩy nhanh tiến độ chương trình đó. Chúng tôi định hướng biến NSA thành một khu liên hợp an toàn (giống như CIA), mà không phải những tòa nhà biệt lập có thể đi vào được từ các tuyến đường giao thông công cộng. Ngoài ra, quanh khu trụ sở của chúng tôi được đặt những tảng đá lớn để những vụ đánh bom bằng xe không thể tiếp cận được chúng tôi. Chúng tôi tranh thủ sự hợp tác của các đơn vị quân sự địa phương để đe dọa những kẻ tấn công tiềm tàng bằng sự hiện diện vô cùng đáng sợ của xe bọc thép chở lính có trang bị vũ khí tại các cổng dành cho xe ra vào của chúng tôi. Con trai út của tôi thời gian đó đang tìm hiểu cô gái mà giờ đây là vợ nó và một trong những lần ra mắt gia đình đầu tiên là con bé đi qua một trạm kiểm soát như vậy để vào khu căn cứ của chúng tôi.

Chính quyền tiểu bang Maryland nỗ lực rất nhiều để bảo vệ chúng tôi, nhất là những tòa nhà của chúng tôi gần Tuyến đường 50, nơi họ quyết định nấn lại làn đường. Chúng tôi cũng đã đẩy mạnh áp dụng CONFIRM - hệ thống ghi lại thông tin thẻ quẹt của những người ra vào các cơ sở của chúng tôi. Giờ đây những dữ liệu như vậy có thể được lưu giữ tách biệt bên ngoài. Trong trường hợp xảy ra thảm họa, ít ra chúng tôi cũng biết ai có mặt, ai không có mặt trong các tòa nhà của mình.

Nhưng công việc không chỉ liên quan đến việc bảo vệ hệ thống cơ sở vật chất hay thậm chí là nhân sự của chúng tôi. Chúng tôi cũng phải bảo vệ cơ sở hạ tầng số và tài sản trí tuệ của mình. Đất nước này sẽ ra sao nếu chúng tôi để hệ thống

máy tính hoặc mã nguồn của mình lọt vào tay một đối tượng tấn công nào đó?

Vì không bao giờ muốn trả lời cho câu hỏi đó, chúng tôi đã bắt tay xây dựng một cơ sở dữ phòng, nơi sẽ lưu trữ bảo vệ phần lớn khối lượng những thứ nói trên. Chúng tôi nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía Nghị sĩ Quốc hội David Obey đến từ tiểu bang Wisconsin, người đã vận động chuẩn chi ngân sách duy trì năng lực hệ thống siêu máy tính của chúng tôi. Không phải ngẫu nhiên mà ngài Nghị sĩ này là người đến từ Wisconsin, nơi sản xuất các máy tính Cray của chúng tôi. Đó vẫn là một ý rất hay. Nhưng chúng tôi cũng biết rằng chỉ duy trì năng lực hệ thống siêu máy tính thôi là chưa đủ. Chúng tôi còn phải duy trì khả năng hoạt động của hệ thống tài sản của mình ở mọi khâu đầu mối. Thách thức ở đây là làm sao để nhân đôi NSA. Phải thật nhanh.

Chúng tôi hối hả xây dựng một địa điểm dự phòng, một khu liên hợp cơ sở vật chất tách biệt cho phép chúng tôi tạo sao lưu đến 80 phần trăm năng lực siêu máy tính của NSA mà chỉ cần đến 20 phần trăm năng lực thiết kế của cơ sở mới này. Đó không phải là thể giới hoàn hảo, nhưng ít ra nó cũng giúp chúng tôi duy trì hoạt động trong trường hợp xảy ra thảm họa. Chúng tôi giải mã bức thông tin đầu tiên tại cơ sở mới này vào cuối tháng 9 năm 2003. Với chúng tôi, việc đó mang lại cảm giác như việc lái đoàn tàu Golden Spike trên đỉnh Promontory năm 1869 vậy. Chúng tôi đã có thể thở phào đôi chút.

Chúng tôi có một lựa chọn cuối cùng để bảo đảm tính liên tục cho công tác điều hành tác chiến. Khi chúng tôi đang hướng tới một mùa nghỉ lễ với bộn bề nội dung thông tin trao đổi cơ sở chưa xử lý, tôi đã gọi cho David Pepper bên GCHQ để nói rằng, trong trường hợp xảy ra thảm họa mất dữ liệu, chúng tôi sẽ giao phó việc quản lý hệ thống thông tin SIGINT của Mỹ cho ông ấy

và cho đại diện cấp cao của chúng tôi tại London. Sự im lặng hồi lâu ở phía bên kia đường dây mật đã cho thấy tính nghiêm trọng của mối đe dọa và gánh nặng vô cùng to lớn mà tôi đang cố đặt lên vai một người bạn.

*

* *

Trong khi chúng tôi đang xử lý các vấn đề hiện tại và chuẩn bị cho tương lai, Quốc hội lại muốn chất vấn chúng tôi về quá khứ và việc làm sao để xảy ra vụ tấn công 11/9. Ủy ban Tình báo của cả Hạ viện và Thượng viện đã tổ chức ra cái gọi là Ủy ban Thẩm tra hỗn hợp (JIC) và bắt đầu tiến hành các phiên điều trần, cả công khai lẫn bí mật. Đây là sự khởi đầu cho một làn sóng những cuộc thẩm tra (Ủy ban 11/9, Ủy ban Thẩm tra vũ khí hủy diệt hàng loạt, rồi sau đó là những thứ có vẻ ngoài tương tự những cuộc thẩm vấn của CIA) đã tiêu tốn rất nhiều thời gian của một số người giỏi nhất trong cộng đồng tình báo.

Phiên điều trần công khai lớn do JIC tiến hành vào tháng 10 năm 2002, nơi George Tenet, Giám đốc FBI Bob Muller và tôi cùng ngồi tại bàn nhân chứng. Sự kiện đó diễn ra trong một ngày và sau đó trên trang của tạp chí *Time* có hình của ba chúng tôi đang giơ tay phải lên tuyên thệ.

Mọi việc không tệ như chúng tôi nghĩ. Các vị chủ tọa là Nghị sĩ Quốc hội Porter Goss và Thượng nghị sĩ Bob Graham kiểm soát mọi thứ rất chặt chẽ. Trong phiên điều trần, tôi đã thừa nhận rằng, đáng buồn thay, NSA không hề biết trước về vụ tấn công ngày 11 tháng 9 và chúng tôi gặp phải sự thách thức của cuộc cách mạng viễn thông toàn cầu. Chúng tôi đã ganh đua thành công với Liên Xô. “Giờ đây, chúng tôi buộc phải theo kịp cuộc cách mạng viễn thông toàn cầu, có thể là cuộc

cách mạng có ảnh hưởng sâu sắc nhất trong lịch sử liên lạc nhân loại kể từ khi Guttenberg phát minh ra máy in mẫu trượt”. Và chúng tôi đang làm việc đó chưa được tốt lắm.

Tôi có phàn nàn rằng nguồn lực và nhân sự của tôi đã bị cắt giảm một phần ba vào thập niên trước đó, một thập niên chứng kiến “số lượng điện thoại di động tăng từ 16 triệu lên 741 triệu chiếc, tức là tăng gấp gần 50 lần... Số lượng người dùng internet tăng từ khoảng 4 triệu lên đến 361 triệu người, nghĩa là tăng gấp hơn 90 lần... một nửa số điện thoại cố định được lắp đặt trong sáu năm cuối thập niên 1990 tương đương số lượng điện thoại cố định được lắp đặt trong những năm trước đó của thế giới. Cũng trong thập kỷ đó,... lưu lượng điện thoại quốc tế tăng từ 38 tỷ phút lên tới hơn 100 tỷ phút. Năm nay [2002], người dân khắp thế giới sẽ dành hơn 180 tỷ phút chỉ để thực hiện các cuộc gọi quốc tế”.

Tôi thừa nhận rằng mình đã không bố trí đủ nguồn lực cho hoạt động chống khủng bố xét về đội ngũ chuyên gia ngôn ngữ và phân tích nhưng cũng chỉ rõ rằng “nếu như những buổi điều trần này được tiến hành để thẩm tra về một cuộc chiến đã nổ ra ở bán đảo Triều Tiên hay một cuộc khủng hoảng ở eo biển Đài Loan (Trung Quốc), nếu chúng ta bị bất ngờ trước cuộc xung đột ở Nam Á, nếu chúng ta đã mất một máy bay trên bầu trời Iraq, hay nếu quân đội Mỹ gánh chịu thương vong ở Bosnia hay Kosovo - bất kỳ trường hợp nào trong số những trường hợp trên xảy ra, tôi sẽ có mặt tại đây để nói với các vị rằng tôi đã không bố trí đủ lực lượng chuyên gia phân tích hay chuyên gia ngôn ngữ để xử lý vấn đề”.

Tôi kết thúc bằng việc chúc mừng ủy ban đã xúc tiến một cuộc đối thoại toàn quốc rất thiết thực để bàn về sự cân đối giữa an ninh và quyền tự do. Đó là sự đề cập gián tiếp trong một buổi họp mở hướng vào những thách thức của chương trình Stellarwind.

Đây là chương trình thu thập thông tin bí mật (xem Chương V) đang được triển khai nhưng có chưa đầy mười người trong căn phòng ủy ban đông đúc này biết về nó. “Tôi thực sự không cảm thấy được giúp đỡ khi các vị nhắc nhở rằng tôi cần có thêm chuyên gia tiếng Ả-rập hay ai đó giỏi đoán những nội dung chặn thu khó hiểu trong các tập tin của mình, việc mà ngày nay nghe có vẻ hợp lý hơn nhiều so với hai năm trước. Điều tôi thực sự cần là các vị nói chuyện với cử tri của mình và tìm hiểu xem người Mỹ muốn đặt ranh giới giữa an ninh và quyền tự do ở đâu”.

Tại đó, tháng 10 năm 2002, tôi đã tóm lược câu hỏi của một thập kỷ sau một cách hết sức súc tích: “Với sứ mệnh hoạt động của NSA, chúng tôi phải vạch đường ranh giới giữa sự cần thiết thu thập thông tin chống khủng bố liên quan đến người dân Mỹ của chính phủ và những lợi ích về quyền riêng tư của những người đang sinh sống tại Mỹ ở đâu?”

Sau những tiết lộ của Edward Snowden năm 2013 (xem Chương XXI), NSA bị cáo buộc đã dừng dừng và có những vi phạm vô cớ đối với quyền riêng tư của người Mỹ. Cả hai nội dung cáo buộc trên đều không đúng. Nhân thế, câu hỏi năm 2002 của tôi dành cho Quốc hội đã không được báo cáo lại (và gần như không nhận được câu trả lời).

Tôi đã có thái độ thủ thế rất cao; suy cho cùng, ẩn ý đằng sau cách hỏi của họ là rất rõ ràng: Làm sao các vị có thể để chuyện này xảy ra? Nhưng đáng ra tôi không cần phải “xù lông” như thế. Đối tượng mà họ thực sự muốn đeo bám là George Tenet.

Họ đang dẫn cho George tôi tả về việc CIA đã để lọt một cặp đôi khủng bố, những kẻ đã từng dự một cuộc họp ở Kuala Lumpur và sau đó tiếp tục lên đường đến San Diego. Cặp đôi này từng sống ở California bằng tên thật và sau đó trở thành

hai trong số những gã vạm vỡ trên chiếc máy bay của hãng American Airlines đâm vào Lầu Năm Góc. Không có sổ sách nào ghi rõ việc ai biết điều gì, hoặc khi nào và những gì CIA đã chuyển hoặc không chuyển cho FBI. Một số thành viên ủy ban còn ép George khai ra tên của chuyên gia phân tích liên quan nhiều nhất đến việc này. George từ chối. Có lúc George còn giả vờ cúi xuống để với chiếc cặp của anh ấy đặt trên nền nhà, dưới chân chúng tôi và ghé gần tai tôi nói thầm: “Tôi sẽ không giao nộp cô ấy đâu. Tôi sẽ không giao nộp cô ấy đâu”.

Phiên điều trần đó kéo dài cả ngày. Chúng tôi không có thời gian nghỉ giải lao. Còn các thành viên của Ủy ban thì cứ đi ra, đi vào. Một số người ra căngtín lấy bánh sandwich, mang trở lại phòng và ăn ngay chỗ bực ngồi. Lúc 2 giờ, George quay sang trợ lý phụ trách liên lạc lập pháp của mình và than vãn: “Họ có định cho chúng ta ăn hay không đây?”

Họ không định làm điều đó, nên viên trợ lý đã phải chạy ra căngtín của Thượng viện để lấy bánh sandwich salad trứng. Khi anh ấy chia bánh, cả ba chúng tôi vẫn đang ngồi tại bàn nhân chứng và vẫn đang cung cấp lời khai, lúc này dường như mọi máy quay ở Washington đột ngột xuất hiện ở khoảng giữa bàn của chúng tôi và bực ngồi của thành viên Ủy ban, sẵn sàng chớp lấy những hình ảnh ấn tượng về các nhân chứng đang nhồm nhoàm nhai nuốt. Nhưng những chiếc bánh sandwich không được mở ra và chúng tôi vẫn không nhét được gì vào bụng.

Trên đường ra khỏi nơi đó sau cả một ngày dài, một người nhà nạn nhân vụ tấn công khủng bố 11/9 đã níu tôi lại. Bà ấy trông có vẻ vẫn rất đau buồn và những sự kiện của ngày hôm đó chắc chắn không làm bà ấy dễ chịu. Tôi trò chuyện với bà ấy một lúc, nói những điều đại loại như tất cả chúng tôi đang cố hết sức mình. Tôi chỉ dám hứa có vậy.

Phiên điều trần kín với JIC diễn ra hơi kỳ quặc một chút. Nó được tiến hành tại một phòng điều trần bảo mật bên phía Hạ viện với rất nhiều thượng nghị sĩ không ngồi trên bục mà thay vào đó, họ phải ngồi tại các bàn nhỏ, trên những chiếc ghế nhỏ được đặt ở giữa. Họ trông như thể các phụ huynh đang ngồi dự thính trong lớp học của con mình.

Trong phiên điều trần này, Thượng nghị sĩ Richard Shelby đến từ tiểu bang Alabama gay gắt cáo buộc NSA liên quan đến hai vụ chặn thu thông tin được thực hiện vào ngày 10 tháng 9 nhưng mãi đến ngày 12 tháng 9 mới được xử lý, dịch và báo cáo lại. Một vụ có nội dung: “Cuộc hành quân sắp bắt đầu”, còn vụ kia có nội dung: “Ngày mai là giờ G”.

Người thực hiện cuộc liên lạc có mối liên hệ với al-Qaeda nhưng không phải là nhân vật cấp cao. Những cụm từ trên cũng chỉ mang ý gián tiếp và hòa lẫn trong những nội dung trao đổi dài dòng về nhiều vấn đề khác nhau.

Chúng chắc chắn không nói trước về một cuộc tấn công sẽ diễn ra và không hề có bất kỳ chi tiết nào về thời gian, địa điểm hay bản chất của những việc có thể xảy ra. Không có New York, cũng chẳng có Washington. Không hề dùng máy bay làm vũ khí. Càng nghiên cứu kỹ, chúng tôi càng thấy có vẻ chúng nói đến những sự việc sau vụ ám sát Ahmad Shah Massoud, Chỉ huy tối cao của Liên minh phương Bắc ở Ápganixtan, người bị sát hại ngày 09 tháng 9.

Dù thế nào đi chăng nữa thì trong suốt mùa Hè năm 2001 chúng tôi đã chặn thu được hơn hai chục lời cảnh báo như thế về việc có điều gì đó sắp xảy ra. Với ý thức trách nhiệm, chúng tôi đã làm bản báo cáo về những nội dung này, song không một bản nào trong số trên liên quan đến hoạt động tấn công khủng bố.

Đôi khi việc không xảy ra một cuộc tấn công là do những điều chúng tôi đã báo cáo. Tháng 7, chúng tôi ghi lên được một cuộc liên lạc giữa Ápganixtan và Arập Xêút. Đó là cuộc nói chuyện về một trận bóng đá và khi được hỏi trận đấu sẽ diễn ra ở đâu, người bên phía Ápganixtan nói: “Ở đâu đó trong vùng anh ở”. Đương nhiên là chúng tôi đã gửi cảnh báo đến những người Mỹ ở vùng này; một số đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đã có những biện pháp đề phòng thích hợp. Sau đó, chúng tôi có chặn nghe được cuộc liên lạc của chính những người này và khi được hỏi trận đấu diễn ra chưa, câu trả lời là chưa, vì khán giả chưa đến.

Tôi đã cố giải thích với các ủy ban về cơ chế hoạt động SIGINT, rằng hàng nghìn lần mỗi ngày, các nhân viên của tôi phải trả lời những câu hỏi khó như: Người đang liên lạc là ai? Họ có vẻ gì là người hiểu biết không? Những từ ngữ hay đoạn văn khóa [then chốt] xuất hiện ở đâu trong cuộc hội thoại? Phản ứng trước những từ ngữ này là thế nào? Những sự kiện thế giới và văn hóa nào có thể định hình nên những từ ngữ này?”

Tôi đã giải thích rằng NSA hiếm khi nghe được cuộc hội thoại khi nó đang diễn ra. Các bản ghi nội dung được thu thập, lưu trữ và phân loại, để rồi sau đó một chuyên gia ngôn ngữ xử lý lần lượt các bản ghi này. Chúng tôi cũng xử lý theo trình tự như vậy với các bản ghi chặn thu được ngày 10 tháng 9. Và kế hoạch làm việc để xử lý lượng bản ghi chặn còn tồn chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng từ yêu cầu chuyển ưu tiên khi loạt vụ tấn công khủng bố 11/9 nổ ra.

Giờ đây, bạn có thể nghĩ rằng các ủy ban giám sát hoạt động tình báo sẽ có sẵn một ý tưởng rất hay về chuyện như thế này. Nhưng bạn có thể nhầm. Lúc này họ còn chẳng hiểu nổi giải thích của tôi.

Quá bức mình, tôi đã lôi ra tập văn bản (không phải tập báo cáo mà là tập bản ghi dạng văn bản) của những cuộc nói chuyện chúng tôi chặn thu được. Tôi đã đọc các bản này không sót chỗ nào, kể cả đoạn nói chuyện ngắn, những câu chào hỏi và một cuộc thảo luận dài về việc cần thay pin. Tôi nói: “Là pin thật. Không phải mật mã ám chỉ thứ gì cả”.

Khi đã nói xong, tôi đặt tập giấy xuống và nhìn lên phía thành viên ủy ban. “VẬY CÁC VỊ NÓI THỬ XEM. Cảnh báo chiến lược hay là hai gã ắt ở nào đó đang bơm gas tại cửa hàng 7-Eleven?”.

Chúng tôi được giải lao một chút trong cuộc điều trần ngắn này và tranh thủ ăn chút sandwich trong lúc các thành viên ủy ban tản đi đâu đó. Khi trở lại phiên làm việc buổi chiều, chúng tôi bắt đầu chọn lại chủ đề “ngày mai là giờ G”. Nhưng lúc này George và tôi nhận được lưu ý từ đội ngũ trợ lý của mình rằng phiên điều trần (kín) vào buổi sáng đang được phát trên CNN, trong đó có cả những đoạn hội thoại báo diêm xấu vào ngày 10 tháng 9.

Như một sự sắp đặt của vận may, Nghị sĩ Jane Harman lại đang than vãn về tình trạng rò rỉ thông tin mật nói chung khi George và tôi ngắt giữa chừng cuộc khai chứng để nói với Porter Goss, người đang làm chủ tọa phiên điều trần này, về những điều đang diễn ra. Ông ấy rất giận dữ và nói ra như vậy.

Trong phiên điều trần này, cánh báo chí không tiếp cận được chúng tôi, đương nhiên là vậy. Tuy nhiên, khi trở về trụ sở, chuông điện thoại reo như muốn rơi khỏi giá đỡ vì cánh nhà báo gọi để xin bình luận của chúng tôi - và đương nhiên là chúng tôi không thể cung cấp cho họ vì đây vẫn là thứ thuộc diện tối mật. Chưa thể xác định chính thức sự rò rỉ bắt nguồn từ đâu. Tuy nhiên, có một phóng viên mặt trận, người đã gọi đến NSA, đưa ra một câu hỏi đầy hiếu kỳ: “Tay Shelby [Thượng nghị sĩ đã

thăm vấn chúng tôi về các nội dung chặn thu vào buổi sáng] đã làm gì chống lại các vị vậy?”

Ngay cả khi bị JIC gây rối trí, chúng tôi vẫn ngày ngày mài sắc vũ khí của mình trong cuộc chiến chống lại al-Qaeda và, nói một cách thẳng thắn, đang nhận được những kết quả rất khả quan. Tháng 3 năm 2002, CIA và Cơ quan Tình báo liên sở (ISI) của Pakixtan đã tóm cổ được Abu Zubaida, nhân vật đầu tiên trong số nhiều thủ lĩnh cấp cao của al-Qaeda mà chúng tôi sẽ tóm, để rồi sau đó George Tenet đã tử tế gọi điện về nhà cho tôi để thông báo và cũng để cảm ơn khi Khalid Sheikh Mohammed đối mặt với số phận tương tự.

Dẫu vậy, đến lúc này, Iraq cũng đang trở thành một điểm nóng. Tôi phải thừa nhận đôi lúc có những khoảnh khắc đen tối, và tôi tự hỏi mình tại sao chúng tôi lại phải làm điều đó. Saddam nguy hiểm, nhưng ông ta chẳng đi đến đâu cả. Thế nhưng tôi không phải là người quyết sách. Tôi chỉ chú tâm vào việc kết thúc nhanh chóng bất kỳ cuộc chiến nào ở đó.

Chương IV

LẠI VÀO CUỘC CHIẾN... HẾT TRẬN NÀY ĐẾN TRẬN KHÁC

Fort Meade, Maryland, 2002-2005

Như vậy, trong lúc vừa giải quyết các vấn đề theo sau sự kiện 11/9 với Quốc hội thì chúng tôi lại phải chuẩn bị cho cuộc chiến ở Iraq.

Dẫu tốt xấu thế nào thì NSA vẫn có một vai trò mạnh mẽ trong cuộc chiến đó. Rõ ràng có những người trong chính quyền đương nhiệm tin rằng vụ khủng bố 11/9 biện minh cho một cuộc tấn công nhằm vào chế độ Saddam. Để làm cơ sở cho lý lẽ của mình, họ thường nhắc đến mối liên hệ giữa Chính phủ Iraq và al-Qaeda cũng như đôi lúc kêu gọi phân tích chi tiết hơn những mảng thông tin tình báo tín hiệu cụ thể mà họ cảm thấy có thể làm cơ sở cho lý lẽ của mình.

Việc đó xảy ra thường xuyên tới mức tôi sợ một số thông tin của chúng tôi có thể bị áp dụng sai bối cảnh, vậy nên đã chỉ đạo đội ngũ chuyên trách vấn đề Iraq của mình rằng, bất cứ khi nào yêu cầu làm việc đó, phải quán triệt báo cáo theo tinh thần câu nói này: “Khi xem xét nguyên dạng và nguyên trạng, thông tin tình báo tín hiệu không chứng minh cũng như không phản bác mối quan hệ hoạt động giữa Chính phủ Iraq và al-Qaeda”.

Các cơ quan tình báo, nhất là các cơ quan của Saddam Hussein, thường có mối tiếp xúc với nhiều người. Những mối tiếp xúc đó

không phải là loại hình cộng tác, hợp tác hay quan hệ trên dưới như chúng ta thường thấy. Tôi không định nói ra giả thuyết này hoặc tìm bằng chứng để chứng minh giả thuyết này là thái quá hay thậm chí là trái với nguyên tắc thông thường. Dù sao đi nữa cũng chẳng có gì chứng minh cho điều này.

Nhưng tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng có bằng chứng về vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Tôi đang ở trong phòng họp bên cơ quan của George Tenet lúc chúng tôi biểu quyết về bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE) mà đang nổi đình, nổi đám. Tôi bỏ phiếu THUẬN - cho mọi nội dung. Khi đó tôi thấy thoải mái với biểu quyết của mình. Trước đó tôi có nói với Condi Rice, Cố vấn an ninh quốc gia, trong một cuộc nói chuyện riêng tư rằng tôi có cả một buồng đầy bằng chứng về việc Saddam sở hữu một chương trình WMD. Tôi giải bày: “Cả một buồng đầy bằng chứng. Tất cả đều dựa vào chứng cứ gián tiếp [suy đoán]”.

Đó thường là bản chất của thông tin SIGINT, thực ra cũng là bản chất của rất nhiều loại thông tin tình báo. Những năm về sau Michael Morrell, khi đó là Phó Giám đốc CIA, có tường trình với Tổng thống Obama về khả năng Osama bin Laden đang ẩn náu tại khu nhà dinh thự ở Abbottabad. Hóa ra một số nhân vật trong CIA coi khả năng này là không hơn 50/50; những người khác lại suy đoán khả năng là 9 trên 10. Khi Tổng thống căn vặn làm sao lại có sự chênh lệch lớn đến vậy giữa hai luồng suy đoán, Michael trả lời rằng nhóm xây dựng bản Đánh giá Tình báo quốc gia về Irắc là những người bảo thủ nhất, trong khi nhóm chỉ làm công việc chống khủng bố và chống al-Qaeda lại là những người lạc quan nhất. Michael nói thêm rằng, trong cả hai trường hợp, bằng chứng đều mang tính suy đoán - và rằng chúng ta có thể có nhiều thứ mang tính suy đoán như vậy cho vấn đề WMD của Irắc hơn những gì chúng ta có cho Abbottabad.

Tay tình báo này thực sự phải đối mặt với mức rủi ro cao nhất khi anh ta nói với người quyết sách [Tổng thống] những điều ông ấy muốn nghe. Và không ai may mắn nghĩ ngờ việc Saddam có mối liên hệ với vũ khí hủy diệt hàng loạt đã mang lại cho chính quyền Bush cơ sở công khai rõ ràng nhất để biện minh cho việc tiến hành chiến tranh. Paul Wolfowitz, thời điểm đó là Thứ trưởng quốc phòng, đã thừa nhận việc này. Đó là lý lẽ dễ tạo ra nhất. Chỉ có điều, đó là lý lẽ sai.

Những năm về sau, khi bàn luận về vấn đề nhạy cảm này, các sử gia của NSA đã khiến tôi ngạc nhiên bằng việc liên hệ vấn đề này với trận chiến vĩ đại tại Antietam trong thời kỳ Nội chiến Mỹ vào ngày đẫm máu nhất trong lịch sử Mỹ. Các lực lượng quân Liên bang miền Bắc (Union) ở đó nằm dưới quyền chỉ huy của Tướng George McClellan, một con người thận trọng thái quá, lúc nào cũng cho rằng quân của mình bị quân của Tướng Lee áp đảo số lượng. Thực ra, trong trận đánh này, quân của ông ấy đông gấp đôi quân của Tướng Lee và đã ghim chặt được Quân đoàn Nam Virginia [của Liên minh miền Nam] tựa lưng vào sông Potomac và con lạch nhỏ duy nhất phía sau nó.

Nhưng McClellan đã quá thận trọng và trợ thủ về tình báo của ông là Allan Pinkerton (một thám tử lừng danh) càng khiến ông thêm thận trọng bằng những báo cáo về những quân đoàn trong tưởng tượng mà Tướng Lee dẫn theo mình qua sông. Không ai trong số hai người này không thành thật cả, nhưng xu hướng nhận định của mỗi người lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ người kia đến mức thực sự không thể biết ai đang đánh lừa ai. Trong bất kỳ trường hợp nào thì McClellan đã cho quân đánh trong tâm trạng lo sợ, chỉ cử từng bộ phận nhỏ tham chiến và đánh cầm chừng theo từng đợt, để rồi Tướng Lee thoát được và tiếp tục lãnh đạo quân chiến đấu.

Bài học rõ ràng của sử gia NSA là: khi thông tin tình báo khiến một người quyết sách quá vui mừng, ông ta nên cân vạy

kỹ về thông tin đó; còn khi ông ta không làm vậy, người tường trình thông tin tình báo cần triển khai một tổ thẩm định độc lập để kiểm chứng những kết luận của chính mình xem chúng có bảo đảm cơ sở hợp lý hay không.

Còn nhân viên tình báo mang tới thông điệp không vui về cần quyết liệt khẳng định, thực sự là phải quyết liệt, như cách mà Carl Ford của Bộ Ngoại giao đã làm (nhưng không thành công) khi chúng tôi tranh luận về các ống hợp kim và chương trình hạt nhân của Saddam hồi cuối năm 2002. Carl ngang bướng tới mức bị coi là tên khốn đê tiện. Tất cả những gì ông ấy nhận được từ việc đó là một dòng ghi chú cuối trang rằng bộ phận tình báo của Bộ Ngoại giao không đồng ý với một số nội dung kết luận của bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE).

Chúng tôi điều đình để giải quyết sai sót của mình bằng việc trình bày những kết luận của chúng tôi trong NIE bằng ngôn ngữ được đánh giá là rõ ràng. Bất kỳ ai đọc sản phẩm cuối cùng cũng phải kết luận rằng chúng tôi rất kiên định trong đánh giá tình hình, dù nguồn cung cấp thông tin tình báo con người và thông tin tình báo tín hiệu của chúng tôi khá mỏng và (như đã nêu) nhiều nhất cũng chỉ dựa vào suy đoán tình huống.

Truyền thuyết thời hiện đại kể rằng chúng tôi bị Nhà Trắng, và đặc biệt là Phó Tổng thống Cheney, ép viết một bản trình bày lý lẽ ủng hộ việc tiến hành cuộc chiến. Tôi chưa hề phải chịu sức ép nào như vậy, còn khi đến CIA và nói chuyện với những người có liên quan trực tiếp hơn, họ cho hay không hề cảm thấy sức ép nào cả. Chúng tôi chỉ nhận định sai vấn đề mà thôi.

Khi chuẩn bị rời khỏi chính phủ, tôi nhấn mạnh với Leon Panetta, khi đó chuẩn bị về làm Giám đốc CIA, rằng tôi đã đọc một số phần bình luận của ông ấy về Irắc trong lúc ông ấy đang dành thời gian cho cuộc sống riêng tư. Tôi nói: “Leon này, đây không phải là Nhà Trắng. Đây là chuyện của chúng ta.

Chúng ta chỉ nhận định sai vấn đề mà thôi. Đó là giữa một cú *swing* chuẩn và một cú đánh trượt”. Cộng đồng tình báo đã hạ mức độ đánh giá về khả năng sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt của Irắc trước cuộc Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất. Giờ đây chúng ta lại nâng cao thái quá.

NSA cũng có vai trò trong bài diễn văn [vấn số] kêu gọi sử dụng vũ lực của Bộ trưởng Powell trước Liên hợp quốc tháng 02 năm 2003. Ba bản nội dung chặn thu liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Irắc được trình bày trong lúc ông ấy phát biểu. Tôi đã phải giải thích việc công khai những nội dung này (theo thủ tục) và cam đoan chúng xác thực và được dịch lại chính xác (mà đúng là như vậy).

Còn bản nội dung chặn thu thứ tư đang đợi để tùy tình hình quyết định có nên đưa vào thuyết minh cho bài diễn văn hay không. Bản này xét theo một số khía cạnh thì có nội dung rõ ràng và chi tiết hơn các bản kia. Trình bày bản này ở New York sẽ mang đến hiệu quả bất ngờ. Nhưng nó cũng có thể gây hiểu lầm trầm trọng. Mặc dù mức độ gợi ý cao việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt và quả thực là thông tin đến từ Irắc, song bản nội dung này lại không đến từ một bộ phận của Irắc do chính phủ kiểm soát và chúng tôi không thấy bằng chứng về mối liên hệ với chính quyền Baghdad.

Tôi đã cử chuyên gia ngôn ngữ giỏi nhất đến Langley để giải thích rõ điểm này. Chuyên gia đã làm việc đó. Chẳng có tác dụng gì. Phần nội dung xen vào đã bị cắt bỏ.

Thời gian đầu năm 2004, có thể thấy rõ là chúng tôi đã nhận định sai vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt. Không hề có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Ta phải làm gì khi biết mình sai? Rõ ràng là ta cần đến bộ công cụ hành nghề của mình. Chúng tôi đã làm vậy.

Nhưng có một khía cạnh thậm chí còn lớn hơn. Ngay trước dịp Giáng sinh 2003, một sử gia NSA đã nghiên cứu trường hợp

diễn hình về một quyết sách quốc gia khác được đưa ra dựa vào thông tin tình báo sai lệch: Nghị quyết vịnh Bắc Bộ, thứ đã dẫn đến cuộc leo thang lớn của Mỹ tại Đông Nam Á. Trường hợp diễn hình này dường như phù hợp với tình cảnh hiện tại của chúng tôi. Quá phù hợp là đằng khác.

Nhà sử học này đã gửi email cho tôi để bày tỏ mối lo ngại. Ông ấy bắt đầu: Mặc dù đây là một tình tiết “có ảnh hưởng đặc biệt mạnh mẽ và có kết cấu phong phú do khả năng dẫn đến những ý kiến buộc tội về một “kế hoạch che đậy” những sai sót tình báo, cũng như thứ mà một số người có thể coi là điểm tương đồng mạnh mẽ với cuộc tranh cãi hiện thời về cơ chế báo cáo thông tin tình báo liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt ở Irắc, chúng tôi muốn bảo đảm lần này ngài coi việc sử dụng nghiên cứu trường hợp diễn hình này là việc làm thích hợp”.

Ngày hôm sau tôi trả lời: “Tôi không thấy có vấn đề gì - sử dụng tài liệu giàu yếu tố lịch sử này để giải quyết những mối lo ngại vẫn đang tồn tại nghe có vẻ rất hay”. Và chúng tôi đã làm việc đó.

Ngày 02 tháng 8 năm 1964, các tàu phóng lôi của Bắc Việt Nam đã tấn công tàu khu trục Mỹ *Maddox* do tàu khu trục này hỗ trợ việc bắn phá các đảo gần biển của Bắc Việt Nam. Thông tin tình báo SIGINT đã cảnh báo về một cuộc tấn công và nhóm tàu phóng lôi bị đẩy lùi. SIGINT ghi một điểm.

Sau đó, hai đêm sau, giữa lúc chính quyền Johnson đang gửi lời cảnh cáo đến Bắc Việt Nam về hành động tiếp theo, SIGINT đã nhận định nhằm báo cáo của Bắc Việt Nam về các hoạt động khắc phục thiệt hại từ đêm đầu tiên là cuộc tấn công thứ hai và đã ban bố một CRITIC (một dạng cảnh báo toàn cầu). Hành động lẩn tránh sau đó của hải quân Mỹ và những tín hiệu radar giả mạo được ghi lại đầy đủ trong những cuộc liên lạc dựa vào trạm phát ven biển của Bắc Việt Nam, và những chi tiết này đã được NSA thu thập và nhận định sai lầm

là bằng chứng tăng thêm việc sắp xảy ra một cuộc tấn công thứ hai. Tổng thống Johnson ra lệnh không kích các căn cứ tàu phóng lôi, còn Quốc hội thì ban bố Nghị quyết vịnh Bắc Bộ, cho phép tổng thống thực hiện “mọi bước cần thiết” để chặn đà tiến công của cộng sản ở Đông Nam Á.

Sau khi ban bố Nghị quyết này, NSA đã cố đưa ra lý lẽ bảo vệ cho câu chuyện của họ về việc đã xảy ra cuộc tấn công thứ hai. Không rõ là hoạt động điều tra sau đó của NSA được tiến hành cầu thả, dựa vào suy đoán sai lầm, hay đơn giản là bằng chứng bị lờ đi một cách có chủ ý. Nhưng có thể thấy rõ báo cáo ngày 04 tháng 8 là báo cáo sai.

Vịnh Bắc Bộ và vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt của Irắc là những bài học cảnh tỉnh.

Điều ngạc nhiên là, ở cương vị Giám đốc NSA, tôi không hề nhận được hướng dẫn chính thức về công tác chuẩn bị cho cuộc chiến với Irắc. Nhưng chẳng cần phải là một nhà khoa học tên lửa mới có thể biết rằng chúng ta đang hướng tới chiến tranh, vậy nên chúng tôi chuyển sang chuẩn bị cho thứ mà về sau được ước tính có giá trị khoảng 400 triệu USD để bảo đảm mọi thứ sẵn sàng cho cuộc chiến. Phó Giám đốc của Ban Thông tin tình báo tín hiệu (Ban SIGINT) của NSA, một cựu binh Chiến tranh vùng Vịnh, đã chỉ đạo nhóm mà chúng tôi thành lập để chuẩn bị cho cuộc chiến lịch sử của cơ quan liên quan đến cuộc Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất. Sau đó anh ấy tiến hành cái mà bên lục quân gọi là “mũi khoan đá” [cách nói trại của bài tập đồng nhất khẩu lệnh - ROCK Drill] để đồng bộ hóa những việc các đơn vị SIGINT chiến thuật và quốc gia khác nhau sẽ làm để hỗ trợ lẫn nhau.

Chuyên gia ngôn ngữ là một thách thức kinh niên, ngay cả trước khi có những yêu cầu phục vụ cho cuộc chiến này. Một năm trước, năm 2000, với sự tăng cường hoạt động của al-Qaeda và thông tin về kế hoạch của họ lan truyền rộng, CIA đã trang bị

một mẫu phương tiện bay không người lái (UAV) Predator với hệ thống camera quang điện tử và hồng ngoại để săn lùng al-Qaeda ở Ápganixtan. CIA tìm kiếm Osama bin Laden, các trợ thủ thân tín và trại huấn luyện của hắn, cũng như bất cứ bằng chứng nào về vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vận hành công việc này là nhiệm vụ rất khó khăn; cần xây dựng cả một hệ thống cơ sở hạ tầng nhân lực và trang thiết bị để xử lý lưu lượng video truyền về từ UAV.

Những nhiệm vụ giai đoạn đầu là không mang các gói thông tin SIGINT, nhưng việc đó không có nghĩa là NSA không phải làm gì. Dù các hệ thống phòng không của Ápganixtan có yếu đi chẳng nữa, chúng tôi vẫn không muốn mất thể diện chính trị từ việc mất một chiếc UAV, vậy nên đơn giản là chúng tôi không thể phớt lờ tầm bao phủ radar hạn chế và một vài chiếc máy bay MiG-21 của Taliban. Bất cứ dấu hiệu nào cho thấy phía Ápganixtan phát hiện được chiếc UAV Predator đều đồng nghĩa với việc phải hủy nhiệm vụ. Vậy nên chúng tôi không thể bay mà không theo dõi hệ thống phòng không, mà việc này lại đòi hỏi phải có chuyên gia ngôn ngữ. Thực ra, chúng tôi rất thiếu người nói tiếng Pashto, như việc cần chuyên gia về ngôn ngữ này, những người sẽ dành toàn tâm, toàn lực cho nhiệm vụ này bất cứ khi nào chiếc UAV Predator xuất hiện trên không phận Ápganixtan.

Người Ápganixtan cuối cùng cũng nỗ lực thực hiện một cuộc chặn thu, song chiếc UAV Predator quá nhỏ và bay quá chậm đến mức viên phi công trên chiếc MiG-21 báo cáo là anh ta không thấy nó - một cuộc nói chuyện đã được NSA báo cáo đúng lúc. Trên thực tế, bản chặn thu thực tế có nội dung hơi gián tiếp một chút. Thứ gì đó đại loại như “lũ chim phát hiện thấy bồ câu nhưng để mất dấu”. Một bài học thực tế hay cho bất cứ ai nghĩ rằng sẽ không vấn đề gì nếu “nói lái” những thông tin mật trên điện thoại.

Làm rất hay, nhưng chúng tôi sắp phải hoàn thiện mọi thứ để hỗ trợ cho một cuộc chiến toàn diện hay, nói đúng hơn, là một số cuộc chiến: Ápganixtan, al-Qaeda, sắp tới là Irắc. Chúng tôi bắt đầu rút các chuyên gia tiếng Arập ra khỏi nhiệm vụ để họ tập trung tăng cường khả năng về thổ ngữ Irắc. Mọi khía cạnh hoạt động, ngoại trừ hoạt động chống khủng bố, đều bị ảnh hưởng.

Chẳng có chiếc đòn bẩy thần thông nào ở đây cả. Chuyên gia phân tích ngôn ngữ giỏi thuộc nhóm hiếm và đặc biệt, vì họ phải là những người làm chủ được nhiều kỹ năng.

Đầu tiên và quan trọng nhất, họ cần phải am hiểu ngôn ngữ và văn hóa. Họ phải có khả năng suy xét mục tiêu thông minh: Ai liên hệ với ai? Bối cảnh tổng thể là gì? Họ sử dụng từ mã nào? Ai nói dối ai trên điện thoại? Cuối cùng, họ phải có hiểu biết về hệ thống SIGINT. Những nội dung chặn thu không phải là thứ ai đó dâng sẵn cho ta. Ta phải là người săn bắt hơn là một người hái lượm.

Theo những cách mà ít người hiểu được - phải xử lý một cuộc liên lạc bằng thứ tiếng khác tiếng ta nói, giữa hai cá nhân không thuộc văn hóa của ta và có thể hoàn toàn không có khả năng phân biệt thế giới thực tại với thế giới mà họ muốn như thế (phổ biến trong các tổ chức tôn giáo cực đoan như al-Qaeda) - xử lý tất cả những yếu tố đó và chuyển thành thứ gì đó dùng được là một nghệ thuật và khoa học bậc cao.

Có trường hợp các chuyên gia phân tích phải đối mặt với bài toán giải mã những nội dung liên tục nhắc đến một thứ đồ gia dụng nào đó của một nhóm khủng bố khét tiếng. Một chuyên gia ngôn ngữ đã quyết định ở lại làm việc cuối tuần để nghe thật kỹ từng đoạn nói xen. Các chuyên gia phân tích thường nghe lướt các đoạn nói xen để tìm ra những đoạn quan trọng; nếu không làm vậy họ sẽ không bao giờ hoàn thành được chuỗi dữ liệu đó. Nhưng bằng việc hy sinh dịp nghỉ cuối tuần,

chuyên gia phân tích này đã nghe mọi thứ và tập hợp những đoạn nói đến các đồ gia dụng này và một loạt các phụ kiện có màu khác nhau. Đến tối Chủ nhật thì anh ấy luận ra. Đồ gia dụng này tượng trưng cho hộ chiếu. Các phụ kiện là visa. Màu của chúng biểu thị màu visa các nước. Giải quyết xong.

Lần cuối cùng NSA chặn thu liên lạc của Osama bin Laden là năm 1997, nhưng đó không phải là lần cuối cùng họ nghe thấy tiếng hắn. Năm 2000, một nhân vật thân tín của Osama bin Laden gọi điện cho một nhân vật khác và dùng chất giọng khó nghe, cấm cử, theo cách mà chuyên gia phân tích cho là có điều gì đó không bình thường. Đoạn nội dung chen vào này quả là hóc búa. Tại sao lại nói với giọng kỳ quặc vậy? Cuối cùng chuyên gia phân tích quyết định vận thật to âm lượng, thì nổi lên trên nền âm thanh là tiếng của Osama bin Laden đang đích thân nói cho người đang liên lạc điện thoại những nội dung cần nói.

Chỉ ít ngày sau sự kiện 11/9, Nga đã chuyển cho chúng tôi lời cảnh báo về khả năng al-Qaeda sử dụng “thứ to lớn” dựa vào một bản chặn thu cuộc liên lạc giữa hai đối tượng khủng bố. Chúng tôi lập tức nghĩ đó là vũ khí hạt nhân và lòng sục khắp hệ thống của chúng tôi để tìm bản sao của đoạn nội dung này. Chúng tôi đã làm được và may sao đoạn đó có chất lượng rất tốt. Do George Tenet yêu cầu phải nhanh chóng có câu trả lời, tôi đã giao cho chuyên gia ngôn ngữ hàng đầu của chúng tôi tiến hành công việc. Trong chưa đầy 30 phút, chuyên gia này báo cáo rằng các mục tiêu này chắc chắn là đối tượng thuộc mạng lưới khủng bố, song vấn đề là liệu có phải chúng đang nói về một cuộc tấn công hạt nhân nhằm vào chúng ta hay chúng đang nói về hành động quyết liệt của chúng ta nhằm vào chúng. Đó thực chất là sự suy đoán về phản ứng của chúng ta đối với chúng. Lần này là báo động nhầm.

Như vậy có thể thấy kỹ năng ngôn ngữ quan trọng đến mức nào. Tôi đã nâng mức chuẩn bắt buộc đối với đội ngũ chuyên gia

ngôn ngữ quân sự của mình. Trong điều kiện hoạt động ngày trước, khi chúng tôi chặn thu những đoạn nội dung quân sự có bố cục rõ ràng thì chỉ cần lưu loát là đủ. Thật dễ lần theo một kiểm soát viên không lưu mặt đất hướng dẫn máy bay chiến đấu rẽ trái hay rẽ phải hay hạ xuống một độ cao nào đó. Al-Qaeda thì không nói theo cách đó. Chúng vòng vo, ẩn dụ, gián tiếp, đa sắc thái và... khôn ngoan. Chúng tôi cần có những kỹ năng cao hơn.

Về mảng dân sự, bốn năm sau sự kiện 11/9, chúng tôi đã thuê được khoảng năm trăm chuyên gia ngôn ngữ mới. Chúng tôi cũng tăng lương cho họ. Tăng mạnh. Vài chục lần.

Một số chuyên gia mới được thuê là người bản xứ ở nơi nói ngôn ngữ mục tiêu và, vì là người trẻ tuổi, họ rất sành sỏi công nghệ. Những người khác thì cao tuổi hơn, hết lòng phục vụ, nhưng họ đã thể hiện rõ là không bao giờ làm chủ được những yêu cầu kỹ thuật của hệ thống SIGINT. Họ có thể là người rất phù hợp cho việc thẩm định chất lượng các bản dịch của chúng tôi.

Loại công việc này có những căng thẳng tinh thần đặc biệt. Các chuyên gia ngôn ngữ hướng vào một đối tượng trong một thời gian dài và đôi khi còn hiểu đối tượng rõ hơn là hiểu về gia đình mình. Họ trở thành một phần trong đời sống thực tế của đối tượng. Đó có thể là một cuộc vò xé tình cảm đích thực. Khi một đối tượng đã được chỉ định cần có hành động trực tiếp và cần xác nhận cái chết của anh ta, thường là chúng tôi sẽ nhắm tới cùng chiếc điện thoại anh ta đã gọi, nhưng giờ đây trong những cuộc liên lạc có cả người nhà của đối tượng than khóc, đau buồn.

Một số chuyên gia phân tích thực sự đã gặp phải những vấn đề với việc xác nhận danh tính của người liên lạc trước khi có hành động trực tiếp. Một số người thì đơn giản không thể làm việc đó. Đây là do lương tâm của họ phản đối việc giết hại hay ít nhất trở thành nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc giết hại,

chứ không phải là một quan điểm chính trị về sự chính nghĩa hay đạo lý của một cuộc chiến. Một nhân vật cấp cao từng kể lại chi tiết cho tôi một trong những chuyên gia ngôn ngữ của ông ấy đã tự nhiên bật khóc lúc ở trong xe cùng với ông ấy. Khi ông ấy hỏi có vấn đề gì thì cô ấy nói: “Có chút vấn đề với công việc” và khi họ đến cơ quan, cô ấy giải thích là mình bị căng thẳng tinh thần do những vụ giết hại đối tượng.

Quả là những người đặc biệt và hiếm nữa. Có hôm tôi từ một cuộc họp ở Langley trở về và đội bảo vệ riêng của tôi có vẻ mất kiên nhẫn, vì họ phải đợi một dòng người đi bộ ngang đường tản ra từ tòa nhà trụ sở NSA. Khi họ lái chiếc SUV đi chậm lên phía trước, tôi nửa đùa nửa thật nhắc: “Cẩn thận. Họ có thể là các chuyên gia ngôn ngữ đấy”.

Trước khi chiến tranh Irắc bắt đầu, tôi muốn nói chuyện với toàn thể đội ngũ nhân sự cơ quan. Thời điểm Quốc hội biểu quyết cho phép đưa quân vào Irắc hứa hẹn sẽ đến rất gần và tôi có mọi lý do để tin rằng đội ngũ nhân sự cơ quan có sự bất đồng trong nhiều vấn đề. Tôi thường đưa ra những chỉ dẫn quan trọng ngay tại khán phòng Friedman, sau đó giao nhân viên ghi lại và truyền phát bằng phương tiện điện tử đến các trạm máy tính đặt tại Fort Meade và những nơi khác.

Lần này thì khác. Tính chất quá quan trọng. Tôi muốn một cuộc tiếp xúc trực tiếp. Tôi phải truyền đạt nội dung trình bày đến nhiều bộ phận (rõ ràng là không phải tới toàn bộ 35.000 nhân viên quân sự và dân sự, nhưng không cần nói rõ thì ai cũng hiểu rồi đấy) tại Fort Meade và lên tới gần sân bay Baltimore-Washington, nơi chúng tôi có một khu liên hợp phụ rất lớn. Vì chúng tôi có người đang làm việc với Bộ Tư lệnh Trung ương tại Tampa và ở vùng chiến sự, nên chúng tôi hiểu khái niệm tác chiến “gây sốc và gây sợ” (shock and awe) của Chỉ huy CENTCOM Tommy Franks và đề cương tổng quát cho kế hoạch chiến tranh của ông ấy.

Tôi phổ biến từng bước cho đội ngũ nhân sự về trách nhiệm của chúng tôi, trọng tâm công việc của chúng tôi sẽ chuyển hướng như thế nào khi lực lượng tấn công đã tiến hành xong các giai đoạn:

Giai đoạn 1: Triển khai.

Giai đoạn 2: Định hình phạm vi chiến trường.

Giai đoạn 3: Hành động tổng lực nhiều lực lượng.

Giai đoạn 4: Hoạt động bình ổn sau chiến sự.

Nhận biết được những chia rẽ chính trị ở đất nước này và cuộc tranh luận sắp diễn ra ở Thượng viện, tôi phải thừa nhận rằng chắc chắn có một số người đang nghe tôi nói có quan điểm phản đối cuộc chiến sắp tới. Vậy nên tôi đã nhắc họ về bốn phạm là những người chuyên nghiệp, rằng nếu như nền cộng hòa này cho phép tiến hành chiến tranh, chúng ta sẽ chiến đấu quyết liệt, chỉ chịu sự hạn chế của các luật về xung đột vũ trang mà thôi. Sau đó tôi nói thêm: “Tất cả chúng ta đều đồng ý rằng quả thực là rất tồi tệ nếu các nước trên khắp thế giới có tư tưởng cho rằng việc trở thành kẻ thù của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ cũng không thành vấn đề”.

Trong một số cuộc họp có nhiều người hỏi tôi là chuyện này sẽ mất bao lâu. Don Rumsfeld cũng nhận được câu hỏi như vậy khi ông ấy đến thăm căn cứ không quân Mỹ tại Aviano, Italia. Ông ấy nói: “Không ai biết cuộc chiến này sẽ kéo dài bao lâu. Có thể sáu ngày, sáu tuần. Tôi e là phải đến sáu tháng”.

Tôi có câu trả lời hơi khác một chút. Tôi nói rằng phần việc mà người Mỹ gọi là chiến tranh, tức là Giai đoạn 3, sẽ chỉ diễn ra trong vài tuần, chứ không phải vài tháng. Sau đó tôi nói thêm rằng Giai đoạn 4, hoạt động bình ổn sau chiến sự, cũng sẽ không kéo dài trong nhiều tháng. Tôi đã nhận định sai về vũ khí hủy diệt hàng loạt, nhưng lần này tôi chắc như đinh đóng cột.

Thậm chí trước khi Frank ra lệnh cho quân của ông ấy vượt qua vạch xuất phát, NSA đã tham gia sâu vào cuộc chiến,

vậy nên một số người tỏ ra ngạc nhiên trước phản ứng của tôi đối với những khẩu hiệu truyền thống mà NSA sử dụng vào những lúc như thế này: “Chúng tôi hỗ trợ chiến sĩ”.

Tôi nói: “Đừng nói thế. Không phải hỗ trợ. Chúng ta là một phần của cuộc chiến. Chúng ta chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng, chứ không chỉ là những đầu vào”.

Tôi đi đến kết luận rằng chúng ta phải tiến lên phía trước với các đội hình chiến đấu. Khi ta ở đó, nghĩa là ta đang tham chiến. Khi ta không ở đó, nghĩa là ta đang ở trong hộp thư, và sẽ chẳng ai đọc hộp thư lúc đang tham chiến.

Yêu cầu của nhiệm vụ trọng tâm trước mắt chúng tôi đang chuyển từ vai trò là một nhà máy sản xuất thông tin SIGINT sang một đơn vị tư vấn tình báo. Chúng tôi không thể chỉ gửi email thông tin và đơn thuần duy trì mối quan hệ giao dịch cũ là chuyển phát các sản phẩm SIGINT. Chúng tôi cần có sự phối hợp mật thiết trong hoạt động sinh học cũng như hành động với những người mà chúng tôi vẫn gọi là khách hàng. Chúng tôi phải tăng cường phát huy kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình. Một nhân vật cấp cao gọi việc này là đưa vào trận các đơn vị *carbon [cứng rắn]* chứ không phải các đơn vị *silicon [mềm yếu]*.

Tôi nghĩ rằng chúng tôi vẫn đang làm khá tốt cho đến sau khi cuộc chiến đã diễn ra, trưởng bộ phận nghiên cứu của chúng tôi, người đến từ Walt Disney Engineering, thực hiện một chuyến khảo sát mở rộng qua khắp vùng chiến sự. Anh ấy báo cáo lại rằng cách tiếp cận mới đang phát huy hiệu quả, ở một điểm. “Họ yêu quý chúng ta tại Lực lượng đa quốc gia - Irắc [MNF-I]” và sở chỉ huy quân đoàn. Chúng ta ổn ở cấp sư đoàn, nhưng ở những cấp thấp hơn thì họ không biết chúng ta là ai”. Ở cương vị giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia, về mặt lý thuyết, tôi có trách nhiệm hỗ trợ lãnh đạo cấp quốc gia và các cấp từ quân đoàn trở lên của Bộ Quốc phòng.

Nhưng lý thuyết chỉ là lý thuyết. Các đơn vị cấp thấp hơn không cảm thấy sự thân tình (hay tiếp thu và sử dụng thông tin SIGINT quý giá).

Chúng tôi hướng tới những cấp thấp hơn và lồng ghép các đội năm người của NSA ở cấp sư đoàn và liên kết các trung đoàn (trong Quân đoàn Thủy quân lục chiến) và các lữ đoàn (trong Lục quân) thành một Mạng lưới NSA [NSANet] có yêu cầu bảo mật cao. Sau khi chúng tôi đã huấn luyện họ và cho họ tiếp xúc với những thông tin rất nhạy cảm, những người lính cấp thấp cũng được tiếp cận nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia quý giá, đồng thời nhận được ý kiến tham mưu từ các chuyên gia chất lượng cao của NSA.

Trong một trường hợp có tính minh họa rõ nét, một chuyên gia phân tích của NSA tại Fort Meade báo cáo rằng anh ấy đã “nhận được cú điện thoại mật từ một trung sĩ chuyên bắn đại bác ở tiền tuyến. Trung sĩ này cần biết thiết bị chuyển mạch trong bộ chuyển mạch trung tâm của An Nasiriyah là loại gì. Đường như họ đang chuẩn bị có chiến dịch đối phó với nó và đang toan tính làm gì đó với thiết bị chuyển mạch, nếu như có thể nắm thế kiểm soát được nó. Thật may là NSA có thông tin đó - đó là bộ chuyển mạch Alcatel E-10. Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh anh ta đang ngồi phía sau một chiếc xe bọc thép, sử dụng máy tính xách tay để kết nối với NSANet”.

Khi chúng tôi thực sự đưa mọi thứ vào vận hành, những người lính thông tin SIGINT và thủy quân lục chiến sẽ điều chỉnh các vệ tinh để phân tích kỹ lưỡng các mục tiêu tại mặt trận trực tiếp của họ, trong khi những người dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tôi tại Fort Meade và Fort Gordon sẽ chỉnh ăng-ten hướng vào các phương tiện khí tài chiến thuật triển khai phía trước đoàn hành quân.

Để bảo đảm mọi thứ được đồng bộ hóa, chúng tôi đã tổ chức các buổi họp qua video thường xuyên mỗi ngày cho mọi đơn vị

SIGINT liên quan và cả ngoài phạm vi chiến trường. Màn hình tại phòng họp của tôi sẽ có hàng chục địa điểm hoặc hơn thế phát sáng khi chúng tôi chia sẻ thông tin, phân công nhiệm vụ và giảm thiểu nguy cơ đụng độ cho các cuộc hành quân. Sở tay chiến thuật là “lập kế hoạch tập trung hóa chặt chẽ và phân cấp thi hành; một cơ sở chia sẻ thông tin nổi mạng; [khai thác tối đa] một mức độ cộng tác chưa từng có”.

Cần nói rõ là không phải chúng tôi đang cố gắng đóng vai Tom Sawyer để lôi kéo nhiều người khác đến sơn trắng hàng rào nhà mình. Trên thực tế là ngược lại. Chúng tôi hoan nghênh nếu ai đó muốn giúp thêm nhưng cũng phải cẩn thận xem xét người đó có đáng tin cậy với một cây chổi quét sơn hay không.

Việc sản xuất thông tin SIGINT là công việc vất vả nhưng nhiều người nghĩ mình có thể làm. Khi những khách hàng nghĩ rằng họ không được NSA quan tâm đúng mức - hay có quan tâm, nhưng nội dung báo cáo lại không phải là thứ họ muốn nghe - NSA đôi khi nhận được yêu cầu cung cấp “dữ liệu thô”. Yêu cầu này cho thấy họ thực sự thiếu hiểu biết về tính chất của loại thông tin này.

“Các vị muốn thô tới mức nào? Trước khi chúng tôi xử lý, khi chúng chỉ là những tiếng lao xao không ai hiểu được à?”

“Không, không. Sau khi xử lý”.

“Chắc chắn rồi”.

“Nhưng toàn bộ bằng tiếng Urdu hay Pashto hay đại loại như thế”.

“Phải, tôi hiểu rồi”.

“Nhưng tôi cần thông tin đó bằng tiếng Anh”.

“Chúng tôi không dịch và lưu trữ mọi thứ bằng tiếng Anh. Chỉ thứ quan trọng thôi”.

“À, thế thì chuyển cho tôi thứ đó”.

“Nhưng đó là thứ các vị vẫn đang nhận còn gì. Chúng tôi gọi đó là báo cáo”.

Có những dịp hiếm hoi khi chúng tôi bật một kênh thu thập thông tin SIGINT thô, trong vòng vài giờ chúng tôi liên tục nhận được một yêu cầu tắt nó đi. Quá nhiều thứ.

Chúng tôi có niềm tin đúng đắn (và nhất quán với sứ mệnh hoạt động) khi giữ cho thứ mà chúng tôi gọi là chuỗi sản xuất thông tin SIGINT trong tầm kiểm soát của mình. Nhưng thực sự là chúng tôi đang phải xử lý cả tấn chất liệu và không thể hoàn toàn chắc chắn là mình hiểu được hoàn toàn (hay hiện thời) những yêu cầu của đồng đội mình. Và nói thẳng ra, giờ đây đâu đâu người ta cũng có thể tham gia vào những quy trình được thiết kế phục vụ họ nhưng là thứ mà trước đây họ không được phép tham gia, từ dùng máy rút tiền tự động, đặt vé máy bay đến xuất bản sách.

Cần vượt qua thực tế này để giải quyết mọi chuyện và thế là chúng tôi đi đến khái niệm dòng chảy thông tin SIGINT, cơ chế báo cáo định kỳ của chúng tôi tại cửa của dòng sông dữ liệu ở dạng chưa xử lý thô của mình tại khu vực thượng lưu. Chúng tôi sẽ cho phép những cá nhân và tổ chức trước đây là khách hàng bơi ngược dòng chùng nào họ có thể bảo vệ dữ liệu họ gặp và chùng nào họ có thể tăng giá trị cho dữ liệu đó. Hai điều kiện đó giúp giảm thiểu việc đưa ra yêu cầu tùy tiện và đòi hỏi thiếu suy xét.

Ai đó càng muốn bơi ngược dòng xa, thì yêu cầu sẽ càng cao. “Bảo vệ dữ liệu” có nghĩa là bảo đảm an toàn về không gian, những cuộc liên lạc và con người (hoạt động đọc được thiết bị ghi lại). Đó quả là một cuộc đầu tư hay. “Gia tăng giá trị” có nghĩa là những nỗ lực của họ sẽ không chỉ đơn giản mang đến nhiều tiếng ồn ào hơn trong hệ thống. Những gì họ đang làm phải là thứ đáng làm. Việc đó đòi hỏi phải có sự huấn luyện (như bảo vệ quyền riêng tư của người Mỹ) và có kỹ năng (như ngôn ngữ).

Chúng tôi không định cung cấp một chiếc ống soi thông tin SIGINT, nhưng tôi cũng phải nói rõ với người tại NSA của mình

rằng giá trị mà những khách hàng kiêm nhà sản xuất này tạo ra không nhất thiết phải ngang tầm với giá trị mà chúng ta kỳ vọng họ sẽ tạo ra. Nếu họ nghĩ giá trị đó xứng đáng với công sức của họ, thì chúng ta giải quyết cho họ luôn. Dẫu sao thì chúng ta đang còn cả đồng việc phải làm.

*
* *

Xét tổng thể, chúng tôi làm mọi việc không đến nỗi nào. Cuộc chiến ở Irắc diễn ra chỉ được vài ngày thì chúng tôi đã có thể báo cáo về việc người Irắc gặp vấn đề về liên lạc, đã phải sơ tán một số cơ sở; tình trạng thiếu điện đang ảnh hưởng đến một số đơn vị và nhiều trận địa tên lửa đất đối không SAM đã bị hư hại.

Nhưng chúng tôi không định thu thập luồng tín hiệu mà chúng tôi đã thấy trước. Các công ty Trung Quốc đã đặt một hệ thống cáp quang rất rộng sau cuộc Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất và rõ ràng người Irắc hiện đang sử dụng mạng lưới này. Chúng tôi tăng cường gây sức ép để các nhà lập kế hoạch của CENTCOM đặt các đầu mối cáp quang này vào danh sách mục tiêu và tập trung mạnh vào việc khai thác chúng ngay cả khi một số điểm đầu mối nằm trong hoặc gần các khu vực đông dân cư. Ý tưởng ở đây là lừa mọi thứ lên không trung, nơi chúng tôi sẽ chặn thu.

Việc này phát huy tác dụng: hoạt động tác chiến tiếp xúc trực tiếp đang hỗ trợ cho công tác thu thập thông tin tình báo. Một tuần sau khi cuộc chiến bắt đầu diễn ra, tín hiệu thu thập được nhiều đến mức phải vận động đội ngũ chuyên gia ngôn ngữ hy sinh thời gian nghỉ để xử lý lượng công việc gia tăng. Việc đó tạo thuận lợi rất nhiều cho việc định vị các đơn vị của Irắc để tiêu diệt. Hai tuần sau chúng tôi báo cáo việc các

mục tiêu SIGINT mà chúng tôi đang bám theo ở miền Nam Iraq và Baghdad đã “hầu như không còn tồn tại”.

Chiến dịch ném bom giai đoạn đầu gặp trở ngại đáng kể bởi hệ thống gây nhiễu GPS mà người Iraq sử dụng để đánh lừa cơ chế hướng dẫn trong bom thông minh của Mỹ. Hệ thống SIGINT có nhiệm vụ định vị những thiết bị khó phát hiện này và chúng cũng được đưa vào danh sách mục tiêu. Chúng tôi cũng chặn thu tín hiệu liên lạc giữa các kỹ thuật viên đang phục vụ cho hệ thống này và làm sáng tỏ các báo cáo để hỗ trợ công việc vận động của Bộ Ngoại giao đối với nước cung cấp hệ thống.

Chúng tôi không gặp nhiều may mắn đến như vậy trong nỗ lực làm sao để “Chàng Bob Baghdad”, người phát ngôn nói tiếng Anh vô cùng khó nghe của Saddam, ngừng phát sóng trực tiếp. Anh ta đang sử dụng cùng loại thiết bị vệ tinh thu nhỏ chống chịu được va đập mà cánh phóng viên mặt trận Mỹ đang sử dụng để truyền phát tin về cuộc chiến. Gần như là không thể xác định vị trí hiện tại của những cuộc phát sóng ngắn và không thể đoán trước của anh ta một cách kịp thời để có thể làm điều gì đó với chúng. Chúng tôi đã thử, nhưng rất khó làm cho Baghdad TV câm lặng được lâu. Dẫu vậy, chẳng phải đợi lâu để các phương tiện bọc thép của Mỹ nổ súng khắp nơi ở Baghdad và chứng minh những lời nói huênh hoang của anh là nói dối.

Được triển khai ngay sau khi xảy ra sự kiện 11/9, Geocell (xem Chương III) thực sự thể hiện được khả năng của nó tại Iraq. Geocell phát triển trí thông minh của nó trong các cuộc đối thoại với những người sẽ sử dụng nó. Các thủ tục vận hành đã được điều chỉnh khéo léo sao cho phù hợp với quy tắc vận hành của mỗi khách hàng mà chúng phục vụ, vì những lực lượng khác nhau thường có nhu cầu khác nhau liên quan đến phương pháp và tính kịp thời của cơ chế báo cáo thông tin tình báo.

Có trường hợp, một sản phẩm, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng, được thiết kế bằng cách tháo ra từ một chiếc máy in và chuyển đến một chiếc trực thăng đang chờ bay đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

Trong một trường hợp khác, Geocell thực hiện chế độ nói chuyện trực tiếp với một chiến đấu cơ Gunship AC-130 đang giữ khoảng cách với mục tiêu, cho phép những người trên máy bay kết hợp thông tin SIGINT với những gì họ đang nhìn thấy và với tín hiệu thông tin đầu vào của phương tiện bay không người lái Predator tại vị trí của họ.

Đến đầu năm 2006, bốn nghìn nhân viên quân sự đã được huấn luyện theo chương trình Geocell và có quyền sử dụng các sản phẩm và cơ sở dữ liệu Geocell. Chẳng hạn, lực lượng hải quân thuộc Hạm đội 5 ở vịnh Ba Tư có thể sử dụng cơ sở dữ liệu Geocell để xác định chiếc nào trong số hàng trăm chiếc *dhows* (thuyền buồm Ảrập) nhỏ đang qua lại vùng Vịnh có thể có một thiết bị liên lạc liên quan đến hoạt động khủng bố.

Trong thời gian diễn ra các chiến dịch chính tại Irắc, tôi cũng cho tăng cường sản xuất thứ chúng tôi gọi là bản đánh giá SIGINT. Các sản phẩm SIGINT thường giới hạn là bản tóm lược một cuộc liên lạc hay một nhóm cuộc liên lạc có nội dung liên quan mật thiết với nhau. Bất cứ thứ gì hơn thế trước nay đều do đội ngũ chuyên gia phân tích thông tin đa nguồn tại CIA hay DIA (Cục Quân báo Mỹ) thực hiện. Nhưng tôi nghĩ chúng tôi đang bỏ phí nguồn kiến thức chiều sâu mà SIGINT có thể mang lại, vậy nên đã yêu cầu đội ngũ chuyên gia phân tích của mình tạm ngưng công việc hiện thời và viết đánh giá rộng về những gì họ nhìn thấy và nghe được. Trong số các bản đánh giá này, có hai tiêu đề nổi bật: “Tâm trạng ở Baghdad” và “Lực lượng không chính quy Irắc nhiều khả năng sẽ trở thành một vấn đề dài hạn”. Hóa ra đó là vấn đề rất dài hạn.

Chúng tôi cũng biết rằng sẽ không tránh khỏi những tổn thất. Tôi nghĩ mình đã khiến cho đội ngũ nhân viên dân sự đông đảo của mình ngỡ ngàng khi mà, tại một cuộc họp lập kế hoạch trước khi tiến hành đưa quân vào Irắc, tôi thản nhiên hỏi: “Vậy các thủ tục thông báo mức độ thương vong của chúng ta là gì?” Sự im lặng theo sau là cái gì đó còn hơn cả câu trả lời “Tôi không biết” đầy tính quan liêu. Còn có một thông điệp cần bình tĩnh suy xét.

NSA đã mất 23 chuyên gia giải mật kể từ thời điểm tôi đặt câu hỏi trên. Đây chẳng phải là hiện tượng gì mới mẻ. Người lính Mỹ đầu tiên thiệt mạng ở Việt Nam là nhân viên SIGINT, Chuyên viên 4 James T. Davis, một chuyên gia DF (tìm hướng) thuộc đơn vị có cái tên không mấy rõ ràng: Đơn vị Nghiên cứu Radio số 3 của lục quân.

Là một cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, NSA luôn sẵn sàng ở mức độ cao để duy trì và hỗ trợ lực lượng quân nhân mà chúng tôi cử ra tiên tuyến. Tuy nhiên, chúng tôi lại chưa chuẩn bị thỏa đáng trong việc hỗ trợ gia đình họ, trong khi đa phần điều này là một trải nghiệm hoàn toàn mới đối với các nhân viên dân sự của NSA. Vợ tôi, Jeanine, đã và đang đảm nhận công tác các vấn đề về gia đình vào mùa Hè năm 2001 và giờ đây bà ấy đang quản lý một chương trình mà chúng tôi gọi là *Family Battle Rhythms* (Nhịp điệu cuộc chiến gia đình). Chúng tôi đã nói chuyện với người nhà các nhân viên về những dịch vụ mà họ có thể được hưởng, kỹ năng đối phó với tâm lý căng thẳng và cơ hội xây dựng quan hệ thân tình với những người có cùng hoàn cảnh.

Và việc này không chỉ áp dụng với gia đình của những người được triển khai trực tiếp ra tiên tuyến. NSA có một lực lượng đông đảo những người mà chúng tôi gọi là lực lượng “triển khai tại chỗ” - những người có thể ngủ ở Maryland hay Georgia nhưng làm việc mười hai tiếng mỗi ngày tại Irắc và Ápganixtan, vì đó là nơi bộ thiết bị liên lạc gắn trên đầu họ hướng tới. Đó là

một kiểu căng thẳng mới: liên quan đến những vấn đề sinh tử và trách nhiệm đối với phiên trực vào tối hôm đó. Chúng tôi đã làm hết khả năng của mình.

Mọi người cần tự chăm sóc cho mình, cả tôi cũng vậy. Sau khi xuất hiện trong danh sách các mục tiêu Mỹ mà Irắc cần nhắm tới, mỗi khi rời căn cứ tôi đều được một đội an ninh hộ tống. Tôi không có chế độ dùng một xe và lái xe riêng, nhưng chúng tôi được hưởng chế độ có một xe bám theo canh chừng. Không có chuyến đi tự phát nào sau đó, nhưng mấy cậu trong đội an ninh rất thân thiện và chuyên nghiệp.

Và một số lần tôi thấy mừng vì họ có mặt ở đó. Vào tháng 9 năm 2004, tôi cùng gia đình đến xem một trận đấu của đội Steelers tại Baltimore. Baltimore là một thành phố thân thiện, tất nhiên là trừ khi bạn diện cho mình màu đen và vàng của đội Steelers vào ngày thi đấu. Sau khi giành chiến thắng, cổ động viên đội Ravens cũng quây tưng bừng. Khi chúng tôi đang cố gắng rời khỏi khu để xe của sân vận động thì một số cổ động viên miệng đang hò hát quây quanh xe tôi, áp sát mặt vào cửa xe. Họ chỉ thôi khi tiếng loa trong chiếc SUV phía sau chúng tôi vang lên: “Từ từ lùi xa ra khỏi xe!” Sau đó không có vấn đề gì xảy ra cả.

Tôi cố gắng giữ cho nhịp điệu cuộc chiến của chính mình nằm trong tầm quản lý. Tôi mang cả tấn công việc về nhà nhưng lại tránh đến cơ quan vào những dịp cuối tuần. Nếu tôi đến, cả một hệ thống sẽ phải đi cùng với tôi.

Tôi giữ thói quen chạy bộ và thậm chí còn tham gia sự kiện Pittsburgh Marathon vào tháng 5 năm 2003. Cần gửi lời cảm ơn tới Pete, bảo vệ riêng của tôi, người cùng tập chạy với tôi và sau đó tham gia sự kiện Marathon nói trên trong tình trạng phải đeo bên mình vũ khí được cất trong chiếc bao da nhỏ.

Cuộc chiến ở Irắc quả là khốc liệt - khốc liệt và lâu dài hơn cả những gì chúng tôi dự liệu. Dầu vậy, ở cấp độ chiến thuật,

hoạt động thông tin SIGINT đang thể hiện một cách ấn tượng. Vào tháng 4 năm 2005, khi chuẩn bị thôi giữ chức tư lệnh tại tỉnh Anbar, Trung tướng John Sattler, Tư lệnh Lực lượng Viễn chinh thủy quân lục chiến (MEF) số 1, đã gửi một thông điệp đến trụ sở NSA để cảm ơn cơ quan đã nỗ lực hỗ trợ. Ông ấy nêu ra ba vụ chiếm giữ mới thực hiện được là hoàn toàn nhờ thông tin SIGINT và sau đó khen ngợi NSA về việc “sẵn lòng phối hợp với lực lượng SIGINT thuộc hệ thống của chúng tôi [và] quan trọng hơn cả là việc các ngài sẵn sàng giao báo cáo dựa vào thông tin SIGINT cho các chỉ huy tác chiến ở cấp độ bí mật”.

Không tệ. Chúng tôi đã chứng minh cho kẻ thù của mình thấy rằng, nếu tởa phát ra thứ gì đó tại một chiến trường của Mỹ, họ nhất định sẽ tiêu đời.

Dẫu vậy, chúng tôi cũng không quá dám chắc về khả năng cung cấp thông tin cho những vấn đề chính sách xét ở phạm vi rộng, chẳng hạn như quyết định ngay từ đầu có nên đưa quân chiếm đóng Iraq.

Và rồi vẫn còn đó vấn đề gai góc là lần ra những phần tử khủng bố đang ở ngay trong lãnh thổ nội địa nước Mỹ.

Chương V

CHƯƠNG TRÌNH STELLARWIND

Fort Meade, Maryland, 2001-2003

Hai ngày sau sự kiện 11/9, tôi bước vào một phòng hội nghị lớn dành cho giám đốc tại NSA. Các ghế quanh chiếc bàn họp hình bán nguyệt và các dãy ghế dành cho khán thính giả ở phía sau đều không có ai ngồi. Trên thực tế, phòng này chẳng mấy khi có ai khác ngoài sĩ quan phụ trách quan hệ công chúng của tôi là Judy Emmel và một số chuyên gia kỹ thuật.

Tôi chuẩn bị nói vấn đề tình hình với toàn thể nhân sự cơ quan, dịp đầu tiên tôi làm việc này kể từ khi phát lệnh sơ tán hai hôm trước.

Phần lớn những gì tôi định nói đều có thể đoán trước được. Tôi nói: Chúng ta sắp phải làm công việc phòng thủ trong một thời gian. Chúng ta sẽ phải xác định rõ tính chất “những gì đã xảy ra” và “nhận diện những dấu hiệu về những gì có thể xảy ra”.

Tôi yêu cầu mọi người kiên nhẫn. “Mặc dù chúng ta sẽ luôn thận trọng trước lời cảnh báo, song nhiều lúc chúng ta cũng cần thay đổi trọng tâm yêu cầu. Tôi nghĩ tất cả mọi người ở đây đều hiểu rằng đất nước này không định cứ mãi làm cái việc phòng thủ chính đáng”. Thế là đủ rõ rồi, tôi nghĩ, mặc dù

chúng tôi chưa hề nhận được lời nói cụ thể nào phổ biến về kế hoạch chiến tranh.

Tôi thừa nhận rằng nhiều trong số những người thân của họ có thể ngăn họ đến cơ quan làm việc vào sáng hôm đó, lo sợ cho sự an toàn cá nhân của họ. Tôi yêu cầu họ nhìn vào mặt sáng của vấn đề. “Ngay lúc này đây, hơn ba trăm triệu người Mỹ ước mình có được công việc như của mọi người ở đây”.

Tôi kết thúc cuộc nói chuyện với ý nghĩ đã giày vò tôi suốt từ khi xảy ra vụ tấn công khủng bố: giữ gìn nền tự do Mỹ. Những người làm việc tại NSA (gồm cả tôi) đến từ cùng nền văn hóa chính trị đã tạo động lực cho mọi người Mỹ (một thực tế mà những người mang tư tưởng thuần túy thường lơ đi trong những cuộc tranh luận định kỳ về việc lựa chọn giữa an ninh và quyền tự do) và kiến thúc tôi học được về nghệ thuật tự do đã củng cố ý kiến cho rằng tự do quả thực là thứ gì đó rất mong manh.

Tôi nhắc lại cho đội ngũ nhân sự cấp dưới của mình nhớ rằng “vấn đề cần nói ở đây không chỉ là sự an toàn của chúng ta mà còn đặc tính của chúng ta là những con người tự do. Mọi quốc gia cần phải làm sao để cân đối nhu cầu bảo đảm an ninh với nhu cầu hưởng quyền tự do. Nhờ có James Madison và nhiều bạn hữu của ông ấy mà chúng ta đã cấm chắc ngọn cờ bên phía tự do trong lựa chọn khó khăn đó. Nhưng nếu như một quốc gia cảm thấy mình bị đe dọa, cảm thấy con em mình gặp nhiều nguy cơ, quốc gia đó có xu hướng dịch chuyển ngọn cờ xích gần lại nhu cầu bảo đảm an ninh hơn là nhu cầu hưởng quyền tự do. Đó là những gì khiến tất cả chúng ta lo sợ khi nói với gia đình mình rằng chúng ta sẽ thức dậy vào thứ Tư và thấy một nước Mỹ khác. Mọi người và tôi đều có vai trò ở đây. Mọi người và tôi có thể và sẽ gìn giữ nền tự do Mỹ, chúng ta sẽ làm việc đó bằng việc làm sao để nước Mỹ cảm thấy an toàn trở lại”.

Tôi thường nghĩ về cuộc nói chuyện đó, thứ mà tôi không bao giờ quên, khi nghe việc những người chỉ trích cay nghiệt nhất nhằm vào chúng tôi hành xử cứ như thể những người trong cộng đồng tình báo chúng tôi ít nghĩ đến quyền tự do của người Mỹ hơn so với họ.

Ngay sau sự kiện 11/9 tôi đã làm rất nhiều điều trong phạm vi thẩm quyền của mình. Chẳng hạn, ngay lập tức tôi đã chuyển tiêu chuẩn tối thiểu hóa các đặc điểm nhận dạng Mỹ trong những cuộc gọi từ Ápganixtan ra nước ngoài.

Trong việc bao phủ diện mục tiêu thông tin tình báo nước ngoài, việc thu thập nội dung những cuộc liên lạc đến nước Mỹ, từ nước Mỹ ra ngoài và về nước Mỹ là chuyện không có gì lạ. Khi việc đó xảy ra, NSA được phép tiếp tục thu thập và thực ra là báo cáo lại thông tin này, nhưng đặc điểm nhận dạng Mỹ thường được che đậy, hay như việc chúng tôi gọi là “tối thiểu hóa”, trừ phi việc nắm bắt ý nghĩa của thông tin tình báo là yêu cầu có tính sống còn. Chẳng hạn, tên của một cá nhân trở thành “người Mỹ số một”.

Nếu các khách hàng của thông tin tình báo tin rằng cần phải lột lớp che đậy của đặc điểm nhận dạng thì họ mới hiểu được thông tin tình báo thì họ có thể gửi yêu cầu xem xét lại và NSA sẽ có một quy trình giải quyết thủ tục chính thức để đưa ra đánh giá việc đó.

Chúng tôi vừa mới chứng kiến một cuộc tấn công chiến lược trên lãnh thổ nước Mỹ, được tiến hành trong lòng nước Mỹ nhưng được lập kế hoạch ở Ápganixtan và chúng tôi có mọi lý do để tin rằng sẽ còn có thêm những cuộc tấn công nữa. Vậy nên tôi đã chỉ đạo đội ngũ chuyên gia phân tích của mình hạ thấp ngưỡng khi đưa ra quyết định như thế nào là “yêu cầu có tính sống còn” trong “việc nắm bắt ý nghĩa của thông tin tình báo”. Nếu như những đối tượng vạch kế hoạch

tiềm tàng của al-Qaeda gọi điện vào nước Mỹ, chúng tôi muốn FBI biết càng sớm càng tốt những phần tử khủng bố đang nói chuyện với ai, chứ không muốn đưa ra kiến nghị họ phải chính thức đề nghị cung cấp thông tin đó*.

Thường thì chúng tôi không nhận nội dung các cuộc gọi, mà chỉ nhận thông tin cơ bản về các mối liên hệ giữa Mỹ và Ápganixtan (siêu dữ liệu). Và chắc chắn có rất nhiều người Ápganixtan hồn nhiên liên lạc với gia đình ở Mỹ hỏi thăm sức khỏe mọi người. Nhưng chỉ riêng với siêu dữ liệu thôi, toàn bộ những gì chúng tôi có là thông tin cơ bản về mối liên hệ, và chúng tôi chuyển nhiều trong số những thông tin này cho FBI.

“Các nguồn ẩn danh” tại FBI về sau chỉ trích NSA đã gửi cho họ thứ mà họ chế nhạo gọi là “cuộc giao bánh pizza” và tôi cho là đúng vậy thật. Nhưng chúng tôi không có ý định coi những lời mách nước này là thứ dữ liệu rõ ràng, chính xác có thể được phối trộn với những thông tin khác để phục vụ công tác phân tích. Đó là thiếu sót của chúng tôi. Chúng tôi cứ nghĩ FBI còn có cả hoạt động phân tích chứ không chỉ biết đập chân phá cửa.

Tôi nói với George Tenet là chúng tôi đang làm việc này, để rồi anh ấy nói lại với phó tổng thống và tổng thống. Họ nói: “Tốt. Ông ấy có thể làm gì hơn thế nữa không?” Tenet gọi cho tôi để truyền đạt câu hỏi đó và tôi trả lời: “Không thuộc thẩm quyền hiện nay của tôi”. Tenet nói ngay: “Đó không phải là điều tôi muốn hỏi”. “Tôi sẽ nói lại sau với anh” là những gì hay ho nhất tôi có thể nói vào lúc đó.

* Vì việc này có chút bất thường, tôi đã thông báo cho chủ tịch và ủy viên thường trực các ủy ban giám sát tình báo và đề nghị đến chỗ họ, tường trình trước toàn thể các ủy ban. Hạ viện chấp nhận đề nghị của tôi và tôi đã tường trình với họ ngày 01 tháng 10.

Sau đó Ủy ban Thẩm tra hỗn hợp (JIC) (xem Chương III) sẽ chỉ trích NSA về những thiếu sót trước vụ khủng bố 11/9. Đáng đáng nhất trong số này là nội dung chỉ trích liên quan đến những phần tử khủng bố bên trong nước Mỹ, cụ thể là:

“Cách tiếp cận quá thận trọng của NSA trong bất kỳ hoạt động thu thập thông tin tình báo liên quan đến các hoạt động ở nước Mỹ”.

“Còn có khoảng cách trong phạm vi bao phủ các cuộc liên lạc nước ngoài của NSA và phạm vi bao phủ các cuộc liên lạc trong nước của FBI”.

“NSA không muốn bị coi là nhắm vào những cá nhân trong nước Mỹ”.

“[Khi nói về những cuộc liên lạc một đầu của nước Mỹ] chưa tập trung thỏa đáng vào thứ mà nhiều người sẽ nghĩ là những dạng thức có ý nghĩa trọng yếu nhất của hoạt động liên lạc liên quan đến khủng bố, ít nhất là trong khía cạnh bảo vệ tổ quốc”.

Những kết luận thẩm tra này của JIC về sau được công bố rất nhiều, đương nhiên rồi. Nhưng thẳng thừng mà nói, chúng tôi không cần ai giúp đỡ bằng việc chỉ ra những khoảng cách về phạm vi bao phủ hoạt động của các cơ quan. Tôi nhấn mạnh chúng ở đây chỉ để chỉ ra rằng thứ ra đời sau đó, chương trình Stellarwind của NSA, là một phản ứng hợp lý trước một vấn đề đã được nhất trí, chứ không phải là sản phẩm của những bộ óc cuồng mật mã, như một số người sau này vẫn nói. Theo xác định của *Quốc hội* thì những gì chúng tôi đang làm từ trước tới nay là chưa đủ. Họ còn muốn chúng tôi làm gì khác nữa nếu không phải là một cách tiếp cận kiểu như Stellarwind để lấp đầy những khoảng cách mà họ đã thẳng thắn chỉ ra?

Trong bất kỳ trường hợp nào, sau cuộc gọi của George, tôi triệu tập các bộ phận điều hành - kế hoạch và pháp lý đến họp và nói: “Được rồi, từ con số không: Chúng ta có thể làm gì hơn trước mối đe dọa này?” Chúng tôi vạch ra một số hướng hành động,

một trong số đó là tập hợp siêu dữ liệu trong nước (thông tin cơ bản về những cuộc gọi đến, gọi đi và trong phạm vi nước Mỹ) và một hướng nữa mà thực tế cho phép chúng tôi chặn thu nội dung của những cuộc gọi quốc tế, những cuộc gọi mà một đầu có thể nằm ở Mỹ, nếu chúng tôi có lý do để cho rằng cuộc gọi đó liên quan đến al-Qaeda.

Không một hướng hành động nào trong số hai hướng trên tuân theo các thủ tục quy định trong Đạo luật Giám sát tình báo nước ngoài, hay còn gọi là FISA (Đạo luật được thông qua năm 1978 sau vụ “bê bối” lớn gần đây nhất của NSA và những cuộc điều tra của Ủy ban Church [Ủy ban đặc biệt Thượng viện Giám sát hoạt động tình báo]), sau đó khi đạo luật này được hiểu và chắc chắn sẽ được thực hiện. FISA khi được áp dụng sẽ yêu cầu phải có lệnh ủy quyền chi tiết, chỉ định rõ cá nhân được ủy quyền và mỗi lệnh phải có sự phê chuẩn của tòa án. Để thực hiện được những gì chúng tôi đang đề xuất, đạo luật này sẽ phải được sửa đổi hoặc chúng tôi sẽ phải dựa vào một nguồn thẩm quyền khác.

George mời tôi đến gặp tổng thống và phó tổng thống trong cuộc tường trình buổi sáng của anh ấy tại phòng Bầu dục và tại đó tôi đã trình bày những thuận lợi mà những bước hành động này sẽ mang đến cho chúng ta. Về cơ bản, để có thể khai thác kho siêu dữ liệu nhằm xác định các mối liên hệ có thể có với những số điện thoại khủng bố đã được biết đến và sau đó nhanh chóng lần ra những số tình nghi, chúng tôi sẽ gia tăng khả năng bắt được thứ đã trốn tránh chúng tôi trước vụ tấn công khủng bố 11/9: những cuộc gọi liên hệ với khủng bố có một đầu nằm ở nước Mỹ. Tôi có cảm giác mọi việc sẽ biến chuyển nhanh chóng sau cuộc tường trình này.

George gọi cho tôi và nói y như vậy, rồi sau đó mời tôi quay trở lại phòng Bầu dục. Không chỉ là sếp của tôi, George còn là một người bạn tốt. Tôi đã có lần buột miệng nói ra trên C-SPAN

rằng tôi yêu mến anh ấy như một người anh em. Vậy nên tôi đã nhắc cho anh ấy nhớ rằng kể từ khi Ủy ban Church có những hành động khó chịu, NSA hành động như thể đã thực hiện được một cú ném bóng ghi hai điểm đối với Ủy ban này. Tôi nhắc anh ấy: “Chúng ta không có nhiều cú ném gần [lợi thế]. Chúng ta phải thận trọng với việc này”.

George đã truyền đạt rõ ràng việc đó với tổng thống, người lập tức hiểu phép ẩn dụ bóng chày này. Khi tôi bước vào phòng Bầu dục ngày hôm sau, tổng thống lập tức tuyên bố những bảo đảm cho lợi ích hoạt động của cơ quan tôi trước khi tôi kịp ngồi xuống. Tổng thống nói, ông ấy hiểu những lo lắng của tôi nhưng chúng ta phải làm những điều đúng đắn.

Sau buổi gặp này, trên đường ngược Baltimore-Washington Parkway về Fort Meade, tôi có liên lạc với văn phòng để nói rằng tôi muốn gặp Bob Deitz, Luật sư cấp cao của tôi ngay khi về đến nơi.

Tôi nói với Bob khi ông ấy bước vào phòng làm việc của tôi: “Tổng thống sẽ làm việc này bằng lưỡi câu [thẩm quyền] riêng của ông ấy. Điều 2 [Hiến pháp] nguyên bản, quyền là Tổng tư lệnh. Không có quy định mới nào. Có thể mất rất nhiều thời gian, lại còn đánh động al-Qaeda nữa. Bộ Tư pháp sẽ phê chuẩn việc này nhưng tôi cần biết quan điểm của ông. Tổng thống có thể làm vậy không? Ông ấy có đủ thẩm quyền không? Chúng ta sẽ ổn trong việc này chứ?”

“Tiện đây, sĩ quan quản lý quyền tiếp cận trong vụ này chính là tổng thống. Tôi được ủy quyền ghi ông vào danh sách tham gia. Không một ai khác trong đội ngũ nhân viên của ông được phép tham gia”.

Thử thách quá khó. Bob nói với tôi là ông ấy sẽ nói lại chuyện này với tôi vào ngày hôm sau. Ông ấy đã dành cả một đêm không ngủ để nghĩ về Hiến pháp và Tu chính án thứ tư. Sáng hôm sau, ông ấy nói với tôi rằng đây là vụ khó, rằng ông ấy

đã xây dựng một lý luận còn hơn cả hợp lý về tính hợp pháp của việc này:

Tu chính án thứ tư không gây ra vấn đề gì bởi vì, theo diễn giải của ông ấy về những gì tổng thống cho phép, chúng tôi cần có lý do hợp lý để tin rằng một đầu là ở nước ngoài và một trong số các bên là một đối tượng khủng bố trước khi chúng tôi chặn thu một cuộc liên lạc;

liên quan đến siêu dữ liệu, Tòa án Tối cao đã phán quyết với tỷ lệ 5-3 trong một vụ kiện năm 1979 [Smith kiện bang Maryland] rằng những thông tin như vậy không được bảo vệ theo Hiến pháp;

liên quan đến Đạo luật Giám sát tình báo nước ngoài [FISA, là đạo luật có quy định bảo vệ siêu dữ liệu], đạo luật này không cho phép chúng tôi có được tốc độ hay sự mau lẹ để ứng phó với mối đe dọa này;

và, cuối cùng, chắc hẳn phải có sự phản đối ngầm với Đạo luật FISA này trong một trường hợp khẩn cấp hoặc, đến mức đó, đạo luật này vi hiến.

Chúng tôi trao đổi qua về lý luận pháp lý này. Khi tôi hỏi ông ấy Tòa án Tối cao sẽ làm gì, Bob từ chối dự đoán kết quả, nhưng nhấn mạnh rằng lý luận của ông ấy có cơ sở hợp lý và phân lập luận có sức thuyết phục. Bob biết đôi chút về đua ngựa. Ông ấy cũng từng làm thư ký tại tòa án cho các thẩm phán Stewart, Douglas và White. Về sau ông ấy thú nhận với tôi rằng ông ấy nghĩ chúng tôi sẽ thắng với tỷ lệ 6-3.

Bob cũng có câu hỏi riêng dành cho tôi. Chỉ để bảo đảm chúng tôi có cùng quan điểm hành động, ông ấy hỏi tôi sẽ làm gì khi (và luôn là khi) chương trình bị rò rỉ và tôi bị triệu tập đến Điện Capitol [Quốc hội]. Mối lo ngại của ông ấy nằm ở việc chúng tôi sẽ không bao giờ nói dối trước Quốc hội. Tôi cam đoan với ông ấy rằng tôi sẽ không như thế. Ông ấy cũng khuyến khích tôi hướng đến cấp có thẩm quyền thích hợp khi tường trình

trước Quốc hội hoặc ít nhất là lãnh đạo cấp cao và Tòa án FISA. Tôi nhiệt liệt đồng ý.

Bob thấy yên tâm với quan điểm của ông ấy, nhưng có nhiều khía cạnh pháp lý tại NSA mà ông ấy không thể tiếp cận do những yêu cầu hạn chế của tổng thống. Ông ấy gián tiếp nêu câu hỏi của tôi với luật sư về hoạt động tuân thủ hàng đầu của cơ quan và cũng là người có lập trường kiên định đích thực về những hạn chế của NSA. Bob nói theo cách trừu tượng và đặt giả thuyết, đương nhiên, nhưng mức độ hài lòng của ông ấy tăng lên khi vị luật sư này tán thành lý luận pháp lý của Bob. Trong khoảng một tuần, chúng tôi đã tham khảo ý kiến các luật sư khác về chương trình. Không có cách nào để chúng tôi bảo đảm sự an toàn gần như tuyệt đối cho chương trình này mà không nhờ đến nhận định pháp lý của những người trong nghề. Tiện đây, những luật sư mà chúng tôi tham khảo thêm này khá yên tâm với lập trường pháp lý của chúng tôi.

Dù có hài lòng với cách lập luận của bản thân song Bob vẫn muốn hiểu được lý luận pháp lý mà Văn phòng Tư vấn pháp lý (OLC) thuộc Bộ Tư pháp Mỹ sử dụng liên quan đến lý do khiến họ nghĩ chương trình này hợp pháp và so sánh lý luận này với lý luận của ông ấy. Ông ấy gọi cho luật sư của phó tổng thống là David Addington trong suốt vài tuần bằng số điện thoại bảo mật để nhờ xem xét lập trường pháp lý này. Addington từ chối, nhưng ông ấy có đọc qua điện thoại một số đoạn quy định pháp luật có hiệu lực liên quan. Bob nghĩ rằng cách đặt vấn đề của John Yoo thực sự chứng tỏ quá nhiều điều và mang ý nghĩa rộng một cách không cần thiết, một dạng “Điều 2 Hiến pháp *đúng trên tất cả*”, tổng thống có quyền làm bất cứ điều gì tổng thống cho là cần thiết để gìn giữ đất nước này. Deitz nói rằng chuyên ngành đào tạo của ông ấy ở Đại học Havard là về truyền thống thông luật, là trường phái luật dựa nhiều vào cơ sở thực tiễn để thuyết minh luật dựa vào từng trường hợp [án lệ]. Lý luận

rộng hơn của Yoo là điển hình của trường phái Yale, ông ấy nói với tôi như vậy. Không có sự ganh đua nào ở đó cả.

Khi quan điểm của Bộ Tư pháp về chương trình này trở thành thông tin công khai, rõ ràng là nó đã mở rộng phạm vi thẩm quyền vượt ra ngoài quyền hành là tổng tư lệnh theo Điều 2 Hiến pháp và bao gồm cả quyết định của Quốc hội cho phép sử dụng sức mạnh quân sự (AUMF) chống lại những kẻ gây ra vụ tấn công khủng bố 11/9. Lập luận đó gây tranh cãi vì điều luật này không nói cụ thể về việc chặn thu các cuộc liên lạc và chính quyền đương nhiệm cũng không yêu cầu cụ thể được áp dụng thẩm quyền đó. Tuy nhiên, trong phán quyết Hamdi 2004 đầy rắc rối, Tòa án Tối cao dường như tán thành tính hợp pháp của việc giam giữ - ngay cả là giam cầm một công dân Mỹ - như sự việc hợp pháp hóa chiến tranh dấu rằng ngay cả điều này cũng chưa bao giờ được nói tới trong AUMF. Nếu ta có thể giam giữ một kẻ thù mà không cần xét xử, thì chặn thu những cuộc liên lạc của hắn ta dường như là một cú nâng tạ pháp lý nhẹ nhàng hơn.

Người của tôi dường như nghiêng theo hướng có sự khác biệt giữa quyền lực hành pháp không hạn chế và sự bám víu ở phạm vi hẹp vào ý định hàm ẩn của một điều luật. Họ tin tưởng, vì vậy đã tham mưu với tôi rằng tổng thống với tư cách là tổng tư lệnh có thẩm quyền làm việc này, và bất kỳ yêu cầu hạn chế nào của Quốc hội đi theo hướng ngược lại đều là những nỗ lực vi hiến nhằm hạn chế quyền lực của nhà hành pháp. Toàn bộ chuyện này vẫn còn lồi thoi và gây nhiều tranh cãi, nhưng Tòa Thượng thẩm FISA đã hai lần phán quyết rằng “chúng tôi mặc nhiên coi tổng thống đương nhiên có thẩm quyền theo Hiến pháp để tiến hành hoạt động giám sát điện tử mà không cần xin lệnh cho phép để phục vụ mục đích tình báo nước ngoài”. Tôi nghĩ các luật sư của mình đã diễn giải đúng vấn đề.

Tôi còn có một yêu cầu nữa cần ghi vào danh mục những việc cần làm của mình. Buổi chiều hôm tôi trở về từ Nhà Trắng

và biết rằng chúng tôi sẽ tiến về phía trước (cùng ngày tôi hội ý riêng với Bob Deitz), tôi rời cơ quan sớm và rủ vợ tôi, Jeanine, đi tản bộ qua một loạt những khuôn viên cây cối um tùm gần như rừng của Fort Meade. Trong lúc tản bộ tôi có nói rõ rằng chúng tôi đang quyết định làm một việc gây tranh cãi, và tôi thấy thoải mái khi làm việc đó vì đó là việc đúng đắn, nhưng ở một khía cạnh nào đó sẽ có rủi ro lớn về chính trị và danh tiếng, và tôi cũng không thể loại trừ rủi ro pháp lý.

Bà ấy chăm chú lắng nghe và chỉ hỏi liệu tôi có nghĩ đó là việc đúng đắn cần làm hay không. Tôi nhắc lại rằng tôi có nghĩ vậy và rồi bà ấy nói, đương nhiên, tôi phải làm việc đó.

Bà ấy đã thể hiện vô cùng dũng cảm, vì có sự hiểu ngầm giữa tôi và bà ấy rằng thực ra tôi đang yêu cầu bà ấy, những đứa con đã trưởng thành của tôi, những đứa cháu tôi xác định trước cuộc sống vô cùng sóng gió vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Việc bà ấy đồng tình ủng hộ đã nói lên nhiều điều về con người bà ấy - và những người là vợ hoặc chồng quân nhân nói chung - nhất là khi bà ấy không thắc mắc xem thực ra chúng tôi đang chuẩn bị làm điều gì.

Sau buổi họp tại phòng Bầu dục, phó tổng thống đã giao phó cho David Addington nhiệm vụ soạn thảo một sắc lệnh để chờ Bộ trưởng Tư pháp phê duyệt, tổng thống ủy quyền và Bộ trưởng Quốc phòng ký kết, chỉ đạo chúng tôi tiến hành thứ mà chúng tôi đã miêu tả là khả thi về mặt công nghệ và phù hợp về mặt hoạt động. Chính John Yoo tại Bộ Tư pháp là người khẳng định đề xuất việc này nên được chuyển qua lấy ý kiến của Bộ trưởng Quốc phòng và tuân theo quy trình mệnh lệnh điều hành như một yếu tố trong quyết sách chiến tranh. Những dấu tay của Bộ Quốc phòng đã tỏ ra rất hữu ích khi Stellarwind được công luận biết tới và một số người của Bộ Quốc phòng muốn chối bỏ nó bằng luận điệu đây là “chương trình của Nhà Trắng”.

Quy trình phê duyệt phức tạp này cũng được thiết kế để ai cũng thấy rằng chương trình được triển khai với sự hiểu biết, ủng hộ và theo chỉ đạo của tổng thống. Đây cũng là mục đích trong thiết kế Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn (Chương trình RDI) của CIA (xem Chương XII và Chương XX), nhưng ở đó đồng hồ sơ thủ tục mỏng một cách đáng kinh ngạc, như về sau tôi nhận thấy.

Ngày 03 tháng 10, phó tổng thống cùng Addington và Cố vấn Pháp lý Nhà Trắng Al Gonzales mang bản dự thảo sắc lệnh lần thứ nhất đến gặp tổng thống tại khu trung tâm Nhà Trắng. Khi họ vừa bước vào phòng, tổng thống liền hỏi: “Mọi thứ sẵn sàng cả rồi chứ?” Ông ấy chẳng lạ gì thứ mình chuẩn bị ký, nhưng không cưỡng lại việc buột miệng đưa ra câu hỏi: “Ồn chứ, David?” Sau một lát không biết phải nói gì, Addington đơn giản chỉ ra điều hiển nhiên: “Chắc chắn là một ngày nào đó chúng ta sẽ phải chịu trách nhiệm giải trình trước công luận”. Đó là sự lựa chọn cách nói rất tuyệt. Nói theo cách nào đi nữa, cần phải tính toán thật kỹ những gì tổng thống đã làm (hoặc không làm) với sắc lệnh này vào tối thứ Tư đó.

Addington sau đó phải mang tài liệu đã ký đến CIA để gắn vào nó cái mác bản đánh giá mối đe dọa cùng những khuyến nghị của Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI), giúp hợp pháp hóa hành động đường đột như vậy. Rồi phải chuyển đến Bộ Tư pháp để bộ trưởng xác nhận tính hợp pháp, rồi đến Bộ Quốc phòng để chỉ đạo triển khai và cuối cùng đến tay tôi ở Fort Meade để triển khai thực hiện. David đích thân làm việc này - không có nhân viên chuyển thư, không có túi đựng công văn, không có chữ ký điện tử. Giữ bí mật là yêu cầu tối thượng. Hèn gì mà anh ấy đã vận động hành lang (và giành được) việc áp dụng chu kỳ bốn mươi lăm ngày giữa mỗi lần gia hạn thay vì ba mươi ngày đối với sắc lệnh này.

David có chút tiếng xấu là gã bảo vệ lảm nhảm, nhưng trong việc thiết lập quy trình vô cùng thấu đáo này, anh ấy thực lòng đã hết mình vì lợi ích của tôi, cũng như lợi ích của NSA, tổng thống và cả đất nước. Anh ấy cũng không phải là kiểu người suốt ngày lý luận viển vông như một số người vẫn gán mác. Sau khi kết thúc đợt xin ý kiến đồng ý đầu tiên, anh ấy nhắc nhở tôi rằng - như những gì được viết ra - sắc lệnh này cho phép chặn thu những cuộc liên lạc có hai đầu trong nước nếu như tôi cho rằng chúng liên quan đến al-Qaeda. Tôi nhắc với anh ấy rằng chúng tôi là một cơ quan tình báo *nước ngoài*, rằng tôi sẽ không làm việc đó mà không có lệnh đồng ý, bên cạnh đó, chúng tôi không có chuyên môn sâu để làm việc đó. Người được cho là kiến trúc sư của lý luận “hành pháp duy nhất” gặt đầu, xoay người quanh ghế và sửa lại nội dung sắc lệnh trên màn hình máy tính của anh ấy để làm sao cho nó phản ánh chính xác và duy nhất ý định những gì chúng tôi định làm.

Thứ Năm ngày 04 tháng 10, ngày mà đợt phê duyệt ủy quyền đầu tiên được thực hiện chính thức, tôi tổ chức một cuộc họp nhỏ trong văn phòng dành cho nhân sự chủ chốt và đặt câu hỏi: “Nên để ai có mặt trong phòng khi tôi công bố thông tin này rộng rãi hơn? Chúng ta cần giữ chuyện này thật kín”.

Hóa ra có đến sáu mươi sáu người được lựa chọn cẩn thận có mặt trong phòng họp dành cho giám đốc khi tôi bước vào đó hôm sáng thứ Bảy.

Tôi bắt đầu bằng việc yêu cầu mọi người tập trung chú ý. Sau đó tôi phác thảo qua những sự kiện diễn ra trong vài tuần qua, lý do chúng tôi có mặt ở đây và những điều tổng thống muốn chúng tôi làm. Bob Deitz có mặt cùng với tôi bởi vì, trái với một số quan điểm thiếu am hiểu, các chuyên gia của NSA rất bảo thủ khi đề cập quyền riêng tư của cá nhân người Mỹ và cảnh giác về mặt pháp lý đến mức họ lập tức nhận ra việc

chúng tôi sắp làm đã né tránh FISA. Nếu không có sự ủng hộ rõ ràng trong mọi khía cạnh của tôi, cấp phó của tôi và người của bộ phận pháp lý (những người đã và đang phổ biến cho họ “muỗi điều răn” trong suốt nhiều năm qua), có lẽ đã không làm vậy. Deitz sẽ lặp lại nội dung phổ biến của tôi tại hai cuộc họp toàn cơ quan để cam đoan với các nhà phân tích về tính hợp pháp của chương trình và giải thích tại sao chương trình lại hợp pháp.

Tôi để người của bộ phận điều hành - kế hoạch ở lại phòng họp cùng bộ phận lãnh đạo để họ chủ trì phần tường trình chi tiết, nhưng trước khi rời khỏi đó tôi có nói thêm rằng điều chúng ta sắp làm là việc chưa có tiền lệ, nhưng cũng là việc hợp pháp. Sau đó tôi nói: “Chúng ta đang chuẩn bị làm việc mà tổng thống đã ủy thác nhưng không được thêm vào đó một *photon* hay một *electron* nào”.

Khi công việc phổ biến xong xuôi, họ sẽ bắt tay xây một căn phòng và hệ thống kết nối mà họ cần. Đến Chủ nhật, chế độ giao ca công việc bắt đầu được tiến hành. Chúng tôi đã triển khai thứ mà dễ dàng mang lại cảm giác khó tả nhất trong lịch sử cơ quan. Chúng tôi quyết định gọi chương trình này là Stellarwind, chẳng phải vì nó có nghĩa gì cả, mà vì nó không có nghĩa gì.

Khi tôi hỏi mọi người phản ứng như thế nào sau khi tôi rời khỏi phòng, có người nói với tôi rằng bầu không khí rất nghiêm túc và mọi người đều tập trung vào công việc. Mọi người hứng khởi khi được làm việc mà họ biết đó là cần làm. Cũng phải phát đầu đó bầu không khí “Đây là một sự kiện quan trọng. Đừng phá hỏng”.

Một trong những điều đầu tiên chúng tôi cần có là năng lực sử dụng máy tính cao hơn; đây thực sự là yêu cầu dữ liệu lớn. Tôi đã liên hệ với giám đốc điều hành của một hãng sản xuất máy tính mà tôi từng có dịp đến thăm trước đây. Họ có sẵn một lô

khoảng một trăm máy chủ đáp ứng được nhu cầu của chúng tôi, đã xuất xưởng nhưng chưa giao cho khách hàng. Lô hàng đó được chuyển lại cho chúng tôi và chúng tôi nhận hàng tại một chỗ góc thụt trên tuyến cao tốc liên bang 95, đoạn gần Fort Meade, dẫn lái xe vào chỗ khu dốc bốc dỡ hàng của cơ quan và tự lắp ráp mọi thứ trong các văn phòng mới phục vụ chương trình Stellarwind.

Trong khoảng một tháng triển khai, Stellarwind đã có vài trăm người hoặc là cam kết làm việc toàn thời gian hoặc bằng cách nào đó thu xếp thời gian để hỗ trợ chương trình.

Đương nhiên những con số đó đã tăng lên. Tính đến thời điểm tờ *New York Times* tiết lộ về sự tồn tại của chương trình vào tháng 12 năm 2005, đã có hơn một nghìn người được tiếp nhận chính thức vào chương trình Stellarwind thông qua chính phủ, đa số họ là người của NSA, đương nhiên, nhưng người của FBI và CIA cũng không phải là ít. Không phải ai cũng tích cực, nhưng một khi được tiếp nhận, họ luôn thể hiện khả năng thông hiểu của mình.

Ngoài ra, theo tiêu chuẩn chính phủ, đối với chương trình kéo dài bốn năm, lực lượng trên là quá đông. Sau khi chương trình được công bố, tôi nhận được sự tán thành về chuyên môn từ David Pepper, Giám đốc GCHQ của Anh. Bước vào văn phòng dành cho Giám đốc Tình báo quốc gia (DNI) của tôi theo lời mời xã giao, David chỉ mỉm cười và nói: “Michael này, tôi có lời khen dành cho ông đấy. Chúng tôi không có ý kiến gì”.

Khi mọi thứ được thiết đặt đầy đủ, chỉ là do cái cách mà mạng viễn thông này vận hành, về lý thuyết chúng tôi có khả năng tiếp cận một tỷ lệ lớn những cuộc gọi vào và ra khỏi nước Mỹ. Đương nhiên, chúng tôi sẽ chỉ tiếp cận và thu thập một cuộc gọi khi trước đó cơ quan đã có lý do chính đáng để tin rằng cuộc gọi đó có liên quan đến al-Qaeda.

NSA sử dụng cái gọi là “yếu tố chọn” khi quyết định nhắm vào một cuộc gọi; đối với những cuộc gọi điện thoại, *yếu tố chọn* có thể là số điện thoại thực tế có liên hệ với al-Qaeda đang quay số hoặc được quay số. Theo chương trình Stellarwind, đại đa số các yếu tố chọn thực chất là các số nước ngoài và tỷ lệ đó còn tăng thêm khi chương trình bước vào giai đoạn hoàn thiện.

Từ năm 2001 đến 2005, có hàng trăm báo cáo SIGINT đơn nguồn, dạng thông tin khai thác từ nội dung các cuộc liên lạc, dựa vào cơ chế báo cáo Stellarwind. Những báo cáo này bao phủ nội dung lập kế hoạch, tài chính, hậu cần, huấn luyện, đi lại và liên hệ với người đang ở Mỹ liên quan đến hoạt động khủng bố.

Do tính chất của những cuộc liên lạc ngày nay, phần lớn nội dung các báo cáo thực chất đến từ những cuộc gọi giữa các bên nước ngoài với nhau và chỉ đơn thuần là quá cảnh qua Mỹ. Chỉ riêng năm 2006 đã có gần một trăm báo cáo quá cảnh (nghĩa là cả hai đầu đều ở nước ngoài) trong đó Stellarwind là nguồn duy nhất và hơn một nghìn báo cáo khác trong đó là những cuộc tiếp cận theo Stellarwind góp phần tạo nên sản phẩm SIGINT cuối cùng*.

Khi đã được phổ biến, báo cáo Stellarwind không thể phân biệt được với luồng sản xuất thông tin SIGINT thông thường. Vì một hoặc cả hai đầu luôn ở nước ngoài, không có gì khiến nội dung của chúng trở nên nổi bật cả. Điều khiến chúng có đặc trưng riêng là cách thức và địa điểm chúng tôi có được chúng.

Chúng tôi cũng tập hợp những khối lượng lớn siêu dữ liệu. Trong sáu tháng đầu tiên chương trình đi vào hoạt động, chúng tôi đã xây dựng được một ngân hàng với hàng tỷ lượt gọi trong nước bên cạnh một con số thậm chí còn lớn hơn lượt gọi nước ngoài. Chúng tôi sử dụng cơ chế định tuyến liên lạc từ những

* Nhiều báo cáo SIGINT được xây dựng từ nhiều bản chặn thu.

“số bản” đã được biết tới hoặc đang trong diện nghi ngờ để xem liệu có mối liên hệ nào phản ánh mối quan hệ trong hoạt động khủng bố với nước Mỹ. Việc này giúp tạo ra những thông tin mạch nước và chúng tôi sẽ chuyển thông tin này cho CIA và FBI để họ phân tích thêm (hoặc hành động).

Có cơ quan còn muốn báo cáo bao trùm ba chặng. Một số bản đã được biết đến, nghĩa là số có liên quan đến khủng bố hay còn gọi là số “hạt giống”, gọi cho A (chặng 1), A là người gọi cho B (chặng 2), B là người gọi cho C (chặng 3). Phải thừa nhận là thông tin mục tiêu ở chặng cuối cùng gọi cho C bị loãng đi khá nhiều so với số hạt giống ban đầu. Trong hầu hết trường hợp, nó chỉ chứng tỏ là ai cũng có một nhà sĩ riêng hay đặt hàng pizza. Dẫu vậy, mọi thứ trở nên hay ho khi chặng cuối cùng trong một chuỗi định tuyến lại có sự hiện diện trong những chuỗi định tuyến khác từ những hạt giống khác. Chúng tôi đã phân loại thông tin mạch nước của mình thành tin tưởng mức cao, tin tưởng mức vừa và tin tưởng mức thấp dựa vào tần suất, tính chất gắn sát và tính trực tiếp của các mối liên lạc với số bản ban đầu. Tính đến tháng 12, chúng tôi tạo ra được mười bản thông tin mạch nước tiềm tàng mỗi ngày, một phần mười trong số đó được xếp vào nhóm tin tưởng mức cao.

FBI có chính sách điều tra mọi số được gửi đến. Cách làm của họ thật chẳng khác nào “mua dây buộc mình”.

Tuy nhiên, toàn bộ việc này tiến triển khá giống với những gì chúng tôi dự liệu. Chúng tôi bám theo dấu các số có nguy cơ đe dọa, chỉ ra các mối liên hệ đáng ngờ, phát giác các mạng lưới tài chính bất hợp pháp, lần ra hoạt động đi lại đáng ngờ, phát hiện mối quan hệ với các trường hàng không, xác định mối liên hệ giữa nhân viên ngành giao thông - vận tải với những người tiếp tay cho phần tử khủng bố, vạch trần các đầu mối mua vũ khí bất hợp pháp, xác định những cá nhân Mỹ có mối liên hệ với Khalid Sheikh Mohammed, cũng như phát hiện được một

nghi phạm khủng bố trong danh sách đối tượng cấm bay đang ở trong nước Mỹ.

*

* *

Chẳng ai trông mong Stellarwind cứ mãi trong vòng bí mật. Không thứ gì là bí mật vĩnh viễn cả. Và tất cả chúng tôi đều biết rằng, khi đã được công khai, độ lớn của cơn bão sẽ tỷ lệ thuận với mức độ thành công của Stellarwind và các chương trình chống khủng bố khác. Nói cụ thể hơn, nếu như Stellarwind và các chương trình hỗ trợ lẫn nhau khác phát huy hiệu quả và tổ quốc vẫn được bảo đảm an toàn, chúng tôi tất yếu sẽ bị cáo buộc vươn tay thái quá, hy sinh quyền tự do để đổi lấy an ninh, rồi sẽ bị đối xử bằng cả một mớ những câu trích dẫn xuyên tạc lời của Benjamin Franklin, người thực ra đã nói: “Người nào từ bỏ tự do *thực sự* để đổi lấy *một ít* an toàn *tạm thời* thì không xứng đáng được tự do, cũng chẳng xứng đáng được an toàn” (phần in nghiêng là tôi muốn nhấn mạnh những tiêu chuẩn quan trọng của ông ấy).

Phần lớn các chuyên gia tình báo Mỹ đều rất quen thuộc với nhịp điệu văn hóa phổ quát kết nối giới tình báo Mỹ với giới tinh hoa chính trị Mỹ: giới tinh hoa chính trị vẫn quen miệng chỉ trích giới tình báo về việc làm chưa đủ mạnh khi thấy nguy hiểm, trong khi vẫn bảo lưu quyền chỉ trích giới tình báo làm quá tay ngay khi được hưởng cảm giác an toàn trở lại.

Khi câu chuyện này lan rộng, vào tháng 12 năm 2005, nó diễn ra theo đúng với kịch bản nói trên. Biết rằng sẽ chẳng còn cách nào khác, nhưng chúng tôi vẫn làm những gì có thể ngay từ đầu để làm dịu bớt đợt sóng xung kích không thể tránh khỏi.

Yếu tố quan trọng ở đây là phải bảo đảm rằng chúng tôi đang làm việc này một cách đúng đắn. Do có những yêu cầu

rất chặt chẽ, hoạt động giám sát giai đoạn đầu chỉ giới hạn ở bộ phận điều hành và tư vấn pháp lý chung của chúng tôi. Đầu vậy, đến tháng 8 năm 2002, chúng tôi đã mở rộng phạm vi giám sát sang cả văn phòng Tổng Thanh tra của NSA. Nhóm chủ chốt ở đây gồm các nhà kiểm toán chuyên nghiệp và đích thân Tổng Thanh tra, Joel Brenner, một người hướng ngoại rất đa nghi.

Họ đặt Stellarwind vào một cơ chế rà soát định kỳ. Một trong những đóng góp quan trọng nhất của họ là đã tiếp nhận một chương trình được thiết lập chóng vánh và làm cho nó trở nên dễ giải thích hơn thông qua hệ thống quy trình được dữ liệu hóa vô cùng thấu đáo.

Họ phát hiện thấy kiểu lỗi con người hay mắc phải trong bất kỳ công việc nào giống như vậy: số chuyển vị, chẳng hạn. Nhưng điều quan trọng nhất là họ đã báo cáo lại rằng, dựa vào một mẫu có ý nghĩa thống kê, họ đã quyết định rằng Stellarwind đang tuân thủ chặt chẽ các điều khoản ủy quyền và rằng cơ chế giao nhiệm vụ được rà soát thích hợp, được ghi lại đầy đủ và được liên kết đúng quy cách với các mục tiêu được phép tiếp cận.

Joel khá giống với kiểu người mà bất cứ tổng thống nào khi không có thông tin tình báo được ủy quyền thu thập theo chương trình này sẽ không nhìn nhận đúng về nhiệm vụ của ông ấy. Ông ấy cũng say mê công việc đến mức chúng tôi thấy cần chuyển càng nhiều thành phần của chương trình này càng tốt vào cấu trúc Tòa án FISA và một cấu trúc pháp lý rộng hơn (nghĩa là có yếu tố lập pháp). Chúng tôi đã làm vậy, nhưng đó không phải là chuyện của vài năm sau.

Trước đó, chúng tôi đã hối thúc Nhà Trắng cho phép chúng tôi ít nhất là tường trình sự việc với Điện Capitol. Bên không quân có một câu cách ngôn: “Nếu muốn ai đó có mặt tại một vụ đâm máy bay, ta phải ghi họ vào bản kê hàng chờ của máy bay”.

Chúng tôi nhận được tín hiệu hồi đáp, không phải một dạng cấm vĩnh viễn nào đó, mà là “không phải bây giờ” và “chúng tôi sẽ thông báo khi có thể”.

Luật pháp Mỹ thể hiện quan điểm khá rõ việc bảo đảm Quốc hội “được thông báo đầy đủ và hiện thời” về các hoạt động tình báo quan trọng, trong khi Stellarwind chắc chắn nằm trong diện đó. Dẫu vậy, nhà hành pháp tối cao [tổng thống] có quyền quyết định hạn chế số lượng nghị sĩ được phép nhận thông tin tường trình.

Vài tuần sau khi khởi động chương trình, chúng tôi nhận được tín hiệu đèn xanh trong việc tường trình Quốc hội.

Sáng 25 tháng 10, chúng tôi gặp các chủ tịch và ủy viên thường trực của hai ủy ban giám sát tình báo tại phòng làm việc khá chật của phó tổng thống thuộc khu Cánh Tây. Tôi thực hiện phần tường trình sau khi phó tổng thống giới thiệu bằng giọng trịnh trọng về sự cần thiết của chương trình.

George Tenet thì nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa. Sắc lệnh ủy quyền vận hành chương trình cho chúng tôi được tổng thống gia hạn sau mỗi chu kỳ bốn mươi lăm ngày và luôn được đi kèm với một bản ghi nhớ của Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI) trình bày rõ những mối nguy hiểm chúng ta đang phải đối mặt từ phía al-Qaeda, gồm cả mối đe dọa cực điểm đến khả năng tiếp tục hoạt động của chính phủ. Với những gì vừa mới xảy ra ở Washington D.C., New York và Shanksville, chúng tôi chắc chắn không coi đó là sự cường điệu, nhưng qua thời gian, văn kiện của DCI thường bị những người như chúng tôi tham gia chương trình này gọi đùa là “bản ghi nhớ sợ hãi”. Trong cuộc họp này, George đã thực hiện một “bản ghi nhớ sợ hãi” xuất sắc (dù là trình bày miệng).

Tôi có khoảng hai chục bản giấy thuyết minh phác thảo những việc chúng tôi đang làm. Tôi cũng có những con số phản ánh quy mô của chương trình chúng tôi đang tiến hành. Khi chúng tôi

gặp nhau tại NSA để chuẩn bị cho những bản tường trình này, tôi nói với đội ngũ tham gia chương trình rằng chúng ta phải hoàn toàn rõ ràng mọi chuyện ở đây, rằng các ủy viên phải thấy được chương trình này “lớn hơn một giỏ bánh mì” (như tôi vẫn thường nói đùa) và, khi mọi chuyện như thế này trôi qua hay một cuộc tranh cãi cấp quốc gia xảy ra, sẽ không vị nào nói được theo kiểu: “À, tôi có nhận được một số nội dung tường trình nào đó, nhưng...”.

Sự lịch thiệp và chuyên nghiệp được thể hiện trong những cuộc tường trình tại văn phòng của phó tổng thống, nhưng chúng tôi tỏ ra thẳng thắn và rõ ràng về mức độ quyết tâm đến cùng của mình và mức độ khác biệt của chương trình này. Chúng tôi nói với các ủy viên có bao nhiêu số điện thoại của Mỹ được xử lý theo nhiệm vụ (được coi là mục tiêu), chúng tôi thu thập được bao nhiêu đoạn thu tiếng (cuộc liên lạc) và chúng tôi đã tạo ra được bao nhiêu sản phẩm (bao gồm cả báo cáo về cá nhân người Mỹ) từ chương trình này. Chúng tôi liệt kê những lần cụ thể mà chương trình này tạo ra sự khác biệt. Chúng tôi phân thành mục khối lượng thu thập chưa qua xử lý, gồm cả siêu dữ liệu và nội dung. Nói chung, tính đến thời điểm tờ *New York Times* đơn phương “bỏ chế độ tối mật”^{*} cho các yếu tố của Stellarwind, chúng tôi đã có hơn một chục cuộc họp với các nghị sĩ Quốc hội và tường trình cho tổng cộng mười lăm nghị sĩ.

Tại cuộc họp đầu tiên trong số này, Cố vấn An ninh quốc gia Condi Rice ngồi gần nữ Nghị sĩ Nancy Pelosi, đảng viên Đảng Dân chủ cấp cao thuộc Ủy ban Tình báo Hạ viện; Condi nghĩ rằng Pelosi có thể cần thêm chút sức thuyết phục, vì bà ấy đã tìm hiểu kỹ vị Chủ tịch Hạ viện tương lai, người mà hạt vận động bầu cử chính là phần ngược cao tốc liên bang tính từ

^{*} đương nhiên tờ *New York Times* không có thẩm quyền bỏ chế độ tối mật của thứ gì cả. Điều họ làm đơn giản là tiết lộ thông tin đó.

Stanford, nơi Condi vừa thôi làm hiệu trưởng. Cả Pelosi lẫn bất kỳ nghị sĩ tham dự nào khác (Porter Goss, Bob Graham, Richard Shelby) đều không có ý kiến phản đối gì trong suốt phiên họp kéo dài cả tiếng đồng hồ, mặc dù ngay sau đó Pelosi muốn có thêm cam đoan. Đứng dưới mái hiên khu chờ trên Đại lộ Hành pháp phía tây [Đường chức năng phía tây Nhà Trắng] để đợi xe đến đón, bà ấy quay sang tôi và hỏi: “Ông thấy ổn với tất cả những chuyện này chứ?” Tôi đã hy vọng rằng việc tường trình có thể khiến bà ấy tự tin hơn một chút nhưng cũng nhận cơ hội này để trấn an bà ấy rằng tôi cảm thấy rất ổn.

Thực sự là tôi không thấy có bất cứ ý kiến phản đối từ bất kỳ nghị sĩ nào nghe chúng tôi tường trình. Về sau tôi nhận ra rằng vào thời điểm nào đó Thượng nghị sĩ Jay Rockefeller (người trở thành Ủy viên thường trực Ủy ban Tình báo Thượng viện và là người được nghe tường trình tháng 01 năm 2003) viết một bức thư gửi phó tổng thống bày tỏ mối quan ngại của ông ấy sau một cuộc tường trình khác vào tháng 7. Ông ấy phàn nàn việc mình không phải là một luật sư, không thể nói lại với cấp dưới, cũng như không biết dựa vào ai khi có mối quan ngại hay ý kiến phản đối. Trên thực tế, tôi cho rằng ông ấy có thể yêu cầu gặp Bộ trưởng Tư pháp (người có đủ thẩm quyền và người đã phê chuẩn chương trình này), nhưng ông ấy không làm việc đó. Thượng nghị sĩ này đã giữ lại cho mình một bản sao bức thư trên, nhưng khi chương trình này được đưa ra công khai thì ông ấy lại không tìm thấy bản sao đó và đã xin Nhà Trắng một bản sao khác.

Các nghị sĩ rơi vào tình thế phải thừa nhận là rất khó xử. Họ không được yêu cầu *phê chuẩn* chương trình; họ chỉ đơn thuần là *được thông báo*. Họ không thể truyền đạt lại với cấp dưới về việc đó hay thậm chí thảo luận việc đó với các nghị sĩ khác. Ngay cả như vậy, tôi vẫn luôn coi bức thư của Rockefeller là một dạng chính sách bảo hiểm chính trị. Nếu như chương trình

biến thành một rắc rối chính trị, ông ấy có thể tạo ra một bản ghi về quá trình phản đối của mình. Còn nếu như có thứ gì đó thực sự dẫn đến một cuộc tấn công khủng bố nữa, ông ấy luôn có thể nhận mình là người ủng hộ mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho đất nước.

Tôi coi một ý kiến khác trong số những ý kiến phản đối sau này của ông ấy mang tính chất cá nhân nhiều hơn. Sau khi các yếu tố của chương trình được tiết lộ, Rockefeller khẳng định rằng những nội dung tường trình mà ông ấy nhận được liên quan đến chương trình (tất cả đều nhận được từ tôi) phần nào thiếu chiều sâu hoặc không hoàn chỉnh; phẩy qua một đám bản giấy thuyết minh - cách mà ông ấy nói về việc này. Tôi không biết chắc ông ấy muốn có thêm hoặc tiếp thu thêm bao nhiêu nữa, nhưng biết là cần phải làm rất nhiều để phục vụ chiến lược của chúng tôi là chứng minh chương trình “cần thiết, phù hợp và khả thi” trong mắt những người giám sát mình.

Một vị đảng viên Đảng Dân chủ cấp cao nữa sau này cũng tường trình về Stellarwind là [Hạ] Nghị sĩ Jane Harman cũng có những vấn đề chính trị giống như Thượng nghị sĩ Rockefeller. Lối thoát khỏi chữ X [điểm yếu bộc lộ tối đa] của bà ấy là khẳng định rằng chưa từng có ai nói với bà ấy những gì chúng tôi đang làm vượt quá giới hạn của Đạo luật FISA. Như vậy, chẳng lẽ chúng tôi đang tiến hành những cuộc họp định kỳ, theo nhóm nhỏ và bí mật trong văn phòng của phó tổng thống chỉ để thông báo cho một nhóm đã chọn lọc các [hạ] nghị sĩ và thượng nghị sĩ rằng không có gì thay đổi nhiều và chúng tôi đang làm việc này theo cách chúng tôi vẫn làm trước sự kiện 11/9 hay sao?

Vậy thì, chẳng trách Pat Roberts, về sau là Chủ tịch của Ủy ban Giám sát Thượng viện, đã giơ ra một lọ thuốc viên ở một trong những buổi nói chuyện chuyên đề Chủ nhật và tuyên bố rằng ông ấy sẽ kê “những viên thuốc trí nhớ” này cho các đồng nghiệp của mình.

Dẫu vậy, trên thực tế, chúng tôi đã xử lý sai thông báo của Quốc hội - không phải ở khía cạnh Hiến pháp, mà là chính trị. Chúng tôi duy trì hoạt động tường trình ở quy mô nhóm nhỏ vì lý do chính đáng: giữ bí mật. Nhưng về mặt chính trị thì đây là một sai lầm, còn về mặt chiến lược thì việc này dẫn đến tình trạng mất sự ủng hộ chính trị và, quan trọng hơn, sự ủng hộ của người dân đối với những việc chúng tôi đang làm.

Với việc duy trì hoạt động tường trình ở quy mô nhóm nhỏ, chúng tôi đã tạo ra tình thế tiến thoái lưỡng nan cho những đảng viên Dân chủ nhận thông tin tường trình từ chúng tôi; họ sẽ phải thể hiện chủ nghĩa anh hùng không điển hình để chống lại sơ hở chính trị của chính bản thân mình khi chương trình được đưa ra công khai. Jane Harman đã làm vậy trong một thời gian khi tờ *New York Times* đăng tải bài tường thuật của họ tháng 12 năm 2005. Hầu hết đã không làm vậy.

Và chúng tôi đã thực sự kích thích những người không nằm trong diện nhận thông tin tường trình chống lại chúng tôi đơn giản chỉ vì lý do quy trình (hay, theo quan điểm của họ, thiếu quy trình).

Hướng xử lý tốt hơn đáng ra phải là tường trình với toàn thể các Ủy ban Tình báo Hạ viện và Thượng viện cùng với số lượng hạn chế nhân viên về toàn bộ chương trình, đương đầu với việc họ sẽ có hành động để ngăn chặn *bất kỳ* yếu tố nào của chương trình. Việc đó sẽ biến xu hướng thận trọng chính trị tự nhiên của họ thành lợi thế của chúng tôi, chứ không phải để mọi thứ đi theo hướng bất lợi.

Tôi đến phải nói một cách thô tục rằng đáng ra chúng tôi nên làm cho nhiều người hơn nữa có chứa để khi việc này vỡ lở ra, không ai có thể nghi ngờ người đã có con.

Chúng tôi thông báo cho ngành chính quyền thứ ba, ngành tư pháp, vào đầu năm 2002, không phải vì ai nghĩ rằng việc

tổng thống làm việc này theo thẩm quyền được trao theo Điều 2 Hiến pháp cần có sự cho phép của tòa án, mà vì Bộ Tư pháp lo ngại một cách có cơ sở rằng các dữ liệu thu thập được từ chương trình Stellarwind có thể được chuyển thành hồ sơ xin lệnh đồng ý FISA theo thủ tục thông thường. Lo sợ tòa án hiểu sai hướng nếu không đề cập rõ nội dung liên quan đến các nguồn thông tin trong hồ sơ xin lệnh đồng ý, Bộ Tư pháp muốn ít nhất là chánh án của tòa biết rõ nguồn gốc của những thông tin như vậy (và việc nộp đơn theo cách này chỉ hạn chế ở thẩm phán thụ lý vụ việc).

Vào một trong những ngày tháng 01 lạnh giá, u ám mà dường như rất bình thường ở Washington D.C., đội an ninh hộ tống tôi từ khu ngoại ô Chevrolet đến văn phòng của Bộ trưởng Tư pháp John Ashcroft để gặp Thẩm phán Royce Lamberth, thẩm phán thụ lý vụ việc của Tòa án FISA. Vào buổi chiều tại văn phòng Bộ trưởng Tư pháp, tôi hội ý với John Yoo, người đã soạn thảo quan điểm của Bộ Tư pháp để Nhà Trắng dùng làm cơ sở biện minh pháp lý cho chương trình Stellarwind.

Đó là lần đầu tiên tôi và Yoo gặp nhau. Cuộc gặp này cũng là lần đầu tiên Yoo được nghe miêu tả chi tiết về cơ chế vận hành kỹ thuật của chương trình, dù anh ấy đã xem nội dung sắc lệnh của Addington và bản ghi nhớ về mối đe dọa của Tenet.

Yoo biết Lamberth khá rõ từ hồi ông ấy còn làm thư ký cho tòa phúc thẩm khu vực DC và Tòa án Tối cao và làm tổng tư vấn pháp lý cho Ủy ban Tư pháp Thượng viện. Lamberth đến mà không đưa theo nhân viên và trò chuyện với nhiều người như thường lệ. Yoo, Lamberth và tôi ngồi chỗ vòng quay ghế da, còn bộ trưởng tư pháp ngồi tại bàn của ông ấy. Ashcroft bắt đầu cuộc thảo luận bằng việc miêu tả khái quát tình huống đe dọa và phần miêu tả tổng quan không mấy mạch lạc về những việc chúng tôi đang làm, rồi sau đó ra hiệu cho tôi tường trình với vị thẩm phán.

Lần này, không cần các bản giấy thuyết minh, tôi chậm rãi thực hiện việc mà về cơ bản giống với cuộc tường trình với Quốc hội, ngoại trừ việc với tư cách một thẩm phán Tòa án FISA từ năm 1995, Lamberth có hiểu biết sâu về luật và am hiểu công nghệ đáng kể nữa.

Thỏa mãn vì đã hiểu những việc chúng tôi đang làm, ông ấy sau đó quay sang nói chuyện với Yoo, còn tôi quay lại ghế ngồi và xem cuộc hội thảo pháp lý khi họ bàn tối, bàn lui về mức độ và những giới hạn của quyền lực hành pháp. Yoo thừa nhận rằng khi tổng thống áp dụng thẩm quyền của mình phù hợp với ý định của Quốc hội như được miêu tả trong luật (như Đạo luật Giám sát tình báo nước ngoài), là khi ông ấy đang vận hành mọi chuyện từ một bến an toàn về pháp lý và chính trị vô cùng kiên cố. Nhưng Yoo cũng nói thêm rằng tổng thống không cần một bến an toàn như vậy khi áp dụng thẩm quyền tổng tư lệnh hợp pháp được Hiến pháp trao gửi, như trong trường hợp này. Yoo lưu ý rằng Tòa án Tối cao đã bảo lưu câu hỏi này. Nói cách khác, trong những quan điểm trước đó về hoạt động giám sát, Tòa án Tối cao đã hạn chế rõ ràng phạm vi diễn giải ở yêu cầu phải có lệnh đồng ý theo Tu chính án thứ tư để bảo đảm không mở rộng áp dụng vào hoạt động thu thập thông tin tình báo nước ngoài.

Cuộc nói chuyện diễn ra rất hăng say, nhưng không hề có tính chất đối đầu. Yoo có phần hơi ngạc nhiên, vì chính vị thẩm phán này đã có thái độ vô cùng khó chịu với Bộ Tư pháp vào mùa Hè năm ngoái liên quan đến những sai sót hành chính ngày một tăng trong hồ sơ xin áp dụng FISA. Lamberth không có ý moi chứng cứ, nhưng những câu hỏi của ông ấy cho thấy ông ấy nhất trí với lập luận dùng việc này làm cơ sở cho thẩm quyền tổng tư lệnh của tổng thống.

Những người khác hình như cũng vậy. Chỉ vài tháng sau, Tòa án Phúc thẩm FISA, trong phán quyết đầu tiên kể từ ngày

thành lập, đã nhất trí toàn bộ ý kiến dẫn ra một luật án lệ trước đó với nội dung “chúng ta mặc nhiên chấp nhận rằng tổng thống có... thẩm quyền vốn thuộc về mình được tiến hành hoạt động lực soát không cần lệnh đồng ý nhằm có được thông tin tình báo nước ngoài”.

Lúc chuẩn bị kết thúc buổi bàn luận, Yoo đề nghị đưa cho Lamberth một bản sao quan điểm của mình, nhưng vị thẩm phán từ chối, nói rằng ông ấy đã hiểu phần lập luận về thẩm quyền tổng tư lệnh. Hai người họ cũng làm một cuộc suy đoán về những gì có thể trở thành vấn đề sẽ kết thúc bằng sự hiện diện trước Tòa án Tối cao. Tỷ lệ đặt cược nằm trong phạm vi từ 6-3 đến 7-2.

Sau đó, khi Stellarwind trở thành thông tin công khai, nhiều nhà bình luận lập tức tạo cho chương trình này vẻ bề ngoài vi hiến. Phải thừa nhận là Tòa án Tối cao đã giáng cho thẩm quyền hành pháp một chuỗi đòn vào phần thân [phạm luật] trong các vụ Hamdan và Hamdi (về tù nhân Guantánamo), nhưng những lập luận hỗ trợ bổ sung cho chương trình này có lịch sử và tiền lệ rất mạnh phía sau chúng. (Và, nếu có gì cần phải nói, thì đó là việc Tòa án FISA đã tán thành việc mở rộng hoạt động giám sát chính phủ trong những năm sau đó).

Tuy vậy, về phần chúng tôi, chương trình Stellarwind vẫn tiếp tục bảo đảm nhịp độ vận hành trong hai năm tiếp theo. Chúng tôi có niềm tin ngày một lớn vào giá trị của Stellarwind, còn tôi định kỳ cập nhật thông tin cho tổng thống và giới lãnh đạo Quốc hội về sự thành công của chương trình.

Khi tôi đang trình bày thông qua một vài bản thuyết minh vào một sáng nọ trong phòng Bầu dục thì tổng thống cắt ngang và nói: “Vậy là theo những gì ông đang nói với tôi, việc này đang tiến triển tốt phải không Mike?”

Tôi đáp lời: “Cứ cho là vậy đi, thưa ngài Tổng thống. Tôi còn ba bản thuyết minh nữa thôi”.

Chúng tôi có thể tường trình về mối liên hệ thực chất giữa các phần tử khủng bố ở nước ngoài và những người ở Mỹ. Chúng tôi chặn thu nội dung những cuộc liên lạc khi những cuộc gọi tình nghi có liên quan đến khủng bố được thực hiện ra vào nước Mỹ. Mọi việc như vậy đòi hỏi phải chia nhỏ những nơi như khu vực đông bắc và khu vực trung tây nước Mỹ.

Liệu có thông tin nào có tính chất quyết định không? Tôi nghĩ là có, nhưng khó mà chứng minh điều đó một cách rạch ròi, vì thông tin tình báo *tốt* thường là sản phẩm của nhiều luồng thông tin, trong khi việc tách bạch các luồng thông tin để gán giá trị tương đối là việc chẳng đem lại lợi ích gì. Nhưng rõ ràng Stellarwind đã bao phủ một mảng hoạt động mà tại đó chúng tôi không có công cụ nào khác.

Thế còn có vấn đề gì nữa nhỉ?

*

* *

Những “bánh xe” đầu tiên bắt đầu long hản ra trong phạm vi ngành hành pháp. Jim Comey đã trở thành Thứ trưởng Thường trực Bộ Tư pháp (DAG) vào tháng 12 năm 2003 và đầu nhiệm kỳ của anh ta tôi có đến thăm tại văn phòng để cung cấp thông tin về Stellarwind. Không có cách nào để chương trình này *không* có sự can dự của anh ta, nên chúng tôi rất sốt sắng cung cấp cho anh ta mọi chi tiết.

Tôi nghĩ phần tường trình của mình không có gì khác thường, đủ mức thân thiện, nhưng nhìn lại dường như Comey có quan điểm khác. Đã có một số tài liệu được công bố về cuộc gặp mặt theo góc nhìn của Comey, vì tôi không nói chuyện với bất cứ ai trong số các tác giả trên.

Có một tài liệu nói rằng tôi bắt đầu bằng thái độ đùa bỡn với những câu đại loại như rất vui được kết nạp ai đó vào nhóm kín

[được nghe tường trình về Stellarwind], vì sớm hay muộn thì tất cả chúng ta sẽ đều phải giơ tay phải lên khi chương trình này được đưa ra công khai. Không phải tôi có ý nhắm tới bất kỳ phán xét pháp lý nào, song chắc chắn tôi thấy tự tin khi cho rằng, về mặt chính trị, đó là cái kết tất yếu của toàn bộ chuyện này*.

Comey rõ ràng muốn có phán xét pháp lý của riêng mình, vì anh ta nhanh chóng giao cho Patrick Philbin, một luật sư vô cùng cẩn chu, người mà chúng tôi quen biết và rất quý mến, của Văn phòng Tư vấn pháp lý thực hiện một cuộc điều tra kỹ lưỡng đối với Stellarwind. Patrick theo thủ tục có quyền tiếp cận đầy đủ đội ngũ nhân sự pháp lý và điều hành của NSA. Chúng tôi không coi việc này giống như cuộc thanh tra mà giống với một trong những đợt kiểm tra định kỳ mà ta luôn muốn có đối với một chương trình như thế này. Nhưng không mất nhiều thời gian để người của NSA cảm nhận rằng sự đồng thuận pháp lý mà chúng tôi đang dựa vào có thể không ổn định như chúng tôi từng nghĩ.

Thời điểm đầu năm 2004 tôi tình cờ gặp Patrick ở hành lang phía ngoài văn phòng của tôi. Chúng tôi đủ biết nhau để tôi có thể hỏi thẳng mà không cần giữ ý. Tôi nói: “Patrick này, tôi có cần dừng việc gì lại không nhỉ?”

“Không”, anh ấy đáp, nhưng suy cho cùng thì điều Patrick muốn nói là “Chưa”.

Một cơn bão đang nhắm tới một số khía cạnh của chương trình Stellarwind, nhưng dứt khoát không phải là toàn bộ (hay thậm chí là phần lớn) chương trình. Một khía cạnh mà giờ đây đang gây tranh cãi (những thông tin chi tiết vẫn đang trong chế độ tối mật) liên quan đến việc thu thập dữ liệu cá nhân của người Mỹ. Đó là việc chấp nhận được - nhưng chỉ trong

* Xét đến toàn bộ những cơ hội được khai chứng của tôi vào năm 2006, tôi đã đúng.

phạm vi các giới hạn - và giờ đây một số người trong Bộ Tư pháp nghĩ rằng nghệ thuật và khoa học của tôi không đủ năng lực phân biệt mọi thứ. Thu thập ngẫu nhiên có quá nhiều thứ liên quan đến cá nhân người Mỹ. Chúng tôi rõ ràng không đồng ý với điều này.

Nhiều hoạt động pháp lý “Bão táp và Tấn công” (Sturm and Drang - Cuộc vận động văn học thế kỷ XVIII ở Đức) diễn ra trong Bộ Tư pháp nằm ngoài tầm quan sát của chúng tôi, nhưng có thể thấy rõ sấm chớp và mưa khi chế độ ủy quyền thực hiện Stellarwind đến kỳ gia hạn vào đầu tháng 3 năm 2004. Bộ trưởng Tư pháp Ashcroft đang phải nằm viện để điều trị viêm tụy cấp, còn Comey với tư cách là Quyền Bộ trưởng Tư pháp sẽ không xác nhận tính hợp pháp của việc gia hạn ủy quyền của tổng thống. Comey có được sự ủng hộ của Jack Goldsmith, một người phụ trách mới đầy tài năng của Văn phòng Tư vấn pháp lý (sếp của Philbin) và Giám đốc FBI Bob Mueller.

“Con bão” ập tới, ít ra là với chúng tôi, vào Chủ nhật ngày 07 tháng 3. Tôi đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp lúc gần trưa để các chuyên gia về Stellarwind và chống khủng bố của NSA chuẩn bị cho tôi những điều cần thiết cho cuộc hội ý kín tại Nhà Trắng vào thời gian sau của ngày hôm đó với Phó Tổng thống, Giám đốc Tình báo Trung ương Tenet, David Addington, Al Gonzales và Andy Card. Tại đó chúng tôi quyết định rằng Tenet sẽ liên hệ trực tiếp với Bob Mueller; George về sau có kể lại với tôi rằng Mueller rất kính nể Comey: “Ông ấy là một gã nghiêm nghị. Ông ấy xuất hiện và thế là nhóm luật sư hàng đầu của ông ấy nói họ không thể làm việc đó”. George và tôi gặp mặt và gọi điện cho nhau rất nhiều. Nhưng đó là quãng thời gian đầy sự hăng say. Những cuộc điện thoại đến và đi tới tấp. Có lúc tôi còn phải ngừng nói chuyện với Giám đốc Tình báo Trung ương [George] để nhận một cuộc gọi đến từ phó tổng thống.

Tôi được chỉ đạo chuẩn bị các chuyên gia kỹ thuật của NSA và chuyên gia phân tích của CIA cho cuộc tường trình khác trước Comey. Chúng tôi tường trình với Comey tại Nhà Trắng vào thứ Ba, ngày 09 tháng 3. Đó là đám người của hôm Chủ nhật với John McLaughlin tạm thay mặt cho Tenet, cộng với Comey và Mueller cùng những người khác đến từ Bộ Tư pháp. Comey là một thánh giả khó tính. Anh ta nghĩ rằng đây là yêu cầu quyền lực tổng thống táo bạo nhất trong lịch sử (thật vậy sao?) và bác bỏ thẳng thừng quan điểm pháp lý của John Yoo. Anh ta làm các chuyên gia phân tích của tôi tức giận bằng việc làm ra bộ bác bỏ những ý kiến xác nhận công lao của họ và công nhận những cách tiếp cận truyền thống của FBI đã mang đến thứ mà anh ta tin là sự thành công của Stellarwind. Chúng tôi không đạt được chút tiến triển nào. Đó là một buổi bàn luận căng thẳng, vậy nên Comey đã khiến tôi ngạc nhiên khi anh ta dường như phá lệ đến bắt tay tôi lúc chúng tôi ngừng họp.

Chúng tôi đã thăm dò khả năng giải cứu lập pháp. Chiều ngày 10 tháng 3, phòng Tình huống ở Nhà Trắng chứng kiến sự có mặt của tám vị lãnh đạo cấp cao của Quốc hội*. Họ được triệu tập đến đó, từ cả hai viện và hai đảng, bằng một cú điện thoại khẩn cấp từ Nhà Trắng. Một số người trước đó từng nghe tường trình về Stellarwind; số khác thì chưa.

Phó tổng thống bắt đầu cuộc họp bằng việc giới thiệu khái quát về Stellarwind và nêu quan điểm bảo vệ tính hữu dụng của chương trình này, nhưng cũng miêu tả thẳng thắn cuộc khủng hoảng pháp lý mà chúng tôi hiện đang phải đối mặt liên quan đến một số khía cạnh của chương trình. Sau đó ông ấy ra hiệu cho tôi lấp vào các chi tiết liên quan đến việc chúng tôi

* Các Thượng nghị sĩ Frist, Daschle, Roberts và Rockefeller cùng các [Hạ] Nghị sĩ Hastert, Pelosi, Goss và Harman.

đang làm và cụ thể là chi tiết về những gì hiện đang bị lôi ra tranh cãi. Phần trình bày của tôi là về khía cạnh hoạt động, chứ không phải pháp lý. Tôi mang theo hai chuyên gia kỹ thuật của cơ quan và trong lúc tôi nói họ trải ra chiếc bàn trong phòng Tình huống một bức “biểu đồ hình nhện” phức tạp (nhưng rất ấn tượng), cho thấy rõ Stellarwind có thể được sử dụng như thế nào để nhận diện và bám theo một mục tiêu. Hai chuyên gia phân tích của CIA thì trình bày cách kết hợp các dữ liệu này thành một bức tranh phân tích rộng hơn, sử dụng tình huống tại thời điểm đề cập làm ví dụ. Nỗ lực đó thực sự giúp họ thực hiện được một số cuộc bắt giữ.

Thượng nghị sĩ Rockefeller, người đã quá quen với chuyện này do có mặt ở những phiên làm việc trước, đặt câu hỏi về cơ chế thẩm tra hoạt động, tôn trọng thẩm quyền và các biện pháp kiểm soát tích cực. Phó tổng thống yêu cầu chúng tôi trình bày danh mục công việc chi tiết của Stellarwind mà chúng tôi vẫn sử dụng. Đáng ra tôi cũng có thể nói thêm, như một thứ bằng chứng vật, rằng chúng tôi không thể nhắm tới *mọi* đối tượng khủng bố theo chương trình này (chỉ những đối tượng liên quan đến sự kiện 11/9 mà thôi) và bất kỳ kế hoạch mở rộng diện mục tiêu nào đều đòi hỏi tổng thống sửa lại cụ thể nội dung chỉ đạo của ông ấy đối với chúng tôi. Việc này đã được tập trung bàn luận kỹ lưỡng.

Những cuộc bàn luận nhỏ bên lề cũng nổ ra khi quá trình giải thích đi vào chiều sâu. Một trong những cuộc bàn luận như thế, Porter Goss, với tư cách Chủ tịch Ủy ban Tình báo Hạ viện nắm rất rõ các tình tiết của chuyện này, dường như đang giải thích một số khía cạnh với Thượng nghị sĩ Tom Daschle.

Đó là một buổi tường trình đầy khó khăn, không phải do bất kỳ ý kiến phản biện nào, mà do nó mang nặng tính kỹ thuật và dàn trải trên phạm vi rộng, trong khi yêu cầu phải là ngắn gọn. Phòng Tình huống thì nhỏ, trong khi ngày hôm đó oi ả

và khá nóng. Một số nghị sĩ Quốc hội phải cố làm gì đó để khỏi ngủ gật.

Tôi chuyển lại diễn đàn cho phó tổng thống và ngồi xuống một trong những chiếc ghế dựa vào bức tường phía bên ngoài. Sau đó, một cuộc bàn luận rất đáng chú ý đã diễn ra.

Khi phó tổng thống nhắc lại rằng hiện đang có những cơn gió ngược mạnh đến từ đội ngũ luật sư của Bộ Tư pháp, một nghị sĩ Đảng Cộng hòa hóm hỉnh đưa ra lời khuyên: “Thế thì tuyển vào vài tay luật sư mới!”

Một số người khác thì nêu ra vấn đề giải cứu lập pháp, nhưng ý kiến này cuối cùng bị bác bỏ. Ngay cả nếu khả thi, giải cứu lập pháp là hướng giải quyết mất rất nhiều thời gian và, trong bất kỳ trường hợp nào, mọi người vẫn cho rằng hành động của Quốc hội sẽ lật bỏ quá nhiều vỏ che đậy của chương trình. (Đây là hướng hành động mà Tổng Thanh tra NSA, Joel Brenner, vẫn luôn chủ trương vận động. Thú vị ở chỗ, khi luật này thực sự được sửa đổi vào năm 2008, cuộc tranh luận diễn ra quả thực là vô cùng dài, nhưng những cơ chế vận hành bên trong của chương trình vẫn không bị phơi bày)*.

Nhìn chung, lúc ngồi không ở đó ít phải làm gì ngoài quan sát, tôi dần có ấn tượng nhiều hơn với thái độ nghiêm túc và tinh thần yêu nước cố hữu của các nghị sĩ. Không ai tỏ thái độ vui mừng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan về pháp lý và sắp tới cả về chính trị của chính quyền đương nhiệm, cũng như không có bằng chứng nào cho thấy bất kỳ ai trong phòng muốn chương trình này phải dừng lại. Trái lại, họ muốn chương trình này hoạt động tốt (trong khuôn khổ pháp luật). Một đảng viên Đảng Dân chủ hàng đầu đã chúc mừng chính quyền đương nhiệm

* Điều này, đương nhiên, trở thành một nguồn khởi phát tranh cãi riêng sau những tiết lộ của Edward Snowden năm 2013 (xem Chương XXI). Đôi khi đơn giản là kiểu gì ta cũng không thể thắng.

về việc có một cuộc họp bàn như vậy. Khi buổi làm việc sắp khép lại, phó tổng thống khẳng định rằng những gì ông ấy nghe được là chúng ta nên tiếp tục duy trì hoạt động mà chúng ta tranh luận ở đây. Không ai tranh cãi gì với phát biểu của ông ấy.

Được tiếp thêm năng lượng trước sự đồng thuận chính trị tại phòng Tình huống rằng chương trình này cần được duy trì trong khi chờ thiết kế một kế hoạch giải quyết lâu dài (vẫn chưa được hình thành), Chánh Văn phòng Nhà Trắng Andy Card và Cố vấn pháp lý Nhà Trắng Al Gonzales cố thử một lần nữa xin chữ ký của Ashcroft chấp thuận việc gia hạn chế độ ủy quyền của tổng thống. Chuyến đi vào giữa đêm của họ đến bệnh viện George Washington được nói tới (và tranh luận) ở khắp mọi nơi. Không ai tại NSA biết trước về chuyến viếng thăm này, còn sau đó chúng tôi chỉ nhận được mô tả ngắn gọn nhất về chuyến thăm này (David Addington nói đến chuyến thăm này khi truyền đạt lại với tôi trong một cuộc điện thoại vào sáng hôm sau).

Nhưng giờ đây chúng tôi phải đưa ra một quyết định, và tôi nhận được câu hỏi trong suốt buổi sáng thứ Sáu từ phía Nhà Trắng (thông qua Addington) về việc liệu tôi có đồng ý thực hiện chương trình Stellarwind nếu như cố vấn pháp lý Nhà Trắng chứ không phải quyền bộ trưởng tư pháp xác nhận tính hợp pháp toàn bộ của chương trình.

Sau một hồi nghiền ngẫm, tôi nói: “Có, tôi sẽ đồng ý”, để nhờ đó chúng tôi có thêm bốn mươi lăm ngày thu xếp lại việc này, thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng, cũng như nhất trí về một hướng giải quyết trước mắt một cách bình tĩnh (và với tinh thần tập thể).

Khi đó tôi không hề hối tiếc đã đưa ra quyết định này và giờ đây cũng vậy. Các luật sư của NSA, những chuyên gia trong lĩnh vực này, vẫn cảm thấy yên tâm với những việc chúng tôi đang làm.

Tôi cũng cảm thấy được động viên trước sự ủng hộ chính trị của cả hai đảng mà tôi cảm nhận được trong phòng Tình hướng vào chiều hôm trước. Và có một thực tế mà thường không được đề cập trong những tài liệu công khai nói về cuộc tranh cãi này, đó là tính hợp pháp của chương trình đã được xác nhận đến cả chục lần, ngay cả trong thời điểm khó khăn này vẫn *không hề* có quan điểm nào của Bộ Tư pháp cho rằng chương trình này bất hợp pháp, chỉ là việc từ chối cam kết về tính hợp pháp của nó mà thôi. Cho phép tôi được nhắc lại chuyện đó. Không một ai ngay cả vào lúc này nói với chúng tôi rằng chúng tôi đang làm điều gì đó bất hợp pháp, còn khi được hỏi liệu có phải họ đang chuẩn bị làm việc đó, Bộ Tư pháp nói là không. Về sau chúng tôi thậm chí còn được phép giữ lại toàn bộ những dữ liệu mà trước đó thu thập được theo chương trình này, một tiến triển rất đáng phải bàn nếu như bất kỳ hoạt động thu thập bất hợp pháp nào được thể hiện rõ ràng.

Và tôi có thêm một cân nhắc nữa. Vài giờ sau khi Andy Card và Al Gonzales rời khỏi giường bệnh của John Ashcroft tại bệnh viện George Washington, một loạt bom giấu trong balô bắt đầu phát nổ trên những chuyến tàu chở khách vé tháng đông người trong giờ cao điểm sáng ở Madrid, Tây Ban Nha. Tổng số có 191 người Tây Ban Nha thiệt mạng, trong khi số người bị thương gấp gần mười lần như vậy. Với những hình ảnh truyền hình đến từ châu Âu vào buổi sáng hôm đó vẫn còn hiện hữu trong đầu, tôi không hề có ý muốn cắt giảm bớt *bất kỳ* mảng thu thập thông tin tình báo nào.

Chính bản thân những sự kiện trong thế giới thực cũng gây tác động mạnh mẽ. Về mặt hoạt động, chúng tôi sắp phát điên khi phải cố gắng bắt nhịp với những sự việc như ở Madrid trong khi cũng phải dành rất nhiều thời gian để hỗ trợ cho Tổng Tư vấn pháp lý của chúng tôi và Bộ Tư pháp. Một trong những chuyên gia phân tích chống khủng bố giỏi nhất của NSA nói với

tôi rằng, trong ngày đầu tiên nghỉ phép sau nhiều tuần, anh ấy nhận được rất nhiều cuộc điện thoại đến nhà riêng từ các bộ phận khác nhau của Bộ Tư pháp muốn được giải thích rõ những tài liệu phân tích mà anh ấy đã nộp cho họ.

Andy Card thông báo với lãnh đạo Quốc hội rằng chúng tôi đang tiếp tục duy trì chương trình dựa vào quan điểm của cố vấn pháp lý Nhà Trắng và tổng thống cho rằng chương trình hợp pháp. Ông ấy nhấn mạnh đến hoạt động đánh bom ở Madrid như là cơ sở biện minh của mình cho chương trình.

Nhưng quyết định đó không đứng vững được lâu. Vào sáng thứ Sáu đó, Comey và Mueller nói với tổng thống rằng họ sẽ phải từ chức nếu chương trình tiếp tục được duy trì mà không có sự thay đổi nào. Tôi nhận được một cuộc điện thoại từ Al Gonzales hỏi xem ảnh hưởng hoạt động của việc ngưng những khía cạnh gây tranh cãi của chương trình Stellarwind sẽ như thế nào. Ông ấy cần nắm được quy mô ảnh hưởng. Không có nhiều kiến thức khoa học trong đầu, tôi chỉ có thể nói rằng chúng tôi sẽ mất khoảng 20 phần trăm mức độ hiệu quả tổng thể của Stellarwind, nhưng sẽ giữ lại được 80 phần trăm. Tôi cũng phải nói với Nhà Trắng rằng sẽ mất khoảng một tuần để đóng hoàn toàn những khía cạnh đó và sẽ cần hướng dẫn để biết phải làm gì với những mớ dữ liệu đa dạng chủng loại thu thập được.

Tổng thống đã yêu cầu người của mình tìm một cách tiếp cận nào đó khiến cho Bob Mueller hài lòng; tổng thống có thể phớt lờ một số nhân vật phản đối, nhưng không phải với Mueller, người mà ông ấy rất nể trọng.

Ngày hôm sau, thứ Bảy, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ Mueller. Ông ấy chỉ muốn nói với tôi rằng ông ấy vẫn dành cho tôi và NSA sự tôn trọng cao nhất, rằng vấn đề này chưa bao giờ liên quan đến thái độ tôn trọng pháp luật của tôi hay NSA. Đây là vấn đề pháp lý, thuần túy và đơn giản vậy thôi. Ông ấy biết rằng chúng tôi đang cố làm điều đúng đắn. Đó là một cử chỉ

có thiện ý rất đẹp, nhưng không thực sự cần thiết. Tôi chưa bao giờ nghĩ việc này ảnh hưởng đến mối quan hệ cá nhân giữa chúng tôi, trong khi cũng cho rằng thái độ tôn trọng pháp luật *của chúng tôi* là thứ không cần phải thanh minh.

Hôm thứ Tư sau đó, ngày 17 tháng 3 - sinh nhật lần thứ 59 của tôi, Al Gonzales gọi cho tôi để nói rằng tổng thống đã quyết định sửa đổi chương trình Stellarwind. Chúng tôi cần và được đồng ý có thời gian đến cuối tháng 3 để hoàn tất những thay đổi theo yêu cầu. Và chúng tôi đã thực hiện việc đó.

Mọi khía cạnh của Stellarwind đều đã được tổng thống ủy quyền trước đó, theo quan điểm của chúng tôi về thẩm quyền theo Điều 2 Hiến pháp của ông ấy, theo quan điểm của Bộ Tư pháp bắt nguồn từ quyết định của Quốc hội ủy quyền cho phép sử dụng sức mạnh quân sự chống lại al-Qaeda. Tất cả chúng tôi đều biết rằng chương trình sẽ ổn định hơn và ít gây tranh cãi hơn, nếu chúng tôi tập trung nhiều hơn vào việc đặt chương trình vào phạm vi tài phán của Tòa án FISA. Giờ đây chúng tôi đã đẩy nhanh quá trình đó.

Nhà Trắng giao cho chúng tôi một chỉ tiêu là phải có được quan điểm ủng hộ của tòa án đối với các khía cạnh của chương trình vào ngày 06 tháng 5, ngày hết hạn của chu kỳ ủy quyền hiện thời.

Có vô cùng nhiều những cuộc họp và cuộc điện thoại trong hai tuần tiếp theo giữa chúng tôi, Nhà Trắng, Bộ Tư pháp và Giám đốc Tình báo Trung ương để bàn về cách tiếp cận tòa án. Tổng thống dành cho chúng tôi rất nhiều không gian xoay sở. Al Gonzales gọi về nhà riêng cho tôi để nói rằng tổng thống rất ủng hộ việc chúng tôi có một cuộc trao đổi thẳng thắn với vị chánh án.

Jack Goldsmith và Patrick Philbin (người đã nêu ra những mối quan ngại ban đầu tại Bộ Tư pháp) giờ đây lại phối hợp với chúng tôi để chuyển những khía cạnh của Stellarwind sang một

dạng cơ sở pháp lý rộng, phù hợp hơn với một chương trình mà giờ đây đã chứng tỏ sức sống lâu dài chứ không đơn thuần là một biện pháp ứng phó khẩn cấp.

Trong khi những đồng nghiệp tại Bộ Tư pháp của chúng tôi đang xoay sở với những lý luận pháp lý, thì nhiệm vụ của chúng tôi là tường trình các chi tiết hoạt động và kỹ thuật của Stellarwind cho thẩm phán thụ lý của Tòa án FISA, giờ đây là Colleen Kollar-Kotelly. Cuộc tường trình bao gồm cả những chi tiết gây tranh cãi của chương trình, vì các luật sư của chúng tôi vẫn tin rằng những chi tiết này đáp ứng được tiêu chuẩn của Hiến pháp về tính hợp lý, trong khi chúng tôi thì muốn chúng được phép hoạt động trở lại.

Trong suốt hai ngày cuối tuần liên tục vào giữa tháng 5 năm 2004, các chuyên gia và luật sư của NSA, cùng các quan chức cấp cao của Bộ Tư pháp và Cố vấn pháp lý Nhà Trắng, có mặt tại phòng mái vòm tối mật của Tòa án FISA. Chúng tôi giải thích những việc chúng tôi đã và đang làm, lý do và kết quả đạt được. Chúng tôi cũng trình bày cách thu hẹp bớt nỗ lực của mình trong những mảng gây tranh cãi - có thể phải từ bỏ một số mảng thu thập - để từ đó có thể giảm bớt tỷ lệ thông tin cá nhân người Mỹ mà chúng tôi đã và đang thu thập.

Vào tháng Bảy, Kollar-Kotelly cho phép NSA được thu thập, với khối lượng lớn, một số dạng siêu dữ liệu email. Rõ ràng khía cạnh này giờ đây thuộc thẩm quyền của tòa án hơn là của tổng thống*. Về những vấn đề cốt lõi, gồm cả việc thu thập ngẫu nhiên

* Qua thời gian, tòa án đã cho phép duy trì những khía cạnh còn lại của Stellarwind và những trụ đỡ pháp lý đã được tạo ra trong Đạo luật Bảo vệ nước Mỹ (PAA-2007), Đạo luật Sửa đổi FISA (FAA-2008) cùng việc đưa một số hoạt động vào Khoản 215 của Đạo luật Ái quốc (PA). Dẫu vậy, đến lúc đó thì tôi đã là người của CIA và không xuất hiện nhiều trong bức tranh này.

dữ liệu của Mỹ, tòa án về đại thể đã tán thành quan điểm của Nhà Trắng (và quan điểm trước tháng 3 của Bộ Tư pháp).

Như vậy, bất chấp việc những tài liệu được xuất bản về sau này miêu tả những cuộc leo cầu thang với hơi thở hỗn hển và có độ kịch tính cao tại bệnh viện George Washington, chỉ với một quỹ thời gian rất hạn chế chính quyền đương nhiệm đã tìm được thể thống bằng chấp nhận được cho chương trình Stellarwind. Những ý kiến phản đối tại Bộ Tư pháp đã phải nín lặng. Trên thực tế, chữ ký xác nhận của Thứ trưởng Thường trực Bộ Tư pháp Comey đã in dấu trên một số ủy quyền thực hiện chương trình trong 45 ngày được ban hành sau đó.

Khi mùa Hè năm 2004 sắp trôi qua, Stellarwind vẫn bảo đảm hoạt động hiệu quả, được điều hành chu đáo và dường như đã khôi phục lại được vị thế chính nghĩa về chính trị và pháp lý.

Chúng tôi cảm thấy khá hài lòng. Trong một thời gian ngắn.

Chương VI

CÔNG KHAI THÔNG TIN...

THEO CHỦ Ý VÀ KHÔNG THEO CHỦ Ý

Fort Meade, Maryland, và Washington D.C.,
2004-2008

Vào đầu tháng 10 năm 2008, tờ *New York Times* đăng tải một câu chuyện [bài tường thuật], hay ít ra là một phần câu chuyện, về hoạt động giám sát người Mỹ mà không cần lệnh đồng ý. Một trong những phóng viên theo đuổi chuyện này là James Risen, một nhà báo kỳ cựu năng nổ chuyên nhắm vào giới tình báo, người là đồng tác giả với nhân viên đặc trách sự vụ của CIA Milt Bearden trong một cuốn sách viết về hoạt động gián điệp thời Chiến tranh lạnh. Đối tác của anh giờ đây là Eric Lichtblau, phóng viên chuyên khai thác tin về Bộ Tư pháp của tờ *Times*.

Có một nhịp điệu nhất định trong cách mà những câu chuyện về cộng đồng tình báo được viết ra. Các phóng viên thường tạo vòng tròn [nhóm mục tiêu tiếp cận] quanh chủ đề đưa từ bên ngoài vào, gọi điện cho những người mà họ nghĩ biết *điều gì đó* về một chủ đề, ngay cả khi xét theo khía cạnh chính thức thì họ có thể không biết nhiều. Theo cách đó, khi tiếp cận với các quan chức có thông tin đầy đủ hơn, họ có thể bắt đầu bằng: “Tôi nghe nói rằng...” và qua đó hy vọng sẽ buộc quan chức

đưa ra ý kiến. Những vòng tròn của Risen và Lichtblau đang thu hẹp dần dựa vào những gì chúng tôi nghe được.

Việc đó đưa đến nhiều cuộc nói chuyện giữa Nhà Trắng, CIA, Bộ Tư pháp và NSA. Cố vấn An ninh quốc gia Condi Rice luôn bảo đảm tổng thống nắm được thông tin về việc này, ngay cả khi ông dành phần lớn thời gian ở trên đường. Xét cho cùng, chúng tôi chỉ cách cuộc bầu cử có vài tuần.

Sau cuộc bầu cử, khi tổng thống yêu cầu tôi suy đoán xem ai có thể là nguồn rò rỉ dẫn đến bài tường thuật này, tôi nêu ý kiến rằng - vì câu chuyện mà tờ *Times* có là không hoàn chỉnh - thông tin rò rỉ nhiều khả năng đến từ những người không thực sự là nhân sự chính thức của chương trình. Tôi nói: “Nghe có vẻ giống như câu chuyện đồn đại với nhau bên chiếc máy làm mát nước và dường như có rất nhiều máy làm mát nước trong Bộ Tư pháp”.

Ít ra thì tôi cũng đúng một phần. Vào tháng 12 năm 2008, Thomas Tamm, một luật sư sự nghiệp của Bộ Tư pháp, tự mình tiết lộ trong một câu chuyện trên trang bìa của tạp chí *Newsweek* rằng mình chính là một trong những nguồn cấp tin chủ chốt của Risen và Lichtblau. Tamm *không phải* là nhân sự chính thức của chương trình và vì Bộ Tư pháp không theo đuổi việc điều tra vụ rò rỉ, bất kỳ nguồn nào khác mà Risen và Lichtblau có thể có vẫn là điều không ai biết được.

Những vòng tròn của Risen đang thu hẹp dần dần dịch chuyển gần về phía tôi tại NSA. Anh ta đã gửi email cho Nhà Trắng và nói chuyện với Mark Mansfield trong bộ phận Quan hệ công chúng tại CIA. Chúng tôi phớt lờ anh ta trong khoảng một tuần và sau đó, vào giữa tháng 10, tôi chấp nhận cuộc gọi của Risen.

Anh ta bắt đầu bằng việc hỏi xem chúng tôi có thể gặp nhau trực tiếp để nói về *chuyện này*.

“Việc đó còn phụ thuộc vào *chuyện này là gì*”.

Anh ta nói qua về câu chuyện: Tổng thống đã ủy quyền cho tiếp cận hệ thống chuyển mạch viễn thông của Mỹ mà không cần lệnh đồng ý của tòa án hay luật mới. Một số người đang đặt câu hỏi về tính hợp pháp của việc này. Liệu tôi có thể giúp ông ấy hiểu rõ hơn về *chuyện này* không?

Tôi từ chối, nói rằng tôi không thể bàn về các vấn đề hoạt động, nhưng cũng nói rằng mọi việc chúng tôi đang làm đều hợp pháp, hiệu quả và phù hợp. Tôi nhấn mạnh từ *hiệu quả* để truyền đạt ý nói rằng việc tiết lộ có thể khiến đất nước gặp nhiều nguy cơ hơn.

Risen sau đó chuyển sang miêu tả chi tiết bài tường thuật của anh ta: sự chuyển hướng căn bản về chính sách; những bí mật được bảo vệ nghiêm ngặt; việc tiếp cận những khối lượng lớn nội dung liên lạc tại Mỹ; ứng phó với các mối đe dọa khủng bố; dàn xếp của sau với các tập đoàn viễn thông Mỹ; những quan điểm pháp lý dễ lung lay.

Tôi nghĩ rằng anh ta đã có một phần câu chuyện ở đây. Dẫu vậy, có một số chi tiết xuyên tạc và tôi không có tâm trạng hay tư cách gì để sửa lại lời anh ta. Anh ta nói có phần đúng về hoạt động thu thập nội dung mà chúng tôi đang tiến hành theo chương trình Stellarwind, mặc dù câu chuyện dường như bị phóng đại lên nhiều. Anh ta không cho thấy đã biết được bất kỳ mảng siêu dữ liệu nào.

Tôi tiếp tục từ chối nhận xét về bất cứ điều gì khác ngoài điệp khúc “hợp pháp, hiệu quả và phù hợp” mà tôi luôn nói đi, nói lại.

Sau đó Risen đề nghị chúng tôi nói về *chuyện này* một cách không chính thức.

“Tại sao tôi phải làm thế?”

Anh ta nói là muốn hiểu câu chuyện cho đúng, rằng anh ta muốn bảo đảm “công bằng và cân nhắc kỹ”, vô tình dẫn ra cụm

từ nổi tiếng của hãng tin *Fox News* khiến cả hai chúng tôi bật cười sau khi anh ta vừa dứt lời. Anh ta lại tiếp tục đòi gặp riêng.

Tôi nói rằng thật khó để tôi có thể nói thêm điều gì. Sau đó tôi còn nói rằng, nói một cách không chính thức, trong khuôn khổ luật pháp Mỹ, tôi có nhiệm vụ càng năng nổ càng tốt. “Nếu không như vậy, người đóng thuế sẽ lãng phí tiền của họ được đầu tư vào rất nhiều chiếc ăngten ngoài kia”.

Risen sau đó tăng mức độ sử dụng bài “củ cà rốt và cây gậy”. Anh ta nói rằng tôi đang làm rất tốt trách nhiệm công vụ giới thiệu NSA với thế giới và xua tan những nhận thức sai lầm. Vậy nên tôi có trách nhiệm ngồi xuống và nói chuyện, và vì là người có thâm niên trong việc bám theo giới tình báo, anh ta thấy đây là câu chuyện nghiêm trọng nhất mình từng theo dõi.

Không hẳn là “Ông sẽ phải ngồi riêng với tôi” nhưng tôi nghĩ thông điệp anh ta muốn gửi gắm cũng đại loại như vậy.

Tôi hỏi anh ta về ngày đăng tin (anh ta nói: “Chỉ khi mọi thứ sẵn sàng”) và cảm ơn về cuộc gọi và thông tin anh ta mang đến. Tôi không nhớ mình nói gì nhiều với Risen sau đó.

Tôi có nói nhiều với người phụ trách văn phòng Washington D.C. của tờ *Times* là Phil Taubman. Taubman là một phóng viên kỳ cựu, theo dõi chuyên sâu các vấn đề quốc phòng và tình báo, trước đây từng là người phụ trách văn phòng Mátxcơva. Ông ấy đã dành cả cuộc đời cân nhắc giữa nhu cầu minh bạch và nhu cầu an ninh, vậy nên theo quan điểm của chúng tôi thì khó có thể tìm được người nói chuyện trung gian nào hay hơn. (Vào năm 2008, Phil quay trở lại ngôi trường thân quen của ông ấy, Stanford, để giảng dạy về mối quan hệ căng thẳng giữa báo chí tự do và an ninh quốc gia. Cả Condi và tôi đều từng là diễn giả khách mời trong lớp của ông ấy, sử dụng câu chuyện Stellarwind của tờ *Times* làm nghiên cứu tình huống).

Condi thu xếp một cuộc gặp giữa John McLaughlin, Quyền Giám đốc Tình báo Trung ương, và Taubman cùng với Risen.

Chúng tôi có một buổi hội nghị trực tuyến bí mật với John trước cuộc gặp trên và nhất trí với nhau về phương châm: “Nếu anh tiếp tay cho câu chuyện này, anh sẽ làm nổ ra một chuỗi những sự kiện mà, chỉ trong một thời gian ngắn, có thể tước đi công cụ hữu hiệu nhất trong kho vũ khí của chúng ta dành để bảo vệ nước Mỹ ở đây và ở nước ngoài chống lại chủ nghĩa khủng bố”.

Vào một ngày tháng 10 u ám, John McLaughlin, Chánh văn phòng CIA John Moseman, Taubman cùng Risen có cuộc gặp mặt trong văn phòng tiện nghi của Giám đốc Tình báo Trung ương trong Tòa nhà văn phòng hành pháp cũ [nay đổi tên thành Tòa nhà Eisenhower] đối diện với khu Cánh Tây. John không quên sắp xếp ghế ngồi theo hình bán nguyệt ngay trước chiếc bàn rộng của ông ấy để bảo đảm cuộc gặp này giống với một cuộc thảo luận không chính thức hơn là một buổi giảng bài.

John phải thật cẩn trọng. Ông ấy không thể xác nhận điều gì. “Nếu có một hoạt động như thế này, nó sẽ được vận hành theo những giao thức nghiêm ngặt như...”. Ông ấy liên tục nhấn mạnh đến tính hợp pháp và tính phù hợp ngay cả khi không bao giờ mô tả hay xác nhận nó. Với những câu hỏi và ý kiến nhận xét, gần một tiếng đồng hồ đã trôi qua. Taubman dường như thâm trầm và nghiền ngẫm từ đầu đến cuối. Risen thì được miêu tả là khó chịu, ưa cãi lẽ và gây gổ, đưa ý kiến bình luận để rồi bác bỏ bằng cách liên tục sử dụng giọng điệu “quyền được biết” của công chúng.

Nhận định tức thời của mọi người cho thấy Taubman hiểu được tính nghiêm trọng của vấn đề, trong khi “Risen chẳng biết cóc khô gì, nói toạc móng heo là như vậy”.

Tôi đã luôn nghĩ rằng, khi nói chuyện với một nhà báo có *trách nhiệm*, một nguyên tắc hay là nói với nhà báo đó nhiều hơn chứ không phải ít đi, ngay cả (nhất là) mục đích của ta là ngăn việc công bố thứ gì đó phương hại đến an ninh quốc gia. Taubman dường như cân đối được trong suy nghĩ và, theo lập luận

của chúng tôi, càng biết nhiều, ông ấy sẽ càng có xu hướng bảo vệ những thứ mà chúng tôi cho là thông tin được xếp vào mục bảo mật một cách đúng đắn. Tổng thống có vẻ như đã đồng ý. “Nói với ông ấy những gì ông thấy cần nói” là lời chỉ dẫn dành cho chúng tôi.

Vậy nên chúng tôi trở nên khá cởi mở - với Taubman. Câu chuyện của tờ *Times* bám chặt vào hoạt động thu thập thông tin thực tế mà chúng tôi đang tiến hành với những cuộc gọi điện thoại. Chúng tôi cũng duy trì trọng tâm hoạt động ở mảng việc đó. Không hề có yêu cầu đạo đức, đạo lý hay pháp lý nào cho việc nói đến những hoạt động khác mà, cho đến lúc này, họ vẫn chưa nắm được.

Tôi phải nhấn mạnh rằng khi nghe một cuộc điện thoại, chúng tôi đã có lý do chính đáng từ trước để tin rằng một hoặc cả hai đầu của cuộc gọi có liên quan đến al-Qaeda. Chúng tôi cũng không thể không nói rằng FISA, như được diễn giải và thực hiện khi đó (yêu cầu về những lệnh đồng ý tùy biến riêng rẽ, dài dòng đối với bất kỳ số điện thoại nào ta muốn thu thập thông tin) đã tước đi của chúng tôi khả năng mau lẹ cần thiết để theo kịp mục tiêu.

Cuộc gặp mặt trọng đại diễn ra trong văn phòng khu Cánh Tây của Condi vào một tối cuối tháng 10. Chúng tôi ngồi trên các divăng và ghế quanh chiếc bàn cà phê của bà ấy. Tôi cho là (những ghi chép và trí nhớ đã tỏ ra là quá sơ sài) Bill Keller, Tổng Biên tập tờ *Times* và là người có thẩm quyền tối cao trong quyết định “có/không” công bố thông tin, cũng có mặt ở đó. Taubman cũng vậy. Về phía Nhà Trắng có Condi, Al Gonzales và tôi. Chúng tôi tiếp cận buổi gặp mặt với những nguyên tắc cơ sở mà chúng tôi đã và đang áp dụng: bảo vệ thông tin bằng cách chia sẻ nhiều hơn về thông tin đó.

Đó không phải là một cuộc gặp mặt gay gắt hay có nhiều sự đối đầu. Thậm chí không có biểu hiện gì không lịch sự cả.

Trên chiếc bàn cà phê nằm cách giữa chúng tôi là một đồ thị “sổ ghi chép của chuyên gia phân tích” cho thấy đa dạng những điểm đầu mối khác nhau của mạng lưới al-Qaeda. Mặc dù đây là một biểu đồ chính xác và hiện thời, nhưng nó không hoàn toàn *chứng minh* được bất cứ điều gì trong cuộc bàn luận đang diễn ra (bàn về việc chặn thu nội dung). Nhưng nó lại cho thấy mọi thứ được liên kết với nhau ra sao, những mẫu nội dung liên lạc cá nhân quan trọng như thế nào và ít nhất *ngụ ý* một cách đanh thép rằng sẽ có nguy cơ thực sự nếu như ai đó (như ngài đây, thưa ngài Keller) khiến chúng tôi mất khả năng tiếp cận một vài trong số những mẫu nội dung liên lạc này.

Chúng tôi thậm chí chưa bao giờ nghĩ đến việc ám chỉ điều gì đó thô thiển như “máu sẽ dính ở tay ông”, nhưng nhìn lại, có thể sẽ là công bằng khi nói chúng tôi lúc đó thốt ra những điều còn hơn cả lời nói bóng gió mà - tròn ba năm sau vụ tấn công 11/9 - không một ai trong chúng tôi cảm thấy mình đã may mắn.

Một yếu tố cũng rất quan trọng là đại đa số những cuộc gọi chúng tôi đang *thực sự* chặn thu theo thẩm quyền của tổng thống là cuộc gọi từ *nước ngoài đi nước ngoài* (một thực tế mà các bài báo hay thậm chí là các đánh giá của Chính phủ Mỹ theo sau dường như gặp rắc rối trong việc nắm bắt tường tận và đánh giá).

Những đặc điểm riêng của FISA thực sự đòi hỏi chúng tôi phải xin được một lệnh đồng ý riêng để được tiếp cận hoàn toàn đến mỗi số và bất kỳ số nào trong những số điện thoại mục tiêu, hệ quả không mong muốn của một đạo luật được soạn thảo cho một môi trường liên lạc khác rất xa so với môi trường mà chúng tôi đang hoạt động. Nếu như những cuộc gọi quốc tế này bằng cách nào đó vẫn cứ nhảy vào và ra khỏi nước Mỹ qua không trung - như đã từng xảy ra vào những năm 1970 khi mà vệ tinh là hệ thống liên lạc tầm xa được lựa chọn - thì NSA có toàn quyền chặn thu chúng bằng cách nhắm tới số nước ngoài. Đó là

bởi vì luật FISA 1979 đã thiết lập một “quy chế tách riêng” cho hoạt động thu thập những cuộc liên lạc vệ tinh quốc tế từ lãnh thổ nước Mỹ. Nhưng cuộc cách mạng viễn thông diễn ra sau đó giờ đây đưa những cuộc liên lạc này đi theo đường cáp quang. Để tiếp cận được chúng từ một đường cáp quang trên lãnh thổ Mỹ nói chung cần phải xin được lệnh đồng ý [của tòa] - một lệnh đồng ý trên mỗi số điện thoại khủng bố mục tiêu - và việc đó đòi hỏi phải xin được hàng ngàn lệnh đồng ý riêng rẽ cho các số điện thoại *nước ngoài*, hàng trăm số trong những số này lại thay đổi hàng ngày, một nhiệm vụ hành chính gần như bất khả thi. Có những số điện thoại liên quan đến khủng bố ở Mỹ mà chúng tôi nhắm tới nằm trong hệ thống Stellarwind, chắc chắn là vậy, nhưng cho đến nay đa phần những số này không còn nằm trong đó nữa.

Cuộc bầu cử tổng thống năm 2004 đến và đi mà không có sự công bố thông tin nào của tờ *Times*, nhưng điều mà tờ *Times* rất cuộc cũng sẽ làm vẫn đang ở tình trạng chưa được giải quyết sau cuộc bầu cử. Chúng tôi biết rằng mối bận tâm lớn nhất của Taubman là quyền riêng tư của người Mỹ. Tôi cần phải gửi đi thông điệp rằng chúng tôi không hề coi nhẹ chuyện đó, rằng chúng tôi vẫn rất tôn trọng quyền riêng tư của người Mỹ, rằng việc này đang do những con người rất nghiêm túc thực hiện. Vào giữa tháng 11, tôi mời Phil đến văn phòng tầng tám của mình tại Fort Meade, mời ông ấy ngồi ghế sofa và giới thiệu ông ấy với Bob Deitz, Tổng Cố vấn pháp lý của NSA, cùng hai trong số các chuyên gia phân tích cấp cao của chúng tôi, một trong số đó là người đã đi cùng tôi tại buổi tường trình đầy kịch tính tại phòng Tình huống ở Nhà Trắng hồi tháng 3 năm ngoái (xem Chương V).

Tôi chậm rãi giới thiệu lại một lần nữa với Taubman về tầm quan trọng của chương trình, sau đó chỉ ra rằng quyền riêng tư của người Mỹ vẫn là một ưu tiên. Trải xuống từ trần

của căn phòng nơi việc này được thực hiện là một biển hiệu màu đen - vàng lớn mở đầu bằng câu hỏi “Điều gì tạo nên một người Mỹ?” Bên dưới câu hỏi đó là phần miêu tả bốn tiêu chí để một cá nhân hay tổ chức được hưởng cơ chế bảo vệ đó. Dù cho hoạt động thu thập thông tin cá nhân thâm nhập mạnh, song đặc điểm người Mỹ sẽ được “tối thiểu hóa” (che đậy) trừ phi đặc điểm đó có ý nghĩa sống còn đối với việc hiểu biết về thông tin tình báo mà chúng tôi đang báo cáo.

Sau đó tôi đứng dậy và, trước sự ngạc nhiên của hai chuyên gia phân tích cũng như Phil, tôi tuyên bố: “Phil này, có thể ông có những câu hỏi cụ thể muốn hỏi mấy vị này. Tôi để ông có vài phút hỏi riêng vậy”.

Bước về phía cửa, tôi quay sang các nhân viên của mình và bảo họ: “Cứ trả lời câu hỏi của ông ấy nhé”.

Dù việc này tự phát, nhưng không có gì là quá liều lĩnh. Những người này rất thông minh và thực sự tin tưởng vào những việc họ đang làm.

Một trong những chuyên gia phân tích về sau có nói với tôi rằng, sau buổi làm việc đó, anh ấy chạy vội từ văn phòng tôi đến chỗ Tổng Cố vấn pháp lý, giống như một con chiên Thiên chúa phạm sai lầm chạy vội đi xưng tội vậy, để hỏi làm thế nào anh ấy có thể vượt qua đợt đo chỉ số nhân viên tiếp theo, vì anh ấy vừa nói với một nhà báo một số bí mật quan trọng nhất của nước Mỹ. Deitz trả lời: “Đó là việc được phép làm. Đừng lo chuyện đó”. Có vẻ như anh ấy không còn quá lo nữa và đã vượt qua đợt đo chỉ số nhân viên tiếp theo.

Sau một khoảng thời gian lịch sự tạm lánh, tôi quay trở lại văn phòng để tiễn Taubman về. Lúc ông ấy chuẩn bị ra về, tôi nói: “Ông có nhận ra là mình vừa đến cái nơi mà không ai trong nghề của ông từng được đến không?”

Ông ấy đùa lại: “Ừ, chắc tôi bị soi chiếu tại bãi đỗ xe mất”.

Chúng tôi vẫn còn thêm một lá bài để chơi. Chúng tôi bố trí để Taubman tiếp xúc với Jane Harman, người mà nói chung sẵn sàng thể hiện rõ quan điểm ủng hộ của mình với những việc chúng tôi đang làm.

Ngày 08 tháng 12, Condi Rice gọi cho tôi để truyền đạt lại tin từ *Times* quyết định không công bố thông tin. Taubman gọi cho tôi với thông điệp tương tự, với đề nghị như mọi khi rằng chúng tôi phải cho ông ấy biết nếu có ai đó đang đánh hơi mọi thứ xoay quanh câu chuyện này. Tôi đồng ý và nói thêm rằng chúng tôi đã nhận được “một cú vỗ nhẹ” từ phía tờ *Washington Post*, nhưng việc đó đã qua rồi.

Tổng Biên tập Bill Keller sau đó phải bảo vệ quyết định không công bố thông tin của tờ *Times* vào cuối năm 2004. Tôi có xu hướng nghĩ rằng lập luận về an ninh quốc gia của chúng tôi đã tác động đến ông ấy và, mặc dù chúng tôi chưa bao giờ nói về việc đó, tôi vẫn nghĩ rằng Taubman là nguồn cảnh báo đích thực trong nội bộ tờ *Times*.

Cuộc bầu cử tổng thống cũng có thể là một yếu tố tác động khác. Không dễ gì để công bố một câu chuyện mà có thể tác động mạnh mẽ, thậm chí là quyết định (nếu không muốn nói là khó lường) đối với cuộc bầu cử tổng thống. Đó là một tình thế khá khó đối với một tờ báo, ngay cả khi đó là tờ báo tự nhận mình là lớn và danh tiếng của quốc gia. Và việc cho đăng tải một câu chuyện như vậy ngay sau bầu cử sẽ chẳng khác nào đưa mình vào thế đối đầu với vị tổng thống vừa mới nhận được sự ủy thác quốc gia một phần nhờ vào các chính sách chống khủng bố của ông ấy.

*

* *

Không có cuộc bầu cử tổng thống nào kề cận thời điểm tháng 11 năm sau đó (2005) khi Phil Taubman đích thân gọi

cho tôi và nói rằng tờ *Times* đang xem xét lại lập trường của họ. Ông ấy nói thêm: “Những người khác đã nêu ra mối lo ngại”.

Có vẻ như có thêm các nguồn trong Bộ Tư pháp cung cấp tin cho Lichtblau, tôi trầm ngâm suy nghĩ.

Phil lúc đó không nói đến điều này, nhưng chẳng bao lâu ai cũng thấy rõ rằng Risen đang bắt chính tờ báo của anh ta làm con tin. Anh ta đã gửi bản phác thảo cuối của cuốn sách sắp ra đời mang tên *State of War* (Tình trạng chiến tranh) đến nhà xuất bản, còn câu chuyện Stellarwind sẽ là một trong những chương tạo điểm nhấn của cuốn sách. Về căn bản, tờ *Times* đang phải đối mặt với lựa chọn khó khăn “dùng nó hay mất nó”. Và họ thực sự muốn dùng nó.

Mặc dù Taubman đã gọi cho đích thân tôi, nhưng lúc này tôi đã rời khỏi NSA và đang đảm nhận chức danh Phó Giám đốc Thường trực Tình báo quốc gia dưới quyền John Negroponte (xem Chương IX). Tôi phải nắm bắt thông tin và mở đầu một loạt những cuộc họp trực tuyến bảo mật với NSA trong một tuần tới hoặc hơn. Dẫu vậy, tôi vẫn là bộ nhớ dùng chung khi mà Al Gonzales giờ đây là Bộ trưởng Tư pháp, còn Harriet Miers thay vị trí Cố vấn Nhà Trắng của ông ấy. Cấp phó của Condi là Steve Hadley đã bay nhanh lên vị trí Cố vấn An ninh quốc gia. Tôi lưu ý những người mới đảm nhiệm chức vụ này về cuộc khủng hoảng đang treo lơ lửng trên đầu và hứa sẽ nói chuyện với Phil.

Taubman vẫn công bằng như mọi khi, nhưng ông ấy đang hối thúc mạnh mẽ chuyện “những người khác đã vào cuộc rồi” và, theo ông ấy, việc đó cho thấy có sự căng thẳng bên trong chính quyền đương nhiệm liên quan đến chương trình này. Tôi trấn an ông ấy rằng không có mối bất hòa nào liên quan đến những việc chúng tôi đang làm, mà đúng là như vậy theo những gì tôi biết. Tôi không có đủ quyền tự do bàn về cuộc khủng hoảng

tháng 3 năm 2004, cuộc khủng hoảng mà cuối cùng đã được giải quyết (thỏa đáng theo quan điểm của chúng tôi) và trong bất kỳ trường hợp nào đều liên quan đến một khía cạnh của chương trình không nằm trong câu chuyện của tờ *Times*.

Phil khẳng khái muốn gặp và hối thúc tôi thu xếp gặp các nghị sĩ Quốc hội để đích thân đánh giá xem liệu họ có đồng tình với việc giữ bí mật chương trình này hay không. Việc đó sẽ rất rắc rối. Việc tôi (chính quyền đương nhiệm) tiết lộ thêm điều gì đó là một chuyện, nhưng làm sao để các nghị sĩ Quốc hội vô cùng thận trọng về chính trị làm điều tương tự lại là chuyện hoàn toàn khác. Tôi nói với Phil: “Tôi sẽ cân nhắc việc này”.

Chúng tôi lập lại cuộc họp năm 2004 trong văn phòng của Cố vấn An ninh quốc gia vào cuối tháng 11 năm 2005. Hadley chủ trì, người tham dự có Condi (giờ đã sang Bộ Ngoại giao), Harriet Miers, John Negroponte và tôi. Keller và Taubman có mặt ở đó với tư cách là đại diện tờ *Times*, nhưng lần này có thêm Eric Lichtblau, một trong những phóng viên tôi đã nói đến. Cuộc họp bàn này có những lời lẽ khó chịu hơn so với cuộc họp lần trước - không giống với một cuộc bàn luận về việc liệu có công bố thông tin hay không, mà giống với một cơ hội cuối cùng để chính quyền đương nhiệm ngăn chặn việc đó.

Tờ *Times* nhất mực muốn quay trở lại chủ đề bất đồng nội bộ và khuynh hướng tự nhiên hướng tới việc công bố thông tin của họ càng được củng cố bởi cuốn sách sắp ra đời của Risen. Rốt cuộc thì việc này cũng sắp được đưa ra công khai, theo cách này hay cách khác. Câu hỏi duy nhất dành cho họ là liệu họ có định nhận công trạng về mình trong việc này hay không.

Tôi cũng nghi ngờ rằng tờ *Times* đã chia sẻ, phản ánh và đang cố gắng dẫn dắt một cuộc thay đổi tâm lý dư luận tại đất nước này. Sau hơn bốn năm nghe công luận và quan điểm của giới tinh hoa hò hét đòi chúng tôi phải làm “bất cứ điều gì cần thiết”,

giờ đây chúng tôi phải mang gánh nặng chứng minh rằng những việc đang làm vừa hợp pháp, *lại vừa* có tính chất sống còn không thể tranh cãi. Chúng tôi chắc sẽ chẳng có thêm những lần thoát hiểm trong gang tấc nữa.

Chúng tôi có một chương trình dựa vào việc sử dụng quyền lực hành pháp ở mức độ mạnh, nhưng là chương trình bị phê bày trước hai ngành còn lại (phê bày rộng hơn so với nhiều hành động bí mật). Chương trình được điều hành cẩn trọng, không hề có bằng chứng về sự lạm dụng và chúng tôi tin rằng chương trình đang góp phần làm cho đất nước trở nên an toàn hơn.

Giờ đây tờ *Times* (và những tổ chức hoạt động đưa tin khác khi thấy câu chuyện này vỡ lở) đã sẵn sàng giáng xuống một cơn thịnh nộ nếu như chúng tôi không chứng minh được toàn bộ những điều khẳng định là quan điểm đồng thuận. Thông báo của Quốc hội dường như có vấn đề: quá ít nghị sĩ; quá ít chi tiết; không có nhân viên cấp dưới nào được biết. Làm sao chúng tôi có thể khẳng định có sự đồng thuận quan điểm trong ngành hành pháp khi các phóng viên của họ cứ tiếp tục nhận những cuộc điện thoại đó? Chúng tôi nói không hề có sự lạm dụng nào. Làm thế nào họ có thể xác nhận chuyện đó được?

Đó là một chỉ số về tính hiệu quả khó thể hiện nhất. Tình báo tốt giống như một tấm thảm với nhiều sợi bện đan quện với nhau để tạo nên cái tổng thể đẹp đẽ. Và ở đây chúng tôi được yêu cầu phải chỉ ra sợi bện này phát huy tốt khi nào và ở đâu (không khác mấy với cuộc tranh cãi sau này về tính hiệu quả hoạt động thẩm vấn của CIA). Bên cạnh đó, gần như toàn bộ bằng chứng cụ thể mà chúng tôi có vẫn đang là một phần của các hoạt động đang diễn ra, những cuộc điều tra tích cực hay những vụ xét xử công khai. Cởi mở cũng có những giới hạn nhất định.

Điều họ muốn, và tôi không thể cung cấp, là bằng chứng cho thấy một cuộc chặn thu Stellarwind đã giúp chúng tôi xử lý được một tay bắn tỉa đang nằm phục trên mái nhà ngay khi tay súng này vừa tra đạn vào ổ. Bất cứ thứ gì không được [kịch tính] như thế đều không có sức thuyết phục.

Chúng tôi vẫn thua cuộc. Chúng tôi đẩy chuyện này qua phòng Bầu dục.

Ở đó, thành phần chính phủ gồm có Tổng thống, Chánh Văn phòng Nhà Trắng Andy Card, Harriet Miers và tôi. Thành phần của tờ *Times* có Taubman, Keller và Arthur Sulzberger Jr., Chủ tịch xuất bản của tờ *Times*. Tổng thống ngồi tại chiếc ghế mọi khi ông ấy vẫn ngồi ngay trước lò sưởi. Chiếc ghế phó tổng thống nằm phía bên phải không có ai ngồi. Sau màn chào hỏi rất ngắn gọn, tổng thống mời các vị khách ngồi vào dãy ghế sofa phía bên trái ông, nơi cố vấn an ninh quốc gia và chánh văn phòng Nhà Trắng thường ngồi để báo cáo công việc hằng ngày cho tổng thống (PDB) vào buổi sáng.

Sulzberger cố gắng phá vỡ căng thẳng bằng việc nói đùa rằng cả ông ấy và tổng thống hiện đều đang ngồi vào chỗ của cha mình. Bầu không khí chẳng có gì thay đổi cả.

Sulzberger sau đó cố gắng trình bày lập trường của tờ *Times* về vấn đề đang bàn đến. Cũng chẳng có chuyển biến gì. Tổng thống cắt ngang phần trình bày của ông ấy và nói rằng cuộc gặp này là để ông ấy giải thích tại sao việc công bố câu chuyện này là sai trái.

Tổng thống nói rằng nếu một cuộc tấn công khủng bố nữa được tiến hành thành công, ông tin rằng ban lãnh đạo tờ *Times* sẽ bị lôi lên Điện Capitol, giơ tay phải lên tuyên thệ cùng với lãnh đạo của cộng đồng tình báo, phải giải thích trước Quốc hội về việc làm sao có thể để chuyện đó xảy ra.

Tổng thống ra hiệu cho tôi thực hiện phần giới thiệu như mọi lần về chương trình. Mọi chuyện đáng ra đã có thể tốt hơn.

Tôi thực chất ở quá xa thính giả mục tiêu, hai người trong số họ từng nghe về chuyện này trước đó và một trong số hai người này dường như nghĩ rằng đây chỉ là một bước thủ tục.

Khi cuộc gặp mặt kết thúc mà không có kết quả rõ ràng, đội ngũ của tờ *Times* lập lại yêu cầu gặp các nghị sĩ Quốc hội để đánh giá xem liệu các nghị sĩ có cho rằng chương trình này cần được giữ bí mật. Họ cũng hứa sẽ *không* công bố câu chuyện khi chưa dành cho Nhà Trắng một cơ hội đưa ra ý kiến.

Chúng tôi nán lại phòng Bầu dục. Tôi gợi ý với tổng thống, người đã tròn mắt ngạc nhiên khi chúng tôi đưa ra đề xuất để tờ *Times* giải thích với Quốc hội, rằng chúng ta phải đi bước đó. Tôi sẽ thu xếp việc này, chỉ dành riêng cho Taubman, người mà, tôi nói, “chúng ta có thể tin tưởng”.

Tôi trao đổi và thông qua Pat Roberts, Chủ tịch Ủy ban Tình báo Thượng viện, để thu xếp cuộc gặp mặt. Vào một tối giữa tháng 12, Taubman có cuộc gặp mặt với Roberts và người đồng cấp của ông ấy bên Đảng Dân chủ là Jay Rockefeller, cùng với Pete Hoekstra và Jane Harman đại diện cho Nhà Trắng. Tôi chủ ý không có mặt. Một số người có thể coi việc này mang đến rủi ro, nhưng tôi tin rằng sự hiện diện của *bất kỳ* quan chức chính quyền đương nhiệm nào tại cuộc gặp mặt này sẽ khiến ngay cả những quan điểm ủng hộ của các nghị sĩ cũng bị “trừ hao”.

Sau đó tôi nói chuyện với những người tham gia cuộc gặp mặt nói trên. Tất cả đều bày tỏ mạnh mẽ quan điểm cho rằng *không* nên công khai câu chuyện này. Một nghị sĩ bày tỏ: “Chúng tôi bất đồng về một số việc, nhưng không phải về chương trình này”. Một nghị sĩ khác thì nói về nỗ lực này như là “báu vật hoàng cung” để lý giải tại sao chỉ một nhóm nhỏ được nhận thông tin tường trình. Họ nói với Taubman rằng “người dân có quyền được bảo đảm riêng tư, nhưng họ cũng có quyền

được sống”. Một vị nghị sĩ còn màu mè truyền đạt lại với tôi sau đó rằng “Bốn chàng kỹ sĩ đã trụ vững”.

Việc đó không thành vấn đề. Vào đầu giờ tối ngày 15 tháng 12, website của tờ *New York Times* đăng một tiêu đề rất kêu: “Bush cho phép điệp viên Mỹ do thám người gọi điện thoại mà không cần lệnh đồng ý của tòa án”. Thời điểm đăng tải cũng có thể liên quan đến việc khôi phục Đạo luật Ái quốc. Việc này đã được đẩy lên sớm hơn trong lịch trình làm việc của Quốc hội và hiện đang được đưa ra tranh luận. Quả bom của tờ *Times* đã khiến việc thông qua nghị quyết khôi phục Đạo luật Ái quốc phải hoãn lại đến tháng 3 năm sau. Cũng có tin cho hay tờ *Times* sợ phải đối mặt với lệnh kiểm duyệt trước - chính quyền đương nhiệm nhờ đến tòa án để ngăn việc công bố thông tin.

Vào tối mà câu chuyện bị vỡ lở, vợ tôi Jeanine và tôi đang tiếp Pete Hoekstra và Jane Harman trong một bữa tối nhẹ nhàng tại nhà riêng chúng tôi tại Căn cứ Không quân Bolling nằm bên dòng Potomac. Vị chủ tịch và ủy viên thường trực của Ủy ban Tình báo Hạ viện thực sự không mấy hòa đồng, vậy nên tôi không thể khẳng định rằng việc mọi người nghe điện thoại di động rồi ra về đã phá hỏng buổi tối mà trước đó diễn ra vô cùng dễ chịu.

Nhưng họ đã ra về. Sau bốn năm tồn tại của Stellarwind, công chúng giờ đây đang được nhận một câu chuyện kể tất yếu là không hoàn chỉnh và thường có khiếm khuyết về những việc mà chính phủ của họ đang làm để bảo vệ họ. Tờ *Times* đã có một câu chuyện, nhưng đó không thực sự là câu chuyện *thật*, ít ra là theo quan điểm của chúng tôi. Câu hỏi đặt ra với chúng tôi giờ đây là sẽ phải làm gì để tự bảo vệ mình và trong quá trình đó chúng tôi có thể công khai bao nhiêu phần thông tin về chương trình.

Tổng thống Bush đã vạch ra chiến tuyến vào sáng hôm sau, thứ Sáu, khi ông ấy chỉ đạo rằng buổi diễn văn trên sóng

phát thanh thứ Bảy thường lệ mà ông đã cho thu âm từ trước sẽ bị hủy bỏ. Ông ấy sẽ nói chuyện trực tiếp vào sáng thứ Bảy, bảo vệ chương trình, lên án hành động rò rỉ và hứa sẽ tiếp tục làm những việc mình đang làm.

Tổng thống bắt đầu bài phát biểu bằng câu: “Để tiến hành cuộc chiến chống khủng bố, tôi đang sử dụng thẩm quyền được Quốc hội giao phó cho mình... [và] tôi đang sử dụng thẩm quyền tổng tư lệnh được Hiến pháp trao gửi”.

Sau khi nhấn mạnh rằng việc này hướng vào những cuộc gọi quốc tế, rằng ít nhất một đầu cuộc gọi luôn ở bên ngoài nước Mỹ và rằng bất kỳ cuộc chặn thu nào đều luôn dựa vào niềm tin rằng cuộc gọi đó có liên quan đến al-Qaeda, tổng thống lên án việc tiết lộ trái phép thông tin này và sau đó nói rằng ông ấy đã “gia hạn ủy quyền thực hiện chương trình này hơn ba mươi lần... và tôi có ý định tiếp tục làm vậy chừng nào đất nước chúng ta còn tiếp tục phải đối mặt với mối đe dọa từ al-Qaeda và các tổ chức có mối liên hệ với chúng”.

Trong cộng đồng tình báo, khi ai đó công khai một câu chuyện mà nhiều khả năng dẫn đến việc được trao Giải thưởng Pulitzer (Risen và Lichtblau đúng là đã giành được một Giải thưởng Pulitzer, mặc dù Ủy ban Pulitzer đã phải thực hiện chia hạng mục sáng tạo vào năm đó để trao giải thưởng cho cả hai người họ và nỗ lực phát giác các địa điểm đen CIA của Dana Priest), mọi người thường nín thở chờ xem liệu nhà lãnh đạo chính trị lúc đầu yêu cầu ta làm việc này có dám đứng mũi chịu sào hoặc chống lưng ủng hộ ta hay không. Tổng thống Bush đã đứng mũi chịu sào vào sáng thứ Bảy đó. (Và sau những ngày nghỉ ông ấy đã đến Fort Meade để ủy lạo tinh thần đội ngũ nhân sự NSA và đích thân cảm ơn đội vận hành Stellarwind vì sự nỗ lực trong công việc của họ). Chúng tôi có thể thở phào.

Cùng hôm thứ Bảy đó, khi vợ tôi và tôi đang len lỏi mua chút đồ Giáng sinh tại khu mua sắm Annapolis thì điện thoại

di động của tôi đổ chuông. Đó là Jane Harman, đảng viên Đảng Dân chủ cấp cao trong Ủy ban [thường trực đặc biệt] Tình báo Hạ viện (HPSCI), người rất am hiểu về chương trình và cho đến thời điểm đó có quan điểm ủng hộ. Bà ấy muốn tôi tường trình với toàn thể Ủy ban Tình báo Hạ viện về Stellarwind. Bà ấy nói rằng đó là việc đúng đắn và, mặc dù không nói nhưng tôi biết việc này sẽ mang đến cho bà ấy cái “nắp đậy”^{*} chính trị mà bà ấy đang rất cần và xứng đáng được hưởng.

Andy Card là người có quan điểm ủng hộ, vậy nên tôi chuẩn bị cắt ngắn chuyến du ngoạn mua sắm và quay về nơi làm việc. Đáng ra tôi không nên trần trở đến như vậy. Trước khi tôi có thể rời khu mua sắm, kế hoạch thực hiện đã bị bác bỏ. Chẳng ai nói với tôi bất kỳ điều gì.

Nếu như Harman đang cố gắng làm gì đó để giúp giải quyết vấn đề, những người khác lại tìm cách che đậy. Khi những bài tường thuật báo chí cứ dày dần lên, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ Hạ nghị sĩ Nancy Pelosi, lãnh đạo phe thiểu số tại Hạ viện, người tính đến thời điểm đó đã năm lần nghe tường trình về Stellarwind.

Vì bà ấy là lãnh đạo phe Dân chủ, ủy viên thường trực trong Ủy ban Tình báo, nên tôi còn phải tường trình với bà ấy ngay sau vụ 11/9 về một vấn đề khác: những chỉ đạo tôi đã đưa ra liên quan đến những cuộc liên lạc giữa Mỹ và Ápganixtan, về cơ bản là chỉ đạo các chuyên gia phân tích cần phải dịch những thứ có “giá trị thông tin tình báo” chứ không nên dịch tự do mọi thứ khi quyết định liệu có nên đưa thông tin cá nhân Mỹ vào

^{*} Trong hoạt động không chiến, nắp đậy (top cover) nói đến chiến đấu cơ bay ở độ cao lớn để bảo vệ các lực lượng dễ bị tổn thương hơn phía dưới. Chúng tôi hàm ơn Harman về những điều đại loại như thế, vì bà ấy muốn ủng hộ, nhưng việc đó sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến bà ấy ngay trong nội bộ đảng của mình.

báo cáo hay không (xem Chương V). Nói gì thì nói, ba nghìn người dân Mỹ đã thiệt mạng trong một cuộc tấn công được tổ chức và chỉ đạo từ đất nước đó. Tôi không muốn bỏ lỡ hay trì hoãn bất kỳ thứ gì cả. Sau buổi tường trình đó (được thực hiện trước khi có Stellarwind), Hạ nghị sĩ Pelosi có gửi một bức thư đến NSA bày tỏ một số lo ngại chung chung liên quan đến quyền riêng tư của người Mỹ mà chúng tôi đã trả lời thỏa đáng.

Giờ đây bà hạ nghị sĩ muốn tôi giải quyết nhanh việc đưa bức thư tháng 10 năm 2001 đó ra khỏi chế độ mật. Tôi nói rằng tôi sẽ làm việc đó, nhưng cũng nói thêm rằng bức thư của bà ấy - mặc dù từ ngữ chung chung đủ để khiến người đọc hiểu là nói về chủ đề trong bài tường thuật của tờ *Times* - dứt khoát *không phải* là bức thư nói về chương trình đó.

Tôi thuyết phục: “Thưa bà, đây là sự khác nhau giữa táo với cam”.

Bà ấy đáp: “Đều là trái cây thôi”.

Ngày Chủ nhật sau khi bài tường thuật của tờ *Times* được công bố, Al Gonzales và tôi có mặt tại phòng họp của Ủy ban Tình báo Thượng viện, nơi mà Pat Roberts, Chủ tịch Ủy ban, đã mời chủ tịch và các ủy viên thường trực của Ủy ban Tư pháp Thượng viện. Tôi được bố trí vào thời điểm muộn cho phù hợp với thời gian các thượng nghị sĩ quay trở về Washington. Ủy viên thường trực của Ủy ban, Thượng nghị sĩ Leahy, là kiểu người có mặt cũng như không. Chắc chắn ông ấy có quan điểm của mình về toàn bộ chuyện này, nhưng ông ấy không bao giờ hiểu được chính xác phần mô tả của chúng tôi về những gì chúng tôi đang làm.

Vậy là có ba chúng tôi cùng Thượng nghị sĩ Arlen Specter, lúc đó là đảng viên Đảng Cộng hòa (sau này là Dân chủ) đại diện cho tiểu bang Pennsylvania và nguyên là một chánh công tố hạt ở Philadelphia. Thẩm phán Gonzales giới thiệu khái quát và sau đó mời tôi thực hiện phần trình bày chi tiết.

Mọi thứ diễn ra chậm chạp. Nguyên là một công tố viên, Specter có quan điểm thi hành luật đối với hoạt động theo dõi, vậy nên các nguyên tắc tình báo (thậm chí là các nguyên tắc tình báo trước khi có Stellarwind) đã hình thành nên quan điểm mới của ông ấy. Có lúc ông ấy còn thản nhiên hỏi: “Nhưng các vị bảo vệ quyền riêng tư bằng cách nào?” Tôi bắt đầu trình bày những nét chính của toàn bộ các biện pháp bảo vệ quyền riêng tư cá nhân Mỹ, tối thiểu hóa các đặc điểm nhận diện Mỹ và những thứ tương tự, để rồi ông ấy lại cắt ngang và nói thêm: “Không, quyền riêng tư của mọi người. Quyền riêng tư của người nước ngoài cơ”.

Tôi không dự liệu một câu hỏi như thế. Bản năng thôi thúc tôi nói điều gì đó về việc Tu chính án thứ tư không phải là một điều ước quốc tế, điều tôi đã khôn ngoan chế ngự được, và có thể lắm bầm điều gì đó về việc tự giới hạn mình ở những việc phù hợp về mặt hoạt động.

Đó nên được coi là một bài học. Việc này sẽ khó giải thích hơn tôi nghĩ, khi mà có nhiều người thiếu hiểu biết cơ bản về những việc NSA làm đến như vậy. Stellarwind là một sự thoát ly khỏi chuẩn tắc, chắc chắn là vậy rồi; câu hỏi hợp thức ở đây là có bao nhiêu sigma, bao nhiêu độ lệch chuẩn. Nếu không có hiểu biết về đường cơ sở (chuẩn), ai cũng dễ dàng tưởng tượng ra điều tệ nhất.

Đầu giờ sáng hôm sau (thứ Hai), tôi đi bộ một đoạn ngắn sang Nhà Trắng từ Tòa nhà Văn phòng Hành pháp mới, nơi có các phòng làm việc tạm thời của Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia (ODNI). Còn chưa đầy một tuần nữa là đến Giáng sinh, mọi thứ được trang hoàng rộn rã khắp nơi, còn bầu không khí thì mát và quang đãng. Một buổi sáng đẹp để đi bộ ngang qua Công viên Lafayette.

Tôi nghe ai đó nói loáng thoáng trong thời gian cuối tuần về một cuộc họp báo sáng hôm đó. Hay đây, tôi phải đến xem sao.

Vài phút sau khi đến nơi, tôi được dẫn vào một phòng họp báo của Nhà Trắng đang chật kín người cùng với Al Gonzales để thực hiện vai trò người bổ sung thông tin cơ sở cho thứ mà Nhà Trắng gọi là Chương trình Giám sát khủng bố (nghĩa là phần của Stellarwind bị tờ *New York Times* tiết lộ).

Thẩm phán Gonzales bắt đầu bằng việc giải thích về chương trình: chỉ nhằm vào những cuộc gọi quốc tế; chỉ khi liên quan đến al-Qaeda. Cơ sở biện minh là thẩm quyền theo Hiến pháp của tổng thống cũng như điều khoản “sự cố” chiến tranh được nêu rõ trong quyết định của Quốc hội cho phép sử dụng sức mạnh quân sự (AUMF) ngay cả khi hoạt động giám sát (và giam giữ) không được nói đến một cách cụ thể.

Tôi chỉ ra rằng “có thể không có cuộc liên lạc nào quan trọng hơn thực tế là việc chúng tôi đang cố gắng làm để bảo vệ đất nước này; vì mục đích đó, không có cuộc liên lạc nào quan trọng hơn những cuộc liên lạc có liên quan đến al-Qaeda, và một đầu của cuộc gọi nằm trong chính đất nước chúng ta. Một đầu của cuộc gọi nằm trong nội địa nước Mỹ”.

Khi bị hỏi khó tại sao chúng tôi không thể làm việc này theo sự điều chỉnh của FISA, tôi trả lời:

FISA rất quan trọng, chúng tôi đã vận dụng mọi yếu tố của FISA. Nhưng nếu các vị tìm hiểu tổng quát về những mục đích mà FISA được thiết kế hướng tới, các vị có thể thấy FISA được thiết kế để giải quyết nhu cầu của đất nước trong hai mục lớn: có khía cạnh thực thi pháp luật trong đó; và khía cạnh còn lại là tiếp tục hoạt động thu thập thông tin tình báo nước ngoài. Tôi không nghĩ bất kỳ ai có thể cho rằng FISA được thiết kế như một công cụ để nhắm vào những chiến binh thù địch có vũ trang đang chuẩn bị cho các cuộc tấn công trong lòng nước Mỹ.

Điểm mấu chốt ở đây là khả năng ứng phó mau lẹ... FISA được xây dựng hướng tới sự bền bỉ. FISA được xây dựng hướng tới

hoạt động bao phủ dài hạn chống lại những đặc vụ đã được biết tới của lực lượng thù địch. Và mỗi trường hợp đó lại gắn với một mục đích - trong những trường hợp đó thì mục đích là thực thi pháp luật dài hạn hoặc là hoạt động tình báo dài hạn.

Chương trình này không phục vụ cho mục đích đó. Mục đích ở đây là dò tìm và ngăn chặn. Và yêu cầu then chốt ở đây không phải là sự bền bỉ, mà là khả năng ứng phó mau lẹ. Đó là yêu cầu bóp cò súng nhanh hơn. Đó là yêu cầu bóp cò súng nhẹ và tinh tế. Và việc thâm nhập vào phạm vi riêng tư - có mức độ thấp hơn đáng kể. Đó chỉ là những cuộc gọi quốc tế. Trong hầu hết các trường hợp, khoảng thời gian chúng tôi thực hiện việc này ngắn hơn rất nhiều so với độ dài thời gian sẽ thực hiện thông qua việc xin lệnh tòa án. Và mục đích của chúng tôi ở đây, mục đích duy nhất, là dò tìm và ngăn chặn.

Đạo luật này không được thiết kế để thu thập những khối lượng thông tin tình báo khổng lồ... [và nếu như] lối suy luận này, lối suy luận đã đưa chúng tôi đến đây, tỏ ra là không chính xác, chúng tôi sẽ từ bỏ nó ngay lập tức. Chúng tôi không thể lãng phí nguồn lực cho những mục tiêu mà đơn giản không mang đến thông tin tình báo có giá trị... và trong chương trình này, các tiêu chuẩn, xét theo khía cạnh đánh giá lại xem phạm vi bao phủ này có đáng thực hiện hay không, được đo lường theo số ngày và số tuần.

Đó là bài phát biểu giải thích chương trình rõ ràng nhất tôi từng thực hiện. Điều đó không giải quyết vấn đề gì. Nơi này là một ổ rấn. Helen Thomas nói lầm bầm vào tai tôi từ hàng ghế đầu những âm thanh mà có thể là một câu hỏi.

Những người khác thì phụ họa theo. “Tôi muốn hỏi ông một câu. Ông có nghĩ là chính phủ có quyền vi phạm luật không?” Sau đó là: “Các ông đã phóng đại nghị quyết chiến tranh này thành thứ cho các ông toàn quyền hành động, làm bất cứ điều gì ông muốn”. Sau đó họ bảo chúng tôi: “Các ông không bao giờ có

quyền do thám người Mỹ”. Sau đó là lời cáo buộc rằng chúng tôi đang hướng tới “nghe trộm và thu lén mọi người”.

Tôi bị hỏi vặn về việc điều gì sẽ thực sự bị tổn hại trước bài tường thuật của tờ *Times*. “Thưa Đại tướng... chẳng lẽ ông không cho rằng đầu liên lạc còn lại sẽ nghĩ chúng ta đang nghe lén họ sao? Ý tôi là, ông hiểu rồi đấy”.

Tôi trả lời rằng sự thành công của chương trình là bằng chứng chống lại giả thiết đó nhưng cũng nói thêm rằng “càng bàn nhiều về điều đó, chúng ta càng dễ đưa điều đó đến tai những kẻ muốn làm hại chúng ta, chúng sẽ càng tăng cường ứng phó với việc này và bảo vệ những cuộc liên lạc của chúng, như thế chúng tôi sẽ càng gặp khó khăn trong nhiệm vụ bảo vệ đất nước này”.

Khi nói rằng quyết định sẽ nhắm vào những cuộc liên lạc của ai là do các chuyên gia tình báo đưa ra, tôi liền bị hỏi: “VẬY là người trưởng ca giờ đây là người đưa ra những quyết định mà thường là thuộc về một thẩm phán FISA phải không? Tôi chỉ muốn bảo đảm mình hiểu đúng. Đó có phải là ý ông muốn nói không?” Tôi nói là đúng vậy. Và tôi nói vậy “để dẹp bỏ bất kỳ thắc mắc nào trong đầu các vị về việc chương trình này theo cách nào đó sẽ chịu ảnh hưởng về chính trị”.

Gần về cuối, tôi thực sự nhận được một câu hỏi thỏa đáng và quan trọng: “Ông có thể cam đoan với chúng tôi rằng những cuộc chặn thu này có một thành tố quốc tế và không có thời điểm nào bất kỳ cuộc chặn thu được thực hiện với những cuộc liên lạc hoàn toàn trong nước?”

Tôi cam đoan. “Tôi có thể cam đoan với các vị rằng, với yếu tố vật lý của cuộc chặn thu, với cách thức chúng tôi đang thực sự áp dụng cho các hoạt động của mình, rằng một đầu của những cuộc liên lạc đó luôn nằm ngoài Hợp chúng quốc Hoa Kỳ”.

Đó là ba mươi hai phút dài đằng đẳng chúng tôi không đạt được thành công trong việc phát triển tri thức con người hay

tăng cường sự hiểu biết quốc gia về những điều tôi đang cố gắng thực hiện. Chúng tôi vẫn tiếp tục.

Chúng tôi dành cả kỳ Giáng sinh 2005 cho việc trả lời điện thoại và gọi điện cho những nhân vật trong báo giới mà chúng tôi từng nói chuyện trước đây. Đó là một cuộc thuyết phục khó khăn. Một số phản ứng theo bản năng. Ngay đến một phóng viên giỏi như John Diamond của tờ *USA Today* (Nước Mỹ ngày nay) cũng giận dữ với chúng tôi về điều ông ấy coi là sự phản bội của chúng tôi với lòng tin vào những bài tường thuật đăng trước đó. Chúng tôi không nhìn nhận vấn đề theo cách đó, nhưng có hay không cũng chẳng giải quyết vấn đề gì nữa.

Chúng tôi cũng dành cả tuần lễ Giáng sinh cố gắng làm điều gì đó với cuốn sách *State of War* (Tình trạng chiến tranh) của Risen. Một nhân viên trẻ của ODNI rất cuộc đã kiếm được một cuốn trước khi sách được đưa lên kệ của một hiệu sách địa phương, đưa về cơ quan, sao chép thành nhiều bản cho chúng tôi. Chúng tôi biết khá rõ nội dung nói về Stellarwind sẽ như thế nào, nhưng sẵn sàng thực hiện một cuộc vi phạm bản quyền nhỏ để xem những bí mật quốc gia khác sẽ bị phơi bày như thế nào. Tôi phải thừa nhận rằng việc được đọc nội dung mà không phải trả tiền cũng mang đến cảm giác thú vị.

Sau đợt nghỉ lễ, chúng tôi được yêu cầu tường trình với toàn thể Tòa án FISA về chương trình Stellarwind. Vì là người đã xây dựng chương trình, tôi buộc phải thực hiện vai trò trưởng nhóm tường trình. Tôi dành trọn hai ngày tại Fort Meade để chuẩn bị mọi thứ.

Vào ngày 09 tháng 01, tôi tường trình trước Chánh án FISA Colleen Kollar-Kotelly và tám phụ thẩm của bà ấy. Đó là một phiên tường trình dài: bốn tiếng đồng hồ không nghỉ. Bộ trưởng Tư pháp Gonzales có mặt ở đó ngay từ đầu để cảm ơn tòa đã dành cơ hội tường trình và để giới thiệu tôi - Đại tá Hayden,

một lỗi sơ suất khiến mọi người phá lên cười và việc đó góp phần làm dịu đôi chút bầu không khí căng thẳng. Chúng tôi trình bày mọi chi tiết. Rất nhiều câu hỏi, và có nhiều câu hỏi pha lẫn thái độ hoài nghi. Một Thẩm phán Tòa án FISA là James Robertson đã từ nhiệm để phản đối bài tường thuật nguyên bản của tờ *Times* được đăng tải sau một vài ngày, mặc dù có vẻ như hành động của ông ấy dựa vào các bài đăng tin tức hơn là bất cứ sự mô tả đầy đủ nào. Dẫu vậy, tại phiên tường trình này, sau khoảng hai tiếng đồng hồ, trọng tâm thảo luận dường như dịch chuyển theo hướng làm thế nào để quy chế FISA có thể được điều chỉnh phù hợp hơn với các mối đe dọa và công nghệ của thế kỷ XXI.

Khi tôi quay lại chỗ đội an ninh riêng sau buổi tường trình, có tin nhắn gọi điện cho em gái tôi là Debby ở Steubenville. Việc tôi đến Tòa án FISA có vẻ như đã được đưa tin trên các phương tiện truyền thông và trong mắt hàng xóm cũ ở Pittsburgh thì việc xuất hiện trước một thẩm phán không phải là tin tốt lành. Tôi trấn an Debby rằng tôi không đứng trước tòa án kiểu như mọi người nghĩ. Dù thế nào thì cũng chưa đến mức đó đâu.

Vào cuối tháng 01, tôi lại có một buổi trình bày quan điểm công khai nữa tại Câu lạc bộ Báo chí quốc gia. Tôi nhắc cho mọi người nhớ rằng việc này được thực hiện có mục tiêu và trọng điểm, việc săn lùng ráo riết những cuộc liên lạc vào hoặc ra khỏi nước Mỹ có sự tham gia liên lạc của ai đó mà chúng tôi tin là có mối liên hệ với al-Qaeda... Nó không phải là cái lướt vét dựa vào Dearborn, Lackawanna hay Fremont để vơ hết những cuộc liên lạc mà sau đó chúng tôi phân loại bằng công cụ tìm kiếm với những thứ được cho là từ khóa này hay những công cụ khai thác dữ liệu, thậm chí cả những công cụ khác mà những người được gọi là chuyên gia vẫn thường nói đến.

“Việc này không phải là chặn thu những cuộc đàm thoại giữa những người trong nước Mỹ. Khi các vị nói chuyện với con gái mình tại trường đại học bang, chương trình này *không thể* chặn thu cuộc nói chuyện của quý vị. Và khi con gái quý vị dành một học kỳ ra nước ngoài để hoàn tất môn tiếng Ả-rập, chương trình này *sẽ không* chặn thu cuộc nói chuyện của quý vị”.

Vì chúng tôi đang ở câu lạc bộ báo chí, tôi quyết định sẽ có một bài giảng nhẹ nhàng dành cho bản thân giới báo chí. “Tôi biết việc giật một cái tít vừa chính xác, vừa ngắn gọn lại vừa có khả năng phản ánh trúng nội dung là việc khó khăn đến mức nào”, tôi thừa nhận. Nhưng chúng ta thực sự nên cố gắng làm sao để bảo đảm cả ba yếu tố - *chính xác*, ngắn gọn và phản ánh trúng. Tôi không nghĩ hoạt động do thám trong nước bảo đảm được điều đó. Một đầu dây của bất kỳ cuộc gọi nào là mục tiêu của chương trình này luôn nằm ngoài nước Mỹ... Tôi đã phải đi đến hàng trăm chuyến bay quốc nội. Tôi chưa bao giờ lên máy bay của một chuyến bay *quốc nội* ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ mà lại xuống máy bay ở Waziristan. Theo cách tương tự, nếu như NSA đã chặn thu cuộc nói chuyện của thủ lĩnh phụ trách chiến dịch hoạt động của al-Qaeda là Khalid Sheikh Mohammed ở Karachi với Mohamed Atta ở Laurel, Maryland vào, chẳng hạn, tháng 7 năm 2001 - nếu như NSA đã làm việc đó và kết quả đã được đưa ra công khai, thì tôi tin rằng thứ dễ tiện được nói đến trên mọi phương tiện truyền thông hoạt động 24/7 sẽ không phải là “hoạt động do thám trong nước của NSA”.

Đó là ví dụ duy nhất tôi sử dụng ngày hôm đó, nhưng luôn có sẵn nhiều ví dụ khác. Những lời cáo buộc luôn đơn giản; sự thật thì lại thường phức tạp. Và như câu trích dẫn khắc trên tường khu hành lang trụ sở CIA muốn nói, chính sự thật - chứ không phải sự giản tiện - là thứ giúp ta được tự do.

Sau đó tại câu lạc bộ báo chí tôi có nói điều gì đó mà tôi cho là đúng và giờ đây vẫn cho là đúng. “Nếu như chương trình này đi

vào hoạt động trước vụ tấn công 11/9, tôi có thể đưa ra nhận định chuyên môn rằng chúng tôi đã có thể dò tìm được một vài trong số đối tượng hoạt động ngầm của al-Qaeda có liên quan đến vụ khủng bố 11/9 và như vậy chúng tôi có thể nhận diện chúng”.

Đó là một bài phát biểu dài, nhưng đó là cuộc trình bày trước công chúng rõ ràng nhất và toàn diện nhất về những việc NSA đang làm và tại sao chúng tôi lại làm những việc đó. Đương nhiên, nội dung trình bày chỉ giới hạn ở phần của chương trình Stellarwind đã được tổng thống xác nhận, đó là chặn thu nội dung của những cuộc gọi điện thoại quốc tế có một đầu ở nước Mỹ. Tôi không công bố rằng có những hoạt động khác mà chúng tôi không thể nói đến nhưng có cảnh báo rằng “việc này hơi khó một chút vì dù thế nào vẫn phải bảo vệ các nguồn thông tin và phương pháp tình báo của đất nước chúng ta. Và, thẳng thừng mà nói, người trong êkíp làm việc của tôi thường không thích nói về những việc họ đã làm cho đến khi việc đó trở thành một chủ đề của History Channel (kênh Lịch sử)”.

Dù sao, tôi nói tiếp: “Sẽ thoải mái hơn nhiều nếu tôi được ở đây hôm nay nói chuyện với các vị về những việc chúng tôi đã làm trong điều kiện chưa từng có cuộc tấn công khủng bố nào trên lãnh thổ nội địa nước ta. Đây là phần phát biểu dễ dàng hơn nhiều so với những phát biểu mà tôi phải thực hiện cách đây bốn năm để trình bày trước thánh giả như các vị đây những việc chúng tôi đã không làm trong những ngày, những tháng ngay trước sự kiện khủng bố bi thảm 11/9”.

Tôi đồng ý tiếp nhận câu hỏi, một việc có phần hơi liều lĩnh, khi mà từ “báo chí” (press) trong câu lạc bộ báo chí có nghĩa khá rộng và C-SPAN thì luôn truyền dẫn trực tiếp mọi hoạt động như thế này. Đó không hẳn giống với cảnh quán bar ở Tatooine trong bộ phim *Star Wars* (Chiến tranh giữa các vì sao) phần I, nhưng cũng có những khoảnh khắc rất đáng nhớ.

Một số câu hỏi dựa vào những nỗ lực chân thành tìm hiểu một chủ đề phức tạp (như những chi tiết của một lệnh đồng ý FISA khẩn cấp). Những câu hỏi khác lại rõ ràng có tính chọc ngoáy (“Có phải ông đang vận động cho cái gọi là thẩm quyền mặc nhiên được Hiến pháp trao gửi... được vi phạm pháp luật khi [tổng thống] cho là thích hợp?”). Những câu hỏi khác nữa là kế hoạch tự giới thiệu trá hình cho những tổ chức hoạt động cụ thể (những thứ như thế giới không thể chờ đợi: Lời kêu gọi hạ bộ Chính quyền Bush).

Theo những gì chúng tôi biết, bài phát biểu này không mang tới bất kỳ thay đổi nào về giọng điệu (hay theo quan điểm của chúng tôi là độ chính xác) trong nội dung đưa tin báo chí.

Hai tuần sau, Jeanine và tôi có mặt ở Detroit để xem đội Steelers của chúng tôi đấu với đội Seahawks trong trận tranh siêu cúp Super Bowl XL với vai trò là khách của huấn luyện viên bóng đá [Mỹ] hồi trung học cơ sở của tôi là Dan Rooney, chủ sở hữu đội bóng. Tôi nghĩ Dan đã nói điều gì thể hiện sự thương hại dành cho tôi, ngay trước mặt bàn dân thiên hạ. Trong bất kỳ trường hợp nào, tôi thấy thật tuyệt khi được ngồi trong khu dành cho chủ sở hữu chứng kiến một trận thắng của đội nhà ngay cả khi phải tham gia hai buổi nói chuyện chuyên đề Chủ nhật trên truyền hình vào sáng hôm đó. Khi trận đấu sắp kết thúc và đội Steelers đang dẫn 21-10, Dan cáo lỗi vì ông ấy phải rời khỏi vị trí sớm để xuống sân đấu nhận Cúp Lombardi.

Tôi khích lệ ông ấy: “Dan này, việc này tốt đấy”.

Cổ động viên của đội Steelers đến xem trận đấu đông đảo đến mức xuất hiện một hàng xe dài tắc nghẽn tại trạm thu phí nằm giữa khu đường rẽ đi Ohio và Pennsylvania đến sáng hôm sau. Dẫu vậy, chẳng ai phàn nàn gì về chuyện đó.

Tôi cũng bay về Washington D.C. vào sáng thứ Hai đó và về cơ bản lại gắn mình với công việc Phó Giám đốc Thường trực Tình báo quốc gia. Chúng tôi đã nỗ lực hết mức giải thích cho

hoạt động của mình. Không cần phải tiếp tục dâng mồi cho con quái thú truyền thông nữa.

Chúng tôi vừa giải quyết mọi chuyện theo đúng chủ trương của tổng thống. Chúng tôi tiếp tục duy trì việc mình đang làm với lý do việc đó tương xứng, hợp pháp, hiệu quả, có trọng điểm, không bị lạm dụng và phù hợp với Hiến pháp Mỹ.

Khi sự tranh cãi của công luận dịu đi (đôi chút), Nhà Trắng và Bộ Tư pháp tiếp tục vận động xúc tiến xây dựng pháp chế để hỗ trợ bổ sung cho những hoạt động mà tổng thống đã ủy quyền thực hiện, qua đó xây dựng một nền an toàn về chính trị và pháp lý cho nhà hành pháp tối cao [tổng thống]. Việc này đòi hỏi nhiều thời gian, nhưng mọi thứ đang được triển khai. Trong một loạt những bước hành động từ năm 2006 đến hết 2008 - khôi phục Đạo luật Ái Quốc, Đạo luật Bảo vệ nước Mỹ, Đạo luật Sửa đổi FISA - hầu như toàn bộ những hoạt động Tổng thống Bush đã ủy thác thực hiện thông qua Stellarwind đã được luật hóa. Và - mặc dù có những làn sóng trút giận của báo giới trước đó - đã có thêm nhiều hoạt động được phép triển khai. Quá tuyệt vời.

Chương VII

CÔNG CHÚNG CÓ QUYỀN ĐƯỢC BIẾT... VÀ ĐƯỢC AN TOÀN

Fort Meade, Maryland,
và Langley, Virginia, 1999-2009

Stellarwind là câu chuyện có tính chất triệu chứng. Đó là một ví dụ duy nhất về mối căng thẳng ngày một tăng giữa chính quyền đương nhiệm và báo giới, hay nói đích xác hơn thì đây là sự thể hiện mối căng thẳng không dứt giữa yêu cầu minh bạch và yêu cầu giữ bí mật trong một xã hội tự do.

Tôi đã quá quen với việc nhân viên phụ trách quan hệ công chúng chạy vào văn phòng tôi tại CIA cũng như tại NSA để gợi ý, yêu cầu hoặc đề nghị tôi gọi điện cho một tổng biên tập hay nhà xuất bản để ngăn chặn một bài tường thuật đi quá mức chấp nhận được. Khi đồng ý làm việc đó, tôi luôn bắt đầu cuộc nói chuyện bằng: “Cảm ơn đã nhận điện thoại của tôi. Tôi biết rằng cả hai chúng ta đều phải làm phần việc của mình là bảo vệ nền an ninh Mỹ và nền tự do Mỹ. Nhưng tôi e rằng cách ông đang làm phần việc của ông sẽ khiến tôi gặp khó khăn hơn với phần việc của mình”.

Công bằng mà nói, những cuộc điện thoại tôi thực hiện nhằm trì hoãn, ngăn chặn hay sửa lại một bài tường thuật đang treo lơ lửng là rất đáng làm. Nhiều người ở bên kia đầu dây sẵn sàng nói chuyện bằng lý lẽ. Có trường hợp một tác giả sẵn sàng

thay đổi phần tham khảo có dòng “dựa vào những bức nội dung chặn thu” thành “dựa vào các báo cáo tình báo”, phần nào rất đáng ngạc nhiên khi sự thay đổi này đã tạo nên sự khác biệt. (Sự việc đã diễn ra như vậy).

Một phóng viên khác, với kinh nghiệm khá dày dặn, đã tự nguyện gọi đến văn phòng báo chí của chúng tôi nói một cách tình cờ và rất có trách nhiệm: “Tôi biết đây là SIGINT, nhưng tôi không cần thứ đó cho bài tường thuật của mình”.

Dana Priest của tờ *Washington Post*, vốn không phải là người có nhiều thiện chí tại Langley [trụ sở CIA], đã không công bố địa điểm của thứ bị cáo buộc là những cơ sở giam giữ của CIA trong loạt bài giành Giải thưởng Pulitzer của mình vào cuối năm 2005. CIA giải thích rằng việc phơi bày địa điểm như vậy sẽ khiến người dân thường những nước này phải đối mặt với nguy cơ cao hơn từ những kẻ khủng bố. Dana Priest đã đồng ý không công bố.

Nhưng nhạy cảm với lợi ích quốc gia không phải là một điều kiện phổ biến và tôi không phải là người duy nhất đưa ra nhận định này. Tháng 01 năm 2008, mười hai lãnh đạo cấp cao của cộng đồng tình báo (gồm cả tôi) đã ký vào một bức thư gửi lãnh đạo Thượng viện phản đối một dự thảo luật bảo vệ nhà báo đang chờ thông qua. Nếu được thông qua thì luật này sẽ đặt ra nhiều bước thủ tục nữa vào quy trình mà chúng tôi phải tuân theo để tìm ra và truy tố những đối tượng làm rò rỉ thông tin. Chúng tôi nói rằng luật đó sẽ “làm suy giảm khả năng của chúng tôi trong việc bảo vệ các nguồn thông tin và phương pháp tình báo”.

Không một ai trong chúng tôi không ý thức rõ các nguyên tắc của Tu chính án thứ nhất, với vai trò của báo chí trong nền dân chủ của chúng ta hay với sự cân bằng tinh tế và mối căng thẳng cố hữu giữa an ninh và tính công khai. Chúng tôi chỉ nghĩ rằng một số điều là những bí mật chính đáng. Tôi trình bày ý đó tại một cuộc họp mặt không chính thức với các nhà báo

vào tháng 10 năm 2006. Phải thừa nhận là tôi hơi khó chịu sau khi một số chương trình nhảy cảm của NSA và CIA đã trở thành thông tin báo chí.

Tôi bắt đầu bằng tiền đề cho rằng trên thế giới này có những điều cần được coi là bí mật chính đáng: có những bí mật có trong gia đình, trong PTA, trong Lions Club và trong giới báo chí. Xã hội hiểu và thừa nhận nhu cầu này và thiết lập những quy tắc cho việc khi nào thì bí mật sẽ được thừa nhận và được hưởng đặc quyền và khi nào thì không. Chúng ta thừa nhận đặc quyền quan hệ hôn nhân, quan hệ luật sư - thân chủ, quan hệ thầy tu - người sám hối, và đã xây dựng quy tắc cho việc khi nào thì những đặc quyền này phải nhường chỗ cho nhu cầu cộng đồng có ý nghĩa quan trọng hơn.

Giống như các thực thể công khác, chính phủ/chính quyền cũng cần có những bí mật. Trong phạm vi chính phủ liên bang, cả ba ngành đều yêu sách về quyền này. Những cuộc tranh tụng của tòa án được thực hiện bí mật. Những phiên cho điểm đánh giá dự luật của Quốc hội là những phiên họp kín. Cục Dự trữ Liên bang (FED) giữ bí mật khi bàn thảo về tỷ lệ lãi suất chiết khấu qua đêm để làm sao không ảnh hưởng đến các thị trường. Mức trợ giá cây trồng được giữ bí mật đến một thời hạn và thời điểm nhất định do Bộ Nông nghiệp quy định.

Quan điểm này quả thực là không thể bác bỏ được. Tháng 11 năm 2008, phóng viên chiến trường David Rohde của tờ *New York Times* bị Taliban bắt cóc ở Ápganixtan và được mạng lưới Haqqani đưa sang Pakixtan. Ai cũng biết. Nhưng không một chút thông tin nào về chuyện này xuất hiện trên báo chí cho đến khi Rohde trốn thoát được. Không một chút thông tin nào về chuyện này: không thông tin về việc anh ấy đã bị bắt cóc, không thông tin về những việc tờ *Times* đang làm, cũng không thông tin về những gì tôi đang làm để tập trung những nguồn lực do CIA kiểm soát vào việc tìm kiếm anh ấy (một thực tế mà

tôi đã kín đáo thông báo với tờ *Times*). Tờ *Times* nghĩ rằng tình thế cam go của Rohde là một bí mật chính đáng. Thế là có những bí mật! Ngay cả giới báo chí dường như cũng thừa nhận rằng có những bí mật cần giữ (đương nhiên rồi, nhất là những nguồn cung cấp thông tin cho họ).

Nhưng việc đó không phải lúc nào cũng có giá trị hùng biện, vậy nên tôi quyết định phản biện một quan điểm mà những người có mặt trong cuộc gặp mặt báo chí cùng với tôi vào năm 2006 ủng hộ khi tôi nói: “Vậy tôi xin phép được giả định một quan điểm trái ngược với thứ mà báo chí vẫn nói đến như là quyền của công chúng được biết”.

“Quyền được biết” còn lâu mới là thứ gì đó tuyệt đối. Trên thực tế, trong một chừng mực nào đó công chúng đã quyết định từ trước họ muốn và không muốn biết điều gì. Tổng thống và những người khác trong ngành hành pháp đã được luật pháp ủy quyền áp dụng quy chế mật đối với những thông tin mà việc công bố chúng, theo nhận định tập thể của họ, sẽ gây tổn hại đến an ninh quốc gia. Tòa án Tối cao đã liên tục thừa nhận thẩm quyền này.

Giới báo chí theo một khía cạnh nào đó cũng thừa nhận thẩm quyền này. Theo David Broder của tờ *Washington Post*, “Chính phủ có trách nhiệm giữ bí mật chính phủ”. Nhưng sau đó Broder cũng nói: “Chúng ta có trách nhiệm moi nặn thông tin để công chúng biết được những hành động đang được tiến hành nhân danh họ”. Nói cách khác, theo thẩm quyền của những người đại diện được công chúng bầu ra một cách hợp pháp, chính phủ có quyền giữ bí mật, nhưng họ nên giữ bí mật chỉ khi, trừ khi và cho đến khi có ai đó để rò rỉ bí mật cho giới báo chí. Ta không cần phải đẩy tiền đề này đến cực điểm trước khi luận điểm này đi đến chỗ lan man.

Đương nhiên, luận điểm “đôi âm” là giới báo chí sẽ không bao giờ tiết lộ những bí mật chính đáng và (một hệ luận quan trọng)

giới báo chí phải là quyết định cuối cùng thế nào là một bí mật chính đáng và thế nào thì không phải. Ngay cả khi đặt giả thuyết có sự thiện chí và gạt sang một bên vấn đề thẩm quyền hợp pháp thì vẫn còn đó vấn đề năng lực. David Ignatius, không hề mang quan điểm bênh vực nhu cầu giữ bí mật của cộng đồng tình báo, tóm lược vấn đề một cách xác đáng: “Cánh nhà báo chúng ta thường cố lý giải rằng chúng ta đã cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố “nên” hay “không nên” và cho rằng lợi ích mà công chúng được hưởng từ việc phơi bày thông tin lớn hơn bất kỳ mối hại tiềm tàng nào. Vấn đề nằm ở chỗ chúng ta không có đủ năng lực đưa ra những phán xét đó”.

Tôi trình bày với các nhà báo có mặt trong buổi gặp mặt không chính thức năm 2006 một danh mục những điều có hại cụ thể mà việc rò rỉ bí mật có thể gây ra. Tôi đã phải dựa vào đội ngũ điều hành - kế hoạch dưới quyền mình để bảo đảm những đề tài mình đưa ra được trình bày dễ dàng cho việc thảo luận.

Tôi nói với các nhà báo rằng một loạt những bài tường thuật được công bố trong thời gian gần đây đã khiến chúng tôi mất đi năm cộng tác viên đầy hứa hẹn trong hoạt động chống khủng bố và chống phổ biến vũ khí hạt nhân vì họ sợ chúng tôi không thể bảo đảm an ninh cho họ và phần lớn trong số họ thậm chí còn không thể báo cáo về cùng chủ đề được đề cập trong những bài tường thuật báo chí. Vào tháng 8 năm 2002, một nguồn tin mật nhảy cảm thực sự chứng kiến báo cáo của mình bị phơi bày trên tivi trong một cuộc gặp mặt với nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên. Khi sự hiện diện lén lút của CIA tại một khu vực có nguy cơ cao bị phơi bày trên các phương tiện truyền thông, hai cộng tác viên ở khu vực đó đã bị bắt và bị hành hình. Các nhân viên của chúng tôi ở đó có viết: “Thật tiếc là chúng tôi không thể dành sự tổn thất sinh mạng này cho kẻ đã quyết định để rò rỉ thông tin về sứ mệnh hoạt động của chúng tôi cho báo chí”.

Một vụ rò rỉ thông tin nữa, về vũ khí hủy diệt hàng loạt, đã khiến một trong những cộng tác viên của chúng tôi bị chính phủ nước ngoài bắt do tình nghi hoạt động gián điệp; những chi tiết trong một bài tường thuật báo chí sau đó khiến chính phủ nước này tin rằng họ bắt đúng người, rồi thế là cộng tác viên này bị buộc tội và kết án; một bài tường thuật báo chí thứ ba đã dẫn đến việc tài sản của gia đình anh ấy bị tịch thu và chúng tôi phải đưa họ ra khỏi đất nước đó để bảo vệ họ.

Tôi kết luận bằng việc chỉ ra rằng một vài năm trước thời điểm xảy ra loạt vụ tấn công khủng bố 11/9, một trưởng trạm thường trú báo cáo rằng một vụ rò rỉ cho báo chí về hoạt động tình báo thông qua văn phòng liên lạc đã “khiến chúng tôi không còn duy trì được công tác báo cáo về bin Laden” tại nước sở tại. Đơn vị này ngừng việc hợp tác trong hoạt động chống khủng bố với chúng tôi trong hai năm.

Tôi vẫn chưa nói hết. Vượt ra ngoài phạm vi những sai sót có thể có (tôi cũng có) trong đánh giá tình hình còn có vấn đề quan điểm bất bình về báo chí. Mọi người dường như có xu hướng đặt niềm tin gấp đôi vào quan điểm của câu chuyện đang phổ biến. Brian Ross (người tôi có dịp quen biết và rất quý trọng) dẫn chương trình trong bản tin đêm của ABC trong thời gian ồn ào liên quan đến hoạt động do thám Stellarwind, cầm bản ghi nhớ của NSA vẫy trước ống kính máy quay và khẳng định rằng “người vạch trần” Russ Tice đã được cảnh cáo là không được nói với Ủy ban Tình báo Hạ viện về một số hoạt động bởi Ủy ban này hiện chưa phù hợp cho việc tiếp nhận tài liệu. Vốn dĩ đang gặp quá nhiều vấn đề với việc kiểm chế cơ phần nộ của mình, Ross có vẻ như không nhận thấy rằng Tice - người có đủ thẩm quyền và đang nói về các chương trình tiếp cận đặc biệt của Bộ Quốc phòng chứ không phải NSA - cần nói chuyện với các Ủy ban Quân lực chứ không phải các ủy ban tình báo về những cáo buộc của ông ấy.

Sau đó tôi hỏi các nhà báo đang có mặt một số câu hỏi tu từ. Có ai trong số các vị ở đây đưa tin rằng Tice thực sự rất cuộc xuất hiện trước Quốc hội không? Chuyện đó xảy ra như thế nào? Các vị có đưa tin về kết quả của những buổi điều trần đó không? Có quan điểm phần nọ nào của Quốc hội cần nói với chúng tôi hay không? (Tôi không biết có bất kỳ quan điểm phần nọ nào cả). Có lẽ câu hỏi hay nên đặt ra ở đây là Tice đã ở NSA được bao lâu (rất ngắn; bên Cục Quân báo thả anh ta cho chúng tôi) và sau đó bám sát bằng câu hỏi anh ta ở NSA và được phép tiếp cận thông tin kế hoạch được bao lâu (còn ngắn hơn nữa; anh ta dành phần lớn thời gian làm việc ở khu bốc dỡ vật tư). Thông tin trên thực sự là thứ gì đó quan trọng, nhưng điều mà cả đất nước này hiểu là việc Ross và Tice bước ra khỏi bóng tối (theo nghĩa đen) để phơi bày điều bí mật trên những bản tin phát vào giờ vàng.

Tờ *New York Times* lập lại thể loại đưa tin đặt kịch tính trên tất cả này theo thể thức khác đôi chút vào tháng 6 năm 2006, khi Eric Lichtblau và James Risen (đồng tác giả cuốn sách nói về hoạt động của NSA) đưa tin rằng Chính phủ Mỹ có quyền tiếp cận đối với cơ sở dữ liệu giao dịch tài chính của SWIFT (Hiệp hội Viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế). Chính phủ và cộng đồng tình báo đã phải ra tay chống lại hành động tiết lộ thông tin này bởi vì chúng tôi biết rằng việc này sẽ phương hại đến các hoạt động chống khủng bố của mình. Bám theo đồng tiền là một công cụ vô cùng hữu ích.

Tờ *Times* sau đó lập luận rằng bài tường thuật của họ được bảo vệ theo Tu chính án thứ nhất (đúng không phải bàn cãi) và cung cấp “thông tin mà công chúng cần để làm cho mọi thứ đúng đắn trở lại” (một luận điểm rất đáng phải bàn cãi). Tờ *Times* viện dẫn câu cách ngôn nói rằng những kẻ khủng bố biết rõ là điều này sẽ diễn ra, rồi sau đó tô vẽ cho tinh thần yêu nước của họ bằng việc khẳng định rằng việc này “không hề giống với

hành động vi phạm an ninh, như việc tiết lộ địa điểm, mà sẽ gây ảnh hưởng rõ ràng đến sự an toàn trước mắt của những cá nhân cụ thể”.

Luận điểm bào chữa cá nhân của Lichtblau cho rằng điều này “hơn hết thấy là một câu chuyện phiếm thú vị về những nỗ lực đặc biệt của chính quyền đương nhiệm kể từ sau vụ khủng bố 11/9 nhằm ngăn chặn một cuộc tấn công nữa”. Câu chuyện phiếm thú vị ư?

Vào tháng 10 năm 2006 - nhiều tháng sau khi bài báo đầu tiên được đăng tải - biên tập viên quan hệ công chúng [tiếp nhận ý kiến độc giả] của tờ *Times* đã đảo ngược lập trường trước đây của mình. Anh ấy nói rằng đây vẫn là câu chuyện có độ kịch tính cao nhưng giờ đây, theo quan điểm của anh ấy, câu chuyện không nên được công bố công khai. Chao ôi! Đúng là nhẹ cả người.

Nhiều năm sau đó, tháng 12 năm 2009, ban biên tập của tờ *Times* lên tiếng than vãn rằng chín năm sau sự kiện 11/9, “vẫn có một dòng chảy tiền mặt dường như là vô hạn đổ vào các tổ chức khủng bố”. Mục Xã luận của họ có tiêu đề “Bám theo đồng tiền”. Cảm ơn lời gợi ý. Hãy nói về chủ đề đạo đức giả ấy.

Tôi đem câu chuyện SWIFT kể với Bill Keller và Jill Abramson trong một chuyến thăm tới trụ sở tờ *Times* ở New York trong thời gian tôi làm việc tại CIA. Tôi thừa nhận rằng ngay cả tôi cũng hiểu rằng có yếu tố quyền tự do công dân trong câu chuyện Stellarwind. “Nhưng tại sao các vị lại công bố câu chuyện SWIFT?”, tôi đặt câu hỏi. “Mọi lý do biện minh các vị đưa ra cho câu chuyện Stellarwind - chương trình được thực hiện mà không có lệnh đồng ý của tòa án, không có cơ chế giám sát ngoài, các nghị sĩ không đặc trách của Quốc hội không được thông báo và số lượng nghị sĩ được thông báo là quá ít - tất cả những điều kiện đó chương trình SWIFT đều đáp ứng được”.

Keller ngáp ngừng trong giây lát rồi trả lời ngay: “Cho đến lúc đó thì tổng thống yếu hơn rất nhiều”.

Tôi không đáp lại trong cuộc gặp mặt đó, nhưng khi chúng tôi quay trở lại sân bay LaGuardia và chiếc chuyên cơ của chính phủ đã đưa chúng tôi tới New York, tôi quay sang những người khác trong đội ngũ của mình và hỏi một cách đơn giản: “Có phải ông ta muốn nói điều mà tôi nghĩ ông ta đã nói không nhỉ?”.

“Đúng thế đấy”*.

Các nhà báo thường lập luận một cách đúng đắn rằng công chúng am hiểu là yếu tố huyết mạch của nền dân chủ. Và tôi cũng phải thừa nhận rằng những người như tôi có thể mang thiên hướng giữ kín mọi chuyện. Nhiều người nói rằng Chính phủ Mỹ cứ nghiêm trọng hóa mọi thứ. Đúng là vậy. Trong nhiều năm tôi đã tranh luận về việc mình có thể thực sự nói về CNA - hành động tấn công qua mạng máy tính - trước công chúng hay không. Ngay cả ngày nay những người phát ngôn của chính phủ (và ngay cả những người đã về hưu như tôi) cũng phải làm quen với các dạng “bánh quy xoắn” ngôn ngữ như dùng thể bị động và khái quát hóa gián tiếp vì sợ buột miệng nói lộ ra bộ phận nào của Chính phủ Mỹ có thể sẽ hoặc có thể không tiến hành các vụ tiêu diệt theo mục tiêu từ phương tiện bay không người lái (UAV).

Ngay cả khi có những lý do vô cùng xác đáng để tối mật hóa hay phân mục hóa thông tin, vẫn có cái giá phải trả cho việc này. Mổ xẻ sau một trong những thời khắc đen tối nhất của CIA,

* Không có gì ngạc nhiên, nội dung hồi tưởng lại của tờ *Times* về cuộc gặp mặt này lại khác những gì tôi kể, rằng họ nhận định rằng *điểm tin nhiệm* của chính quyền đương nhiệm cho đến lúc đó là yếu hơn, khiến họ coi nhẹ những lời cảnh báo nghiêm khắc về việc gây tổn hại đến các nguồn thông tin và phương pháp tình báo. Tôi đồ rằng trong hai chúng tôi sẽ phải tìm bằng chứng để củng cố cho câu chuyện của mình.

đó là sự kiện Vịnh Con lợn, Harold Wilensky nhận định rằng “yêu cầu giữ bí mật càng cao, phạm vi đối tượng tiếp nhận thông tin tình báo càng trở nên nhỏ hơn, việc phân phối và phân mục nghiên cứu càng trở nên kém hệ thống hơn, tình trạng nặc danh tác giả càng phổ biến hơn và thái độ đối với những quan điểm đi chệch khỏi nhận thức lẽ thường sẽ càng thiếu bao dung hơn”.

Những người làm trong ngành tình báo cần nói chuyện nhiều hơn, dần thân thiện hơn để đối thoại với báo chí và công chúng ngay cả khi cộng đồng tình báo (IC) không bị cáo buộc điều gì. Tôi cũng góp phần trong những buổi nói chuyện công khai. Khi đang công tác tại CIA năm 2007, chúng tôi đã quyết định tưởng niệm vụ khủng bố 11/9 bằng một bài diễn văn quan trọng tại Hội đồng Quan hệ đối ngoại ở New York.

Tôi không có ý biện hộ, nhưng trước khi trình bày chi tiết nội dung và lý do tồn tại của Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn (Chương trình RDI của CIA), tôi đã giải thích tại sao mình ở đó. “Có những điều nên được nói ra... Cơ quan chúng tôi là CIA chỉ hoạt động trong phạm vi không gian mà người dân Mỹ dành cho chúng tôi”. Vậy nên tôi sẽ trình bày những nét chính về một đại lượng gần đúng của không gian đó, cùng với niềm tin của chúng tôi rằng “người dân Mỹ kỳ vọng CIA sử dụng mọi khoảng không gian nhỏ nhất được trao để bảo vệ công dân nước Mỹ”.

Mùa Xuân năm 2008, tôi trở thành Giám đốc CIA đầu tiên xuất hiện trong chương trình nói chuyện chuyên đề Chủ nhật, trò chuyện cùng Tim Russert trong chương trình *Meet the Press* (Gặp mặt báo chí). Câu hỏi của Russert gần như đề cập hết những vấn đề nổi cộm: triển vọng bình ổn ở Iraq, Nouri al-Maliki, vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt của Iraq, vấn đề vũ khí hủy diệt hàng loạt của Iran, số phận của al-Qaeda, đội ngũ chuyên gia phân tích của CIA, hoạt động thẩm vấn của CIA,

tương lai của Pakixtan và các chính sách bảo hiểm trách nhiệm nhân sự của CIA.

Có thời điểm Russert cho chạy lại băng đoạn phó tổng thống dự đoán thời điểm năm ngày sau vụ khủng bố 11/9 rằng chúng tôi sẽ phải “dành thời gian trong bóng tối”.

Tôi trả lời cho việc đó: “Đây là vai trò đặc biệt và riêng biệt được đảm nhận bởi những con người tốt [của CIA], những con người tuân thủ pháp luật, những người bạn và người hàng xóm của ta, nhưng đang phần nào phải hoạt động trong không gian mà phó tổng thống đã miêu tả”.

“Ở phía thế lực đen tối [kẻ thù], trong bóng tối [bí mật]”.

“Trong bóng tối”.

Russert dành nhiều thời gian cho cuộc phỏng vấn. Chúng tôi rất hài lòng với việc đó. Anh ấy cũng vậy. Anh ấy gửi cho tôi một bức thư riêng chỉ vài ngày trước cái chết bi thảm và không đúng lúc của anh ấy, cảm ơn tôi và nói rằng tỷ lệ ủng hộ chương trình đã tăng vọt trong thời gian diễn ra cuộc phỏng vấn. Và không ai có ý moi ra bất kỳ bí mật nào cả.

Tôi đã thông báo với Steve Hadley về lời mời của chương trình *Meet the Press*. Ông ấy hoàn toàn ủng hộ. Không hẳn tôi có ý xin phép Steve, nhưng tôi muốn nghe xem có lý do phản đối thuyết phục nào không. Không hề có. Cuốn sách xuất bản năm 2014 của Leon Panetta mang tên *Worthy Fights* (Những cuộc chiến đích đáng) cho thấy ông ấy rất bất bình trước các biện pháp hạn chế của Nhà Trắng dưới thời Obama đối với những việc tương tự. Tôi rất biết ơn và đã tận dụng triệt để không gian mà Nhà Trắng của Bush dành cho mình.

Khoảng một năm sau ngày nhậm chức tại CIA, tôi có bài phát biểu tại một hội nghị của Hiệp hội Sử gia về quan hệ đối ngoại Mỹ (SHAFR). Chúng tôi tranh thủ dịp này để phổ biến công khai thứ gọi là *Family Jewels* (Đồ gia bảo). Được biên soạn năm 1973 theo chỉ đạo của Giám đốc CIA Jim Schlesinger yêu cầu

lập danh sách theo mục những hành động tội lỗi của cơ quan này, cuốn *Family Jewels* dài gần bảy trăm trang nội dung với phần dẫn giải vô cùng trung thực về quá khứ của CIA.

Schlesinger không ở lại lâu để đối mặt với tình thế khó khăn mà CIA phải chịu. “Vinh dự” đó rơi vào William Colby, người mà sự bộc trực và khả năng giữ bình tĩnh gần như siêu phàm của ông trước Quốc hội đã khiến Nhà Trắng, nơi ông đang phụng sự cuối cùng và rốt cuộc khiến ông mất chức.

Quan điểm của chúng tôi vào năm 2007 là giữ những điều ngớ ngẩn trong bí mật vì đó là bí mật chính đáng, chứ không phải vì chúng là điều ngớ ngẩn. Khi thời gian trôi đi, chúng không còn là điều bí mật nữa và chúng tôi đưa chúng ra công khai (à mà chỉ là phần lớn những bí mật thôi; còn một bí mật vẫn nằm trong diện quá nhạy cảm, không thể công khai) ngay cả khi chúng mang đến những yếu tố khó xử không hề nhẹ.

Tôi nói với các sử gia có mặt trong hội nghị này rằng CIA có một kế ước xã hội với người dân Mỹ và một trong những điều khoản của kế ước đó yêu cầu chúng tôi phải cân đối giữa “hai bồn phận quan trọng: bảo vệ thông tin giúp chúng tôi bảo vệ người dân Mỹ và cung cấp thông tin cho công chúng - ở mức độ cao nhất có thể - về những việc chúng tôi làm đại diện cho họ”. Giữ bí mật trong một chế độ dân chủ “không phải là chuyện giao phó thẩm quyền, mà là giao phó niềm tin”.

Tôi có lập luận rằng việc này còn hơn cả trách nhiệm. Nó còn là vì lợi ích riêng của chúng tôi, vì nó góp phần làm cho công chúng, Quốc hội và ngành hành pháp đánh giá cao lòng quả cảm và chính trực của đội ngũ nhân viên CIA. Nó cũng giúp người dân hiểu được những giới hạn trong nghề của chúng tôi.

Bài phát biểu này thực sự được báo chí đưa tin khá đậm nét. Có thể còn hơi quá đậm nét. Ngày hôm sau tôi xuất hiện trước Ủy ban Tình báo Hạ viện trong một phiên điều trần kín

về một vấn đề không liên quan khi một số thành viên đột xuất nêu ra. “Ý ông là sao khi nói đến kế ước xã hội với người dân Mỹ?” Câu hỏi thực sự được diễn đạt theo chất giọng mà tôi không thể nói là thân thiện được. Có vẻ như một số nghị sĩ không muốn chúng tôi nói chuyện trực tiếp với người dân Mỹ. Chỉ nói với họ thôi.

Chúng tôi chưa bao giờ nghĩ rằng những bước như thế này lại có thể được coi là chịu sự giám sát của Quốc hội. Đó chắc chắn không phải là ý định của chúng tôi. Tôi đã cố giải thích, nhưng đôi khi rất khó giải thích về giá trị của thứ gì đó mà ta nghĩ ai cũng cảm nhận rõ bằng trực giác.

Chúng tôi bảo vệ đến cùng lập trường của mình ở đó và ở cả bên ngoài phòng điều trần của ủy ban nữa. Vào thời gian đầu nhiệm kỳ của tôi tại CIA, tôi đã nói với PRB (Ban Kiểm duyệt xuất bản phẩm, có nhiệm vụ đọc duyệt bất kỳ tài liệu xuất bản nào của những người hiện đang là hoặc từng là nhân viên CIA) rằng chúng tôi cần vạch ra những đường ranh giới mạnh để bảo vệ những gì được coi là bí mật thực sự, nhưng cũng cảnh báo họ rằng nếu chúng tôi vạch đường ranh giới lên trên lề giới hạn, việc đó chẳng khác nào chúng tôi đang tự báo hại mình. Nếu chúng tôi không sẵn lòng hoặc không thể kể câu chuyện của mình (trong phạm vi giới hạn), làm sao chúng tôi có thể lên án những yếu tố thiếu chính xác trong câu chuyện của người khác kể về chúng tôi?

Một phần vấn đề của chúng tôi là yếu tố cơ cấu. Bản thảo được PRB chuyển qua lại nhiều bộ phận liên quan khác nhau. Mỗi bộ phận có thẩm quyền đưa ra đánh giá “tán thành” hoặc “không tán thành” cho các đoạn nội dung khác nhau hoặc cho toàn phần tài liệu. Việc này dẫn tới ra quyết định thiếu nhất quán và không rõ ràng cũng như những tranh cãi vô bổ và dài dòng. Các gói tài liệu dạng này cũng chẳng mấy khi đủ quan trọng để nổi lên phần trên cùng của một hộp thư đến (inbox) và

cũng chưa từng có ai bị buộc phải chịu trách nhiệm do đã “không tán thành” việc xuất bản một tài liệu. Việc này không dẫn đến nguy cơ nào cả. Nhưng “tán thành” lại là chuyện khác.

Tôi đã quyết định tập trung hóa hoạt động đánh giá phân loại tài liệu ở cấp độ đơn vị chuyên trách. Có thể sử dụng nhiều phòng khác nhau trong vai trò là chuyên gia về chủ đề chuyên biệt, nhưng người phán quyết cuối cùng sẽ là PRB. Tôi chưa bao giờ nghĩ về quy trình đó theo cách này, nhưng vài năm sau nó được phong cho cái tên “Học thuyết Hayden” trong một số kênh của CIA. Tôi nhận ra điều đó khi một trong những người kế nhiệm tôi bị triệu tập đến Điện Capitol [Quốc hội] để giải thích về những cuốn sách như *Hard Measures* (Biện pháp cứng rắn) của Jose Rodriguez và *The Art of Intelligence* (Nghệ thuật tình báo) của Hank Crumpton, những cuốn sách mà nội dung của chúng đã vượt qua được quy trình kiểm duyệt của PRB, đủ để kể những câu chuyện vô cùng chi tiết về các việc CIA thực sự đã làm và tại sao họ lại làm những việc đó. Trong nỗ lực làm chệch hướng chỉ trích của Quốc hội, người kế nhiệm này có vẻ như đã chỉ tay về phía tôi.

Dẫu vậy, đó là ý kiến hướng dẫn duy nhất của tôi dành cho PRB. Tôi chắc chắn không muốn bản thân mình hay bất cứ ai trong ban lãnh đạo CIA can dự vào việc “tán thành” hay “không tán thành” nội dung tài liệu. Phần nội dung phúc đáp của tôi với những cuộc đấu tranh của nguyên Giám đốc CIA Tenet để đóng góp cho cuốn hồi ký của anh ấy mang tên *At the Center of the Storm* (Ở nơi tâm bão) thông qua PRB là nội dung “Đóng góp quý báu” rất chân thành.

Cũng giống như vậy với cuốn sách *Fair Game* (Cuộc chơi công bằng) của Valerie Plame. Plame là nhân viên CIA bị lộ danh tính vào tay báo chí khi chồng cô ấy là đại sứ đã mãn nhiệm Joe Wilson được CIA cử tới Niger để điều tra những cáo buộc cho rằng Irắc đã theo đuổi thương vụ mua chất *yellowcake*

(một nguồn tạo ra *uranium*) ở đó. Đó là một điệp vụ rất ngớ ngẩn. Wilson cáo buộc chính quyền đương nhiệm nói dối. CIA khởi trình hồ sơ báo cáo hình sự để phản đối việc tiết lộ danh tính của Plame. Scooter Libby, Chánh Văn phòng của phó tổng thống, bị buộc tội khai man. Plame xin nghỉ công tác tại CIA.

Và sau đó cô ấy viết một cuốn sách mà PRB có trách nhiệm phải kiểm duyệt.

Vấn đề cốt lõi ở đây là cô ấy có thể nói hoặc không nói về cuộc sống của mình tại CIA. Chưa từng có tiền lệ duyệt những thông tin mà cô ấy muốn thông qua và PRB lúng túng “như gà mắc tóc”.

Tôi không tham gia vào câu chuyện này, ngay cả khi các thượng nghị sĩ và văn phòng của họ bắt đầu gọi điện đến để phản đối điều họ gọi là hành động xây tường ngăn chặn mang động cơ chính trị đối với các nỗ lực của bà Plame. Đội ngũ nhân viên của Thượng nghị sĩ Kennedy tiếp nhận lời giải thích của tôi bằng thái độ lịch sự và không đưa ra bình luận gì. Thượng nghị sĩ Feinstein đích thân lên tiếng cáo buộc rằng trách nhiệm trong toàn bộ việc này thuộc về phó tổng thống cho dù tôi đã nói rằng đây là việc do chúng tôi làm và tôi khá tin tưởng là phó tổng thống thậm chí còn không biết về sự tồn tại của bản thảo này.

Tôi cũng xin được nói thêm rằng không phải chúng tôi có thái độ bàng quan với điều người khác có thể nói về chúng tôi hay người của chúng tôi. Tháng 6 năm 2008, Scott Shane của tờ *New York Times* đang trong quá trình hoàn thiện một bài tường thuật phản ánh việc một chuyên gia phân tích của CIA chuyển sang công việc của một nhà thẩm vấn và đã có được thành công lớn với Khalid Sheikh Mohammed. Đó là một bài tường thuật hay, nhưng tờ *Times* nhất quyết muốn sử dụng tên thật của nhân viên CIA này. Anh ấy không phải là một đặc vụ ngầm, nhưng chúng tôi cho là việc sử dụng tên thật này sẽ

xâm phạm quyền riêng tư thông tin và có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của anh ấy. Bên cạnh đó, anh ấy đã từ chối tham gia phỏng vấn phục vụ cho bài tường thuật này, vậy nên việc này có vẻ giống với một trong những tình tiết kiểu như “chúng tôi có thể nói chuyện với anh hoặc chúng tôi có thể nói chuyện về anh”.

Hai ngày trước thời điểm xuất bản, Bộ trưởng Quốc phòng cho tôi thôi đảm trách công việc trong không quân sau ba mươi chín năm phục vụ, và tôi đang chiêu đãi cả đại gia đình Hayden - những người đến từ Pittsburgh, Chicago và những nơi khác - dưới một mái lều lớn dựng trong sân sau nhà tôi tại Căn cứ Không quân Bolling. Tôi tách khỏi đám người đang dự tiệc để gọi điện cho Bill Keller. Luật sư *siêu phạm* của DC là Bob Bennett, được nhân viên CIA nói cấp trên thuê đại diện cho mình, cũng thực hiện những cuộc gọi tương tự.

Tôi nói với Keller: “Shane là một cây bút đủ giỏi để xây dựng nhân vật này mà không cần nhắc tên. Ông không cần phải làm việc này”. Tôi đoán là mình chưa thể hiện đủ độ quyết liệt. Keller về sau có miêu tả lại nỗ lực của tôi là “làm việc đó xuất phát từ việc tôn trọng những mối lo ngại của nhân viên này và gia đình anh ta hơn là vì mối quan ngại của CIA”.

Có thể đúng, nhưng việc này không thừa chút nào. Về sau biên tập viên quan hệ công chúng của tờ *Times* có nói rằng việc đưa tên của nhân viên CIA này vào bài tường thuật đó chẳng hề đặt anh ta vào tình thế lớn hơn mức nguy hiểm mà nhiều người khác tham gia vào hoạt động chống khủng bố đã bị lộ danh tính phải đối mặt. Để tôi nói lại việc đó theo một cách có phần tàn nhẫn: chúng tôi làm việc này suốt. Thêm một lần nữa, theo cách này hay cách khác, thì có nghĩa lý gì?

Đôi khi chúng tôi tiến hành biện pháp hậu kỳ sau khi một bài tường thuật đã được công bố. Chúng tôi chắc chắn chẳng thấy hay ho gì khi phải lên án nội dung không chính xác trong

những cuốn sách viết về chúng tôi. Năm 2007, Tim Weiner cho ra mắt độc giả cuốn *Legacy of Ashes* (Di sản từ đồng tro tàn), thứ mà anh ta tự miêu tả là tài liệu lịch sử đỉnh cao về CIA. Chúng tôi nghĩ nội dung cuốn sách quá tệ nên đã cho phép một sử gia của CIA viết bài đánh giá cuốn sách trên website của CIA, một bước hành động chưa từng có tiền lệ.

Về lời tự nhận đây là một tài liệu lịch sử đỉnh cao, người đánh giá của chúng tôi viết: “Yêu cầu quan trọng liên quan đến sự uyên thâm kiến thức là ta phải sử dụng các nguồn thông tin một cách trung thực, và có người không vượt qua được yêu cầu này ngay cả khi anh ta là một nhà báo giành được Giải thưởng Pulitzer cho tờ *New York Times*. Bắt đầu bằng cái tựa sách dựa trên sự xuyên tạc trắng trợn đối với các sự kiện, cuốn sách là một tài liệu 600 trang dạng bài viết *op-ed* (bài viết đăng sau trang xã luận) giả mạo tài liệu lịch sử trung thực; cuốn sách là sự vận động cho quan điểm u tối đội lốt sự uyên thâm. Weiner đã để cho những toan tính riêng chi phối hoạt động nghiên cứu và viết lách của mình, và đương nhiên những hoạt động đó của Weiner nói một cách chính xác là không còn hợp thời... Weiner không trung thực về bối cảnh, anh ta tùy tiện trong việc đưa ra lý do thực hiện, những kỳ vọng của anh ta đối với hoạt động tình báo trông cứ như phim hoạt hình, còn cuốn sách của anh ta có quá nhiều chỗ không đáng tin cậy ở khía cạnh nêu sự thật”. Và đó là hơn 200 từ đầu tiên trong bài đánh giá 6.000 từ.

Cho dù chúng tôi có sẵn lòng hơn trong việc cung cấp thông tin về những việc mình đang làm, vẫn có những vấn đề gắn với việc ai là người tiếp nhận thông tin đó. Một số cây viết thì nặng về toan tính cá nhân đến mức vô vọng (Weiner và về sau là Glenn Greenwald và Laura Poitras hiện lên trong đầu tôi). Những người khác thì ít toan tính cá nhân hơn nhưng lại đơn giản để cho bài viết của mình đi theo xu hướng chung trong

đưa tin về hoạt động gián điệp của Mỹ, nghĩa là từng bước đưa câu chuyện tới góc tối tăm nhất của căn phòng. Những người khác nữa, như Jane Mayer, dường như cẩn trọng hơn trong việc nghiên cứu nhưng vẫn thể hiện thái độ tiêu cực không nao núng trong việc đưa tin. Và dường như luôn có một vị quan chức đáng kính nào đó đến từ một tổ chức phi chính phủ, từ Liên đoàn Tự do dân sự Mỹ (ACLU), hay thậm chí là một cựu nhân viên CIA bất mãn muốn thể hiện điều gì đó.

Rồi còn có vấn đề lựa chọn thuật ngữ. Thường thì việc đặt tên cho các hoạt động hay tài liệu là chuyến bay “tra tấn” hay hồ sơ “tra tấn” chôn vùi đi điểm quan trọng trong một tính từ được sử dụng một cách tình cờ và có tính quyết định. Có thể nói điều tương tự với “giám sát trong nước” hay “hành động ám sát”. Đó là những cụm từ thường dùng hữu ích, nhưng không phải lúc nào cũng chính xác và thường đơn giản hóa quá mức những vấn đề phức tạp. Chúng cũng là những kết luận đội lốt chuyện kể.

Tôi cũng xin chỉ ra ở đây là một bộ phận của thứ tự xưng là hoạt động báo chí không hướng tới mục đích bảo đảm công chúng luôn có được thông tin, mà là bảo đảm công chúng luôn được kích thích bởi - tài liệu khiêu dâm liên quan đến hoạt động gián điệp, muốn là có ngay.

Khi các quan chức tình báo thấy thông tin mật không phải bàn cãi xuất hiện trên báo chí - khi ai đó đã để rò rỉ tài liệu mật một cách không thể chối cãi và trái phép - chúng tôi được yêu cầu khởi trình cái gọi là hồ sơ báo cáo hình sự. Trong mười năm làm việc ở những cấp cao nhất trong cộng đồng tình báo, tôi có thể đã chỉ đạo, tham gia lập hay ít nhất là biết về sự tồn tại của rất nhiều hồ sơ báo cáo như vậy. Trong suốt thời gian đó tôi chỉ chứng kiến một vụ được đưa ra xét xử tại tòa án - vụ rò rỉ danh tính của Valerie Plame là nhân viên CIA - và vụ đó liên quan nhiều đến hành động khai man hơn là tiết lộ thông tin trái phép.

Kể từ khi tôi rời chính phủ, hoạt động khởi tố đã trở nên rất mạnh tay. Trên thực tế là quá mạnh tay đến mức ngay cả tôi cũng từng cảm thấy không thoải mái với một số vụ. Không phải là không có chuyện tiết lộ những bí mật thực sự. Có. Nhiều nguồn cung cấp thông tin đã bị bán đứng, và cánh nhà báo, hơn ai hết, hiểu sự cần thiết phải bảo vệ nguồn cung cấp tin và mối quan hệ.

Nhưng hoạt động điều tra được tiến hành rất quyết liệt và việc thu lấy các băng đĩa, tài liệu ghi nội dung liên lạc của các nhà báo diễn ra phổ biến, lan tràn, bí mật và - theo một số ý kiến nhận định - không cần thiết.

Một cuộc khảo sát nhanh với các cựu đồng nghiệp phục vụ trong chính quyền Bush càng xác nhận cho niềm tin của tôi rằng một đề nghị thu gom các băng đĩa ghi nội dung liên lạc điện thoại của AP hay nội dung email của phóng viên Fox - như chính quyền đương nhiệm đã làm - sẽ dẫn đến việc những thứ này có nửa tuổi thọ là khoảng ba mươi giây.

Họ có thể đã đánh giá rằng đối tượng nhắm tới (hành vi rò rỉ và người làm rò rỉ) là đúng, song thiệt hại ngoài dự kiến (vi phạm Tu chính án thứ nhất và làm chùn bước hoạt động báo chí hợp pháp), khiến kế hoạch này trở nên bất khả thi.

Chính phủ cũng có thể muốn điều chỉnh cách tiếp cận trong thực thi pháp luật. Đại đa số những cuộc khởi tố rò rỉ hiện thời là dựa chủ yếu vào Đạo luật Gián điệp, một đạo luật “thô và thẳng” ra đời trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và được thiết kế nhằm trừng phạt hành động trợ giúp kẻ thù. Đôi khi đạo luật được áp dụng một cách khiên cưỡng. Vụ khởi tố rò rỉ thông tin đối với cựu nhân viên NSA Thomas Drake (xem Chương II) đã sụp đổ do việc mở rộng quá mức phạm vi áp dụng vào năm 2011. Drake rất cuộc đã tự biện hộ hướng tới một điểm quy tội nhẹ là vượt qua thẩm quyền khi sử dụng một chiếc máy tính của chính phủ và bị tuyên phạt đóng góp công ích cho cộng đồng.

Sau đó, cựu nhân viên chuyên trách điều phối mạng lưới điệp viên của CIA là Jeffrey Sterling bị buộc tội làm rò rỉ các chi tiết về hành động bí mật của CIA nhắm vào chương trình hạt nhân của Iran. Tôi đã rời chính phủ được một thời gian dài khi bồi thẩm đoàn đưa ra phán quyết “có tội”, nhưng trước đó, khi còn là giám đốc CIA, Bộ Tư pháp có hỏi tôi: “Ông sẵn sàng tiết lộ bao nhiêu thông tin mật tại tòa để bảo đảm Sterling bị kết án “có tội?”.

Cho đến thời điểm đó việc rò rỉ thông tin trái phép diễn ra thường xuyên tới mức tôi đã quyết định phá lệ (luôn thận trọng) và nói luôn với Bộ Tư pháp: “Bao nhiêu cũng được. Cứ nói với tôi thứ các ông cần”. Hiệu ứng tích lũy của những quyết định thận trọng và đúng đắn khi xét riêng rẽ trước đây về việc làm mọi cách để ngăn chặn việc tiết lộ thêm thông tin mật trong quá trình xét xử đã cổ xúy cho tư tưởng “không lo bị trừng phạt”. Cũng không hề có yêu sách đòi xác nhận địa vị người tiết lộ thông tin ở đây. Những hành động bí mật thất bại, vụng về hay thậm chí là ngớ ngẩn không phải là tội ác. Sterling rốt cuộc bị kết tội vi phạm Đạo luật Gián điệp và bị kết án ba năm rưỡi tù giam.

Khi vụ này còn đang trong giai đoạn tranh tụng năm 2015, tôi được chương trình *60 Minutes* (60 phút) phỏng vấn trong bối cảnh Jim Risen, phóng viên của tờ *New York Times* đã viết bài tường thuật này, dường như sẽ phải đối mặt với án tù nếu anh ta không chịu khai Sterling là nguồn cung cấp tin cho mình. Tôi vẫn còn những cảm giác đậm nét liên quan đến vụ này. Với tư cách là Cố vấn an ninh quốc gia, Condi Rice đã thuyết phục tờ *Times* dừng bài tường thuật lại, nhưng dù sao đi nữa thì Risen cũng đã đưa câu chuyện vào cuốn sách *State of War* (Tình trạng chiến tranh) được xuất bản năm 2006 của anh ta.

Vậy nên tôi không hề cảm thông chút nào với điều Risen đã làm hay những gì anh ta đã viết. Việc làm của anh ta thật

vô trách nhiệm và gây tổn hại thực sự đến sự an toàn của đất nước, và tôi đã nói ra điều này. Nhưng tôi cũng phải nói rằng, giải quyết mối nguy hại cụ thể này bằng cách buộc Risen phải khai ra nguồn cấp thông tin cho mình có thể gây ra mối tổn hại, thậm chí còn lớn hơn cho quyền tự do nước Mỹ nếu việc đó làm chùn bước hoạt động báo chí tự do. Nếu buộc phải chọn, tôi sẵn sàng hy sinh những bí mật, nhưng không phải là Tu chính án thứ nhất.

Tu chính án đó vẫn bất khả xâm phạm, ngay cả khi nó đang bị lạm dụng.

Điều đó khiến tôi không nguôi mâu thuẫn tư tưởng và chấp nhận rằng vấn đề tự do báo chí chính đáng - bí mật chính phủ chính đáng là điều kiện chúng tôi sẽ phải quản lý, mà không phải là vấn đề chúng tôi sẽ giải quyết.

Chương VIII

CUỘC SỐNG TRONG KHÔNG GIAN MẠNG

San Antonio, Texas - Fort Meade, Maryland, Langley,
Virginia, 1996-2010

Chắc chắn tôi không phải là người đi tiên phong trong lĩnh vực mạng. Tôi thậm chí còn không phải là kỹ sư công nghệ. Tôi vẫn phải đưa chiếc điều khiển tivi cho lũ cháu gọi tôi bằng ông và nhờ vả.

“Daniel này, giúp ông bấm cho tivi nhớ chương trình này”.

Nhiều thập kỷ trước - khi máy tính có nghĩa là những tấm bìa đục lỗ, sàn nhà hai lớp và những căn phòng lạnh lẽo, không có cửa sổ - tôi đã cố tình bỏ qua một bài kiểm tra trong trường kỹ thuật không quân để né tránh thứ công việc đó.

Nhưng giờ đây, năm 1996, tôi bị đẩy tới chỗ phải làm việc và tìm hiểu về không gian mạng khi đảm nhận chức vụ chỉ huy Cục Tình báo không quân (AIA) tại San Antonio, Texas.

Ngay trước thời điểm đó, tôi từng làm trưởng bộ phận tình báo (J2) cho toàn bộ lực lượng Mỹ tại châu Âu (EUCOM), và vào thời điểm đó chúng tôi tham gia sâu vào việc hỗ trợ các đơn vị gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong cuộc chiến tranh Balkan lần thứ ba của thế kỷ XX. Tôi từng là tù viên tại một nước Balkan và nói được tiếng của một nước Balkan (Bungari) nên có chút hiểu biết về bối cảnh lịch sử của cuộc xung đột đó.

Như Thủ tướng Anh Winston Churchill từng nhận xét một cách thông thái rằng “người Balkan sản xuất ra nhiều lịch sử hơn khả năng tiêu thụ”. Nhận định đó chắc chắn khớp với trải nghiệm của tôi.

Khi rời EUCOM và hướng tới Texas, tôi bỏ lại sau lưng kiến thức và trách nhiệm đối với một cuộc xung đột mà căn nguyên bắt nguồn từ thời Trung cổ, còn độ phức tạp thì sánh ngang với đế chế Byzantine (theo đúng nghĩa đen) để nhận nhiệm vụ chỉ huy một đơn vị đang ở vị trí tiên phong của một thể loại và không gian chiến tranh hoàn toàn mới.

Ơn Chúa là tôi có một đội ngũ nhân viên tuyệt vời ở Texas. Họ bắt đầu truyền dạy cho người mới đến bằng lòng nhiệt tình của những người đang cố thực hiện một cuộc lột xác.

Và tín điều đầu tiên tại AIA đơn giản là mạng máy tính - một “miền không gian”.

“Ngài biết đấy, thưa Đại tướng. Đất, biển, không trung, không gian vũ trụ, *mạng*”.

Quả thực, khi bạn thuyết phục một người lính Mỹ chính cống tin thứ gì đó là một miền không gian, có rất nhiều điều cần phải nói. Anh ta thường không dễ nhập tâm những khái niệm mới xuất hiện như hệ thống mạng, dải thông và những thứ tương tự. Đây là một miền không gian, một môi trường hoạt động, và - giống như mọi miền không gian khác - không gian mạng có những đặc điểm riêng. Miền không gian mạng có đặc trưng là tốc độ và tính tiện dụng tuyệt vời, vậy nên nó rất phù hợp với hoạt động xâm phạm. Miền không gian này cố hữu mang tính toàn cầu và cố hữu mang tính chiến lược.

Và, nhân viên mới của tôi nói thêm, chúng ta cần đối xử với nó như với mọi miền không gian khác. Nước Mỹ kỳ vọng chúng ta hoạt động ở đó. Giống như các miền không gian khác - như không trung, chẳng hạn - chúng ta sẽ sử dụng nó cho mục đích

của mình khi chúng ta muốn và không cho kẻ khác sử dụng nó khi chúng ta quyết định chọn nó.

Ít ra thì việc đó sẽ trở thành sứ mệnh của chúng tôi. Những từ của miệng như thống trị không trung và giành thế thượng phong không trung mà cánh không quân chúng tôi vẫn hay nói giờ đây nhanh chóng trở thành thống trị thông tin và giành thế thượng phong thông tin trong mục từ vụng mồm của chúng tôi.

AIA nỗ lực để làm cho việc này không chỉ là lời nói suông. Bộ phận thính giả đầu tiên chúng tôi phải thuyết phục chính là không quân. Tháng 9 năm 1997, chúng tôi có dịp thể hiện những việc mình muốn làm tại một cuộc họp gồm các tướng ba sao và bốn sao của không quân. Tham mưu trưởng, Tướng Ron Fogleman, mời tôi đến Căn cứ Không quân Scott ở Illinois để tham dự cuộc họp mang tên Corona Top được tổ chức nửa năm một lần và thuyết trình về những công nghệ mới, vũ khí mới và phương thức chiến tranh mới. Fogleman dành cho chúng tôi hai tiếng đồng hồ trong chương trình nghị sự - điều chưa từng có tiền lệ.

Tôi sẽ lên sân khấu phổ biến thông tin cơ sở cho cách tiếp cận của chúng tôi và thông tin khái quát về học thuyết mà chúng tôi đang cân nhắc áp dụng, nhưng tôi cũng sẽ được kết nối bằng liên kết video về trụ sở chính và trung tâm điều hành của AIA tại San Antonio. Chúng tôi sẽ trình diễn trực tiếp một số công cụ khi đó đang trong giai đoạn phát triển.

Chúng tôi suýt gặp tai họa khi một cơn giông sét miền Nam Texas tấn công vào trụ sở chính tại Security Hill (Đồi An ninh), ngay trước khi chúng tôi chuẩn bị thuyết trình trực tuyến. Bằng những nỗ lực phi thường, chúng tôi đã khôi phục lại được liên kết trực tuyến vừa kịp thời và mọi công nghệ thể hiện đúng như nội dung tường trình. Có lúc, chúng tôi điều khiển từ xa để vô hiệu hóa một số máy tính trạm, lúc khác tôi lại trình diễn

cách chúng tôi đánh lừa một màn hình radar hiện lên một thứ trong khi chiếc máy bay thực chất mà nó bám theo lại đang làm việc khác.

Không tệ. Ban lãnh đạo cấp cao rất ấn tượng. Không ai tình nguyện trích ra bất kỳ khoản ngân sách nào từ các chương trình máy bay tiêm kích hay máy bay ném bom của mình, nhưng họ thực sự ấn tượng. Ít ra thì chúng tôi đã gieo được một ít hạt giống.

Quay trở lại San Antonio, chúng tôi trang bị lại trung tâm điều hành truyền thống để nơi đây trở thành Trung tâm Chiến dịch thông tin (Trung tâm IO). Tại đó, tôi đều đặn được cấp dưới tường trình về các chỉ báo hành động khái quát trong không gian mạng, hiện trạng của hệ thống mạng không quân, đặc điểm của những cuộc tấn công nhằm vào chúng tôi. Chúng tôi cũng định kỳ triển khai các đội hỗ trợ chiến tranh thông tin đến các đơn vị chiến thuật không quân để giúp họ tăng khả năng sẵn sàng chiến đấu (và để lan tỏa tín hiệu).

Những suy nghĩ và hành động này ở San Antonio rốt cuộc đã có ảnh hưởng vô cùng to lớn. Chỉ hơn một thập kỷ sau đó Bob Butler - Trung tá trẻ tuổi tài cao phụ trách Trung tâm IO của tôi - hiện đã trở thành phó trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách chính sách mạng, và những khái niệm mới xuất hiện đến từ San Antonio đã trở thành nhiều nội dung trong học thuyết quân sự Mỹ. Butler làm việc cho Bill Lynn, Thứ trưởng Quốc phòng, người đã viết một bài báo khoa học đăng trên tạp chí *Foreign Affairs* (Quan hệ đối ngoại) vào mùa Thu năm 2010 giới thiệu khái niệm không gian mạng và thống trị không gian mạng một cách đầy đủ ý nghĩa nhất.

Ông ấy tuyên bố rằng: “Ở khía cạnh học thuyết, Lầu Năm Góc đã chính thức công nhận không gian mạng là một miền không gian chiến tranh mới. Mặc dù không gian mạng là một miền không gian nhân tạo, song nó đã trở nên quan trọng đối với

hoạt động tác chiến quân sự không kém gì mặt đất, biển, không trung và không gian vũ trụ. Như vậy, quân đội cần phải có khả năng bảo vệ và hoạt động trong không gian đó”. Nghe cứ như thể ông ấy đã sao chép những bản lưu ý của chúng tôi đến từ Texas hồi năm 1996 vậy.

Các ý tưởng của chúng tôi đã tạo ấn tượng mạnh, nhưng nhìn lại phải thừa nhận rằng chúng tôi đang sống trong khuôn khổ một văn hóa riêng và đã đánh giá thấp một cách chủ quan rằng cả một thế hệ đang lớn lên bên ngoài hàng rào bao quanh chúng tôi với suy nghĩ về miền không gian này như một nguồn lực chung toàn cầu, một sân chơi chung thuở ban sơ, chứ không phải một miền không gian có sự xung đột tiềm tàng, nơi các quốc gia - dân tộc hùng mạnh muốn áp đặt ý chí của mình.

Học thuyết Mỹ không quân sự hóa miền không gian này nhiều hơn mức nhiều quốc gia khác trên khắp thế giới đã làm, nhưng chúng tôi chắc chắn đã đổ rất nhiều nguồn lực vào nỗ lực của mình, và tính minh bạch bẩm sinh cũng như cách sử dụng từ ngữ tùy tiện của chúng tôi thường khiến chúng tôi phải đối mặt với những cáo buộc cho những việc đã làm.

Trở lại với bài báo của Lynn. Dòng có ảnh hưởng mạnh nhất là dòng ở cuối trang đầu tiên: *William J. Lynn III là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ*. Bài báo khoa học phản ánh tư tưởng Mỹ đối với không gian mạng lại không phải do thứ trưởng tư pháp hay thứ trưởng ngoại giao hay thứ trưởng thương mại hoặc thậm chí là cố vấn khoa học của tổng thống viết. Bài báo do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện. Người nước ngoài thường phát hiện rất nhanh những vấn đề như thế này.

Người trong nước cũng vậy. Hầu như không có sự phối hợp nào về bài báo năm 2010 của Lynn trong quy trình liên tịch ở Washington. Có vài cuộc bàn luận với Cố vấn an ninh mạng Howard Schmidt tại Nhà Trắng, nhưng cũng chỉ ở mức đó mà thôi.

Bộ An ninh nội địa, ở tận trên Khu liên hợp Đại lộ Nebraska, và Bộ Ngoại giao, ở tận Phố C, cũng ngạc nhiên trước bài báo này như một số độc giả nước ngoài vậy.

Họ đã có phản ứng lại. Trong vòng sáu tháng sau khi bài báo của Lynn được công bố, Jane Holl Lute, Thứ trưởng Bộ An ninh nội địa, đã tham gia thực hiện chung một bài báo đăng trên tạp chí *Wired* (nổi mạng) với tuyên bố: “Không gian mạng không phải là một vùng chiến sự”. Thay vào đó, bà ấy viết, “không gian mạng xét căn bản là một không gian dân sự - một khu dân sự, một thư viện, một cái chợ, một sân trường, một xưởng sản xuất - và là một kỷ nguyên mới, lý thú trong sự trải nghiệm, khám phá và phát triển của con người”.

Michele Markoff, Phó Giám đốc Văn phòng điều phối các vấn đề mạng máy tính thuộc Bộ Ngoại giao, sẵn sàng nói với bất kỳ ai muốn lắng nghe rằng việc chúng tôi nhấn mạnh vào một miền không gian mới (được cho là) tách biệt với những thực tại vật lý có chứa miền không gian đó (các máy chủ, chẳng hạn, phải nằm ở đâu đó trong không gian vật lý) đang khiến cho công việc của bà ấy trở nên vô cùng khó khăn.

Markoff đang cố gắng không biết mệt mỏi để xây dựng bộ quy chuẩn quốc tế về hành vi trong không gian mạng. Việc Bộ Quốc phòng xây dựng một lý thuyết không gian riêng rẽ có xu hướng bác bỏ các nguyên tắc và trách nhiệm chủ quyền truyền thống, và việc đó không mang lại lợi ích gì. Theo quan điểm của Markoff, Bộ Quốc phòng thực ra đang nhằm vào một vật thể vật lý, chẳng hạn như một chiếc máy chủ đặt tại Malaixia, chứ không phải một đầu mối nào đó nằm trong một miền không gian mới gần như là vô định.

Độc giả cũng phải chú ý đến một phần trong bài báo của Lynn mang tựa đề “Tạo lực đòn bẩy cho khả năng thống trị” (Leveraging Dominance) cũng như cách miêu tả lập âm đầu tài tình và có tính chất điệp báo về thứ mà ông ấy gọi là

phòng vệ tích cực: “một phần thiết bị cảm biến (part sensor), một phần lính gác (part sentry), một phần tay súng thiện xạ (part sharpshooter)”. Ta có thể tưởng tượng từ cuối cùng đó được người nước ngoài đọc lên nghe như thế nào.

Cuộc tranh cãi đó vẫn tiếp diễn đến tận hôm nay. Cách đây không lâu, tôi có ngồi trước một màn hình Skype ở Colorado tranh luận qua liên kết video với tác giả Jim Bamford, người đã viết những cuốn sách trái phép vô cùng sống động về NSA. Một trong những người tiền nhiệm năm xưa của tôi tại NSA là Linc Faurer muốn Jim bị bắt vì liên quan đến nội dung tác phẩm đầu tiên của ông ấy mang tên *The Puzzle Palace* (Cung điện giải đố) khi cuốn sách được xuất bản năm 1982.

Hai thập kỷ sau, khi làm Giám đốc NSA, tôi đã cố gắng tác động hữu hiệu hơn đến quan điểm của Bamford, thậm chí còn mời ông ấy đến dự bữa tối và cho phép ông ấy thực hiện việc ký tặng sách tại Bảo tàng Mật mã học quốc gia của NSA. Những cố gắng của tôi bất thành. Khi Chương trình Giám sát khổng lồ được đưa ra công khai vào cuối năm 2005 (xem Chương V), ông ấy đã đứng về phía ACLU trong một vụ kiện chống lại NSA*.

Cuộc tranh luận qua Skype là nội dung chương trình truyền hình dành cho khán giả chuyên ngành ở Beverly Hills thay mặt cho Sở Phát thanh - Truyền hình công cộng (PBS) quảng bá cho một chương trình đặc biệt của *NOVA* sắp tới về NSA. Bamford là nhà đồng sản xuất và đưa ra lập luận rằng nước Mỹ, thảm thương thay, đã quân sự hóa không gian mạng thông qua những hành động như Stuxnet, thứ mà ông ấy miêu tả là một cuộc tấn công mạng của Mỹ nhằm vào cơ sở hạt nhân của Iran tại Natanz. Hành vi thái quá của nước Mỹ, ông ấy

* Vụ kiện này về sau đã bị tòa án bác đơn do cả Bamford lẫn các nguyên đơn khác không có đủ chứng cứ. Họ không thể chứng minh rằng mình là đối tượng nhắm tới của bất cứ thứ gì.

nhận định, đã tạo có chính đáng cho những phản ứng của Iran nhằm vào tập đoàn dầu khí khổng lồ Saudi Aramco và các ngân hàng Mỹ. Internet giờ đây là một vùng bản tự do, và đó là lỗi của chúng ta.

Tôi đáp lại bằng việc lập luận ủng hộ cho lý thuyết “mặt đất, biển, không trung, không gian vũ trụ, không gian mạng”. Tôi nói: “Không gian mạng không phải là nguồn lực toàn cầu duy nhất trong danh sách. Không gian biển đã từng như vậy trong những thời kỳ dài vô tận. Và không ai phản đối sự tồn tại của lực lượng hải quân. Trên thực tế, có đầy đủ cơ sở để cho rằng hải quân là yếu tố thiết yếu bảo đảm nguồn lực chung đó luôn là của chung”.

Tôi có thể nói thêm rằng không gian mạng chưa bao giờ là một Eden kỹ thuật số. Nó luôn là Mogadishu. Tổng thống của Extônia là Toomas Hendrik Ilves có biết đôi chút về điều này. Hệ thống internet của nước ông ấy bị sập năm 2007 do bị tấn công bởi “lực lượng tin tặc Nga yêu nước” (các băng nhóm tội phạm báo đáp lại nhà nước Nga vì đã cho chúng hưởng quyền tự do hành động ở đó) sau khi chính quyền Tallinn cố gắng chuyển một đài tưởng niệm Hồng quân từ khu trung tâm ra vùng ngoại ô.

Tổng thống Ilves có một cách nói về toàn bộ chuyện này rất thú vị. Ông ấy nói rằng, do không có một kế ước xã hội Lockean trong không gian mạng, những gì chúng ta có là một không gian Hobbes gần như là thuần túy, một không gian mà tại đó sự mô tả của Hobbes về cuộc sống không có chính phủ quản lý là “bần hàn, dơ dáy, hung bạo và ngăn ngủi” thực sự phù hợp. Đơn giản là ở đó không hề có nguyên tắc pháp trị.

Tôi đã thường xuyên so sánh sự phát triển hiện thời của không gian mạng với kỷ nguyên toàn cầu hóa quy mô lớn gần đây nhất, đó là nhiều thế kỷ khám phá thế giới của người châu Âu. Kỷ nguyên đó, với tất cả những thành tựu của nó,

kẹp thành một mớ cái tốt và cái xấu, cũng như kẻ yếu và kẻ mạnh, theo những cách chưa từng có trước đó. Thứ người châu Âu nhận được từ kỷ nguyên đó là đất đai, của cải, thuốc lá và bệnh giang mai. Phần lớn còn lại của thế giới hứng chịu cảnh bóc lột toàn dân, cướp bóc toàn cầu và hoạt động buôn bán nô lệ toàn cầu. Chúng ta giờ đây phần nào cũng ở vào điều kiện tương tự ngoại trừ việc tốc độ kết nối ngày nay không phải là 10 dặm mỗi giờ nếu gặp gió thuận. Tốc độ ngày nay là 186 dặm mỗi giây. Không cần phải là Stuxnet mới có thể biến không gian mạng trở thành nơi vô cùng nguy hiểm.

*

* *

Những cuộc tranh cãi này đều diễn ra trong tương lai, khi tôi đến NSA vào tháng 3 năm 1999. Tôi chỉ có mười tám tháng tại San Antonio, nhưng đội ngũ nhân sự ở đó đã thể hiện sự xuất sắc vượt trội và kiến thức họ truyền đạt cho tôi là thứ vô giá khi tôi tới Fort Meade.

Và đó là thứ vô giá ngay từ đầu. Hãy luôn ghi nhớ mục đích của Cơ quan An ninh quốc gia. Công việc của NSA liên quan đến những cuộc liên lạc. Từ trước tới nay đó là dữ liệu điện tử trong quá trình chuyển động: những cuộc liên lạc tần số cao toàn cầu, những tín hiệu vi sóng tầm ngắn hơn, những photon và electron chuyển động dọc theo một tuyến cáp quang.

Những cơ quan như CIA phải xử lý những chất liệu khác - con người, tài liệu đánh cắp, mật mã đánh cắp - không ít thì nhiều là những dạng dữ liệu vật lý ở tình trạng tĩnh.

Sự phân công lao động là rất rõ ràng. Dữ liệu điện tử lưu chuyển - NSA xử lý. Dữ liệu vật lý tĩnh - CIA xử lý. Nhưng không gian số mới đã tạo ra một trạng thái tự nhiên khác: dữ liệu điện tử tĩnh.

Người ta rất dễ quên việc này thực sự mới lạ đến thế nào. Kể từ sau thời Marconi, chúng ta đã và đang làm công việc chuyển dữ liệu vật lý thành dạng điện tử chỉ để di chuyển dữ liệu. Tôi vẫn còn nhớ hồi còn ở bộ phận hỗ trợ chiến đấu cơ tiêm kích ở Hàn Quốc ngay những năm 1980 khi mà, để gửi đi một tin nhắn, chúng tôi phải đánh máy nội dung tin nhắn bằng thứ gọi là máy đánh chữ OCR (nhận diện ký tự quang học) và mang nó qua phố, đến trung tâm liên lạc, nơi nó sẽ được chụp quét, chuyển thành các *electron* và truyền về Washington. Ngay khi về đến Washington, các *electron* sẽ được chuyển đổi trở lại dạng ký tự vào một trang giấy in, sau đó được chuyển vào một ngăn kéo để chờ người thư ký đến lấy.

Việc đó giờ đây nghe có vẻ cổ lỗ và con cháu chúng ta sẽ khó mà hiểu được. Cho đến cuối thập niên 1990 chúng tôi vẫn hàng ngày chuyển dữ liệu (như email) không ở dạng nào khác ngoài các *electron* và lưu trữ dữ liệu hoàn toàn ở dạng điện tử; phần nhiều trong những dữ liệu này là các tài liệu, bảng kê khai, tập tin, bản ghi chép - sẽ không bao giờ được truyền đi bằng phương thức điện tử.

Cái trước rõ ràng là một dạng liên lạc (dữ liệu điện tử động) nhưng cái sau, phải nói thế nào đây, đó là thứ gì đó rất mới mẻ. Với NSA thì đây là một trò chơi điện tử, vì vậy là một cuộc chơi công bằng. Với CIA thì nó không dịch chuyển vì vậy cũng là một cuộc chơi không kém phần công bằng.

Vấn đề quan liêu này không dẫn đến cuộc đấu một mất một còn hai bên bờ sông Potomac giữa hai cơ quan. Tổng thống Bush đã phân định vấn đề trong một bản ghi nhớ sau vụ tấn công 11/9, tuyên bố đây là một cuộc chơi công bằng dành cho cả hai cơ quan, với NSA tham gia cuộc chơi theo những quy tắc SIGINT và CIA chơi theo quy tắc HUMINT.

Nhưng thực tế điều này trở thành một vấn đề không liên quan nhiều đến cơ chế quan liêu trong hoạt động tình báo Mỹ,

thay vào đó, liên quan đến mức độ xáo trộn mà kỷ nguyên số gây ra cho hoạt động tình báo Mỹ.

Tại NSA chúng tôi phải phát triển một thứ ngôn ngữ hoàn toàn mới. Chúng tôi đang hướng tới hoạt động SIGINT *chủ động*, di chuyển đều đặn đến chỗ mục tiêu và lấy thông tin từ mục tiêu, thay vì hy vọng có sự truyền phát mà chúng tôi có thể chặn thu theo phương thức SIGINT *thụ động* truyền thống. Việc này đòi hỏi phải đến *điểm đầu*, mạng lưới mục tiêu, thay vì cố gắng xử lý ở *điểm giữa* của một cuộc liên lạc bằng một ăngten đặt ở vị trí thuận lợi hoặc cách tiếp cận bằng đường cáp quang.

Chúng tôi cũng biết rằng chỉ cần thực hiện việc này được nửa phần hoàn hảo thôi thì đây cũng sẽ trở thành kỷ nguyên vàng cho hoạt động tình báo tín hiệu của chúng tôi, khi mà mỗi ngày trôi qua nhân loại lại lưu trữ và lưu chuyển ngày càng nhiều dữ liệu dạng số hóa.

Đó là tin tốt lành và vào giai đoạn chuyển giao từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI chúng tôi đã cố gắng toàn lực để trang bị lại hệ thống kết cấu hạ tầng, chuẩn bị cho kỷ nguyên mới. Nhưng việc đó sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngân sách rất eo hẹp.

Tôi đã cố gắng trích khoảng 200 triệu USD một năm từ số tiền đầu tư cho hoạt động thu thập thông tin thường xuyên để đầu tư vào những hạng mục cần thiết cho việc tiếp cận điểm đầu và đến đâu ở Washington tôi cũng nghe nói về chuyện này. Chẳng ai muốn cắt bớt bất kỳ phần năng lực hiện tại nào để đầu tư cho năng lực tương lai. Một số người còn chỉ trích gay gắt về sự xuống cấp trong khả năng bao phủ tội phạm có tổ chức của Nigieria, chao ôi!

Chúng tôi làm những gì có thể. Vào những ngày cuối năm 2000, khi đang xây dựng lại bộ máy tổ chức toàn cơ quan (xem Chương II), chúng tôi đã thiết lập một chương trình gọi là TAO (Kế hoạch tiếp cận tùy biến) trong Ban lãnh đạo SIGINT (SID) mới được thành lập. Chúng tôi đã thử với một số nỗ lực can thiệp

điểm đầu trước đây, nhưng lần này là chuyện khác. Lần này sẽ liên quan đến sức mạnh công nghiệp. Chúng tôi thực chất phải chia SID thành bộ phận điểm đầu và bộ phận điểm giữa, bộ phận nào hoạt động tốt hơn sẽ đo lường và lượng hóa sự phát triển hoạt động của điểm đầu, dù cho hoạt động điểm giữa phải chịu phí tổn.

Hóa ra TAO không phải chịu phí tổn. Cuộc tấn công khủng bố chưa đầy chín tháng sau đó đã bảo đảm một dòng chảy đều đặn nguồn nhân lực và vật lực khắp cơ quan. Và ngay cả trong giai đoạn phát triển mở rộng thì TAO vẫn là bộ phận phát triển nhanh nhất của NSA sau sự kiện 11/9, không có ngoại lệ.

Sự phát triển của TAO cũng được hưởng lợi từ sự bùng phát bong bóng dot-com và sự trào dâng đột biến tinh thần yêu nước sau loạt trận tấn công khủng bố 11/9. Nói về người tài giỏi nhất và sáng suốt nhất: chúng tôi có một đội ngũ những người hoạt động SIGINT chuyên nghiệp mới trẻ tuổi, tài giỏi về kỹ thuật, sáng tạo và dám nghĩ dám làm. Chúng tôi đã thuê vài ngàn người trong bốn năm sau vụ khủng bố 11/9; độ tuổi trung bình của họ là 31, trẻ hơn nhiều so với độ tuổi trung bình của cơ quan vào thời điểm đó. Không phải để lấy lòng bất cứ người nào trong số những tân binh này mà chúng tôi trao cho họ cơ hội làm một cách hợp pháp những việc mà bị coi là trọng tội nếu họ làm trong hoàn cảnh khác. Chúng tôi thúc đẩy sự thay đổi thể hệ trong đội ngũ nhân sự của mình chỉ trong vài năm.

Đội ngũ nhân sự mới có thái độ làm việc vô cùng đáng nể. Một nhân viên kỳ cựu thú nhận với tôi rằng đội ngũ tân binh có tâm lý “không mục tiêu nào là không thể thâm nhập” và, ngay từ đầu, thường bỏ qua những thứ “dễ xơi” để hướng thẳng tới những mục tiêu khó nhất.

Một vài trong số những mục tiêu này phải mất nhiều năm mới có thể thâm nhập. Chiến dịch chiếm Vicksburg của Grant vẫn được dẫn ra trong các trường đào tạo về chiến tranh như là

ví dụ kinh điển về cách tiếp cận gián tiếp; không thể tiếp cận thành phố này từ phía sông Mississippi, Grant đã tiến hành một chiến dịch kéo dài nhiều tháng từ phía đất liền hướng ra trước khi thành phố được mệnh danh là Gibraltar của Liên minh miền Nam này thất thủ. Khi các trường đào tạo chiến tranh được phép giảng dạy về cách thức sử dụng TAO cho một số hoạt động truy cập, các nỗ lực của TAO sẽ sánh ngang với các bài học chiến lược của Grant - kiên nhẫn, gián tiếp và kiên định - trong chương trình giảng dạy.

Cơ quan an ninh của các nước khác cũng đang cố gắng xử lý khai thác điểm đầu, nhưng không cơ quan nào được lồng vào một hệ thống SIGINT có tính toàn cầu như NSA. Hoạt động khai thác SIGINT bị động truyền thống thường nắm chìa khóa cho sự thành công của hoạt động SIGINT thiết thực - lập bản đồ các mạng lưới, tuyến liên lạc thường xuyên và nói chung là cung cấp loại thông tin chi tiết giúp bảo đảm khả năng thành công.

Chúng tôi cũng nhận được sự hỗ trợ vô cùng đặc lực từ Giám đốc Tình báo Trung ương George Tenet, người đã lặp lại khẩu hiệu nghe như câu thần chú: “SIGINT hỗ trợ HUMINT, HUMINT hỗ trợ SIGINT”. Một số đối tượng nghĩ rằng chúng hoàn toàn biệt lập với mạng toàn cầu. Điều đó không phải lúc nào cũng đúng, nhờ sự trợ giúp của HUMINT.

Đương nhiên là chúng tôi cũng phải xây dựng cơ chế tiếp cận từ xa cho riêng mình, sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau như dụ đối tượng mục tiêu nhấp chuột vào một đường link trong một email không có vẻ đáng nghi. Khi ở nhà, chúng tôi vẫn luôn miệng kêu ca về tình trạng dữ liệu rác (spam) tràn lan trên mạng. Khi làm việc, chúng tôi ẩn mình có chủ ý trong dòng chảy toàn cầu ngày một lớn mạnh để nhắm tới các mạng lưới cụ thể.

Việc chúng tôi tiếp tục duy trì được cuộc chơi là điều tốt lành. Hóa ra chúng tôi đã đánh giá quá thấp mức độ sử dụng

mạng toàn cầu của al-Qaeda. Trước khi có TAO, chúng tôi không thấy nhiều hoạt động của al-Qaeda ở đó và cho rằng hoạt động này không có nhiều. Thực ra là có rất nhiều. Khi quân đội Mỹ chuyển về các ổ cứng máy tính thu giữ được ở Ápganixtan và khi chúng tôi kiểm tra “đồ khám túi” (thuật ngữ chung để chỉ những thứ tìm thấy trên người hoặc ở gần một đối tượng bị bắt giữ) thu được từ các cơ sở al-Qaeda trên khắp thế giới, chúng tôi bắt đầu gặt hái được các địa chỉ internet và đặc điểm nhận dạng để cuối cùng biến việc sử dụng mạng toàn cầu của al-Qaeda thành công cụ chống khủng bố hữu hiệu nhất cho mình.

TAO đang trở thành một cổng vào dẫn tới hoạt động tình báo tuyệt đỉnh. Và dẫn tới cả những điều khác nữa.

Người tiền nhiệm của tôi tại NSA là Ken Minihan. Ken cũng là một trong số những người tiền nhiệm của tôi tại AIA ở Texas, và rất nhiều trong những điều tôi học hỏi được ở đó thực chất là do ông ấy khởi sự và nuôi dưỡng. Tôi đã được các môn đồ của ông ấy cải đạo và kết nạp.

Mặc dù Ken và tôi đều là nhân viên tình báo chuyên nghiệp, ủng hộ mạnh mẽ hoạt động thu thập dữ liệu điểm đầu nhưng không ai trong số chúng tôi giới hạn suy nghĩ của ông ấy chỉ ở hoạt động gián điệp. Chúng tôi coi mạng máy tính là một miền không gian có sự xung đột thực sự và tin rằng NSA có thể đóng góp nhiều cho sức mạnh nước Mỹ trong không gian đó, vượt ra ngoài hoạt động do thám đơn thuần mà cơ quan bị nhốt giữ. NSA chỉ có thể xử lý hợp pháp một mục tiêu khi lần đúng các dấu vết hoặc giải được mã của mục tiêu đó. Bất cứ thứ gì vượt qua giới hạn trên đều không thuộc sứ mệnh hay điều lệ hoạt động, một yếu tố bất cập mà chúng tôi đã nỗ lực giải quyết.

Luật pháp Mỹ nói khá rõ về sự phân biệt giữa hoạt động gián điệp và hoạt động phục vụ chiến tranh. Hoạt động gián điệp

được kiểm soát theo Mục 50 của Bộ Chuẩn luật quốc gia Hoa Kỳ và chịu sự giám sát của các ủy ban tình báo của Quốc hội. Hoạt động phục vụ chiến tranh lại được kiểm soát theo Mục 10 và chịu sự giám sát của các ủy ban quân lực của Quốc hội. Sự phân biệt này được áp dụng khá hiệu quả trong không gian vật lý, dẫu vẫn có một chút lúng túng trong việc phân biệt rạch ròi giữa hành động bí mật của CIA và các hoạt động bán quân sự.

Những phân biệt trên hoàn toàn vô hiệu trong không gian mạng. Lấy hoạt động trinh sát làm ví dụ. Trong không gian vật lý, việc này luôn diễn ra (và cần phải như thế) trước khi ai đó tiến hành một chiến dịch tác chiến thực địa. Robert E. Lee xin ý kiến tham mưu của Jeb Stuart. Một đơn vị tuần tra trong lực quân ngày nay sẽ điều một phương tiện bay không người lái đi trinh sát để báo cáo về độ dốc mặt sau của một gò đất trước khi quân lính tiến qua gò đất đó.

Trong không gian vật lý, hoạt động trinh sát luôn dễ dàng hơn hoạt động tác chiến. Trinh sát vị trí của Quân đoàn sông Potomac có thể là công việc khó khăn, nguy hiểm, nhưng không khó khăn, nguy hiểm bằng việc giao chiến với Quân đoàn này. Điều tương tự cũng áp dụng với việc giao chiến với một đạo quân địch đào hào cố thủ phía mặt sau gò đất, nơi phương tiện bay không người lái vừa chụp hình được.

Trong không gian mạng hoạt động trinh sát cũng cần phải thực hiện trước. Còn cách nào khác để ta biết phải tấn công cái gì, bằng cách nào và khi nào - mà không phải gánh chịu thiệt hại ngoài dự kiến?

Nhưng đây là cả một sự khác biệt. Trong không gian mạng, trinh sát thường là nhiệm vụ khó khăn hơn hoạt động tác chiến ngay sau đó. Xâm nhập vào một mạng lưới và hoạt động tại đó sao cho không bị phát hiện, đồng thời rút lấy những khối lượng dữ liệu khổng lồ từ đó là nhiệm vụ khó khăn hơn so với

(nói trên phương diện kỹ thuật số) đập tung cửa trước và xông vào xử lý một hoặc hai bảng mạch.

Cho phép tôi nói thêm. Một cuộc tấn công nhằm vào mạng lưới để gây thiệt hại hoặc phá hủy thông tin chứa trong đó nói chung thuộc về khả năng công nghệ thông thường, trong khi đòi hỏi phải có nghệ thuật hoạt động để tiến hành do thám đối với cùng mạng lưới đó.

Khoảng một năm trước khi tôi về NSA, Minihan đã có một cách tiếp cận tài tình để giải quyết bài toán khó này. Ông ấy đã triển khai một chương trình mang tên Trung tâm Công nghệ điều hành thông tin (IOTC). Trung tâm nằm trong tòa nhà trụ sở NSA, lúc đầu hoạt động nhờ nguồn tài chính và nhân tài của NSA, nhưng chính thức không thuộc bộ máy NSA. Đây là chương trình liên danh giữa Bộ Quốc phòng và cộng đồng tình báo.

Cái nhãn điều hành thông tin mang nghĩa rộng và mang đến cho trung tâm quyền được đụng chạm tới mọi thứ liên quan đến hoạt động thông tin mà ta có thể muốn làm đối với một mục tiêu đối địch: do thám hắc, phá hoại mạng lưới hoặc thông tin của hắc, hoặc chiếm quyền sử dụng máy tính của hắc để thực hiện hành động phá hoại vật lý. NSA chỉ có thể làm việc đầu tiên [do thám] một cách hợp pháp, nhưng vì đây là một trung tâm công nghệ hơn là một trung tâm điều hành, NSA thoải mái phát triển những công cụ mà những đơn vị khác với thẩm quyền khác có thể sử dụng. Những kết quả tồi tệ khủng khiếp. Đây là một giải pháp cừ khôi có thể nhanh chóng hoàn thiện hộp công cụ dùng cho mọi hình thức hoạt động tác chiến mạng gấp rút.

Minihan đã nhận được sự trợ giúp đặc lực trước đó một năm từ một kế hoạch thử nghiệm của Bộ Quốc phòng mang tên Thiết bị thu nhận tín hiệu hợp lệ (Eligible Receiver). Kế hoạch thử nghiệm này từng nhận được sự đài thọ của Tướng Jack Sheehan, một nhân vật thủy quân lục chiến người Boston

gốc Ailen ngang ngành, là Chỉ huy của Bộ Tư lệnh Đại Tây Dương ở Norfolk. Sheehan đã sử dụng NSA làm đội đỏ [nhóm đối trọng] trong diễn tập một cuộc tấn công mạng nhắm vào các hệ thống mạng của Bộ Quốc phòng. Đội đỏ, trong điều kiện không có thông tin đặc biệt hay công cụ đặc biệt nào, đã thâm nhập được vào bất cứ nơi đâu họ muốn.

Minihan rất mong mỗi dẫn dắt kế hoạch bổ sung này, nhưng các cơ quan quân sự phản đối gay gắt việc tăng cường hơn nữa vai trò của một cơ quan làm nhiệm vụ phòng thủ. Kinh nghiệm của họ cho thấy việc tăng cường vai trò cho một cơ quan phòng thủ thường ảnh hưởng rất mạnh đến kế hoạch ngân sách ưu tiên của họ. John Hamer, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, cuối cùng đã nhờ đến sự hỗ trợ của Giám đốc Tình báo Trung ương George Tenet, sau đó tuyên bố rõ ràng bác bỏ các ý kiến nội bộ của Bộ Quốc phòng phản đối kế hoạch này.

Khi tôi về với NSA năm 1999, người phụ trách IOTC là Bill Marshall, một nhân vật kỳ cựu đầy tài năng và có vẻ ngoài rất chuyên nghiệp.

Theo mọi nguồn tin có được, đối tác khó khăn nhất của anh ấy không phải là các cơ quan quân đội. Đó là những vị trí lãnh đạo của NSA bên dưới tầng tám (tầng có phòng làm việc của Giám đốc NSA). Rất nhiều người chỉ muốn thực hiện nhiệm vụ SIGINT truyền thống; cái thú trung tâm hoạt động thông tin này là gánh nặng tốn kém thêm vào phần công việc vốn đã vô cùng khó khăn và người ta sợ rằng các công cụ của IOTC khi rơi vào tay người khác sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động điểm đầu vốn rất mong manh của NSA.

Bill Black, người sau này về làm cấp phó cho tôi tại NSA (xem Chương II) là người vận động không mệt mỏi cho kế hoạch đặt hoạt động thông tin tại NSA như một phần mở rộng tự nhiên của nhiệm vụ SIGINT. Bill còn tự nguyện xin Minihan bố trí vào vị trí trợ lý giám đốc đặc trách hoạt động thông tin.

Vì NSA thực chất không thể tiến hành phần lớn những thứ được gọi là hoạt động thông tin, nên đúng hơn có thể gọi vị trí này là vị trí vận động, và Black làm việc không mệt mỏi trong việc vận động của mình. Làn sóng phản đối ý tưởng này trong NSA mạnh đến mức Black về sau đã phải rời NSA trong tình trạng bất bình.

Vỡ mộng và bất mãn, Black cảnh báo Marshall rằng theo cách này hay cách khác thì Marshall nhất định sẽ thất bại mà thôi. Nếu anh ấy thành công trong khía cạnh hoạt động, đám lãnh đạo cấp cao NSA sẽ ghét anh ấy. Còn nếu thất bại, anh ấy sẽ bị coi là kém năng lực.

Khi Minihan mời Marshall về làm việc, ông ấy có nói với Marshall rằng mọi người đều tin rằng IOTC thực chất chỉ là thứ được tô vẽ bằng phần mềm PowerPoint. Ông ấy yêu cầu Marshall mang đến những kết quả thực sự, xây dựng quan hệ liên kết giữa các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và cộng đồng tình báo, và thu hút những nguồn lực anh ấy cần để làm việc này. Để đổi lại, Minihan hứa sẽ đứng ra bảo vệ Marshall trước những kẻ có ý định chống đối anh ấy và phá hỏng dự án.

Marshall bên trong thì rất quyết liệt và tập trung, nhưng bên ngoài luôn thể hiện được sự hòa nhã với tinh thần hợp tác và lắng nghe. Dần dà anh ấy đã giải quyết được sự đối kháng. Anh ấy bắt đầu với vài chục người, nhưng trong ba năm đã phát triển đội ngũ nhân sự IOTC lên tới vài trăm người. Đội ngũ ngày một lớn mạnh của anh ấy ngày ngày bền bỉ phát triển, thu thập, đánh giá, sửa đổi, phân mục và lưu trữ những công cụ có thể chứng minh tính hữu dụng trong việc bảo vệ hệ thống mạng hay giám sát một mục tiêu kẻ thù, từ chối quyền tiếp cận, làm xuống cấp, gây xáo trộn, thậm chí phá hủy một mạng thông tin của đối thủ.

Khi kho công cụ của anh ấy đầy lên, Marshall đã gây ra một loạt những vấn đề pháp lý, học thuyết và tổ chức. Ta không thể

dự trữ những công cụ và vũ khí mà không nhờ đến ý kiến hướng dẫn nào đó từ các luật sư của Bộ Quốc phòng và nhà hoạch định chính sách quốc gia. Điều đó gây ra sự tranh luận, cãi vã và cả lối suy nghĩ “hướng về phía trước, bất chấp rủi ro”. Nhìn lại có thể thấy, Marshall đã thực hiện được thành tựu lâu dài nhất của trung tâm.

IOTC trở thành nơi tụ họp không gian mạng, nơi những khái niệm liên quan đến hoạt động mạng có thể được định nghĩa, bàn luận, phản biện, tranh cãi và kiểm chứng. Thậm chí còn quan trọng hơn bộ công cụ đang ngày một phong phú của mình, Marshall và trung tâm của anh ấy đã giúp cuộc tranh luận học thuyết (và tranh cãi) về hoạt động mạng được tiếp tục duy trì.

*

* *

Fort Meade nằm cách khu trung tâm Washington D.C. khoảng bốn mươi phút đi xe, vào một ngày đẹp trời (như Chủ nhật chẳng hạn) sự biệt lập tương đối này lại là điều hay. Nó giúp ta nằm ngoài cái vòng tròn của nhịp sinh hoạt mang nặng màu sắc chính trị hàng ngày của thủ đô.

Khoảng cách này sẽ khiến ta không phải thường xuyên đón khách viếng thăm đường đột. Mọi người đi lên mạn đường Baltimore-Washington Parkway vẫn thường làm việc này một cách có mục đích hoặc chẳng có mục đích gì.

Chúng tôi đã nỗ lực thu hút nhiều chuyên gia dẫn dắt suy nghĩ về Fort Meade tới mức có thể. Chúng tôi muốn bơm vào đầu họ những suy nghĩ, hành động và tham vọng của chúng tôi trong miền không gian mới này.

Để làm rõ nội dung thảo luận, chúng tôi bắt đầu bằng việc nói về thứ người ta vẫn gọi là hoạt động mạng máy tính (CNO)

và nói rằng các vị có thể chia khái niệm này thành ba phân mục: phòng thủ mạng máy tính (CND), bảo đảm an toàn cho mạng máy tính của các vị; khai thác mạng máy tính (CNE), đánh cắp dữ liệu của người khác; và tấn công mạng máy tính (CNA), phá hủy các dữ liệu, hệ thống mạng hay các vật thể vật lý*.

Sau đó chúng tôi thường tập trung thẳng vào phân mục CND, vì phân mục này có mức độ đe dọa, mức độ mới lạ thấp nhất, nên mức độ gây tranh cãi thấp nhất.

NSA được ủy quyền bảo đảm an ninh cho những cuộc liên lạc của Chính phủ Mỹ từ rất lâu rồi. Máy điện thoại bảo mật kiểu cũ, STU-3, là sản phẩm của NSA, có hình ảnh chụp Tổng thống Bush đang liên lạc bằng một chiếc STU-3 trong lớp học tại Florida vào sáng 11 tháng 9.

Vậy nên CND có một vai trò khá dễ thực hiện, ít nhất là xét trên khía cạnh bộ máy tổ chức. Khoảng một phần năm ngân sách và nhân lực của NSA trước đó đã được dành cho hoạt động phòng thủ. Thách thức ở đây liên quan đến yếu tố kỹ thuật và hoạt động nhiều hơn: Ta phòng thủ như thế nào trong miền không gian mà chúng tôi nhận thấy rất dễ khai thác khi tiến hành hoạt động tấn công?

Khó lắm. Một vài tuần trước khi tôi rời khỏi NSA năm 2005, trước sự cố nài quyết liệt của Bill Black (giờ đã là cấp phó của tôi), chúng tôi đã triển khai NTOC (Trung tâm Chiến dịch về các mối đe dọa của NSA). Nếu sẵn sàng cầm đá ném trong lĩnh vực mạng, chúng tôi sẽ có sự khởi đầu tốt hơn trong việc bảo vệ ngôi nhà kính của mình. Tôi lại nhờ Bill Marshall phụ trách

* Tại NSA, người tiền nhiệm của tôi và tôi đều là những sĩ quan không quân và đều chỉ huy Cục Tình báo không quân (AIA). Cách phân mục của chúng tôi có sự tương đồng kỳ lạ với cách thức tổ chức và giải thích hoạt động không quân Mỹ: trinh sát (CNE), ném bom (CNA) và tiêm kích (CND).

trung tâm này. Anh ấy bắt đầu với mười người, không có không gian làm việc chuyên biệt và không có ngân sách. Ba năm sau trung tâm này trở thành một đơn vị lớn mạnh với gần một nghìn nhân viên cơ hữu.

Nếu không được bố trí trong cơ cấu NSA, NTOC có lẽ đã trở thành một CIRT (Đội Phản ứng sự cố máy tính) thứ hai, kết hợp công nghệ bảo đảm thông tin, cảm biến mạng và các dữ liệu liên lạc nội bộ để dựng bản đồ vị trí các hoạt động trong một hệ thống mạng.

Nhưng NTOC thuộc NSA, nên trung tâm này được nối mạng nóng với một hệ thống SIGINT toàn cầu vô cùng rộng lớn và như thế có thể cử các trinh sát số ra ngoài phạm vi giới hạn vòng ngoài để nhận diện hoạt động và mối đe dọa từ rất lâu trước khi chúng tiếp cận được tường lửa cục bộ. Trung tâm điều hành 24/7 của NTOC theo dõi nhịp đập của toàn thể không gian mạng và cung cấp cảnh báo sớm cho hệ thống an ninh mạng quốc gia của Mỹ.

NTOC là đơn vị giống với Trung tâm Điều hành thông tin mà tôi có ở AIA tại San Antonio nhưng xử lý lượng lưu thông dữ liệu khổng lồ. Như có thể dự liệu, sự kết hợp riêng giữa thẩm quyền SIGINT và thẩm quyền an ninh thông tin, kiến thức chuyên môn sâu và nguồn lực đã đẩy lên quan điểm ngò vức từ các cơ quan trong bộ máy chính quyền khắp Washington, vậy nên NTOC đã phải tự chứng tỏ mình trong những cuộc đánh giá đầy hoài nghi của các quan chức Bộ Quốc phòng, Quốc hội, Văn phòng Quản lý và ngân sách (OMB). Nó đã vượt qua mọi thử thách.

Vẫn còn phải làm thêm nhiều việc nữa, vì còn những thách thức khác chưa được giải quyết trong lĩnh vực phòng thủ mạng. Điều lệ hoạt động của NSA là bảo vệ những bí mật của Chính phủ Mỹ. Phạm vi công việc không mở rộng sang các hệ thống mạng chính phủ khác không có yêu cầu bảo mật hoặc sang

khu vực tư nhân, nơi có rất nhiều thông tin về sở hữu trí tuệ, thương mại và thông tin cơ sở hạ tầng quan trọng của Mỹ. Cho đến nay, các hệ thống mạng thuộc diện này vẫn chưa được bảo vệ thỏa đáng. Hãy xem vụ ăn cắp dữ liệu thẻ tín dụng từ Target và Home Depot hay các thiết kế F35 từ các nhà thầu của Chính phủ Mỹ.

Hoạt động thứ hai trong mục khái quát các hoạt động mạng máy tính là thứ chúng tôi gọi là khai thác mạng máy tính, hay CNE. Đó là hoạt động điểm đầu, SIGINT chủ động dựa vào Kế hoạch tiếp cận tùy biến (TAO) như đã miêu tả và nói chung chúng tôi đã có đủ mọi yếu tố cần thiết để phát triển hoạt động này, ít ra là trong khía cạnh luật pháp và chính sách.

Thực ra, điều ít người nhận thấy (hoặc đánh giá cao) vào thời điểm đó chính là mức độ dễ dàng khi chúng tôi chuyển hệ thống quản trị từ thế giới cũ sang thế giới mới. Không tranh cãi nhiều, chúng tôi lặng lẽ chuyển từ một thế giới chờ may mắn sóng radio chạm vào hệ thống ăngten của mình sang một thế giới với phương thức ngắt và truy cập kỹ thuật số. Chúng tôi thâm nhập vào hệ thống mạng nước ngoài và nói rằng việc đó cũng chẳng khác gì việc hốt các tín hiệu từ nơi thình không và tuân theo những quy tắc tương tự. Với chúng tôi thì đúng là vậy, mọi thứ cũng diễn ra đúng như vậy, nhưng khi nhìn lại có thể thấy đó là cả một sự chuyển đổi rõ rệt, một quá trình chuyển tiếp mà trong mắt một số người là không hẳn vô tội, tốt đẹp và tất yếu khi nó trở thành chủ đề tranh cãi gay gắt của công luận vào năm 2013 (xem Chương XXI).

Phân mục hoạt động cuối cùng trong các hoạt động mạng máy tính là CNA, hay CNA. Đây là hành động được thiết kế để gây xáo trộn hệ thống mạng của đối thủ hoặc, dưới hình thức cực đoan nhất, chiếm quyền sử dụng mạng này để tạo ra mức phá hoại vật chất nào đó. NSA vẫn chưa có thẩm quyền làm việc đó; NSA bị giới hạn trong phạm vi bảo vệ thông tin của

nước Mỹ và đánh cắp thông tin của người khác. Nhưng chúng tôi biết rằng phòng thủ, khai thác và tấn công không có gì khác nhau trong khía cạnh công nghệ và hoạt động cho dù chúng được xếp tách riêng trong thẩm quyền pháp lý, kế hoạch ngân sách và cơ chế giám sát của Quốc hội - tất cả đều là kết quả của việc cho rượu mới (kỹ thuật số) vào bình cũ (thực sự là công nghệ của thế kỷ XVIII). Với chúng tôi, việc đó mang đến cảm giác giống như nước Mỹ có ba binh chủng không quân: binh chủng trinh sát, binh chủng tiêm kích và binh chủng ném bom, khi mà *mọi lực lượng* đều làm nhiệm vụ kiểm soát không trung.

Một trong những vị khách viếng thăm thường xuyên Fort Meade là Tướng Jim Cartwright, một phi công thuộc Lực lượng Thủy quân lục chiến có tư tưởng tự do, người từng làm Chỉ huy Bộ Tư lệnh chiến lược (STRATCOM) tại Omaha năm 2004. STRATCOM đã từng được giao một mớ hồ lớn những nhiệm vụ bổ sung khi mà sứ mệnh hoạt động theo điều lệ của lực lượng này là ngăn chặn tấn công hạt nhân đang ngày một mất đi tầm quan trọng. Cartwright phải tổ chức bộ chỉ huy này hướng tới hoạt động trinh sát toàn cầu, phòng thủ tên lửa, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, cùng vai trò không chiến không gian, vai trò không chiến toàn cầu truyền thống hay như tấn công không gian.

Ông ấy cũng có trách nhiệm tiến hành hoạt động tấn công mạng, chức năng CAN mà Fort Meade có thể thực hiện nhưng lại không có thẩm quyền pháp lý cho phép thực hiện.

Không có cách nào cho một cơ sở đơn nhất có thể làm chủ tất cả mọi nhiệm vụ đa dạng của STRATCOM, vậy nên Cartwright đi đến kế hoạch sử dụng các cơ quan phòng thủ lớn phục vụ mục tiêu của mình. Phần lớn danh sách này là “các cơ quan hỗ trợ chiến đấu” đã được chỉ định nhiệm vụ và đa phần đều do các sĩ quan quân đội lãnh đạo, như vậy việc vận động họ

trợ giúp ông ấy thực hiện những chức năng cụ thể là vấn đề khá đơn giản.

Cartwright và tôi nói chuyện và gặp nhau thường xuyên. Chúng tôi nhất trí rằng ông ấy có thể ủy thác thẩm quyền và trách nhiệm trong hoạt động tấn công mạng cho Fort Meade và xếp tôi kiêm nhiệm một vị trí hỗ trợ hành động cho ông ấy trong một bộ tư lệnh có cái tên hơi trúc trắc là Bộ Tư lệnh thành phần chức năng hỗn hợp - chiến tranh mạng (JFCC-NW).

Về cơ bản, chúng tôi sẽ mở rộng IOTC, đặt lại tên và trao cho nó thẩm quyền hoạt động thông qua chức danh Chỉ huy chiến trường của Cartwright. Đội ngũ nhân sự phối hợp giữa hai đơn vị sẽ tiếp cận và tiến hành trinh sát một mục tiêu dựa vào thẩm quyền Giám đốc NSA của tôi và sau đó, khi có lệnh, có thể thao túng hoặc phá hoại mục tiêu dựa vào việc Cartwright áp dụng thẩm quyền chỉ huy chiến đấu của ông ấy thông qua tôi.

Chúng tôi thuận buồm xuôi gió khi thực hiện kế hoạch này. Chiến tranh mạng là một chủ đề nóng và mọi ý kiến đều nhất trí rằng chúng tôi cần phải tổ chức tốt hơn để tham chiến trong không gian này.

Cartwright không hoàn toàn gặp thuận lợi trong việc thuyết phục Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân (JCS) về kế hoạch này, nhưng về cơ bản ông ấy đang hướng tới việc đề xuất sử dụng nguồn lực của NSA để nâng cao năng lực chiến đấu mạng của Bộ Quốc phòng mà không ảnh hưởng gì đến hoạt động thường xuyên của các đơn vị. Khác với quan điểm phản đối IOCT của họ năm 1997-1998, lần này họ bày tỏ quan điểm ủng hộ kế hoạch.

Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, Tướng không quân Dick Myers, có quan điểm ủng hộ nhưng muốn có một số bảo đảm cá nhân. Tôi quen biết ông ấy được vài năm. Con đường sự nghiệp của chúng tôi có nhiều đoạn giống nhau,

nhất là khi ông ấy đã từng chỉ huy mọi đơn vị thuộc không quân Mỹ tại Thái Bình Dương cũng như Bộ Tư lệnh Không gian Mỹ (AFSPC), vậy nên sẽ rất dễ dàng trong việc thu xếp một buổi làm việc riêng với ông ấy để giải thích những việc chúng tôi đang hướng tới.

Đó là cuộc báo cáo trên mặt bàn quân sự điển hình, vài cái biểu đồ và bản trượt thuyết minh với chỉ hai chúng tôi trong phòng làm việc của ông ấy ở khu E của Lầu Năm Góc. Khi tôi trình bày xong, ông ấy chỉ hỏi: “Mike này, việc này có giải quyết được vấn đề không?”.

“Không đời nào”, tôi trả lời. Tôi trấn an ông ấy rằng đây là việc đúng đắn cần phải làm vào lúc này, nhưng cũng nói thêm: “Chúng tôi sẽ quay trở lại sau một hai năm nữa. Và cho đến lúc đó chúng tôi sẽ xói tung việc này ở mức độ cao hơn nhiều”.

Sự đùa cợt này là để xua đi suy nghĩ cho rằng JFCC-NW là một cái trạm lẻ đang chuyển mình thành một bộ tư lệnh mạng đầy đủ chức năng.

Kế hoạch của chúng tôi không cần ý kiến chấp thuận của Quốc hội; nó vốn đã thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Quốc phòng. Bộ trưởng Rumsfeld đã đề đạt và Cartwright thuyết phục được tổng thống phê chuẩn kế hoạch sau một buổi làm việc tại trang trại Texas vào dịp nghỉ lễ Giáng sinh năm 2004.

Dù không cần ý kiến của ngành lập pháp, nhưng Cartwright và tôi vẫn tường trình với Quốc hội. Chúng tôi không phải là những kẻ không biết ăn nói và đây cũng không phải là cuộc thuyết trình đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi chẳng đại gì khơi gợi bất kỳ ý kiến phản đối nào trong lúc tức giận cả.

Phương pháp của chúng tôi là thuyết phục các nghị sĩ hướng vào niềm tin của mình, còn “yêu cầu” của chúng tôi là dành cho mối quan hệ không bình thường này giữa thẩm quyền theo Mục 10 (hoạt động chiến tranh) và Mục 50 (hoạt động gián điệp)

của Bộ chuẩn luật quốc gia Hoa Kỳ một chút không gian và thời gian để đạt độ chín muồi trước khi chúng tôi bắt buộc phải giải thích mọi nội dung trên các tài liệu công khai (trong đó một số nội dung thực ra chưa hề tồn tại).

Kế hoạch chúng tôi đang làm không hoàn toàn phù hợp với cơ cấu giám sát Quốc hội. Nó pha trộn nhiều hoạt động khác nhau, một số hoạt động thường chịu sự giám sát của các ủy ban tình báo, trong khi một số hoạt động khác lại chịu sự giám sát truyền thống của các ủy ban quân lực - và không gì được bảo vệ quyết liệt tại Điện Capitol hơn là quyền hạn giám sát.

Trên thực tế, điều khiến cho kế hoạch này hấp dẫn đối với Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân - sống dựa nhiều vào các nguồn lực của NSA để hỗ trợ bổ sung cho thứ rõ ràng là hoạt động chiến trường mà không phải là hoạt động tình báo - có thể có nguy cơ làm tiêu tan toàn bộ ý tưởng này trước các ủy ban tình báo của hai viện. Các ủy ban Quốc hội quyết liệt trong việc bảo vệ thẩm quyền chuẩn chi ngân sách không kém gì bảo vệ quyền hạn giám sát.

Chính vì vậy, chúng tôi phải nỗ lực rất nhiều để giải thích về mình. Chúng tôi xuất hiện cùng nhau trong một buổi tường trình không chính thức trước các ủy viên của ủy ban giám sát Thượng viện. Cartwright đích thân giải quyết vấn đề ở phía Hạ viện, nhưng cũng sử dụng các lập luận tương tự.

Chúng tôi làm khá tốt. Quốc hội không đưa ra quyết định ngăn cản nào, và JFCC-NW (sau đây trở thành lực lượng tấn công mạng máy tính quốc gia) đi vào hoạt động tháng 01 năm 2005.

Tôi là tư lệnh đầu tiên, nhưng không ở lại đó lâu lắm. Một tháng sau đó tổng thống công bố quyết định bổ nhiệm tôi vào vị trí Phó Giám đốc thường trực tình báo quốc gia đầu tiên và Thượng viện phê chuẩn quyết định bổ nhiệm đó vào cuối tháng 4.

Nhưng giờ đây chúng tôi đã có một cơ cấu cụ thể để thực hiện tầm nhìn của mình: một trung tâm phòng thủ tại Trung tâm Chiến dịch về các mối đe dọa của NSA (NTOC), một lực lượng tấn công tại JFCC-NW và một chương trình hoạt động gián điệp thường xuyên trong Kế hoạch tiếp cận tùy biến (TAO).

Tất cả đều là những chương trình trọng đại và phát triển mạnh được thiết lập trong khoảng một thập kỷ - là tốc độ ánh sáng theo tiêu chuẩn của Washington.

Chúng tôi cũng đã giành được sự tín nhiệm của Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân và sự hứa hẹn rằng Quốc hội sẽ chấp thuận mối quan hệ chỉ huy không bình thường.

*

* *

Tất cả những gì chúng tôi cần bây giờ là một số vũ khí thiết thực.

Bất chấp đặc tính thiên về hoạt động tấn công của không gian mạng, đây vẫn là một công việc khó khăn (khó khăn hơn những gì chúng tôi vẫn nói trong lúc cao hứng). Để tấn công một mục tiêu, trước hết ta phải thâm nhập được mục tiêu đó. Cuộc tiếp cận phải mất nhiều tháng, nếu không muốn nói là nhiều năm, nỗ lực có thể đi tới chỉ với một cuộc nâng cấp bất chợt trong hệ thống mục tiêu, không cần phải là cuộc nâng cấp nhằm tăng cường những tính năng phòng thủ mà chỉ cần một cuộc nâng cấp hệ thống quản trị từ 2.0 đến 3.0 chẳng hạn.

Một khi đã thâm nhập được, ta cần có một công cụ chuyên dụng tùy chỉnh để tạo được những tác động mong muốn. Đây phải thường xuyên là một công cụ được làm thủ công phục vụ cho việc xử lý một mục tiêu cụ thể. Việc này không giống với sản xuất một loạt bom 500 *pound* rồi đặt chúng vào ngăn có bộ công cụ dẫn đường bằng tia *laser*.

Rất nhiều vũ khí trong hộp công cụ của IOTC được khai thác trong tự nhiên từ mạng toàn cầu. Những công cụ lấy từ mạng toàn cầu sẽ khiến cho việc quy kết trở thành một thách thức thậm chí còn khó khăn hơn nữa nếu như chúng đã được đem ra sử dụng. Nhưng một vài trong số những thứ khai thác được này có thể hơi kém thông minh, vậy nên chúng cần được điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu hoạt động và pháp lý của chúng tôi.

Thứ chúng tôi muốn là những loại vũ khí đáp ứng được tiêu chuẩn đề ra trong những quy định pháp luật liên quan đến xung đột vũ trang, những vũ khí phản ánh được nguyên tắc bấy lâu nay vẫn áp dụng là: cần thiết, có khả năng phân biệt và cân xứng. Yêu cầu đầu tiên là chúng phải tạo ra được một tác động có thể đoán định và đáp ứng được nhu cầu tác chiến thực địa (cần thiết). Vô hiệu hóa một hệ thống phòng không (điều mà người Ixraen cho là đã làm vào năm 2008 trong lúc phá hủy một lò phản ứng hạt nhân của Xyri) là thứ hiện lên trong đầu tôi. Tấn công vào website của các ngân hàng quan trọng bằng những đợt tấn công ô ạt dạng từ chối dịch vụ phân tán sao cho những người dân bình thường không thể truy cập (điều mà người Iran đã làm với các ngân hàng Mỹ vào năm 2012) lại không phải dạng đó.

Và ngay cả khi những ảnh hưởng là thứ có thể đoán định và hợp thức, các nhà hoạch định chính sách vẫn muốn biết liệu ta có thể hạn chế chúng ở mục tiêu nhắm tới hay không (có khả năng phân biệt) và, tới mức không thể hạn chế, liệu tác động mong muốn có đáng để chịu thiệt hại ngoài dự kiến hay không (tương xứng).

Đây là những nguyên tắc phổ cập đã trở thành truyền thống đối với bất kỳ người tham gia chiến đấu nào có lương tâm, nhưng trong không gian vật lý thường có cả một thế kỷ kinh nghiệm hoặc hơn thế để dựa vào trong lúc khó khăn. “Một đầu nổ có sức công phá cao với kích cỡ như thế này va vào

theo góc này vào loại mục tiêu này sẽ tạo ra một diện tích sát thương có kích cỡ với hình dạng thế này”, chẳng hạn như thế. Chúng tôi thậm chí đã phải phát triển một phương pháp ghi nhanh không giống ai đối với các dấu thể hiện mức độ khác nhau như đỏ (chết), vàng (có thể chết), xanh lá cây (an toàn) trên màn hình hiển thị những công thức như vậy: các *bug splat* [công cụ báo sự cố].

Bây giờ, một bug splat trông như thế nào đối với một vũ khí mạng mà chưa từng được sử dụng trong cơn giận dữ và chống lại một mạng lưới riêng có được hiểu rõ nhưng chưa phải là hiểu triệt để?

Nói một cách cụ thể, cuộc đối thoại trong phòng Tình huống thường bắt đầu bằng việc cố vấn an ninh quốc gia nói điều gì đó đại loại như:

“Vây là ông nói có thể làm gián đoạn việc cung cấp điện cho căn cứ quân sự then chốt này”.

“Vâng thưa ngài, và giữ cho nó không thể hoạt động bằng những đợt tấn công liên tục”.

“Tốt. Bây giờ còn thứ gì trên mạng nữa?”

“À, thưa ngài, chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể bảo đảm tác động chỉ hạn chế trong một diện tích vật lý khá nhỏ”.

“Nhỏ như thế nào?”

“Có thể là ba mươi đến bốn mươi dặm vuông”.

“Trong trường hợp xấu nhất, có bao nhiêu bệnh viện trong khu vực đó?”

“Trong trường hợp xấu nhất, bốn. Có thể là năm”.

“Những chỗ đó đều có UPS [nguồn cấp điện liên tục] chứ?”

“Chúng tôi hiện đang tìm hiểu điều đó”.

Cố vấn an ninh quốc gia ngừng nói, có vẻ đang trầm ngâm, rồi tiếp tục nói: “OK. Quay lại gặp tôi sau. Chúng ta sẽ trao đổi lại vấn đề này vào lần tới”.

Và lần tới, rồi lại lần tới, cứ thế.

Và cuộc gặp này lúc nào cũng chỉ diễn ra trong phòng Tình huống, không phải trong Lầu Năm Góc [trụ sở Bộ Quốc phòng] hay tại Langley [trụ sở CIA] hay tại trụ sở một số bộ tư lệnh chiến đấu. Ngay từ khi mới ra đời, vũ khí mạng đã được coi là “vũ khí đặc biệt”, không khác là mấy với những thiết bị hạt nhân thời kỳ đầu.

Nhưng kiểu người ngày ngày chỉ biết tham dự những cuộc họp ở Cánh Tây trong Nhà Trắng thì không hiểu nhiều lắm về những vũ khí này và cho đến nay vẫn chưa có ai kiểu như Herman Kahn - tác giả cuốn *On Thermonuclear War* (Về Chiến tranh nhiệt hạch) - để giải thích cho họ.

Nằm ở thứ bậc đầu tiên là thách thức kỹ thuật. Sau một vài câu, giọng của người báo cáo qua mạng nghe cứ loăng như tiếng nhân vật Rain Man đối với nhiều nhân vật cấp cao đang ngồi trong phòng. Thêm một vài câu nữa, hầu hết đều tin người báo cáo đúng là Rain Man.

Tôi vẫn còn nhớ một chiến dịch hoạt động mạng, khi tôi còn làm trong chính phủ, đã thất bại - ít ra là theo quan điểm của tôi. Trong cuộc họp đánh giá hậu kỳ, có thể thấy rõ là không một cặp đôi cấp cao nào tại cuộc họp phê duyệt lần cuối lại rời phòng Tình huống mà nghĩ rằng họ đã phê chuẩn cùng một hoạt động.

Tính phức tạp chưa phải là tất cả. Việc xây dựng chính sách cho các hoạt động mạng thường bị ngăn trở bởi yêu cầu bí mật thái quá (một tay *tình báo* kỳ cựu như tôi còn phải nói như vậy!). Hãy nhìn vào dòng dõi huyết thống. Tôi không thể nghĩ là có bất kỳ loại vũ khí nào khác gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của các cơ quan hoạt động gián điệp đến như vậy (có thể trừ máy bay không người lái có trang bị vũ khí). Và việc giữ bí mật theo lệ thường của các cơ quan tình báo đã lan sang các hoạt động mạng theo cách làm chậm tiến độ phát triển - hay ít nhất là tiến trình hợp nhất chính sách - của sức mạnh chiến đấu

kỹ thuật số. Thật khó mà xây dựng quan điểm đồng thuận về những thứ chưa được biết tới hay chưa được xếp vào mục nào hay chỉ được một số ít nhân vật quan trọng bàn tới theo kiểu được chăng hay chớ.

Tôi tham gia một ban chuyên môn tại Đại học Georgetown cùng một số chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực mạng máy tính sau khi thôi công tác trong chính phủ. Không hề có sự phối hợp công việc nào trước đây với nhau, tất cả chúng tôi đều nhận xét rằng việc giữ bí mật mạng đã làm chậm tiến trình xây dựng chính sách và học thuyết. Một thành viên ban chuyên môn là Siobhan Gorman, người từng đưa tin về hoạt động của NSA cho tờ *Baltimore Sun* (Mặt trời Baltimore) trước khi chuyển sang làm cho tờ *Wall Street Journal*, nêu ý kiến cho rằng, dữ liệu hoạt động chống khủng bố là thứ dễ moi từ chính phủ hơn bất kỳ dạng thông tin mạng nào khác.

Dẫu vậy, những thách thức kỹ thuật và bất cập chính sách không ảnh hưởng nhiều lắm đến tinh thần của những người hăng say với hoạt động mạng. Chúng tôi thực sự giống với những người hăng say với hoạt động không quân trước Chiến tranh thế giới thứ hai với câu nói: “Máy bay ném bom sẽ luôn giành thắng lợi!” Tuy nhiên, giống như họ, đã từ lâu chúng tôi thừa sự thành công về lý thuyết, trong khi lại thiếu sự thành công trên thực tế.

Năm 2004 và 2005, tôi phải thẳng thắn thừa nhận rằng, cho đến nay, chúng tôi chủ yếu mới chỉ làm được việc phun sơn vẽ hình graffiti ảo lên những toa xe điện ngầm kỹ thuật số. Chúng tôi có thể quấy nhiễu, nhưng không thể quyết định mọi thứ. Một nỗ lực ngay trước thời điểm đưa quân vào Irắc là gửi email cho các quan chức Irắc cảnh báo họ về số phận dành cho họ và gợi ý họ chọn đường lối hành động khác đường như không có tác động gì hơn việc gây khó chịu cho họ. Trong một hoạt động khác, chúng tôi làm cho điện thoại của Slobodan Milošević

rung lên liên hồi, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy việc này giúp rút ngắn được bất kỳ khía cạnh nào của cuộc xung đột Balkan.

Sự kiện ồn ào trong biên niên sử Không quân Mỹ là việc đánh chìm tàu chiến Đức mang tên *Ostfriesland* đã đầu hàng và được giao nộp cho Mỹ ngoài khơi Hampton Roads năm 1921. Con tàu này không phòng vệ và không di chuyển, nhưng với nhiều đợt tấn công trong suốt hai ngày, tàu đã bị lực lượng máy bay ném bom thuộc Lục quân Mỹ đánh chìm xuống đáy biển. Hành động này còn lâu mới đạt được mục tiêu của một cuộc thử nghiệm sức mạnh hoạt động, nhưng giới không quân vẫn ngợi ca đây là buổi bình minh của một kỷ nguyên mới.

Tôi nhắc cho những chiến binh mạng của chúng tôi nhớ rằng dù sự kiện tàu *Ostfriesland* là việc dàn cảnh để phục vụ việc thử nghiệm máy bay hai tầng cánh của Billy Mitchell, thì chúng tôi thậm chí còn chưa bằng được họ. Chúng tôi còn lâu mới tiến gần tới việc đánh chìm con tàu *Ostfriesland*.

Dẫu vậy, các chiến binh mạng của Mỹ vẫn không ngừng cố gắng, nhiều khi có thể còn hơi quá mức.

Với những cuộc chiến đang diễn ra ở Irắc và Ápganixtan cũng như khắp toàn cầu chống lại các mạng lưới khủng bố, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đã ban bố lệnh thi hành hiện hành (EXORD) ủy quyền hành động chống lại việc sử dụng internet của đối thủ. Chương trình hoạt động đi theo lệnh này có cái tên viết tắt khó hiểu CAUI (đọc lên nghe như “cow-ee”). Bề ngoài có vẻ như một sự ủy quyền rộng, nhưng trên thực tế đây là chương trình hoạt động khá hạn chế, vì đòi hỏi phải có sự cho phép cụ thể ở cấp cao mới có thể tiến hành bất kỳ hoạt động mà không chỉ mang ý nghĩa chiến thuật trong cách thức thực hiện mà còn có tác động cục bộ.

Trước thêm một trong những dịp kỷ niệm sự kiện 11/9, có ý kiến đề xuất sử dụng Thẩm quyền CAUI phạm vi rộng để

ngăn chặn việc phổ biến một video mà Osama bin Laden đã chuẩn bị để đánh dấu sự kiện này. Mục đích trước mắt có thể thấy của hắn là chế giễu chúng ta và chứng minh rằng chúng ta không đủ khả năng vô hiệu hoạt động tuyên truyền của hắn. Mục đích của chúng tôi là phá hỏng thời gian biểu của hắn cho việc nhận thông điệp qua video cuối cùng về sự kiện kỷ niệm này. Đó không thực sự là một tác động chiến lược, nhưng có đủ tính hấp dẫn để nhận được sự phê chuẩn tại cuộc họp của Ủy ban Ủy nhiệm thuộc Hội đồng An ninh quốc gia (NSC-DC).

Kế hoạch này kêu gọi từ chối quyền truy cập của al-Qaeda vào những website mà chúng sử dụng để phát tán thông tin. Một số website có thể được kiểm soát thông qua hành động phối hợp. Một số website khác thì buộc phải làm tê liệt hệ thống.

Nằm trong số website buộc phải làm tê liệt hệ thống là website của một đối tác chống khủng bố ở Trung Đông. Đây là website có nhiều đặc tính thu hút những phần tử thánh chiến cực đoan đích thực và cuộc tranh cãi về việc có nên làm tê liệt nó phản ánh câu hỏi muôn thuở dành cho chúng tôi. Liệu chúng tôi có muốn giao chiến với các phần tử cực đoan trong không gian mạng, hay tốt hơn là chỉ theo dõi chúng ở đó để rồi tấn công chúng hiệu quả hơn trong không gian vật lý? Câu trả lời truyền thống là “chỉ theo dõi”; trong trường hợp này chúng tôi hướng tới lựa chọn “giao chiến” với chúng.

Cuộc tấn công được tiến hành khá thành công. Website tê liệt nhiều phần. Lễ tưởng niệm sự kiện 11/9 trôi qua mà không có thông điệp nào của bin Laden được phát đi cả, nhưng trước khi có thể ăn mừng, nhiều chuyên gia khu vực dưới quyền tôi gọi điện tới tập cho tôi để than phiền về tác động gây ra cho đối tác chống khủng bố của chúng tôi. Đối tác này biết họ đang bị tấn công và chắc chắn họ biết thủ phạm tấn công là ai. Và mỗi khi họ nỗ lực khôi phục xong website thì hệ thống lại sập.

Không ai nghĩ chúng tôi có thể ngăn việc đưa video này lên mạng toàn cầu mãi mãi. Có quá nhiều website có thể được sử dụng cho mục đích đó. Đã đến lúc phải ngừng việc này.

Dẫu vậy, bất chấp ý kiến phản đối của chúng tôi, hoạt động tấn công vẫn tiếp diễn, bởi vậy tôi đã gọi điện cho Jim Cartwright, giờ là Phó Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân. Jim dường như hiểu được tình thế tiến thoái lưỡng nan này: chúng ta đã thành công về chiến thuật, nhưng giờ đây lại đang bị đe dọa các mối quan hệ chiến lược quan trọng.

Cartwright chấp thuận phương án để tôi gọi điện cho đối tác của mình và hứa rằng hoạt động tấn công sẽ chấm dứt trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Tôi làm việc này vào một sáng thứ Bảy, tin tưởng rằng chuyện này sẽ kết thúc vào Chủ nhật.

Chuyện này đã không kết thúc. Tôi vẫn không thể lý giải tại sao. Ngày trước Billy Mitchell đã phá vỡ một số nguyên tắc cơ bản lâu đời để chứng minh cho luận điểm của ông ấy bằng sự kiện tàu *Ostfriesland*. Việc đó thực sự gây tức giận cho bên hải quân. Giờ đây có vẻ như chúng tôi đang làm điều tương tự ở đây ngoại trừ việc lần này gây thất vọng, gây tức giận và gần như phản bội một đối tác đã có bề dày kinh nghiệm trong việc gây dựng quan hệ và lòng tin cá nhân. Tôi đã phải hạ mình và thừa nhận với đối tác rằng chúng tôi không ủng hộ việc tiếp tục hành động, nhưng không thể làm gì để chấm dứt.

Sau đó, theo yêu cầu của tôi, Jim Cartwright cũng đích thân xin lỗi đối tác này trong văn phòng của tôi.

Về phần mình, tôi đã yêu cầu được nói chuyện riêng với Steve Hadley, Cố vấn an ninh quốc gia. Tôi nói: “Steve này, không cần để CIA tham gia những cuộc họp sau này về các hoạt động mạng đề xuất nữa. Cho đến khi có được một cơ chế quản trị có mức độ tinh vi và nhạy cảm hơn so với cuộc thao diễn ‘bắn và quên’ cuối cùng này, chúng tôi sẽ chỉ gửi email thôi. Cứ coi là chúng tôi phản đối đi”.

Steve vô cùng sửng sốt. Con giận dữ này là thứ không thường thấy ở người như tôi, ông ấy nói. Và có thể ông ấy nhớ ra rằng tôi là chỉ huy đầu tiên của JFCC-NW. Việc đó đủ cho thấy chúng tôi bực mình tới mức nào.

Cần phải nói rõ, không phải chúng tôi tại CIA có sự chống đối tư tưởng đối với các hoạt động mạng. Hoàn toàn ngược lại. Chúng tôi thậm chí còn có lực lượng tác chiến mạng của riêng mình, đó là Trung tâm Điều hành thông tin (IOC), có điều lệ hoạt động bao gồm tiến hành các chiến dịch mạng đa lĩnh vực, mài sắc những công cụ hoạt động lên trên mạng, bảo vệ hệ thống và nâng cao khả năng phân tích mạng của CIA. George Tenet là người đưa IOC vào hoạt động và trung tâm này lớn mạnh dần qua các đời giám đốc là anh ấy, Porter Goss và tôi.

CIA không cố gắng trở thành bản sao, cũng không cố gắng ganh đua với NSA hay JFCC-NW. Khi được hỏi về việc này, tôi giải thích rằng IOC rất giống với bộ không quân yểm trợ thuộc Thủy quân lục chiến, trong khi NSA thì rất giống với không quân Mỹ.

Bộ phận không quân yểm trợ thuộc Thủy quân lục chiến là một phần cấu thành của binh chủng không quân yểm trợ mặt đất thuộc Thủy quân lục chiến. Lực lượng này không cố gắng ganh đua với không quân Mỹ mà chỉ đơn thuần hỗ trợ không quân cho các nhiệm vụ lịch sử của Thủy quân lục chiến. IOC xây dựng sức mạnh hoạt động mạng để nhờ đó CIA có thể thực hiện các nhiệm vụ truyền thống của mình.

Trong tác chiến có không quân yểm trợ, điều quan trọng là lính thủy quân phải phối hợp đúng nhịp với không quân, nếu không là “quân ta bắn quân mình” ngay.

Điều tương tự cũng áp dụng cho IOC và NSA trong không gian mạng. Mỗi bên phải nắm rõ mọi hành động của bên kia và những hành động đó phải được bảo đảm không “giẫm vào chân nhau”.

Việc đó trên thực tế được bảo đảm khá tốt. Có rất nhiều việc để ai cũng có phần phải làm của mình.

*

* *

Tôi rời chính phủ tháng 02 năm 2009. Vài tháng sau đó, Bộ trưởng Quốc phòng đã chỉ thị STRATCOM lên kế hoạch lập một bộ tư lệnh tác chiến mạng mới. Tháng 5 năm 2010, JFCC-NW đi theo con đường của IOTC, còn Bộ Tư lệnh Mạng của Mỹ (USCYBERCOM) đứng vững tại Fort Meade, đúng theo cách Minihan, tôi và nhiều người khác đã hình dung hơn một thập kỷ trước đó. Keith Alexander, Giám đốc NSA, được thăng cấp tướng bốn sao và trở thành người chỉ huy mới tại NSA.

Keith rốt cuộc đã ở NSA tổng cộng là tám năm. Cộng thêm với sáu năm của tôi, vậy là có gần một thập kỷ rưỡi theo đuổi một tầm nhìn khá nhất quán. Đó là một hiện tượng rất không bình thường trong bối cảnh chính phủ liên bang.

Alexander tiếp tục truyền thống tiếp nhận sứ mệnh tác chiến không gian mạng. Từ ngoài nhìn vào đôi lúc có vẻ như ông ấy đã đạt được quá nhiều thành tựu và đang có ý vận động dẹp bỏ những cơ chế hoạt động mạng thận trọng hơn của chính quyền đương nhiệm. Có tin cho hay ông ấy đích thân vào khu trung tâm để tham gia những cuộc gặp mặt với Howard Schmidt, Cố vấn an ninh mạng Nhà Trắng, thậm chí còn được John Brennan, Cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, mời vào khu lều củi riêng.

Dù vậy, đến giữa năm 2010, hơn một năm một chút sau khi tôi rời khỏi công tác chính phủ, không ai có thể phủ nhận là các loại vũ khí mạng đã đạt đến thời kỳ cực thịnh. Một số đối tượng, gần như chắc chắn đó là một quốc gia - dân tộc (vì đây là việc rất khó thực hiện được từ một xưởng sửa chữa xe hơi cá nhân)

đã sử dụng thứ vũ khí mạng có cái tên thường gọi là Stuxnet để vô hiệu hóa hoạt động của khoảng một nghìn máy ly tâm tại cơ sở hạt nhân của Iran ở Natanz.

Đối với một ai đó có nền tảng công việc như tôi thì đây gần như là một điều tốt không phải bàn cãi. Hành động đó khiến chương trình hạt nhân của Iran phải mất thêm từ sáu đến mười hai tháng để khắc phục, theo một số đánh giá.

Nhưng cho phép tôi được mô tả thành tựu này theo cách có phần hơi khác một chút. Ai đó vừa sử dụng loại vũ khí chứa toàn những số 1 và số 0, trong thời bình, để phá hủy thứ mà một quốc gia khác chỉ có thể mô tả là cơ sở hạ tầng xung yếu.

Khi vụ tấn công này trở thành thông tin công khai, tôi có nhận xét rằng - mặc dù việc này không thể so sánh về mức độ hủy diệt - tôi cảm thấy có gì đó hơi giống với sự việc xảy ra hồi tháng 8 năm 1945 [Mỹ ném bom nguyên tử vào Nhật Bản]. Nhân loại đã dám ra tay sử dụng một thứ vũ khí mới. Có người đã dám vượt sông Rubicon. Giờ đây đã có cả một quân đoàn đóng cố định ở bờ kia sông.

Chúng ta đang ở vào một kỷ nguyên quân sự mới. Những thứ mới chỉ ở dạng khái niệm và dự đoán vào hai thập kỷ trước ở Texas giờ đây đã trở thành hiện thực.

Tôi đã từng là một phần trong quá trình đó, có thể còn góp phần thúc đẩy một số khía cạnh trong đó. Chắc chắn ai cũng muốn có cơ hội được hiện diện tại một số bước ngoặt và quyết định quan trọng.

Và giờ đây tôi biết rằng chúng tôi ai cũng phải sống chung với hệ quả của những điều nói trên.

Chương IX

LIỆU VIỆC NÀY CÓ THỰC SỰ CẦN THIẾT?

Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia (ODNI),
2005-2006 và sau đó

Cộng đồng tình báo Mỹ ngày nay thường truy nguyên mọi thứ về sự kiện Trân Châu Cảng. Mọi thứ kể từ sau vụ tấn công đó đều được thiết kế để ngăn ngừa việc rơi vào thế bất ngờ chiến lược. Chúng ta bị tấn công bất ngờ vào ngày 11 tháng 9. Người dân muốn biết tại sao lại như vậy.

Ai cũng có quan điểm của riêng mình, kể cả một ủy ban nằm dưới quyền phụ trách của cựu Hạ nghị sĩ bang Indiana Lee Hamilton và cựu Thống đốc bang New Jersey Tom Kean. Họ khởi động công việc của mình bằng quyết định ủy nhiệm của Quốc hội vào tháng 11 năm 2002 và đủ khôn ngoan để không công bố báo cáo của họ hay những kiến nghị của ủy ban trước thời điểm tháng 7 năm 2004, khi chiến dịch tranh cử tổng thống đi vào giai đoạn cao điểm.

Những kiến nghị này đạt đến độ đề xuất một cuộc cơ cấu lại cộng đồng tình báo Mỹ bất chấp thực tế là, mùa Hè năm đó, cộng đồng đang tiến hành một cuộc chiến toàn cầu không khoan nhượng và khá thành công chống lại al-Qaeda; phân tích của cộng đồng cho rằng Irắc sau giai đoạn Mỹ đưa quân vào tất yếu sẽ bất ổn đang tỏ ra là đúng; và một nhân viên CIA là Steve Kappes đang tiến hành các hoạt động liên lạc “cửa sau”

hướng tới thuyết phục người Libi từ bỏ các chương trình vũ khí hạt nhân và vũ khí hóa học của mình.

Chẳng mấy ai trong cộng đồng tình báo ở thời điểm đó nghĩ rằng tái cơ cấu là một ý hay. Tôi chắc chắn cũng vậy. Nhịp độ hoạt động đang ở mức rất cao và chúng tôi đều biết rằng việc này sẽ là một cái đầm lầy kéo chìm thời gian và sức lực. Nhưng chúng tôi cũng biết rằng chúng tôi chưa hề ngăn chặn được nỗi kinh hoàng của sự kiện 11/9. Người dân Mỹ đã tha thứ cho chúng tôi việc có một số nhận định sai lầm, nhưng họ và những người đại diện cho họ trong Quốc hội muốn chứng kiến sự thay đổi có thể *thấy rõ được* nào đó.

Ứng cử viên tranh cử tổng thống John Kerry xác nhận kết quả điều tra của Ủy ban 11/9 chỉ trong vòng vài giờ sau khi chúng được công bố, chắc chắn là trước khi ông ấy đọc toàn bộ nội dung kết quả điều tra. Tổng thống Bush chờ đợi trong lúc lấy ý kiến rồi chấp thuận sau đó vài ngày.

Sau bầu cử, các đại biểu Quốc hội quay trở lại Washington D.C. và trở lại vấn đề cải cách ngành tình báo với năng lượng hạn chế.

Đối với nhiều người trong ngành tình báo chúng tôi thì dường như Điện Capitol đã rút bớt 535 chuyên gia tình báo khỏi ngành, chỉ trong một đêm. John McLaughlin, quyền Giám đốc Tình báo Trung ương trong thời gian dự luật đang được tranh luận tại Quốc hội, thường so sánh những cuộc thảo luận ở cả hai đầu Đại lộ Pennsylvania như việc nằm trên một chiếc băng ca bệnh viện, nhiều người cứ thúc chọc vào người ta trong khi nhu cầu xử lý y tế trước mắt chưa đến mức phải như vậy.

Quốc hội rất khó làm luật quy định phân tích tốt hơn hay thu thập thông tin quyết liệt hơn hay hoạt động bí mật dễ hiểu hơn. Có rất ít sự lựa chọn. Quốc hội có thể chuẩn chỉ nguồn tiền (đã dành cho chúng tôi rất nhiều), có thể duyệt thêm nhân sự (chúng tôi đang tuyển mộ nhân sự với tốc độ kỷ lục),

cũng như có thể cơ cấu lại biểu đồ tổ chức và tăng cường thẩm quyền hoạt động.

Vận dụng nhiều trong số những kiến nghị Kean-Hamilton trong Đạo luật Cải cách tình báo và ngăn chặn khủng bố năm 2004 (IRTPA-2004), Quốc hội đã quyết định cơ cấu lại cộng đồng tình báo và tăng cường thẩm quyền hoạt động. Sau khi đã xem xét qua những ý kiến chỉ trích rỗng tuếch và mang nặng cảm tính như “đầu óc Chiến tranh lạnh”, “ống khói bếp lò”^{*} và “kẻ giành giật lãnh thổ quan liêu”, có thể thấy rõ rằng Điện Capitol đang cố gắng hiệu chuẩn lại mức cân đối xung yếu mà bất kỳ tổ chức phức tạp nào đều phải quản lý - cân đối giữa quyền tự do hành động dành cho các bộ phận và thống nhất nỗ lực trong toàn thể tổ chức. Quá ít quyền tự chủ dành cho các bộ phận có thể dẫn đến tình trạng hành động chưa đúng mức, kém linh hoạt, lưỡng lự và mất cơ hội. Mức độ đồng nhất nỗ lực quá thấp có nghĩa là thành tựu riêng của cơ quan không được đồng bộ hóa, cân đối hóa, khai thác hay sử dụng làm sức mạnh đòn bẩy.

Họ đang định tăng cường bộ phận trung tâm của cộng đồng tình báo và tạo ra nhiều lực lượng hướng tâm hơn bằng cách giảm bớt các lực lượng ly tâm. Họ cũng đang định tái bố trí và đặt lại tên cho bộ phận trung tâm. Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI) sẽ trở thành Giám đốc Tình báo quốc gia (DNI), và bất kể là gì khác nữa thì chức danh này sẽ *không phải* là người đứng đầu CIA. Chức danh này thậm chí sẽ không được phép đặt các văn phòng hỗ trợ cho mình tại Langley.

Phán đoán cho rằng chúng tôi cần có thêm “keo dính” chỉ đúng một phần. Liên quan đến khía cạnh hợp nhất và đồng bộ hóa,

^{*} Một ý kiến cáo buộc rằng thông tin, giống như ống khói, thường di chuyển theo chiều thẳng đứng trong một tổ chức chứ không di chuyển theo chiều ngang giữa các tổ chức.

chúng tôi nhận được rất nhiều ý kiến chỉ trích, thường ở dạng ra vẻ thạo đời như “Các vị đầu óc đều có vấn đề hết cả rồi”. Nhưng một kiểu nói tôi *chưa bao giờ* nghe được sau câu nói trên là “Vậy nên các vị phải làm sao để giống hơn với...”. Sở dĩ như vậy là bởi không có nước nào phù hợp để điền vào chỗ trống sao cho có được câu đúng. Dù chúng tôi có thể cần mức độ hợp nhất hoạt động cao hơn nữa, và đúng là như vậy, thì tính đến ngày 10 tháng 9 cộng đồng tình báo Mỹ đã là cộng đồng tình báo có mức độ hợp nhất hoạt động cao nhất hành tinh này rồi.

Giám đốc Tình báo Trung ương George Tenet thực sự là một nhân vật có sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Khi đang là Giám đốc NSA, tôi được George gọi điện và chỉ thị hành động nhiều hơn bất kỳ sự kết hợp của nhóm người nào trong Bộ Quốc phòng hay bất kỳ phòng ban chính phủ hữu quan nào. George là người có được sự lắng nghe của tổng thống, người mà anh ấy gặp sáu ngày mỗi tuần. Anh ấy hay làm to chuyện và nguyên tắc làm việc tương xứng với tính cách đó. Anh ấy cũng đã từng phụ trách CIA, và chữ “C” đó là đại diện cho *Central* [Trung ương].

Khi George gọi cho tôi, anh ấy thường bắt đầu cuộc nói chuyện bằng: “Mike này, đám ông bạn của tôi vừa mới về đây” và thường kết thúc bằng “và đây là điều tôi muốn ông làm”. Và “ông bạn” của George trong những cuộc nói chuyện này không phải là đội ngũ Ban Quản lý cộng đồng tương đối nhỏ của anh ấy, mà là đội ngũ nhân sự về điều hành hoạt động, phân tích và kỹ thuật của riêng CIA. Nói cách khác, nói đến việc tạo sự đồng nhất nỗ lực và gắn kết hoạt động, thứ “keo dính” mạnh nhất chúng tôi có là thực tế rằng người đứng đầu cộng đồng tình báo (Giám đốc Tình báo Trung ương) cũng đồng thời là người lãnh đạo cao nhất của cơ quan có mức độ hoạt động tình báo cao nhất, đó là CIA.

Và Tenet không hề đơn độc. Charlie Allen có gần nửa thế kỷ kinh nghiệm với CIA và chạm tay vào mọi hoạt động nhạy cảm

của cơ quan này trong suốt thời gian đó. Theo những gì tôi quan sát thấy thì ông ấy dường như không bao giờ ngủ. Ông ấy là trợ lý cho George trong lĩnh vực thu thập thông tin trong toàn thể cộng đồng tình báo và điều khiển dàn hợp xướng thu thập thông tin như một nhạc trưởng đại tài.

Các lệnh thường trực của tôi truyền tới trung tâm điều hành tại NSA (NSOC) đơn giản là để thực hiện điều George yêu cầu: “Nếu George gọi và nói rằng chúng ta phải chuyển mục tiêu thu thập thông tin về tình ở Vịnh Ba Tư từ các cơ sở phòng không của Irắc sang các cơ sở thử nghiệm của Iran vì họ đang chuẩn bị cho một cuộc phóng thử nghiệm tên lửa, thì cứ làm thế đi. Và mọi người có thể báo cáo với tôi vào buổi sáng. Trừ phi có ai đó khác gọi cho tôi và phàn nàn điều gì đó, chứ mọi người ở đây không cần gọi cho tôi”.

Vậy nên chẩn đoán nhận định rằng Giám đốc Tình báo Trung ương không có ảnh hưởng mạnh là hết sức sai lầm. Nhưng kết quả tất yếu là một yếu tố mang đến nguồn ảnh hưởng mạnh cho anh ấy - việc anh ấy là lãnh đạo CIA - đã mang theo nó những yếu tố hạn chế cố hữu, và điều đó thì gần sát thực tế hơn.

Khi tôi trở thành Giám đốc CIA (người đầu tiên nắm giữ chức danh đó mà không đồng thời là Giám đốc Tình báo Trung ương), tôi thường xuyên nói với đội ngũ nhân sự CIA rằng một trong những điểm hay của cấu trúc ODNI [Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia] mới là ở chỗ tôi có thể tập trung duy nhất cho nhiệm vụ Giám đốc CIA. Thực vậy, hiếm có ngày nào trôi qua mà tôi lại không buột miệng tự hỏi không biết làm thế nào mà những người tiền nhiệm của tôi lại có thể làm cùng lúc hai nhiệm vụ.

John Negroponte hay Mike McConnell, hai giám đốc Tình báo quốc gia đầu tiên, sẽ phải thức dậy khoảng 5 giờ sáng và bắt đầu ngày mới bằng việc leo lên chiếc SUV bọc thép cùng chuyên viên tường trình công việc hằng ngày cho tổng thống (PDB) lên

đường đến Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia nằm trong Tòa nhà văn phòng hành pháp cũ. Tại đó họ chuẩn bị cho cuộc tường trình [giao ban] buổi sáng với tổng thống, đọc các bức điện và báo cáo thực địa, rà soát các mục PDB cụ thể, thêm vào hoặc cắt bớt khi cần, yêu cầu nhiều thông tin hơn về vấn đề này hay vấn đề kia. Giám đốc Tình báo quốc gia và chuyên viên tường trình của tổng thống sẽ sang đường qua Đại lộ Hành pháp Tây và tập hợp bên ngoài phòng Bầu dục trước 8 giờ 00 sáng vài phút. Buổi làm việc với tổng thống sẽ kéo dài chừng ba mươi đến bốn mươi phút và tiếp theo đó sẽ là cuộc trao đổi chính thức hoặc không chính thức với cố vấn an ninh quốc gia. Và sau đó Giám đốc Tình báo quốc gia sẽ quay trở lại chiếc SUV để về văn phòng mình, về đến nơi (vào một ngày đẹp trời) ngay trước 9 giờ 30 sáng. Vào thời điểm đó thì tôi đã yên vị trong văn phòng của mình, hoàn toàn tập trung cho công việc của CIA, được ba tiếng đồng hồ rồi. Với những yêu cầu công việc như thế làm thế nào có thể lãnh đạo cả CIA lẫn toàn thể cộng đồng tình báo nhỉ?

Yếu tố hạn chế thứ hai đối với vị trí Giám đốc CIA trên phương diện là người đứng đầu cộng đồng tình báo là thứ mơ hồ hơn một chút. Có lập luận cho rằng bất kỳ Giám đốc CIA nào cũng tất yếu nhìn nhận mọi thứ qua lăng kính CIA. Liệu có thể trông mong người đứng đầu cơ quan hoạt động tình báo con người (HUMINT) của đất nước có những quyết định đánh đổi nguồn lực khôn ngoan giữa hoạt động tình báo con người (HUMINT), thứ mà anh ta trực tiếp kiểm soát, và, chẳng hạn, hoạt động tình báo tín hiệu (SIGINT), thứ mà anh ta không kiểm soát? Kinh nghiệm tiếp xúc của tôi với George Tenet cho thấy anh ấy có thể làm việc đó, nhưng câu hỏi này cũng không phải là câu hỏi không công bằng.

Tôi thường tự hỏi Tổng thống Bush thực sự nghĩ gì về việc chuyển sang áp dụng chức danh Giám đốc Tình báo quốc gia. Về mặt chính trị thì ông ấy không có sự lựa chọn nào khác

ngoài ủng hộ việc đó; chống lại Ủy ban 11/9 trong thời gian vận động tranh cử sẽ chẳng khác nào việc thừa nhận thất bại. Và tổng thống dành sự chú ý cá nhân đặc biệt cho việc thực hiện cấu trúc mới này sau khi dự luật được thông qua và chiến dịch vận động tranh cử đã lùi về phía sau ông ấy.

Nhưng cha ông ấy từng là Giám đốc Tình báo Trung ương và dựa vào mối liên hệ của tôi với Tổng thống thứ 41 Bush thì có thể thấy ông ấy rất thích chức danh này. Nhân sự CIA cũng đã đáp lại tình cảm của ông ấy. Trong dịp lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập CIA năm 2007, chúng tôi có buổi tiệc nướng ngoài trời kiểu Texas trên thảm cỏ phía trước Tòa Trụ sở gốc. Khi tôi xuất hiện từ hành lang cùng với Tổng thống thứ 41 Bush, tiếng vỗ tay vang lên tức thời, nồng nhiệt và kéo dài.

Chúng tôi đều biết rằng Tổng thống thứ 41 Bush đã khuyên Tổng thống thứ 43 Bush giữ George Tenet ở vị trí Giám đốc Tình báo Trung ương sau cuộc bầu cử năm 2000. Tổng thống thứ 41 Bush đã đảm nhiệm vị trí này chưa đến một năm dưới thời Tổng thống Ford và ông ấy từng muốn ở lại đó lâu hơn. Ông ấy không nghĩ rằng vị trí công việc đó nhất thiết phải đề cao yếu tố chính trị. Tổng thống mới Carter thất vọng với ông và chọn Stansfield Turner cho vị trí đó.

Tổng thống Mỹ thứ 43 Bush cùng với gia đình tôi ở văn phòng của tôi tại Langley ngay trước nghi thức tuyên thệ nhậm chức của tôi vào tháng 6 năm 2006. Ông ấy tình cờ nói: “VẬY ĐÂY, ĐÂY LÀ VĂN PHÒNG CỦA CHA TÔI”.

Vợ tôi liền hỏi: “Ngài có hay đến thăm ông ấy hỏi ông ấy còn ở đây không?”.

“Không. Hồi đó tôi bị coi là có rất nhiều yếu tố của một mối “nguy hiểm” an ninh quốc gia”, tổng thống ra bộ ngây mặt ra.

Sau đó ông ấy nhìn quanh, hướng tới giá sách đang để trống (tôi còn chưa chuyển đến) và nói thêm: “Người ta nói nhìn vào giá sách của một người có thể biết nhiều điều về người đó”.

Bất kể tổng thống hay cha ông ấy đã cảm thấy như thế nào hay trao đổi điều gì trong những cuộc trò chuyện giữa họ, vào năm 2004, chúng tôi đều biết rằng luật mới sẽ tước quyền kiểm soát trực tiếp CIA khỏi tay người lãnh đạo mới của toàn thể cộng đồng tình báo. Điều đó có nghĩa là hoạt động lập pháp phải đối xử với chức danh mới này một cách *rất* mạnh tay và phải làm điều đó một cách chính thức và cụ thể. Đó chính là điều tôi đã nói với Thượng nghị sĩ Collins và Thượng nghị sĩ Lieberman, những kiến trúc sư chủ chốt của luật này, khi tôi gặp họ vào mùa Hè năm đó. Đó là lý do tại sao Jim Clapper và tôi cảnh báo Ủy ban Tình báo Hạ viện vào cuối mùa Hè rằng một Giám đốc Tình báo quốc gia tước trách thực sự sẽ khiến mọi chuyện trở nên xấu đi.

Jim và tôi đứng phải cùng chủ đề đó trước mặt một nhóm nhân vật cấp cao trong cộng đồng tình báo tại Trang trại sông Wye, bên mạn Bờ Đông bang Maryland. Tại đó chúng tôi thậm chí còn ít gượng gạo hơn, vì đây toàn những người trong nhà với nhau, trong một môi trường lớp học và hoàn toàn không mang yếu tố chính thức. *Đúng vậy.*

Trước khi chúng tôi dùng bữa xong và lên đường đến Bat Bridge (Cầu Vịnh) và trở về nhà, có người trong lớp đã gọi cho trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách tình báo là Steve Cambone, và chuyển tới một báo cáo giống kiểu Stasi* theo quan điểm của chúng tôi.

Việc đó lập tức khiến chúng tôi được mời tới dùng bữa trưa với Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld cùng với cấp phó của ông ấy là Paul Wolfowitz, Tướng Pete Pace (Phó Chủ tịch Hội đồng

* Cơ quan tình báo Đông Đức khét tiếng với khối lượng hồ sơ dày liên quan đến mọi đối tượng, những hồ sơ do người dân thường lập để báo cáo về những người dân thường khác.

Tham mưu trưởng liên quân) và Trợ lý Bộ trưởng Cambone. Clapper và tôi được xếp ngồi thẳng mặt với ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng phía bên kia bàn ăn và được mời trình bày cơ sở lập luận của mình. Việc xếp thẳng mặt này gợi cho tôi nhớ đến chiếc bàn tại Panmunjom (Bàn Môn Điểm), nơi tôi từng thương lượng với đại diện Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên, ngoại trừ việc ở đây chúng tôi có đồ ăn Mêhicô ở giữa bàn chứ không phải những lá quốc kỳ nhỏ.

Rumsfeld hồ hững hơn là tức giận trong suốt bữa ăn. Ông ấy có một số lý do để như vậy. Hai người đứng đầu đương nhiệm của hai cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của ông ấy (tôi là người đứng đầu NSA, còn Jim là NGA) đã và đang đi khắp khu trung tâm thủ đô để vận động tăng cường nội dung lập pháp mà ông ấy và Bộ Quốc phòng phản đối. Chúng tôi nên cho ông ấy biết. Chúng tôi đáng ra nên đến gặp ông ấy trước.

Chắc chắn chúng tôi biết bộ trưởng đứng ở vị trí nào. Brent Scowcroft, nguyên cố vấn an ninh quốc gia, đã đi khắp Washington D.C. vận động thành lập một cấu trúc kiểu như ODNI vào năm 2002 khi ông ấy là người đứng đầu ban cố vấn tình báo của tổng thống. Rumsfeld gọi đây là ý tưởng ngu xuẩn nhất từng có.

Rumsfeld cũng đã gây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với George Tenet; ngay trước khi quay trở lại chính phủ thì ông ấy đã nói rõ rằng ông nghĩ CIA là một đối tác thiết yếu của Bộ Quốc phòng. Ông ấy và Tenet thường cùng nhau giải quyết những vấn đề không thể tránh được giữa họ vào những bữa trưa ngày thứ Sáu. Điều sau cùng Rumsfeld muốn là một dấu thủ nữa tham gia vào tập hợp đó hoặc một cơ chế hoạt động khác để phối hợp làm việc. Ngoài ra, theo suy luận của ông ấy, điều gì mà một Giám đốc Tình báo quốc gia có thể làm thì một Giám đốc Tình báo Trung ương không thể làm *nếu như* tổng thống thực sự muốn một điều gì đó xảy ra?

Suy luận như vậy là đúng, đương nhiên rồi, nhưng thực sự không phù hợp với tình hình. Chúng tôi đang chuẩn bị có một Giám đốc Tình báo quốc gia và nguy cơ thực sự là Quốc hội sẽ tạo ra một nhân vật lãnh đạo cộng đồng tình báo ít quyền lực hơn so với những gì các Giám đốc Tình báo Trung ương trên thực tế đã thể hiện. Chúng tôi nói với Rumsfeld rằng việc này sẽ rất tai hại và cần phải vận động hướng lập pháp quy định một vai trò mạnh mẽ cho Giám đốc Tình báo quốc gia ngay cả đối với những cơ quan thu thập thông tin quốc gia lớn trong Bộ Quốc phòng (Cơ quan An ninh quốc gia - NSA, Cơ quan Tình báo địa không gian quốc gia - NGA) và Cục Trinh sát quốc gia - NRO). Jim thậm chí còn gợi ý về một tương lai khi những cơ quan đó được tách ra khỏi Bộ Quốc phòng và trực tiếp thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc Tình báo quốc gia.

Khi bữa trưa kết thúc và bộ trưởng cùng đội ngũ của ông ấy ra về, và chắc chắn không thỏa mãn với giải thích của chúng tôi, tôi có than vãn rằng chúng tôi có thể bị đẩy tới chỗ thảm họa trừ khi Bộ Quốc phòng có thể thực lòng nhận thấy việc này là “sự rộng lòng”.

Bộ trưởng Rumsfeld rất hiểu tầm quan trọng của hoạt động tình báo. Ông ấy quán triệt rõ quan điểm đó với tôi từ rất sớm, rất lâu trước sự kiện 11/9. Sau khi nhậm chức vào mùa Xuân năm 2001, ông ấy mời tôi tới văn phòng để “làm quen”. Chỉ có hai chúng tôi và ông ấy trong bộ vest kiểu *sweater* đặc trưng ngồi tại một chiếc bàn nhỏ. Tôi có vài mẫu *slide* bằng giấy giới thiệu sơ lược về NSA và công việc của NSA, nhưng không trình bày được gì nhiều lắm. “Ông làm việc cho ai?”, ông ấy lập tức cắt ngang.

“Cho Ngài và George Tenet, thưa ngài Bộ trưởng”.

“Bên nào là chủ yếu và bên nào chỉ mang tính thời vụ?”

Tôi trả lời: “Cả hai đều là chủ yếu và tôi cho rằng việc đó có thể khiến tôi gặp vấn đề nếu ai đó quanh đây chú ý tới chúng ta”.

Tôi tiếp tục giải thích rằng từ “Good” trong câu “Good morning”, Mr. Secretary” hôm đó chính là từ đầu tiên mà tôi từng trao đổi với Bộ trưởng Quốc phòng, mặc dù thực tế là tôi đã ở NSA được hơn hai năm rồi.

Rumsfeld thừa nhận việc đó. Ông ấy chú ý lắng nghe.

Đến năm 2004 thì nước Mỹ đã tham chiến được ba năm và quả là không có gì ngạc nhiên khi đặc tính phòng thủ của NSA, NGA và NRO đã trở nên rõ rệt hơn cùng với sự gia tăng số năm tham chiến, bất chấp thực tế là một phần quan trọng trong sứ mệnh của họ vẫn mang tính quốc gia và chữ cái viết tắt “N” vẫn là “National” (quốc gia).

Rumsfeld không muốn đẩy việc đó tới nguy cơ, vậy nên ông ấy đã phản đối quyết liệt nội dung lập pháp được thiết kế nhằm tăng cường “trung tâm” và trao cho Giám đốc Tình báo quốc gia nhiều thẩm quyền hơn đối với các hoạt động hiện thời và đường hướng tương lai của cộng đồng tình báo.

Các Ủy ban Quân lực trong Quốc hội nhất trí và đã có hành động tảo bạo thay mặt Rumsfeld vào năm 2003 khi tạo ra chức danh trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách hoạt động tình báo. Chức danh mới này - thực chất là một quan chức cấp cao của Bộ Quốc phòng *đứng giữa* người đứng đầu cộng đồng tình báo của nước này (khi đó là Giám đốc Tình báo Trung ương, còn giờ đây là Giám đốc Tình báo quốc gia) và một vài trong số những cơ quan thu thập thông tin lớn của ông ấy - được George Tenet miễn cưỡng công nhận nhưng có vẻ như nó được các Ủy ban Quân lực của Quốc hội đưa vào Dự luật Ủy quyền Quốc phòng mà không có sự tham gia của Ủy ban Tình báo của cả hai viện. George bực bực với tôi vào thời điểm đó rằng anh ấy nghĩ mọi chuyện chẳng qua cũng chỉ xoay quanh yếu tố “kiểm soát”.

Vậy nên chẳng có gì ngạc nhiên khi Đạo luật Cải cách tình báo năm 2004 bị “rút ruột” trong quá trình tìm đường vượt qua Quốc hội. Duncan Hunter, Chủ tịch Ủy ban Quân lực Hạ viện,

đã đưa vấn đề ngôn ngữ vào Mục 1018 của dự luật nội dung quy định rằng không điều gì ở đây có thể loại bỏ những đặc quyền và thẩm quyền của các bộ trưởng nội các. Đọc nội dung này thì có thể hiểu là Bộ trưởng Quốc phòng là người có thẩm quyền cao nhất đối với bốn tổ chức lớn nhất trong làng tình báo Mỹ: NSA, NSA, NRO và Cục Quân báo (DIA).

Chuyện này sớm muộn gì cũng phải đến, chúng tôi đang sắp sửa tổ chức lại, nhưng vị trí của ông ở trung tâm có thể sẽ phải chấp nhận ít quyền lực hơn so với George Tenet vào cuối nhiệm kỳ của anh ấy.

Ông này hẳn phải có một sự lựa chọn rất khó khăn, lúc đó tôi trầm ngâm suy nghĩ. Chỉ ít, khi tổng thống rút cuộc cũng bước ra để giới thiệu chức danh Giám đốc Tình báo quốc gia mới, đừng để phần lớn nước Mỹ hỏi câu: “Cái ông đứng với George Bush là ai ấy nhỉ?”.

Nhiều người Mỹ đáng lẽ phải nhận ra John Negroponte khi Tổng thống Bush giới thiệu ông ấy vào trung tuần tháng 02 năm 2005. Negroponte là một công chức ngoại giao chuyên nghiệp đáng kính với những công việc đảm nhiệm vừa qua tại Iraq và Liên hợp quốc. Ông ấy không biết nhiều về lĩnh vực tình báo ngoại trừ việc đây là một “người tiêu dùng”, nhưng ông ấy khôn khéo về chính trị và sắc sảo về ngoại giao. Phong cách trầm lặng và tính cách nhún nhường của ông ấy chính xác là điều được cần đến. Ông ấy cũng đưa sự lịch thiệp ngoại giao vào công việc. Phản ứng từ giới chuyên gia tình báo và Điện Capitol nhìn chung là tích cực.

Luật này trao cho Giám đốc Tình báo quốc gia một cấp phó thường trực do Thượng viện phê chuẩn - chức danh Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia (PDDNI) - và khuyến nghị rằng hoặc Giám đốc Tình báo quốc gia hoặc cấp phó của ông ấy cần phải là người có kinh nghiệm quân sự. Tôi phù hợp với yêu cầu này và được công bố tại cùng cuộc họp báo giới thiệu Negroponte.

Bài tường thuật của tờ *New York Times* về sự kiện này, trong đó có một câu về tôi, cho rằng việc chọn tôi - sau khi đã ở NSA từ năm 1999 - phản ánh rõ “tính nghiêm túc” trong quan điểm của Tổng thống Bush về ODNI mới được thành lập.

Tôi cảm thấy rất vinh dự được lựa chọn. Tôi đã ở Fort Meade được sáu năm, khi đó là nhiệm kỳ dài nhất trong lịch sử NSA. Tôi đã sẵn sàng cho một sự thay đổi. Porter Goss từng ước muốn ý kiến muốn tôi làm “số hai” cho ông ấy tại CIA, nhưng tôi không hề muốn đánh đổi vị trí giám đốc tại cơ quan tình báo lớn nhất đất nước lấy một vị trí phó ở đâu đó, kể cả là tại CIA. Vị trí cấp phó cho Giám đốc Tình báo quốc gia thì lại khác. Nó có nghĩa tôi sẽ trở thành tướng bốn sao, nhưng cũng là một thách thức to lớn, vì chúng tôi đang phải chịu nhiều yếu tố bất lợi nằm ngoài khả năng kiểm soát khi cố xây dựng một cấu trúc mà tôi coi là một chức năng khiếm khuyết trầm trọng.

Trước việc này thì tôi chỉ biết Negroponte qua danh tiếng của ông ấy. Chúng tôi đã giải quyết vấn đề này. Ông ấy rộng lòng với tôi tới mức hơi thái quá. Chúng tôi đã trở thành bạn tốt của nhau.

Điều đó thật tốt. Dù không có trách nhiệm quản lý CIA, luật trao cho Giám đốc Tình báo quốc gia hai nhiệm vụ lớn: làm cố vấn tình báo cấp cao cho tổng thống và bảo đảm hoạt động trơn tru cho toàn thể cộng đồng tình báo. Mỗi nhiệm vụ đã là thứ gì đó vô cùng đồ sộ. Gộp lại với nhau thì chúng là thứ gì đó nằm ngoài khả năng quản lý hiệu quả của một con người. Cuộc tường trình buổi sáng và những cuộc họp chính sách khác có thể dễ dàng làm ngập đầu Giám đốc Tình báo quốc gia, vậy là ông Phó Giám đốc thường trực phải đóng vai người định kỳ kiểm tra tình trạng bên trong đường ống.

Tôi thích việc đó. Tôi sẽ đi dạo quanh các khu làm việc của ODNI mới, bước vào một phòng và hỏi: “VẬY các vị làm gì ở quanh đây?” Rồi tôi nhận được những câu trả lời thú vị.

Tôi cũng có thể yêu cầu lãnh đạo các phòng ban thú nhận và cho lời khuyên khi có sự căng thẳng với các mối quan hệ mới và chưa được kiểm chứng.

Negroponte và tôi may mắn có được một đội ngũ nhân viên cấp cao rất mạnh. Những người giỏi giang đã có hứng thú với đề án mới này. Chánh Văn phòng ODNI David Shedd, một nhân viên tình báo chuyên nghiệp đã góp phần định hình lập trường của chính quyền đương nhiệm đối với nội dung luật cải cách tình báo trong thời gian ở Hội đồng An ninh quốc gia (NSC). David từng công tác ở Mêhicô cùng Negroponte; về sau ông ấy trở thành Phó Giám đốc, rồi là Quyền Giám đốc DIA. Cấp phó của ông ấy là Mike Leiter, một nhân vật kỳ cựu đến từ ủy ban đã thẩm tra nội dung “thất bại hoàn toàn” nêu trong bản Đánh giá Tình báo quốc gia về Irắc và về sau là Giám đốc Trung tâm Chống khủng bố quốc gia (NCTC). Người phụ trách bộ phận hành chính là Pat Kennedy, một nhân viên sự nghiệp đến từ Bộ Ngoại giao, người từng giữ vị trí tương tự ở Irắc dưới trướng Negroponte; Kennedy về sau trở thành Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao đặc trách quản lý hành chính, một vị trí công tác mà ông ấy đã nắm giữ trong hai đời tổng thống. Phó Giám đốc Tình báo quốc gia đặc trách phân tích là Tom Fingar, nguyên Giám đốc Cục Tình báo và Nghiên cứu của Bộ Ngoại giao. Thiếu tướng Ron Burgess, về sau là Giám đốc Cục Quân báo (DIA), phụ trách bộ phận quan hệ khách hàng của chúng tôi. Lãnh đạo bộ phận thu thập thông tin là Mary Margaret Graham, một nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên chuyên nghiệp đến từ CIA.

Đây là một nhóm đầy quyền lực và tất cả chúng tôi đều sử dụng mối quan hệ của mình để thu hút những người tài giỏi vào các vị trí chủ chốt ở các mảng nguồn nhân lực, nghiên cứu...

Negroponte cũng kéo về một đội ngũ nhân sự trẻ tuổi từng làm việc cho ông ấy ở Baghdad. Một hôm, nhìn vào đội ngũ trẻ này, tôi nói với Larry Pfeiffer, Chánh Văn phòng đầy tài năng

của tôi: “Ngoài việc chăm lo cho tôi, anh có bảo đảm những đứa trẻ này không phá hỏng thứ gì không?” Hóa ra họ đều là những con người tài năng, trung thành và làm việc chăm chỉ đến mức khó tin.

Nhưng chúng tôi đã mắc sai lầm khi bố trí phần còn lại của đội ngũ nhân sự. Chúng tôi đã quá vội vàng và bê toàn bộ Ban Quản lý Cộng đồng cũ của Giám đốc Tình báo Trung ương sang ODNI. Đó là ban quản lý nhỏ mà George Tenet đã sử dụng trong vai trò quản trị cộng đồng tình báo của anh ấy. Đội ngũ này có những nhân vật tài năng thực sự, nhưng người ở đó đã được huấn luyện để quen với cấu trúc cũ là hành động như những điều phối viên, thậm chí như những người nài xin đối với ba cơ quan lớn có ba chữ cái viết tắt trong cộng đồng tình báo. Chúng tôi sẽ không thể tìm thấy nhiều lực tạo đột phá ở đó. Chúng tôi đã nhập khẩu thứ văn hóa bảo thủ vào một thời điểm mà đáng ra có thể được hưởng lợi từ việc quyết liệt tiến hành thay máu nhân sự. Một lỗi tự mắc.

Còn một lỗi tự mắc trong vấn đề nhân sự nữa: Tôi là Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia chỉ trong mười ba tháng trước khi chuyển sang CIA. Vị trí này bị bỏ trống trong mười tháng sau khi tôi rời khỏi đó, và quả thực, cho đến thời điểm Stephanie O’Sullivan, một nhân viên CIA chuyên nghiệp, được phê chuẩn bổ nhiệm vào đầu năm 2011, vị trí này đã bị bỏ trống trong phân nửa thời gian sáu năm trước đó.

Sai lầm tệ hại. Dù cho có thời gian đi chăng nữa thì John Negroponte cũng không có điều kiện cơ sở để đảm trách nhiều trong số những nhiệm vụ nội bộ mà ông ấy đã ủy thác cho cấp phó của mình.

Và có rất nhiều việc cần phải làm. Thực chất là chúng tôi đang quản lý một đơn vị khởi nghiệp. Chúng tôi thậm chí còn không có một biểu đồ tổ chức, ít ra là cho đến khi chúng tôi bắt đầu dán giấy gói hàng vào các bức tường của một văn phòng

tạm thời trong Tòa nhà văn phòng hành pháp cũ và đánh dấu lên đó những phương án lựa chọn. Chúng tôi phải quyết định chọn loại màu xanh thích hợp trong bảng màu xanh cho biển hiệu của Giám đốc Tình báo quốc gia và nên có bao nhiêu ngôi sao ở phần vành ngoài. Điều quan trọng hơn là phải tranh luận xem chúng tôi muốn trụ sở ODNI cố định ở đâu và liệu chúng tôi có chấp nhận được việc có một con sông nằm giữa chúng tôi và Nhà Trắng hay không.

Trước đó tôi đã xây dựng một danh sách những điều hệ trọng mà chúng tôi cần cố gắng hoàn thiện trong năm đầu tiên hoạt động. Tôi muốn mọi người nhận thấy là có một cảnh sát trưởng mới trong thị trấn. Có thể nhiều lúc tôi còn nghĩ đến lý do biện minh của Voltaire cho việc giết một đô đốc: “*Pour encourager les autres*” [Để khích lệ những người khác]. Danh sách của tôi bao gồm: 1) kết liễu một chương trình, ở nơi nào đó, ở bất kỳ nơi nào; 2) chuyển một khoản tiền từ một tài khoản sang một tài khoản khác - không cần phải là nhiều tiền; 3) đặt nghi vấn (nhưng không nhất thiết là bác bỏ) một sự lựa chọn nhân sự của Lầu Năm Góc. Đó chắc chắn là những mục tiêu dàn trải nếu xét theo ngôn ngữ của luật, nhưng tôi đang cố tạo lực đòn bẩy cho mức ủng hộ ít ỏi mà chúng tôi có được lúc bắt đầu khởi sự. Negroponte vẫn luôn là một nhà ngoại giao và thậm chí còn nói: “Tôi hiểu ông, Mike, nhưng tôi không phải ở đây để rước về rắc rối”.

Trong năm hoạt động đầu tiên đó chúng tôi đúng là cũng kết liễu được một thành tố trong một chương trình vệ tinh có tên gọi FIA (Cấu trúc hình ảnh tương lai). Nhưng chẳng mấy ai nhận ra việc này; dấu sao đây cũng là chương trình mang đến nhiều phiền toái. Thực chất là chúng tôi nhắm bắn con bị thương và tụt lại phía sau trong đàn.

Còn có những cái được khác. Một trong số đó là việc lập ra Phân ban An ninh quốc gia trong FBI và giúp FBI thiết lập một phân ngành tình báo và phân ban tình báo. Sự kiện 11/9 đã cho

thấy sự cần thiết của việc này và Quốc hội đã ủy thác xây dựng hoạt động tình báo trong nước trong nội dung lập pháp năm 2004, nhưng hoạt động tình báo ở Mỹ chưa bao giờ là việc dễ dàng. Thực vậy, các chế độ dân chủ nói tiếng Anh khác đều có các cơ quan tình báo trong nước - MI5 ở Anh; CSIS ở Canada; ASIS ở Ôxtrâyliia; NZSIS ở Niu Dilân - nhưng văn hóa của chúng ta lại khác và chưa có ai trong số những người bạn của chúng ta từng đặt cơ quan tình báo của họ bên trong một lực lượng cảnh sát liên bang.

Việc này rất khó vào năm 2005. Đến giờ đó vẫn là việc khó. Chúng tôi muốn các đặc vụ FBI thu thập thông tin trong giai đoạn khoảng cách giữa các vụ việc và việc xây dựng dữ liệu không có thuộc tính hình sự, nhưng phải đến những tháng cuối cùng của chính quyền Bush thì Bộ trưởng Tư pháp mới ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình này.

Việc bàn giao công tác Tường trình công việc hằng ngày cho tổng thống của DNI diễn ra suôn sẻ. Negroponte rất giỏi việc này và chúng tôi có sự giúp sức của cộng đồng vượt ra ngoài phạm vi CIA để xây dựng nội dung bản PDB. CIA vẫn đảm trách đa phần công việc, nhưng những đơn vị khác cũng có những đóng góp đáng kể.

Đây là một tiến bộ, nhưng CIA là vấn đề tái phát và đang ngốn đi của chúng tôi ngày một nhiều thời gian. Dù có thiện chí hoàn toàn thì việc căn chỉnh mối quan hệ mới mẻ giữa ODNI và CIA là yêu cầu rất khó khăn. Luật đặt ODNI ở vị trí trung tâm của cộng đồng tình báo Mỹ. Lịch sử, truyền thống và nhiều hoạt động hiện tại thì vẫn đặt CIA ở trung tâm và văn hóa tập thể của CIA rất *không* muốn thừa nhận điều gì đó khác.

Porter Goss từng là Giám đốc Tình báo Trung ương, người đứng đầu cộng đồng tình báo, trong bảy tháng trước khi bị “giáng chức”. Khi ông ấy xuất hiện trong một hội nghị trực tuyến mà tôi đang tham gia cùng một số lãnh đạo cơ quan, sau đó tôi lặng lẽ

gọi cho ông ấy và đề nghị ông ấy cử cấp phó của mình tham dự các buổi họp về sau. Việc này khiến tôi thực sự không thoải mái và không cần phải khơi lại nữa.

Còn có những vấn đề khác. Một số nhân vật tại CIA đang thực hiện một hành động đánh tập hậu “chơi bẩn”, từ chối các hàng hóa, dịch vụ và hoạt động vận chuyển của ODNI trong khi cố gắng hủy bỏ các chỉ thị của Giám đốc Tình báo quốc gia. Việc đó thuần túy là cơn hờn dỗi của đứa trẻ bốn tuổi. Nó khiến chúng tôi tự hỏi liệu có ai tại Langley đọc nội dung luật này chưa. Negroponte và Goss là những người học cùng lớp với nhau tại Đại học Yale và họ xử trí việc này bằng mọi khả năng có thể.

Tôi phải giải quyết vấn đề với đội ngũ nhân viên CIA và cuối cùng đã yêu cầu đích thân đến Langley để nói chuyện với ban lãnh đạo cấp cao. Cuộc họp kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Tôi biết hầu hết những người có mặt trong phòng. Họ gắt gỏng, mệt mỏi và có phần mất nhuệ khí.

Tôi lắng nghe ý kiến quan ngại của họ và giải thích một cách rõ ràng nhất cách chúng tôi thực hiện việc này. Sử dụng các thuật ngữ quân sự, tôi giải thích rằng CIA và ODNI đang ở trên cùng hoặc gần như cùng một “lưới tọa độ”. Cách duy nhất để không rơi vào tình trạng “quân ta giết quân mình” là phải phân tách độ cao. ODNI sẽ hoạt động ở độ cao lớn hơn: lập chính sách, chỉ đạo tổng thể và xử lý tránh xung đột. CIA sẽ hoạt động ở độ cao thấp hơn: điều vận, thực hiện và hành động. Việc đó dường như có tác dụng. Nhưng họ vẫn chưa hết gắt gỏng.

CIA cũng đang có những vấn đề nội bộ. Vào tháng 9 năm 2005, khi tất cả chúng tôi đều phải vật lộn với cuộc điều chỉnh lớn này, nhân vật đứng thứ hai trong Ban Điều hành của CIA từ chức một cách rất ôn ào và đường đột. Rob Richer nguyên là dân thủy quân lục chiến, một con người ương ngạnh và thẳng tính, đã phục vụ tại CIA được ba mươi lăm năm, là một nhân viên phụ trách mạng lưới điệp viên đáng kính,

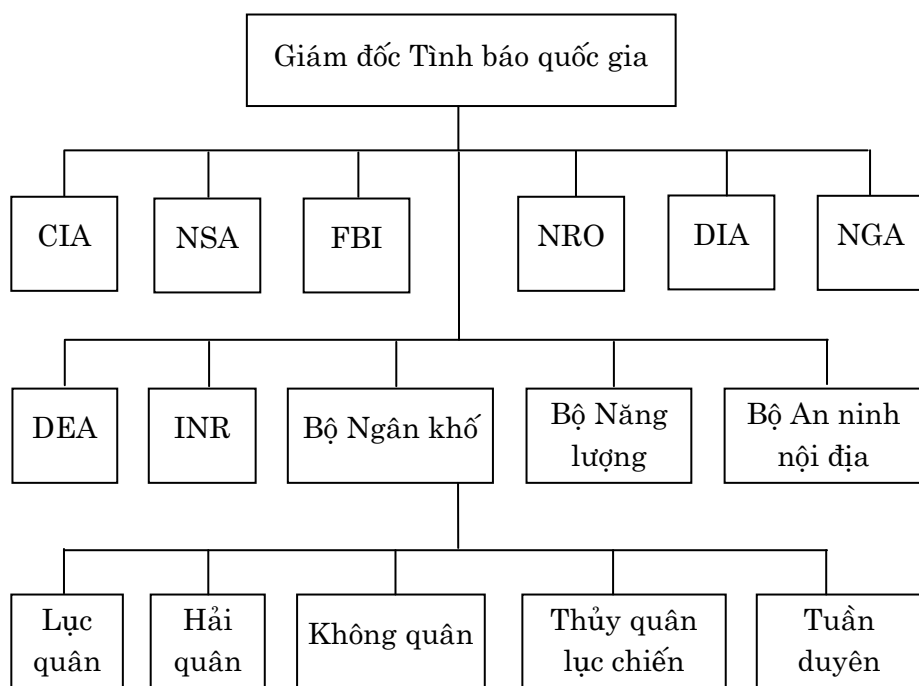
người đã không hề ngại ngần khi nói với các đồng nghiệp (để sau đó họ kể lại với báo chí) rằng ông ấy đi khỏi đó vì đã mất hết niềm tin vào ban lãnh đạo CIA. Và đây là việc đáng chú ý hơn nhiều so với việc những nhân vật số một và số hai của Ban Điều hành xin thôi việc trong những hoàn cảnh tương tự chưa đầy một năm trước đó.

Rất nhiều bánh xe đang long ra khỏi trục giữa lúc đang diễn ra một cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, hai cuộc nổi dậy, còn chúng tôi thì vẫn đang loay hoay ổn định cơ chế hoạt động.

Khi bài tường thuật về Richer được báo chí đăng tải, tôi lập tức sử dụng đường dây bảo mật và gọi cho Jose Rodriguez, Giám đốc Sở Mật vụ quốc gia (NCS) và là sếp của Richer. Jose leo lên vị trí đó từ Giám đốc Trung tâm Chống khủng bố của CIA, nơi ông ấy có thời gian làm việc rất đáng nể. Ông ấy từng là nhân viên sự nghiệp đặc trách vấn đề Mỹ Latinh và biến kinh nghiệm làm việc với những chế độ hư hỏng trong những môi trường pháp lý u ám của mình thành công cụ hiệu quả tại CTC. Rất nhiều ngôi sao trong hoạt động chống khủng bố của chúng tôi đến từ các bộ phận đặc trách Mỹ Latinh hay châu Phi.

Tôi mở lời: “Jose này, ông không nghĩ về việc có quyết định để đòi nào vào hôm nay, đúng không?” Ông ấy cam đoan là không. Tốt, vì chúng tôi đã và đang phải chịu tình trạng chảy máu tài năng rồi.

CIA là vấn đề ngày một lớn, nhưng trên thực tế tôi cũng đang có những sai lầm nhất định trong vấn đề này. Khi tôi giải thích về cộng đồng tình báo Mỹ lần đầu với John Negroponte, tôi chia mười sáu cơ quan thành ba tầng. Năm cơ quan nằm ở tầng dưới cùng, nỗ lực hoạt động tình báo của các cơ quan quân sự và Tuần duyên Mỹ (USCG), không cần phải chú ý nhiều, vì họ thuộc phòng ban tương đối rõ ràng. Tôi nói với ông ấy bằng thái độ đùa cợt: “Cứ mời họ đến dự tiệc Giáng sinh. Họ sẽ vui lắm đấy”.



Đây là mã của một số cái tên chưa rõ: DIA = Cục Quân báo, NRO = Cục Trinh sát quốc gia; NGA = Cơ quan Tình báo địa không gian quốc gia; DEA = Cơ quan Phòng chống ma túy, INR = Cục Tình báo và nghiên cứu - Bộ Ngoại giao.

Tầng thứ hai thì lại khác. Đó đều là các đơn vị nhỏ, nhưng có thể làm cho ông ấy những việc không ai có thể làm, chẳng hạn như năng lực phân tích sâu sắc, thấu đáo của Cục Tình báo và nghiên cứu - Bộ Ngoại giao hay kiến thức chuyên môn hạt nhân vô song của Bộ Năng lượng. Những kỹ năng tình báo con người của Cơ quan Phòng chống ma túy không hề xếp sau ai cả, và đang có mối liên hệ ngày một tăng giữa ma túy và các mục tiêu tình báo khác. Bộ An ninh nội địa (DHS) vẫn đang loay hoay định nghĩa, chứ chưa nói gì là làm chủ hoạt động tình báo an ninh nội địa, nhưng họ đang ngồi trên cả một kho thông tin quan trọng đến từ các hoạt động nhập cư, hải quan, tuần biên và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của DHS mà có thể

có giá trị thông tin tình báo rất lớn. Bộ phận tình báo của Bộ Ngân khố là cửa ngõ tiếp cận loại vũ khí dẫn đường chính xác của thế kỷ XXI: chế tài có trọng điểm.

Tôi nói: “Những đơn vị này không đòi hỏi ông dành quá nhiều thời gian, nhưng hãy chú ý đến họ”.

Sau đó tôi nói với Negroponte rằng tầng trên cùng bao gồm sáu cơ quan lớn được xác định theo trọng tâm nhiệm vụ thu thập thông tin tình báo: CIA (tình báo con người), NSA (tình báo tín hiệu), NRO (thu thập thông tin không gian), FBI (tình báo trong nước), NGA (thông tin hình ảnh) và DIA (tình báo quân sự).

Tôi hô hào: “Hiểu biết đúng về sáu ông này thì mọi thứ sẽ đầu vào đây. Hiểu không đúng về họ là mọi chuyện sẽ không đầu vào đâu ngay”.

Với ngôn ngữ trong nội dung lập pháp mới, tôi cho rằng CIA, khi không tính các nhiệm vụ cộng đồng, là đơn vị nằm cùng hàng với năm đơn vị kia. Tôi đã sai. Trong vòng sáu tháng sau khi đảm nhận cương vị Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia, tôi nhận thấy rõ rằng CIA vẫn là thứ gì đó riêng biệt, đặc biệt và trung tâm.

Chỉ CIA mới có thể tiến hành hành động ngầm và họ có khả năng thu thập thông tin con người nhạy cảm nhất. Họ có một đội ngũ chuyên gia phân tích không phục vụ trực tiếp cho một vị bộ trưởng nội các nào. Họ cũng có đội ngũ chuyên gia phân tích đa nguồn lớn nhất trong chính phủ cho đến nay. Lãnh đạo các bộ phận cơ sở [trạm hoạt động] của CIA bảo đảm sự hiện diện của chúng ta trong mọi cơ quan tình báo trên thế giới.

Sự thành bại của CIA có ảnh hưởng đến toàn thể hơn là bất kỳ kết quả hoạt động của tổ chức nào khác. Nhìn nhận đúng về CIA, tôi bắt đầu nghĩ, thì mọi việc sẽ ổn thỏa. Nhìn nhận không đúng về họ là mọi thứ sẽ chẳng đâu ra đâu. Quá quan trọng, không thể không hiểu họ được, tôi kết luận.

Và đó là những tháng trước khi tôi có bất kỳ ý niệm mơ hồ nào rằng nơi dừng chân tiếp theo của tôi sẽ là Langley.

Thực tế thì dường như luật thừa nhận mối quan hệ quan trọng nhất trong cộng đồng tình báo là mối quan hệ giữa Giám đốc Tình báo quốc gia và Giám đốc CIA. Trên thực tế, mối quan hệ này quan trọng đến mức luật yêu cầu Giám đốc Tình báo quốc gia tiến cử Giám đốc CIA lên tổng thống, chức danh lãnh đạo cơ quan *duy nhất* được xác định theo cách này.

Tuy nhiên, trong lịch sử chức danh Giám đốc Tình báo quốc gia chỉ có duy nhất một Giám đốc CIA từng được một Giám đốc Tình báo quốc gia đương nhiệm chỉ định. John Negroponte thực ra có gợi ý tôi với Tổng thống Bush, nhưng khi đó tôi đang làm Giám đốc CIA dưới trướng vị đại sứ này chỉ khoảng sáu tháng trước khi ông ấy chuyển sang công việc mơ ước - Thứ trưởng Ngoại giao. Năm 2008, Giám đốc Tình báo quốc gia được chỉ định Denny Blair hầu như không có vai trò gì trong việc chọn Leon Panetta vào chức danh Giám đốc CIA của chính quyền mới. Và việc bổ nhiệm John Brennan là sản phẩm của những thủ đoạn vận động trong Nhà Trắng. Và mối quan hệ cá nhân của John Brennan với tổng thống bảo đảm rằng ông ấy sẽ được tiến cử tới Jim Clapper để thay thế vị trí của Petraeus nếu Brennan muốn vị trí đó (Brennan rất muốn ngồi vào vị trí đó).

Triển khai thực hiện cấu trúc ODNI sẽ luôn là việc khó khăn, nhưng những bước đi như thế này rõ ràng khiến việc này trở nên khó khăn hơn mức đáng lý phải như vậy.

Các sự kiện bên ngoài cũng chẳng giúp gì nhiều cho chúng tôi. Lồng vào trong 14 tháng đầu tiên triển khai cấu trúc mới là ba trong số những vụ rò rỉ ồn ào nhất trong lịch sử tình báo Mỹ. Vào tháng 11 năm 2005, Dana Priest bắt đầu cuộc chinh phục giải Pulitzer bằng một loạt bài viết phơi bày chương trình giám giữ và thẩm vấn của CIA, được gán cho cái tên khét tiếng “những địa điểm đen”. Sau đó hơn một tháng một chút,

tờ *New York Times* trình làng một thứ đoạt giải Pulitzer nữa, đó là bài tường thuật của Eric Lichtblau và James Risen về chương trình Stellarwind của NSA. Đến tháng 6 năm tiếp theo, ba tờ nhật báo quốc gia đăng tải thông tin cho hay tình báo Mỹ đã và đang khai thác cơ sở dữ liệu giao dịch tài chính quốc tế có tên gọi SWIFT để xác định hoạt động chuyển tiền khủng bố.

Đây đều là những câu chuyện tày đình và chúng ngốn rất nhiều sức lực và sự chú ý của ban lãnh đạo Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia mới dẫu cho cấu trúc này vẫn đang trong quá trình xây dựng. Đó là tin xấu.

Tin tốt lành là tổng thống đang hướng tới vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia mới được tạo ra để giải quyết những khủng hoảng này. Negroponte hiển nhiên là người thích hợp cho phương án ứng phó của chính quyền đương nhiệm và ông ấy có quyền tiếp cận toàn phần với tổng thống trong quá trình hoạch định phương án phía trước. George Bush đã đọc nội dung luật mới.

Dẫu vậy, vẫn còn đó những vấn đề chưa được giải quyết liên quan đến thẩm quyền của Giám đốc Tình báo quốc gia, và số lượng các vấn đề này giảm mạnh vào tháng 01 năm 2008 khi đội ngũ nhân viên NSC đề nghị cập nhật và sửa đổi nội dung Sắc lệnh hành pháp 12333 nhằm tăng cường thẩm quyền của Giám đốc Tình báo quốc gia. Sắc lệnh hành pháp 12333 là một văn kiện của chính quyền Reagan quy định chung về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và giới hạn của hoạt động tình báo Mỹ. Đương nhiên văn kiện này không phản ánh nội dung luật mới hay thậm chí là sự tồn tại của chức danh Giám đốc Tình báo quốc gia.

Nhà Trắng đang đánh cược rằng mối quan hệ hữu nghị giữa các đầu thủ chủ chốt - Bộ trưởng Quốc phòng Gates, Giám đốc Tình báo quốc gia McConnell, Jim Clapper (giờ là lãnh đạo

tình báo quốc phòng) và tôi - sẽ vượt qua được những lợi ích quan liêu thâm căn cố đế.

Chúng tôi đã cố gắng. Nhưng đôi khi chỉ thiện chí thôi chưa đủ. Có rất nhiều vấn đề liên quan đến việc soạn thảo lại Sắc lệnh hành pháp 12333, nhưng vấn đề then chốt là quyền phủ quyết thực chất dành cho Bộ trưởng Quốc phòng (và vì vậy cũng dành cho mọi quan chức nội các có yếu tố thuộc cộng đồng tình báo trong bộ của mình) được xây dựng trong Mục 1018 của Đạo luật Cải cách tình báo năm 2004. Bản thân Mục 1018 dường như cũng tạo hướng mở cho việc hạn chế tác động của nội dung quy định khi yêu cầu cụ thể tổng thống ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện. Việc đó chưa bao giờ được thực hiện và việc soạn thảo lại Sắc lệnh hành pháp 12333 là cơ hội hoàn hảo để sửa chữa điều đó. Bản dự thảo đầu tiên của Sắc lệnh hành pháp mới mà Giám đốc Tình báo quốc gia McConnell mạnh dạn đề xuất tuyên bố rằng, khi thực thi trách nhiệm theo Sắc lệnh hành pháp hoặc theo luật định, Giám đốc Tình báo quốc gia *được cho là không* bãi bỏ những thẩm quyền của người đứng đầu các bộ ngành khác nhau. Việc đó sẽ đẩy những vấn đề khó khăn về phía Giám đốc Tình báo quốc gia. Các quan chức nội các sẽ là những người kháng nghị lên Nhà Trắng nếu như Giám đốc Tình báo quốc gia quyết định hành động mạnh dạn (và không có sự đồng thuận).

Tôi mạnh mẽ ủng hộ yêu cầu này vì nó nhất quán với ý định nguyên gốc của luật: tăng cường thẩm quyền cho vị trí lãnh đạo cộng đồng tình báo. Dẫu vậy, trên cương vị Giám đốc CIA, tôi không hoàn toàn có tư tưởng vị tha, vì chúng tôi [CIA] là cơ quan duy nhất không “được bảo vệ” bằng những đặc quyền dành cho một quan chức nội các, và nếu không có nội dung “được cho là” nói trên, Giám đốc Tình báo quốc gia và nhất là đội ngũ nhân viên của ông ta sẽ tập trung ngày một nhiều vào CIA vì lý do tệ hại nhất trong số những lý do: bởi vì họ có quyền làm thế.

Và nội dung này cần được đặt trong một văn bản luật được thiết kế nhằm làm suy yếu thẩm quyền giám sát trực tiếp của Giám đốc Tình báo quốc gia đối với Langley [CIA] trong khi tăng cường thẩm quyền này đối với mọi đơn vị khác.

Tôi vận động quyết liệt, nhưng (ngoại trừ McConnell) hầu như không nhận được sự tán đồng. Suy cho cùng, căn phòng này chặt kín những quan chức nội các.

Bản dự thảo cuối cùng của Sắc lệnh hành pháp tinh chỉnh lại một số khía cạnh trong thẩm quyền của Giám đốc Tình báo quốc gia, nhưng không phải về vấn đề then chốt này. Nó nhấn mạnh yêu cầu rằng, khi thực thi trách nhiệm theo Sắc lệnh hành pháp hoặc theo luật định, Giám đốc Tình báo quốc gia *cần tôn trọng và không bãi bỏ* những thẩm quyền của người đứng đầu các bộ ngành khác nhau. Tác động của Mục 1018 đã không hề được mềm hóa; thậm chí nó còn bị cứng hóa.

Ở cấp độ thấp hơn Sắc lệnh hành pháp có rất nhiều vấn đề khác vẫn tiếp tục manh nha xuất hiện. Một trong số đó vượt ra ngoài phạm vi của sự tầm thường. Đó là sự ngu xuẩn. Nhưng đôi khi ở Washington, chỉ có thông qua những loại vấn đề này mới có thể hình thành được chiến tuyến.

Trước đó, khi đang làm cấp phó cho Negroponte, tôi đã yêu cầu nhân viên soạn thảo một thông điệp có nội dung là người đứng đầu các trạm thường trú của CIA trên khắp thế giới cũng sẽ đóng vai trò là đại diện cá nhân của Giám đốc Tình báo quốc gia tại cơ quan tình báo ở nước sở tại. Nội dung này hầu như không có gì khác hơn là một động thái đánh dấu sự thay đổi nhằm bảo đảm cơ chế đại diện ở nước ngoài của chúng ta phù hợp với cấu trúc mới của chúng ta (trưởng trạm thường trú đã từng là đại diện của Giám đốc Tình báo Trung ương).

Cú nắc đầu tiên là việc CIA thách thức khả năng làm việc đó của chúng tôi. Sau đó là các ý kiến phản nản tuôn ra từ những cơ quan lớn khác. Còn chúng tôi thì sao? Tại sao đại diện

của chúng tôi tại thủ đô của một ngoại quốc mà chúng tôi có quan hệ đặc biệt tốt đẹp lại không được làm đại diện cho Giám đốc Tình báo quốc gia?

Thẳng thừng mà nói, không có nhiều nơi hội đủ điều kiện để chứng minh điều đó là đúng, và ngay cả khi đó trưởng trạm thường trú của CIA vẫn luôn là cố vấn tình báo cấp cao cho đại sứ Mỹ tại nước sở tại. Tại sao lại cứ nhăm lẩn giữa bản thân chúng ta và đồng minh của chúng ta thế nhỉ?

Bên cạnh đó, chính văn bản luật tạo ra chức danh Giám đốc Tình báo quốc gia cũng đã quy định quan hệ tình báo nước ngoài là lãnh địa riêng của CIA. Khi luật này còn đang trong quá trình tranh luận, quyền Giám đốc Tình báo Trung ương McLaughlin đã xoay sở để thuyết phục Điện Capitol thừa nhận rằng Giám đốc CIA (không phải Giám đốc Tình báo quốc gia) sẽ là người “điều hợp mối quan hệ giữa các yếu tố của cộng đồng tình báo Mỹ với cơ quan tình báo hoặc cơ quan an ninh của các chính phủ nước ngoài”.

Henry Kissinger thường được nhắc tới với ý kiến nhận xét: “Chính trị ở phương diện lý thuyết là thứ xấu xa chính bởi những được - mất quá nhỏ nhoi”. Điều này có thể áp dụng cho cộng đồng tình báo, khi mà việc đại diện cho Giám đốc Tình báo quốc gia trở thành vấn đề hệ trọng đối với nhiều người, nhất là đối với CIA.

Đây là kiểu vấn đề không bao giờ cần phải đưa ra để tranh cãi. Về lý thuyết, ai có thể đặt nghi vấn quyền của Giám đốc Tình báo quốc gia chỉ định người đại diện cho mình, ngay cả khi một vài người trong số đó không phải là người của CIA? Negroponte và tôi không xử trí theo cách đó, nhưng không phải vì chúng tôi không có quyền hành làm việc đó.

Vì những lý do đã nêu trên mà tôi nghĩ rằng, *trên thực tế*, đây sẽ luôn là một ý tưởng tệ, nhưng số trường hợp mà trong đó quan điểm trái ngược thậm chí cũng gây tranh cãi thì lại *quá ít*

đến nỗi nếu như chúng có thể trở thành một vấn đề đi chẳng nữa thì vấn đề đó có thể được giải quyết một cách rất ráo trong những cuộc trao đổi khê khàng qua điện thoại với các đại sứ và lãnh đạo cơ quan chịu ảnh hưởng.

Chính thức đưa quyền này vào luật sẽ khuấy động rất nhiều “hồn ma”, nhất là tại một CIA đang cảm thấy vị thế truyền thống của mình bị đe dọa bởi mọi khía cạnh của Đạo luật Cải cách tình báo. Ngay cả Steve Kappes, cấp phó của tôi, người đặc chất CIA nhưng cũng đặc biệt thấu đáo trong suy nghĩ, từng mô tả việc này như “giới hạn đỏ hạt nhân” tại một buổi họp của ODNI.

Khi về làm Giám đốc CIA, đội ngũ nhân viên cấp cao của tôi hối thúc tôi đưa vấn đề này ra ngoài phạm vi cộng đồng tình báo, nhắm tới ai đó ở khu Cánh Tây Nhà Trắng. Không nói ra nhưng họ muốn tôi tận dụng mối quan hệ của mình với Steve Hadley hoặc Josh Bolten, Chánh Văn phòng Nhà Trắng. Tôi lập tức chỉ ra rằng, nếu như vấn đề đạt tới cấp độ đó, chúng ta sẽ thất bại. Không đời nào Nhà Trắng lại *không* hậu thuẫn cho Giám đốc Tình báo quốc gia ở một vấn đề như vậy. Dù những lập luận cơ sở của chúng tôi đáng giá đến mức nào, thì tôi dự đoán chúng sẽ lu mờ trước vấn đề bao trùm liên quan đến thẩm quyền của Giám đốc Tình báo quốc gia.

Tôi có nói riêng với Giám đốc An ninh quốc gia Mike McConnell rằng tôi phải đấu tranh quyết liệt với ông ấy về vấn đề này. Nhưng tôi cũng nói thêm rằng tôi biết quyết định cuối cùng thuộc về ông ấy. Tôi nói nếu như sự việc phải xảy ra như vậy, tôi thà chết như một người đàn ông vì sự nghiệp chính nghĩa của mình. Ông ấy mỉm cười. Ông ấy biết tôi đang ở tình thế nào và hiểu điều tôi đang nói.

Vấn đề này hầu như đã được giải quyết trong một cuộc họp về cái mà Giám đốc Tình báo quốc gia gọi là EXCOM, người đứng đầu của tất cả các cơ quan tình báo, của ông ấy. Chúng tôi

luân phiên đăng cai cuộc họp và lần này cuộc họp được tiến hành tại Fort Meade quanh chiếc bàn họp lớn của Giám đốc NSA, trông như thể nó vừa được lấy ra từ bộ đồ của *Tiến sĩ Strangelove* vậy.

Tôi vừa có suy nghĩ trong đầu sẽ thừa nhận vấn đề này, trông cậy vào sự hiểu biết rằng điều chúng tôi đang nói đến ở đây là quyền hành *trên lý thuyết* của Giám đốc Tình báo quốc gia. Tôi ngồi gần vị trí trung tâm của chiếc bàn hình chữ U còn McConnell thì ngồi ở vị trí đầu tiên phía xa bên tay phải. Keith Alexander, Giám đốc NSA, là người nói đầu tiên. Keith thể hiện mạnh mẽ rằng ông ấy muốn đưa nhân viên của NSA vào một trong số những vị trí này luôn và ngay. Bob Murrett, Đô đốc hải quân chuyển qua làm Giám đốc NSA, cũng có những ý kiến lập luận tương tự.

Tôi chợt nhận rõ là không phải chúng tôi đang nói về một vấn đề lý thuyết. Nếu như tôi đồng ý với đề xuất nói trên, chúng tôi sẽ phải bắt đầu bàn luận để xác định những vị trí nào sẽ phải chuyển sang các cơ quan khác. Như đã nói, tôi nghĩ rằng đây là một ý dở tệ. Và chắc chắn tôi không muốn dành những tháng tiếp theo tranh luận về những lập trường cụ thể nào đó. Cho đến lúc McConnell mời tôi phát biểu thì tôi đã quay trở lại với quyết tâm phản đối đề xuất này và lập luận rằng - căn cứ vào luật - quan hệ tình báo nước ngoài thuộc thẩm quyền riêng của tôi ở cương vị Giám đốc CIA. Chấm hết.

McConnell vặn lại rằng luật cũng nói tôi phải thực thi thẩm quyền đó dưới sự chỉ đạo của ông ấy, nhưng sau đó ông ấy cũng buông xuôi vấn đề.

Điều đó gần như đồng nghĩa với việc chúng tôi có hướng giải quyết vấn đề này. Chúng tôi đáng ra phải làm tốt hơn. Mike McConnell và tôi đã quen biết nhau nhiều năm, là bạn của nhau, và giữa chúng tôi có gần ba phần tư thế kỷ kinh nghiệm

tình báo. Đáng ra chúng tôi nên chôn vùi vấn đề này. Vậy mà chúng tôi lại không làm thế.

Mặc dù vấn đề vẫn chưa được giải quyết, McConnell cũng không gây sức ép mạnh nữa. Chúng tôi giống như hai đứa trẻ cứ ném qua ném lại quả bóng chày trong suốt nhiệm kỳ của mình. Chừng nào bóng chưa chạm mặt đất việc này sẽ chẳng gây hại gì cho ai. Chúng tôi giữ cho bóng luôn ở trên không trung cho đến tháng 01 năm 2009 và chuyển cuộc chơi cho những người kế nhiệm.

Tôi biết rằng mọi chuyện như thế này nghe có vẻ tầm thường. Tôi đã nói đây là vấn đề tầm thường rồi mà. Nhưng cuối cùng vấn đề này đã dẫn tới việc cách chức một Giám đốc Tình báo quốc gia đầu tiên trong lịch sử.

Nhận được ý kiến nhấn nhủ của cha mình, Tổng thống Bush khuyến nghị tổng thống sắp kế nhiệm rằng nên giữ lại cả McConnell và tôi trong một thời gian. Chẳng ai mời chúng tôi ở lại cả.

Denny Blair, người được Tổng thống Obama chọn vào vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia, tiếp nhận công việc này bằng sự nhiệt huyết, cam kết và một số ý tưởng rõ ràng về những điều ông ấy muốn làm. Ông ấy đã nghĩ đến cái chung để lựa chọn cấp phó cho mình là Dave Gompert, người có kinh nghiệm sâu sắc trong lĩnh vực chính sách để giải quyết vấn đề trong nhiều cuộc họp “đình đám” ở cấp cao, nhờ đó mà ông ấy [Blair] có thể dành nhiều thời gian hơn cho nhiệm vụ ít đình đám hơn, tế nhị hơn và ít được ghi nhận hơn, đó là quản lý toàn thể cộng đồng tình báo.

Nhưng ngay cả những bước đi mang nhiều động cơ nhất của Blair chung quy cũng chỉ là việc loay hoay tìm cách thoát khỏi tình thế khó khăn chính trị. Việc ông ấy chọn Chas Freeman - một công chức ngoại giao chuyên nghiệp hay đả phá với những quan điểm gây tranh cãi về hầu như mọi khía cạnh, nhất là

Ixraen, Trung Quốc và Arập Xêút - làm Chủ tịch Hội đồng Tình báo quốc gia (NIC) nhằm khuấy động cộng đồng phân tích. Việc này chỉ thành công trong việc khuấy động một số nhóm vận động hành lang và cuối cùng là Nhà Trắng.

Một cuộc huyên não nơi cộng cộng nữa liên quan đến bản ghi nhớ xác đáng khác của Blair gửi cộng đồng tình báo với nội dung: dù cá nhân ông ấy có không thoải mái với bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường (EITs), thì việc áp dụng những kỹ thuật đó với một số thủ lĩnh al-Qaeda đã giúp có được thông tin tình báo giá trị. Và lời khai chứng của ông ấy trước Điện Capitol là đáng ra nên để “Nhóm thẩm vấn đối tượng giam giữ giá trị cao” (HVDIG) thẩm vấn đối tượng giấu bom trong đồ lót trên chuyến bay đến Detroit vào tháng 12 năm 2009 đã buộc Văn phòng Thư ký Báo chí Nhà Trắng phải hấp tấp giải thích rằng chính quyền đương nhiệm thực tế vẫn chưa thông qua việc thành lập nhóm đó.

Sự xa cách của Blair với tổng thống và bộ sậu của tổng thống là sản phẩm của thứ gì đó hơn là việc thỉnh thoảng nói ra những điều trái với quan điểm của chính quyền (tiện thể, đây không phải là một thói xấu đối với một quan chức tình báo). Tổng thống và Blair không quen biết nhau và không gặp gỡ nhau thường xuyên trong giai đoạn chuyển tiếp sang chính quyền mới. Tôi có nói với một người gần gũi với chính quyền đương nhiệm rằng dường như là khoảng cách thực sự trong chính quyền đương nhiệm giữa “những gã cùng sống mái trong chiến dịch vận động” và những người (như Blair) đến sau. Người này chỉnh lại tôi: “Không phải ‘những gã cùng sống mái trong chiến dịch vận động’ mà là ‘những gã mang tới thắng lợi trong cuộc bầu cử sơ bộ Iowa’”. Blair sẽ không bao giờ chen được vào nhóm đó.

Với việc báo chí đưa tin quá mức điều ông ấy muốn hoặc cần, không có mối quan hệ gần gũi với tổng thống và nhóm thân cận của tổng thống, Blair giờ đây phải thiết lập mối quan hệ

công tác với người đứng đầu cơ quan quan trọng nhất của ông ấy trong cộng đồng tình báo - Giám đốc CIA. Và Leon Panetta là người khôn khéo về chính trị - nguyên Hạ nghị sĩ - có quan hệ cá nhân gần gũi với Rahm Emanuel, Chánh Văn phòng Nhà Trắng, người từng sát cánh cùng Panetta phục vụ trong Nhà Trắng của Bill Clinton.

Trong phiên điều trần phê chuẩn việc chỉ định trước Ủy ban Tình báo Thượng viện, Giám đốc CIA Panetta được hỏi: ông nhìn nhận thế nào về mối quan hệ của mình với Giám đốc Tình báo quốc gia. Quả thực đây là câu hỏi quá khó, vì Đạo luật Cải cách tình báo quy định rằng Giám đốc CIA phải “báo cáo” với Giám đốc Tình báo quốc gia nhưng lại thận trọng tránh dùng những từ như “thẩm quyền”, “chỉ đạo” hay “kiểm soát”. Chốt toàn bộ ý trả lời cho một loạt những câu hỏi, Panetta chỉ nói gọn, trước sự thỏa mãn của Ủy ban, rằng: “Ông ấy là sếp của tôi”.

Blair hẳn không thấy được điều này một năm sau đó khi Panetta lệnh cho các trưởng trạm thường trú CIA dưới trướng mình phớt lờ chỉ thị mà họ nhận được chỉ vài ngày trước đó từ Giám đốc Tình báo quốc gia liên quan đến chủ đề vẫn đang rất tế nhị: người đại diện cho Giám đốc Tình báo quốc gia. Giống như McConnell, Blair muốn có quyền chọn một ai đó không phải là trưởng trạm thường trú CIA cho một vài trong số những vị trí này. Điều khác biệt ở chỗ Blair tuyên bố quyền này bằng mệnh lệnh và không hề báo trước.

Cuộc cãi vã vô cùng ồn ào diễn ra sau đó giữa hai quan chức tình báo cấp cao nhất (không ai trong số đó là nhân viên tình báo chuyên nghiệp) đã phải nhờ đến bàn tay giải quyết của Nhà Trắng. Vấn đề mà tôi đã nói đáng ra không nên đưa đến cấp độ đó vì CIA sẽ thua, nhưng hóa ra vẫn được đưa đến cấp độ đó, và tôi đã sai. Chính quyền đương nhiệm bây giờ đứng về phía Giám đốc CIA. Giám đốc Tình báo quốc gia đã thua và bẽ mặt trước công chúng.

Mức độ ủng hộ của Nhà Trắng dành cho Blair còn yếu ở vấn đề này, nó biến mất hoàn toàn trong thời gian sau vụ âm mưu đánh bom nhằm vào máy bay của hãng hàng không Northwest Airlines vào Ngày Giáng sinh năm 2009. Có những khía cạnh quy chụp lỗi thông thường, nhưng cũng có một số sai sót đích thực bị phát lộ.

Vấn đề đáng nói ở đây không phải là tình trạng quy chụp lỗi, mà là ai làm việc quy chụp lỗi đó. Người đó không phải là Giám đốc Tình báo quốc gia, người được coi là thủ lĩnh của toàn thể cộng đồng tình báo, là John Brennan, một nhân viên CIA đã giải nghệ, hiện đang là Cố vấn an ninh nội địa của tổng thống. Giám đốc An ninh quốc gia và lãnh đạo các cơ quan bị ảnh hưởng chỉ được thông báo về những phát hiện của Brennan ngay trước khi tổng thống công khai thông báo chúng, và việc thông báo phải hoãn lại khi họ phản bác dữ dội (đúng với mọi nghĩa của từ này) một số nội dung kết luận. Brennan trở thành người đại diện tình báo của chính quyền trong nhiều ngày và nhiều tuần sau đó.

Mặc dù cả ông ấy cũng tiến hành một cuộc đánh giá, rà soát toàn diện về hoạt động tình báo trước thêm sự kiện Detroit song Giám đốc Tình báo quốc gia hầu như không còn giá trị gì.

Dường như việc Blair bị cách chức chỉ là vấn đề thời gian. Việc Ban Cố vấn Tình báo của tổng thống đã và đang chọc phá chiếc ghế Giám đốc Tình báo quốc gia là một bí mật ai cũng biết. Chuck Hagel là chủ tịch ủy ban này, có mời tôi đến nói chuyện vui. Khi được hỏi cần phải làm gì, tôi khuyên họ nên bố trí nhân viên chụp hình của Nhà Trắng chụp một tấm ảnh và phát tán nó rộng rãi: Denny Blair và tổng thống, hai nhân vật duy nhất xuất hiện trong khung hình, chụm đầu vào nhau, tập trung xem xét một tấm bản đồ hay tài liệu; tổng thống và cố vấn tình báo của mình đang chia sẻ bí mật và chia sẻ quan điểm. Chỉ có hình ảnh đó - đương nhiên là với sự hỗ trợ của cơ sở

thực tế tương ứng - mới có thể mang đến cho Blair thứ ông ấy cần để hoạt động hiệu quả.

Điều đó không bao giờ xảy ra.

Cuộc “miễn nhiệm” Blair diễn ra một cách rất bất nhã, không hề có thông báo trước trước khi báo chí nắm được thông tin, cũng chẳng có gì nhiều nhận hơn những lời cảm ơn “cho phải phép” về công việc ông ấy đã làm.

Vấn đề người đại diện cho Giám đốc Tình báo quốc gia thực sự đã góp phần tạo ra sự thể này. Sau khi không thể giúp gì cho Blair trong vấn đề cụ thể đó và không thể kết thúc vấn đề đó với Mike McConnell, việc tốt nhất tôi có thể làm là nhắc những người bạn CIA của mình, những người đang hoan hỉ sau khi giành thắng lợi trong trận chiến này, về cảnh cuối trong bộ phim dựng theo tác phẩm *The Caine Mutiny* (Cuộc nổi loạn trên tàu Caine) của nhà văn Herman Wouk. Đó là cảnh một José Ferrer say mềm (người làm luật sư bào chữa cho thủy thủ đoàn tại tòa án quân sự) nhắc cho đám thủy thủ tàu đang ăn mừng nhớ rằng công việc của họ không phải là đánh bại thuyền trưởng, mà là giúp thuyền trưởng thành công.

Jim Clapper được chỉ định là người gia nhập hàng ngũ những con người tài năng - Negroponte, McConnell, Blair - bị trói vào chiếc ghế Giám đốc Tình báo quốc gia. Nhưng khi chính quyền đương nhiệm có động thái hướng tới việc hoán đổi vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia, họ cũng hoán đổi định nghĩa về chức danh này. Trong nhận xét của mình khi chỉ định Clapper, Tổng thống Obama nói rằng, với tư cách là người lãnh đạo hoạt động tình báo của Lầu Năm Góc, Clapper “đã thành công trong công tác quản lý đội ngũ nhân sự và ngân sách hoạt động tình báo quân sự và dân sự với mức độ tham gia vô cùng lớn trong cộng đồng tình báo với 16 cơ quan của chúng ta”. Đó là những cơ quan tình báo lớn của Bộ Quốc phòng; ngụ ý rõ ràng

ở đây là ông ấy sẽ *không* làm việc đó ở vị trí công việc sau đó của mình.

Ngày hôm sau tờ *Washington Post* đăng tải bài viết dạng phóng sự nêu rõ nguồn tin từ các quan chức Nhà Trắng miêu tả “con người vô cùng thích hợp” của tổng thống để giải quyết nhiều vấn đề tình báo. Điều đáng nói là họ không viết về người mới được chỉ định làm Giám đốc Tình báo quốc gia; họ chỉ viết về John Brennan. Mặc dù họ phủ nhận rằng John Brennan là Giám đốc Tình báo quốc gia *trên thực tế*, song không ai phủ nhận việc Brennan đã sử dụng kiến thức sâu rộng về cộng đồng tình báo để chỉ đạo hay chất vấn một số văn phòng và bộ phận tình báo cụ thể mà không phải lúc nào cũng thông báo với lãnh đạo các đơn vị này, chưa nói gì đến Giám đốc Tình báo quốc gia.

Ủy ban 11/9 thực ra đã ướm thử theo cách được chăng hay chớ ý tưởng bố trí vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia ngay trong Nhà Trắng. Rốt cục thì ý tưởng đó đã bị bác bỏ. Nhưng Brennan có đủ sự tín nhiệm và quyết tâm để tiến gần đến vị thế đó ngay cả trong khi ông ấy vẫn đang đảm nhận một vị trí không thuộc phạm vi phê chuẩn và giám sát của Quốc hội, đang phải ngồi lẩn lộn ở khu Cánh Tây Nhà Trắng cùng những đồng nghiệp chịu trách nhiệm về những quyết định chính sách và chính trị.

Cuối cùng, vào cùng ngày Chủ nhật với ngày tờ *Washington Post* đăng tải bài báo, Bộ trưởng Quốc phòng Gates (người đã tiến cử Clapper) đã cung cấp cho cánh phóng viên một phân tích thấu đáo, dường như đã được chuẩn bị kỹ càng về bản chất công việc của một Giám đốc Tình báo quốc gia. Ông ấy nhấn nhá tô điểm cho các ý nhận xét của mình bằng việc nhiều lần nhắc đến những từ như “khí chất”, “tác nhân tích cực”, “hòa đồng” và biết vận động mọi người bằng cách “điều hòa lợi ích

của họ” và vận động họ “tình nguyện làm việc cùng nhau”. Ông ấy nhận định rằng vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia giống với “chủ tịch một ủy ban có nhiều quyền hành trong Quốc hội hơn là một chủ tịch tập đoàn”.

Là một nhân viên CIA chuyên nghiệp và nguyên Giám đốc Tình báo Trung ương, Gates biết rõ đối tượng tiến cử của mình. Ông ấy từng được Tổng thống Bush tiến cử ngồi vào chiếc ghế Giám đốc Tình báo quốc gia nhưng đã từ chối vì nghĩ vị trí đó thiếu quyền hạn thực tế. Ông ấy đã viết một bài mặt sau trang xã luận (op-ed) trong thời gian diễn ra cuộc tranh cãi về nội dung luật năm 2004 thể hiện quan điểm ủng hộ một nhà lãnh đạo tình báo được trao nhiều thẩm quyền. Giờ đây, việc ông ấy kêu gọi Clapper lãnh đạo thứ có thể được gọi là liên minh của những người sẵn lòng hành động cho thấy ông ấy đã đi đến kết luận rằng đây là canh bạc khả dĩ nhất có thể đặt hy vọng.

Không có gì phải nghi ngờ về việc nội dung luật mới và Giám đốc Tình báo quốc gia đã tạo ra một số yếu tố tốt đẹp. Trung tâm Chống khủng bố quốc gia (NCTC) của Giám đốc Tình báo quốc gia, chẳng hạn, là sự thành công về mọi mặt*. Dữ liệu nước ngoài và trong nước, thông tin tình báo và thông tin thực thi luật, cũng như dữ liệu đầu vào đa ngành được tập hợp về đó hằng ngày. Điều này sẽ không thể có được theo cấu trúc Giám đốc Tình báo Trung ương cũ. Văn hóa chính trị của nước Mỹ có thể không bao giờ chấp nhận việc hòa trộn ở mức độ cao như vậy giữa thông tin thực thi luật trong nước với thông tin

* NCTC, không nên nhầm lẫn với Trung tâm Chống khủng bố của CIA (CTC). Cả hai cơ quan này vẫn cùng tồn tại, rõ ràng là có những hoạt động trùng lặp và chồng chéo nhau, nhưng NCTC tập trung ở phạm vi rộng vào các mối đe dọa, còn CTC liên quan ở phạm vi rộng với hoạt động đấu tranh với kẻ thù.

tình báo nước ngoài dạng thô trong một cấu trúc chịu sự quản lý trực tiếp của một người lãnh đạo cộng đồng tình báo đồng thời cũng là lãnh đạo của một cơ quan hoạt động gián điệp nước ngoài của Mỹ.

Mike McConnell cũng đã sử dụng vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia để xúc tiến quá trình thay đổi mà theo cách khác sẽ không thể thực hiện được. Ông ấy chấp nhận thực tế khó khăn của những cuộc công kích cá nhân gay gắt từ một số thành viên, bên bở hành động và hầu như đơn phương độc mã trong việc vận động Quốc hội sửa đổi Đạo luật FISA năm 2008, điều mà có thể cả Keith Alexander và tôi đều không thể làm như các Giám đốc của NSA. Ông ấy cũng thuyết phục Tổng thống Bush về tính cấp bách của mối đe dọa mạng và vận động triển khai Sáng kiến An ninh mạng quốc gia toàn diện (CNCI), một chương trình được đổi tên nhưng về cơ bản vẫn được chấp thuận hoạt động dưới thời Tổng thống Obama.

Với sự ủng hộ và tham gia mạnh mẽ của CIA, McConnell cũng đã triển khai các sáng kiến đầy sức ảnh hưởng trong lĩnh vực chia sẻ thông tin và hiệp đồng trách nhiệm, mang lại những lợi ích to lớn trong dài hạn.

Jim Clapper tập trung vào việc hòa trộn nhiều hệ thống công nghệ thông tin khác nhau của cộng đồng tình báo thành một tổng thể thống nhất. Ông ấy cũng thành lập các vị trí quản lý nhiệm vụ để điều hòa hoạt động thu thập thông tin, phân tích và phản gián theo mục tiêu hay chủ đề hơn là theo nguyên tắc và tổ chức thu thập thông tin. Giờ đây đã có hướng dẫn thực hiện ngân sách hợp nhất dành cho các chương trình tình báo quốc gia và quân sự.

Những bước này hiếm khi được báo chí chú ý tới nhưng qua thời gian chúng tạo ra mức hợp nhất hành động cao hơn, đúng như dự định ban đầu của đạo luật.

Kiểu thay đổi dài hạn, dựa vào sự đồng thuận này có thể là điều khả dĩ nhất có thể đặt hy vọng. Và đó có thể là điều tốt đẹp nhất mà bất kỳ ai cũng nên kỳ vọng một cách thực tế. Nói vậy một mặt vì thực sự không có giải pháp nào cho tình thế tiến thoái lưỡng nan gốc rễ tạo nên toàn bộ chuyện này: thế cân bằng giữa quyền tự chủ hành động và sự hợp nhất nỗ lực.

Chắc chắn không ai trong ngành tình báo thực sự muốn Quốc hội lại một lần nữa nâng nắp capô, mở tung mui xe, bôi tung dây nối để thực hiện một cuộc đại tu nữa. Nhìn lại có thể thấy, hầu hết những người can dự vào chuyện này trong số chúng tôi đều đồ rằng mình có thể vừa tránh được một viên đạn bằng đạo luật năm 2004. Sự việc đã có thể tệ hơn rất nhiều.

Cấu trúc này có thể phát huy tác dụng. Nó sẽ chỉ phụ thuộc vào con người và mối quan hệ, chứ không phải vào những cấu trúc chính thức hay quy định của luật.

Đầu tiên là tổng thống. Trong cấu trúc này không ai khác có thể đủ điều kiện và sẵn lòng ủng hộ Giám đốc Tình báo quốc gia. Rumsfeld nói đúng. Giống như Giám đốc Tình báo Trung ương, trên thực tế không có gì Giám đốc Tình báo quốc gia không thể làm *nếu như* tổng thống muốn điều đó. Mọi chuyện thường tốt đẹp hơn khi tổng thống dành sự quan tâm cá nhân đến sức khỏe, chứ không chỉ là sản phẩm, của cộng đồng tình báo. Tổng thống Bush đã từng đích thân đến dự lễ tuyên thệ nhậm chức của Negroponte và tôi. Steve Hadley mời Giám đốc Tình báo quốc gia đến hàng tuần để nói chuyện về các vấn đề liên quan đến cộng đồng tình báo và tôi tham gia cùng họ cách mỗi tuần một lần.

Tiếp theo là tính cách của Giám đốc Tình báo quốc gia. Theo định nghĩa, người này cần phải có tài năng đáng nể và đặc biệt có những kỹ năng quản lý của một nhà tổ chức cộng đồng hơn là kỹ năng của một tư lệnh chiến trường. Người này cũng sẽ cần

mối quan hệ gần gũi với tổng thống, hoặc là phải trước khi được chỉ định, hoặc là phải gây dựng nhanh chóng trong quá trình đàm nhận công việc.

Rồi sau đó Giám đốc Tình báo quốc gia cũng bảo đảm mối quan hệ khăng khít với Giám đốc CIA. Người này phải dành cho Giám đốc CIA một dư địa hoạt động thỏa đáng; đổi lại, người đó sẽ được hưởng cơ chế báo cáo minh bạch đối với các hoạt động của CIA. Việc đó đòi hỏi rất nhiều sự tin tưởng cá nhân, vượt xa ra ngoài phạm vi những gì các tổ chức có thể dành cho nhau.

Những người giỏi thường vượt qua được những cấu trúc không hoàn hảo. Đó thường không phải là công thức thành công mà các luận thuyết quản lý khuyên áp dụng, nhưng trong thế giới thực của những kế hoạch phức tạp và quan trọng, đôi khi đây là điều khả dĩ nhất chúng tôi có thể làm.

Chương X

“TÔI MUỐN ÔNG TIẾP QUẢN CIA”

Washington, D.C., tháng 5 - tháng 9 năm 2006

Mike này, “tổng thống muốn nói chuyện với ông vào ngày mai đây”.

John Negroponte, sếp của tôi, Giám đốc Tình báo quốc gia, gọi điện từ New York. “Ông ấy đang muốn có một số thay đổi tại CIA”. Đó là thời điểm đầu tháng 5 năm 2006.

Đại sứ Negroponte trước đó đã nói với tôi rằng ông ấy nghĩ tôi sẽ làm tốt công việc Giám đốc CIA. Có vẻ như thời khắc đó đã tới, sớm hơn rất nhiều so với những gì cả hai chúng tôi từng dự liệu. Can dự sâu vào nhiều cuộc chiến, CIA đang phải gánh chịu một hội chứng trẻ bị ngược đãi.

Và trong vài ngày nữa, nhân vật số ba của cơ quan này là Kyle Dustin “Dusty” [Bụi bặm] Foggo sẽ bị lôi kéo vào một vụ bê bối hối lộ, văn phòng của ông ấy bị cách ly bằng dải băng màu vàng khoanh hiện trường vụ án.

Giới quyền lực ở Mỹ đang cáo buộc CIA phạm phải những trọng tội có độ nghiêm trọng vượt xa hành vi tham nhũng của Foggo. Tờ *Washington Post* đã lên tiếng cáo buộc về sự tồn tại của hệ thống nhà tù bí mật của CIA và giới truyền thông đang đưa tin đậm nét về kỹ thuật “trấn nước” và những kỹ thuật thẩm vấn mạnh tay khác mà nhân viên CIA từng áp dụng đối với các đối tượng bị giam giữ tại những cơ sở đó.

Những đánh giá sai lầm của CIA về vũ khí hủy diệt hàng loạt ở Iraq đã trở thành một phần của lịch sử.

Tình thần làm việc rất tệ hại và cơ quan này bắt đầu bị chảy máu tài năng thực sự. Sau đó, những người ở đó và cả những người không còn ở đó nói với tôi rằng, việc này liên quan đến sự tồn tại và tương lai của cơ quan này.

Vài người trong số họ thậm chí còn cảm ơn tôi đã cứu vớt CIA. Tôi không cho là tình thế nghiêm trọng đến mức dẫn đến sự sụp đổ, nhưng cuộc khủng hoảng trước mắt phản ánh nhiều mối lo ngại khác nhau, nhất là mối lo ngại liên quan đến cơ quan mà bản thân tôi từng làm việc: Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia (ODNI). Vị thế lá cờ đầu của CIA trong cộng đồng tình báo Mỹ đã bị tổn thất khá nhiều.

Tôi cũng có thể bị coi là một phần của vấn đề vì từng là cấp phó thường trực của Negroponte, nhưng may mắn thay, tôi là người được biết đến ở những khía cạnh khá chính đáng tại Langley: một vị tướng không quân bốn sao và một nhân viên tình báo chuyên nghiệp. Trong sáu năm đầu tại NSA, tôi đến Langley ba hoặc bốn lần một tháng. Tại NSA, chúng tôi làm những việc khiến người ở Langley rất hài lòng. Tôi biết những người này và nhiều người trong số họ cũng biết tôi. Nhưng thuốc độc trong cốc chổi tôi có từ Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia, cơ quan mà vào thời điểm đó trong mắt CIA còn đáng ghét hơn cả FSB của Nga hay KGB trước đây.

Chẳng cần phải là một thiên tài mới có thể chỉ rõ nguyên nhân của việc này. Khi tôi tiếp quản NSA năm 1999, nơi đó cần phải được khuấy tung lên. Giờ đây, khi sẽ ngồi vào vị trí lãnh đạo CIA, tôi biết nơi đây cần được làm sao để lắng dịu lại. Sau cú điện thoại của Negroponte, tôi thông báo cho Chánh Văn phòng của mình là Larry Pfeiffer mọi chuyện đang diễn ra và bước vào văn phòng bên ngoài của tôi tại Căn cứ Không quân Bolling có tầm nhìn xuống dòng sông Potomac. Đội ngũ nhân viên

trợ lý cho tôi có hai phụ nữ, đó là Mary Jane Scheidt và Mary Elfman, người đã bị nhóm nhân viên thân tín của Goss đẩy ải từ CIA sang đây; ai ở Langley cũng biết nhóm này với biệt danh “ban nhạc Gosslings”.

“Tìm Steve Kappes về đây”, tôi nói. Mary Jane và Mary Elfman nhìn nhau, rồi cùng nhau nhìn tôi, rồi lại nhìn nhau, và cả hai cùng nhoẻn miệng cười. Kappes từng là Giám đốc Ban Điều hành rất được kính trọng cho đến khi bỏ việc tại CIA trước đó một năm sau khi có mâu thuẫn với “ban nhạc Gosslings” vì đã từ chối sa thải một nhân viên cấp dưới. Chúng tôi nhìn thấy Kappes trong vài phút tại sân ga Waterloo ở London, nơi ông ấy đang làm việc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Giờ đây ông ấy đang trả lời tôi trên điện thoại di động.

“Steve à, tôi là Mike Hayden”.

“Mike, ông khỏe chứ”.

“Tôi khỏe”.

“Tôi giúp gì được ông không?”

“Ông có bao giờ nghĩ đến việc làm Phó Giám đốc CIA không?”

“Không”.

“Ồi, thật chứ?”

“Mike này, cái đó tùy thuộc rất nhiều vào việc ai là Giám đốc”.

“Steve này, tôi không tiện nói rõ chuyện này, nhưng tôi là người thực hiện cuộc gọi này”.

“Tôi sẽ gọi lại ông sau”.

Hai tiếng sau, ông ấy gọi lại. Ông ấy đã nói chuyện với vợ mình là Kathleen.

“Nếu ông là Giám đốc, tôi sẽ là phó”.

Tôi thực sự hoan hỉ, khi mà cái tên của tôi nổi lên như là Giám đốc mới, là một phần của một đội, đó là đội Hayden-Kappes. Nếu không bảo đảm được phương án này, việc bổ nhiệm tôi sẽ bị coi là một cuộc tiếp quản thù địch thay mặt cho Giám đốc Tình báo quốc gia, giới quân sự hay thứ gì đó tương tự,

đặt cả tôi lẫn CIA vào tình thế nguy hiểm. Tổng thống nhất trí với phương án này. Ông ấy đã biết đến Steve qua hoạt động thương lượng của Steve với người Libi, thuyết phục họ từ bỏ chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vậy đó là cách chính quyền đương nhiệm khởi động kế hoạch: Hayden-Kappes. Đó là điều quan trọng.

Sáng hôm sau, tôi đến gặp Tổng thống Bush tại phòng Bầu dục. Ông ấy biết tôi khá rõ. Chúng tôi đã từng gặp nhau tại phòng Bầu dục và phòng Tình huống một vài lần trong năm vừa rồi và trước đây mối quan hệ giữa chúng tôi đã từng được củng cố thông qua nỗ lực của tôi tại NSA liên quan đến chương trình Stellarwind giai đoạn ngay sau sự kiện 11/9.

Nhưng khi đó ông ấy nhìn tôi ở cương vị là người đứng đầu một cơ quan tình báo tín hiệu [SIGINT]. CIA thì lại khác. Công việc ở đây là tình báo con người [HUMINT]. Và cả hành động ngầm nữa. Ở tình thế nằm ở đâu đó giữa niềm tin của tổng thống dành cho tôi và việc ông ấy thiếu phương án khả dĩ khác, ông ấy đã quyết định mời tôi vào vị trí này. Ông ấy nói rằng, ông ấy muốn tôi tiếp quản CIA và đưa mọi thứ tại Langley vào nền nếp. Tôi tỏ ra dè dặt vì đã hiểu quá rõ mức độ khắc nghiệt của thách thức này. Tôi nói: “Thưa ngài Tổng thống, thực ra tôi rất hài lòng với vị trí hiện tại”.

“Mike này, tôi muốn ông tiếp quản CIA”, Tổng thống chỉ đơn giản nhắc lại.

Đó là toàn bộ những gì có tính thuyết phục mà tôi nhận được. Ông ấy đã hết sạch phương án lựa chọn và, theo tôi nghĩ, cảm thấy buồn trước thực trạng công việc tại Langley. Ông ấy có sự yêu mến cá nhân và dựa nhiều vào cơ quan này. Giới cựu quan chức chính quyền đồn thổi rằng cha của ông ấy, nguyên là Giám đốc Tình báo Trung ương, cũng đã và đang nghe ngóng và cân nhắc mọi khả năng. Tổng thống đã đề nghị Porter Goss, cựu nhân viên CIA phụ trách mạng lưới điệp viên,

từ bỏ chiếc ghế và cương vị Chủ tịch Ủy ban đặc biệt tình báo Hạ viện để chuyển sang lãnh đạo CIA.

Porter Goss là một trong những người bạn đầu tiên ở Washington khi tôi trở thành Giám đốc NSA. Với ý thức trách nhiệm của mình, Porter Goss đã chấp nhận đề nghị, nhưng một số trở lý thân cận ông ấy mang theo từ Hạ viện đã có những động thái khiến ông ấy bị cô lập với đội ngũ nhân viên CIA, một điều vô cùng đáng tiếc xét đến sự tận tụy, tính cách nồng hậu và những dự định tốt đẹp của Porter. Và sau đó, việc giám đốc điều hành dưới trướng ông ấy vướng vào một vụ bê bối hối lộ khiến Tổng thống Bush không còn sự lựa chọn nào khác ngoài thực hiện một cuộc thay đổi. Đường như có yếu tố tất yếu chính trị trong quyết định của tổng thống.

Rốt cuộc khi tôi đến Langley, Porter - vốn luôn là một quý ông lịch thiệp - đã để lại một lá thư ngắn ở ngăn giữa chiếc bàn luôn trống rỗng. “Chúc may mắn”, đó là dòng chữ ghi trong bức thư ngắn. (Trong suốt giai đoạn này tôi chỉ nhận được thêm một bức thư ngắn nữa, từ Đại sứ Ôxtrâylia, người từng giữ cương vị lãnh đạo Tổ chức Tình báo an ninh Ôxtrâylia (ASIO). “Việc này không tệ như vẻ bề ngoài” là lời tóm tắt vui vẻ của ông ấy).

Tôi là người được lựa chọn - và có đủ cơ sở để tin rằng tôi sẽ được Thượng viện phê chuẩn. Nhưng với một tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa với mức tín nhiệm giảm sút và phe Dân chủ dự kiến sẽ giành thắng lợi tại cả hai viện Quốc hội vào tháng 11, tổng thống đáng ra đã chỉ định Thánh Francis Thành Assisi [lý tác giả là Đấng Cứu thế] và gặp vấn đề.

Tôi tham gia các vòng điều trần theo thủ tục thông thường của Thượng viện với sự hướng dẫn trực tiếp của Michael Allen thuộc văn phòng lập pháp Nhà Trắng. Trước đây tôi thực sự chưa từng phải làm việc này. Quy trình phê chuẩn của Thượng viện vào vị trí Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia (PDDNI) (và ngôi sao thứ tư trên quân hàm tướng của tôi)

giống hơn với cuộc diễu binh mừng chiến thắng, khi mà ai cũng muốn được liên kết với cấu trúc cộng đồng tình báo mới đã được Quốc hội tuyên bố xác lập. Trong vòng điều trần thủ tục đó, Thượng nghị sĩ Biden tách ra khỏi nhóm nhỏ người đang nói chuyện để tiến về phía tôi, bắt tay và chúc mạnh giỏi khi tôi tình cờ đi ngang qua phía ngoài tòa nhà văn phòng Thượng viện.

Giờ đây tôi không thể đi ngang qua phía ngoài một tòa nhà văn phòng Thượng viện mà không phải chịu một làn sóng tấn công của cánh săn ảnh. Lần này sẽ khó khăn hơn và mỗi phiên điều trần lại có những đặc tính riêng. Thượng nghị sĩ Levin sẽ là người chất vấn hiểm và khó nhất đối với tôi. Ông ấy cảnh báo rằng sẽ hỏi tôi về bản ghi nhớ Bybee đầy tai tiếng liên quan đến những cuộc thẩm vấn của CIA và sau đó sẽ dành cho tôi một số mách nước hữu ích về cách tôi trả lời ông ấy.

Tôi được cảnh báo rằng một số thượng nghị sĩ mà tôi sẽ gặp là một phần của đám người mang quan điểm “trực thăng đen” (nghĩa là họ có thiên hướng nghiêng về thế giới quan mang nặng thuyết âm mưu). Họ thực ra không tệ đến như vậy, nhưng họ đặt những câu hỏi rất khó, một trong số đó đặt ra dồn dập những yếu tố khó trả lời.

Tôi gặp Thượng nghị sĩ Patrick Leahy trong một buổi tiếp xúc xã giao tại nơi ở của đại sứ Ôxtrâyliya. Tôi từng là một trong những cử tri bỏ phiếu cho ông ấy, từng sống ở Vermont bốn năm trong vai trò giảng viên ROTC. Ông ấy thực ra là người đã tốt nghiệp từ trường đại học mà tôi giảng dạy và ông ấy cũng cho con mình học tại cùng trường tiểu học Công giáo mà con chúng tôi từng học. Chúng tôi có mối quan hệ hài hòa và tôn trọng nhau. Leahy tranh thủ khoảnh khắc riêng tư tại buổi tiếp xúc để đơn giản là cảnh báo tôi đừng để mất nhân tính. Rõ ràng ông ấy có ý chân thành, nhưng lối suy nghĩ của ông ấy khiến tôi không thoải mái cho lắm.

Một đảng viên Dân chủ cao cấp nói một số điều rất tốt đẹp về tôi trong cuộc trả lời phỏng vấn và chụp ảnh có đông phóng viên tham gia bên ngoài văn phòng của ông ấy. Lúc chúng tôi chuẩn bị rời khỏi đó, ông ấy hỏi tôi sẽ đến đâu tiếp theo. Tôi nói là chuẩn bị đến văn phòng Thượng nghị sĩ Wyden. “Nói chậm thôi”, ông ấy khuyên tôi. Một lời khuyên hữu ích.

Wyden tiếp đón tôi bằng đôi chân ngọc ngà thu hút sự chú ý trên chiếc bàn cà phê giữa tôi và ông ấy, không phải để gửi đi thông điệp ông ấy rất thoải mái, mà là tín hiệu cảnh báo đừng nên cảm thấy thoải mái, vì ông ấy nói rõ là sẽ biến đây trở thành một cuộc điều trần rất khó khăn.

Quả thực là đã có những vấn đề. Thứ nhất, sẽ có sự soi mói kỹ đối với việc tôi được công bố chỉ định ngay sau sự ra đi đột ngột của Porter, như vậy loại bỏ ngay cả ảo tưởng rằng Điện Capitol đã được hỏi ý kiến về sự lựa chọn này. Ngay cả các nghị sĩ phe Cộng hòa cũng cảm thấy muốn phản ứng lại việc này.

Một số nghị sĩ phản đối ý tưởng để một sĩ quan quân đội làm Giám đốc CIA, cho rằng tôi sẽ là con rối chịu sự điều khiển của Lầu Năm Góc. Pete Hoekstra, Chủ tịch Ủy ban Tình báo Hạ viện, là người thể hiện cứng rắn nhất: “Tôi cho rằng chọn ông ấy là sai người, sai chỗ, sai lúc. Chúng ta không nên để một quân nhân lãnh đạo một cơ quan dân sự vào thời điểm này”. Đương nhiên là ông ấy đứng về phía Hạ viện, vậy nên sẽ không có quyền biểu quyết về việc bổ nhiệm tôi [chỉ Thượng viện có quyền biểu quyết]. Bên cạnh đó, bất kỳ ai biết tôi và mối quan hệ của tôi với Don Rumsfeld, là mối quan hệ tôn trọng nhau nhưng khó có thể nói là nồng ấm, bởi đều biết rằng tôi không phải là con rối của Lầu Năm Góc.

Đây tưởng chừng là vấn đề không có gì đáng nói, nhưng hóa ra lại là vấn đề tôi không thể không giải quyết. Tổng thống thậm chí còn đưa vấn đề này ra trao đổi với tôi trước khi tôi tham gia điều trần phê chuẩn. Ông ấy nói: “Mike này, có khi

ông phải xin ra khỏi quân lực thôi. Chúng ta sẽ phải đối mặt với ý kiến phản đối việc này đấy". Rồi khi mọi chuyện diễn ra, tôi đã không phải làm việc đó.

Vấn đề khó xử lý hơn là vai trò của tôi trong Chương trình Giám sát khủng bố (TSP). Tôi đã làm việc này, vậy nên đây là vấn đề cá nhân - là vấn đề liên quan đến *tôi*. Tôi sẽ chết chìm nếu không tiếp tục bơi với những gì người ta nghĩ về tôi, biết rất rõ tôi là người đã làm việc đó.

Ở mức tối thiểu thì Thượng viện cũng tranh thủ việc chỉ định tôi để buộc chính quyền đương nhiệm phải nhả thêm thông tin về chương trình này. Việc đó đã phát huy tác dụng. Trong lúc Michael Allen và tôi đang ngồi trong văn phòng của Pat Roberts, Chủ tịch Ủy ban đặc biệt Tình báo Thượng viện (SSCI), phó tổng thống đã gọi đến để nói với Roberts rằng tổng thống đã quyết định toàn thể ủy ban sẽ được nghe tường trình về chương trình Stellarwind. Roberts thảo một bản thông cáo báo chí, còn Allen thì thông báo tin này cho chủ tịch Ủy ban Tình báo Hạ viện.

Phiên điều trần phê chuẩn kín của tôi với SSCI chủ yếu liên quan đến chương trình Stellarwind.

Sau khi được phê chuẩn, tôi đã quyết định giải quyết rất ráo hồ sơ Stellarwind (ít ra là đối với tôi) bằng việc cũng xuất hiện trước Ủy ban Thường trực đặc biệt Tình báo Hạ viện (HPSCI).

Trong phiên điều trần phê chuẩn mở của tôi tại Thượng viện, những người chỉ trích - dẫn đầu là Wyden, Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ bang Oregon - đã nhắc lại lời cáo buộc rằng tôi chưa bao giờ trình bày thẳng thắn về chương trình này. Tôi đã có hơn một chục cuộc tường trình kín với các nhà làm luật kể từ khi chương trình đi vào hoạt động, và chưa từng có ai phản đối hay gợi ý về sự thay đổi nào với tôi. Wyden có lúc còn hỏi tôi: "Sẽ phải nói gì đây nếu ông được phê chuẩn làm người lãnh đạo CIA,

chúng tôi không đồng thuận tán thành chính xác cách người ta chỉ định ông ở ngoài kia?”

Wyden còn lục vấn tôi về chương trình Trailblazer của NSA (xem Chương II). Ông ấy dẫn lời khai chứng điều trần của tôi vào năm trước đó, nói rằng chính tôi đã khẳng định NSA đã “đạt quá mong đợi” trong chương trình đó. Tôi nhớ là mình có sử dụng những từ này. Khi miêu tả sự thất vọng của chúng tôi về chương trình Trailblazer, tôi có nói rằng quan điểm của chúng tôi là hướng tới khu vực tư nhân để xây dựng giải pháp. Chúng tôi đã “đạt quá mong đợi” trong việc này, vì khu vực tư nhân dường như không làm tốt hơn nhiều so với chúng tôi khi tham gia vào lĩnh vực mới. Thực ra tôi đang phê phán cách tiếp cận của chúng tôi, nhưng vị thượng nghị sĩ này có lẽ không nằm trong số người hiểu rõ ý.

Đó hóa ra lại sắp trở thành lời đùa bỡn lạc lõng. Tôi khép cuốn sổ tường trình ngay trước mặt mình lại, ra hiệu rằng, theo quan điểm của tôi, ít ra là vậy, cuộc trao đổi này đã kết thúc. Tôi kết luận: “Vậy, thưa Thượng nghị sĩ. Ông sắp phải đưa ra phán xét về tính cách của tôi đấy”.

Tôi đang ở Boston để dự lễ cưới con trai của một trong số những nhân viên an ninh tại NSA thì có tin đồn Thượng viện đã phê chuẩn việc bổ nhiệm tôi. Mọi ý kiến biểu quyết chống lại tôi đều đến từ phe Dân chủ: Barack Obama, Hillary Clinton, Ted Kennedy, Evan Bayh, và gần như tất cả những người đang nghĩ đến cuộc vận động tranh cử tổng thống.

Sau nghi thức hỏi lại cô dâu và chú rể trong đám cưới, vị tu sĩ nhận ra tôi lúc trên đường ra khỏi nhà thờ, đặt vào tay tôi một dấu thập nhỏ, thứ mà tôi hiện vẫn giữ, và bảo tôi cầu nguyện. Sau khi đã leo lên chiếc SUV cùng đội an ninh, tôi nhận được điện thoại từ Thượng nghị sĩ Bayh.

“Đại tướng này, ông có biết tôi biểu quyết thế nào không?”

Tôi nói: “Có, thưa ngài. Tôi biết”.

“Ồ, ông sẽ là một giám đốc giỏi. Và tôi sẽ là người ủng hộ hoàn toàn. Ông là sự lựa chọn tuyệt vời đấy”.

Thượng nghị sĩ Bayh và tôi đã duy trì mối quan hệ thân thiết với nhau, nhưng tôi không bao giờ nói với ông ấy về cuộc gọi nói trên nữa. Tôi chỉ cảm thấy ấm lòng về việc ông ấy đã nghĩ đến tôi mà gọi điện và nói chuyện, chứ không để ý lắm đến kết quả biểu quyết. Rốt cuộc tôi đã được phê chuẩn với tỷ lệ biểu quyết 79-15. Tôi vẫn giữ bản kết quả biểu quyết lồng trong một chiếc khung kính trong văn phòng mình.

Tôi được phó tổng thống cử hành lễ tuyên thệ nhậm chức Giám đốc CIA vào ngày 30 tháng 5 năm 2006 tại khu Cánh Tây Nhà Trắng. (Tổng thống sau đó đã đến Langley để cử hành thêm một lễ tuyên thệ chính thức).

Ngay sau đó, tôi lái xe lên phía đường George Washington Parkway để có cuộc gặp mặt đầu tiên với đội ngũ nhân sự tại phòng “Bong Bóng” - hội trường lớn của CIA - khi đó đã chật kín người. Tôi cố gắng trấn an mọi người bằng việc nói rằng: “Thứ nhất, không ai cử tôi đến đây để xối tung bất cứ thứ gì. Tất cả anh chị em ở đây là những người giỏi nhất trong lĩnh vực của mình, vậy làm thế này đi. Thổi hơi vào một chiếc túi giấy, đưa lượng CO₂ của mình trở về bình thường rồi quay trở lại làm việc. Rắc rối đã qua rồi. Mọi người cứ làm việc của mình. Tôi sẽ giải quyết rắc rối bên ngoài hàng rào nhà chúng ta. Đó là việc của tôi. Chúng ta cũng sẽ không còn dính dáng gì đến cánh báo chí nữa... dù là nguồn đưa tin hay đối tượng đưa tin!”

Sau đó tôi nhận trả lời câu hỏi. Lúc gần về cuối buổi gặp gỡ, một nhân viên trẻ ở phía sau giờ tay. Anh ấy hỏi: “Chúng tôi gọi ngài là gì?” Tôi chưa từng nghĩ sẽ gặp phải câu hỏi như thế, đứng như trời trồng trong bộ quân phục màu xanh với *mỗi bên* cầu vai có bốn ngôi sao. Nhưng tôi cũng biết rằng CIA là một cơ quan hoạt động dựa nhiều vào cơ chế quân bình.

Cuối cùng tôi cũng nói: “Gọi thế nào mọi người thấy thoải mái là được”. Hóa ra đó lại là 45 giây quan trọng nhất trong cả bài diễn văn của tôi. Hơn một năm sau đó tôi nhận ra rằng câu này là một câu có ý nghĩa đồ - trượt mà đội ngũ nhân sự dùng để “cân đo” kẻ mới đến.

Vài tuần sau đó, tôi phải đối mặt với một cuộc kiểm tra nữa, thậm chí còn khó nhận biết hơn, trong một buổi cập nhật thông tin hoạt động chống khủng bố. Báo cáo viên, một thành viên của “ban nhạc chị em gái” [nhóm nữ chuyên gia phân tích của CIA] đã mò ra dấu vết Osama bin Laden, đặt tám biểu đồ hình mạng nhện trước mặt tôi và trình bày những mối liên hệ còn chưa xác định rõ đang chi phối việc phân tích của cô ấy. Thực ra tôi cũng biết đôi chút về mảng này và đưa ra một loạt câu hỏi, khiến cô ấy luôn nhoẻn miệng cười. Sau này, một lần nữa tôi lại nhận thấy mình đã và đang phải đối mặt với rất nhiều người có quan điểm hoài nghi đang có mặt trong hội trường này, nhưng đã bắt đầu thay đổi quan điểm của họ. Theo họ, tôi là người có định hướng thực chất và dễ giao tiếp hơn một giám đốc điển hình. Ai cũng thường mang sở trường của mình vào công việc. Đây là một trong những sở trường của tôi.

Tại cuộc họp nhân viên chính thức đầu tiên của tôi trên tầng bảy, tôi bước vào phòng họp, và không ai đứng dậy cả. Hay thật đấy, tôi nghĩ. Văn hóa ở đây khác thật.

Tôi ngồi xuống và bắt đầu nói: “Tôi không phải là người tuyển dụng bất cứ ai ở đây cả, và nếu như mọi người cho đó là vấn đề, mọi người có 48 tiếng đồng hồ để trình bày với tôi. Nếu không có ý kiến gì, tôi sẽ tự khắc cho rằng mọi người thuộc đội của tôi”. Đó là phiên bản cao cấp của tình tiết “Không ai cử tôi đến đây để xói tung bất cứ thứ gì cả”. Ba người đã đến gặp và nói chuyện với tôi, nhưng chỉ còn duy nhất một người chưa làm việc đó (vì những lý do cá nhân).

Lời đề nghị trên của tôi không áp dụng cho “ban nhạc Gosslings”, nhóm nhỏ những cố vấn mà Porter Goss kéo theo về từ Quốc hội. Họ sẽ phải ra đi, nhưng không phải vì tôi cho rằng họ đã làm điều gì đó sai trái. Thẳng thừng mà nói, tôi không quan tâm tới chuyện đó và cũng không định dành thời gian tìm hiểu. Họ phải ra đi vì CIA cần có một cuộc lột xác giữa các đời giám đốc.

Tôi chỉ thị rằng, trong thời gian vẫn thuộc biên chế cơ quan, họ sẽ không báo cáo công việc tại trụ sở chính của CIA, mà tại một trong những cơ sở bên ngoài của chúng tôi. Sau đó tôi yêu cầu lãnh đạo bộ phận cố vấn pháp lý và trưởng bộ phận nhân sự ủy quyền toàn phần cho tôi để gắn một chiếc dù cho mỗi người trong số họ. Họ nhận được chế độ nghỉ việc rất hậu hĩnh. Có một lý do chính đáng để Giám đốc CIA có thẩm quyền nhân sự trên mức bình thường. Tôi không muốn những người biết được những bí mật hệ trọng rời khỏi cơ quan với những hằn thù lớn.

Đương nhiên tôi đã phải xác định chính xác đối tượng mình muốn nhắm tới. Rất nhiều người đã làm việc cho Porter. Việc nhiều nhân viên kỳ cựu của cơ quan này từng thân cận với Porter là chuyện tất yếu. Vậy nên tôi đã chỉ thị rằng ai nhảy dù vào đây cùng Giám đốc Goss sẽ buộc phải đi. Ai đã ở đây từ trước cùng “lực lượng bộ binh” sẽ được ở lại.

Người giỏi nhất trong “ban nhạc Gosslings” là Mike Kostiw, người mà sự nghiệp ban đầu với cơ quan này bị cắt ngắn khoảng hai chục năm do trước đó liên quan đến việc liệu ông ta có ý định trả tiền cho miếng dăm bông đang cầm trên tay tại một siêu thị địa phương hay không. Kostiw rất hiểu quyết định hiện thời của tôi, về sau thường xuyên ghé qua nói chuyện thân mật và có ý kiến tham mưu với tôi.

Người đỡ đầu lâu dài của Kostiw, Thượng nghị sĩ John McCain, gần như không hiểu chuyện gì. Ông ấy gọi điện cho tôi,

miệng liên tục dùng những lời đả kích, coi số phận của Kostiw là hoàn toàn do lỗi của Steve Kappes. “Tôi làm việc này đây, thưa ngài Thượng nghị sĩ”. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm để ông ấy ngừng nói và tôi cũng nói thêm rằng Kappes không có lỗi gì trong chuyện này, vì ông ấy còn chưa tham gia vào mọi thứ. Có tiếng đập điện thoại.

Khi bắt đầu ổn định công việc, không mất quá nhiều thời gian để tôi nhận ra rằng thách thức trước mắt đáng kể nhất sẽ là giải quyết thứ mà tôi đang nghĩ đến như hình ảnh một con voi ở trong phòng - chương trình giam giữ và thẩm vấn các nhân vật al-Qaeda cấp cao của CIA. Chúng tôi vẫn đang giam giữ nhiều thủ lĩnh của tổ chức khủng bố này trong một mạng lưới các nhà tù bí mật, điều mà Dana Priest của tờ *Washington Post* đã viết tới vào mùa Thu năm ngoái. Dễ hiểu khi theo sau đó là thái độ bất bình, cả trong và ngoài nước. Ngay sau loạt bài báo của các tờ *Washington Post*, *New York Times* đưa tin tổng thanh tra của CIA đã lập một báo cáo mật nói rằng những kỹ thuật thẩm vấn được sử dụng trong những nhà tù bí mật đó, trong đó có kỹ thuật “trấn nước”, có thể vi phạm Công ước Chống tra tấn của Liên hợp quốc. Những vấn đề này - đám mây đen này - phải được giải quyết, rõ ràng là như vậy.

Với tôi thì rõ ràng chuyện này không thể tiếp diễn đơn thuần như là chương trình của George Bush hay chương trình của CIA. Chúng tôi phải xây dựng quan điểm đồng thuận để biến đây là chương trình của nước Mỹ thông qua việc giải thích và biện minh liên quan đến việc chúng tôi giam giữ ai, ở đâu, trong bao lâu và sử dụng kỹ thuật tra tấn nào khi thẩm vấn nhóm đối tượng này. Các tổng thống - bất kỳ tổng thống nào - thường giải quyết mọi chuyện rất ráo trong một lần dựa vào thẩm quyền hành pháp nguyên sơ, nhưng những chương trình dài hạn, kiểu như chương trình này, cần có phạm vi ủng hộ chính trị rộng rãi. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình phải

sẵn sàng buông bỏ một số thứ và có thể giảm bớt mức độ quyết liệt nếu đó là việc cần thiết để xây dựng sự đồng thuận.

Theo một khía cạnh nào đó, bên trong chính quyền đương nhiệm, tôi đang thúc vào cánh cửa đã mở sẵn của phòng Bầu dục. Mặc dù chưa bao giờ nói cụ thể điều này với tôi song tổng thống đã có những động thái để làm sao những chương trình mà ông ấy đang dựa vào sẽ được người kế nhiệm mình tiếp nhận. Điều đó có nghĩa là phải xây dựng sự đồng thuận và ủng hộ về chính trị.

Chúng tôi sẽ tiếp tục bắt giữ đối tượng và một số đối tượng sẽ được chuyển cho bên thứ ba thông qua một quy trình gọi là “điều chuyển đối tượng” - bắt giữ và chuyển ngoại tưng một cá nhân từ một nước đến một nước khác - nhưng chúng tôi vẫn muốn giữ một số đối tượng cho riêng mình và sẽ vẫn cần có một vài nơi để giam giữ họ. Và chúng tôi cần sự rõ ràng pháp lý liên quan đến mười ba kỹ thuật thẩm vấn được cho phép tiến hành trước đây - trong đó có những kỹ thuật trấn nước, và mặt, lột truồng, không cho ngủ và hạn chế ăn - mà chúng tôi muốn tiếp tục sử dụng. Porter đã khôn ngoan cho tạm ngừng áp dụng những kỹ thuật này sau khi Đạo luật Đối xử đối tượng giam giữ (DTA) làm thay đổi bối cảnh pháp lý vào cuối năm 2005. Tôi biết rằng một số kỹ thuật sẽ bị cấm áp dụng, nhưng chúng tôi muốn giữ lại những kỹ thuật khác cho lực lượng thẩm vấn của mình.

Bộ Quốc phòng đang trong quá trình soạn thảo lại Sổ tay Chiến trường lục quân (AFM) liên quan đến hoạt động thẩm vấn, cố gắng làm sao để người dân Mỹ cảm thấy ổn sau những vụ ngược đãi đúng nghĩa của lính quân tù lục quân tại nhà tù Abu Ghraib ngoại ô Baghdad, nơi những đối tượng giam giữ người Irắc bị dẫn giải bằng dây xích, bị tra tấn và lạm dụng tình dục. Chúng tôi biết rằng quân đội sẽ lập ra một văn bản cực kỳ thận trọng - có thể là quá thận trọng đối với

một cuộc chiến chống lại tổ chức khủng bố nguy hiểm và tàn bạo nhất hành tinh.

Tại văn phòng của mình ở Langley, tôi có quyền sử dụng một số chồng hồ sơ dạng ba vòng kẹp, mỗi chồng dày đến hơn chục centimet, có nội dung gần như một bộ bách khoa thư về đối tượng giam giữ (*encyclopedia detainus*) - có mọi thứ trong đó, từ quan điểm pháp lý, tới kỹ thuật thẩm vấn nào được áp dụng với đối tượng nào, có bao nhiêu báo cáo nhận được từ mỗi đối tượng giam giữ, mọi thứ. Tôi mang những tập hồ sơ này về nhà vào dịp cuối tuần, đọc kỹ lưỡng và làm chủ nội dung trong đó.

Tôi cũng mời các chuyên viên thẩm vấn vào văn phòng và nói chuyện với tôi về kinh nghiệm của họ. Có một người khiến tôi vô cùng nể phục. Anh ấy đã thẩm vấn Khalid Sheikh Mohammed (KSM), đạo diễn vạch kế hoạch của al-Qaeda trong loạt vụ tấn công khủng bố 11/9. Anh ấy cũng xây dựng mối quan hệ cá nhân với KSM, người sinh ra tại Côoét trong một gia đình có bố là người Pakixtan và mẹ là người Bôxnia, còn bản thân hẳn bị bắt tại Pakixtan năm 2003. Nhân viên này vẫn đang làm nhiệm vụ mật nên tôi không thể tiết lộ tên anh ấy. KSM gọi anh ấy là Amir, một từ thể hiện sự tôn trọng dành cho người đã tra tấn hẳn bằng kỹ thuật trấn nước, khiến hẳn không bao giờ hết được cảm giác đang bị chìm trong nước. Những kỹ thuật thẩm vấn này - trong trường hợp của KSM, nhất là kỹ thuật “không cho ngủ” - đã đẩy hẳn từ vùng ngoan cố trước đó đến tình trạng mà giới thẩm vấn gọi là vùng hợp tác và sau đó, việc hỏi cung KSM giống với một cuộc phỏng vấn hơn là một cuộc thẩm vấn. Thông tin chúng tôi moi từ hẳn và những đối tượng khác là thứ có giá trị vô cùng to lớn.

Khi đã tham gia sâu hơn vào chương trình này với cương vị Giám đốc mới, tôi có thể thấy rằng mọi chuyện như thế này được thực hiện bằng ý thức trách nhiệm, chứ không phải lòng nhiệt tình, và không ai bào chữa cho việc áp dụng kỹ thuật

trấn nước và những kỹ thuật quyết liệt khác đối với mọi kẻ thù trong mọi hoàn cảnh. Chúng tôi không định tạo ra một chuẩn mực chung. Những kỹ thuật này là để áp dụng trong lần này đối với một kẻ thù - được thôi thúc bởi động cơ tôn giáo cuồng tín - đã cho máy bay phản lực chở khách lao vào Trung tâm Thương mại thế giới và Lầu Năm Góc, khiến hàng ngàn người thiệt mạng và sẽ làm đi làm lại việc đó nếu có cơ hội.

Abu Zubaida, một người mang quốc tịch Ả-rập Xê-út và là một thủ lĩnh al-Qaeda bị bắt tại Pakixtan năm 2002 là đối tượng khủng bố đầu tiên bị CIA áp dụng kỹ thuật trấn nước. Khi mọi chuyện xong xuôi, thực sự hắn có nói rằng chúng tôi phải cảm ơn tất cả những "người anh em" đã tham gia vào chương trình thẩm vấn này. Theo hắn, hợp tác với chúng tôi là một điều tội lỗi và hắn có thể phải xuống địa ngục. Nhưng Thánh Allah dạy rằng người sẽ không bắt ai phải chịu gánh nặng quá khả năng chịu đựng, hắn nói thế với chúng tôi, còn chúng tôi thì làm chính điều đó với hắn. Vì thế hắn có thể hợp tác với chúng tôi mà vẫn được lên thiên đàng.

Đến cuối tháng 7, tôi đã dành gần như trọn hai tháng để tiếp nhận mọi thứ như thế này. Tôi đã trở thành một miếng bọt biển, đọc các cặp hồ sơ, nói chuyện với mọi người, cân nhắc nhiều hướng quan điểm. Tôi hoàn toàn có thể buông bỏ mọi việc như thế này và khuyến nghị với tổng thống rằng chúng ta nên khép lại chương trình này. Tôi phải đưa ra lựa chọn. Việc này có đúng không? Việc này có đáng không?

Tôi nghĩ về những hoàn cảnh tương tự xoay quanh giai đoạn khởi đầu chương trình Stellarwind. Giờ đây, cũng giống như khi đó, tôi biết rằng tiếp tục thúc đẩy chương trình sẽ mang đến những rủi ro riêng và những cuộc tranh cãi không thể tránh khỏi.

Tôi đã quyết định rằng chương trình này của CIA, như nội dung chúng tôi đang điều chỉnh, sẽ là món hàng đáng chuyên chở

và chúng tôi có thể cắt giảm tiền chi thuế phí nếu chúng tôi nhiệt tình tường trình với Quốc hội và thuyết phục họ đưa ra quan điểm ủng hộ công khai; nếu chúng tôi tường trình với người dân Mỹ theo cách cởi mở nhất có thể; và nếu chúng tôi lắng lẽ thông báo cho các đồng minh của mình một cách đầy đủ hơn về những thông số và giới hạn của việc chúng tôi đang làm.

Thách thức đầu tiên tôi phải đối mặt đến từ bên trong ngành hành pháp. Tôi còn nhớ đã ngồi tại bàn làm việc trên tầng bảy tòa trụ sở của chúng tôi ở Langley nhìn ra khu rừng vùng đồng quê phía bắc Virginia, ngoảnh đầu lại để đối diện với chiếc máy tính, rồi thảo một bản ghi nhớ dài hai trang về những việc chúng tôi cần làm. Bản ghi nhớ này sẽ trở thành bản tóm lược những điểm cần trình bày cho cuộc gặp gỡ theo kế hoạch với Steve Hadley, Cố vấn an ninh quốc gia, vào đầu tháng 8.

Tôi trình bày với Steve về năm điểm chủ chốt liên quan đến các địa điểm đen của CIA. Tôi giải thích: “Thứ nhất - điểm thực sự quan trọng - chúng tôi không phải là lực lượng cai ngục của đất nước này. Sẽ có một chiến lược rút lui”. Chúng tôi vẫn giam giữ một số đối tượng trong những nhà tù đó. “Tôi không có ý khẳng định giá trị thông tin tình báo của những gã này là bằng không, nhưng thực sự là rất thấp, trong khi giờ đây chúng ta còn có những việc khác quan trọng hơn”. Quả thực là mức độ khai báo của đối tượng giam giữ đã sụt giảm mạnh. Không có đối tượng mới nào bị đưa vào giam giữ trong gần một năm, Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường (EITs) đã được ngưng sử dụng, và chúng tôi nhận định rằng chỉ còn một vài đối tượng tồn dư (như Abu Zubaida và Khalid Sheikh Mohammed) là vẫn còn giá trị tình báo có ý nghĩa. Trong nửa đầu năm 2006, chỉ có khoảng 5% lượng thông tin khai thác được trong hoạt động chống khủng bố đến từ nhóm đối tượng bị giam giữ.

Có một số đối tượng giam giữ chúng tôi muốn bàn giao cho nhà tù thuộc Bộ Quốc phòng tại vịnh Guantánamo, Cuba.

Còn một số đối tượng thì chúng tôi muốn chuyển đến những nước khác để tiếp tục giam giữ. Tôi nói với Harley rằng dải phân cách chính là thứ chúng tôi gọi là RTB [reason to believe] - lý do để tin chúng tôi có thể khởi tố chúng. Nếu chúng tôi có một RTB, chúng sẽ vào danh sách đến Gitmo [Guantánamo], còn nếu không, chúng sẽ được đưa đến nước có mối quan tâm chính đáng đối với chúng.

“Thứ hai, Steve ạ, chúng tôi vẫn cần giữ lại quyền lựa chọn cách thức giam giữ và thẩm vấn chúng, nhất là khi Lầu Năm Góc đang soạn thảo lại Sổ tay Chiến trường lục quân ở nội dung liên quan đến hoạt động thẩm vấn theo hướng sẽ loại bỏ ngay cả những kỹ thuật như quản lý giấc ngủ - khá giống với những gì chúng ta vẫn làm với đám tân binh của chúng ta - khỏi danh mục áp dụng tại Guantánamo và các nhà tù khác của Bộ Quốc phòng”.

“Thứ ba, về sau này khi bắt được các đối tượng khủng bố, chúng tôi sẽ nghĩ đến việc giam giữ chúng chỉ trong khoảng sáu mươi ngày mỗi lần và chúng tôi sẽ không đưa ai vào giam giữ nếu chưa có một chiến lược rút lui”. Chúng tôi luôn có thể quyết định giam giữ họ thêm sáu mươi ngày nữa, rồi lại thêm như thế nữa, nếu thấy rằng chúng vẫn còn nắm giữ thông tin tình báo có giá trị, nhưng làm vậy chúng tôi cần nhận được quyết định cho phép. Nếu không áp dụng cách tiếp cận này, việc giam giữ đối với nhiều người sẽ trở nên vô thời hạn, như áp dụng với những đối tượng chúng tôi đang giam giữ được ba năm rưỡi rồi. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy những yêu cầu trước mắt thường được đáp ứng trong vòng ba mươi đến sáu mươi ngày sau khi chuyển giao cho CIA, và thông tin chiến thuật cũ hơn thời hạn này là thông tin đã suy giảm giá trị.

“Yếu tố thứ tư là chúng tôi vẫn muốn có thẩm quyền hợp pháp đối với những kỹ thuật thẩm vấn mà chúng tôi thấy cần thiết”, tôi nói. Đội ngũ chuyên viên thẩm vấn của chúng tôi

muốn được sử dụng bảy kỹ thuật. Bốn là *mức tối thiểu* - hai ở dạng túm giật và hai ở dạng vỗ đập. Thứ năm và thứ sáu là việc quản chế ăn uống và giấc ngủ để làm suy yếu ý chí kháng cự, chừng nào chúng không còn gây tổn thương lâu dài cho bất kỳ ai. Thứ bảy là bóc trần, kỹ thuật mà đội ngũ thẩm vấn thực sự muốn dùng vì “công tác bật - tắt” của nó có tác dụng ngay lập tức.

Không kỹ thuật nào trong số này là dễ chịu cả. Trước ống kính máy quay người ta đã hỏi tôi cảm thấy như thế nào về trọn bộ mười ba kỹ thuật đã được phê chuẩn áp dụng trước đây, trong đó có kỹ thuật trấn nước. Tôi đã từng phê chuẩn việc trấn nước ai đó hay sao? Câu trả lời của tôi là, Ông Chúa, tôi đã không phải đưa ra quyết định đó. Và, hiểu theo khía cạnh rất thực tế, tôi không phải làm điều đó vì những người khác đã làm rồi. Những người không ở vị thế buộc phải đưa ra quyết định này cần khắc ghi điều đó trong đầu trước khi nhảy vào chỉ trích ai đó.

Cuối cùng, tôi giải thích với Hadley, “Tôi muốn tường trình với toàn thể Ủy ban Tình báo Hạ viện và Thượng viện về mọi điều chúng tôi đã làm và mọi điều chúng tôi đã giành được, ngoại trừ vị trí của những địa điểm giam giữ, và nói với họ chúng tôi muốn tiếp tục duy trì hoạt động của chương trình cho dù có những ý kiến chỉ trích mà tôi vừa mô tả”.

Cho đến thời điểm này, chúng tôi mới chỉ tường trình được với cái gọi là “băng nhóm tám người” - lãnh đạo của Hạ viện và Thượng viện cũng như chủ tịch và ủy viên thường trực của hai ủy ban tình báo. Nhưng nếu muốn có thêm sự ủng hộ chính trị, chúng tôi phải nói cho nhiều chính trị gia hơn những việc mình đang làm. Đó là kế hoạch cần thực hiện.

Điểm tạo đột biến của toàn bộ việc này là điều diễn ra trong một hội nghị trực tuyến một thời gian ngắn sau đó, trong thời gian tôi đang ở dưới mạn Key West trong kỳ nghỉ vào những

ngày cuối cùng của tháng 8. Chúng tôi đang ở một trong hai ngôi nhà sát vách tại một cơ sở của Bộ Quốc phòng mang tên Truman Annex, và tôi đi bộ ra ngoài dọc theo con đường dẫn tới phòng họp trực tuyến bảo mật trong khu văn phòng của một lực lượng đặc nhiệm phòng chống ma túy để đưa ra những luận điểm như tôi đã trình bày với Steve Hadley, lần này là với tổng thống và phó tổng thống. Đến hội nghị trực tuyến này, tôi mặc bộ đồ đi nghỉ đặc trưng Florida, trong khi tổng thống, phó tổng thống và cố vấn an ninh quốc gia thì vận sơ mi, veston và cà vạt hồ cứng, ngồi trong phòng Tình huống ở Nhà Trắng.

Tôi trình bày lại một số điều đã nói với Steve liên quan đến sự cần thiết đối với chương trình của nước Mỹ này: về khía cạnh hoạt động, tôi không thể quản lý các kỹ thuật thẩm vấn và thủ tục giam giữ bằng một công tắc “bật - tắt” hai năm một lần dựa vào chu kỳ bầu cử Mỹ. Tôi cần sự ổn định ở mức độ nào đó. Vậy nên tôi sẵn lòng buông bỏ một số thứ hợp pháp - những thứ chúng tôi có thể làm nếu muốn - để có được sự đồng thuận về việc chúng tôi sẽ làm.

Tôi biết rằng tổng thống muốn trình bày công khai toàn bộ kế hoạch trong một bài diễn văn tại Nhà Trắng - những việc chúng ta đã làm, những điều chúng ta đã đạt được và cách thức chúng tôi dự định cho kế hoạch sắp tới.

“Thưa Ngài Tổng thống, ngay lúc này đây, chúng ta đang ở thời khắc ngài có sức mạnh đòn bẩy chính trị cao nhất về vấn đề này. Chúng ta sẽ phải dọn sạch đối tượng trong các địa điểm đen ngay trước bài diễn văn của Ngài, như vậy Ngài có thể trình bày công khai mọi thứ mà không phải biện bạch gì cả, mọi việc chúng ta đã làm, những việc chúng ta dự định sẽ tiếp tục làm, và cũng lại không phải biện bạch gì cả”.

Phó tổng thống tỏ thái độ thận trọng đặc trưng và nói ông ấy không dám chắc về việc rút bỏ những kỹ thuật đã phát huy tác dụng trong việc tạo ra thông tin tình báo có giá trị. Và ông ấy

dự liệu rất đúng rằng “phơi bày hết ruột gan” trước Điện Capitol sẽ không giúp bảo đảm nhận được nhiều sự hợp tác. Nhưng tổng thống đã quyết. Ông ấy kết luận bằng những từ đại loại như: “Không, Mike nói đúng. Nếu ông ấy thấy rất ổn với khía cạnh hoạt động, thì ông ấy cũng nói đúng về đòn bẩy chính trị. Việc này rất tốt và sẽ vẫn rất tốt”.

Với việc bài diễn văn của tổng thống được lên lịch vào thứ Ba sau Labour Day (Ngày Lao động), chúng tôi đã bí mật điều chuyển Khalid Sheikh Mohammed, Abu Zubaida, Ramzi bin al-Shibh cùng mười một phần tử khủng bố khác từ các địa điểm đen đến nhà tù quân sự ở Vịnh Guantánamo. Chúng tôi cũng đã điều chuyển một số đối tượng khác từ các địa điểm đen đến các nước thứ ba.

Về lý thuyết thì đây có vẻ là việc đơn giản. Thực tế không phải vậy. Việc này phải được tiến hành hiệu quả và bí mật. Và số lượng “người dò đếm máy bay”, những người dành hết tâm sức cho việc nhận diện những chuyến bay có liên hệ với CIA có thực và trong tưởng tượng, đang tăng lên đều đặn. Cơ quan chịu trách nhiệm điều chuyển đối tượng phải làm việc rất vất vả - máy bay thì nhiều, số lần dừng tiếp nhiên liệu thì ít - để bảo đảm những thứ cần che đậy được che đậy. Về sau tôi có đến tận chỗ làm việc của họ để nói lời cảm ơn.

Những lời nhận xét của tổng thống trong phòng Đông ở Nhà Trắng ngày 06 tháng 9 năm 2006 hết sức ấn tượng. Ông ấy trình bày rõ những việc chúng tôi đã làm và lý do làm những việc đó. Tổng thống nói: “Những phần tử khủng bố bị bắt có hiểu biết không ai có được về phương thức vận hành các mạng lưới khủng bố. Chúng có hiểu biết về nơi triển khai các phần tử hoạt động mật và đang có những mưu đồ tấn công nào. Thông tin tình báo này - đây là thứ thông tin tình báo không thể có được ở bất cứ nơi nào khác, trong khi nền an ninh của chúng ta lại phụ thuộc vào loại thông tin này. Để giành thắng lợi trong

cuộc chiến chống khủng bố này, chúng ta phải có khả năng giam giữ, thẩm vấn, và khi thích hợp thì truy tố những phần tử khủng bố bị bắt giữ tại đây, ngay tại nước Mỹ này, và trên các chiến trường ở khắp mọi nơi trên thế giới”.

Ông ấy giải thích rằng một số đối tượng bị tình nghi là khủng bố và thủ lĩnh khủng bố đã bị giam giữ và thẩm vấn tại những địa điểm bí mật do CIA quản lý. Ông ấy nói rằng thông tin chúng tiết lộ trong quá trình thẩm vấn đã giúp ngăn những cuộc tấn công nhằm vào nước Mỹ và nhiều nơi trên thế giới. Và ông ấy nói rằng CIA đã sử dụng một “bộ quy trình thay thế” an toàn và hợp pháp trong hoạt động thẩm vấn. Ông ấy nói: “Tôi muốn giải thích thật rõ với người dân nước ta và người dân thế giới. Nước Mỹ không thực hiện việc tra tấn người. Việc đó trái với luật pháp của chúng tôi, và không phù hợp với các giá trị của chúng tôi. Tôi chưa ủy quyền cho việc đó, và sẽ không ủy quyền cho việc đó.

Các nhà tù của CIA giờ đã trống trơn, tổng thống nói, dù việc duy trì một chương trình của CIA về việc giam giữ và thẩm vấn đối tượng khủng bố sẽ tiếp tục là một nhân tố vô cùng quan trọng.

Tổng thống nói: “Chúng tôi cũng sẽ xin ý kiến các nhà lãnh đạo Quốc hội về việc phải làm thế nào để bảo đảm rằng chương trình của CIA vẫn được duy trì theo cách tuân thủ những quy định của pháp luật, đáp ứng các nhu cầu an ninh quốc gia của đất nước chúng ta và bảo vệ những anh chị em đã hành động can đảm, những người chúng ta đã yêu cầu thực hiện việc thu thập những thông tin có thể cứu được mạng sống của những người vô tội”.

Ông ấy nói, đọc ra từ một văn bản thì đúng hơn, trong hơn một giờ đồng hồ, nhận được những tràng vỗ tay kéo dài, và sau đó dành một vài phút sau khi kết thúc bài nói để bắt tay những người đã mất đi người thân trong loạt trận tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9.

Tôi đã dành cả mùa Hè để xử lý những vấn đề đã mang đến quá nhiều khổ sở cho CIA và Tổng thống Bush. Giờ đây chúng tôi đã có con đường mở ra trước mắt, khi mà tổng thống đã giải thích mọi việc với niềm tin và sự thuyết phục như vậy. Đó không phải là điều chần chừ. Quốc hội sẽ có quan điểm về việc này. Nhưng ngày hôm nay, đứng ở hàng phía trong cùng của căn phòng đó, sự cảm động của các gia đình dường như lan tỏa. Thật khó để tôi ngăn cho mắt mình không rớm lệ.

Chương XI

BA MIẾNG “ĐỂ NUỐT”

Baghdad, Islamabad, Kabul, 2006

Trong lúc chúng tôi phải vật lộn với việc phải làm gì với các địa điểm đen của CIA và những kỹ thuật chúng tôi đã sử dụng khi thẩm vấn các phần tử khủng bố, CIA vẫn giữ tư thế sẵn sàng chiến đấu. Trong một phòng hội nghị lớn đối diện văn phòng của tôi ở tầng bảy, chúng tôi có cuộc họp bàn kế hoạch hoạt động ba lần mỗi tuần vào lúc 5 giờ 30 chiều với hơn ba mươi người ngồi quanh một chiếc bàn dài hình chữ nhật. Vào thứ Hai và thứ Tư, chúng tôi bàn về hoạt động chống khủng bố và đánh giá chi tiết những hoạt động đang triển khai trên khắp thế giới.

Thứ Sáu được dành riêng cho vấn đề Irắc và Ápganixtan, hai cuộc chiến trên bộ giai đoạn sau sự kiện 11/9 của nước Mỹ. Vào cuối tháng 7 năm 2006, tình hình ở Irắc đang hết sức khốc liệt, nhận định mà hai nữ chuyên gia phân tích trẻ đưa ra vào một ngày thứ Sáu khá ấn tượng. Cả hai người phụ nữ, những người được tuyển dụng sau sự kiện 11/9 với khoảng năm năm kinh nghiệm, đã kết luận trong một tài liệu báo cáo mà chúng tôi vẫn gọi là “bản tin nhiều kỳ” - một bài báo dài của tạp chí *New Yorker* - rằng Irắc đã chuyển thành một cuộc nội chiến.

Về sau tôi được biết, các chuyên gia phân tích tình hình Irắc đã phải cân nhắc khá lâu để đưa ra nhận định này kể từ sau vụ

phá hủy Thánh đường Vàng ở Samarra vào tháng 02 năm 2006. Cuộc tấn công vào một trong những địa điểm linh thiêng nhất đối với người Hồi giáo dòng Shiite đã châm ngòi cho một loạt vụ giết chóc và tấn công vào những đền thờ Hồi giáo khác và cho thấy một sự thay đổi lớn trong tính chất của hành động bạo lực và xu hướng củng cố đường lối phe phái - cả hai đều là những chỉ báo kinh điển của nội chiến.

Chính những chuyên gia phân tích này trước đó đã đấu tranh lý lẽ để gọi hoạt động chiến sự ở Irắc là một cuộc nổi dậy, chứ không đơn thuần là hơi thở cuối cùng của những kẻ tử thủ chiến đấu cho chế độ cũ. Đó là thông điệp không mấy dễ chịu và dễ chấp nhận đối với chính quyền đương nhiệm, nhưng Steve Hadley sau đó đã chúc mừng họ về công trạng phụng sự đích thực dành cho tổng thống bằng việc giúp ông ấy hiểu rõ hơn về những thực trạng chúng ta phải đối mặt.

Vấn đề nội chiến tiếp tục được tranh luận trong nội bộ đội ngũ phân tích CIA, và đến tháng 8 năm 2006 thì hầu hết (nhưng không phải toàn bộ) đội ngũ phân tích cảm thấy rằng “nội chiến” giờ đây là từ phù hợp nhất để chỉ cuộc xung đột ở Irắc.

Tôi tập trung chú ý ngay lập tức khi nghe nói đến từ này và tự nhủ: Có chuyện để bàn rồi.

Tôi nói: “Các vị là chuyên gia phân tích. Nhưng tôi xin được hỏi một câu, vì việc này có ý nghĩa rất quan trọng: “Các vị đang sử dụng định nghĩa nào về nội chiến?” Họ đồng loạt thừa nhận rằng có đủ loại định nghĩa hàn lâm và chúng tôi đang nói đến những yếu tố phức tạp của tình hình ở Irắc.

Thực trạng tàn sát phe phái tệ đến mức giới học giả và một số quan chức cân nhắc nghiêm túc việc phân Irắc thành những khu vực của người Shiite, người Sunni và người Kurd. Lực lượng chiến binh nổi dậy và đội quân ám sát hoành hành khắp Baghdad và những trung tâm đô thị khác. Người Sunni đổ lỗi về tình trạng bạo lực cho Bộ Nội vụ Irắc do người Shiite thao túng.

Người Shiite thì nói những cáo buộc đó chẳng qua được dùng làm bức bình phong che đậy hành động tàn bạo của các đội quân ám sát người Sunni. Tình hình tệ đến mức Liên hợp quốc đưa ra báo cáo rằng trung bình mỗi ngày có đến một trăm dân thường bị sát hại vào tháng 6.

Chúng tôi tranh luận tên gọi nội chiến sẽ giúp gì cho tổng thống. Họ đặt câu hỏi: “Nếu đã nghĩ ra điều đó, chẳng phải trách nhiệm của chúng ta là nói rõ điều đó hay sao?” Bên cạnh đó, cách mô tả mới này có thể dẫn đến nhiều phương án hành động khác nhau. Khi đấu tranh chống lại một cuộc nổi dậy, tất yếu ta sẽ muốn tăng cường sức mạnh cho lực lượng cảnh sát. Nhưng nếu họ là yếu tố có sự tham gia mạnh mẽ trong một cuộc nội chiến phức tạp, thì việc củng cố sức mạnh cho họ thực ra có thể trở thành bất lợi.

Vì đã lên lịch cho một chuyến công tác đến Irắc, tôi mời đội ngũ chuyên gia phân tích đi cùng, nói chuyện với trạm thường trú CIA sở tại và mục sở thị mọi chuyện trước khi hoàn tất báo cáo. Một số người tự ái. Theo quan điểm của các chuyên gia phân tích, việc tôi coi trọng yếu tố mục sở thị để xác định vấn đề hơn khả năng chuyên môn của họ là điều đáng lo ngại.

Dù vậy thì họ vẫn chịu chui đầu vào chiếc máy bay chở hàng C17 khổng lồ cùng với đội an ninh riêng của tôi, đội ngũ tham mưu trực tiếp của tôi, người của nhiều bộ phận khác trong CIA, những người cần đến Irắc vì lý do này hay lý do khác.

Sau khi đến nơi, chúng tôi tiến hành một cuộc họp rất dài với toàn bộ các chuyên gia phân tích tại một trong những dinh thự của Saddam Hussein mà chúng tôi đã tiếp quản để dùng làm trạm thường trú CIA tại Vùng Xanh ở Baghdad. Chúng tôi đào sâu phân tích tình hình và những đánh giá chúng tôi nghe được với chi tiết hình ảnh minh họa cụ thể thật đáng lo ngại - và nó không khác mấy so với những gì hai chuyên gia phân tích tại trụ sở của chúng tôi đã kết luận. Họ dành phần lớn thời gian trong

buổi họp lắng nghe các đồng nghiệp của mình tại trạm thường trú CIA tại Baghdad, thỉnh thoảng lại gật đầu tán thành.

Sau cuộc họp, tôi ra phía ngoài và tiến hành một cuộc gặp mặt ngoài trời với toàn thể đội ngũ trạm thường trú CIA tại Irắc bên dưới mái vòm của dinh. Các bậc cầu thang phía sau lưng tôi chật kín người và các khu ban công quanh tầng hai cũng vậy. Tôi bắt đầu bằng màn giới thiệu theo lệ thường, nói với mọi người rằng tôi là Giám đốc mới và có mặt ở đó để giúp đỡ mọi người. Thế rồi tôi chợt buột miệng: “Cái quái gì đang xảy ra quanh đây thế này?” Đó là cuộc gặp mặt dài. Tôi đặt rất nhiều câu hỏi.

May thay, trạm thường trú CIA muốn kể câu chuyện của họ. Tôi nghĩ một số người có thể có đôi chút hoài nghi về việc một giám đốc mới, nhất là một giám đốc mặc quân phục, sẽ sẵn lòng hay có thể thực hiện một báo cáo không thiên lệch quan điểm khi ông ấy trở về nước. Nhưng trưởng trạm thường trú CIA đã nói với họ rằng anh ấy sẽ kể lại câu chuyện mà không đặt giới hạn nào cả và mời họ làm điều tương tự. Mọi người đều biết vấn đề ở đây là gì. Họ đã không để tuột mất cơ hội này.

Tôi cũng đặt những câu hỏi đó (hoặc đại loại như thế) cho ban lãnh đạo chính trị Irắc - Thủ tướng người Shiite Nouri al-Maliki, lãnh tụ người Kurk và Tổng thống Irắc Jalal Talabani và Phó Tổng thống người Sunni Tariq al-Hashimi.

Quan điểm của CIA về Maliki là khá u ám. Quan điểm này tỏ ra đúng đắn. Là thành viên Đảng Dawa của người Shiite, Maliki đã dành phần lớn tuổi thanh xuân của mình sống lưu vong ở Xyri và Iran, liên tục phải trốn tránh lực lượng ám sát của Saddam Hussein. Khi tôi gặp ông ấy tại văn phòng của ông ấy tại Vùng Xanh ở Baghdad, bảo vệ ông ấy là lực lượng chiến binh người Shiite chứ không phải lực lượng cảnh vệ chính phủ, và không chỉ bất cứ người Shiite nào - những gã đó đều thuộc Đảng Dawa. Maliki dường như để lộ ra nỗi sợ rằng bất cứ lúc nào

cũng có một phần tử Đảng Baath dòng Sunni nấp sau mọi bụi cây sẵn sàng giết ông ấy. Cũng dễ hiểu vì trong phần lớn cuộc đời của ông ấy, mối lo ngại nói trên là có sơ hở. Trưởng trạm thường trú CIA nói với tôi về hội chứng TIC nói nhịu kỳ quặc của thủ tướng Irắc. Mỗi khi chúng tôi nói “Salafist” [chiến binh phong trào Salafi] hay “terrorist” [phần tử khủng bố], ông ấy lại lẩm bẩm “Baathist” [người Đảng Baath]. Trong buổi hội kiến của tôi với Maliki, ông ấy thừa nhận tình trạng bạo lực tăng mạnh ở Irắc nhưng kỳ lạ là không cố gắng xác định rõ tính chất của vấn đề, chỉ gọi đó là “tự phát”.

Đánh giá của trưởng trạm thường trú CIA không tệ đến mức coi Maliki là một điệp viên phục vụ cho Iran (như một số người vẫn nghĩ); ông ấy khen thủ tướng Irắc ở khía cạnh quyết đoán, trung thực và thuần chất Ả-rập. Maliki về sau thậm chí còn gây chiến với một số bộ phận người đồng hữu Shiite tại Basra và các khu ổ chuột Sadr City ở ngoại ô Baghdad.

Nhưng Maliki là một người phức tạp, có cá tính kỳ lạ và đôi lúc rất khó gần. Ông ấy hiếm khi thể hiện sự hấp dẫn hay óc hài hước. Báo cáo tình báo của chúng tôi cho thấy người Iran cũng gặp khó khăn trong việc dung hòa cá tính khó gần của ông ấy không kém gì chúng tôi.

Cũng có thể thấy khá rõ rằng chúng ta chưa gây sức ép đủ mạnh với những người láng giềng dòng Sunni để họ chấp nhận và ủng hộ vị thủ tướng người Shiite. Người Gioócđani tỏ ra hoài nghi nhưng ít nhất họ cũng đã nỗ lực, còn những người khác, như người Ả-rập Xêút và các quốc gia Vùng Vịnh, thì mất hút. Quốc vương Ả-rập Xêút đã nói rõ rằng ông ấy nhìn nhận Maliki bằng sự khinh thường. Nhiều lúc có cảm giác như Maliki không biết hướng tới đâu trong khu vực để tìm chỗ nương tựa ngoài Tehran. Đáng ra chúng ta nên làm tốt hơn.

Talabani, Tổng thống Irắc, một người Kurd, có sức cuốn hút mạnh mẽ, ngược hẳn với tính cách khắc khổ của Maliki.

Chúng tôi cùng đoàn hộ tống ra khỏi Vùng Xanh để dùng bữa trưa tại dinh thự của ông ấy ven sông Tigris và có sự góp mặt của một số thành viên nội các, chủ yếu đến từ các bộ quan trọng - Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao và Tài chính - cùng với Cố vấn an ninh của Talabani là Wafiq al-Samarrai và Cố vấn an ninh quốc gia Mowaffak al Rubaie. Talabani có thể thể hiện quyền lực, ít ra là cho bữa trưa.

Chúng tôi ngồi quanh một chiếc bàn đơn cỡ lớn, trước mắt là màn bày biện ấn tượng các loại đồ ăn, nổi bật là món cá tươi địa phương mà, như mọi người Mỹ hy vọng, không phải là thứ được câu lên từ sông Tigris (rất ô nhiễm).

Theo quan điểm của chúng tôi, Talabani cũng có vấn đề riêng là “quá thân với người Iran”. Ông ấy từng biện bạch với tôi rằng người ta có thể chọn bạn (chúng tôi), chứ không thể chọn hàng xóm (Iran).

Nhân danh hai chuyên gia phân tích tại trụ sở của chúng tôi đang cùng tham gia buổi tiệc, tôi mời tổng thống và những người khác đưa ra đánh giá về tình hình hiện tại. Tôi bắt đầu bằng một nhận định riêng khá ảm đạm, nêu rõ mức độ kinh hoàng của bạo lực phe phái và tấn công khủng bố.

Cố vấn an ninh quốc gia Rubaie phản bác nhận định của tôi, phản bác khái niệm về một cuộc nội chiến, thậm chí chỉ coi đây thực chất là hoạt động khủng bố. Trên thực tế, theo ông ấy, phần lớn tình trạng trên là do lỗi của chúng tôi. Chúng tôi đã không giáng đòn đủ mạnh với người Sunni và họ vẫn còn đủ mạnh để tiến hành hoạt động trả thù nhằm vào người Shiite. Cái gọi là đội ám sát người Shiite đơn thuần chỉ là một phản ứng tự nhiên, hầu hết chính đáng đối với việc này và tình trạng đó sẽ chấm dứt khi chúng tôi chú tâm xử lý người Sunni và al-Qaeda. Ông ấy kết luận: “Các ông đang chữa bệnh theo triệu chứng, mà không chữa tận gốc rễ của bệnh”.

Những người khác cũng hòa vào để nói rằng người Sunni và người Shiite ở Irắc đã chung sống với nhau trong nhiều thế kỷ. Giao lưu và hôn nhân giữa các bộ lạc là chuyện vẫn diễn ra thường xuyên. Nội chiến liên miên đơn giản là điều không thể chấp nhận được trong suy nghĩ của người Irắc. Cả nhóm của tôi có mặt tại bữa trưa này dường như không nắm bắt được và có phần coi nhẹ mức độ bạo lực nơi đây.

Phân tích của Talabani dài và có phần “quanh co”, nhưng còn lâu mới được coi là tươi sáng. “Nếu các ông nghĩ tình hình giờ đây rất tệ, các ông nên nhìn vào tình hình khi gã khác [Saddam] đang ở đây” là thứ mà vị tổng thống Irắc không bao giờ nói thẳng ra, nhưng là bản tóm lược tình hình hiện lên trong đầu tôi trong lúc tôi thất lại đai chiếc áo chống đạn Kevlar và chui vào chiếc SUV bọc thép để quay về Vùng Xanh.

Talabani luôn thân mật như người nhà; trong nhiều chuyến viếng thăm của chúng tôi, ông ấy tặng tôi nhiều bộ cờ tiện nhám của người Kurd đến mức tôi có thể chia đủ cho đám cháu nội tôi mỗi đứa một bộ.

Một người Kurd cao cấp khác trong bộ máy Chính phủ Irắc là Barham Salih, Phó Thủ tướng, người cũng rất dễ gần, nhưng uyên bác hơn rất nhiều. Tôi từng có lần mô tả ông ấy là người sắc sảo nhất Tây Nam châu Á. Khi đang là một thanh niên trẻ, ông ấy phải chạy trốn khỏi Irắc sau khi bị chế độ Saddam Hussein truy tố và đã học tập ở Anh. Ông ấy là quan chức Irắc mà lúc nào tôi cũng muốn dành thời gian để gặp. Trong một lần đến thăm, tôi có bữa tối thú vị và đầy ắp thông tin với Barham cùng gia đình ông ấy trên thảm cỏ bên ngoài tư dinh của ông trong Vùng Xanh.

Tôi đã tổ chức tiệc đáp lễ tại nhà riêng của mình khi ông ấy đến Mỹ. Trong những bữa tối như vậy, tôi thường mời các nhạc công thuộc ban nhạc không quân, cố gắng làm sao để âm nhạc phù hợp với khách mời. Chẳng hạn, chúng tôi có lần còn tổ chức

trình diễn để tiếp đãi người Italia. Tuy nhiên, ban nhạc lại biết rất ít về nhạc dân gian Kurd, vậy nên - vì Barham đã theo học đại học tại Cardiff, xứ Wales - chúng tôi quyết định chơi nhạc Celtic vào buổi tối hôm đó.

Lúc gần cuối buổi, theo yêu cầu của tôi, ban nhạc chơi bài “Ashokan Farewell” (Giã từ Ashoka), khúc độc tấu violông đầy ám ảnh được dùng làm nhạc nền cho loạt phim tài liệu vô cùng xuất sắc của nhà làm phim Ken Burns về cuộc nội chiến Mỹ. Tôi giải thích bối cảnh bản nhạc nền đó cho Barham và nhắc cho ông ấy nhớ rằng, thời điểm diễn ra cuộc nội chiến, dân số nước Mỹ cũng xấp xỉ bằng dân số Irắc ngày nay.

Rồi ông ấy hỏi: “Thế có bao nhiêu người chết?”

Tôi trả lời: “Khoảng sáu trăm nghìn”.

“Chúng tôi hy vọng không phải chịu kết cục đó”.

Trong chuyến thăm tháng 8 năm 2006 đó, tình hình dường như có thể dẫn đến kết cục đó. Với kế hoạch làm việc với toàn thể ban lãnh đạo chính trị Irắc, tôi đến gặp Phó Tổng thống Tariq al-Hashimi, người không có sức hút như Talabani nhưng còn lâu mới khó gần như Maliki. Tuy nhiên, ông ấy cũng còn lâu mới khôn ngoan như Salid, vậy nên không phải đợi quá lâu trước khi ông ấy bắt đầu kể ra những “thứ xấu xa” của người Sunni tại Irắc trong chế độ mới. Ông ấy sôi nổi, thể hiện cử chỉ rất nhiều. Tôi nhớ mình đã nghĩ rằng ông ấy giống hệt một nhà tổ chức công đoàn ở Mỹ. Nghiệp đoàn tài xế xe tải hay công nhân bốc dỡ gì đó. Ông ấy là kiểu người dường như luôn “sẵn sàng dùng nắm đấm”. Thủ tướng và phó tổng thống ghét nhau như xúc đất đổ đi. Năm năm sau đó, khi người lính Mỹ cuối cùng đang chuẩn bị rời khỏi Irắc, Maliki đã ban bố lệnh bắt giữ Hashimi. Chính quyền Maliki về sau đã xét xử và kết án tử hình vắng mặt đối với Phó Tổng thống Hashimi.

Người Irắc ưu tú nhất mà tôi gặp trong chuyến công tác đầu tiên này không làm việc hay sinh sống trong Vùng Xanh.

Mohammed Shahwani là Giám đốc Sở Tình báo quốc gia Iraq (INIS), và tôi đến gặp ông ấy tại trụ sở INIS tại quận al-Khark. Ông ấy cũng lập luôn nhà riêng của mình ở đó cùng với một chú linh dương cảnh và một chú cún cưng mà ông ấy đặt cho cái tên đầy nhạo báng là Chalabi, theo tên của một người Iraq lưu vong trở thành chính trị gia mà CIA coi là kẻ thù đáng nguyên rủa.

Tôi có đủ lý do để lo lắng. Ông ấy là một người bạn và chúng tôi đã làm việc với Thủ tướng tạm quyền Ayad Allawi để bố trí ông ấy vào chiếc ghế này khi Chính quyền lâm thời liên hiệp (CAP) thành lập INIS vào năm 2004. Nhưng Shahwani là một con người ấn tượng với khả năng riêng của mình, một anh hùng thời chiến của Iraq, người đã điều hành các chiến dịch đặc nhiệm trong cuộc chiến tranh với Iran. Là nhà vô địch môn nhảy sào khi còn là thanh niên, ông ấy được vinh dự cầm quốc kỳ Iraq diễu hành trong lễ khai mạc Thế vận hội Olympics Rome năm 1960.

Shahwani rõ ràng là con người tài năng và quả cảm, đến mức trở thành cái gai trong mắt sếp trước đây là Saddam Hussein, người đã cách chức ông ấy. Shahwani chạy trốn khỏi Iraq ngay trước khi nổ ra cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất và trở thành người của lực lượng đối lập (mà CIA cũng nắm rõ) trong thời gian sống lưu vong ở Gioócđani. Ba người con trai của ông ấy, đều là những sĩ quan quân đội, ở lại Iraq và cuối cùng bị Saddam hành hình vào giữa thập niên 1990 do chống đối chế độ. Trong một trong những lần bộc lộ tình cảm hiếm hoi mà Thủ tướng Maliki từng cho phép với bản thân mình, ông ấy nói với Shahwani vào lần đầu tiên họ gặp nhau rằng: "Tôi biết quá khứ của ông. Tôi hiểu sự hy sinh của ông".

Ông ấy là sự lựa chọn tuyệt vời cho vị trí lãnh đạo INIS, và trong những cuộc hội kiến năm 2006 của tôi với ông ấy, ông ấy muốn nói chuyện với tôi, theo cách người chuyên nghiệp nói với người chuyên nghiệp, còn tôi thì quá đổi hài lòng khi được

tiếp chuyện ông ấy. Theo cách đặc trưng, ông ấy giao cho các nhân viên cấp dưới của mình tường trình với tôi về công việc của cơ quan ông ấy.

Tôi đến thăm Đơn vị Chiến thuật đặc biệt (STU) thuộc INIS tại Căn cứ Không quân Al-Rashid nằm bên kia sông Tigris. Tôi nhận được bản thuyết minh chiến thuật đầy ấn tượng từ lực lượng không kích bán quân sự của Shahwani, nhưng ấn tượng hơn cả là thành phần nhân sự của đơn vị này (tỷ lệ Sunni - Shiite là 50 - 50) và mục tiêu tấn công của họ, cũng được phân bố theo cách tương tự. Trưởng trạm thường trú CIA ước tính rằng STU chỉ phải bắn phá mục tiêu trong khoảng 5% số cuộc không kích của họ, nhưng họ nắm bắt kế hoạch và thi hành nhiệm vụ rất tốt. Có rất ít vụ bắn nhầm mục tiêu, và hầu như không có chuyện bắn bừa vào bất cứ ai trong khu nội đô không may đang mang trên mình khẩu AK47. Và vì INIS không có thẩm quyền bắt giữ hay giam giữ, mọi đối tượng bị họ bắt được được chuẩn duyệt từ trước là sẽ đưa vào hệ thống tư pháp của Iraq.

INIS đã phải trả một cái giá cho sự xuất sắc của họ. Gần một trăm nhân viên INIS đã bị sát hại, và gia đình các nhân vật cao cấp trong INIS phải sống tại Amman, Gioócdani để được bảo đảm an toàn. Công bằng mà nói, đây là thiết chế phi giáo phái chuyên nghiệp bậc nhất trong bộ máy Chính phủ Iraq.

Vấn đề là ở chỗ thủ tướng Iraq không coi INIS là một phần trong chính phủ của mình. Chúng tôi đã cố gắng mang đến cho Maliki ấn tượng rằng cơ quan này đích thực là cơ quan phục vụ ông ấy. Shahwani là người phụ trách tình báo của ông ấy. Tôi nói với thủ tướng rằng: “Ông ấy [Shahwani] phụng sự để làm ngài hài lòng”. Nhưng Maliki sẽ không bao giờ tiếp thu ý kiến đó. Trưởng trạm thường trú CIA đã thu xếp một buổi làm việc để Shahwani tường trình với Maliki cùng với Stan McChrystal (người đang thực hiện các nhiệm vụ tương tự như

của INIS bên phía Mỹ), nhưng việc này dường như không đem lại kết quả.

Maliki đơn giản là chưa bao giờ tin tưởng Shahwani. Ông ấy là một người dòng Sunni, và là người Turk ở Irắc. Ông ấy bị người Iran rất ghét (vì đã giết rất nhiều người Iran) và đang được CIA nâng đỡ (với CIA, ông ấy có mối quan hệ rất hài hòa). Nhưng Maliki cũng không chuyển ông ấy đi đâu cả, ngay cả khi chúng tôi mời ông ấy làm việc đó. Thủ tướng đơn giản là không giao việc gì cho Shahwani. Lần duy nhất Maliki giao việc cho Shahwani là thu thập thông tin về các đối thủ chính trị của thủ tướng và lần đó Shahwani đã từ chối thực hiện.

Dần dần chính phủ do người Shitte áp đảo bắt đầu nhắm tới Shahwani. Họ buộc tội ông ấy có ảnh hưởng trong thương vụ bán máy bay trái quy định từ Câu lạc bộ Hàng không Baghdad, một cáo buộc tham nhũng vặt vô căn cứ tại một đất nước có thủ đô giống như một trong những cõi địa ngục mà Dante đã mô tả, còn giới tinh hoa chính trị thì đang bòn rút hàng chục triệu đôla viện trợ của Mỹ. Cảnh sát đột kích văn phòng và nhà riêng của Shahwani trong lúc ông ấy đang ở nước ngoài, và chúng tôi phải bố trí để ông ấy ở tại Amman trong khi tìm phương án gây áp lực với người Irắc để giải quyết vụ này. Mất nhiều thời gian, nhưng chúng tôi đã làm được. Trên đường trở về Baghdad trên một máy bay của CIA, Shahwani được đưa tới một trạm thường trú của CIA, nơi ông ấy nhận được cuộc gọi "chào mừng trở về nhà" của tôi. Trưởng trạm thường trú CIA nói với tôi rằng vị lãnh đạo INIS này tỏ ra rất cảm động trước sự quan tâm của tôi.

Shahwani đã trở lại, nhưng chúng tôi thì đang phải làm việc với một người thất thế. Maliki đã thành lập một cơ quan riêng, trái với luật pháp Irắc, và đó chỉ là một phần trong toàn bộ chiến dịch hướng tới bảo đảm mọi cơ quan an ninh đều mang yếu tố Shiite (chứ không phải quốc gia), phụng sự ông ấy

(chứ không phải chính phủ đa thành phần) và chấp nhận được trong mắt người Iran. INIS bị gạt ra ngoài lề, thanh trừng và từng bước vô hiệu hóa. Shahwani cuối cùng đã phải từ chức vào năm 2009.

Đến tháng 8 năm 2006, nhiều sự việc nói trên vẫn còn chưa diễn ra. Chuyển công tác tới Irắc đã giúp ích nhiều hơn mức tưởng tượng của tôi. Tôi được tận mắt chứng kiến tình hình và đến gặp nhiều hạng quan chức Irắc khác nhau. Tôi cũng đã có sự nhận định đúng mức về những gánh nặng đang đè lên hoạt động của trạm thường trú CIA ở Irắc.

Trạm thường trú CIA ở đây có một nhiệt kế được bố trí ngay trước cổng ra vào. Khi tôi bước ra ngoài con phố trải nhựa đường, kim chiếc nhiệt kế ghim cứng ở mức 117 độ F. Đơn giản nó không thể đọc được mức nhiệt độ nào cao hơn nữa.

Ta luôn phải cố gắng duy trì trạng thái bình thường, ngay cả trong những hoàn cảnh như vậy. Vào tối thứ Bảy, vài người trong số chúng tôi đi bộ đến khu nhà di động mái kép dùng làm nhà thờ của Vùng Xanh. Lễ Mass và Lễ Ban phước tuân theo đúng chuẩn Công giáo toàn cầu, nhưng mọi thứ còn lại thì rất khác: cũng như mọi người khác, tôi mặc áo chống đạn Kevlar và mang vũ khí trong suốt thời gian diễn ra Lễ Mass linh thiêng. Dẫu vậy, tôi thấy bối rối lúc bước tới làm Lễ ban Thánh thể và mục sư ban Thánh thể “đã chiến”, có lẽ do nhận ra cái tên “Hayden” trên phù hiệu của tôi, đã nói: “*Michael*, Phần cơ thể của Chúa”.

Sáng Chủ nhật, chúng tôi lên trực thăng hướng tới sân bay Baghdad, bao quanh là đội an ninh riêng của chúng tôi và đội cảnh vệ thuê từ Blackwater. Việc đó dễ dàng hơn so với việc cố gắng lái xe khoảng 15 kilômét từ Vùng Xanh, dẫu cho trạm thường trú CIA và lính Mỹ phải chuyển đồ cung ứng và người dọc theo tuyến đường đó hằng ngày. Dịch vụ xe bọc thép đưa đón của đại sứ quán luôn thu hút sự chú ý của các tay súng.

Irắc là một mớ hỗn độn. Đây là chuyến đi có tác dụng thức tỉnh, khiến tôi cảm thấy bồn khoăn và lo lắng về nơi mà chiến dịch ngoại giao quan trọng nhất của chúng ta đang hướng đến.

Tại Islamabad, Jose Rodriguez và tôi đến gặp Ashfaq Parvez Kayani, Giám đốc Cơ quan Tình báo liên sở (ISI) Pakixtan. Đây là cuộc gặp đầu tiên trong số nhiều cuộc gặp của tôi với nhân vật nguyên là tư lệnh quân đoàn, rất chuyên nghiệp nhưng lại nói năng nhỏ nhẹ, gần như là lẩm bẩm, miệng liên tục đốt thuốc lá. Việc ông ấy nghiện thuốc lá nặng khiến tôi luôn phải hòa mình trong làn khói thuốc bám quanh người lãnh đạo ISI để hiểu ông ấy.

Kayani về sau trở thành một trong những người quyền lực nhất Pakixtan ở cương vị Tham mưu trưởng lục quân, và Đô đốc Mike Mullen, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ, đã bay nhiều dặm trên không qua lại giữa Islamabad và Washington để gây dựng quan hệ với ông ấy. Việc trở thành người lãnh đạo ISI năm 2006 đã đủ cho thấy Kayani quan trọng. Musharraf không đời nào đặt ai vào vị trí công việc mà ông ấy không hoàn toàn tin tưởng.

Kayani có phẩm chất đáng tôn trọng của một quân nhân đích thực, nhưng làm việc với Pakixtan, và cụ thể là làm việc với ISI, luôn rất khác. Lợi ích của Pakixtan và Mỹ ở Ápganixtan cũng như trong khu vực không giống nhau. Nhận định đó không xuất phát từ ý xấu, mà chỉ là do thể giới quan rất khác biệt của mỗi bên. Trong nỗ lực nhằm xác định lý do, tôi thường tự hỏi bản thân: Điều gì tạo nên Pakixtan? Một số quốc gia (như Đức) đặt rất nhiều niềm tin vào việc đổ máu; những quốc gia khác (như nước Mỹ) lại gắn mình với ý thức hệ. Vậy còn Pakixtan?

Tôi nghĩ tới hai điều. Thứ nhất, nước này *không phải* là Ấn Độ. Và thứ hai, đó là đạo Hồi. Và chẳng bao lâu sau tôi nhận thấy rõ ràng vấn đề cụ thể mà tôi muốn nêu ra với người

đồng nhiệm phía ISI của mình là gì cũng không quan trọng. Về căn bản, điều tôi đang yêu cầu đối tác của mình thực hiện là bớt chú ý đến Ấn Độ (điều mà ông ấy sẽ không bao giờ thực hiện) và hợp tác với tôi trong cuộc chiến nhằm vào một bộ phận nhỏ nhưng vô cùng hiểm ác của Hồi giáo (điều mà ông ấy thấy rất khó thực hiện).

ISI là một tổ chức phức tạp. Chúng tôi gây dựng quan hệ đủ tốt với bộ phận chống khủng bố, nhưng chúng tôi cũng biết rằng, lâu nay, các bộ phận khác trong cơ quan vẫn duy trì quan hệ của Pakixtan với người Pastun và các lực lượng chiến binh bộ lạc khác, coi họ là bức tường rào ngăn chặn sự bao vây của Ấn Độ. Với chúng tôi, Ápganixtan là một cuộc chiến nhắm vào Taliban và al-Qaeda. Với Pakixtan, Ápganixtan giúp tạo chiều sâu chiến lược trong cuộc ganh đua quan trọng nhất: cuộc ganh đua với Ấn Độ.

Dù đã có rất nhiều nỗ lực gây dựng quan hệ với Kayani, Mullen đã kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân của mình bằng việc cáo buộc ISI tiếp tay cho cuộc tấn công của mạng lưới khủng bố Haqqani vào Đại sứ quán Mỹ ở Kabul. Ông ấy kết luận: “Mạng lưới Haqqani hoạt động như một cơ sở chân rết đích thực của Cơ quan Tình báo liên sở Pakixtan”.

Một số nhà quan sát thiếu thông tin đã đưa ra nhận định rằng cuộc đột kích Abbottabad vào tháng 5 năm 2011 để tiêu diệt Osama bin Laden đã phá hỏng mối quan hệ giữa Mỹ và Pakixtan. Không hề. Việc đó chỉ đơn thuần giật bỏ chiếc mạng che mặt.

Ngay trước khi diễn ra cuộc đột kích Abbottabad, người kế nhiệm của Kayani là Ahmed Shuja Pasha (xem Chương XVIII), được tạp chí *Time* bầu chọn vào danh sách một trăm người ảnh hưởng nhất thế giới vào năm 2011. Tạp chí này có nhờ tôi thảo một bài viết ngắn về Pasha. Tôi nhận lời và sau đó gọi cho các

quan chức Chính phủ Mỹ đương nhiệm và mãn nhiệm để xin lời khuyên về những điều cần viết, nhất là điều gì đó cần nói để có thể tác động tốt cho mối quan hệ chung. Tôi hỏi về những ngôn từ cụ thể nói về Pasha và ISI. Một trong những từ lịch thiệp mà có người gợi ý cho tôi là “hai mang”.

Từ đó không thực sự giúp ích trong trường hợp này, vậy nên tôi chỉ nhận xét rằng “những thay đổi ở Pakixtan - sự lớn mạnh của trào lưu chính thống, chủ nghĩa dân tộc và tư tưởng bài Mỹ - đã len lén vào không gian mà bất cứ lãnh đạo ISI nào cũng có thể hợp tác với Mỹ. Pasha, một nhà yêu nước Pakixtan và một đối tác của nước Mỹ, giờ đây chắc hẳn thấy hai vai trò này càng trở nên khó điều giải hơn - và đó là thời điểm mà mức độ thành bại trong hoạt động chống khủng bố của Mỹ phụ thuộc phần lớn vào chính điều đó”.

Pakixtan từng là một đối tác tốt trong giai đoạn ngay sau sự kiện 11/9, khi Musharraf đã đồng ý tăng cường nỗ lực đấu tranh nhằm vào các phần tử khủng bố người Ả-rập và Udobêkixtan đang tự do hoành hành tại các khu vực có người sinh sống của Pakixtan. Quả thực, CIA có thể tóm được nhiều phần tử khủng bố nhờ hợp tác với ISI hơn so với hợp tác với bất cứ cơ quan nào khác. Khi những kẻ khủng bố ở trong và quanh các thành phố của Pakixtan, chúng gây ra mối đe dọa với người Pakixtan không kém gì đối với chúng ta. Khi al-Qaeda lánh đến các vùng bộ lạc xa xôi, người Pakixtan trở nên ít quan tâm hơn và, thẳng thừng mà nói, ít có khả năng giúp đỡ chúng ta.

Rồi còn mối đe dọa trả đũa bằng bạo lực. Người Pakixtan luôn nói rõ rằng, nếu đúng là Osama bin Laden hay Zawahiri có trú chân ở nước họ đi nữa, chẳng hạn thế, thì khả năng bị trả đũa cũng có thể ngăn trở hành động phản ứng của Pakixtan.

Cuộc gặp gỡ năm 2006 với Kayani không có gì căng thẳng ở khía cạnh cá nhân với cá nhân. Chúng tôi chỉ là những người đến từ những nơi khác nhau, và quả thực, chính người Mỹ

mới phải chịu phần lớn trách nhiệm cho mối bất hòa chiến lược này. Tôi từng có lần ngồi cùng Kayani trên một chiếc máy bay nhỏ chuẩn bị hạ cánh xuống nước Mỹ. Lúc nhìn ra khung cảnh ngày một hiện rõ qua cửa sổ máy bay, tôi quay sang viên tướng này và nói: “Mỗi khi chuẩn bị đặt chân đến một địa điểm ở nước ngoài, tôi thường cố gắng để sao cho quang cảnh xung quanh lướt qua mắt tôi và kể cho tôi về đất nước mà mình đang tới. Thưa Đại tướng, ngài nghĩ gì khi nhìn qua cửa sổ này?”

Kayani kể cho tôi về thời gian ông ấy theo học bồi dưỡng tại trường Cao đẳng Tư lệnh và Tham mưu (CGSC) tại Kansas vào cuối thập niên 1980. Khi ở đó, ông ấy và vợ mình thường có những cuộc du ngoạn cuối tuần. Họ đơn giản lái xe theo bất cứ hướng nào mình muốn trong bốn đến năm tiếng đồng hồ để ngắm những gì có thể. Khi đã lái xe đủ xa, ông ấy sẽ tạt vào một khu giao lộ, đỗ xe và bước vào một trong những nhà nghỉ ven quốc lộ nhan nhản khắp nơi để kiểm phòng nghỉ qua đêm. Kayani quay sang và nhìn tôi, rồi nói với vẻ tán thành: “Trong những lần như thế, lần nào cũng vậy, lễ tân nhà nghỉ đều cho rằng tôi là người Mỹ”.

Nhóm của Kayani là nhóm quân nhân Pakixtan cuối cùng được học tại các trường quân sự Mỹ. Nước Mỹ ngưng các chương trình đào tạo đó vào năm 1990 vì những lý do liên quan đến chương trình hạt nhân mà Pakixtan đang tiến hành. Không có những mối liên hệ như vậy, giới quân sự và an ninh của Pakixtan và Mỹ là những người lạ với nhau và vẫn cứ ở tình trạng đó hơn một thập kỷ. Hành động trong một lĩnh vực (chống phổ biến vũ khí hạt nhân) đã có tác động đến một lĩnh vực khác (chống khủng bố).

Tôi để Rodriguez ở lại Islamabad và lên máy bay đi Kabul, Ápganixtan. Mùa Hè năm đó dồn dập sự việc đến mức chỉ vài ngày sau khi tôi rời khỏi Pakixtan, giới chức nước này đã

bắt giữ Rashid Rauf, một công dân Anh gốc Pakixtan bị tình nghi là đối tượng chủ mưu cho kế hoạch của al-Quaeda đánh bom một loạt máy bay chở khách thân rộng trên đường từ London đến Mỹ.

Việc bắt giữ Rashid Rauf đã buộc giới chức Anh phải ra tay vây bắt khoảng hai chục đối tượng được cho là đồng chủ mưu với Rashid Rauf tại London, những đối tượng đang nằm trong phạm vi theo dõi của họ. Người Anh cảm thấy không mấy thoải mái với người Pakixtan hay chúng ta. Lâu nay họ vẫn hy vọng có thời gian để thu thập thêm bằng chứng nhằm khởi tố hình sự những đối tượng bị nghi là chủ mưu này. Cuối cùng họ cũng buộc tội một số đối tượng có âm mưu giết người và những tội danh khác, nhưng, do thiếu bằng chứng có thể chấp nhận được, các phiên xử diễn ra gay go, kéo dài và thường không đưa ra được phán quyết.

Người Pakixtan bắt giữ Rauf vì họ bất chợt có cơ hội thoát qua trong khi đối tượng này di chuyển và họ biết hắn đang làm gì - và họ không muốn là tâm điểm búa rìu nếu như bất cứ chiếc nào trong số những chiếc máy bay trên thực sự nổ tung.

Nhưng ISI không muốn xử lý Rauf mà không có sự ủng hộ và bảo lãnh của Mỹ. Jose kể câu chuyện trong đó có tình tiết giới chức Pakixtan biết rằng Rauf sẽ đi qua một trong những trạm kiểm soát của họ. Họ hỏi: "Chúng tôi có nên bắt hắn không?" Jose đột nhiên rơi vào thế phải đưa ra quyết định trong lúc được ISI dùng xe chở đi dùng bữa tối. Ông ấy hiểu động cơ của người Pakixtan. Ông ấy nói: "Có" và, nhanh nhất có thể, gọi về Washington - nơi Chính phủ Mỹ vừa mới có những lời cam đoan với Chính phủ Anh rằng Mỹ sẽ không hối thúc việc bắt giữ Rauf. Mọi thứ chết tiệt diễn ra bung bét tại trụ sở chính CIA. Tôi thấy mừng là mình đang ở một vùng chiến sự.

Tháng sau, Rodriguez và tôi cùng nhau lên đường đến New York. Chủ đề Rashid Rauf được khơi ra. Tôi thông cảm với Jose.

Tôi thấy soi xét lại mọi chuyện cũng chẳng ích gì. “Ông đã làm điều duy nhất có thể làm được rồi còn gì”.

Trong bất kỳ trường hợp nào, triệt phá một âm mưu là một thành công lớn. Chúng tôi đã cung cấp cho người Anh rất nhiều thông tin cơ sở dẫn đến vụ bắt giữ này. Đó là một thành tựu hợp tác và có ý nghĩa thực sự của tình báo Anh và Mỹ. Đây là âm mưu tấn công nghiêm trọng nhất kể từ sau vụ khủng bố 11/9 và chúng tôi thừa nhận điều đó. Vấn đề duy nhất mà chúng tôi gặp phải là thời điểm bắt giữ những gã này. Rất cuộc, người Pakixtan đã làm việc đó cho chúng tôi.

Sau khi âm mưu tấn công này đã bị triệt phá, một nhân viên CIA có yêu cầu gặp tôi. Anh ấy muốn giới thiệu với tôi về một mẫu máy bay của hãng United Airlines được dùng thực hiện các chuyến bay từ sân bay Heathrow đến Bồ Đông nước Mỹ. Em trai anh ấy là phi công trên tuyến đó và cậu ta muốn anh trai mình giới thiệu cái này với tôi. Thông điệp cậu phi công muốn chuyển cho chúng tôi là: “Tôi không biết các vị đã làm gì. Tôi chỉ muốn nói lời cảm ơn”.

Kabul là chặng dừng chân thứ ba trong chuyến công tác tháng 8 năm 2006 và tại đó tôi có cơ hội đến thăm trạm thường trú CIA. Giống như trạm thường trú vùng chiến sự của chúng tôi ở Baghdad, trạm này rất lớn và đang làm những việc rất quan trọng.

Tôi cũng có bữa tối vui vẻ với Tổng thống Ápganixtan Hamid Karzai tại Dinh tổng thống. Karzai là một nhân vật phức tạp và không nghi ngờ gì về việc lịch sử đã đặt ông ấy vào những vị trí mà ông ấy không hề được chuẩn bị tiếp nhận. Nhưng bữa tối này diễn ra trước khi phần lớn những điều nói trên trở nên rõ ràng và trước khi ông ấy thực sự xa lánh Mỹ. Đêm nay, Karzai rất thoải mái, nói nhiều và dễ gần. Chúng tôi dùng món theo phong cách gia đình, lúc tôi đang xúc các món đặc sản Ápganixtan vào đĩa, Tổng thống nước Cộng hòa

Hồi giáo Ápganixtan “cảnh báo” tôi đừng dùng món salad. Ông ấy nói: “Đương nhiên là trừ khi ông muốn ở lại Kabul lâu hơn”. Không phải nguyên thủ quốc gia nào cũng “cảnh báo” điều đó với tôi.

Ông ấy thấy vui khi tôi dường như thích món ăn Ápganixtan và nói rằng có rất nhiều nhà hàng Ápganixtan ngon lành ở Washington. Tôi nói: “Nhưng thưa Ngài Tổng thống, nhà hàng ngon nhất lại ở Baltimore”. Khi đó Karzai mỉm cười, lặng lẽ thú nhận rằng tôi đã làm tốt phần tìm hiểu và biết rằng em trai ông ấy sở hữu một nhà hàng như vậy.

Trong một nhận xét nghiêm túc hơn, tôi thấy Karzai khi đó và về sau này rất dễ nói chuyện và luôn thoải mái với chúng tôi. Có thể là do chúng tôi luôn có thể bàn đến những chuyện mà không ai trong chúng tôi có ý định công khai. Gần như theo định nghĩa thì tôi đang cố làm sao không đặt ông ấy (hoặc chúng tôi) vào một tình thế khó xử. Khi chỉ có riêng tôi với ông ấy thì tôi trình bày những đề xuất đường lối hành động, ông ấy tỏ thái độ nghiêm túc trong mọi khía cạnh và ủng hộ đề xuất. Ông ấy tiếp tục nói chuyện với CIA ngay cả sau khi bắt đầu có những cuộc cãi vã với Washington.

Biden, khi đó đang là Thượng nghị sĩ, ném chiếc khăn ăn xuống và tuyên bố: “Bữa tối này đã kết thúc” vào tháng 02 năm 2008 khi Karzai phủ nhận có tình trạng tham nhũng ở Ápganixtan. Biden đến cùng hai thượng nghị sĩ khác, và theo báo chí đưa tin thì có vẻ như đó là bữa tối theo phong cách gia đình như bữa tối mà tôi được tổng thống mời. Tôi không nghĩ có cách xử trí nào tệ hơn là việc làm bề mặt Karzai theo cách này.

Tôi cũng dành thời gian ở Kabul để gặp Amrullah Saleh, Giám đốc Cục An ninh quốc gia (NDS), cơ quan chuyên trách hoạt động tình báo của Ápganixtan. Amrullah trẻ trung, chỉ khoảng 35 tuổi, và có ý thức tự học. Anh ấy làm chủ tiếng Anh một cách thành thạo, chủ yếu bằng cách đọc sách và thỉnh thoảng đọc sai

những từ tiếng Anh không rõ nghĩa khiến sự đứng đắn ở anh ấy càng trở nên đáng trân trọng.

Mặc dù đang phụng sự tổng thống là người Pashtun, Amrullah là người Tajik đến từ thung lũng Panjshir và đệ tử trung thành của thủ lĩnh Liên minh miền Bắc Ahmad Shah Massoud, người bị giết vào ngày 09 tháng 9 trong vụ đánh bom tự sát của al-Qaeda (xem Chương III). Amrullah là một người yêu nước, có tư tưởng bài Taliban quyết liệt và cũng là người quan trọng nhất với chúng tôi, hoàn toàn thành thật là như vậy. Anh ấy là người chúng tôi có thể hợp tác để chuyên nghiệp hóa NDS, bảo đảm cơ quan này tôn trọng những quyền cơ bản của con người và loại bỏ những nhân viên ma khỏi biên chế cơ quan.

Amrullah cũng hoàn toàn không tin tưởng Pakixtan, việc này khiến nỗ lực của chúng tôi đạt được một mức độ hợp tác nào đó giữa hai bên giới tuyến Durand càng trở nên phức tạp. Giới tuyến do Ngài Mortimer Durand vạch ra cắt ngang qua quốc gia Pashtun, với 29 triệu người Pashtun nằm ở phía nam và 13 triệu người Pashtun nằm ở phía bắc giới tuyến này tại Ápganixtan. Đương nhiên là 13 triệu người Pashtun nằm ở phía bắc giới tuyến này lại tạo thành một tỷ lệ lớn hơn nhiều dân số Ápganixtan, hơn 40 phần trăm, khiến họ nay là nhóm sắc tộc lớn nhất tại nước này cho đến nay.

Đối với Pakixtan, người Pashtun là công cụ gây ảnh hưởng ở Ápganixtan mà họ không muốn từ bỏ, và họ không đặc biệt nhạy cảm trong việc xác định kiểu trung thành nào họ muốn có ở người Pashtun. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là do ISI có quan hệ với Taliban, mạng lưới Haqqani và các mạng lưới khác. Tổng thống Musharraf từng có lần nói với tôi sự phân chia quốc gia Pashtun chỉ đơn thuần là phân chia bắc với nam giới tuyến. Ông ấy không nói gì đến việc có hay không yếu tố nổi dậy vũ trang chính là một đặc điểm phân biệt.

Đối với Ápganixtan, các mạng lưới Pashtun mang tư tưởng chính thống ở phía bắc và nam giới tuyến là một nguy cơ gây bất ổn định sâu sắc. Tổng thống Karzai đã mô tả đầy sắc sảo với tôi sự phân chia quốc gia Pashtun là sự phân chia giữa tư tưởng ôn hòa và tư tưởng cực đoan, không liên quan gì đến yếu tố địa lý.

Vậy là Amrullah có vấn đề riêng với ISI, nhưng đôi khi mối quan hệ cá nhân có thể giành thắng lợi trước tình trạng thù địch trong nội bộ tổ chức hoặc thậm chí ở phạm vi quốc gia. Chúng tôi cố gắng giải quyết vấn đề dựa theo nhận định này và mời Amrullah và Kayani đến một địa điểm vùng đồng quê do CIA quản lý ở Mỹ. Đó là một địa điểm riêng tư, thoải mái và bảo đảm. Trong hai ngày, ba cơ quan - CIA, ISI và NDS - đối chiếu quan điểm về tình hình ở Nam Á. Không có xung đột thực sự nào và chúng tôi dành nhiều thời gian bên lề cho những món buffet và cuộc nói chuyện không chính thức.

Cuối cùng thì việc đó cũng không thực sự mang lại kết quả. Amrullah tin vào niềm tin của mình. Về phần mình, Kayani phải cố lắm mới che giấu được thái độ giận dữ đối với kẻ kém mình cả chục tuổi và chưa từng kinh qua cuộc sống khắc nghiệt của một quân nhân Pakixtan.

Ít ra thì tất cả chúng tôi đều rất thích vùng đồng quê này. Trong suốt buổi thảo luận cuối cùng, Amrullah nhận xét rằng nơi đây giống như chốn thiên đường theo mô tả trong kinh Koran, đương nhiên là ngoại trừ những bà sơ.

Trong chuyến công tác năm 2006 đến Ápganixtan, tôi cũng đến Khost, nơi bảy nhân viên CIA và nhà thầu bị giết sau đó ba năm. Khost là phần lãnh thổ chia hản sang phía đông trên đường biên giới với Pakixtan. Đây là một địa bàn chiến lược và chúng tôi không phải là người đầu tiên có mặt ở đó. Phía cuối đường băng có nhiều máy bay Nga bị bỏ lại từ thời điểm khó khăn của họ tại Ápganixtan.

Một trong những vị chủ nhà tiếp đón chúng tôi là Lực lượng vùng Khost, đơn vị bán quân sự đang chiến đấu chống lại Taliban ở khu vực đó. Tôi cũng có kế hoạch gặp người được miêu tả là “giáo sĩ chiến trường”, một nhà truyền giáo địa phương có quyền lực rất mạnh, có sức ảnh hưởng lớn ở một đài phát thanh. Các con tim và khối óc. Các lực lượng địa phương. Thông tin tình báo tốt. Có vẻ đây là một kế hoạch đúng đắn.

Năm 2006, chỉ có hai mươi nghìn lính Mỹ hiện diện tại Ápganixtan. Đó vẫn là một cuộc chiến không đến nỗi nào. Irắc mới là vấn đề thực sự.

Khi quay trở lại Washington, tôi hỏi Chánh Văn phòng của mình: “Hai chuyên gia phân tích tình hình Irắc đó sao rồi?” Chúng tôi đã để họ lại ở Irắc khi Jose và tôi bay sang Islamabad. Chánh Văn phòng gọi cho họ rồi báo cáo lại với tôi rằng hai chuyên gia đó ngạc nhiên khi thấy tôi vẫn muốn xem “bản tin tờ gấp” của họ. Vậy là họ hoàn thiện báo cáo, mô tả bằng hình họa những điều kiện thực địa. Tôi nói: “Báo cáo hay lắm - Tôi sẽ đích thân tường trình với tổng thống”.

CIA không còn chịu trách nhiệm cung cấp bản Tường trình công việc hằng ngày cho tổng thống (PDB). Trách nhiệm đó giờ thuộc về Negroponte dẫu cho nhóm báo cáo viên ông ấy đưa theo vào phòng Bầu dục là người của CIA. Tổng thống dành rất nhiều thời gian cho những buổi tường trình này, và ông ấy trao đổi rất nhiều với các báo cáo viên, cũng thể hiện được là rất hiểu vấn đề. Tôi còn nhớ một buổi tường trình về Pakixtan, ông ấy quát to nhân viên bên ngoài văn phòng: “Đưa tên Musharraf đến đây!”

Có những ngày khác chúng tôi lại nghe được tiếng cánh động cơ chiếc trực thăng Marine One đang đỗ trên thảm cỏ Nhà Trắng. Tổng thống có kế hoạch ra ngoài Nhà Trắng và mọi người trong đội ngũ trợ lý đang chạy về phía chiếc trực thăng, nhưng tổng thống chỉ nhúc nhích khi cuộc tường trình đã kết thúc.

Sau này Tổng thống Obama đã chấm dứt lệ nhận thông tin tường trình cá nhân hằng ngày, còn Tổng thống Bush thì cưỡng nghe báo cáo - ông ấy muốn được tường trình hằng ngày, có người báo cáo trực tiếp, 6/7 ngày mỗi tuần.

Tôi không phải là người lập PDB, nhưng Tổng thống Bush vẫn cứ khẳng khẳng yêu cầu tôi cập nhật hằng tuần về những hành động ngầm và thu thập thông tin nhạy cảm, vậy nên tôi phải dành ba mươi phút mỗi sáng thứ Năm để báo cáo ngay sau buổi báo cáo PDB kéo dài ba mươi phút.

Tôi tranh thủ cơ hội tiếp xúc đó để tường trình với Tổng thống Bush về chuyển công tác của mình tới Irắc. Tôi không tập trung vào những tên gọi vấn đề, nhưng đã mang đến cho ông ấy một bản mô tả thực sự thẳng thắn dựa vào báo cáo nói trên và những quan sát riêng của mình. Tôi nói: “Thưa Ngài Tổng thống, chúng tôi thậm chí còn không thể ra ngoài Vùng Xanh nếu không có sự hộ tống hùng hậu của lực lượng vũ trang”. Tình hình ở đó rất khó chịu và tôi có thể nói rằng mình đang châm ngòi cho một phản ứng tình cảm từ tổng thống Mỹ. Ông ấy biết tôi, đã chọn tôi là Giám đốc CIA của ông ấy và tin tưởng tôi. Và giờ đây tôi đang nói với ông ấy: “Chiến dịch ngoại giao của chúng ta đang đi theo hướng thực sự tệ hại. Kế hoạch mà chúng ta đang triển khai không hề có dấu hiệu thành công”.

Đây có thể không phải là lần đầu tiên tổng thống được nghe thứ gì đó thẳng thừng như thế này, nhưng là lần đầu tiên ông ấy được nghe từ miệng tôi. Ông ấy lặng lẽ, không có phản ứng gì. Tôi không nhớ nhiều tình tiết của cuộc trao đổi và nhận thông tin thông thường này. Đây là một bức tranh rất u tối.

Quay trở về cơ quan, tôi triệu tập các chuyên gia phân tích tình hình Irắc đến văn phòng mình để trình bày lại tình hình với họ. Tôi hỏi: “Vậy lương tâm chúng ta có trong sạch không nhỉ?” Thế rồi, được thôi thúc bởi niềm tin rằng mọi chuyện như thế này được bàn ở phòng Bầu dục tốt hơn là trên báo chí,

tôi nói thêm: “Chúng tôi đã gửi một thông điệp khó chịu đến tổng thống vào sáng nay. Hãy giúp tôi duy trì được khả năng truyền tải những thông điệp khó chịu”.

Tôi phải mô tả lại bức tranh ảm đạm này khoảng hai tháng sau trong phòng Roosevelt ở Cánh Tây Nhà Trắng. Lần đó là buổi làm việc của Nhóm Nghiên cứu Irắc, một thực thể đang giám sát gắt gao cuộc chiến này. Nhóm Nghiên cứu Irắc do Quốc hội ủy nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của hai người Mỹ xuất chúng là cựu Ngoại trưởng James Baker và cựu [Hạ] nghị sĩ Lee Hamilton. Những nhân vật đình đám khác có mặt trong phòng là cựu thẩm phán Tòa án Tối cao Sandra Day O'Connor, cựu Ngoại trưởng Larry Eagleburger, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Bill Perry, các cựu Thượng nghị sĩ Chuck Robb và Alan Simpson, cựu Bộ trưởng Tư pháp Ed Meese, cùng nhà lãnh đạo hoạt động dân quyền và là bạn thân của Clinton là Vernon Jordan.

Bob Gates từng là thành viên của nhóm này cho đến một tuần trước đó. Khi được chỉ định vào vị trí Bộ trưởng Quốc phòng, ông ấy đã rút khỏi nhóm. Về sau tôi biết được rằng bức tranh u tối của tôi trùng hợp ở nhiều khía cạnh với bức tranh ông ấy đã vẽ trước đó.

Tôi gọi đến Baghdad để đối chiếu các nhận định của mình với trưởng trạm CIA trước khi vào Nhà Trắng. Chúng tôi nhất trí mọi khía cạnh với nhau. An ninh đang xuống cấp ở Baghdad và không hề thấy có điểm uốn rõ ràng nào trong triển vọng đảo ngược xu hướng này của chúng ta. Tình thế chưa đến mức tuyệt vọng, nhưng chúng tôi đã phải cắt giảm phần nhiều công việc ở đó.

Tôi không hề có bất kỳ lời công kích nào nhằm vào nhóm nghiên cứu này. “Việc chúng ta rời khỏi Irắc sẽ khiến tình hình tệ hơn. Việc chúng ta ở lại Irắc có thể không giúp tình hình tốt lên” nếu chúng ta tiếp tục duy trì cách tiếp cận như hiện nay mà không sửa đổi.

Chúng ta đã tạo được những thành công chiến thuật, nhưng lại không có tác động chiến lược. Chúng ta đã bảo trợ cho một chính phủ được bầu ra một cách dân chủ và có sự cân đối về tôn giáo và sắc tộc, nhưng đó lại là chính phủ không có khả năng hoạt động hiệu quả. “Những yếu tố đòn bẩy quyền lực [ở Baghdad] không có liên hệ với bất cứ thứ gì”. Mọi chuyện như thế này dường như không thể đảo ngược, ít nhất là trong ngắn hạn.

Tôi bày tỏ sự kinh ngạc trước những gì mình quan sát được vào tháng 8, rằng người Irắc dường như sẵn sàng chấp nhận mức độ bạo lực cao đến mức khó tin. Dựa vào kinh nghiệm hoạt động tại Balkan của mình, tôi gợi ý rằng các bên có thể phải chiến đấu với nhau đến kiệt quệ trước khi các nỗ lực hòa giải của chúng ta đem lại kết quả. Ngay lúc này đây, ai ai cũng cùm vào cái xó góc sắc tộc hay giáo phái của mình để được bảo vệ, vậy nên nỗ lực của chúng ta trong việc tăng cường sức mạnh các lực lượng an ninh Irắc - thường mang nhiều yếu tố phe phái hơn là quốc gia - chưa hẳn đã là một cách làm hoàn toàn hay.

Tôi đã sử dụng sự kiện Marathon Pittsburgh như một phép ẩn dụ, nói với nhóm nghiên cứu này rằng, ở cột mốc dặm thứ 22 trong cuộc chạy đó, một vận động viên phải đối mặt với quãng đường đổ dốc dài một dặm, và sau đó, ba dặm còn lại là phần việc không khó khăn hơn những gì ta phải làm trước nhà thờ vào một ngày Chủ nhật bất kỳ. Tôi nói: “Tôi không thấy ở cột mốc 22 dặm dòng chữ nào báo cho tôi biết rằng tình hình sẽ dễ dàng hơn”.

Chưa đầy một tuần trước buổi làm việc này, Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld đã trình bày với tổng thống về quyết định từ chức. Rõ ràng đây là tín hiệu cho một đợt rà soát chiến lược lớn.

Đợt rà soát đó đã ngốn phần lớn thời gian của tôi và Steve Kappes trong thời gian còn lại của năm đó cũng như thời gian

của nhiều bộ phận CIA. Chúng tôi họp với nhau vào hầu hết buổi sáng và buổi chiều với sự chủ trì của Steve Hadley trong một phòng hội nghị lớn của Tòa nhà văn phòng hành pháp cũ (OEOB). Nhịp độ chiến đấu tại Langley bao gồm cuộc hội ý buổi sáng với các chuyên gia phân tích, tiếp sau đó là tôi hoặc Steve lao đến Nhà Trắng, một cuộc trả lời chất vấn cùng nhóm đó sau buổi làm việc, và tiếp theo là sự lặp lại quy trình trên vào buổi chiều với việc tôi và Steve hoán đổi vai cho nhau.

Những cuộc họp tại OEOB này diễn ra rất thẳng thắn và rất nhiều phương án được đưa ra cân nhắc. Vai trò của bộ phận tình báo là đặt ra đường ranh giới tay trái và tay phải của cuộc thảo luận lôgích. Chúng tôi nhấn mạnh rằng nhiều, nếu không muốn nói là hầu hết, các lực lượng an ninh ở Iraq có hành vi cướp bóc người dân và tăng cường sức mạnh cho họ mà không có biện pháp cải cách nào có thể thực sự khiến tình hình tồi tệ thêm.

Khi tranh cãi về thứ mà sau này trở thành “kế hoạch tăng cường đột biến”, chúng tôi nhất trí rằng bố trí năm lữ đoàn lính chiến chuyên nghiệp, phi giáo phái trong và quanh Baghdad sẽ giúp làm dịu tình trạng bạo lực. Dù đó là một tác động tốt, nhưng lại không có ý nghĩa chiến lược. Chúng tôi muốn làm dịu tình trạng bạo lực để kiến tạo thời gian và không gian cho Chính phủ Maliki đạt được điều kiện mà họ vẫn luôn tự nhận: một chính phủ quốc gia, thống nhất. Cho đến thời điểm đó họ chưa đạt được tiêu chí nào trong số các tiêu chí nói trên. Vừa không có yếu tố quốc gia, vừa không thống nhất, cũng chưa phải là một chính phủ đích thực.

Và Maliki, chúng tôi nhấn mạnh, là một phương án có xác suất thành công thấp trong nỗ lực thay đổi tình hình này. Xét đến tính cách và lý lịch cá nhân của ông ấy, có lẽ ông ấy sẽ phải “thoát ly ra ngoài phạm vi kinh nghiệm cuộc sống của mình” thì việc này mới có cơ may thành công.

Quốc hội dành mỗi quan tâm riêng đến những đánh giá của chúng tôi. Sáu thượng nghị sĩ đầy quyền lực (đều là phe Dân chủ) gửi yêu cầu cho Giám đốc Tình báo quốc gia vào tháng 7 và một lần nữa vào tháng 9 đòi trình nộp một bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE) mới về Irắc, bao gồm nội dung đánh giá về việc liệu nước này vốn đã ở trong hay vừa mới sa vào tình trạng nội chiến. Họ cũng yêu cầu những nhận định then chốt của NIE sẽ phải bảo đảm yếu tố không giữ bí mật, khẳng định rằng những điều chúng tôi nói sẽ có phạm vi vận động chính trị lớn.

Giám đốc Tình báo quốc gia Negroponte chấp thuận yêu cầu và các nhóm công tác của cộng đồng tình báo tỏa đi làm việc. Không có gì ngạc nhiên khi vấn đề nội chiến tiêu tốn rất nhiều công sức. Chẳng có gì phải tranh cãi nhiều về thực trạng nơi thực địa, chỉ là tính chính xác và, nói thẳng ra, tính hữu dụng của tên gọi, vì việc này sẽ mang đến cơ sở vận động và ủng hộ chính trị đích thực. (Quả đúng như vậy. Chính quyền đương nhiệm đã sử dụng NIE để vận động ủng hộ “kế hoạch tăng cường đột biến”, trong khi phe Dân chủ trong Thượng viện chống lại kế hoạch này).

Bộ phận tình báo của Bộ Ngoại giao phản bác việc gọi chiến sự ở Irắc là nội chiến, khẳng định rằng tình hình chưa đủ rõ ràng để đưa ra nhận định đó. Thay mặt CENTCOM, Bộ Quốc phòng cũng phản bác, chỉ ra rằng Bộ Quốc phòng không hề có một định nghĩa về nội chiến nào có thể chấp nhận được.

Tôi nhớ rằng, khi đang ở Irắc, quan điểm từ phía Lực lượng đa quốc gia - Irắc (MNF-I) cho rằng nơi đây giống với Cônggô hơn là Beirut. Người ở đây chiến đấu không phải để giành quyền kiểm soát chính phủ, mà cũng chẳng giành được quyền kiểm soát đáng kể thứ gì. Các nhóm có quy mô ngày một nhỏ đang tranh giành quyền lực với nhau trong những môi trường ngày một bị thu hẹp, và phần lớn tình trạng bạo lực nơi đây là theo trào lưu hơn là mục đích.

Nhưng người của tôi rất kiên quyết. Nội chiến phải là cách mô tả được chấp nhận. Tôi đã nói vậy và cũng nói rằng tôi sẽ “không thoải mái” nếu tên gọi này không được chấp nhận. Ngoài khả năng nhận thấy của tôi, đội ngũ chuyên gia phân tích CIA đã triển khai một cuộc tấn công bên sườn để yểm trợ cho tôi. Trưởng trạm thường trú CIA tại Irắc gửi email cho chuyên gia phân tích hàng đầu của Giám đốc Tình báo quốc gia để nói rằng, ngay cả khi tên gọi này không được sử dụng, người của anh ấy sẽ phải khai chứng khác đi nếu Quốc hội hỏi đến. Và chúng tôi đều biết rằng Quốc hội sẽ hỏi đến.

Cuối cùng, bản NIE quả quyết rằng “từ *nội chiến* mô tả đích xác những yếu tố then chốt của cuộc xung đột ở Irắc, bao gồm xu hướng củng cố bản ngã sắc tộc - giáo phái, sự thay đổi sâu sắc về đặc tính của bạo lực, sự huy động sắc tộc - giáo phái và tình trạng mất chỗ nương náu của người dân”.

Nhưng chúng tôi cũng bổ sung thêm rằng tình hình còn tệ hơn thế: hành động bạo lực sâu rộng giữa người Shiite với người Shiite, một cuộc nổi dậy, hoạt động khủng bố của al-Qaeda và tình trạng tội phạm hoành hành.

Chúng tôi bi quan về tương lai: “Giới lãnh đạo Irắc sẽ phải đối mặt với sức ép mạnh mẽ hướng tới mục tiêu hòa giải chính trị bền vững trong khung thời gian được nêu trong bản NIE này [12 đến 18 tháng]”.

Chúng tôi sợ tình hình sẽ tệ hơn. Chúng tôi đã xác định những sự kiện có thể “dịch chuyển quỹ đạo của Irắc từ từng bước xấu đi sang xuống cấp nhanh chóng với những hệ quả nhân đạo, chính trị và an ninh đặc biệt nghiêm trọng”.

Cuối cùng, chúng tôi nói thêm, chúng tôi là cái nút chai. “Năng lực của cơ chế liên hiệp, bao gồm các cấp độ lực lượng, nguồn lực và hoạt động vẫn là một yếu tố gây bất ổn mang tính thực chất ở Irắc”.

NIE được công bố vào đầu tháng 02 năm 2007, sau khi quyết định về “kế hoạch tăng cường đột biến” đã được tuyên bố, nhưng Steve Hadley nhanh chóng chỉ ra rằng thông tin tình báo đã dẫn dắt chính sách và cộng đồng tình báo là bên tham gia đầy đủ vào toàn bộ quá trình xem xét chính sách.

Đúng như vậy.

Một thông điệp khác của chúng tôi cũng được lắng nghe, thông điệp về Maliki. Tổng thống đã cử đi năm lữ đoàn, nhưng ông ấy cũng lên lịch triển khai các buổi hội nghị video cá nhân với thủ tướng Irắc để hồi thúc, lên lớp và khuyến bảo vị thủ tướng theo hướng tích cực. Không có gì lạ với việc tổng thống khi gần kết thúc các phiên làm việc với Hội đồng An ninh quốc gia thường đuổi hết chúng tôi ra khỏi phòng Tình huống khi thời gian quy định dành cho cuộc họp riêng của ông ấy đang đến gần. Ngoài tổng thống Mỹ, thủ tướng Irắc và đội ngũ phiên dịch thì không còn ai hết.

Tổng thống cũng liên tục hỏi ý kiến hai vị đại sứ rất tài năng và làm việc không biết mệt mỏi ở Baghdad là Zalmay Khalilzad và Ryan Crocker. Ông ấy đầu tư vốn liếng cá nhân và chính trị của mình để đạt được quy chế thỏa thuận lực lượng, hay còn gọi là SOFA, với giới chức Irắc mà theo đó chúng ta có thể duy trì binh lính ở đó ít nhất là đến năm 2011.

Công việc của chúng tôi có tiến triển, có lẽ còn hơn cả những gì tôi dự liệu, nhưng sự can thiệp cá nhân của tổng thống Mỹ đã kết thúc vào tháng 01 năm 2009. Và khi mà SOFA không được đưa ra đàm phán lại và gia hạn, và khi người lính Mỹ cuối cùng rời khỏi Irắc cuối năm 2011, Maliki đã trở lại với con người nguyên bản của ông ấy. Đáng buồn thay, chúng tôi đã từng có cả một quá trình làm việc với nhau.

Chương XII

CÁCH NHÌN NHẬN LẠ ĐỜI

Langley, Virginia, 2007-2008

Bài phát biểu tháng 9 năm 2006 tại phòng Đông Nhà Trắng của Tổng thống Bush không giải quyết được gì nhiều nhận. Trên thực tế, nó vạch ra những chiến tuyến hết sức rõ ràng.

Điều đó có nghĩa là khía cạnh chính sách và chính trị của Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn (RDI) sẽ rút rất nhiều dưỡng khí khỏi rất nhiều phòng ban tại Langley trong một thời gian khá dài.

Tôi rất cuộc là người phải dành nhiều thời gian để nói đến, giải thích và bào chữa cho hồ sơ RDI của CIA và cố gắng hoạch định một con đường phía trước.

Một số khía cạnh là tự biện minh, không phải cho cá nhân tôi, mà cho CIA nói chung. Hầu phần lớn những chuyện này xảy ra trước khi tôi về CIA, tôi thấy mình có bốn phạm phải bên vực những người tốt đã hành động bằng thiện ý. Trong thế giới quan phổ biến ở Langley, mọi người ở đó cho rằng họ đã làm điều đúng đắn về đạo lý, pháp lý và chức năng hoạt động.

Và còn có hồ sơ lịch sử. Không ai với hiểu biết nhất định về chương trình này còn nghi ngờ khả năng cung cấp những thông tin tình báo độc đáo và có giá trị sử dụng của chương trình. Và tôi tin chắc rằng một phiên bản nào đó của chương trình này cần được duy trì.

Việc đó khiến chương trình này đôi lúc hơi đơn độc, khi mà CIA đang phục vụ một chính phủ có cách định nghĩa về cuộc xung đột này vượt xa hơn rất nhiều so với bất kỳ chính phủ nào khác. Trong phạm vi chính phủ đó, CIA đang phục vụ một nhà hành pháp có quan điểm về cách thức giải quyết cuộc xung đột mạnh bạo hơn so với nhiều người trong ngành lập pháp, và trong khuôn khổ ngành hành pháp thì Langley [CIA] đang hoạt động ở mép ngoài của đặc quyền hành pháp với mức độ cao hơn bất kỳ cơ quan chức năng nào khác của chính phủ.

Việc này sẽ trở nên khó khăn gấp đôi khi mà vạch trung tâm trong xu hướng công luận đã dịch chuyển. Một vài năm sau sự kiện 11/9, CIA đã phải tự bào chữa trước ý kiến chỉ trích cho rằng cơ quan này quá thận trọng; từ khoảng năm 2006 trở đi, ý kiến cáo buộc phổ biến hơn là cơ quan này hoạt động quá quyết liệt.

Tôi hướng sự chú ý của công luận vào động năng đó. Tôi nói với các thánh giả của mình rằng tại trụ sở chính của chúng tôi, trong một phòng ban chống khủng bố, có một tấm biển hiệu được gắn lên tường nhiều năm rồi, nhưng đó là tấm biển hiệu không bao giờ nhòe đi trong tâm trí mọi người. Nội dung tấm biển hiệu chỉ đơn giản là: “Hôm nay là ngày 12 tháng 9 năm 2001”. Tôi thường nói thêm rằng, mỗi khi tôi lên xe và rời khỏi khuôn viên được bảo vệ chặt của CIA, chẳng bao lâu sau tôi sẽ có cảm giác như hôm đó là ngày 10 tháng 9 vậy. Ở đây không phải tôi tin rằng lại sắp có một cuộc tấn công nữa. Ý tôi ở đây chỉ là, đối với những bộ phận người dân còn lại của đất nước này, tác động của sự kiện 11/9 đã bắt đầu phai nhạt. Đó thực sự là một thước đo cho sự thành công của chúng tôi, nhưng đó không phải là thái độ mà CIA có thể được phép chia sẻ.

Đã có sẵn mối quan ngại rằng, khi con lắc chính trị bắt đầu đu trở lại, nó có thể quét đi nhiều nhân viên CIA trên đường chuyển động. Trong một bước đi mà một nhà thần học có thể gọi

là thánh lễ, vì ý định của nó vừa mang tính tượng trưng, vừa mang tính thực chất, tôi đã quyết định rằng CIA sẽ trợ cấp bảo hiểm trách nhiệm cho bất cứ nhân viên nào cần đến. Động thái này không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách của chúng tôi, vì bảo hiểm này không đến nỗi đắt đỏ lắm, mà nó thu hút sự tham gia của các công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm tư nhân, những người sẽ trả chi phí pháp lý và khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu như các nhân viên bị lôi ra tòa do những việc họ có thể đã làm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Phần thực chất được thể hiện rất rõ ràng: nhân viên CIA không phải cân nhắc đến rủi ro liên quan đến khoản tiết kiệm học đại học của con cái mình trước khi quyết định thực hiện một mệnh lệnh hợp pháp. Về vấn đề biểu hiện, chúng tôi hy vọng rằng động thái này sẽ thể hiện cho mọi người thấy việc này liên quan đến những con người thực sự với gia đình thực sự - chứ không phải là nhân vật hư cấu Jack Bauer. Thật không may, không mấy ai bên ngoài hàng rào CIA nhận thấy được động thái này.

Mọi người đều nhận thấy việc chúng tôi đang đưa nhiều hơn những hoạt động trước đây của CIA ra công khai. Đó là một phần trong nỗ lực rộng hơn nhằm thể thức hóa (và đặt giới hạn, khi thích hợp) những biện pháp ứng phó khẩn cấp đã được triển khai sau sự kiện 11/9. Steve Hadley cũng đã nói đúng như vậy trong bản thông cáo báo chí mà ông ấy và tôi công bố ngay trước bài diễn văn ngày 06 tháng 6 năm 2006 của tổng thống thông báo về việc chuyển các đối tượng giam giữ của CIA đến Guantánamo. “Tổng thống muốn đặt chương trình gặp nhiều ý kiến nghi vấn này và những công cụ khác được dùng trong cuộc chiến chống khủng bố vào một cơ chế dài hạn bền vững có sự ủng hộ của Quốc hội và sự hiểu biết của công chúng”. Nếu không làm việc này, chúng tôi và tổng thống biết rằng những công cụ này nhiều khả năng sẽ không được những người kế nhiệm chấp nhận.

Như một phần trong nỗ lực này, tôi có sự hiện diện chưa từng có tiền lệ đối với một Giám đốc CIA trước Hội đồng Quan hệ đối ngoại (CFR) tại thành phố New York. Chúng tôi quảng bá đây là bài diễn văn chủ chốt về cuộc chiến chống al-Qaeda và lên lịch cho bài diễn văn một vài ngày trước lễ tưởng niệm sáu năm sự kiện 11/9. Chúng tôi có cả một phòng hội trường chen chúc vài trăm con người quan tâm đến chính sách đối ngoại rất thạo tình hình, đôi khi rất hoài nghi, nhưng luôn nghiêm túc.

Tôi trình bày về lý do hiện diện của mình. “Có những điều nên được nói ra. Và đôi khi người dân của chúng ta nên nghe những điều này từ người đang điều hành Cục Tình báo Trung ương của họ”. Sau đó tôi mô tả hoàn cảnh hiện thời của chúng ta là đang trong tình trạng chiến tranh. “Đó là từ chúng tôi thường sử dụng trong các hội trường của Lầu Năm Góc và tại Langley mà không hề có yếu tố nhập nhằng nào”. Kẻ thù vẫn rất quyết tâm và tôi cho hấn điểm cao trong nỗ lực hồi sinh tại vùng đất bộ lạc của Pakixtan và lên kế hoạch thực hiện các hoạt động tấn công gây thương vong lớn trong lòng nước Mỹ. Chúng tôi không chắc chắn lắm về yếu tố còn lại cuối cùng mà al-Qaeda cần đến: “cài mật vụ tại đất nước này”.

Tôi nói một cách thẳng thắn và không hề bao biện về Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn (RDI) và cố gắng làm sao để mọi người nắm được quy mô những hành động của chúng tôi: chưa đến một trăm đối tượng giam giữ có giá trị cao và một nhóm bằng khoảng một nửa con số trên là đối tượng bị điều chuyển. “Những chương trình này được triển khai có trọng điểm và chọn lọc. Chúng được thiết kế chỉ dành cho những đối tượng khủng bố nguy hiểm nhất và những kẻ được cho là nắm giữ thông tin có giá trị nhất, chẳng hạn như nắm được các kế hoạch tấn công”.

Tôi thừa nhận rằng việc này đã làm dấy lên những vấn đề quan trọng. Tôi dẫn lời Bộ trưởng Nội vụ Đức Wolfgang Schäuble,

người đã mô tả tình hình bằng những từ ngữ u ám này: “Thực tế là những phân loại trước đây không còn phù hợp nữa. Không thể quản lý cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế bằng các phương pháp của cảnh sát. Chúng ta phải làm rõ xem liệu hiện trạng hiến pháp của ta có đủ đối mặt với những mối đe dọa mới hay không”.

Chúng tôi cũng quan tâm đến việc gọi là: “đánh sâu - làm cùn lời kêu gọi gia nhập lực lượng thánh chiến đối với những nam thanh niên Hồi giáo bất mãn và, với mức độ ngày một tăng, cả nữ thanh niên Hồi giáo nữa. Đánh sâu đòi hỏi làm mất uy tín và loại bỏ ý thức hệ cực đoan thánh chiến tạo động lực cho tư tưởng hận thù và bạo lực này. Đánh sâu đòi hỏi phải giành thắng lợi trong thứ căn bản được coi là cuộc chiến của những hệ tư tưởng”.

Tôi thừa nhận rằng “một số hành động đòi hỏi phải có trong cuộc chiến giáp lá cà đó có thể khiến toàn bộ công cuộc đánh sâu trở nên phức tạp hơn”. Luôn có những tác động bậc hai và bậc ba với bất kỳ hành động nào, kể cả đó là những hành động hợp pháp và cần thiết. “Nhưng trong thực tế cuộc sống hiếm có ai coi việc không làm gì là một lối hành động chính đáng và hợp đạo lý. Trách nhiệm yêu cầu hành động, và xử lý mối đe dọa trước mắt tất yếu phải là ưu tiên hàng đầu”.

Đó là phần thảo luận nghiêm túc và tiếp tục là như vậy trong màn hỏi - đáp đầy sắc sảo diễn ra sau đó (khi chúng tôi bỏ qua một số ý kiến cáo buộc đầy mệt mỏi về vai trò tội lỗi của CIA trong việc lật đổ chế độ Mossadegh tại Iran những năm 1950). Đó là một chuyến đi đáng thực hiện. Và chúng tôi nhanh chóng chuyển nội dung thành văn bản rồi đăng trên website của mình.

Tôi đã có bài phát biểu tương tự tại Đại sứ quán Đức ở Washington vào mùa Xuân năm 2007 trước đại sứ của toàn bộ

các nước trong Liên minh châu Âu tại Mỹ. Người Đức đang giữ ghế chủ tịch Liên minh châu Âu vào thời điểm đó, và Đại sứ Scharioth vẫn theo thói quen mời các đồng nghiệp Liên minh châu Âu của mình đến dự bữa trưa và có thể làm diễn giả khách mời. Tôi đoán ông ấy đã nghĩ tôi là người thú vị.

Giám đốc CIA có một đội ngũ nhân viên tuyệt vời, có khả năng thảo ra những bài diễn văn hấp dẫn, nhưng tôi đã tự tay làm việc này. Ngay từ đầu tôi đã có màn giới thiệu qua với những người bạn châu Âu của mình.

Tôi bắt đầu: “Tôi nhận thấy hết sức rõ ràng: Người dân nước tôi, chính phủ nước tôi, thậm chí cơ quan tôi cũng như tôi cho rằng chúng tôi là quốc gia thời chiến. Chúng tôi đang trong tình trạng xung đột vũ trang với al-Qaeda và những tổ chức chân rết của họ. Chúng tôi cho rằng cuộc xung đột với al-Qaeda này có quy mô toàn cầu. Chúng tôi cũng cho rằng một điều kiện tiên quyết để chúng tôi giành thắng lợi trong cuộc xung đột này là chấp nhận giao chiến với kẻ thù này dù hắn có là ai”.

Về sau chúng tôi nhận ra rằng tôi được đánh giá cao ở yếu tố thẳng thắn, nhưng không có một nước nào khác trong bữa trưa đó nhất trí với bất kỳ câu nào trong số bốn câu nói trên. Họ không chấp nhận từng câu một áp dụng với bản thân họ và họ bác bỏ tính chính đáng của toàn bộ những câu trên áp dụng cho chúng tôi.

Điều đó khiến nỗ lực hợp tác quốc tế trở nên khó khăn. Đúng là như thế, mọi quốc gia trong căn phòng đó sẽ chấp nhận thông tin tình báo về mối đe dọa do CIA cung cấp bất kể nguồn thông tin là như thế nào. Nhưng họ thực sự thận trọng với những thông tin cung cấp cho chúng tôi. Không ai trong số họ có thể được coi là hợp thức hóa hành động của Mỹ - như tiêu diệt một phần tử khủng bố bên ngoài địa bàn xung đột theo thỏa thuận quốc tế - nằm trong diện bị luật pháp hay chính sách của nước họ ngăn cấm.

Saleh Ali Saleh Nabhan là nhân vật phụ trách hoạt động cho al-Shabab, chân rết của al-Qaeda tại Xômalì. Theo thông tin báo chí, hắn bị tiêu diệt trong một cuộc đột kích của Lực lượng SEAL thuộc Hải quân Mỹ vào tháng 9 năm 2009. Chưa có nỗ lực nào hướng tới việc bắt sống hắn, và Lực lượng SEAL đã nằm vùng tại hiện trường đủ lâu để khiến Giám đốc Tình báo quốc gia phải phê chuẩn lệnh tiêu diệt. Đó là một nhiệm vụ thành công và phù hợp với cách tiếp cận pháp lý và hoạt động của nước Mỹ với cuộc xung đột này. Nhưng không hề có một cơ quan tình báo nào ở châu Âu, chắc chắn là ở Tây Âu, có thể cung cấp những thông tin mà họ cho là có thể sử dụng để hợp thức hóa cuộc đột kích đó. Theo luật pháp nước họ, việc đó có thể cấu thành trọng tội. Hầu hết mọi người thấy mừng khi hắn đã bị tiêu diệt, nhưng việc đó không có nhiều ý nghĩa.

Những thứ đại loại như vậy đã tác động tiêu cực đến các mối quan hệ ngay cả với những người bạn thân thiết nhất. Binyam Mohamed là người Êtiôpia từng tham gia huấn luyện trong hàng ngũ al-Qaeda. Hắn bị giam giữ ở Guantánamo nhưng hắn lại khẳng định rằng trước đó bị CIA giam giữ ở Ápganixtan, sau đó bị điều chuyển tới Maroc, và nói thêm rằng từng bị tra tấn ở cả hai nơi này. Với tư cách là người có thể cư trú Vương quốc Anh, hắn kiện lên tòa án Anh và tháng 8 năm 2008 nhận được phán quyết của tòa án rằng Chính phủ Anh phải giao lại các tài liệu tình báo (cụ thể hơn là tài liệu tình báo của Mỹ) cho luật sư của hắn*.

Chúng tôi tức bầm gan, tím ruột, đã thảo một bản thông báo nghe chói tai gửi cơ quan đồng nhiệm phía Anh là MI6 với

* Mohamed sau đó nhận được chế độ thỏa thuận một triệu bảng từ Chính phủ Anh, một phần là để tránh việc chính phủ phải đối mặt với những hành động kiện tụng tiếp theo và yêu cầu phải trình nộp thêm nhiều tài liệu cho mục đích bào chữa.

nội dung là Chính phủ Quý cơ quan sẽ nhận được ít thông tin tình báo Mỹ hơn (hậu quả tất yếu của việc chính phủ Quý cơ quan không thể hạn chế việc phát tán thông tin tình báo Mỹ). Đó là thông điệp rất cứng rắn, vậy nên trong thời gian duyệt nội dung bức điện, tôi đã gọi cho John Scarlett, Giám đốc MI6 và cũng là người bạn thân thiết của tôi, có lẽ cũng là nhân viên tình báo giỏi nhất tôi từng biết. Tôi nói với John về bản thông báo và sau đó nói thêm: “John này, ông phải thông cảm nhé. Chúng tôi thực sự có ý đúng như vậy đấy”.

John có lý do riêng của mình để thất vọng. Vào tháng 02 năm 2008, tôi bay đến London để thông báo với ông ấy rằng, trái với những cam đoan trước đó của chúng tôi, hai chuyến bay điều chuyển đối tượng của CIA vào năm 2002 với nhiều khả năng những đối tượng giam giữ đang ở trên đó đã thực hiện việc tiếp nhiên liệu tại đảo Diego Garcia thuộc quyền quản lý của Vương quốc Anh ở Ấn Độ Dương.

Đó là một lỗi có thể thông cảm. Chúng tôi tình cờ thấy được các dữ liệu trong một đợt rà soát các hồ sơ trước đây, và ngay cả khi đó, có những tài liệu mâu thuẫn nhau về việc thực sự có hay không có các đối tượng giam giữ trên những chuyến bay đó. Bằng chứng về việc các đối tượng đó trên các chuyến bay có sức nặng vượt trội, vậy nên tôi đã bay đến London để nói với John. Một trong những đối tượng bị giam giữ đang trên đường tới Guantánamo, đối tượng còn lại thì được chuyển về nước. Không đối tượng nào trong số này nằm trong chương trình đối tượng giam giữ quan trọng (chương trình HVD) của CIA.

John và tôi phối hợp lập ra một thời gian biểu cho một cuộc thông cáo báo chí, nhưng John không thể kiểm soát động năng chính trị của Anh. Ngoại trưởng David Miliband và Công Đảng của ông ấy rất dễ tổn thương về mặt chính trị trước những lời cáo buộc về việc thông đồng với hoạt động điều chuyển và thẩm vấn của người Mỹ. Với thành ý họ đã chấp nhận những cam kết

trước đó của chúng tôi về việc không bao giờ sử dụng Diego Garcia cho những chuyến bay như vậy và chúng tôi đã công khai điều đó. Thông tin mới này sẽ không có lợi cho họ qua thời gian. Miliband lao đến Nghị viện gần như ngay lập tức để thông báo tin tức này, nhưng tốc độ và thái độ thẳng thắn của Miliband cũng không làm được gì nhiều trong việc hạn chế những lời cáo buộc tất yếu về tội đồng lõa.

Toàn bộ sự cố này phản ánh rõ những khác biệt giữa chúng ta và cả những người bạn thân thiết nhất về những vấn đề này. Vào thời gian sau của bữa trưa tại Đại sứ quán Đức, Đại sứ Scharioth đã cố gắng bắc cầu qua vịnh khi nêu bật di sản văn hóa chung của châu Âu và Mỹ bằng việc nhắc cho tôi nhớ rằng “chúng ta đều là hậu duệ của kỷ nguyên Khai sáng”. Tôi nhất trí và lập tức nói thêm rằng trong khi người châu Âu dường như đặt niềm tin rất lớn vào Locke và tính cao cả của con người trong trạng thái tự nhiên, người Mỹ chúng tôi lại có xu hướng tin vào Hobbes và hệ thống quan điểm tối màu hơn của ông ấy.

Những cuộc bàn thảo với Quốc hội chưa bao giờ đạt đến cấp độ quan điểm trừu tượng triết lý tao nhã đó, ngay cả sau khi chúng tôi đã bắt đầu mang “mọi thứ cần thiết, phù hợp và có thể” đến Điện Capitol vào sáng diễn ra bài diễn văn tại phòng Đông Nhà Trắng của tổng thống vào tháng 9 năm 2006. Chúng tôi bổ sung hậu kỳ cho bài diễn văn đó bằng một loạt những cuộc hiện diện khác. Chúng tôi đã cung cấp danh sách những đối tượng từng bị giam giữ theo chương trình HVD, những kỹ thuật thẩm vấn áp dụng với chúng và số báo cáo tình báo chúng tôi nhận được.

Tôi nói với Quốc hội rằng chương trình HVD ra đời từ sự lúng túng ngay trong thời kỳ đầu khi nhân viên CIA thực hiện các vụ bắt sống đối tượng nơi chiến trường tại những nơi như Afganixtan mà không hề được huấn luyện và thậm chí còn ít

được hướng dẫn về cách thức thẩm vấn. Ngược đãi từng là chuyện xảy ra như cơm bữa.

Tôi đã cố gắng giải thích lịch sử. Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường (EIT) đã từng được áp dụng đối với một phần ba trong số khoảng một trăm đối tượng giá trị cao bị giam giữ. Bộ kỹ thuật này *không* được sử dụng để moi thông tin, mà để làm cho một đối tượng giam giữ chuyển từ ngoan cố sang hợp tác bằng việc bắt hấn phải chịu tình trạng không thể chịu đựng nổi. Khi hấn đã chuyển sang tình trạng hợp tác (độ dài thời gian có thể khác nhau, trung bình khoảng một tuần), việc thẩm vấn lúc này chỉ giống như cuộc báo cáo hoặc nói chuyện. Tôi ước tính rằng khoảng một nửa những gì CIA biết về al-Qaeda vào thời điểm đó đến từ những đối tượng giam giữ thuộc loại này hay loại khác.

Chắc chắn chúng tôi đồng tình rằng những kỹ thuật này rất quan trọng, nhưng cũng không ngại thừa nhận chúng không phải là công cụ quan trọng nhất của CIA. Công cụ quan trọng nhất là kiến thức của chúng tôi: kiến thức về chủ nghĩa khủng bố, kiến thức về phần tử khủng bố và kiến thức về triết lý tạo động lực cho chúng. Trong bản thông cáo báo chí tháng 9 phối hợp cùng Steve Hadley, tôi nhấn mạnh rằng: “Các chuyên gia đơn lĩnh vực của CIA với nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu và lần dấu al-Qaeda chính là những người tham gia vào những cuộc hỏi cung này”.

Về sau tôi có nói chuyện với một trong những chuyên gia đó, một phụ nữ trẻ tuổi mà CIA đã vội vã triển khai đến hiện trường để hỗ trợ việc thẩm vấn Abu Zubaida. Trong vòng 24 giờ đồng hồ sau khi quyết định cử cô ấy đi làm nhiệm vụ, cô ấy đang đứng mặt đối mặt với Zubaida tại một địa điểm đen của CIA. Về sau cô ấy mô tả với tôi rằng nơi đó là một trải nghiệm đáng sợ nhất và thú nhận rằng “chẳng ai muốn có mặt ở đó”.

Nhưng cô ấy cũng nói thêm rằng, với ý nghĩ sắp xảy ra loạt vụ tấn công thứ hai, “làm sao lương tâm chúng ta có thể cho phép giao cuộc thẩm vấn này cho bên thứ ba và tin tưởng là họ sẽ có những câu hỏi đúng và cho chúng ta câu trả lời đáng tin cậy”. Với một số tù nhân thì có thể như vậy, nhưng không phải với những đối tượng kiểu như Zubaida, hay về sau là Khalid Sheikh Mohammed.

Cô ấy hiểu rất sâu về al-Qaeda, nhưng giống như những người khác nằm trong chương trình mới này, cô ấy đang áp dụng bài “dò đường bằng tay”. Cô ấy hỏi Zubaida những câu hỏi để thăm dò hiểu biết và độ đáng tin của hắn. Tại những cuộc họp nhóm, cô ấy phải trình bày đánh giá của mình. Cô ấy nói với tôi về việc các chuyên viên thẩm vấn yêu cầu cô ấy phải khẳng định rõ mức độ chắc chắn của việc Zubaida đang nói dối hay không khai hết thông tin trước khi họ đồng ý tiến tới áp dụng các biện pháp tăng cường.

Đương nhiên là họ đã áp dụng các biện pháp tăng cường cho đến khi Zubaida trở nên ngoan ngoãn, và sau đó hắn trở thành một dòng thác thông tin. Trong một số buổi họp cô ấy mô tả hắn nói chuyện “như một cô gái độ xuân thì tại một bữa tiệc ngủ chung”. Dẫu vậy, ngay cả ở nơi đây, kiến thức vẫn là sức mạnh. Cô ấy sẽ dụ Zubaida chia sẻ quan điểm của hắn bằng những câu hỏi phản ánh việc CIA có hiểu biết về al-Qaeda sâu hơn rất nhiều so với những gì hắn dự liệu. Hắn xác nhận một số mối dữ liệu, thách thức một số mối khác và điền vào phần trống giữa các mối khác. Cô ấy đôi lúc còn thúc đẩy hắn bằng thông tin tình báo nhạy cảm mới thu thập được (nói cho hắn chúng chẳng sao - đảng nào thì hắn cũng chẳng chạy đâu được). Rất nhiều dữ liệu hắn (và những đối tượng giam giữ khác) tiết lộ bề ngoài trông có vẻ tầm thường - loại xe gì, có ai khác nữa trong buổi họp, mối quan hệ nhân quả, một địa chỉ email - nhưng sẽ giúp xây dựng một kho thông tin hữu ích và

kho thông tin này sẽ được sử dụng để xác định các mạch manh mối nhằm tiêu diệt và bắt sống các phần tử khủng bố cũng như triệt phá âm mưu của chúng.

Khi nói chuyện năm 2015, cô ấy nhận xét rằng, ngay cả khi đó, chưa có tuần nào trôi qua mà cô ấy lại không muốn kiểm chứng một mối dữ liệu hay bám theo một vấn đề với một đối tượng này hay đối tượng khác. (Đương nhiên là cô ấy không thể). Cô ấy nói bằng giọng khát khao về cái ngày mà CIA bất cứ lúc nào muốn cũng có thể quay trở lại gặp các đối tượng bị giam giữ để kiểm chứng thông tin chi tiết, đặt nghi vấn với chúng bằng những dữ liệu mới thu thập được, hoặc áp dụng phương pháp lợi dụng một đối tượng để khai thác đối tượng khác.

Cô ấy nhắc lại với tôi rằng một trong những manh mối then chốt trong cuộc theo đuổi Osama bin Laden là ở chỗ Khalid Sheikh Mohammed và Abu Faraj rõ ràng đã nói dối khi đối mặt với thông tin mới về người đưa tin của Osama bin Laden. Đó là sợi dây - một sợi dây manh mối nữa trong một mớ phức hợp các sợi dây manh mối đan xen nhau.

Như tôi đã nói, lịch sử CIA từng áp dụng mười ba kỹ thuật thẩm vấn được chấp thuận, trong đó có trấn nước, giam giữ nơi chật hẹp, tư thế gò ép và xối nước. Trong hai năm 2006-2007, chúng tôi đang đề xuất cắt giảm một nửa số kỹ thuật được phép áp dụng, loại bỏ hoàn toàn những kỹ thuật vừa nói trên, trong khi giữ lại kỹ thuật túm nắm cổ áo và túm nắm phần cằm, hai cách vả (một cách vả bằng lưng bàn tay vào phần bụng và một cách vả sủi nhục lên mặt), cùng với quyền được quản chế giấc ngủ và chế độ ăn. Kỹ thuật lột truồng tăng cường đôi lúc có, đôi lúc không có trong danh sách sửa đổi của chúng tôi. Tôi đã từng nói rằng các chuyên viên thẩm vấn muốn áp dụng kỹ thuật này vì nó có thể được bật - tắt nhanh chóng, nhưng Ngoại trưởng Rice và Steve Hadley đã bày tỏ quan ngại.

Tôi nghĩ đó là vấn đề hình ảnh. Tôi biết là Steve cảm thấy tiếc đã không hiểu rõ hơn về lịch sử của kỹ thuật trấn nước và việc áp dụng một kỹ thuật có cùng tên gọi với các tội phạm chiến tranh người Nhật Bản và lực lượng nổi dậy Philippin. Lần này chúng tôi nói về nó thật chi tiết. Tôi bỏ kỹ thuật lột truồng khỏi danh sách. Tôi rất tôn trọng quan điểm của họ, ngoài ra, việc này còn liên quan đến nỗ lực xây dựng sự đồng thuận. Tuy vậy, chúng tôi đang dịch gần tới vạch giới hạn của tình trạng mà phó tổng thống thường cảnh báo: Liệu những thứ này có đủ hiệu quả không?

Tiện thể nói thêm, không một tình tiết nào trong số này hướng tới việc phán xét việc áp dụng kỹ thuật lột truồng hay bất kỳ kỹ thuật nào khác trong quá khứ. Tôi luôn phải cẩn thận nhấn mạnh điều đó. George Tenet và Porter Goss có hoàn cảnh của riêng họ. Tôi có hoàn cảnh của riêng tôi. Vào cuối năm 2006 chúng tôi đã có kiến thức sâu hơn về al-Qaeda, những biện pháp thâm nhập sâu hơn vào mạng lưới của chúng, cũng như nhận thức rõ hơn về những mối đe dọa chúng mang tới so với thời điểm năm 2002 hay 2004. Tôi có khả năng từ bỏ một số thứ, nhất là khi việc đó giúp có được sự đồng thuận chính trị mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Tôi muốn Quốc hội là một phần trong sự đồng thuận đó. Việc đó đòi hỏi phải có một cuộc bàn thảo nghiêm túc với họ. Cuộc bàn thảo đó không bao giờ diễn ra. Các nghị sĩ quá bận la hét vào mặt chúng tôi và la hét vào mặt nhau.

Ủy ban Tình báo Hạ viện là bộ phận đặc biệt hay sinh sự, nhất là sau khi đợt bầu cử giữa nhiệm kỳ vào tháng 11 đặt Ủy ban này vào tay phe Dân chủ. Chủ tịch mới Silvestre Reyes là một cựu binh chiến tranh tại Việt Nam, một cựu sĩ quan tuần biên và có lẽ là người đàn ông đứng đắn nhất trong Quốc hội. Tôi từng có lần bay đến thành phố El Paso, quê hương ông ấy để thực hiện một bài diễn văn tại một trường đại học sở tại, và

ông ấy muốn bảo đảm rằng chiếc máy bay quân sự chở chúng tôi về phải đầy ắp bánh mì tortillas do nhà hàng ưa thích của ông ấy cung cấp. Ngay sau khi tiếp quản Ủy ban này, ông ấy dính ngay cú chơi xấu của Jeff Stein, khi đó là biên tập viên mảng an ninh quốc gia của tạp chí *Congressional Quarterly* (Thông tin Quốc hội hàng quý), khi Reyes không thể phân biệt al-Qaeda là một tổ chức của người Hồi giáo dòng Sunni. Chúng tôi không quan tâm. Đây là một cuộc phục kích. Stein mạnh mẽ và hiểu biết, nhưng ông ấy hay làm những trò mèo. Chúng tôi ấn tượng hơn với tính chân thật của Reyes. Chúng tôi sẽ điền ông ấy vào danh sách những người còn lại.

Tân Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi đã chọn Reyes bởi bà ấy có mối thâm thù với người được coi là sự lựa chọn tất yếu, một đảng viên Đảng Dân chủ, một nhân vật cao cấp trong lĩnh vực giám sát hoạt động tình báo và là người đồng hương California với bà Jane Harman. Harman là người có quan điểm quá ôn hòa về các vấn đề an ninh và quá mềm mỏng với chính quyền Bush. Pelosi sau đó bố trí vào ủy ban này nhiều nhân vật thân tín. Anna Eshoo (bang California), Rush Holt (bang New Jersey), Jan Schakowsky (bang Illinois) và John Tierney (bang Massachusetts) có các yếu tố chứng nhận tư tưởng tự do không chệch vào đâu được và, phải nói là, rất khó làm việc.

Các phiên điều trần thường xuyên biến thành những cuộc cãi vã. Trong một phiên điều trần, có vị hỏi liệu tôi có trấn nước con gái mình không. Rồi sau đó, (thay vì một câu hỏi) tôi bị cáo buộc tỏ vẻ mệt mỏi trong một bài giảng dài về hệ thống chính trị Mỹ và tiến trình Quốc hội [Hạ viện] trở thành “nhà của người dân”. Một [Hạ] nghị sĩ thật thà thừa nhận rằng ông ấy phản đối mọi hành động ngầm. Có những lúc (thật ra là rất nhiều lúc) tôi còn tin chắc là một số nghị sĩ không chỉ phản đối một số hành động của CIA, mà còn phản đối sự tồn tại của cơ quan này.

Một nhân vật cao cấp của CIA rời khỏi phiên điều trần, kèm theo lời bình luận: “Chẳng còn gì để nói khi người đối xử với người theo kiểu đó”.

Phe Cộng hòa cũng có những vấn đề của mình. Pete Hoekstra (bang Michigan) có quan điểm quyết liệt bảo vệ các đặc quyền của Quốc hội và thường xuyên than phiền với thái độ giận dữ với chúng tôi về việc ngành hành pháp cung cấp lượng thông tin rất hạn chế.

Chúng tôi đứng về phe ông ấy. Suy cho cùng, CIA đã đề xuất mở rộng diện nghe tường trình về các địa điểm đen ra toàn bộ các ủy viên của Ủy ban Tình báo này và đội ngũ nhân viên trợ lý. Chúng tôi cũng đã đề nghị tường trình với ban lãnh đạo ủy ban chuẩn chi ngân sách là Jack Murtha (đảng viên Đảng Dân chủ - bang Pennsylvania) và Bill Young (đảng viên Đảng Cộng hòa - bang Florida).

Phiên tường trình đó không diễn ra tốt đẹp. Murtha là một người bạn, người Tây Pennsylvania và là người hâm mộ đội Steeler giống tôi, người thực ra đã giới thiệu tôi trong buổi điều trần phê chuẩn chức danh Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia (PDDNI) của tôi. Tôi đã cho ông ấy mượn băng cassette có nội dung Shelby Foote đọc tài liệu lịch sử vô cùng xuất sắc của ông ấy về Trận đánh Gettysburg để nghe trên đường đi lại giữa Washington và Johnstown. Vậy nên tôi rất ngạc nhiên khi Murtha sững sờ với tôi khi bước vào phòng tường trình. Ông ấy nêu lý do là tôi đến muộn (chưa đầy năm phút do tắc đường), nhưng việc này lạ đến mức tôi đoán chừng có vấn đề gì đó còn hơn thế. Ý nghĩ của tôi được khẳng định khi Murtha cáo lỗi phải ra ngoài thay vì nghe tường trình về các chi tiết liên quan đến kỹ thuật thẩm vấn. Ông ấy không muốn biết và ông ấy không muốn có mặt ở đó.

Ủy ban Tình báo Thượng viện thì lịch thiệp hơn một chút so với thực thể đồng nhiệm bên phía Hạ viện, nhưng cuộc đối thoại

ở đó cũng chẳng có gì khá khẩm hơn. Có trường hợp Thượng nghị sĩ Feinstein còn công khai chỉ trích CIA đã tùm đầu tù nhân đập vào tường, giống như thế đồn ản đầu vào đai sắt trong một trận đấu biểu diễn của Liên đoàn Vật thể giới (WWF).

Với ý thức trách nhiệm, tôi hẹn lịch làm việc với thượng nghị sĩ này và giám đốc nhân sự của bà ấy về kỹ thuật giờ đây đã bị loại khỏi danh sách, đó là “đập tường”: đẩy vai của đối tượng giam giữ trong tình trạng cổ đã bị bó cứng vào một bức tường giả gỗ dán và gây ra một tiếng “rầm” rất to. Bà ấy vừa ghi chép lại vừa nhìn tôi bằng vẻ mặt nghiêm nghị, rồi tiếp tục công khai nhắc lại chính những lời cáo buộc trên sau đó vài ngày.

Thượng nghị sĩ Jay Rockefeller (đảng viên Đảng Dân chủ - bang West Virginia), Ủy viên kỳ cựu của Ủy ban Tình báo Thượng viện, đã trở thành Chủ tịch Ủy ban này vào năm 2007. Tôi đã nhiều lần tường trình với ông ấy, mặc dù chưa bao giờ chơi thân với nhau, tôi nghĩ rằng có một mức độ tôn trọng lẫn nhau nhất định giữa tôi và ông ấy (dẫu cho chúng tôi thường xuyên cãi nhau về bóng bầu dục Pitt và bang West Virginia). Mối quan hệ kiểu như tôi vừa nói cứ liên tục xấu đi. Trong buổi làm việc riêng, ngoài chúng tôi chỉ có giám đốc nhân sự của ông ấy và trưởng ban các vấn đề lập pháp của chúng tôi, ông ấy đột ngột cắt ngang cuộc nói chuyện để hỏi vặn tôi: “Ông không tin vào cơ chế giám sát, đúng không nào?” Tôi vẫn không hiểu điều gì khiến ông ấy hỏi thế, vì tôi đang tường trình với ông ấy về một hoạt động nhạy cảm trong buổi làm việc này. Càng ngày vị thượng nghị sĩ này càng không muốn tiếp nhận thông tin tường trình về thứ mà người ta chưa rõ để tường trình với toàn thể ủy ban. Có lúc ông ấy còn hỏi: “Tại sao ông lại nói điều này với tôi?”

Tôi khai chứng điều trần về các hoạt động giam giữ và thẩm vấn với toàn thể các ủy ban giám sát của cả hai viện vào tháng 9 và tháng 11 năm 2006, một lần nữa vào tháng 4 năm 2007.

Phiên điều trần tháng 4 năm 2007 với Chủ tịch Ủy ban đặc biệt Tình báo Thượng viện [tên đầy đủ của Ủy ban Tình báo Thượng viện] là hoạt động điều trần điển hình. Mười bốn thượng nghị sĩ tham dự toàn bộ hoặc một phần buổi cùng với hai mươi một nhân viên trợ lý. Đó là những con số lớn đối với một hành động ngầm nhạy cảm.

Bên cạnh nhóm các nghị sĩ ngồi ghế sau thông thường, tôi đưa theo John Rizzo, Tổng tư vấn pháp lý, Steve Bradbury đến từ Bộ Tư pháp, cùng một trong những chuyên viên thẩm vấn chính đối với Khalid Sheikh Mohammed, người mà KSM gọi là Amir, để cùng khai chứng với tôi. Khi cần nêu thông tin chi tiết tôi thường nhường lời cho họ.

Chúng tôi cũng mang theo tài liệu minh chứng. Tôi chuyển cho mỗi thượng nghị sĩ một bản ma trận gồm khoảng ba mươi cái tên trải dọc xuống phía lề trái và mười ba kỹ thuật thẩm vấn được cho phép áp dụng trước đây kéo ngang phía đầu trang. Dấu X trong ô vuông hình thành bằng việc kẻ thẳng các mục theo chiều ngang và chiều dọc cho thấy đối tượng giam giữ nào đã bị áp dụng [những] kỹ thuật thẩm vấn nào. Chúng tôi cũng bàn thảo về một khía cạnh quan trọng nữa: thông tin tình báo thu được từ các đối tượng giam giữ, gồm khoảng tám nghìn báo cáo.

Hoạt động tình báo đôi khi được mô tả như việc ghép các miếng lego lại với nhau, ngoại trừ việc chúng tôi hiếm khi thấy được bức hình cần ghép ở nắp hộp đồ chơi lego. Những cá nhân mà CIA giam giữ mang đến cho chúng tôi nhiều miếng lego mới, nhưng quan trọng nhất, xét vị trí của chúng trong hàng ngũ al-Qaeda, chúng thường xuyên thấy được bức hình cần ghép ở nắp hộp đồ chơi.

Hội đồng Tình báo quốc gia (NIC) đã công bố một bản đánh giá về mối đe dọa đối với an ninh quốc nội vào mùa Hè năm 2007. Các nhận định trong bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE)

được hình thành dựa vào thông tin tình báo chúng tôi thu thập được từ chương trình giam giữ của mình. Hơn 70 phần trăm lượng báo cáo thông tin tình báo con người được sử dụng trong bản đánh giá đó dựa vào thông tin khai thác từ các đối tượng bị giam giữ.

Tôi đã cố gắng chỉ cho Quốc hội thấy phải thận trọng với chương trình giờ đây đang được áp dụng cho công tác điều hành. Độ tuổi trung bình của những người thực hiện thẩm vấn đối tượng giam giữ là 43. Khi đã được chọn, họ phải hoàn thành 250 giờ tập huấn chuyên sâu trước khi được phép tiếp xúc mặt đối mặt với một đối tượng khủng bố. Và chúng tôi cũng yêu cầu một người thẩm vấn phải có hoạt động thực hành bổ sung dưới sự giám sát trực tiếp của một nhân viên giàu kinh nghiệm trước khi tiến hành một cuộc thẩm vấn.

Tôi làm mọi việc để biến Quốc hội trở thành một đối tác trong tất cả những vấn đề này. Trưởng Ban Các vấn đề Quốc hội của CIA, Chris Walker, là người có nhiều kinh nghiệm làm việc với Điện Capitol. Ông ấy từng làm việc cho Chủ tịch Hạ viện Denny Hastert trước khi đến với chúng tôi. Chris đã thực hiện đầy trách nhiệm sự chỉ đạo của tôi về việc bảo đảm các ủy ban được thông báo “đầy đủ và hiện thời” về mọi hoạt động của CIA. Chúng tôi lập kỷ lục về hoạt động trong phòng họp để phục vụ các buổi thông báo cho Quốc hội, điều trần chính thức và tường trình thông tin.

Trong giai đoạn 12 tháng, các nhân viên CIA đã khai chứng tại 57 buổi điều trần Quốc hội và hoàn thành 29 báo cáo theo yêu cầu của Quốc hội. Chúng tôi đã trả lời 1.140 câu hỏi lấy thông tin lưu hồ sơ (QFR) cùng với 254 loại yêu cầu khác gồm thư, giấy đặt câu hỏi và giấy đề nghị.

Các chuyên gia CIA đã thực hiện hơn 500 cuộc tường trình trước các nghị sĩ Quốc hội và đội ngũ trợ lý của họ. (Quốc hội khóa CX đang trong phiên lập pháp kéo dài 349 ngày, vậy nên

chúng tôi phải thực hiện hơn một cuộc tường trình mỗi ngày lập pháp).

Tôi đích thân tường trình trước Điện Capitol chín lần chỉ riêng về Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn (RDI).

Các ủy ban giám sát Quốc hội có những yêu cầu rất sát sao về việc cung cấp thông tin chi tiết hơn, như đối tượng giam giữ được áp dụng bao nhiêu *lumen* ánh sáng và bao nhiêu *decibel* âm thanh trong thời gian bị CIA quản lý. Một nghị sĩ còn muốn biết liệu CIA có tuân thủ các yêu cầu pháp lý theo Đạo luật Mua hàng Mỹ (BAA) đối với vật liệu xây dựng được sử dụng tại các địa điểm đen của CIA ở nước ngoài hay không.

Chúng tôi đã trả lời các câu hỏi, nhưng đó là những thời điểm hết sức khó khăn: chúng tôi đang phải nói đến những hoạt động gây tranh cãi thay mặt cho một tổng thống có vị thế đã suy yếu khi đảng đối lập kiểm soát cả hai viện của Quốc hội và nhiều người đang tự lập kế hoạch cho bản thân tham gia vào cuộc chạy đua đến chiếc ghế tổng thống. Đây không phải là hoàn cảnh hay ho. Việc tường trình về vấn đề Iraq trở nên khó chịu đến mức tôi đã nói với Chris rằng các chuyên gia phân tích được quyền bỏ về nếu việc lắng mạ trở nên không thể chịu đựng nổi.

Và không chỉ là CIA. Vào tháng 3 năm 2008, Giám đốc Tình báo quốc gia Mike McConnell đã bố trí một buổi làm việc ngoài trụ sở hai ngày tại một địa điểm do CIA quản lý tại bang Virginia cho các ủy viên của Ủy ban Tình báo Hạ viện. Chúng tôi có một phiên giới thiệu ngắn, tiếp theo là một tối Chủ nhật thưởng thức đồ uống và dạ tiệc, tiếp đến là ngày thứ Hai làm việc tốt lành trước khi quay trở về thủ đô.

Đương nhiên phần lớn lãnh đạo cộng đồng tình báo có mặt ở trung tâm của cộng đồng trước khi mặt trời ló rạng vào sáng thứ Hai để kiểm tra luồng thông tin đường cáp và các mẫu tin báo chí. Một bài tường thuật thu hút sự chú ý của chúng tôi.

Siobhan Gorman, một phóng viên sắc sảo trước đây làm cho tờ *Baltimore Sun* nhưng giờ đang làm cho tờ *Wall Street Journal* đã công bố một bài tường thuật dài, được đăng trên trang nhất, phơi bày các chương trình thu thập dữ liệu có vấn đề tại NSA. Vấn đề nằm ở chỗ cả ba Giám đốc NSA - tôi, McConnell và Giám đốc đương nhiệm Keith Alexander - đều không thể xác định rõ bài tường thuật trên muốn hướng tới vấn đề gì. Việc này thật không bình thường. Khi một bài tường thuật xuất hiện trên báo chí, ngay cả khi đó là câu chuyện không hoàn chỉnh hoặc không chính xác, ta thường xác định được ngay hoạt động thực tế đằng sau tiêu đề câu chuyện. Lần này thì không.

Vậy nên, Giám đốc Tình báo quốc gia McConnell đã quyết định phá vỡ quy tắc (với sự ủng hộ nhiệt tình của chúng tôi) và chỉ đạo sao chụp bài tường thuật này và chuyển cho mỗi người một bản trong phiên làm việc sáng. Ông ấy mời mọi người đọc bài báo và sau đó bắt đầu cuộc bàn luận bằng một lời cầu xin hướng tới các ủy viên, rằng chỉ có họ mới có đủ uy tín để bảo vệ cộng đồng tình báo khi những câu chuyện như vậy xuất hiện. Chúng tôi không giấu giếm họ điều gì, vậy nên họ có lợi thế để ngăn chặn những lời đồn đại như vậy. Việc này với tôi nghe có vẻ hợp lý.

Nhưng với họ thì không hẳn vậy. Ủy viên đầu tiên tuyên bố thẳng rằng ông ấy sẽ không làm việc đó, vì ông ấy “không biết rằng câu chuyện đó không đúng sự thật”. Và kể từ sau đó mọi chuyện cứ xấu dần. Một ủy viên còn thẳng thừng cáo buộc Keith Alexander đã nói dối ông ấy. Một ủy viên nữa, không biết từ đâu xuất hiện, công kích giám đốc Cục Trinh sát quốc gia (NRO) về việc đã bí mật đặt “các vũ khí vào không gian”, một lời cáo buộc thái quá đến mức chúng tôi dự liệu lời cáo buộc tiếp theo sẽ là chứa chấp người ngoài hành tinh. Một ủy viên thứ ba đi hơi sai chủ đề một chút khi nhận xét rằng vấn đề thực sự là họ buộc phải phụ thuộc vào một đám người da trắng và sự đa dạng

chủng tộc và giới sẽ giúp nâng cao rõ rệt năng lực tình báo Mỹ. Cuối cùng chúng tôi quay lại với chương trình nghị sự ban đầu, nhưng điều tai hại thì đã xảy ra rồi; đó là thứ để lại vết thủng to bên dưới ngấn nước.

Điều tương tự xảy ra với cuộc đối thoại theo dự định về chương trình RDI. Rốt cuộc thì Quốc hội Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã *không có* tác động nào đến hình hài của chương trình thẩm vấn mà CIA đang lập kế hoạch triển khai. Quốc hội không có đủ dũng khí hay sự đồng thuận để ngăn chặn hoặc sửa đổi chương trình. Chúng tôi cuối cùng chỉ đơn giản thông báo cho họ rằng chúng tôi sẽ xin Bộ Tư pháp cấp thẩm quyền pháp lý để sử dụng sáu kỹ thuật thẩm vấn; rằng chúng tôi sẽ không đưa ai vào chế độ giam giữ của CIA khi chưa có “kế hoạch rút lui” (Guantánamo hoặc một nước thứ ba); rằng chúng tôi sẽ giữ các đối tượng trong một thời gian ngắn và cố định (khoảng hai tháng); rằng việc đó đòi hỏi một quyết định tích cực để gia hạn cho giai đoạn đó; và chúng tôi sẽ đồng thời thông báo ngay cho các ủy ban về mọi đối tượng giam giữ và cách chúng tôi đối xử với họ.

Điều mỉa mai là chúng tôi thảo luận về mảng hoạt động này với Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC) còn đem lại nhiều kết quả tích cực hơn so với khi thảo luận với Quốc hội. Nhà Trắng không mặn mà lắm với việc này, nhưng họ cũng không có động thái can thiệp nào. Các quan chức ICRC trở thành khách thường xuyên lui tới Langley. ICRC có nguyên tắc giữ bí mật mạnh không kém gì CIA - quyền tiếp cận họ, giống như phần lớn khía cạnh tiếp cận của chúng tôi, phụ thuộc vào nguyên tắc đó - vậy nên chỉ ít theo một nghĩa nào đó chúng tôi mang tinh thần của những người cùng huyết thống.

CIA cũng lặng lẽ trao cho ICRC một bản thông báo tình trạng trước khi chuyển một số đối tượng bị giam giữ về sau này đến Guantánamo, và chúng tôi cung cấp loại thông tin có thể bảo đảm người của ICRC được an toàn trên khắp thế giới.

Nhưng thật khó tìm được cơ sở thỏa mãn cả hai bên về vấn đề cốt lõi của chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy có thể thu thập được thông tin tình báo hiệu quả nhất khi giam giữ tù nhân bí mật mà không có sự liên hệ với bên ngoài; ICRC thì đặt nặng vấn đề thông báo và thăm hỏi. Chúng tôi cho rằng Công ước Geneva không yêu cầu điều đó bởi đối tượng giam giữ của chúng tôi đều có tình trạng tham chiến bất hợp pháp, nhưng ICRC không đồng ý khi họ căn cứ vào thông lệ quốc tế chung. Chúng tôi đang thử áp dụng một cách tiếp cận thông báo (thông báo cho ICRC rằng chúng tôi vừa giam giữ *ai đó*) khi cuộc bầu cử năm 2008 len vào mọi cuộc bàn luận của chúng tôi.

Tuy nhiên, ngay cả khi không thể tìm được tiếng nói chung với ICRC, chúng tôi và họ vẫn có sự tôn trọng lẫn nhau. Trong một cuộc họp, tôi đặc biệt chú ý đến lời nhận xét của họ rằng “CIA thường từ chối trả lời câu hỏi của chúng tôi, nhưng khi họ làm vậy, chúng tôi biết câu trả lời là đúng”. Ít ra thì cũng có ai đó tin chúng tôi.

Đương nhiên, ICRC được phép tiếp cận mười bốn đối tượng giam giữ mà chúng tôi đã chuyển đến Guantánamo vào tháng 9 năm 2006 và lập một báo cáo dựa vào những cuộc phỏng vấn mà họ trao cho CIA trong vai trò là cơ quan giam giữ trước đây. Dễ hiểu là báo cáo này tỏ thái độ gay gắt trong việc cáo buộc hành động tra tấn cũng như cách đối xử tàn bạo và làm mất nhân phẩm. Chúng tôi chia sẻ báo cáo, với niềm tin đích thực nhất dựa vào các yêu cầu của ICRC, với các ủy ban giám sát và một số ít cơ quan bên ngành hành pháp. Chúng tôi nhắc với họ rằng tài liệu này chỉ dựa *duy nhất* vào lời của những đối tượng giam giữ. Khi Thượng viện công bố lịch làm việc có nội dung là họ chuẩn bị có một phiên điều trần kín về báo cáo này, dễ hiểu ICRC đã tỏ ra rất không hài lòng khi báo cáo của họ đã bị đưa ra công khai. Chúng tôi đã can thiệp và thuyết phục ủy ban này gỡ bài đăng khỏi website của họ.

Sau đó, vào tháng 4 năm 2009, toàn văn bản báo cáo đã được Mark Danner cho đăng tải trên tờ *New York Review of Books* (Điểm sách New York). Mark Danner là giáo sư chuyên ngành báo chí của Đại học California, cơ sở Berkeley, và là người thường xuyên chỉ trích lối hành xử của nước Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố. ICRC bày tỏ sự hối tiếc khi “thông tin thuộc về báo cáo của ICRC được đưa ra công khai theo cách này”. Danner chỉ nói rằng “tài liệu này được những bên giao vào tay tôi cho rằng nó cần được đưa ra công khai”.

Sự rò rỉ này được chọn thời điểm khéo léo để ủng hộ (và biện minh) cho quyết định của chính quyền đương nhiệm bỏ chế độ tối mật đối với các bản thư báo của Bộ Tư pháp về hoạt động thẩm vấn vài tuần sau đó (xem Chương XX). Sự trùng khớp mới ngẫu nhiên làm sao!

*

* *

Có những ngày mà vị Giám đốc CIA không khỏi không nghĩ rằng mình đang phải điều hành cả một mảng lớn công việc về quan hệ công chúng, pháp lý và liên lạc lập pháp gắn với các yếu tố hoạt động và phân tích nhỏ bé. Đương nhiên thực tế ngược lại (và nên như vậy). Điều đó có nghĩa là việc tranh cãi về đối tượng giam giữ sẽ chẳng nghĩa lý gì nếu chúng tôi không định bắt ai cả. Nếu tiếp tục việc này sẽ mang đến những rầy rà chính trị, chúng tôi thà buông bỏ một số yếu tố còn hơn.

Điều đó có nghĩa là phải hành động, đặt gánh nặng đạo lý và pháp lý lên vai CIA nói chung và tôi nói riêng. Chúng tôi đang từ chối quyền tự do của con người, có thể là vĩnh viễn, trong một chương trình giam giữ ngoại tị. Một số người thấy đó là việc đáng phản đối trong bất kỳ hoàn cảnh nào; bất cứ ai cũng đều thấy việc này đáng phản đối nếu ta đưa việc này ra

giải quyết với những người không thích hợp. Có những lỗi thỉnh thoảng vẫn mắc phải: đặc điểm nhận dạng bị nhầm sơ đẳng hay đặc điểm nhận dạng đúng nhưng tính toán sai mức hiểu biết của đối tượng giam giữ về mưu đồ sắp tiến hành, như vậy tính toán sai cả điều kiện để đưa vào một chương trình đặc biệt. Nhưng chúng tôi không thể lúc nào cũng bám vào một tiêu chuẩn không còn có những nghi ngờ hợp lý do tòa án quy định. Các tòa án xử lý những tội ác đã xảy ra và thường không chịu sự chi phối của những sự kiện tương lai có khả năng xảy ra. Hoạt động tình báo liên quan đến tương lai và được thiết kế để đi đến hành động khi đối mặt với mối nghi ngờ tiếp diễn. Ngoài ra, ta phải thật thận trọng.

Abdul Hadi al Iraqi, một thủ lĩnh al-Qaeda kỳ cựu, bị bắt năm 2006 khi đang trên đường quay trở về quê hương mình. Hắn khét tiếng là một nhân vật rắn mặt trong al-Qaeda - máu lạnh, quyết liệt và dứt khoát. Hắn cũng hình thành một sự hiểu biết hết sức buồn cười về công việc và cách thức tiến hành công việc của chúng tôi, chủ yếu thông qua các bài tường thuật báo chí. Khi hắn về tới địa điểm đen, chúng tôi thông báo cho hắn chúng tôi là ai và hắn là ai, bỏ bớt cả một mớ tên hiệu mà hắn đang sử dụng.

Hắn hợp tác gần như ngay lập tức, đưa ra cả một chuỗi những lập luận hợp lý. “Các ông biết mọi điều về chúng tôi, chúng tôi cũng biết mọi điều về các ông. Rốt cuộc mọi thứ sẽ ra sao không quan trọng. Sẽ chỉ phí thời gian mà thôi, bởi chúng tôi sẽ thắng thế ở mọi nơi bất kể các ông có biết về chúng tôi rõ đến mức nào”. Dù thế nào đi nữa, đó cũng sẽ là một cuộc xung đột dài. “Các ông chỉ tiến hành cuộc chiến mười năm, trong khi chúng tôi sẵn sàng chiến đấu một trăm năm nếu cần phải thế, vậy nên những gì tôi nói ở đây không quan trọng”.

Các chuyên viên thẩm vấn của chúng tôi hoan nghênh những lập luận hợp lý của hắn, nhất trí với hắn ở những chỗ có thể

nhất trí, và lịch sự tỏ ra không nhất trí ở những chỗ không thể nhất trí. Họ đồng ý tiến hành thẩm vấn theo cách chuẩn mực, nhưng cũng cảnh báo rằng, ngay khi họ xác minh được hấn có biểu hiện nói dối đầu tiên, họ sẽ thay đổi phương thức thẩm vấn.

Các chuyên gia đơn lĩnh vực của CIA bằng một số yếu tố đã biết, và hấn trả lời một cách có thể tin được, rồi chuyển đến các yếu tố chưa biết, thì thấy hấn cũng trả lời một cách có thể tin được. Hadi nói với những người thẩm vấn hấn rằng rất ấn tượng với những câu hỏi và sự hiểu biết của họ. Hấn nói có cảm giác như họ có mặt ở đó vậy. Về phần mình, các chuyên gia phân tích tại chỗ và tại trụ sở đều hài lòng với màn thể hiện của hấn.

Những người thẩm vấn Abdul Hadi tường trình lại với tôi mọi chi tiết nói trên vào đầu năm 2007, và tôi đã mời họ quay trở lại văn phòng tôi vào ngày hôm sau để gặp Thượng nghị sĩ Feinstein, người trước đó tôi đã đưa vào lịch hẹn. Đây là một phần nỗ lực biến Quốc hội thành một đối tác.

Các chuyên viên thẩm vấn về cơ bản là đem những gì đã kể với tôi kể lại cho thượng nghị sĩ, người sau đó hỏi họ xem họ có ý thức được bất cứ cuộc tấn công nào đã bị ngăn chặn dựa vào những việc họ làm trước đó với các đối tượng giam giữ. Họ lảng tránh bằng việc nói câu hỏi này tốt hơn là đem hỏi các chuyên gia phân tích. Công việc của họ là đưa đối tượng giam giữ vào điều kiện sao cho phải trả lời câu hỏi thẩm vấn một cách đáng tin cậy, mặc dù họ có ý thức được trong một số trường hợp khi thông tin về hoạt động tấn công được tiết lộ và khai báo, song họ không lập sổ ghi chép về việc này.

Sau khi các chuyên viên thẩm vấn đã giải thích về phiên bản không chính xác của phương thức chúng tôi áp dụng với Abdul Hadi để buộc hấn hợp tác và quyết định của chúng tôi tiếp tục áp dụng việc thẩm vấn tiêu chuẩn, thượng nghị sĩ hỏi liệu đây có phải cách chúng tôi sẽ áp dụng cho việc thẩm vấn

“từ giờ trở đi”. Họ nói với bà ấy rằng đây là cách đã và đang áp dụng cho những cuộc thẩm vấn từ trước tới nay. Bắt đầu bằng một màn hỏi đáp để xác định mức độ sẵn sàng tự nguyện hợp tác, khai báo đáng tin cậy và tiếp tục như vậy nếu việc đó tạo ra một cấp độ thông tin thích hợp. Tuy nhiên, ngay khi phát hiện dấu hiệu xảo trá đầu tiên, họ sẵn sàng yêu cầu chuẩn duyệt áp dụng kỹ thuật tăng cường.

Thượng nghị sĩ sau đó quay sang tôi và hỏi xem tôi biết gì về vụ đầu độc người Nga tại London (Alexander Litvinenko bị đầu độc bằng chất polonium hai tháng trước đó). Thế là chúng tôi không còn nói về những cuộc thẩm vấn nữa.

Muhammad Rahim al-Afghani bị bắt vào mùa Hè năm 2007. Rahim là một phần tử cực đoan thánh chiến cứng rắn và dày dạn, kẻ đã dọn đường để Tora Bora trở thành nơi ẩn náu của Osama bin Laden vào tháng 12 năm 2001. Hắn không hợp tác và dường như không sợ những điều đang chờ hắn trong quá trình thẩm vấn. Hắn là ứng cử viên sáng giá cho việc áp dụng Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường (EITs), nhưng trước khi làm điều đó, chúng tôi cần có ý kiến kết luận của Bộ Tư pháp về sáu kỹ thuật thẩm vấn tiếp tục được áp dụng. Và trước khi có thể có được thứ đó, chúng tôi cần xin một lệnh hành pháp làm rõ Điều chung số 3 của Công ước Geneva.

Việc này rất phức tạp. Thứ nhất, liên quan một chút đến lịch sử. Với phán quyết Hamdan tháng 6 năm 2006, Tòa án Tối cao đã mở rộng phạm vi bảo vệ theo Điều chung số 3 của Công ước Geneva đến lực lượng chiến đấu bất hợp pháp trong hàng ngũ al-Qaeda. Tôi không phải là một luật sư, nhưng cảm thấy vô cùng ngạc nhiên trước phán quyết này, bởi Điều chung số 3 nói đến những cuộc xung đột không mang yếu tố quốc tế. Nghĩa diễn giải truyền thống là yếu tố nội bộ quốc gia (nghĩa là áp dụng cho những cuộc nội chiến). Nhưng Tòa án Tối cao (với tỷ số biểu quyết 5-3) đã mở rộng phạm vi áp dụng

Điều chung số 3 đến cuộc xung đột hiện thời, vì al-Qaeda không phải là một quốc gia, dấu cho cuộc xung đột này rõ ràng mang yếu tố toàn cầu.

Vậy nên chúng tôi cần sự giúp đỡ về mặt lập pháp. Vấn đề của chúng tôi không phải là muốn Quốc hội phê chuẩn hay không phê chuẩn bất kỳ kỹ thuật thẩm vấn nào. Vấn đề của chúng tôi nằm ở chỗ chúng tôi không biết Điều chung số 3 được diễn giải như thế nào trong bối cảnh luật pháp Mỹ. Khi Thượng viện đã thông qua những phần khác của các điều ước nhân đạo quốc tế giống như Công ước Geneva, lịch sử lập pháp hay những tuyên bố cụ thể của Thượng viện đôi khi cũng làm sáng tỏ nghĩa của điều ước này theo các điều kiện của luật pháp Mỹ. Chẳng hạn, khi thông qua Công ước Chống tra tấn, Thượng viện tỏ ra thận trọng trong việc định nghĩa cam kết quốc tế chống lại việc đối xử hay áp dụng hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo và làm mất nhân phẩm bằng việc viện vào luật quốc nội của chúng ta chống lại việc đối xử hay áp dụng hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo như được nêu tại Tu chính án thứ năm, Tu chính án thứ tám và Tu chính án thứ mười bốn của Hiến pháp. Có rất nhiều tiền lệ diễn giải nội dung đó.

Quốc hội đã không có quan điểm làm sáng tỏ nào như trên liên quan đến Điều chung số 3 (có lẽ giống như tôi, họ trông đợi điều này không bao giờ được áp dụng với chúng ta). Cách diễn đạt của Điều chung số 3 vũng vằng nhưng không rõ nghĩa, như điều khoản cấm “đối xử sỉ nhục và làm mất nhân phẩm” chẳng hạn. Sẽ rất khó để tôi tự tin chỉ đạo một nhân viên CIA làm điều gì đó với cách diễn đạt không rõ nghĩa như vậy. Tôi cần có một định nghĩa khác.

Một trong những “giải pháp” được đề xuất nằm ở chỗ Đạo luật Các ủy ban quân sự (MCA) khi đó đang được cân nhắc sẽ quy định rõ ràng việc hình sự hóa một tập hợp nhỏ những hoạt động đặc biệt tàn bạo, và chừng nào mà nhân viên CIA

không làm những việc này, họ sẽ không bị khởi tố. Mọi thứ khác vẫn trong tình trạng chưa rõ ràng.

Chính quyền đương nhiệm, CIA và tôi đều không chấp thuận giải pháp đó, vì nó đẩy chúng tôi vào chỗ phải nhắm tới một nhân viên CIA và nói: “Tôi muốn anh làm việc này liên quan đến đối tượng giam giữ này; cả tôi lẫn Bộ Tư pháp đều không biết liệu việc này có vi phạm Công ước Geneva hay không, vì chúng tôi thực sự không biết nhiều phần trong công ước muốn nói tới điều gì. Nhưng tôi dám chắc anh ấy sẽ không bao giờ phải ra tòa về việc đó (hoặc ít ra là không phải ra tòa án Mỹ), vậy anh có đồng ý làm việc đó cho chúng tôi không?”

Toàn bộ vấn đề này chủ yếu liên quan đến một cuộc tranh luận với phe Cộng hòa, và việc tranh luận chủ yếu diễn ra trong Thượng viện.

Trong một buổi họp đông đảo, tôi có nêu mối quan ngại của mình về việc thực hiện một hành động mà không biết hành động đó có hợp pháp hay không và nhớ lại đó là câu nói thiếu hiểu biết tồi tệ nhất tôi có thể hình dung dành cho một nhân viên CIA.

Về sau có một thượng nghị sĩ đã hỏi vặn tôi về điều ông ấy tự suy là tôi “muốn đưa ra một câu nói”, tôi đã ngắt lời ông ấy và nói điều tôi muốn là đưa ra một lệnh mà tôi tin tưởng đó là hợp pháp.

Thượng nghị sĩ McCain có một cách tiếp cận khác, đó là bỏ qua Quốc hội. Theo ông ấy, trong một kịch bản quả bom hẹn giờ đang điểm hoặc tương tự như vậy, tổng thống chỉ nên làm những gì ông ấy cần phải làm. Tính hợp pháp cái con khỉ; miễn sao là được việc. Steve Hadley nói với ông ấy rằng tổng thống sẽ không làm việc đó. Dẫu sao thì tổng thống cũng là người thực thi luật pháp cao nhất của đất nước. Và ngay cả nếu ông ấy có ra lệnh làm việc đó, Steve Hadley lập luận, thì trong những hoàn cảnh đó ông ấy nhiều khả năng sẽ tự mình làm.

Rốt cuộc thì Quốc hội cũng không định đưa ra đòi hỏi khó khăn nào, vậy nên thay vào đó họ đã quyết định củng cố thẩm quyền tổng thống hiện thời trong việc định nghĩa các điều ước áp dụng cho nước Mỹ. Với bất cứ thứ gì vượt qua những vi phạm nghiêm trọng được liệt kê trong luật mới và những yêu cầu trước đây của Đạo luật Đối xử đối tượng giam giữ, tổng thống sẽ tùy ý xác định các yêu cầu của Điều chung số 3 áp dụng cho nước Mỹ và công bố những quyết định này trên tờ *Federal Register* (Thông cáo Liên bang).

Đó là điều Tổng thống Bush đã làm theo đề nghị của chúng tôi vào tháng 7 năm 2007, và việc này đã khiến Bộ Tư pháp đi tới công nhận tính hợp pháp của sáu kỹ thuật thẩm vấn khác ngoài những kỹ thuật được quy định trong Sổ tay Chiến trường lục quân về chủ đề này. Tôi không biết có bất kỳ ai khi nhìn vào cuốn sổ tay này có thể đưa ra nhận định rằng những gì chứa trong đó đề cập thấu đáo mọi hình thức thẩm vấn hợp pháp nhất quán với Công ước Geneva. Sổ tay Chiến trường lục quân được thiết kế để cho phép lục quân Mỹ huấn luyện lực lượng tân binh đông đảo của mình trong công tác hỏi cung và thẩm vấn những tù nhân nhất thời, phục vụ cho các mục đích chiến thuật trên một chiến trường diễn biến nhanh. Đó không phải là hoàn cảnh áp dụng của CIA.

Tôi đã cho phép áp dụng Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường đối với Rahim, về sau bao gồm cả chế độ ăn lỏng và không cho ngủ lâu. Tôi còn nhớ mình nhìn chằm chằm vào một trang giấy, bút cầm sẵn trên tay, ngăn ngừa mãi mới quyết định ký duyệt.

Như người thẩm vấn Abu Zubaida đã nói, không ai muốn ở vào những hoàn cảnh này. Tôi chưa bao giờ rơi vào tình huống giống cô ấy là tiếp xúc mặt đối mặt với một đối tượng khủng bố ngang ngạnh, nhưng tôi đã đến thăm Trại số 7 tại Guantánamo sau khi chúng tôi đã chuyển mười bốn đối tượng giam giữ giá trị cao

sang chế độ quản giữ của Bộ Quốc phòng tại đó vào tháng 9 năm 2006. Thật khó dù chỉ là có cái nhìn lướt qua vào những đối tượng đang ở trong buồng biệt giam riêng, nhưng tôi có thể quan sát từng đối tượng qua màn hình tivi ở phòng điều khiển. Một số đang ngủ, một số đang cầu nguyện, một số thì đi qua đi lại, số khác thì đang lần chuỗi hạt cầu nguyện.

Cơ sở vật chất ở đây sạch sẽ và sáng sủa, có một phòng tập thể dục, và các đối tượng giam giữ có thể nói chuyện với các tù nhân gần đó từ khu mở rộng giống cổng vòm của mỗi buồng biệt giam. Đương nhiên, việc tiếp xúc được quản lý chặt chẽ (và được giám sát bằng phương tiện điện tử).

Các đối tượng bị giam giữ cũng có thể lui tới một thư viện, để nghe một số bản nhạc và xem băng video (mặc dù một số phàn nàn rằng những thứ họ được hưởng ở đây không thiết thực bằng những thứ họ được hưởng khi ở địa điểm đen). Hóa ra sách Harry Potter lại là thứ được ưa chuộng đến như vậy.

Đó là một chế độ giam giữ tử tế, nhưng không có nhiều người để ý đến thực tế rằng những người này sẽ phải ở trong hoàn cảnh này mãi mãi.

Khi chuẩn bị rời khỏi đó, nhân viên quản lý trại chỉ cho tôi chiếc hộp nhựa Styrofoam rỗng từng được dùng để chuyển bữa trưa cho Abu Zubaida hồi trước. Hắn dùng bút chì khắc lên đó những hình giống như mũi tên bốc lửa cách điệu và những hình trang trí phức tạp mà ta hay thấy trong vở viết của một học sinh trung học. Nhân viên ở đây nói với tôi là hắn làm việc đó một cách đều đặn.

Có chút cảm xúc chua xót về sản phẩm nghệ thuật đầy nét trẻ con của Zubaida. Nó gọi tôi nhớ rằng, mặc dù có sự hài lòng về công việc với chế độ giam giữ hắn và những đối tượng khác, cá nhân tôi hầu như chẳng vui vẻ gì. Chỉ có thể phi nhân hóa kẻ thù từ xa.

Ý nghĩ đó chưa bao giờ xa rời khỏi tâm trí tôi, tôi đã ký giấy cho phép bắt đầu áp dụng Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường đối với Muhammad Rahim.

Hắn tỏ ra là một tay Ápganixtan rắn mặt. (Một trong những người kỳ cựu trong hoạt động chống khủng bố dưới quyền tôi nói rằng dân Ápganixtan thường rắn mặt hơn dân Ảrập). Rahim không nói cho chúng tôi bất cứ thứ gì có giá trị. Hắn trung thành đến mức cuồng với Osama bin Laden*.

Tôi gia hạn chế độ áp dụng Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường và chúng tôi đã thử nhiều cách khác nhau, nhưng mọi thứ hầu như không tiến triển. Có lúc Rahim còn nói rằng hắn gặp ảo giác và có ý nghĩ muốn tự tử. Chuyên gia tâm lý tại chỗ đã ngưng việc thẩm vấn, và kỹ thuật không cho ngủ được tạm dừng để hắn có đủ thời gian phục hồi.

Vấn đề là giờ đây chúng tôi sẽ phải làm việc này trong bao lâu và liệu chúng tôi có cơ may nào đẩy hắn tới vùng phục tùng hay không. Việc sử dụng những kỹ thuật hợp pháp và được phép thường tiến sát đến ranh giới của sự ngược đãi nếu như không có triển vọng thành công.

Trung tâm Chống khủng bố (CTC) đã chuẩn bị một kiện đồ nghề cho việc sử dụng Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường một lần nữa. Khi thứ này đến tay tôi, Jose Rodriguez, Giám đốc Sở Mật vụ quốc gia (NCS) và là cựu Giám đốc CTC, vẫn chưa ký phê duyệt chính thức. Vì Jose là người đã bỏ ra nhiều công sức điều hành chương trình Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường và vận động tiếp tục duy trì chương trình, nên việc đó khiến tôi

* Có vẻ như lòng trung thành tiếp tục là thứ gì đó rất quan trọng với hắn. Về sau hắn có viết một bức thư gửi từ Guantánamo cho luật sư của hắn tại Ohio thóa mạ cầu thủ bóng rổ LeBron James, người sinh ra tại Akron, là “kẻ rất tệ” vì đã rời bỏ đội Cleveland Cavaliers.

đặc biệt chú ý. Tôi đã gọi cho ông ấy tại nhà riêng trong dịp cuối tuần theo đường dây mật. Ông ấy không mấy lạc quan về khả năng những kỹ thuật hiện đang được phép áp dụng sẽ khiến Rahim phải khai. Ông ấy kết luận rằng Rahim đã chỉ chúng ta có thể đi bao xa với những kỹ thuật này và hấn sẵn sàng chịu trận. Ông ấy không phản đối việc áp dụng thử và dù thế nào cũng sẽ ủng hộ quyết định này. Ông ấy chỉ muốn tôi biết quan điểm của mình.

Trong suốt mùa Hè năm 2006, đã có nhận định gần như là đồng thuận về việc Bộ kỹ thuật thẩm vấn mới sẽ có tác dụng trong hầu hết mọi trường hợp. Lúc này tôi chưa sẵn sàng vứt bỏ nhận định đó. Như Thomas Edison từng nói: “Sự thất bại đến với nhiều người khi họ không nhận ra mình đang ở gần thành công như thế nào trong giây phút quyết định từ bỏ”.

Chúng tôi biết rằng Rahim từng là một nhà điều giải, và chúng tôi có nhiều thông tin báo cáo về việc nhiều nhân vật al-Qaeda cao cấp dọc biên giới Ápganixtan - Pakixtan bắt đầu chuyển vị trí khi hấn bị bắt. Có vẻ như *chúng* nghĩ rằng Rahim có thứ gì đó. Vậy nên không hề có sự lựa chọn dễ dàng ở đây. Cắt bỏ mỗi câu và có thể mất đi cơ may thực sự có được thông tin tình báo quan trọng. Tiếp tục công việc và ôm vào sự tiến thoái lưỡng nan về đạo lý mà chưa chắc có kết quả. Tôi đã quyết định rằng chúng tôi sẽ thử một lần nữa.

Vô tác dụng. Dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức trong việc ép buộc và đối xử tử tế (chúng tôi đã thử cả hai), Rahim hầu như không khai điều gì quan trọng trước khi chúng tôi chuyển hấn đến Guantánamo đầu năm 2008. Việc chúng tôi không mấy thành công với Rahim là một điểm dữ liệu quan trọng, nhưng tôi chưa sẵn sàng tuyên bố đây là một đường xu hướng. Chúng tôi duy trì sự tồn tại của chương trình trong thời gian còn lại của năm 2008, nhưng vì không có thêm đối tượng giam giữ nào,

chúng tôi không thể thu hoạch được thêm bất kỳ điểm dữ liệu bổ sung nào. Các chuyên viên thẩm vấn tại chỗ đồng tình với quyết định của tôi dừng việc thẩm vấn Rahim; trên thực tế, chúng tôi làm việc đó dựa vào khuyến nghị của họ. Dẫu vậy, một chuyên viên thẩm vấn về sau có bộc bạch với tôi rằng anh ấy hoàn toàn tin tưởng nhóm thẩm vấn của mình có thể bắt Rahim phải khai nếu họ được phép sử dụng toàn bộ những kỹ thuật thẩm vấn trước đây.

Tôi trình Quốc hội báo cáo cập nhật chi tiết về Abdul Hadi, Rahim và thậm chí còn công khai thông tin về việc bắt giữ các đối tượng này khi mỗi người trong số chúng được chuyển tới Guantánamo. Các báo cáo trình Quốc hội được tiếp nhận mà gần như không có ý kiến bình luận (hay phản đối) nào, nhưng cũng không hề có dấu hiệu nào cho thấy chúng có thể giúp củng cố mối quan hệ của chúng tôi với Quốc hội.

Đến cuối năm 2007, mọi chuyện trở nên tệ đến mức thật khó mà tưởng tượng, chúng tôi có thể làm mọi việc liên quan đến Điện Capitol trở nên tệ hơn nữa. Thật không may, chúng tôi đã tìm ra một cách.

Vào tháng 11, Mark Mazzetti của tờ *New York Times* cho lan truyền với mức độ chóng mặt thông tin về cái anh ta coi là một bài tường thuật bom tấn. Mạng lưới của chúng tôi bắt đầu bật sáng khi nhiều người từng làm việc cho CIA gọi đến để thông báo rằng Mazzetti đang bám theo việc hủy các băng video ghi lại những cuộc thẩm vấn trước đây. Rõ ràng anh ta đang tới rất gần cú điện thoại chiếu lệ cuối cùng gọi đến CIA để xin ý kiến bình luận trước khi nhấn vào nút “Gửi đi”.

Hai năm trước đó Jose Rodriguez đã ra lệnh hủy khoảng một trăm cuốn băng về những cuộc thẩm vấn đối với Abu Zubaida và Abd al-Rahim al-Nashiri, là hai đối tượng giam giữ giá trị cao đầu tiên. Hầu hết các băng có hình ảnh đối tượng

giam giữ ngồi tại buồng biệt giam, nhưng cũng có một số hình ảnh đồ họa về những kỹ thuật thẩm vấn được áp dụng.

Jose nói rằng ông ấy làm việc đó để bảo vệ nhân viên của mình, những người xuất hiện rõ nét trong các băng này. Ông ấy sẽ mãi được nhân viên cơ quan nhớ đến như một người hùng vì hành động đó, nhưng ông ấy đã làm việc đó thông qua một cửa sổ pháp lý hẹp (họ không phải là đối tượng phải trả lời bất kỳ cuộc thẩm vấn nội bộ, lập pháp hay tư pháp nào), cũng như trước sự phản đối và không có sự phê chuẩn của Giám đốc CIA lúc đó là Porter Goss, Giám đốc Tình báo quốc gia Negroponte và Cố vấn Pháp lý Nhà Trắng - tất cả đều rất bức mình với Jose Rodriguez.

Những cuốn băng này không được tạo ra hay hủy bỏ trước sự chứng kiến của tôi (như trưởng bộ phận quan hệ công chúng đầy tài năng của chúng tôi là Mark Mansfield đã tốt bụng chỉ ra trong các tài liệu thông cáo thông tin cơ sở của ông ấy), nhưng tôi đang ngồi tại chiếc ghế phải giải quyết vấn đề khi câu chuyện chuẩn bị bại lộ. Tôi đích thân thông báo với tổng thống về câu chuyện sắp bùng phát này và nói với ông ấy rằng Nhà Trắng nên chuyển hướng mọi câu hỏi đang dồn đến về Langley. Đây là “mớ bòng bong” của chúng tôi. Tổng thống xác nhận rằng ông ấy chưa hề được tường trình về sự tồn tại hay hủy bỏ những cuốn băng này và rất sẵn lòng để trợ lý của mình tuyên bố công khai chuyện đó trong khi họ chuyển mọi câu hỏi cho chúng tôi.

Tại Langley, tôi đã quyết định “ra tay trước chiếm tiên cơ” đối với Mazzetti và gửi một bức thư ngỏ cho toàn thể đội ngũ nhân sự (được thiết kế để đưa ra công luận) miêu tả lịch sử của những cuốn băng này. Tôi muốn phát bắn đầu tiên nhằm vào việc định hình mạch câu chuyện. Bên cạnh đó, dấu Mazzetti là một tay chuyên nghiệp, anh ta vẫn phải giữ bí mật về chúng tôi

trong vấn đề này, vậy nên chúng tôi chẳng nợ anh ta thứ chết tiệt gì cả.

Mansfield gọi điện cho Mazzetti để thông báo với anh ta rằng chúng tôi có một bản kê các băng sẽ được công bố theo thời gian biểu của chúng tôi. Mansfield sau đó chuyển một bản sao đến Pam Hess, phóng viên tình báo của Hãng tin *Associated Press (AP)*. Đưa câu chuyện của chúng tôi vào tay một cơ quan thông tấn điện báo sẽ bảo đảm câu chuyện được loan truyền tối đa. Và *AP* không phải là tờ *New York Times*.

Trong bức thư nói trên tôi đã chỉ ra rằng, năm 2003, lãnh đạo của hai ủy ban tình báo đã được tường trình về sự tồn tại của những cuốn băng này và ý định của cơ quan sẽ hủy chúng. Tôi cũng nói rằng những cuốn băng này đã được tổng thanh tra xem lại và tổng thanh tra thấy chúng nhất quán với nội dung điện báo cáo gửi từ các địa điểm đen. Những cuốn băng này được quay để giúp viết ra và xác minh các bức điện báo cáo và chúng tôi không sử dụng các băng này vào mục đích nào khác. Thực ra ngay từ đầu những cuốn băng này không mấy hữu ích cho công việc.

Khi câu chuyện bùng phát (không may lại rơi vào ngày chúng tôi đang có bữa tiệc Giáng sinh, nhưng chúng tôi vẫn phải khẩn trương với kế hoạch ra tay trước với tờ *Times*), mọi thứ cứ như thể địa ngục nổ tung vậy. Thượng nghị sĩ Kennedy tại trụ sở Thượng viện đã nhắc lại vụ Watergate. Ông ấy nạt nộ trong một bài phát biểu gay gắt: “Chúng tôi chưa từng thấy thứ gì như thế này kể từ khoảng trống mười tám phút rưỡi trong những cuốn băng của Tổng thống Richard Nixon”. Các ủy ban tình báo triệu tập nhiều cuộc điều trần, trút cơn giận của họ vào việc không có nhiều ủy viên hơn được thông báo riêng về những cuốn băng này và việc hủy bỏ chúng. Rush Holt, một người lâu nay vẫn chỉ trích CIA, đã giành quyền kiểm soát

hoạt động điều tra trong Hạ viện. Giới bình luận có một ngày “mỗi miệng”, cáo buộc rằng bằng chứng về những tội ác đặc biệt nghiêm trọng đã bị phá hủy. Giữa mịt mù sự kiện, Bộ trưởng Tư pháp đã ủy quyền cho công tố viên liên bang John Durham rà soát xem có điều khoản luật nào bị vi phạm không.

Ở cao điểm của toàn bộ sự kiện rùm beng này, tháng 02 năm 2008, trong một phiên điều trần mở của Ủy ban Tình báo Thượng viện với các máy quay C-SPAN đang hoạt động, tôi đã cố gắng ghìem cương cơn bùng phát những ý kiến suy đoán điên rồ nhất.

Tôi lưu ý một cách ngẫu nhiên rằng: “CIA đã áp dụng trấn nước với ba người: Zubaida, Nashiri và Khalid Sheikh Mohammed. Cuộc trấn nước cuối cùng diễn ra vào năm 2003”. Tên của những đối tượng bị trấn nước chưa từng được công bố công khai trước đây, và gần đây nhất kỹ thuật thẩm vấn đó được sử dụng cũng vậy. Đó là động thái ngăn chặn nhẹ nhàng đối với cơn bùng phát dữ dội những ý kiến suy đoán và lời buộc tội.

Trong khi các ủy viên dành một chút thời gian để xác định xem cần phản ứng ra sao với những điều tôi vừa nói (chúng tôi đã không có lời thông báo trước nào), tôi nói thêm rằng việc sử dụng kỹ thuật đó phản ánh hoàn cảnh của thời điểm đó, nỗi sợ sẽ có thêm những cuộc tấn công thảm họa khác, cũng như việc chúng tôi thiếu kiến thức về al-Qaeda. Hai ngày sau, xuất hiện trước Hạ viện, cũng trong một phiên điều trần mở, tôi đã từ chối đưa ra ý kiến suy đoán về việc liệu trấn nước sẽ vẫn hợp pháp khi cả hoàn cảnh lẫn luật pháp đều đã thay đổi. Chúng tôi không xin điều đó và kỹ thuật đó cũng không được sử dụng trong gần năm năm nay. Chấm hết.

Mọi thứ lắng xuống đôi chút khi việc điều tra hình sự của John Durham hầu như đã làm nguội bớt bất kỳ động thái quyết liệt nào của Quốc hội liên quan đến việc tiến hành thêm những

cuộc thẩm tra. Bên cạnh đó, khi chiến dịch tranh cử tổng thống đã nóng lên, rõ ràng là bất cứ yếu tố xác định thực chất nào cho con đường phía trước đều phải đợi kết quả vào tháng 11.

Kết quả đó đã quyết định số phận của các hoạt động giam giữ và thẩm vấn của CIA bất chấp việc cơ quan này có những lập luận để chứng minh điều ngược lại (xem Chương XIX). Và sau đó, trong một vài năm tiếp theo, chính quyền của tổng thống mới và phe dân chủ trong Quốc hội đã khiến CIA phải “lên bờ xuống ruộng” do những gì đã làm trong quá khứ (xem Chương XX).

Bên ngoài những chiến dịch chiến đấu công khai trên chiến trường tại Irắc và Ápganixtan, nước Mỹ (không chỉ CIA) hầu như không liên quan gì đến hoạt động giam giữ và thẩm vấn. Cuối cùng, chúng ta đã thành công trong nỗ lực biến việc bắt và giữ ai đó trở nên khó khăn về pháp lý, nguy hiểm về chính trị đến mức đơn giản coi “tiêu diệt” là lệnh mặc định khi muốn các phần tử khủng bố biến mất khỏi chiến trường.

Chương XIII

TRỞ VỀ NHÀ

Pittsburgh, Pennsylvania, 1945-2014

Trong bộ phim bom tấn năm 1997 mang tên *Grosse Pointe Blank* (Sát thủ hoàn lương), John Cusack thủ vai một sát thủ trở về thành phố quê hương Grosse Pointe để tham dự buổi lễ gặp mặt khóa cũ nhân kỷ niệm mười năm tốt nghiệp trung học. Tìm kiếm ngôi nhà hồi còn bé của mình, anh ta phát hiện nơi đây giờ là một cửa hàng tiện ích. Anh ta gọi cho bác sĩ điều trị tâm thần của mình: “Tôi có thể sẽ không bao giờ được trở về nhà, nhưng tôi cho là mình có thể mua sắm ở đó”.

Trong trường hợp của mình, tôi nghĩ có thể mua những món đồ liên quan đến đội Steelers ở đó. Ngôi nhà tôi ở hồi còn nhỏ nằm ở vị trí của sân vận động Three Rivers (sân Ba dòng sông) và về sau là sân Heinz Field ở vùng Northside (giờ đây gọi là North Shore) của Pittsburgh. Ngôi nhà thực ra đã bị phá dỡ để lấy chỗ xây dựng sân vận động đầu tiên [sân Ba dòng sông].

Vùng này rất lớn, nằm xen giữa tuyến chính của Công ty Đường sắt Pennsylvania và bờ bắc của sông Allegheny. Đây rõ ràng được gọi là một khu vực công nghiệp, với một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp nhẹ (trong đó có kẹ Clark), rất nhiều bãi đỗ xe tải và khá nhiều quán bar.

Nơi đây có yếu tố sắc tộc đặc thù - người Italia, người Ailen, một khu người Mỹ gốc Phi có hình vuông - và bản sắc quê cũ

vẫn thể hiện rất mạnh mẽ. Khi tôi nhảy lên một miếng ván gỗ và bị những chiếc đinh trên đó đâm vào hồi học lớp hai, một hàng xóm người Ailen đã cầm chiếc đinh đâm phải tôi vào một củ khoai tây để vết thương của tôi được mau lành.

Khu vực này chủ yếu là dân Công giáo. Ta có thể thấy đa phần mọi người tại Lễ Mass ngày Chủ nhật tại Nhà thờ St. Peter, và hầu hết đám trẻ con - và ở đó có rất nhiều trẻ con - đều theo học tại trường tiểu học và trung học cơ sở của nhà thờ thuộc sự điều hành của Dòng các nữ tu nhân lành (Sisters of Mercy).

Thể thao là sự kiện thu hút mọi người ở đây. Ném một quả bóng ra, và cả một đám đông sẽ bầu tới, bất kể lúc đó đang là mùa gì. Không phải là ở đó có những sân chơi đúng quy cách. Không có chỗ nào gần nơi chúng tôi ở có thể được gọi là một thảm cỏ. Có một sân chơi nền bê tông nhỏ, một hoặc hai bãi đỗ xe chưa được lát nhựa, và rồi các mặt đường phố đều được dùng làm nơi chơi thể thao. “Chạy sâu xuống. Ném ngược lại phía sau. Tôi sẽ húc vào anh ở đó”.

Có một sân chơi đúng quy cách, sân Monument Hill, nằm trên đỉnh một quả đồi hình cái lưng gù cao khoảng hơn 400 mét, ngay phía bắc khu North Shore. Cái tên này xuất phát từ một đài kỷ niệm thời kỳ nội chiến Mỹ được chuyển đến, sau đó nó được di dời khỏi cạnh phía đông của sân này nhiều năm trước đó. Đó không phải là cái tên người ta tưởng tượng ra. Được chăm chút cẩn thận với những khu khán đài xây kiên cố, nhưng mặt sân thì trơn bóng, thấm đầy dầu (điều đó có nghĩa là không có cỏ - chưa bao giờ có - dành cho những người đủ đen đủi để có sự trải nghiệm chơi thể thao nơi đây). Dẫu vậy, với chúng tôi, đây là nơi tốt nhất. Phần lớn các ngày cuối tuần và tối ngày thường từ tháng 5 đến hết tháng 8 của tôi đều dành cho nơi đó. Tôi tập bóng chày đến mức đủ giỏi để kiếm được một huy chương thể thao và đạt được mốc 316 điểm khi là học sinh năm cuối cấp trung học.

Người dân ở đây luôn dành sự hâm mộ hết mình cho các đội thể thao hay người hùng thể thao ở địa phương. Ta có thể thu lượm được số vỏ chai đã bật nắp quanh khu này vào một sáng mùa Hè dịp cuối tuần mang đi bán cũng đủ tiền mua vé xe điện và vé hạng phổ thông trị giá 1,50 USD để vào cổ vũ cho Roberto Clemente chơi cánh phải trên sân Forbes Field. Việc Clemente là vận động viên chuyên nghiệp vĩ đại nhất của thành phố này - trong mọi thời đại - có thể được minh chứng bằng chiều cao chính xác bức tường bên phía tay phải trong sân vận động mới nhất của thành phố Pittsburgh, sân PNC Park. Bức tường này cao hơn 7 mét, để tưởng nhớ số Clemente mang trên áo thi đấu trong đội bóng chày Pittsburgh Pirates.

Tiếp đó còn có đội bóng đá Mỹ [bóng bầu dục] Pittsburgh Steelers. Có một gia đình giáo khu St. Peter khác mang họ Rooney. Họ hàm ơn câu lạc bộ bóng đá Mỹ này. Người con cả Dan - về sau là chủ tịch của đội bóng, sau nữa là đại sứ Mỹ tại Ailen dưới thời Tổng thống Barack Obama - đã từng làm huấn luyện viên cho đội bóng trường tiểu học và trung học cơ sở của tôi và tôi chơi ở vị trí tiền vệ trong đội này hồi học lớp 8. “Thằng nhóc duy nhất có thể nhớ chiến thuật chơi” là lời giải thích của ông ấy. Về sau tôi có làm việc tại các trại huấn luyện của câu lạc bộ Steelers để kiếm thêm tiền trang trải học phí đại học, và khi tôi đang tham gia chương trình sau đại học và lịch làm việc của Dan với đội bóng trở nên quá bẽ bộn, tôi đã tiếp quản nhiệm vụ huấn luyện viên trường tiểu học, trung học cơ sở của ông ấy và thực sự đã mang về cho trường chiếc cúp vô địch toàn thành phố vào năm cuối cùng tôi làm việc ở đó.

Tình cảm của chúng tôi gắn liền với đội Steelers. Hồi còn trẻ, ông nội tôi - Mike Mussay thường chạy cùng với Art Rooney, con dòng cháu giống của gia đình đó. Dì Pat của tôi là người cùng thế hệ và bạn cùng lớp của một số thành viên nhà Rooney.

Chúng tôi đến cầu nguyện tại cùng một nhà thờ. Rồi thì, không có gì ngạc nhiên khi tôi rơm rớm nước mắt nghe tin đội Steelers đã giành được cúp Super Bowl lần đầu tiên trên sóng Đài phát thanh Không quân Mỹ tại một căn cứ B.52 trên đảo Guam vào năm 1975. (Mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn. Tôi có mặt trong khung khán đài của chủ tịch câu lạc bộ để dự lễ trao cúp Super Bowl lần thứ năm và lần thứ sáu vào các năm 2006 và 2009).

Chúng tôi sống trong nhà của ông nội tôi, Mike Murray, một khu nhà thuê xếp theo dãy nhưng phần còn lại của dãy đã bị phá dỡ, cùng với mẹ tôi (Sadie), cha tôi (Harry), em gái và em trai Debby và Harry III. Chúng tôi có hai em gái sinh đôi đã mất ngay sau khi sinh, lúc tôi khoảng mười tuổi. Tôi đã cầu nguyện cho linh hồn chúng tại Lễ Mass ngày Chủ nhật trong suốt hơn nửa thế kỷ.

Cha tôi là một thợ hàn tại Allis-Chalmers, không xa nhà lắm, nhưng ông đã nghỉ hưu sớm khi nhà máy Pittsburgh đóng cửa. Mẹ tôi xoay sở làm mọi việc có thể để thế chân cha lo cho gia đình. Nhiều năm về sau, khi tôi đã là một sĩ quan cao cấp trong không lực, bà và một số người bạn vẫn tham gia vào đội lau dọn cho một tòa văn phòng tại địa phương.

Ông nội tôi là một trong những người hào phóng nhất tôi từng biết. Ông đưa tôi đi câu và cắm trại. Nhờ có ông, ngôi nhà của chúng tôi là nơi dân trong khu thường tụ tập để chơi bài Pinochle, tổ chức các buổi tiệc nướng BBQ vào tối thứ Bảy hay chỉ đơn giản ngồi trên hiên trần để nghe tường thuật về đội Pirates trên đài phát thanh. Để bổ sung cho khoản thu nhập ít ỏi của mình trong phòng chuyển hàng của một công ty in ấn ông nhận làm dịch vụ cá độ bóng đá. Khi tôi đã lớn, việc đó cũng bình thường như việc đi lễ nhà thờ vào ngày Chủ nhật. Khi tôi còn là một lễ sinh và thường phục vụ các buổi Lễ Mass sớm vào

ngày thường và chạy về nhà để dùng bữa sáng nhanh trước khi đến trường, mẹ tôi đã xử lý xong “công việc bàn giấy” của ông và dọn sạch chúng khỏi chiếc bàn trong bếp dành cho tôi.

Mẹ và cha rất chăm lo cho chúng tôi, hiềm một nỗi nguồn lực hạn chế. Bữa tối luôn là sự kiện chính của gia đình. Mặc dù đó là một chế độ ăn cơ bản thông thường của người Ailen - thịt hầm nhừ, khoai tây, rau quả - đậu sốt cà chua mang hiệu Sadie (mẹ tôi) là món được yêu cầu vào mọi buổi dã ngoại, lễ canh người chết, lễ cưới và lễ rửa tội của gia đình và hàng xóm trong suốt năm mươi năm.

Mẹ và cha cũng coi trọng việc học hành của chúng tôi, bởi chính bản thân họ đã từng bị hạn chế trước những tác động về kinh tế của cuộc Đại Suy thoái. Mẹ đã học xong lớp 10. Tôi còn nhớ bà đọc cho tôi nghe chuyện *Treasure Island* (Đảo giấu vàng), kết thúc bằng giọng của tên cướp, để làm câu chuyện ru ngủ hàng đêm trong suốt vài tuần.

Cha học hết lớp 8. Ông từng là một vận động viên đầy triển vọng trước khi các yếu tố kinh tế, chiến tranh và chứng đau khớp gối can thiệp vào. Ông dạy tôi rất nhiều điều. Tôi đánh bóng bên trái, ném phải được là nhờ có ông. Dầu vậy, dù ông đã nỗ lực hết sức, tôi không có ý định nhận bất cứ học bổng thể thao nào.

Vậy nên chế độ giáo dục mà những người thân muốn dành cho tôi cũng quan trọng như vẻ ngoài tốt đẹp của nó, đầu tiên là với Dòng Các nữ tu nhân lành tại giáo khu St. Peter. Vào thời điểm đó tôi nghĩ rằng Luật dòng tu là thứ bị gọi sai tên trầm trọng, và nhiều năm về sau, trong những cuộc tranh luận về Bộ kỹ thuật thẩm vấn tăng cường của CIA, tôi đã rất cố gắng để nói với người nghe rằng bản thân tôi đã trải qua bốn trong số những kỹ thuật đó (hai kiểu túm giật và hai kiểu vỗ đập [vả]) trong trường tiểu học và trung học cơ sở của giáo khu. Ấy vậy

nhưng đó vẫn là chế độ giáo dục hàng đầu và cơ bản. Tôi không hề làm bộ đầu.

Cũng như vậy là trường trung học phổ thông Công giáo của vùng: trường North Catholic. Chế độ ăn uống của trường giáo khu kinh điển, kỷ luật, giáo trình theo yêu cầu, thần học, tiếng Latinh, các tác phẩm kinh điển, lịch sử. Toàn bộ các môn trong chương trình giáo dục đại cương. Toàn bộ những điều đó được hỗ trợ bởi một trong những hệ thống thư viện đã được ông trùm cướp bóc/người mang tư tưởng bác ái Andrew Carnegie lập ra nằm rải rác khắp nơi trong thành phố nơi ông ấy lớn lên. Tôi là người thường xuyên lui tới chi nhánh Northside của thư viện, dành rất nhiều thời gian kiếm tìm tại những kệ sách lịch sử.

Một ngôi trường sở tại, Đại học Duquesne, là sự lựa chọn đương nhiên của những người muốn học đại học: trường Công giáo, chi phí phải chăng và gần nhà. Tôi đã là quân nhân chính quy trong Lực lượng không quân Mỹ trước khi từng ngồi vào một lớp học mà trên tường không treo cây thập ác. Tôi cũng đã là người của không quân Mỹ trước khi cần một chiếc xe để lái đến trường. Trường tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học đều cách nơi tôi ở một khoảng cách có thể đi bộ và sử dụng phương tiện giao thông công cộng vào những ngày thời tiết xấu. Đôi khi tôi phân vân tự hỏi liệu lối sống về sau này của tôi, mang tính toàn cầu hơn, có phải là sự phản ứng với những năm đầu đời đó không.

Có một cuộc chiến đang diễn ra ở Việt Nam trong lúc tôi đang học ở Duquesne. Tại nơi tôi sinh sống áp dụng chế độ quân dịch toàn thể thực sự có nghĩa là *toàn thể* - mọi người đều tham gia - vậy nên tôi đã chọn ROTC (Chương trình Đào tạo sĩ quan dự bị) để chỉ ít khi tham gia vào lực lượng nào thì tôi cũng đã là một sĩ quan. Chúng tôi không hề có bất kỳ truyền thống quân sự rõ ràng nào trong gia đình. Cha từng phục vụ tại Bắc Phi và

Pháp trong Quân đoàn Truyền tin Mỹ (Signal Corps) trong Chiến tranh thế giới thứ hai, và cậu ruột tôi đã phải khai man tuổi để được nhận vào thủy quân lục chiến, tham gia các hoạt động tuần tiễu khắp Địa Trung Hải một thời gian, rồi về sau từng sa vào vòng vây của hàng chục nghìn “chí nguyện quân” Trung Quốc trong đợt rút quân của thủy quân lục chiến Mỹ khỏi Chiến dịch hồ Trường Tân ở Triều Tiên. Một trong những ký ức đầu tiên của tôi về tivi là bà tôi nhìn chăm chăm một cách đầy lo lắng vào những bản tin phát vào thời điểm đó.

Không quân cho phép tôi ở lại Đại học Duquesne để hoàn thành chương trình thạc sĩ lịch sử trước khi tham gia chế độ phục vụ toàn thời gian vào mùa Hè năm 1969. Đời sống quân ngũ chưa đến với tôi. Tôi đã kết hôn với cô bạn cùng lớp tại Duquesne, Jeanine Carrier đến từ Chicago, cho đến nay vẫn là quyết định sáng suốt nhất trong đời tôi. Chúng tôi có một bé gái, Margaret, và bé thứ hai của chúng tôi, Michael, lúc đó sắp chào đời. Triển vọng về mức lương ổn định và chế độ chăm sóc y tế bảo đảm có vẻ như chưa bao giờ sáng sủa hơn.

Mặc dù chúng tôi sẽ về thăm gia đình và thỉnh thoảng đến xem các trận đấu của đội Steelers và đội Pirates, những nguyên âm bị kéo dài của tôi trong những từ như *out* hay *down* hay *fire* đôi lúc khiến người nghe đặt câu hỏi về việc tôi đến từ Pittsburgh, chúng tôi chưa bao giờ có ý định quay lại đó để sinh sống. Hầu như không có gì quá bất thường trong quyết định đó. Thành phố này đẩy những người tốt nghiệp đại học và những người khác phải ra đi khi các nhà máy sản xuất nhỏ từng là bầu sữa của thành phố phải đóng cửa. Nhiều người giỏi. Thành phố tươi đẹp. Vấn đề là không có việc làm.

Thành phố này cuối cùng đã hồi sinh nhờ hoạt động giáo dục và y tế, hiện là nơi đặt trụ sở của nhiều công ty khác nhau. Pittsburgh đã trở thành một thành phố lao động cổ cồn [trí óc],

nhưng vẫn giữ thái độ lao động cổ xanh [lao động chân tay, lao động cần cù]. Toàn bộ ba con sông của thành phố giờ đây đủ sạch để ăn được cá dưới đó, nhưng dân số thành phố thì chỉ còn bằng một nửa so với trước đây.

Những người phân tích về giải NFL (Liên đoàn Bóng bầu dục quốc gia) không am hiểu thường có thiên hướng nói rằng đội Steelers thường chơi rất hay khi các cổ động viên trong trang phục màu đen sọc vàng vẫy những chiếc khăn tắm gồm guốc vốn là thương hiệu riêng của đội xuất hiện đông đảo trong những trận đấu trên sân khách của Steelers. Tháng 11 năm 2008, tôi có mặt ở sân FedEx Field để xem trận đấu tối thứ Hai giữa đội Steelers và đội Redskins. Do đám đông quá ồn ào, đội Redskins (đội chủ nhà) phải áp dụng hình phạt đếm cho đến khi đám đông giữ im lặng (silent snap count). Khi được hỏi sau khi trận đấu kết thúc tại sao lại xảy ra chuyện đó, một cầu thủ đội Redskins bức bối giải thích: “Vì chúng tôi không nghe được gã tiền vệ chết tiệt đó nói gì”. Nhưng sự ồn ào của đám đông không hẳn là do đội Steelers chơi hay, mà do sự phấn khích của những người gốc Pittsburgh rời khỏi thành phố quê hương vào thập niên 1970 và thập niên 1980, những người mà với họ đội bóng vẫn là mối liên kết mạnh mẽ nhất với quê nhà.

Vào mọi mùa Giáng sinh, Giám đốc và Phó Giám đốc CIA có lệ đứng ở hành lang để chụp ảnh, bắt tay và trao đổi thiệp Giáng sinh với bất cứ ai muốn làm việc đó. Việc này kéo dài trong nhiều giờ. Rất nhiều người trong những sự kiện như vậy giới thiệu với tôi họ đến từ Tây Pennsylvania.

Cũng có khá nhiều người Pittsburgh trong đội bảo vệ riêng của tôi tại CIA. Jeanine và tôi có vé xem cả mùa với đội Steelers và cố gắng không bỏ lỡ trận nào. Với tôi, được xem những pha hành động giữa những vạch kẻ màu trắng trong khoảng thời gian

từ 13 giờ chiều đến 16 giờ chiều vào các ngày Chủ nhật là một cuộc thư giãn cắt đứt hoàn toàn liên lạc với phần còn lại của thế giới. Hình như an ninh không phải là vấn đề trong mỗi lần lái xe dài hơn bốn tiếng đến sân Heinz Field. Đội ngũ an ninh của đội Steelers đối xử rất tốt với chúng tôi: thả vào sân theo chế độ riêng để tạo thuận lợi cho việc ra vào sân của chúng tôi. Ai cũng được xem trận đấu. Đội ngũ an ninh CIA không bao giờ thiếu những người tình nguyện xin đi cùng chúng tôi.

Điều tôi và những người khác mang theo từ Pittsburgh là đạo lý lao động cần cù của vùng này, một đạo lý được miêu tả súc tích qua lời của phóng viên chiến trường thời Chiến tranh thế giới thứ hai Ernie Pyle trong lần đến thăm thành phố năm 1937: “Người dân ở đây chỉ biết làm việc”. Trong nhiều năm, một bản sao đã ố vàng của bài báo đó luôn có mặt tại bảng tin của một nhà ga nổi của công ty đường sắt Monongahela Incline, một trong những công ty cung cấp dịch vụ đường sắt leo núi vẫn đang hoạt động tại thành phố.

Một chiến dịch quảng bá cho đội bóng chày Pirates vào giữa thập niên 1990, khi nói về tài năng thì họ là một thế lực khủng khiếp, là minh chứng hoàn hảo cho đạo lý này. Một bức hình trắng trơn về khoang đứng của vận động viên vụt gây; một thùng đựng đồ ăn trưa màu đen được thả lên đó và một giọng nói nhấn nhá: “Ra khỏi nhà và xem một câu lạc bộ bóng chày làm việc chăm chỉ không kém gì quý vị”. Đội Dodgers hay đội Yankees thật khó có được chủ đề quảng bá tương tự.

Tôi từng tham gia một số cuộc chạy Maratong Pittsburgh kể từ năm 2002. Đó luôn là những sự kiện tuyệt vời, và chạy qua các đường phố quê hương mình trước sự cổ vũ nhiệt tình của đám đông là thứ gì đó thật đặc biệt. Nhưng chỉ có ở Pittsburgh đám đông mới giờ món bánh gối *pierogie* mời vận động viên đang chạy dùng và cho rằng mình đang làm điều tốt.

Một cuốn sách mới ra mắt thời gian gần đây có tên *Singing the City* (Ngợi ca thành phố), một áng văn ca ngợi cuộc sống ở Pittsburgh, có dẫn lời một người quan sát nhận xét những lò rèn đỏ lửa đã nhuộm sắc vàng bầu trời đêm ra sao và lấy làm tiếc cho những đứa trẻ tội nghiệp ở vùng Trung Tây nước Mỹ không bao giờ được thấy một khung cảnh như vậy.

Pyle đã tóm gọn suy nghĩ tương tự vào năm 1937: “Một chiếc cổ áo lấm lem ở đây đồng nghĩa với sự phồn vinh”.

Và văn hóa “chỉ biết có làm việc” chiếu sang lĩnh vực công nghiệp sẽ tương đương với câu cách ngôn của Woody Allen rằng 80 phần trăm thành công đến từ việc đơn giản là có mặt. Phương châm rõ nét hơn của cha tôi, được phát biểu rõ sau một lần tôi về nhà kêu ca sau một trận đánh lộn, đơn giản là: “Đừng rên rỉ nữa. Hãy hành xử như một người đàn ông và tự bảo vệ mình”.

Bài học thứ hai có phần riêng tư hơn đôi chút, đến từ môi trường trực tiếp của tôi. Đó là một khu lao động nghèo. Một số người bạn và người thân của tôi nếu không trở thành “cóm” [cảnh sát] thì sẽ trở thành “cướp” [tội phạm]; một số người thì vừa là “cóm”, vừa là “cướp”. Cha mẹ tôi áp dụng tiêu chuẩn phẩm hạnh cao đối với chúng tôi (gần như coi việc làm không đúng mực là hành vi tội lỗi), nhưng cũng một mực đặt ra yêu cầu cao về việc nhường nhịn và khoan thứ với người khác: “Đừng phán xét người khác, để không bị... Chúng ta đều là con của Chúa”.

Nhìn chúng thì đó là bài học cuộc sống tốt. *Thực sự* quan trọng nếu cuộc sống đẩy ta tới tình thế ngồi đối diện với Ratko Mladić, tội phạm chiến tranh người Xécbia tại Bôsnia, tại khu doanh trại Lukavitsa ở ngoại ô Sarajevo vào năm 1994. Hay ngay tại Văn phòng CIA của mình ta phải tiếp đón Moussa Koussa, Giám đốc Cơ quan Tình báo quốc gia Libi, trong lúc phân vân tự hỏi nhân vật này có mối liên quan gì đến cái chết

của hai trăm bảy mươi người vô tội trên chuyến bay số 103 của hãng Hàng không Pan Am trên bầu trời Lockerbie, Xcốtlen.

Nhưng mọi thứ nói trên là chuyện của nhiều năm sau này. Jeanine, tôi và em bé mới sinh Margaret rời Pittsburgh vào mùa Hè năm 1969 để bắt đầu cuộc sống trong không quân tại một trường kỹ thuật dành cho sĩ quan tình báo tại Denver. Bé Michael ra đời ở đó trước khi chúng tôi chuyển đến Omaha, rồi cuối cùng đến đảo Guam, nơi bé út Liam ra đời. Chúng tôi luôn quấn quýt bên nhau theo đúng nghĩa một gia đình, cùng nhau làm những việc như khoác áo choàng rộng của người *poncho* và xếp dọn ghế ngồi trên thảm cỏ vào những khu sân khấu ngoài trời luôn bị trời mưa đe dọa tại khu căn cứ trên đảo Guam. Tại đó tôi làm việc theo ca từ 3 giờ 30 sáng đến 12 giờ trưa, vậy nên có nhiều thời gian dành cho lũ trẻ vào buổi chiều, Jeanine cho chúng tôi ăn và bắt chúng tôi leo lên giường ngủ lúc 7 giờ tối.

Jeanine và tôi thực sự đã quyết định coi không quân là sự nghiệp. Chúng tôi coi công việc trong không quân là một công việc cho mọi địa điểm, từ Bắc Mỹ đến châu Á, châu Âu, rồi lại quay trở lại Bắc Mỹ. Chúng tôi và các con được thấy những thứ chưa bao giờ nghĩ có ngày được thấy. Đó là một trải nghiệm tuyệt vời. Có lúc tôi cho rằng chúng tôi đã xác định gắn cuộc sống với công việc trong không quân, nhưng chúng tôi chưa bao giờ thực sự ngồi lại và chính thức xác nhận với nhau nhận định đó.

Đám trẻ nhà tôi đã học xong đại học và lập gia đình riêng vào thời điểm tôi về làm Giám đốc NSA năm 1999. Khi tôi về làm Giám đốc CIA năm 2006, chúng tôi đã có ba cháu gọi bằng ông bà và thời gian dành cho gia đình có gặp khó khăn đôi chút do lịch của chúng và lịch của tôi. Chúng tôi cũng cố để có những tuần tắm biển trên vùng Outer Banks ở North Carolina trong

những dịp Lễ Tạ ơn hoặc Lễ Giáng sinh, hoạt động mà đứa cháu lớn nhất của tôi vẫn gọi là đi đến “bãi biển lạnh”.

Chúng tôi cũng đã thu xếp để đưa ba đứa cháu (đang độ tuổi 10, 8 và 7), không có cha mẹ chúng, trong một kỳ nghỉ cuối tuần kết hợp Ngày Labor Day dài, đến một khu nhà nghỉ ven biển tuyệt đẹp tại Căn cứ Không quân Patrick ở Florida năm 2008. Rất nhiều thời gian dành cho việc lướt sóng, nhưng công việc thì chưa lúc nào thôi bám theo. Vào mỗi tối trong số ba tối ở đó, đội bảo vệ riêng của tôi thường gõ mạnh vào cánh cửa trong khoảng thời gian từ 2 giờ đến 4 giờ sáng để tôi lên ra bãi biển, nơi đội liên lạc của tôi đang chờ tôi đến để ra quyết định.

Tôi có cơ hội nói về sự pha trộn các yếu tố gia đình, cội rễ và công việc này tại lễ tốt nghiệp của Đại học Duquesne vào tháng 5 năm 2007. Tôi lấy làm vinh dự vì họ đã mời tôi đến nói chuyện. Có vẻ đó chưa hẳn là quyết định đồng lòng của họ. Có người nói với tôi rằng một số thành viên của khoa đã bày tỏ mối lo ngại.

Tôi không hề biết chuyện đó cho đến khi chúng tôi đến Pittsburgh. Một số đoạn nháp cuối cùng của bài phát biểu đã bào nhẵn những cạnh gỗ nhám của một số vấn đề khó xử. Chiều hôm đó, do không muốn bỏ lỡ một cơ hội hay thừa nhận một điểm nhận định, tôi đã để lại một số nội dung.

Tôi chưa bao giờ biết được bản chất chính xác hay mức độ của bất kỳ ý kiến phản đối nào, nhưng vài năm sau một giáo sư tiếng Anh của Đại học Duquesne thể hiện quan điểm công khai chống lại việc thành phố Pittsburgh công nhận công lao của tôi. Vấn đề nằm ở một tấm biển hiệu ghi tên phố mang tính danh dự, Đại lộ Đại tướng Michael V. Hayden. Tấm biển hiệu này được dựng lên vào năm 2008, ngay cạnh sân vận động Heinz Field và cách ngôi nhà nơi tôi ở hồi nhỏ chừng gần hai trăm mét.

Thị trưởng Luke Ravenstahl đã ra lệnh dựng tấm biển hiệu này sau một tối nói chuyện với em trai tôi là Harry. Harry kém tôi mười sáu tuổi, đáng ra có thể trở thành một nhân viên phụ trách mạng lưới tuyệt vời: sắc sảo, giao tiếp tốt (Harry biết mọi người) và rất giỏi trong việc khơi gợi thông tin và khuyến khích hành động. Có lẽ điểm thuận lợi ở đây khi thị trưởng là người trẻ tuổi (mới 28 tuổi vào thời điểm đó) và là người đồng hương vùng Northside cũng như cùng tốt nghiệp từ Trường Trung học North Catholic.

Khi Harry thông báo với tôi về quyết định của thị trưởng, tôi chỉ biết hỏi liệu tôi có thể đỗ xe ở đó vào những ngày có trận thi đấu.

Hai năm sau, vị giáo sư của Đại học Duquesne nhìn thấy tấm biển hiệu này khi ông ấy cùng gia đình đến tham quan Trung tâm Khoa học Carnegie phía bên kia đường, và cảm thấy nóng mắt. Ông nói: “Đại tướng Hayden đã làm rất nhiều việc để phụng sự đất nước, nhưng xét vai trò của ông ấy trong chính sách tra tấn của chính quyền Bush, tôi không nghĩ thành phố này nên tôn vinh ông ấy bằng một biển hiệu nơi công cộng”.

Ông ấy thu thập được vài chục chữ ký kiến nghị thành phố dỡ bỏ tấm biển hiệu, và hội đồng thành phố đã đưa sự việc này vào danh sách những việc cần giải quyết công khai. Ông ấy và một số người ủng hộ bảo vệ lập luận của mình, còn em trai tôi và năm đến sáu người khác thì phản bác lại. Harry đã chỉ ra một số sai lầm trong nhận định sự việc: “Những người có mặt ở đây để phản đối tấm biển hiệu đã buộc tội Đại tướng Hayden cho trấn nước các đối tượng giam giữ, vì họ không biết **BẤT CỨ ĐIỀU GÌ** về Đại tướng Hayden. Màn trấn nước cuối cùng diễn ra vào năm 2003, còn Mike trở thành Giám đốc CIA năm 2006”. Harry tiếp tục bằng việc nói rằng CIA thực ra đã bỏ kỹ thuật thẩm vấn này khỏi danh sách sau khi tôi về đó. Sau đó, chú ấy còn giận dữ nói thêm điều gì đó

về việc không hề có yêu cầu hiện hành nào về việc để khoa tiếng Anh của Đại học Duquesne đưa ra những quyết sách về an ninh quốc gia (Cứ bồi hay lắm, tôi nghĩ bụng).

Đội [ủng hộ] Hayden nhận được sự ủng hộ của khoảng một chục cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh Mỹ (American Legion) cũng như những đại diện của Tổ chức Cựu chiến binh các cuộc chiến tranh ở nước ngoài (VFW) có mặt ở đó. Họ cũng có trong tay bức thư ủng hộ từ huấn luyện viên bóng bầu dục trường tiểu học và trung học cơ sở của tôi, Đại sứ Mỹ tại Ailen và ông chủ câu lạc bộ Steelers là Dan Rooney. Văn phòng thị trưởng đưa ra lý lẽ bảo vệ việc giữ nguyên trạng tấm biển hiệu. Vai trò của tôi trong vụ này là yêu cầu em trai hỏi xem tôi có thể mua tấm biển hiệu đó nếu quả thực nó cần được dỡ bỏ.

Pittsburgh là thành phố mà phe Dân chủ thống trị, vậy nên các ủy viên hội đồng thành phố chẳng băn khoăn gì nếu ai đó có thóa mạ chính quyền Bush đôi chút. Em trai tôi phàn nàn vì bị sưng tím một bên chân do một người bạn véo mạnh vào đùi để ngăn chú ấy nhảy dựng lên phản đối. Cuối cùng, người bạn ngồi phía bên kia của Harry đã dẫm lên chân chú ấy và hét lớn “Chết tiệt thật!” sau một lời buộc tội đặc biệt quá đà của phe bên kia, một hành động can thiệp nhận được nhiều sự ủng hộ từ những cựu chiến binh có mặt ở đó.

Cuối cùng, hội đồng thành phố đã đủ khôn ngoan để nhận ra rằng rất nhiều người ủng hộ tấm biển hiệu thực chất là cử tri quan trọng trong những cuộc bầu cử hội đồng thành phố và rằng hội đồng thực sự không có đủ năng lực chuyên môn khi thông qua phán xét chính sách tình báo của Mỹ. Hội đồng cũng đủ tinh nhanh để nhận ra rằng, vì họ không có vai trò gì trong việc dựng tấm biển hiệu, họ thực sự cũng không nên đưa ra quyết định về việc liệu có nên dỡ bỏ tấm biển hiệu hay không. Vấn đề này cứ thế trôi đi.

Tôi cho là những mối lo ngại tương tự đã dẫn đến sự phản đối liên quan đến sự hiện diện tại lễ tốt nghiệp hồi tháng 5 năm 2007 của tôi. Mặc dù ban giám hiệu nhà trường rất băn khoăn chuyện này, song không hề có bất kỳ sự phản đối, cử chỉ hay lời lẽ không hay nào. Vậy là tốt. Đó là lễ phát bằng kết hợp của nhiều cơ sở thuộc Đại học Duquesne - lần đầu tiên họ làm trong nhiều năm - vậy nên các cử nhân vừa tốt nghiệp và gia đình họ đã lấp đầy Trung tâm Palumbo thoáng rộng của trường.

Thông điệp của tôi dành cho các cử nhân vừa tốt nghiệp rất rõ ràng. Thứ nhất, nền giáo dục họ nhận được tại Đại học Duquesne sẽ giúp họ ứng phó được với nhiều vấn đề trong một thế giới khắc nghiệt và hỗn loạn. Họ có khả năng tạo ra những mối liên hệ mà người khác có thể không thấy được.

Tôi kể cho họ về một chuyến công tác đến Ixraen và một chuyến bay trên chiếc trực thăng quân sự của Ixraen băng “ngang qua Bethlehem, sau đó là Jerusalem, nhìn rõ Bức tường Than khóc và Thánh đường Hồi giáo Al-Aqsa. Bay thêm một vài phút nữa, tôi có thể nhìn thấy... Biển hồ Galilee”.

Là vùng đất thiêng của ba tôn giáo lớn, nhưng vào thời điểm đó “phong trào intifada [hoạt động nổi dậy của người Palestín chống lại sự chiếm đóng của Ixraen] lần thứ hai đã và đang dậy sóng được gần một năm [và] thường xuyên có người Ixraen và người Palestín thiệt mạng trên các đường phố”. Cần phải có tầm nhìn rộng (và mang tính lịch sử) để thừa nhận rằng, bất chấp tình trạng hỗn loạn, “những thứ kết nối chúng ta thường bắt rễ sâu hơn những thứ chia rẽ chúng ta”.

Rồi tôi thừa nhận rằng, họ sẽ không rời khỏi khuôn viên nhà trường với kiến thức toàn năng trong đầu và tôi trấn an họ rằng chính tôi cũng vậy. Chưa có vị giáo sư nào từng gặp riêng tôi sau buổi học và nói: “Mike này, đây là danh mục những thứ cần đọc, sẽ rất hữu ích cho em khi làm công tác liên quan đến

Chiến lược an ninh quốc gia cho Tổng thống thứ 41 Bush”, kiến thức xuất sắc của tôi về Đế quốc Áo - Hung trong học phần văn minh phương Tây không hề nói rõ cần phải làm gì khi Nam Tư tan rã, còn tôi thì đang đứng tại Sarajevo năm 1994 để quan sát trận địa pháo binh bố trí tại những quả đồi bao quanh.

Thế nhưng, tôi nói tiếp: “Tôi thực sự được trang bị đủ hành trang để xử trí những tình huống đó, không phải một cách chi tiết, vì đó là những tình huống không thể đoán định, nhưng nhìn chung, vì tôi được tiếp cận với nền giáo dục kinh điển có khả năng áp dụng hữu hiệu vào nước Mỹ thời hiện đại, và các bạn cũng vậy”.

Một luận điểm quan trọng khác của tôi liên quan đến giá trị. Tôi nói với các cử nhân vừa tốt nghiệp rằng, khi xử trí những vấn đề khó khăn trong nhiều năm qua, “có một điều thể hiện ngày càng rõ trong nhận thức của tôi là thâm niên càng cao, tuổi tác càng nhiều, các vấn đề và sự cố càng trở nên cơ bản hơn với tôi. Và chúng xảy ra càng thường xuyên, tôi càng ít phải vận dụng lại kiến thức chuyên môn nào mình từng thu lượm được trong suốt quá trình hoạt động và càng phải dựa nhiều vào những giá trị cơ bản mà tôi đã học được ở đây, ngay tại Pittsburgh này, từ những lời dạy của cha mẹ tôi tại Trường Trung học North Catholic, tại Trường Phổ thông St. Peter ngay bên kia sông, và tại Đại học Duquesne của chúng ta”.

Tôi đã mô tả “những tiết triết học và thần học đầy khó khăn [mà tôi được học tại Đại học Duquesne] là những món quà tuyệt diệu... những món quà không ngừng trao gửi. Chúng trao gửi cho tôi chiếc mỏ neo trong một vùng biển động. Chúng trao gửi cho tôi chiếc la bàn khi phía trước là con đường mịt mù. *Chúng trao gửi tôi một tia ánh sáng khi phải làm việc trong bóng tối*”.

Tôi kết luận bằng việc nhắc nhở các cử nhân vừa tốt nghiệp rằng “cuộc sống chẳng bao lâu sẽ giao phó cho các bạn những

trách nhiệm nặng nề hơn, và hiếm khi các bạn có quyền lựa chọn chính đáng là không làm gì. [Đó là một trong những mẫu nội dung tôi đã cất lại]. Trách nhiệm luôn đòi hỏi chúng ta phải hành động. Trách nhiệm của tôi liên quan đến việc bảo vệ chế độ cộng hòa, còn lương tâm tôi, được hình thành ngay từ trong Đại học Duquesne, thôi thúc tôi phải hành động. [Một mẫu nội dung nữa mà tôi phải cất lại]”.

Tôi cảm ơn các cử nhân vừa tốt nghiệp và gia đình họ đã quay trở lại rồi đi tới chỗ ngồi của tôi trên bục sân khấu. Lúc tôi đang cúi xuống để đặt tấm bìa rồi mà tôi dùng để kê những tài liệu dùng phát biểu, trên phần sàn ngay kế ghế ngồi của tôi, vị mục sư ngồi ngay cạnh tôi cũng cúi xuống để nói thầm vào tai rằng tôi cần quay trở lại bục phát biểu ngay. Các cử nhân đang vỗ tay và nhiều phụ huynh cũng đứng dậy và vỗ tay.

Tôi bước trở lại sân khấu, vẫy tay bày tỏ lời cảm tạ từ đáy lòng dành cho đám đông ở thành phố quê hương mình.

Chương XIV

“HỌ KHÔNG CÓ HẠT NHÂN. TA KHÔNG GÂY CHIẾN”

Al-Kibar, Syria, 2007-2008

Chúng tôi có nhiều bạn làm trong các cơ quan tình báo ở Trung Đông. Vào tháng 4 năm 2007, người đứng đầu quyết đoán và không biết mệt mỏi của một trong những cơ quan này bước vào văn phòng của tôi tại Langley. Đây là mẫu người không thích màu mè, hết mình với công việc - nhưng thái độ lạnh lùng, nghiêm nghị.

Hôm đó, ông ấy thông báo tin tức hệ trọng. Ông ấy mang theo mình những bức ảnh về một lò phản ứng hạt nhân sắp hoàn thiện nằm trong vùng sa mạc miền Đông Xyri, gần một thị trấn có tên là al-Kibar. Qua hình ảnh vệ tinh, chúng tôi đã nắm bắt được cơ sở này khi nó đang trong quá trình hoàn thiện, nhưng hệ thống tường và mái giả của nó khiến việc xác định chi tiết trở nên rất khó khăn. Cơ quan Tình báo địa không gian quốc gia (NGA) đã bắt đầu thu hình ảnh cơ sở này thường xuyên hơn vào năm 2006 và gọi đây là “thứ bí ẩn”. Điều đó về cơ bản có nghĩa là thứ bí ẩn trông có vẻ quan trọng, nhưng không thể nói chính xác là thứ gì.

Chúng tôi đã chia sẻ lượng lớn bằng chứng không liên mạch trong suốt một thập kỷ về sự hợp tác hạt nhân giữa Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên - Xyri với đối tác liên lạc sở tại

của mình và thậm chí còn chỉ rõ vùng sa mạc miền Đông Xyri và các vùng nước mát của sông Euphrates là ứng cử viên sáng giá cho khả năng có một cơ sở hạt nhân. Khi có đủ nguồn lực, chúng tôi giao cho bộ phận hình ảnh vệ tinh của riêng mình rà quét toàn bộ khu vực để tìm công trình xây dựng khả nghi, nhưng Xyri có quỹ đạo diễn biến sự việc giống với Irắc và nhu cầu chiến tranh ở đó đã ngốn mất rất nhiều nguồn lực như vậy. Cuối cùng, chúng tôi cũng đưa được cơ sở này vào tầm quan sát, nhưng rất lâu sau khi diện mạo bề ngoài của nó đã bị thay đổi và mục đích sử dụng của nó bị che đậy.

Bằng chứng chúng tôi có được là một lời cảnh báo chiến lược rằng có thứ gì đó đang được dựng lên. Nhưng giờ đây, chúng tôi đã có gần một trăm bức ảnh chụp bằng tay về cơ sở đó khi nó vẫn đang trong quá trình xây dựng. Ta có thể thấy, hệ thống tường giả đang được xây dựng trên một khuôn hình giống một cách kỳ lạ với lò phản ứng hạt nhân Yongbyon của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên. Ở phía bên cạnh, dưới một mái lều che, ta có thể thấy cấu tạo của lò phản ứng. Một bức hình chụp bên trong cho thấy, cốt thép và bê tông đang được sử dụng để tạo một sàn được lồng bằng những thanh nhiên liệu uranium. Đây là lời cảnh báo *chiến thuật* chất lượng cao.

Quy định của ngành gián điệp không cho phép chúng tôi hỏi bạn mình xem cơ quan ông ấy có được những hình ảnh này bằng cách nào. Việc người bạn đem những bức ảnh này chia sẻ với chúng tôi đã quý hóa lắm rồi nếu xét yêu cầu giữ bí mật tuyệt đối và hồ sơ không mấy xuất sắc của Chính phủ Mỹ trong việc giữ bí mật. Tôi nghi ngờ bạn tôi cần những bức ảnh này để làm rõ quan hệ của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên. Suy đoán khả dĩ nhất của chúng tôi là những bức hình này được tải xuống từ máy tính của một nhà khoa học Xyri có tính luộm thuộm, nhưng việc đó không thực sự quan trọng. Đây là thứ có

sức thuyết phục mạnh mẽ, *nếu như* chúng tôi có thể tin được những hình ảnh này không hề được chỉnh sửa.

Khi chỉ còn một mình trong văn phòng, tôi lặng lẽ giao cho người của mình tìm hiểu việc đó. Mất một thời gian, các chuyên gia CIA báo cáo lại rằng đây là ảnh thật và không bị xử lý can thiệp ngoại trừ một bức có một số phần ở phía bên một chiếc xe bán tải đã bị xử lý pixel. Người của tôi thậm chí còn có thể lấy các bức ảnh chụp tay và ảnh chụp từ trên xuống của riêng chúng tôi để tạo một mô hình ba chiều cho cấu trúc này, và mỗi hình ảnh đều khớp một cách hoàn hảo. Đây chính là những bức ảnh chân thực về đúng cơ sở mà chúng tôi hướng tới.

Buổi sáng ngày hôm sau đồng nghiệp tôi ghé qua, chúng tôi tường trình với tổng thống về những gì mình có. Vì đồng nghiệp của tôi từng tham gia đoàn đại biểu đến thăm Nhà Trắng vào trước ngày ghé qua cơ quan tôi để hội kiến với phó tổng thống và Steve Hadley, việc này không khiến tổng thống ngạc nhiên hoàn toàn. Khi tất cả mọi người đã yên vị trong phòng Bầu dục, tôi ghé vào tai Phó Tổng thống Cheney, người từ lâu đã tin chắc Xyri có một chương trình hạt nhân, và thú nhận: “Ngài đúng rồi, thưa Phó Tổng thống”.

Tôi đặt ra bàn các bức ảnh và cả những tư liệu chúng tôi thu thập được. Điều cuối cùng mà tổng thống cần trong bảng kế hoạch là: một hành động tạm thời, trong một thế giới mà bất kỳ động thái nào cũng có thể đẩy tới một cuộc chiến... với một đồng minh có thể và sẵn sàng tự mình hành động.

Nhớ đến sự thất bại về tình báo trong chương trình hạt nhân của Irắc, không có gì đáng ngạc nhiên khi đề nghị đầu tiên của tổng thống là chúng tôi phải bảo đảm chắc chắn, tuyệt đối chắc chắn. Ông ấy cũng đề nghị giữ bí mật chuyện này để từ đó có thể tối đa hóa quyền tự do hành động của mình.

Tuyệt đối chắc chắn và tuyệt đối bí mật. Xét về mặt cá nhân, đây là những nhiệm vụ rất khó khăn; kết hợp với nhau,

chúng trở nên loại trừ lẫn nhau. Để bảo đảm yếu tố chắc chắn, ta muốn thu thập nhiều thông tin hơn để có thứ mà đối chiếu. Ta cũng muốn đưa về nhiều chuyên gia hơn để đánh giá những thông tin đã có. Mở rộng phạm vi hoạt động đến mức có thể được. Nhưng những hành động kiểu này làm tăng khả năng rò rỉ thông tin và người Xyri sẽ dè chừng chúng ta. Khi việc đó xảy ra, chúng tôi vẫn nói nửa đùa nửa thật rằng, Assad sẽ tuyên bố rằng cơ sở này là một trung tâm chăm sóc trẻ em.

Bản thân cơ sở này cũng ở vị trí ẩn nấp cao một cách kỳ lạ khi nhìn bằng mắt thường. Chúng tôi thấy cơ sở không có chế độ an ninh rõ ràng, nhưng ở vị trí được lựa chọn kỹ lưỡng ngay tại một con lạch nằm tách hẳn với con đường chạy song song với sông Euphrates, và một con đường hẹp có gờ hai bên đã được xây dựng để che khuất tầm nhìn từ phía đường cao tốc. Nơi đây cảnh vực hư vô đến nỗi bất kỳ ai bị phát hiện đang rình mò quanh khu vực sẽ phải có một bài tường thuật trang bìa từ rất ngắn đến không có gì cả.

Chúng tôi tăng cường chế độ thu thập thông tin kỹ thuật quốc gia và đào bồi các kho lưu trữ để xem liệu có manh mối nào không. Hồ sơ về những cá nhân nằm trong chương trình hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đến công tác tại Xyri rất dồi dào. Có bằng chứng không liên mạch về những chuyến hàng bí mật qua lại giữa hai nước này. Thông tin mới mang ý nghĩa và tầm quan trọng đối với những điểm dữ liệu phân tán mà chúng tôi có được liên quan đến mối quan hệ hợp tác hạt nhân giữa Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên và Xyri trước đây ít nhất là năm 2001.

Đầu tháng 6, qua hình ảnh vệ tinh, chúng tôi có thể thấy được người Xyri đang đục một đường dẫn lấy nước làm mát dọc theo bờ sông và đào hai cái rãnh trên con lạch để lắp đường ống dẫn nước mát vào cơ sở rồi xả nước nóng trở lại sông. Cơ sở nhìn từ trên cao trông giống như một kho chứa hàng của hãng Walmart,

nhưng *không* có thứ gì khác ngoài một lò phản ứng hạt nhân có thể tạo ra một lượng nhiệt đủ để đòi hỏi một chế độ làm mát như vậy. Và thực tế là, người Xyri đã sử dụng hệ thống ống dẫn nước và làm mát ngầm khó quan sát phù hợp với chủ ý giữ bí mật của cơ sở này.

Nhưng tổng thống dặn chúng tôi phải thật chắc chắn, vậy nên chúng tôi tiến hành thêm các bước khác. Thứ nhất, chúng tôi trình bày toàn bộ tư liệu có được với một chuyên gia bên ngoài và xin ý kiến. Chuyên gia này báo cáo lại: “Đây chắc chắn là một lò phản ứng hạt nhân”.

Rồi chúng tôi đem các tư liệu này trao đổi với một “đội đỏ”, nhóm đánh giá đối trọng chuyên biệt, và chỉ thị họ xây dựng một phương án giải thích khác. Xây dựng một phương án giải thích tại sao đây không phải là lò phản ứng hạt nhân; tại sao đây không phải là nơi người ta dự định sản xuất plutonium cho mục đích làm vũ khí; sao Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên lại không liên quan đến hoạt động này. Họ ướm thử và phân tích sâu những gì chúng tôi biết để đối sánh với những khả năng khác. Cuối cùng họ kết luận: “Nếu đây không phải là lò phản ứng hạt nhân, thì chắc chắn là một lò phản ứng hạt nhân giả”.

Như vậy, đó đích thị là một lò phản ứng hạt nhân. Nhưng đó mới chỉ là sự khởi đầu. Chúng tôi tìm kiếm những thứ khác mà Xyri sẽ cần nếu muốn có một chương trình vũ khí hạt nhân khả thi của riêng mình. Chúng tôi biết về những cơ sở khả nghi khác, nhưng vẫn còn thiếu những yếu tố cấu thành chủ chốt. Chẳng hạn, chúng tôi không thể xác định được có hay không việc phát triển một loại đầu đạn hạt nhân thực sự. Chúng tôi cũng không xác định được bất kỳ cơ sở tái chế nào, dù vẫn đang nỗ lực không ngừng nghỉ.

Thông tin tình báo tốt sẽ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ra quyết sách cho con đường phía trước. Vấn đề lò phản ứng

tại al-Kibar phải được xử lý, nhưng không phải theo cách có thể châm ngòi cho một cuộc xung đột mới tại Trung Đông. Đội ngũ chuyên gia phân tích của CIA biết rõ thách thức này đã tóm lược bằng một câu cực ngắn về các mục tiêu chính sách của tổng thống là: Họ không hạt nhân. Ta không gây chiến.

Tiếp theo sau đó là những cuộc bàn thảo chính sách sôi nổi về một danh sách ngắn những phương án lựa chọn. Cách tiếp cận ngoại giao thuần túy chưa bao giờ được coi là phương án có sức nặng. “Gọi tên, chỉ mặt” sẽ không hiệu quả, và dùng những lời lẽ lên án thông qua Liên hợp quốc (giả sử chúng ta thuyết phục được Liên hợp quốc) cũng không phải là cách hay. Assad có thể ngăn chặn các thanh sát viên quốc tế cho đến khi cơ sở này thực sự hoàn thiện và bất kỳ động thái vận động nào tiết lộ việc chúng ta đã biết về cơ sở này đều không có tính quyết định. Làm vậy có thể khiến chúng ta giống kẻ lẩm cẩm.

Chúng tôi đang nghiêm túc cân nhắc các chiến dịch đặc biệt. Một đội chỉ vài người sẽ đến, tiếp cận cơ sở, phá hủy những thiết bị xung yếu, rồi rút đi. Không có lực lượng bảo vệ rõ ràng nào, và lò phản ứng này nằm ở một sa mạc cách rất xa các trung tâm đô thị và cơ sở quân sự. Phá hủy lò phản ứng theo cách này sẽ kín đáo, gần như không biết đâu mà lần và có thể không kích động Damascus có phản ứng trả đũa bằng biện pháp quân sự. Vấn đề là liệu một đội chỉ vài người có thể mang theo đủ phương tiện để phá hủy hữu hiệu lượng cốt thép và bê tông trong đó. Phương án thay thế cho kế hoạch này là phá hủy trạm bơm tại kênh dẫn nước nối từ sông Euphrates. Nhiệm vụ đó dễ hoàn thành hơn, nhưng chỉ gây chậm trễ cho người Xyri mà không khiến họ ngừng hẳn. Việc này cũng sẽ đánh động họ về sự hiểu biết của chúng ta. Và bất kể phương án nào trong hai phương án trên cũng tiềm ẩn nguy cơ bị phát hiện.

Tiếp đến là phương án không kích. Chúng tôi biết vị trí chính xác của cơ sở này cũng như kết cấu chi tiết của nó.

Chọn điểm ngắm và vũ khí là việc tương đối dễ dàng. Các máy bay ném bom tàng hình B.2 xuất kích từ nội địa nước Mỹ có thể làm tốt việc này, và không quân từ căn cứ đất liền trong khu vực hay từ tàu sân bay xuất kích từ Địa Trung Hải hay Vịnh Ba Tư cũng vậy. Các lực lượng phòng không của đối phương rất đáng nể, nhưng không uy lực đến mức chúng ta không thể làm gì được, và hoàn toàn không có bằng chứng nào cho thấy họ đã được tăng cường trong khu vực này. Mọi yếu tố đều tốt - và khả thi - nhưng một cuộc không kích như vậy sẽ càng củng cố hình ảnh trong khu vực một nước Mỹ chỉ biết mỗi việc ra đòn đánh phủ đầu.

Càng bàn bạc kỹ, chúng tôi càng hướng tới phương án kết hợp: tuyên truyền công khai sự tồn tại của cơ sở này và yêu cầu Assad chứng minh chúng tôi nói sai thông qua hoạt động thanh sát, mọi thứ phải theo một trình tự thời gian và tối hậu thư về hành động như là hệ quả của việc này. Phương án đó thể hiện thái độ kiểm chế và tôn trọng các thiết chế quốc tế, nhưng lại có điểm bất lợi là trao cho Assad thời gian để củng cố các cơ sở phòng thủ của mình và, cả thời gian để bắt giữ con tin với bảy nghìn công dân Mỹ đang có mặt tại Xyri.

Phần nhiều quyết định này phụ thuộc vào đánh giá của chúng tôi về Tổng thống Xyri Bashar al-Assad. Chúng tôi biết rằng ông ấy chưa bao giờ dự liệu mình sẽ là tổng thống. Anh trai ông ấy là Bassel từng là người thừa kế hiển nhiên của Hafez, người cha tàn nhẫn nhưng khôn khéo. Hafez từ thân phận thấp kém tại một ngôi làng của người Alawite gần Latakia đã nỗ lực vươn lên giành quyền lực rồi trở thành tổng thống vào năm 1971. Ông ấy mang đến sự ổn định cho Xyri bằng chế độ cai trị cứng rắn, quyết liệt trong ba thập kỷ tiếp theo.

Bassel nối bước cha mình. Ông ấy xuất thân trong một gia đình quân nhân, phụ trách lực lượng cận vệ tổng thống và dường như rất được nể trọng. Ông ấy có niềm đam mê với những

chiếc xe đua, thể hiện sự đòi truy trong lối sống, và đã thiệt mạng năm 1994 trong cuộc đua tới khu vực sân bay với tốc độ gần 130km/h vào một tối mù sương.

Bashar chưa bao giờ gần gũi với cha mình hay tham gia nhiều vào công việc chính phủ. Ông tốt nghiệp đại học ngành y ở Xyri và theo học chương trình sau đại học về nhân khoa tại London. Giờ đây, khi Bassel đã nằm dưới mồ, cha ông ấy bắt đầu thực hiện một khóa cấp tốc để chuẩn bị hành trang cho Bashar hướng tới chiếc ghế tổng thống.

Cơ chế vận động của gia đình Assad gợi cho tôi nhớ đến gia đình xã hội đen người Mỹ được hư cấu trong tác phẩm của Mario Puzzo: gia đình Corleone. Chắc chắn gia đình Assad và gia đình thông gia với họ là Makhoulf, những gia đình kết giao với nhau thông qua hôn nhân, là những đối tác của nhau trong việc gây tội ác và trong các hành động tàn nhẫn không kém gì khi hợp sức với nhau trong quản lý chính quyền. Và, giống với gia đình Corleone ở điểm người thừa kế hiển nhiên là Sonny bị thiệt mạng, thì gia đình Assad cũng đột nhiên bị mất đi người thừa kế là Bassel. Don Corleone may mắn là có một Michael tài năng hơn nhiều Sonny để thế vào vị trí khuyết. Theo nhiều cách, Hafez đã phải chấp nhận ấn định người kế vị mình là người tương đương với nhân vật Fredo nhà Corleone. Ta thường tự hỏi liệu có phải Assad cha đã khởi động dự án al-Kibar trước khi qua đời năm 2000 bởi ông ấy nhận thấy những điểm yếu của con trai mình.

Cái nhìn của chúng tôi về Bashar khá tiêu cực; chúng tôi đã cố hợp tác với ông ấy để ngăn các tay súng thánh chiến nước ngoài đổ vào Irắc nhưng không mấy thành công. Người Xyri dường như cố tình làm ngơ trước dòng chảy này và hành động vừa đủ mức để bảo đảm chúng tôi không can thiệp. Một lần nữa, nhiều động thái xảy ra được cho là do tình trạng tham nhũng tại địa phương, việc thiếu khả năng kiểm soát,

những bất đồng chính sách trong giới lãnh đạo và sự yếu kém rõ ràng của chính phủ. Đó không thực sự là một công thức cho việc ra quyết định chốt vào lúc này.

Lâu nay chúng tôi vẫn miêu tả Bashar là một “người tính sai hàng loạt”. Trong cuộc khủng hoảng mà chúng tôi sắp tạo ra, chúng tôi sợ ông ấy sẽ từ chối bất kỳ kế hoạch “đường nổi” nào mà chúng tôi đề nghị với ông ấy, bất kể kế hoạch đó hợp lý ra sao và lượng đường mật chúng tôi bỏ vào đó là bao nhiêu. Ông ấy không phải là người quyết sách quyết đoán, và khi bị dồn vào góc, thường trở nên khó đoán định. Ông ấy sợ bề mặt, vậy nên nhiều khả năng sẽ tỏ ra cứng rắn, trong khi không có nhiều người trong nhóm thân cận dám yêu cầu ông ấy giữ bình tĩnh. Khi cân nhắc sự tồn vong của chính mình, ông ấy biết rằng mình dễ bị tổn thương nhất khi tỏ ra yếu đuối. Sau áp lực của quyết định rút quân khỏi Libăng đáng xấu hổ vào năm 2005, một màn thể hiện tương tự như vậy sẽ là sai lầm chí mạng đối với ông ấy - theo đúng nghĩa của từ *chí mạng*.

Nhiều chuyên gia phân tích của chúng tôi nhận định, ông ấy sẽ không - và không thể - để việc phá hủy lò phản ứng al-Kibar trôi qua mà không có phản ứng gì. Ở mức tối thiểu, họ cảnh báo về những cuộc biểu tình “tự phát” có thể đe dọa Đại sứ quán Mỹ và những công dân Mỹ; lời kêu gọi tinh thần yêu nước nhiều khả năng sẽ tạo một hiệu ứng tích cực, vì chúng tôi suy đoán rằng nhiều người Xyri sẽ cảm thấy tự hào với nỗ lực trở thành quốc gia hạt nhân của chính phủ. Assad cũng có thể làm cho cuộc sống trở nên khó khăn và nguy hiểm hơn với lực lượng lính Mỹ tại Irắc. Ông ấy thậm chí có thể tăng cường hành động nhằm vào người Ixraen trên Cao nguyên Golan bị chiếm đóng, khi nhận định rằng cuộc xung đột giữa Ixraen và Hezbollah vào năm 2006 là phơi bày điểm yếu của Ixraen.

Các chuyên gia phân tích nói thêm rằng người Iran có thể coi việc phá hủy lò phản ứng al-Kibar là phép thử cho quyết tâm

của họ, bước đầu tiên trong quá trình khôi phục những tham vọng hạt nhân mang tầm khu vực của họ, và họ sẽ cố gắng củng cố năng lực cho vị khách hàng Xyri của mình.

Cuộc họp chốt chính sách của chúng tôi diễn ra vào tháng 6 tại Nhà Trắng, nhưng không phải ở khu Cánh Tây. Chúng tôi họp ở tầng hai của khu nhà, trong phòng Bầu dục vàng để bảo đảm cuộc họp không ảnh hưởng đến lịch làm việc công khai của tổng thống. Mọi thành viên của nhóm an ninh quốc gia đều có mặt: Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Ngoại giao, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, Cố vấn An ninh quốc gia, Giám đốc Tình báo quốc gia, cùng một số nhân vật khác.

Chúng tôi ổn định chỗ ngồi với đồng ghế và đivăng bày la liệt khắp phòng khi nhân viên lễ tân Nhà Trắng chuẩn bị xong trà đá cho chúng tôi và ra ngoài. Tổng thống chỉ định quyền nói đầu tiên cho Steve Hadley, người được yêu cầu báo cáo thông tin tình báo mới nhất.

Tôi xin bắt đầu: “Thưa Ngài Tổng thống, chúng tôi có bốn kết luận phân tích chính cho ngài. Thứ nhất, đó là một lò phản ứng hạt nhân. Thứ hai, rõ ràng là người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên và người Xyri đã hợp tác trong các lĩnh vực hạt nhân được hơn một thập kỷ nay. Thứ ba, người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên xây dựng lò phản ứng hạt nhân. Thứ tư, đây là một phần của chương trình vũ khí hạt nhân”.

Bất cứ ai muốn lên tiếng, tôi yêu cầu họ đợi tôi nói xong. Đánh giá quốc gia về chương trình hạt nhân của Irắc đã sai lầm, nhưng ngoài sai lầm trong nhận định thì cũng dẫn đến một sai lầm trong ý thức về niềm tin. Kể từ đó, chúng ta đã học cách chia sẻ không chỉ những điều chúng ta tin, mà cả những thứ chúng ta nghi ngờ.

Tôi lại tiếp tục: “Đó là một lò phản ứng hạt nhân. Rất đáng tin cậy. Không thể là bất cứ thứ gì khác. Tuyệt đối chắc chắn”.

Người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên và người Xyri đã hợp tác phát triển hạt nhân trong một thời gian dài. Rất nhiều đoàn trao đổi qua lại. Chúng tôi biết những người đó. Mức độ tin tưởng cao.

Người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên xây dựng lò phản ứng hạt nhân. Đương nhiên họ là người làm chuyện đó. Đây là một bản sao của lò phản ứng Yongbyon, và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên là nước duy nhất từng xây dựng thứ này kể từ khi người Anh từ bỏ thiết kế này vào thập niên 1960. Nhưng chúng tôi chưa kiểm chứng đối sánh. Chúng tôi chưa nhìn thấy người Triều Tiên ở đó ngoại trừ một nhóm nhỏ xuất hiện trong những bức ảnh chụp bằng tay. Vậy nên, chúng tôi báo cáo nhận định này với Ngài ở mức độ tin tưởng trung bình.

Đây là một phần chương trình vũ khí hạt nhân của Xyri. Đương nhiên là vậy. Không hề có bất kỳ mục đích sử dụng nào khác cho cơ sở này và một chương trình vũ khí là yếu tố biện minh duy nhất cho một canh bạc có mức được mất cao đến như vậy.

“Nhưng thưa Ngài Tổng thống, tôi không tìm thấy những bộ phận khác cấu thành một chương trình hạt nhân. Không có cơ sở tái chế. Chúng tôi cũng không thấy sự nỗ lực vũ khí hóa. Vậy nên tôi chỉ có thể báo cáo nhận định này với Ngài ở mức độ tin tưởng thấp”.

Trong sự im lặng diễn ra sau đó, Condi đã nói điều gì đó về mong ước có được một số dự báo giá trị như thế này trước đó vài năm.

Sau đó tổng thống nhận xét rằng, chính sách ra đòn phủ đầu của ông ấy có thể dẫn tới một nguy cơ trước khi chúng ta có thể ra tay hành động. Đánh giá ở mức độ tin tưởng thấp của chúng tôi về một chương trình vũ khí hạt nhân khiến việc hành động theo hướng đó rất khó biện minh vì vậy, tổng thống tuyên bố, “Chúng ta sẽ *không* oanh kích cơ sở đó”.

Thông tin tình báo thường đặt ra đường ranh giới giữa phía tay trái và phía tay phải của cuộc luận bàn chính sách; nó định ra giới hạn của những phương án lựa chọn. Giờ đây thông tin tình báo hiếm khi có tính định đoạt rõ ràng như ngày trước. Thông tin tình báo và chính sách giờ đây được khớp với nhau theo tỷ số truyền 1:1.

Chúng tôi dừng lại khá lâu để bàn về điểm này. Chỉ có phó tổng thống là bày tỏ quan điểm bất đồng. Ông ấy cho rằng, chúng ta cần gửi một thông điệp mạnh mẽ không chỉ đến Xyri và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên, mà còn cả Iran. Một cuộc không kích của Mỹ sẽ làm được việc đó và sẽ tương đối dễ thực hiện, vì al-Kibar nằm biệt lập và cách xa bất kỳ trung tâm dân cư nào. Nhưng tôi cảm thấy trong phòng này không có nhiều người muốn bất ngờ đánh bom một đất nước hoặc tuyên bố lý do hợp lý và gây ra mối lo ngại trong khu vực về việc nước Mỹ có xu hướng ưu tiên đánh đòn phủ đầu.

Cuối cùng, tổng thống quyết định rằng cách tiếp cận của chúng tôi là công khai thông tin về lò phản ứng này như một phần của kế hoạch tổng thể nhằm lay chuyển ý chí của Assad và đưa ra một loạt yêu cầu đối với ông ấy. Chúng tôi vẫn bảo lưu phương án sử dụng vũ lực, nhưng trong suy nghĩ của tổng thống thì vấn đề thực sự là Assad và chính sách tổng thể của Xyri, chứ không chỉ là lò phản ứng này. Nếu xử lý tốt, cuộc khủng hoảng đang chực chờ bùng phát có thể mang đến cho chúng tôi lợi thế không ngờ về một loạt những vấn đề: sự ủng hộ của Xyri dành cho Hamas và Hezbollah; dòng chảy các tay súng thánh chiến nước ngoài hướng vào Irắc; việc chính quyền Damascus tiếp tục có những động thái ngầm gây xáo trộn tại Libăng; Xyri liên kết với Iran.

Xyri đã trở thành chủ đề thường xuyên trong những cuộc bàn thảo chính sách tại Nhà Trắng, chủ yếu theo hướng ngăn chặn

người Xyri bám vào các nhà bảo trợ Iran hoặc, như Steve Hadley thường nói, “dù mỗi câu Assad”. Trên khía cạnh địa - chính trị, việc này có cơ sở hợp lý nhất định, vì Damascus cho đến nay vẫn là đối tác yếu nhất của Têhêran. Nhưng mối quan hệ này đã có tiến triển thực sự. Assad hành động như thể chuyện này có liên quan đến ông ấy - nói cách khác là sự thay đổi chế độ - ông ấy thậm chí còn cho phép người phụ trách tình báo và là em rể mình Assef Shawkat (người mà chúng tôi đang cố gắng hợp tác trong việc ngăn chặn dòng chảy các tay súng nước ngoài tràn vào Irắc) truyền tới chúng tôi thông điệp rằng Damascus chỉ thấy ở nước Mỹ có nhiều sức ép, sức ép không ngừng nghỉ và chỉ có sức ép. Vậy là không có cách nào để lôi kéo Assef Shawkat được.

Thực sự chúng tôi không cố gắng lật đổ Assad, nhưng CIA được kỳ vọng sẽ có phân tích những khả năng có thể xảy ra với ông ấy sau đó. Trong bất kỳ cuộc chuyển tiếp quyền lực có trật tự nào (nghĩa là tranh giành quyền lực nội bộ), chúng tôi muốn một chế độ chuyển tiếp vẫn do người Alawite thống trị với một cơ quan an ninh mạnh và có yếu tố quân sự, thậm chí có thể Bashar vẫn ở lại với một vị trí cao cấp nào đó. Chúng tôi cũng nhận định rằng nỗ lực vá vú chống lại sự thống trị của người Alawite có thể nhanh chóng dẫn đến tình trạng hỗn loạn. Làm theo cách đó sẽ củng cố sức mạnh cho Tổ chức Anh em Hồi giáo và lực lượng ly khai người Kurd, vì họ là lực lượng chống đối được tổ chức tốt nhất tại nước này. Cách duy nhất để lực lượng chống đối mang tư tưởng tự do yếu kém và chia rẽ giữ một vai trò nào bảo đảm “cái chết từ từ” của chính phủ đương nhiệm, và cho họ thời gian phối hợp với nhau trong hành động.

Kể từ sau đó tôi vẫn luôn tự hỏi phân tích đó có bao nhiêu phần khả thi khi Xyri bắt đầu biến thành địa ngục vào tháng 3 năm 2001, khi các lực lượng an ninh của chính quyền bắt giữ hơn một chục thanh niên ở Daraa vì đã vẽ hình graffiti chống Assad.

Dầu vậy, năm 2007, vấn đề của chúng tôi là lò phản ứng hạt nhân, và những bước đầu tiên trong kế hoạch của tổng thống - là công khai thông tin về lò phản ứng ở al-Kibar, sau đó đợi các thanh sát viên của IAEA xác minh bản chất vấn đề - sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự hợp tác của đất nước mà chúng tôi phát hiện thấy có khả năng đó đầu tiên. Suy cho cùng, rất nhiều yếu tố của việc này phụ thuộc vào dữ liệu của họ. Không mất nhiều thời gian để nói rõ quan điểm rằng họ không thể đợi một động thái mở đầu ngoại giao dài hạn, ngay cả khi nó được Mỹ bảo trợ và hứa hẹn sẽ đưa Mỹ tới hành động cuối cùng. Họ sẽ không đồng ý.

Và thế là chúng tôi phải đợi. Trong khi chờ đợi, nếu không có ý định không kích, chúng tôi cũng phải thận trọng bảo đảm không khuyến khích bất kỳ ai khác làm việc này. Chúng tôi phải lùi lại một chút. Những người không am hiểu thường nghĩ các cơ quan tình báo hoạt động vô kỷ luật. Đúng là có một số cơ quan như vậy, nhưng trong các nền dân chủ đã chín muồi như chúng ta thì không phải vậy. Và chúng tôi không thể yêu cầu ai làm việc gì đó (ngay cả khi việc đó mang lại lợi ích cho quốc gia của họ) mà bản thân chúng tôi không được phép làm. Chúng tôi không có thẩm quyền đánh bom. Chúng tôi cũng không thể giúp bất kỳ ai khác làm việc đó.

Vậy nên, chúng tôi có thể tiếp tục hợp tác tình báo để tìm hiểu tình hình và đánh giá xem khi nào nhà máy có thể đi vào hoạt động. Nhưng chúng tôi sẽ không chia sẻ bất cứ thứ gì góp phần trực tiếp vào việc xác định cơ sở này là mục tiêu tấn công - như cố vấn về việc sử dụng vũ khí, điểm ngắm hay hình ảnh chính xác đến mức có thể giúp ích cho việc đo lường mục tiêu - những tính toán chính xác để bảo đảm vũ khí sẽ tạo ra tác động mong muốn. Đôi khi đó là một lần ranh giới hạn tinh tế, nhưng có thực.

Nhưng kim đồng hồ vẫn đang điểm tích tắc. Cơ sở này đã hoàn thiện phần ngoài, hệ thống làm mát đã sẵn sàng hoạt động, còn chúng tôi thì không biết khi nào họ đưa uranium vào. Một cuộc không kích sau khi họ đã kích hoạt cơ sở đó là phương án có vấn đề; nếu việc đó xảy ra, bên tấn công sẽ bị đổ lỗi cho mọi rắc rối về vấn đề phơi nhiễm xạ ở khu vực Trung Đông trong nửa thế kỷ tiếp theo.

Đêm 06 tháng 9, lò phản ứng tại al-Kibar bị phá hủy. Sau đó, khi bị truy vấn về vai trò của Mỹ trong việc này, Steve Hadley đã nhận xét một cách chính xác: “Chẳng ai yêu cầu bật đèn xanh, cũng chẳng có ai bật đèn xanh cả”.

Lực lượng không kích không gặp vấn đề rõ ràng nào với Lực lượng phòng không Xyri và, dựa vào hình ảnh sau không kích thì thấy họ thực hiện rất tốt các động tác oanh tạc mục tiêu. Các bức tường và mái giả bị thổi tung, để lộ ra sự hư hại mà các loại vũ khí hện giờ gây ra đối với khối lõi bê tông và sắt thép đang đỡ các hạng mục lõi. Đó là một lò phản ứng hạt nhân, chắc chắn rồi.

Giờ đây nước bài cần thực hiện là kiểm soát phản ứng (quá mức) của Xyri. Tôi thường xuyên nói chuyện điện thoại với trưởng ban liên lạc tình báo quyết liệt, làm việc không biết mệt mỏi đã mang những bức ảnh đến văn phòng tôi vào tháng 4. Ông ấy và nhân viên của mình có xu hướng nghĩ rằng một cuộc không kích có thể đạt được mục tiêu mà không gặp phải phản ứng của Xyri nếu mọi người giữ im lặng việc này và không cố gắng khiến Assad cảm thấy mất mặt. Không nhiều người Xyri, kể cả các quan chức cấp cao được biết về điểm này, họ lập luận như vậy. Bashar có thể muốn việc này trôi đi mà không có vấn đề gì hơn là tự đặt mình vào danh mục X (người đã để lộ mọi điểm yếu) một lần nữa như ông ấy đã từng làm trong cuộc rút lui khỏi Libăng năm 2005. Chúng tôi cần cho ông ấy không gian cần thiết để “trèo ra khỏi vĩa đá ngầm”.

Tôi không lạc quan đến như vậy, nhưng chắc chắn tôi đồng ý rằng, không có phương án nào khác ngoài việc thể hiện uy thế của mình về vấn đề này, nên sau cuộc không kích này chúng tôi đã giữ bí mật như đã làm trước đó.

Những bài tường thuật báo chí xuất hiện gần như ngay lập tức, nhưng cánh phóng viên gặp khó khăn trong việc mô tả chính xác chuyện gì đã xảy ra và tại sao. Tôi đã từng trải qua cảm giác còn hơn cả sự sung sướng trên nỗi đau khổ của người khác trên tầng 7 tại Langley trong khi cánh báo chí phải vật lộn để tìm mọi manh mối. Vào một sáng nọ, tôi nói băng quơ trong lúc duyệt các mẫu tin báo chí hằng ngày: “Không dễ như vẻ bề ngoài, phải không nào?”

Người Xyri chắc chắn không thể giải đáp bất cứ khía cạnh nào trong những câu hỏi của cánh phóng viên khi họ đưa thông tin gây lệch hướng về việc đẩy lui một cuộc không kích nhằm vào một trại lính chưa xác định rõ trên sa mạc. Họ cũng lặng lẽ phá hủy hết những gì còn lại của khu vực lò phản ứng, dọn dẹp mọi thứ và tạo vẻ bề ngoài làm sao để địa điểm này trông giống như một nhà kho chứa kim loại.

Đương nhiên, giữ kín việc này trong bọc trước, trong và sau cuộc không kích là việc không thể không liên quan đến Quốc hội. Theo luật, Quốc hội phải được thông báo đầy đủ và tức thời về mọi “hoạt động tình báo quan trọng” và hoạt động này phù hợp với mô tả đó.

Nhưng chúng tôi chỉ thông báo cho một nhóm nhỏ của Điện Capitol - chỉ ban lãnh đạo của hai ủy ban tình báo. Để tránh sự tò mò của đội ngũ trợ lý trong Quốc hội, chúng tôi đã tổ chức phiên tường trình đầu tiên tại khu văn phòng của Giám đốc Tình báo quốc gia tại Căn cứ Không quân Bolling, nằm ngay bên kia sông Anacostia, đối diện với khu ổ bảo mật của Quốc hội. Buổi tường trình diễn ra rất thẳng thắn. Chúng tôi không yêu cầu họ làm hay phê chuẩn bất cứ điều gì cả.

Nhưng vào thời điểm mùa Thu năm 2007 đang chuyển dần sang mùa Đông, bốn vị nghị sĩ Quốc hội từng được nghe tường trình trở nên hết sức mất kiên nhẫn. Họ biết rõ về cơ sở hạt nhân này và biết nó đã bị phá hủy, và giới lãnh đạo Quốc hội cảm thấy khó khăn trong việc giải thích với các nghị sĩ khác tại sao họ lại đồng ý hạn chế số người được tường trình khi mà cuối cùng thông tin cũng được công khai. Với cơn giận dữ gần đây về những cuộc tường trình có giới hạn liên quan đến hoạt động do thám và giam giữ, khi mà cuộc bầu cử tổng thống đang đến gần, có rất ít sự bao dung trong Quốc hội. Pete Hoekstra, Ủy viên thường trực Đảng Cộng hòa về phía Hạ viện, thường là người bày tỏ quan điểm tức giận (và lớn tiếng) về những hạn chế trong số người được tường trình này.

Sau vụ không kích, theo thời gian CIA bắt đầu nghiêng về phía Quốc hội trong vấn đề này. Bashar đã leo ra khỏi vĩa đá ngầm một đoạn đường rất xa và rất ít khả năng sẽ tấn công trở lại lúc này. Bên cạnh đó, như một phần quan điểm hoạt động của chính quyền đương nhiệm, CIA không thấy có lợi ích gì trong việc làm cho các vị lãnh đạo xa lánh các ủy ban giám sát. Chúng tôi sẽ ở đây lâu hơn rất nhiều so với chính quyền đương nhiệm.

Nhưng còn một lý do khác thuyết phục hơn rất nhiều. Chính quyền đương nhiệm đang ở giai đoạn cuối cùng của việc thương thuyết một thỏa thuận hạt nhân với Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên. Đại sứ Chris Hill đang sử dụng kinh nghiệm sâu rộng của mình với Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên để đưa thứ gì đó lên giấy tờ trước khi kết thúc chính quyền đương nhiệm. Tôi đã từng thương thuyết với người Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên tại Bàn Môn Điếm và Gionevơ; họ rất khó chịu. Tôi chỉ có thể tưởng tượng công việc của Chris sẽ gặp khó khăn như thế nào.

Nhưng giờ đây ông ấy đang phải thương thuyết một thỏa thuận với một nước vừa bị bắt quả tang có hành động phát triển

vũ khí hạt nhân nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Và họ chưa hề được cảnh báo về điều đó.

Tổng thống đã cam kết giữ bí mật chuyện này theo yêu cầu của đồng minh, nhưng theo tính toán của chúng tôi thì chúng ta đã đi quá xa thời điểm cần phải làm để bảo đảm Assad không manh động. Giờ đây chúng ta đã ở vào giai đoạn cần phải công khai mạnh mẽ hơn chuyện này để tránh thỏa thuận hạt nhân với Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên gặp phải những phản ứng bất lợi từ phía Quốc hội và công chúng không nắm rõ thông tin về tình tiết rất quan trọng và mới xảy ra này.

Chúng tôi đã gây sức ép tại các ủy ban cấp phó và phó thường trực của Hội đồng An ninh quốc gia, yêu cầu họ tường trình với nhiều ủy ban của Quốc hội - tình báo, quốc phòng và đối ngoại - đồng thời cũng khuyến nghị công khai nhiều nội dung của câu chuyện. Đó là sự bổ sung tất yếu cho việc tường trình với Quốc hội. Câu chuyện đã được công khai khi chúng tôi tường trình với nhiều ủy ban của Quốc hội bất kể là chuyện gì, vậy nên sẽ không có vấn đề gì nếu chính quyền đương nhiệm công khai toàn bộ câu chuyện.

Đó là việc đúng đắn cần phải làm. Và chúng tôi hầu như không bị phản đối với *thành công* trong hoạt động tình báo - dù là một thành công nhỏ - ra công khai để hy vọng có sự thay đổi. Những cựu điệp viên CIA còn nhớ rất rõ hình ảnh George Tenet ngồi sau Colin Powel, tại Liên hợp quốc trong thời gian Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ phát biểu năm 2003 lên án việc Iraq sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt. Một số người cảm thấy không hay ho gì với hình ảnh một vị lãnh đạo tình báo của quốc gia vướng vào ồn ào và mang nặng yếu tố chính trị đến như vậy. Tuy nhiên, lúc này hầu hết mọi người vui lòng chấp nhận đặt cược một vị lãnh đạo tình báo vào cột chiến thắng.

Steve Hadley rốt cuộc cũng nghiêng về phía chúng tôi, nhưng ông ấy có một điều kiện. Ông ấy muốn có một bộ phim.

Ông ấy lập luận: “Chỉ khi có một bộ phim chúng ta mới có thể chứng tỏ mình đã đúng trong việc này”.

Vậy nên chúng tôi đã có một bước đi không bình thường là dựng một video với sự kết hợp giữa các bức ảnh chụp tay với các bức ảnh vệ tinh chúng tôi thu thập được. Chúng tôi bổ sung dẫn chiếu đến các nguồn tin tình báo khác và trình bày hướng lập luận lôgic đã dẫn chúng tôi đến “tin tưởng mức độ cao” rằng đây là một lò phản ứng hạt nhân.

Bộ phim không đe dọa gì đến vị trí của phim tài liệu xuất sắc nhất hay hiệu ứng đặc biệt xuất sắc nhất vào năm đó, nhưng một chuyên gia phân tích của CIA đã đưa ra nhận xét rất đúng đắn: “Tôi không biết có cách nào hiệu quả hơn việc các ông truyền tải câu chuyện chỉ trong vòng có bảy phút... Việc đó đã làm cuộc sống trở lại sau những cáo buộc về sự thất bại của hoạt động tình báo”.

Cuối tháng 4, một năm sau khi toàn bộ chuyện này bại lộ, chúng tôi đã tường trình với sáu ủy ban Quốc hội, sau đó tổ chức các buổi thông cáo báo chí tại Langley. Mọi thông tin đến với Quốc hội quá lâu khiến sự minh bạch muộn màng của chúng tôi cũng không được thừa nhận. Pete Hoekstra, Ủy viên cấp cao thuộc Đảng Cộng hòa trong Ủy ban Tình báo Hạ viện, giận dữ tới mức đe dọa sẽ làm loạn tại buổi thông cáo báo chí dự định diễn ra chiều hôm đó. Người của phòng tôi nói với trợ lý của ông ấy rằng việc ông ấy định vào khuôn viên CIA sẽ không được bảo đảm vì ông không được mời tham dự buổi thông cáo báo chí. Ôן Chúa, ông ấy đã không đến.

Phóng viên phụ trách văn phòng thường trú tại Washington D.C. của tờ *New York Times*, David Sanger là người có mặt tại buổi thông cáo báo chí. Không phải là người mù mờ những vấn đề như thế này, anh ấy đã nhận xét rằng đây là một “buổi thông cáo báo chí ra trò”. Sau khi trình chiếu video xong, Steve Hadley,

Mike McConnel và tôi đẩy câu chuyện đi rất xa bằng việc mô tả những thông tin tình báo có được và trình tự các sự kiện.

Chúng tôi tạm coi việc này là một thành công trong hoạt động tình báo. Có Chúa mới biết chúng tôi hành động vừa kịp lúc, mặc dù thế vẫn cần sự giúp đỡ của những người bạn. Phân tích của chúng tôi hướng tới khẳng định đây là một lò phản ứng hạt nhân là đúng đắn, nhưng phân tích về những hành động có thể xảy ra của người Xyri thì không. Đây chắc chắn không phải là thành công trong hoạt động tình báo con người [HUMINT]. Trên thực tế, thông tin tình báo con người đang trong tình trạng thiếu thốn trầm trọng.

Thực trạng này xảy ra một phần là do thực tế có rất ít quan chức Xyri là người thạo tin, khiến đội ngũ cung cấp thông tin tình báo con người tiềm năng của chúng tôi trở nên rất nông*. Ngoài ra, thông tin tình báo con người của Mỹ cũng đã không trợ giúp nhiều cho chúng tôi.

Toàn bộ tình tiết này cũng đã phơi bày rõ vấn đề nổi lên khi phải nghĩ đến điều không tưởng, hay theo cách nói của một chuyên gia phân tích hàng đầu: "Làm thế nào để ta bám theo và giải quyết những vấn đề dị thường?" nhất là khi ta không có đủ lực bám theo tất cả những vấn đề dị thường. Gia đình Assad, cả cha và con, đã chấp nhận rủi ro rất cao này, dù việc đó thậm chí còn lâu mới giúp họ có được một loại vũ khí hạt nhân. Canh bạc của họ vượt ra ngoài phạm vi hiểu biết của chúng tôi về họ, có thể là do ý thức về tình trạng mất an ninh luôn ám ảnh hoặc là do sự quyết tâm muốn có thể cân bằng chiến lược với Ixraen hoặc là do tham vọng muốn trở thành một nhà nước Ảrập ưu việt.

* Và điều đó có thể cũng khiến Assad cảm thấy dễ dàng hơn trong việc để sự việc không kích trôi qua mà không cần phản ứng rõ ràng. Mọi thứ sẽ trở nên rất khó xử nếu ông ấy có phản ứng nào đó.

Thú vị thay, các kỹ sư Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên lại có một chuyến thăm cơ sở al-Kibar sau khi nó đã bị phá hủy. Việc đó làm dấy lên quan ngại rằng đây rất có thể là một cơ sở của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên ở Xyri và plutonium sẽ được chuyển ngược về Bình Nhưỡng, có thể để đổi lấy một loại vũ khí sau đó. Có thể không phải vậy, nhưng vì việc đó cho thấy Bình Nhưỡng có rất ít lần ranh đỏ, nếu có, chúng tôi đã sục sạo khắp toàn cầu để tìm kiếm những nơi mà họ cố gắng lập lại canh bạc al-Kibar.

Và điều gì xảy ra nếu người Iran cũng có vai trò trong chuyện này dưới dạng một thỏa thuận hạt nhân ba bên nào đó. Nói gì đi nữa thì Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên cũng đã từng giúp cả Iran lẫn Xyri trong việc phát triển tên lửa, còn Xyri thì là người bạn thân nhất (và duy nhất) của Iran trong thế giới Ả-rập.

Như chúng tôi đã nói, mọi thứ thật khác thường. Và còn cả một mớ những thứ chúng tôi vẫn chưa biết được.

Chúng tôi đã cố gắng giữ kín bí mật chuyện này đủ lâu để ai đó có đủ thời gian hành động. Nhưng ngay cả khi đó chúng tôi vẫn phải trả giá. Chúng tôi đã thành công trong việc phân ngăn đối tượng tiếp cận vấn đề, nhưng nếu việc phá hủy cơ sở al-Kibar mà dẫn đến một cuộc chiến, thì việc bảo đảm kinh phí phục vụ cuộc chiến này chẳng khác nào xuống địa ngục. Các nhà lập sách và nghị sĩ Quốc hội (và chắc chắn cả một số chuyên gia phân tích tình báo) ở khắp Washington, những người đã không được thông báo về câu chuyện này, sẽ tỏ ra tức giận vì không ai hỏi xin ý kiến họ. Chúng tôi đã mô tả Trung Đông như “khúc gỗ rất khô” vào năm 2007, nhưng bất chấp điều đó, tôi đã cho phép nhiều chuyên gia về vũ khí của mình (để hỏi họ liệu đây có thực sự là một lò phản ứng hạt nhân) hơn là chuyên gia về khu vực (để hỏi họ xem chuyện gì sẽ xảy ra sau đó) được quyền tiếp cận

bí mật này. Đó là việc làm kém khôn ngoan và hàm chứa nhiều rủi ro.

Tuy nhiên, nhiều người tại CIA lại đúng khi cho rằng chuyện này hay. Bốn tháng sau đó, Tổng thống Bush đã dùng bữa trưa trong khu cầngtin của CIA như một phần trong chuyến thăm cơ quan. Một chuyên gia phân tích trẻ tuổi đến gần tổng thống lúc ông ấy đang say sưa với chiếc hamburger và các món rán. Cô ấy tặng tổng thống một đồng xu mà đội đặc trách hồ sơ al-Kibar đã cho đúc để kỷ niệm nỗ lực của họ. Một mặt của đồng xu là hình huy hiệu biểu tượng của CIA. Mặt kia là hình bản đồ Xyri với cơ sở al-Kibar được đánh dấu bằng một ngôi sao. Bên dưới hình đó là những từ đơn giản: "Họ không [có] hạt nhân. Ta không gây chiến".

Tôi cũng nhận một đồng xu, nhưng khó có thể nói đó là cảm giác chiến thắng trọn vẹn. Chúng tôi đã nhận định đúng vấn đề, thực hiện vừa kịp lúc nhưng đã phải dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài (nhất là những bức ảnh chụp tay đến muộn). Chúng tôi đã xử lý tốt những bằng chứng có được, nhưng đã không tự mình thu thập được những bằng chứng này. Vì lẽ đó khiến hơn một thập kỷ sau tôi cảm thấy hoài nghi về những tuyên bố tự nhận rằng hoạt động gián điệp của Mỹ có đủ khả năng theo dõi nhất cử nhất động của người Iran. Khả năng nhìn nhận về Xyri, Irắc, Ấn Độ và Pakixtan đã tràn vào tâm trí tôi. Nếu bất chợt chúng tôi trở nên giỏi giang hơn, có lẽ chúng tôi đã tiến dài hơn trong những năm xen giữa các sự kiện.

Chương XV

HOẠT ĐỘNG GIÁN DIỆP, BỘ MÁY CƠ QUAN VÀ CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

Langley, Virginia, 2006-2009

Ở giữa mặt thứ ba của album đĩa đôi kinh điển năm 1966 của Bob Dylan mang tên *Blonde on Blonde*, tôi thấy có bài hát của ông ấy than vãn về sự thiếu chung thủy mang tên “Absolutely Sweet Marie”. Và ở giữa bài hát có phần lời sâu sắc: “để sống ngoài vòng pháp luật, ta phải trung thực”.

CIA chần chẫn không sống ngoài vòng pháp luật, hoặc ít ra là ngoài vòng pháp luật Mỹ, nhưng lần ranh cho sự sai lầm về pháp lý hay đạo lý thường khá mong manh. CIA được yêu cầu làm những việc mà không ai khác được phép làm, thực chất là những việc không ai khác được yêu cầu làm. Chẳng hạn, tôi không biết có một bộ máy chính quyền liên bang nào lại có một cơ quan chuyên trách về các hoạt động che đậy hay một cơ quan khác được gọi là “nắp phong bì và dấu niêm phong” (cơ quan này tiếp cận các tài liệu mà không để lại dấu vết nào).

Hình ảnh biểu tượng của CIA là bức tranh bao quát toàn cảnh của đại sảnh dẫn vào được lát đá cẩm thạch: cái khiên biểu tượng của CIA ở trên sàn, ngôi sao biểu tượng cho những người hùng giấu tên nằm phía bên phải, một câu trích dẫn lời Thánh John nằm phía bên trái: “Và ta nên biết được chân lý và chân lý sẽ giúp ta được tự do”.

Một chuyên gia tư vấn quản lý hiện đại sẽ gọi dòng Kinh Thánh đó là tuyên bố về tầm nhìn của CIA, sự mô tả một nhà nước mong muốn cuối cùng. Nhưng nếu bước qua sảnh này, đi lên các bậc thang cẩm thạch và nhìn sang phía bên trái hướng vào bảo tàng của cơ quan, ta có thể thấy một câu trích dẫn khác ngay bên trên bức tượng Nữ thần Tự do cách điệu: “Chúng tôi là tuyển đầu phòng thủ của đất nước. Chúng tôi làm được những việc mà những người khác không thể làm và đến những nơi những người khác không thể đến”. Và chính chuyên gia tư vấn nói trên cam đoan rằng đó là tuyên bố về sứ mệnh của CIA, đặc trưng riêng của cơ quan này.

Việc này tạo ra một gánh nặng đạo lý rất lớn. Tôi nhắc các nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên vừa hoàn thành khóa huấn luyện về vấn đề này trong các bài diễn văn tốt nghiệp tại Nông trại, tên lóng cơ sở huấn luyện của CIA. “Các bạn có thể là gương mặt duy nhất của nước Mỹ mà những học viên của bạn từng thấy. Và khi các bạn đã tuyển mộ họ, họ sẽ đặt số phận của mình cũng như của gia đình mình vào tay các bạn. Đừng bao giờ quên điều đó”.

Các chuyên gia phân tích cũng gặp phải gánh nặng tương tự, không chỉ phải chân thật trong phân tích của mình mà còn phải dũng cảm trong việc trình bày phân tích đó. Họ thường xuyên là người chịu trận cho những tin tức không mong muốn.

Và ai trong cơ quan cũng phải chịu áp lực giữ bí mật, với nhiều việc không được giải thích cho người thân trong nhiều giờ đồng hồ, tâm trạng hụt hẫng, những kỳ nghỉ bị hoãn lại, hay những chuyến công tác bất chợt và những bữa tiệc cùng nhau lái xe xem bóng đá đều bị bỏ lại phía sau. Năm 2008, lúc Angelina Jolie đang chuẩn bị cho vai nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên của CIA trong bộ phim *Salt* (Nữ điệp viên) đã nói chuyện qua hội nghị trực tuyến với một số nhân viên nữ của CIA.

Tôi đến vào thời điểm sau đó để cảm ơn cô ấy vì đã bỏ công tìm hiểu về đội ngũ nhân viên của chúng tôi, nhưng trong cuộc nói chuyện ngắn ngay sau đó, tôi cũng đã đề cập những gánh nặng tại cơ quan và, nếu kịch bản phim cho phép, sẽ rất tốt khi một nhân vật CIA nào đó trong phim tuyên bố vào cuối ngày làm việc của mình rằng luôn sẵn sàng làm việc thâu đêm nhưng ngay bây giờ cần xin nghỉ 90 phút để đi đón lũ trẻ và đồng đội của chúng.

Đương nhiên họ không đưa điều đó vào phim. Không đúng thể loại. Có quá nhiều cảnh truy đuổi và ám sát. Nhưng chi tiết bà mẹ (hay ông bố) mê bóng bầu dục thì chân thực hơn.

Tôi đã ở CIA được gần ba năm. Trong suốt quãng thời gian đó tôi chưa bao giờ gặp Jack Bauer hay thậm chí Jack Ryan, không gặp ngay cả tại những căn cứ tiền đồn và biệt lập nhất của CIA. Trên thực tế, đội ngũ nhân sự của CIA thường mang chất Mỹ điển hình đến mức tôi có xu hướng mô tả họ với người ngoài là “giống như những người bạn bè và hàng xóm của các vị... và nếu như các vị sống ở miền Bắc Virginia, có thể họ cũng vậy”. CIA là nơi làm việc của những người Mỹ bình thường. Những người Mỹ bình thường được đặt vào những hoàn cảnh bất thường và được kỳ vọng làm những điều phi thường.

Cơ quan thường tổ chức ngày hội gia đình vào tháng 9 hằng năm, khi đó khuôn viên rợp bóng cây và nằm tách biệt đón nhận bầu không khí của một hội chợ cộng đồng trong phần lớn thời gian ngày thứ Bảy, với hơn 20.000 nhân viên và gia đình của họ đổ về khu trụ sở cơ quan. Đám trẻ len lỏi giữa những chiếc SUV bọc thép hoặc đến xem các nhân viên huấn luyện chó và đàn chó của họ. Phòng ngụy trang là nơi dành riêng cho những vị khách ít tuổi nhất, trong khi các ông bố, bà mẹ đưa đám nhóc tuổi teen đến các buồng kiểm tra tìm mạch để phát hiện nói dối được thử miễn phí. Sau một nghi thức chào mừng ngắn,

Jeanine và tôi đứng ngay bên ngoài khu căngtin (nơi có bầu không khí của một cuộc dã ngoại nhà thờ *rất* lớn) để chào mọi người. Tiếp theo luôn là một bài nói chuyện chào đón không dùng giấy tờ và chúng tôi nói chuyện với toàn thể đội ngũ nhân sự trong nhiều giờ đồng hồ.

Có hai nhóm đặc trưng nổi bật hơn cả. Nhóm thứ nhất bao gồm các nhân viên CIA ở độ tuổi trên hai mươi có đưa theo cha mẹ. Cha mẹ họ là những người vừa đáp chuyến bay từ Albany hoặc Phoenix, hoặc lái xe từ Raleigh lên, và trong lòng tràn đầy tự hào về đứa con của mình, ngày hôm đó thật sự là một trải nghiệm không thể nào quên với họ.

Nhóm thứ hai thì ít người hơn. Đây là nhóm các nhân viên ở độ tuổi trên 40, thường đưa theo một hoặc hai cô cậu nhóc tuổi teen. Đã hơn một lần, nhân viên giới thiệu “nhân viên con” với tôi và Jeanine và tuyên bố rằng hôm nay là ngày “nhân viên con” biết được nơi cha hay mẹ chúng (hay cả hai) làm việc ở đâu - đó chỉ là một cuộc dã ngoại gia đình xuyên qua Bắc Virginia và có một cuộc rẽ ngang không theo kế hoạch ra khỏi Đại lộ George Washington và đưa *toàn thể* gia đình lần đầu tiên đến với một thế giới mới. Jeanine có hỏi một cô bé tuổi teen về cảm nhận với chuyến khám phá ngày hôm đó. Cô bé trả lời: “Mẹ cháu là một điệp viên. Thế mới ngẫu chứ”.

Chúng tôi cảm thấy thật may mắn khi có nhiều người đến từ khắp nơi trên nước Mỹ muốn phục vụ trong ngành. Cơ quan không thiếu sự lựa chọn. Trong toàn bộ thời gian năm cuối tôi làm giám đốc (2008), có 160 nghìn người nộp đơn xin xét tuyển. Xin lưu ý rằng, chúng tôi không tiếp nhận thông tin hồ sơ qua website của cơ quan - tất cả phải là những hồ sơ đầy đủ giấy tờ, đơn xin gia nhập dài và có tiết lộ chuyện riêng tư. Chúng tôi chỉ có thể nhận vào khoảng 1 phần trăm số đó. Đội ngũ nhân sự mới được xét tuyển với độ tuổi trung bình là 29 và

điểm đặc trưng nhất của họ là phải có kinh nghiệm sống (khoảng một phần tư trong số họ từng là quân nhân Mỹ) và biết ngôn ngữ thứ hai (càng lạ càng tốt).

Jeanine và tôi cố gắng gặp nhiều người trong các buổi tiếp xúc dành cho người mới mà chúng tôi đề xướng. Chúng tôi tổ chức mỗi quý một lần cho tới khi đã giải quyết hết danh sách tồn từ vài năm trước đó, rồi sau đó điều cần thiết là gặp những người mới.

Chúng tôi mời đội ngũ nhân sự mới đến cùng người thân của họ và tôi chỉ thị ban lãnh đạo cấp cao của cơ quan cũng đến tham dự cùng. Sự kiện này được lên kế hoạch diễn ra từ 6 giờ đến 8 giờ tối, nhưng hiếm khi nào Jeanine và tôi có thể rời sự kiện trước 9 giờ 30 tối.

Một nhóm nhân sự mới điển hình có độ tuổi từ khoảng 20 đến 60. Họ là những kỹ sư, nhà khoa học, nhân viên tài chính, chuyên viên quản lý nguồn nhân lực, nhân viên an ninh, trợ lý đặc biệt, chuyên viên nguồn mở, chuyên gia ngôn ngữ, chuyên gia phân tích, chuyên viên thu thập thông tin quan trọng và các lĩnh vực khác. Nhiều người nói được tiếng Ả-rập, tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Triều Tiên hay tiếng Nga.

Đó là một tối đặc biệt. Chúng tôi nói chuyện với các nhóm nhỏ và đặt những câu hỏi về ấn tượng của họ đối với cơ quan, hỏi cụ thể các nhân viên hoạt động ngầm về vấn đề vỏ bọc. Ai biết cô [cậu] làm việc ở đây? Cô [cậu] quyết định sẽ nói với ai như nào?

Một cô gái trẻ nói cô đã kể với mẹ và cha mình, nhưng hối hận về việc đã kể cho cha mình. Cô ấy nói thẳng rằng ông tự hào về cô đến nỗi thực sự gặp khó khăn trong việc giữ bí mật.

Vỏ bọc là yếu tố cân nhắc quan trọng với cơ quan đến mức chúng tôi phải quyết định xem liệu có nên “kết hợp” các buổi tiếp xúc nhân viên mới, nghĩa là có nên trộn lẫn nhân viên có

vỏ bọc với nhân viên không có vỏ bọc và người thân của họ trong cùng một buổi tiếp xúc.

Cuối cùng, chúng tôi đã quyết định kết hợp họ với nhau và mời cả hai nhóm đến cùng một sự kiện. Việc đó cho phép tôi, thông qua những ý kiến nhận xét đã chuẩn bị trước của mình, nhấn mạnh rằng khả năng bảo vệ người dân Mỹ của chúng ta phụ thuộc vào những người thân trong gia đình của chúng ta xét theo một số khía cạnh rất quan trọng.

Tôi nói: “Sự kiện tối nay mang tới cả cơ hội và trách nhiệm” và “có những nhân viên ở đây không được phép để ai ngoài tòa nhà này biết được mối liên hệ của mình với CIA. Với tư cách là một phần trong gia đình chung của chúng ta, chúng tôi yêu cầu các bạn hãy bảo vệ thông tin đó và chúng tôi cũng hy vọng mọi người có thể tận hưởng cơ hội có một không hai này để giao lưu với những đồng nghiệp đến từ mọi bộ phận của tổ chức”. Thông điệp không nói ra nhưng hết sức rõ ràng là: “Chào mừng đến với CIA (chúng tôi thực sự muốn nói vậy)”.

Cũng có những cơ hội khác để giao tiếp với mọi người. Tôi thường ăn trưa ở khu căngtín và là người tham gia đều đặn vào cuộc chạy bộ OMS (Văn phòng Dịch vụ Y tế) 5K được tổ chức hằng năm. Tôi thích chạy bộ - việc đó giúp cổ vũ đội ngũ nhân viên cơ quan tham gia các hoạt động chăm sóc bản thân, và ta có thể học được rất nhiều điều khi cơ thể đã thấm đẫm mồ hôi, ngồi tại bậc thềm của Tòa nhà trụ sở gốc (nơi có hình khiên biểu tượng trên sàn khu hành lang) nói chuyện với những người cùng tham gia chạy vào một ngày hè nóng nực.

Là một quân nhân Mỹ, tôi coi rèn luyện thể chất (PT) là một phần được chấp nhận gần như là cần phải có của một ngày làm việc. Tại Lầu Năm Góc, việc không có mặt tại bàn làm việc vì đang ở POAC (Câu lạc bộ thể thao sĩ quan Lầu Năm Góc) là lý do quan trọng không kém việc vắng mặt do phải dự một

buổi tang lễ gia đình. Đội ngũ nhân sự CIA thì không như vậy. Tôi về CIA được một năm thì trợ lý điều hành nói với tôi rằng có một bộ phận cuối cùng đã lấy hết can đảm để hỏi cô ấy nghĩa của từ PT trong lịch làm việc hằng ngày của tôi. Tôi không thể chỉ thị cho một đám nhân viên dân sự phải tập thể dục, nhưng có nói với cấp trên trực tiếp của họ rằng có thể tính ba tiếng đồng hồ rèn luyện thể chất mỗi tuần vào thời gian làm việc. Tôi cũng yêu cầu giới hạn số giờ nghỉ phép hằng năm được tính bù sang năm tiếp theo. Không phải tôi có ý muốn tước đi thời gian nghỉ phép của mọi người. Tôi chỉ đang cố gắng buộc họ phải sử dụng thời gian nghỉ phép đó.

Năm năm sau sự kiện 11/9, đây là đội chịu nhiều mệt mỏi. Họ cần chăm sóc bản thân tốt hơn.

Chúng tôi cũng lục tìm khắp các cơ quan trong bộ máy chính quyền liên bang để tìm một số cha tuyên úy phù hợp đưa về trụ sở. Một lần nữa, tôi muốn nói rằng những chuyện như thế này là chuyện nhỏ với quân đội Mỹ, nhưng không như vậy với CIA.

Jeanine làm việc không biết mệt mỏi để giúp đỡ các gia đình. Bà ấy ủng hộ đề xuất tạo điều kiện thuận lợi cho vợ hoặc chồng của nhân viên cơ quan “đang gặp khó khăn” tìm việc làm trong cơ quan tại một trạm thường trú nước ngoài của CIA. Bà ấy là cầu nối cho việc thành lập một lớp học sáng thứ Bảy về chủ đề “Sống và quản lý vỏ bọc” dành cho vợ hoặc chồng của nhân viên cơ quan. Bà thường tham dự lễ khai giảng khóa huấn luyện để chào đón người thân của nhân viên. Và tại các buổi lễ tốt nghiệp dành cho nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên tại nông trại, bà xuất hiện và nói với các nhân viên của chúng tôi rằng có thể đây là kỳ tốt nghiệp đầu tiên trong đời họ không có sự tham dự cổ vũ của cha mẹ mình, song bà muốn được thay mặt họ và nói rằng họ rất đổi tự hào.

Bà ấy đi lại hồi hủ. Bà ấy đi rất xa một mình ra ngoài Washington và mang bí danh để gặp một nhóm vợ/chồng của những nhân viên mang vỏ bọc sâu đến mức không thể tham gia hoạt động tiếp xúc tại Langley. Cơ quan muốn gặp gỡ họ để hướng dẫn những điều cần phải làm trong điều kiện khó khăn nhất (khó khăn trong việc gọi đến tàu mẹ), tạo điều kiện để họ chia sẻ một số kinh nghiệm và cũng cho họ biết rằng cơ quan rất quan tâm, dù có thể là không hề có bất cứ hoạt động gọi điện hay trao đổi thư từ nào. Tất nhiên, nhóm vợ/chồng của nhân viên cơ quan này có thể không bao giờ được nhận mặt nhau nếu tình cờ trong đường đời họ có gặp lại nhau. Cho đến giờ, Jeanine vẫn gặp khó khăn khi mô tả sao cho đúng về cuộc gặp gỡ muốn khóc mà không dám khóc đó.

Còn nữa. Bà ấy sẵn lòng ngồi vào chiếc ghế bập bênh ở cổng vào của một nông trang miền Trung Virginia để giúp tôi an ủi bố mẹ của một nhân viên trẻ thiệt mạng hôm trước đó trong một tai nạn giao thông ở Trung Á.

Là một gia đình quân nhân, chúng tôi đã quen với cơ chế hỗ trợ rất mạnh mẽ trong những chiến dịch triển khai quân. Kiểu hỗ trợ đó không tồn tại ở CIA, ngay cả khi sau sự kiện 11/9 chúng tôi có nhiều hoạt động viễn chinh không kém gì các lực lượng vũ trang của Mỹ.

Còn có những thách thức đặc biệt. Người của chúng tôi sống trong những cộng đồng dân sự, chứ không phải tại một căn cứ, và trong nhiều trường hợp hàng xóm thậm chí không biết họ thực sự làm việc ở đâu, dù cho nhiều người đã trở thành chủ đề của những cuộc “đoán trúng có thưởng”, một trò tiêu khiển phổ biến ở miền Bắc Virginia.

Jeanine phối hợp với các bộ phận của CIA để xây dựng cơ sở hỗ trợ mạnh nhất có thể dành cho gia đình của các nhân viên cơ quan đang hoạt động tại những nơi khắc nghiệt giữa các vùng chiến sự.

Khi chúng tôi rời khỏi Langley, cơ quan trao tặng bà ấy Huy chương dấu triện cơ quan để tri ân những đóng góp to lớn của bà dành cho CIA, “nhân viên cơ quan và gia đình họ”.

*
* *

Giống như phần còn lại của bộ máy chính quyền liên bang, CIA có sứ mệnh pháp lý giống như nước Mỹ. Nhưng cơ quan có sứ mệnh hoạt động làm sao để giống như thế giới, kể cả những đối thủ của Mỹ. Thách thức khó khăn, nhưng cũng có nhiều thuận lợi bởi chúng ta vẫn là đất nước của những người nhập cư.

CIA tích cực tuyển mộ nhân sự từ nơi mà mọi người thường nói lái là các cộng đồng di sản: người Mỹ thế hệ đầu tiên và thứ hai. Tuyển mộ tích cực, nhưng cẩn trọng. Bất kỳ cơ quan tình báo nước ngoài nào có nguồn lực và trí tuệ đều có thể thấy những gì chúng tôi đang làm và thực hiện để khai thác điều đó. Thực vậy, khi tôi còn đang làm giám đốc, có một số bằng chứng cho thấy một số cơ quan đã cố gắng làm chuyện này. Những yếu tố khiến một đối tượng tuyển mộ thu hút sự chú ý của chúng tôi là đi lại nhiều, học hay làm việc ở nước ngoài, thông thạo ngoại ngữ gần như người bản xứ được bồi đắp qua mối quan hệ gần gũi với một vùng - tất cả bộc lộ những thách thức trong công tác phản gián.

Mùa Hè năm 2010, một người đàn ông Michigan trẻ tuổi có tên Glenn Shriver bị bắt và bị buộc tội đưa ra những phát biểu sai sự thật về Chính phủ Mỹ và âm mưu chuyển thông tin tình báo cho Trung Quốc. Người này đã sống, học tập và làm việc tại Trung Quốc trong một vài năm không liên nhau, nói tiếng Trung Quốc phổ thông rất tốt, và đã từng được Bộ An ninh quốc gia (MSS) Trung Quốc trả lương để thâm nhập đường dây tuyển mộ của CIA năm 2007.

Shriver bị phát hiện bằng các phương tiện phản gián truyền thống mà không phải bất kỳ điểm bảo đảm tin cậy nào trong quy trình xét tuyển của chúng tôi có thể phát hiện ra. Và không có gì ngạc nhiên khi người Trung Quốc nằm trong số những người có động thái nhằm vào chúng tôi. Nhiều lúc tôi (với tư cách là người làm chuyên môn) thấy kính nể với chiều sâu, bề rộng và mức độ kiên trì của các nỗ lực từ MSS chống lại nước Mỹ. Hoạt động gián điệp mạng của Trung Quốc đã trở thành chủ đề rất đáng xem xét, song nỗ lực của họ không chỉ dừng lại ở không gian kỹ thuật số.

Và đương nhiên, Trung Quốc không phải là thách thức phản gián duy nhất.

Bởi lẽ đó mà chúng tôi đã phải dồn nhiều nỗ lực vào Trung tâm Phản gián CIA (CIC) không kém gì việc tuyển nhân sự và các hoạt động khác. CIC được trả lương để ngờ vực và họ rất giỏi việc đó. Họ không quan tâm việc chúng tôi đang nhấn mạnh đến cơ chế tuyển mộ dựa vào di sản. Họ ngờ vực mọi người bất kể chủng tộc, tín ngưỡng hay nguồn gốc xuất xứ.

Trung tâm này có truyền thống thu hút tài năng thượng thặng; cấp phó của tôi là Steve Kappes từng là lãnh đạo trung tâm này. Thời gian tôi ở CIA cũng không phải là ngoại lệ, và đội ngũ nhân sự CIA thượng thặng còn nhận được sự chung tay, góp sức của lực lượng nhân viên FBI chất lượng cao.

Một Giám đốc CIA mà không nhìn nhận hoạt động phản gián đúng mức sẽ gặp hiểm họa khôn lường. Một vị lãnh đạo Trung tâm Phản gián (James Jesus Angleton) đã trở nên quyền lực và cuồng ngờ vực đến mức đe dọa đến sự tồn vong của CIA cho đến khi bị William Colby sa thải cấp tốc vào năm 1974. Nhiệm kỳ của Jim Woolsey (1993-1995) dính phải điều tiếng không thể nào gạt tấy được do vụ Aldrich Ames, đầu cho điệp viên Nga đó thực ra đã bị lộ vỏ bọc ngay trong quá trình hoạt động.

Bob Gates rất thích nhắc lại cuộc nói chuyện của ông ấy với cựu Giám đốc Tình báo Trung ương Richard Helms vào năm 1991. Chuyện là Ngài Helms đáng kính được mời đến dự bữa trưa tại phòng ăn của Giám đốc CIA. Khi họ chuẩn bị kết thúc bữa ăn, Helms quay sang Gates và khuyên có vồn vện mấy lời: “Đừng bao giờ về nhà vào buổi tối nếu chưa tự hỏi mình câu: ‘Gã điệp viên hai mang đang ở đâu rồi?’”

Vậy nên tôi phải dành nhiều thời gian cho CIC và họ thường xuyên cập nhật cho tôi thông tin về các vụ việc, mối dẫn và mối nghi ngờ của họ. Đó là 90 phút chán nản nhất trong lịch làm việc của tôi.

Trường hợp Harold Nicholson là minh họa đáng xem xét. Nicholson là một nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên kỳ cựu của CIA, một cựu trưởng trạm thường trú, giảng viên hướng dẫn nhân sự mới tuyển tại cơ sở nông trại và, bắt đầu vào giữa thập niên 1990, là một điệp viên của Nga. Ông bị phát giác bởi các nỗ lực phản gián của CIA, được hồi sinh sau vụ thất bại Ames, khi ông cho thấy mình đã nói dối trong một cuộc kiểm tra tìm mạch phát hiện nói dối định kỳ. Bị đặt dưới chế độ giám sát của FBI, ông ta bị bắt tại Dulles khi đang cố gắng trốn ra nước ngoài và mang theo thông tin mật. Năm 1997, ông ta bị kết án hơn hai mươi năm tù về tội làm gián điệp.

Vụ việc khép lại ư? Không hẳn. Trong suốt thời gian tôi làm Giám đốc CIA một thập kỷ sau đó, CIC thường tường trình với tôi rằng, trong những chuyến thăm của gia đình ông ta đến nhà tù, Nicholson thường yêu cầu cậu con trai út của mình là Nathaniel đòi số tiền mà ông khẳng định người Nga còn nợ mình. Như được yêu cầu, Nathaniel, người hết mực kính trọng cha mình, đã theo đòi người Nga số tiền còn nợ cha mình cho đến khi chính cậu ta cũng bị bắt vào năm 2008. (Harold nhận thêm tám năm tù. Cậu trai trẻ Nathaniel giao nộp bằng chứng và được tạm tha có quản chế).

Tôi lắng nghe những nội dung tường trình này bằng sự kinh ngạc tới mức gần như không thể tin vào những gì xảy ra. Người của CIC đeo đuổi vụ này rất ấn tượng.

Lòng tham, sự bất lương và hành động đại dột. Chúng ta ai cũng thường than vãn về hậu quả của việc làm tội lỗi ban đầu. Nhưng đây là thứ còn hơn cả tính mong manh của con người. Đây là hoạt động gián điệp. Các cơ quan tình báo thường tuyển mộ nhân sự thông qua cơ chế tiền bạc, ý thức hệ, sự thỏa hiệp và cái tôi (viết tắt trong tiếng Anh là Cơ chế MICE). Chúng tôi rất giỏi việc đó. Công việc của CIC là minh chứng cho thấy rằng chúng tôi chưa được miễn nhiệm trước yếu tố nói trên.

May thay, trong thời gian tôi làm giám đốc, không hề có cuộc thâm nhập thù địch nào vào mạng lưới CIA (mà chưa bị phát hiện, ít ra có thể nói vậy).

Nhưng lại có nhiều vấn đề khác. Chẳng hạn như: khi nào nên yêu cầu thực hiện trách nhiệm giải trình khi mọi việc không đi đúng hướng? Làm việc ngay bên rìa giới hạn, với lề giới hạn vô cùng hẹp, khi nào thì nên nhận định là các nhân viên đã phạm phải điều sai trái?

Một số trường hợp thì dễ xử lý. Có trường hợp một nhóm vài nhân viên (thực ra họ là những người rất được vị nể và đang theo đuổi mục tiêu hợp thức) đã có những hành động vượt ra ngoài thẩm quyền theo nhiệm vụ của họ. Họ đã đi sai làn đường, biết vậy đã che đậy dấu vết cả trước và sau khi các bánh xe bắt đầu long khỏi cỗ xe hoạt động. Vì họ chưa có điều tiếng gì trong nội bộ và chúng tôi tin tưởng họ, nên không tường trình với Quốc hội toàn bộ câu chuyện. Cuối cùng khi chúng tôi phát hiện ra sự thật từ các nguồn tin bên ngoài, thì việc sa thải và chuyển cho Bộ Tư pháp xử lý là quyết định chóng vánh và chắc chắn. *“Để sống ngoài vòng pháp luật, ta phải trung thực”.*

Tiếp đó lại có một vụ việc hoàn toàn khác. Năm 2007, tổng thanh tra CIA hoàn tất bản đánh giá rà soát việc điều chuyển và giam giữ Khalid el-Masri, một công dân Đức từng bị giới chức Macedonia bắt giữ vào Đêm Giao thừa năm 2003 vì hộ chiếu của hắn có dấu hiệu khả nghi và tên hắn trùng với một đối tượng khủng bố liên quan đến nhóm cấm chốt tại Hamburg trong vụ khủng bố 11/9. Vài tuần sau đó, hắn được bàn giao cho CIA và bị đưa tới một địa điểm đen để thẩm vấn dựa vào đánh giá phân tích của một chuyên gia cao cấp trong tổ đánh giá hoạt động của al-Qaeda trong trung tâm chống khủng bố.

El-Masri không phải người chúng tôi cần. Hắn đúng là có một quá khứ u ám, nhưng hắn *không phải* là Khalid el-Masri mà chúng tôi đang truy tìm. Hộ chiếu được đem ra kiểm tra lại và không lâu sau các chuyên viên thẩm vấn nhận ra rằng đây là một “lỗ khoan khô” trong hoạt động tình báo. Hắn được phóng thích vào cuối tháng 5.

Có rất nhiều vấn đề trong chuyện này. Thứ nhất là thời gian (từ vài tuần tới vài tháng) từ lúc bắt đến lúc phóng thích el-Masri sau khi CIA biết được danh tính thực của hắn. Thứ hai là cách phóng thích: thả hắn trên một con đường ở vùng Balkan mà không xin lỗi và bồi thường không đáng kể. Cuối cùng là thảm họa quan hệ công chúng (và sau đó là cơn bão tố ngoại giao) khi dễ hiểu là el-Masri công khai câu chuyện bị giam giữ và cáo buộc việc bị ngược đãi.

Nhưng không vấn đề nào trong số trên liên quan đến vấn đề cốt lõi trong bản đánh giá rà soát của tổng thanh tra CIA. *Vấn đề cốt lõi* ở đây chính là những kiến nghị của tổng thanh tra, cho rằng tôi cần thành lập một ban đánh giá trách nhiệm (kiểu như một ban giám khảo chuyên môn) để đánh giá hành vi của chuyên gia phân tích đã mở đầu chuỗi sự kiện đó.

Tôi từ chối kiến nghị này và việc đó về sau trở thành một phần câu chuyện của phe Dân chủ trong Ủy ban Tình báo

Thượng viện được đưa vào một báo cáo cuối năm 2014 của họ về hoạt động giam giữ và thẩm vấn với nội dung mô tả chúng tôi là một cơ quan lừa đảo và thoái thác trách nhiệm.

Thực ra đây là một vụ tương đối dễ xử lý. Chuyên gia phân tích này nằm trong số những người theo dõi al-Qaeda giỏi nhất của chúng tôi. Cô ấy đã đảm trách việc này từ rất lâu trước vụ khủng bố 11/9 và kiến thức của cô ấy thì vô cùng sâu sắc và toàn diện. Vậy nên tôi không dám chắc có thể tìm được ai xứng đáng để thẩm định lại đánh giá của cô ấy.

Nhưng có một vấn đề lớn hơn liên quan đến bản chất của ngành tình báo và tính không thích hợp gần như là hoàn toàn của việc áp dụng các hình mẫu thực thi pháp luật vào hành vi của ngành tình báo. Chúng tôi đã nhiều lần khẳng định trong các tòa án Mỹ rằng, chúng tôi sẵn sàng để cho kẻ có tội được thoát tội nếu như việc đó bảo vệ được người vô tội. Benjamin Franklin đã tóm lược lại như sau: “Để cho một trăm kẻ có tội được thoát tội còn hơn là để cho một người vô tội phải chịu tội”. Nhưng đó là một quy trình gán tội và lập định hình phạt sau khi một việc sai trái đã được làm, khi thời gian không phải là vấn đề và tiêu chuẩn thích hợp với bằng chứng vượt xa những nghi ngờ hợp lý.

Không một yếu tố nào trong số trên có thể áp dụng cho ngành tình báo, khi mà việc sai trái còn chưa được xử lý, thời gian luôn là yếu tố quan trọng, và khi mục tiêu là kích hoạt hành động ngay cả khi phải tiếp tục đối mặt với sự nghi ngờ. Khi không có hành vi phi pháp rõ ràng, nếu tôi khép kỹ luật một chuyên gia phân tích vì đã đưa ra một khẳng định sai (nghĩ ai đó là một đối tượng khủng bố trong khi hẳn không phải vậy), hệ thống sẽ phải tiêu hóa bài học theo cách bảo thủ nhất: điều quan trọng nhất là tránh đưa ra những khẳng định sai (ta sẽ bị trừng phạt vì điều đó) ngay cả khi khẳng định đúng thì cũng trôi tuột đi (những điều tệ hại có thể xảy ra, nhưng không phải với ta).

Điều mà một hệ thống tòa án coi là đáng khâm phục thì một cơ quan tình báo có thể cho là vô lương tâm. Mục tiêu của tôi là tạo ra những trường hợp mà ở đó chúng tôi nỗ lực có cả những khẳng định và phủ định đúng, chứ không khuyến khích cái này theo hướng vui dập cái kia. Và có một thông điệp tôi không biết cách nào gửi đến các chuyên gia phân tích của mình là: “Cứ nhận những việc khó, đưa ra những lựa chọn khó khăn, và nếu các bạn phạm sai lầm, chúng tôi sẽ đứng sau các bạn”. Nói gì thì nói, chúng tôi vẫn muốn bắt tên Khalid el-Masri.

Tôi cho rằng mình có thể đã sai lầm. Nhưng điều đó quá rõ ràng với tôi - giờ đây cũng như là khi đó.

El-Masri đã không còn thuộc quyền quản chế của CIA hai năm trước khi tôi trở thành giám đốc, nhưng ý thức kỷ luật buộc tôi phải đưa ra quyết định một năm sau khi về nhận nhiệm vụ tại cơ quan. Đó là một khoảng thời gian quá dài từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc (và tương trình với Quốc hội về sai lầm đó). Nhưng việc đó diễn ra tương đối ngắn so với việc tôi phải giải quyết sự việc từ năm 2001 đến 2008, khi chuẩn bị rời khỏi cơ quan.

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2001, một máy bay tiêm kích của Peru tham gia vào chiến dịch chống ma túy mang tên *Chương trình Từ chối cầu hàng không (ABD)* đã bắn vào phần thân một chiếc máy bay nhỏ đang chở một gia đình truyền giáo người Mỹ đến từ Michigan. Chiếc máy bay này lao xuống rừng Amazon sau khi người mẹ và đứa con gái sơ sinh đã tử vong. Đây là cuộc bắn hạ máy bay thứ 15 trong một chương trình được khởi động năm 1994 và đến thời điểm đó vẫn được cho là một thành công. Hoạt động theo thẩm quyền hành động bí mật, CIA đã không ngừng nỗ lực trong việc giúp người Peru nhận diện và bám theo những máy bay bị nghi là buôn lậu ma túy, nhưng quyền bắn máy bay từ chối hạ cánh luôn thuộc về người Peru.

Những nạn nhân của cuộc tấn công đổ đến từ hạt của Hạ nghị sĩ Pete Hoekstra ở Michigan và ông ấy coi sự chậm trễ này là một kế hoạch che đậy. Không phải vậy, nhưng tôi đồng ý với lời cáo buộc của ông ấy rằng “chậm thực thi công lý là chối bỏ công lý”. Và không chỉ với gia đình đến từ Michigan đó. Vào một sáng Chủ nhật rất nóng nực, khi tôi đang ngồi tại bàn trong phòng đại sảnh của trạm thường trú CIA tại Baghdad, một nhân viên đến ngồi cạnh tôi và thảo luận về một khoản tiền khá lớn mà cô ấy đã chi suốt nhiều tháng. Trong một vùng chiến sự, cô ấy đã kể về với tôi về những khoản chi phí pháp lý cá nhân của mình và khoảng thời gian cô ấy bị đình chỉ công việc sau vụ Peru. Tôi chỉ đáp ngắn gọn: “Tôi hiểu”.

Báo cáo của tổng thanh tra được đưa tới bàn làm việc của tôi vào tháng 8 năm 2008. Như kiến nghị, tôi đã thành lập ban đánh giá trách nhiệm, cả thảy có sáu người, gồm hai người của cơ quan, bốn người đến từ bên ngoài (trong đó có hai người biết rất rõ về việc bắn rơi các máy bay). Phải một thời gian dài sau khi tôi rời khỏi cơ quan họ mới có báo cáo. Năm 2010, Giám đốc Panetta đã truy xét mười sáu cá nhân, nhiều người trong số họ đã không còn làm việc tại cơ quan, về “những sai sót trong khâu báo cáo và giám sát”. Cuộc thông cáo báo chí diễn ra sau đó nhấn mạnh rằng không có bằng chứng nào cho thấy đây là một kế hoạch che đậy, rằng mọi cuộc bắn rơi trước đó đều đáp ứng các tiêu chí pháp lý về “nghỉ ngờ hợp lý” và không có nhân viên CIA nào có hành động không phù hợp kể cả trong sự kiện hồi tháng 4 năm 2001.

Tờ *New York Times* có lời lẽ lên án lớn tiếng hơn nhiều so với ý kiến phán xét cuối cùng của ban đánh giá trách nhiệm hay của Giám đốc Panetta và cuộc thông cáo báo chí của ông ấy. Dựa vào văn phong bản báo cáo gốc của tổng thanh tra năm 2008, tờ *New York Times* lên tiếng cáo buộc về một “thứ văn hóa cầu thả và dối trá” và nói rằng các nhân viên CIA

“thường xuyên vi phạm các quy trình của cơ quan, cố gắng che đậy mọi sai lầm mắc phải và lừa dối Quốc hội ngay sau khi một chiếc máy bay truyền giáo bị bắn hạ do nhầm lẫn vào năm 2001”.

Như vậy, vấn đề không chỉ là một chút khác biệt giữa cách diễn đạt của tổng thanh tra và quyết định giải quyết cuối cùng của CIA. Vấn đề liên quan nhiều hơn đến báo cáo của tổng thanh tra và cuộc điều tra diễn ra ngay sau đó, nhưng có một nhận xét trong báo cáo của tổng thanh tra mà tôi cho là hoàn toàn xác đáng. Đó là việc “không cung cấp đủ thông tin về những vi phạm trong quy trình giám sát và báo cáo đã loại bỏ sự cần thiết tiến hành một cuộc rà soát chính sách và một cuộc thay đổi phương thức hoạt động mà nếu được bảo đảm có thể đã không xảy ra vụ bắn rơi vào tháng 4 năm 2001”.

Vấn đề thực sự trong vụ bắn rơi máy bay Pêru là quy trình hợp thức hóa các mục tiêu tấn công. Bộ quy tắc hành động chính thức đã được xây dựng để trấn an các nhà lập sách ở Washington rằng khả năng gặp sự cố không mong muốn là rất thấp. Nhưng tại hiện trường, rất khó nếu không muốn nói là không thể hoàn tất cả một quy trình hợp thức hóa phức tạp, nhiều bước và rất chi tiết với diễn biến thời gian thực tế.

Nhưng không ai nói ra điều đó, vậy nên chương trình ngăn chặn hoạt động vận chuyển ma túy bằng đường không này được đặt ở chế độ “lái tự động”, không thể được tiến hành đúng với hướng dẫn ban đầu, và các nhân viên CIA đang hoạt động tại hiện trường chỉ biết cố gắng hết mình để làm sao đẩy được chiếc vung méo vào nổi tròn.

Ngay cả cuộc thông cáo báo chí sau đó của CIA cũng thừa nhận rằng, “những quy trình gắn với sáng kiến phòng, chống ma túy này rồi cũng bị rút ngắn dần theo thời gian”. Phải như vậy nếu như nỗ lực này muốn đạt được kết quả nào đó. Hóa ra vụ bắn rơi máy bay ngày 21 tháng 4 là một sự kiện đang chực

chờ xảy ra, vì cơ quan đầu não không nhận thức được khoảng cách giữa lời hứa và kết quả thực hiện. Đó là vấn đề của Washington hơn là của Pêru, và vấn đề có thể được truy nguyên về “kết quả nhận thấy” ban đầu vào giữa thập niên 1990 đã dẫn tới việc triển khai chương trình.

Toàn bộ câu chuyện bê bối này cho thấy tại sao những người kỳ cựu của CIA lại thận trọng với những hành động ngầm. Họ khuyên răn ít hứa hẹn và đẩy mạnh chuyển nhượng. Trong suốt thời gian tôi ở CIA, bản thân cơ quan chỉ đề xuất thêm một kế hoạch hành động ngầm mới. Kế hoạch này đã bị bác bỏ.

Những người kỳ cựu cũng khuyên nên tránh bị xúi giục thôi thúc nhận nhiệm vụ hành động ngầm khi mà, vào cuối cuộc họp chốt kế hoạch của Hội đồng An ninh quốc gia, mọi con mắt đều đổ dồn về phía cuối bàn để trông đợi một thứ gì đó kiểu như giải cứu tình hình bằng hành động ngầm theo ý muốn của Chúa. Tôi không thể nhớ có bao nhiêu cuộc họp về cuộc xung đột “nổi da, nấu thịt” ở Darfur mà kết thúc như trên.

Và khi đã được giao thực hiện một hành động ngầm và cơ quan phải phác thảo một bản chỉ thị để tổng thống ký phê chuẩn hành động, phần dài nhất của bản chỉ thị đó luôn là đoạn có tiêu đề “Nguy cơ”.

Steve Kappes đã lập ra cái gọi là Nhóm Đánh giá hành động ngầm (CARG) để bảo đảm chúng tôi đứng ở đúng phía trong các vấn đề. Hằng tháng, ông ấy phân tích những kế hoạch hành động đề xuất và đang được triển khai bằng con mắt hoài nghi, thậm chí là chỉ trích cay nghiệt. Những cuộc tranh luận gay gắt. Không có chương trình “lái tự động” nào hết. *“Để sống ngoài vòng pháp luật, ta phải trung thực”*. Nhất là với bản thân mình. Luôn là vậy.

Steve có những người thích hợp trong nhóm: bốn phó giám đốc, tổng tư vấn pháp lý, các luật sư đến từ các bộ phận cụ thể, từ bộ phận quan hệ công chúng và các vấn đề lập pháp và đặc biệt

là Michael Morell (nhân vật số ba của cơ quan). Ngoài các nhà điều hành đã đạt được những thành công trong lĩnh vực hành động ngầm, Steve luôn bổ sung vào nhóm một số nhân vật đã dính tai tiếng trong hành động ngầm.

Nhóm có nhiệm vụ xử lý thứ chúng tôi gọi là “thẩm quyền” và “giấy phép”. “Thẩm quyền” ở đây là những quyết định phê chuẩn bao quát trong phạm vi hoạt động của chúng tôi. Chúng thường được thể hiện qua những văn bản có tên gọi “kết quả nhận thấy”, vì thường bắt đầu bằng lời của tổng thống “Tôi nhận thấy rằng...”. “Giấy phép” ở đây là quyết định phê chuẩn đối với những hoạt động cụ thể trong phạm vi một “kết quả nhận thấy”.

Nhà Trắng thời Tổng thống Bush trao cho chúng tôi rất nhiều không gian hoạt động. Thỉnh thoảng tôi quyết định gọi điện cho Steve Hadley khi chúng tôi gặp trường hợp đặc biệt, nhưng những cuộc nói chuyện đó luôn bắt đầu bằng việc tôi nói rằng: “Steve này, đây là quyết định của tôi và tôi sẽ đưa ra, nhưng tôi muốn nói trước với ông rằng...”.

Tôi thấy thoải mái với điều đó, vì đã có những người giỏi trợ giúp mình. Trong cuộc tường trình bàn giao đầu tiên của tôi với Leon Panetta, tôi nói với ông ấy rằng ông ấy đang tiếp nhận đội ngũ nhân viên giỏi nhất trong hệ thống chính quyền liên bang. Tôi nói thật lòng điều này.

Cấp phó của tôi là Steve Kappes là một trong những nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên được nể trọng nhất trong lịch sử cơ quan, dẫu ông ấy đã mắc những sai lầm trong áp dụng điều lệnh khi đang là chỉ huy đội diễn tập thủy quân lục chiến tại Khu doanh trại tại Washington D.C. mang tên “Eighth and I” (Thứ tám và Tôi). Thẳng thắn. Không chấp nhận những thứ vô nghĩa. Lý lịch của ông ấy cơ bản khá giống lý lịch của tôi. Là người miền Đông Ohio, trong khi tôi là người miền Tây Pennsylvania. Đã hơn một lần, chúng tôi phải tự đưa ra một

quyết định khó khăn, ông ấy quay sang tôi và hỏi: “Ông có bao giờ nghĩ hai anh chàng đến từ bang Ohio và Pennsylvania lại là người quyết định những thứ như vậy chưa?” Chúng tôi đủ thân để thấy đây là điều bình thường, sau khi đưa ra một quyết định hành động, tôi quay sang ông ấy và thản nhiên hỏi: “Ông thấy ổn với việc này chứ?” Ông ấy hầu như luôn thấy ổn.

Nhân vật số ba của chúng tôi là Mike Morell, cũng là người gốc Ohio. Tôi đã trưng dụng Michael [Mike] từ Trung tâm Chống khủng bố quốc gia (NCC) khi Tổng thống Bush quyết định bổ nhiệm tôi làm Giám đốc CIA. Vì Michael từng là chuyên viên Tường trình công việc hằng ngày cho tổng thống (PDB) trên chuyên cơ tổng thống Air Force One (Không Lực Một) về vụ tấn công 11/9, ông ấy ủng hộ mạnh mẽ kế hoạch này.

Người tiền nhiệm của Michael ở cương vị Giám đốc điều hành sắp bị truy tố về tội đưa hối lộ, vậy nên Michael có điều kiện thuận lợi nhất định trong thực hiện công việc. Ông ấy giỏi việc đó. Tôi đã có lần nói với đội ngũ nhân sự của mình rằng Michael có “hiểu biết sâu, tận tụy, sáng tạo và tài năng không phải bàn cãi”. Vì ông ấy đã từng là một chuyên viên phân tích, tôi đã bổ nhiệm Michael làm Phó Giám đốc phụ trách tình báo, người đứng đầu bộ phận phân tích của chúng tôi vào năm 2008. Ông ấy nói mọi chuyện như thể trở về nhà. Người thay thế vị trí của Michael là Scott White, người tốt nghiệp Học viện Hải quân, sĩ quan tàu ngầm, thuyền trưởng trong lực lượng dự bị hải quân và là nhân vật kỳ cựu của cơ quan.

Tôi cũng dựa vào một người sắc sảo và thực sự chăm chỉ trên cương vị Chánh Văn phòng, đó là Larry Pfeiffer. Ông ấy là một chuyên viên sự nghiệp của NSA được điều sang hỗ trợ CIA khi Đạo luật Cải cách tình báo có hiệu lực năm 2005. Với toàn bộ sự lộn xộn mà đạo luật này đưa tới, ông ấy gần như rơi vào tình trạng vô thừa nhận trong cộng đồng tình báo khi tôi đưa ông ấy về làm Chánh Văn phòng tại Văn phòng Giám đốc

Tình báo quốc gia, và rất vui giữ được ông ấy khi tôi chuyển về CIA. Một bước đi hay.

Tôi cũng đưa về đội ngũ một nhân vật kỳ cựu của NSA nữa là Bob Deitz, người từng là Tổng Cố vấn pháp lý cho tôi hồi còn ở Fort Meade [NSA]. Tại Langley ông ấy là cố vấn riêng, một dạng “ruồi trâu” thường ở lại sau mỗi cuộc họp để lục vấn suy nghĩ của mọi người.

Không ai trong chúng tôi có bất kỳ kế hoạch lớn lao nào cho công cuộc lột xác ở CIA. Có một cuộc chiến đang diễn ra. Chúng tôi nghĩ công việc của mình là đưa con tàu đi đúng hướng và bảo đảm nó vẫn đang đi. Sau cuộc bầu cử tổng thống năm 2008, Hạ nghị sĩ Mike Rogers của Ủy ban thường trực đặc biệt Tình báo Hạ viện Mỹ (HPSCI) nói với bạn ông ấy tại Điện Capitol và cũng là người sắp đảm nhận vị trí Chánh Văn phòng Nhà Trắng là Rahm Emanuel rằng đội hình CIA của chúng tôi đã đưa những chuyến tàu về ga đúng giờ. Chúng tôi coi đó là một lời khen thật lòng.

Thời gian đầu tại CIA, Kappes, Morell, Pfeiffer và tôi đã có một cuộc họp ngắn ngoài cơ quan để đặt ra một số mục tiêu. Chúng tôi đã quyết định rằng một trong số những lĩnh vực trọng tâm cần chú trọng là văn hóa cơ quan.

Đi xuôi Đại lộ Virginia 123 và nhìn qua hàng rào, CIA trông như một danh từ số ít trong mắt một người quan sát ngẫu nhiên. *Cơ quan* CIA. Nhưng không phải vậy. Vào một ngày *thật* đẹp trời, CIA có thể trở thành một danh từ chung. Hầu hết các ngày, CIA là một danh từ số nhiều không thể chối cãi.

Có bốn ban chuyên trách lớn trong cơ quan, mỗi ban có một văn hóa riêng. Đội ngũ nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên trong Sở Mật vụ quốc gia (NCS) gọi tôi nhớ đến đội ngũ phi công máy bay chiến đấu trong không quân. Năng lực riêng của họ là đọc được suy nghĩ khi nói chuyện với một số chuyên gia phân tích của Ban Tình báo (DI). Người của Ban Khoa học và

Công nghệ là đội ngũ kế thừa đích thực của nhân vật “Q” trong loạt phim James Bond. Và Ban Hỗ trợ (DS) toàn những người lao động chân chất, kiểu lao động “cứ làm đã rồi tính sau” mà tôi gặp nhiều trong thời gian lớn lên ở Pittsburgh. Họ giúp cơ quan vận hành trơn tru ở các khâu liên lạc, hậu cần, an ninh và mọi thứ khác chúng tôi cần để hoạt động.

Bộ phận nào cũng tốt. Mỗi văn hóa đều được sắp xếp phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của mỗi ban chuyên trách. Trong một buổi họp chung tại hội trường lớn Bubble (Bong Bóng), tôi có giải thích rằng tôi muốn tăng cường bản sắc CIA ở mỗi người, nhưng không làm ảnh hưởng đến bản sắc riêng của các ban chuyên trách. Tôi sử dụng kinh nghiệm trong không quân của mình để làm rõ các ý. Tôi nói với mọi người: “Không quân Mỹ dành rất nhiều thời gian của phần lớn mỗi ngày cố gắng làm sao để đội ngũ phi công chiến đấu tin rằng họ thực sự là một phần của một thiết chế lớn hơn. Nhưng xét cho cùng, có một điều họ muốn các phi công ghi nhớ. Họ thực sự là những phi công chiến đấu”.

Và cơ quan không còn tình trạng “kín cổng cao tường” nội bộ như trước đây; đã có thời điểm trong lịch sử, đội ngũ nhân viên quản lý mạng lưới và đội ngũ chuyên gia phân tích có khu cầngtin riêng. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ có thể đẩy mạnh “chất CIA” bao quát hơn một chút trong sự tổng hòa này.

Một sáng kiến được đưa ra là thành lập nhánh điều hành hoạt động rất nhỏ của CIA tại Austin, Texas. Chi phí không gian văn phòng thì rẻ; Texas có lưới điện riêng nên có thể bảo đảm tính liên tục của các hoạt động; dịch vụ hàng không đến Washington, D.C. cũng rất tốt; và có rất nhiều người tài năng có thể tuyển mộ tại tiểu bang này. Ý tưởng ở đây là - tại địa điểm mới - áp dụng thử nghiệm một cấu trúc bỏ qua những lề lối hoạt động đặc thù theo ban chuyên trách trước đây, một hình thức thu nhỏ của CIA-X, nơi chúng tôi có thể thử nghiệm

an toàn những cách tiếp cận mới. Chúng tôi muốn xem CIA trông ra sao nếu có một mảnh giấy trắng hoàn toàn và không có di sản trong cơ cấu tổ chức, cơ sở nhà thầu, hệ thống công nghệ thông tin và đội ngũ nhân sự. Chúng tôi không bao giờ thấy được điều đó. Quốc hội đã ra tay ngăn chặn giữa chừng. Chúng tôi đã có những động thái quá muộn trong việc vận động chính quyền đương nhiệm phê chuẩn bất kỳ ý tưởng lớn mới mẻ nào. Nhưng việc đó cũng đóng vai trò như một thứ gì đó gần như một vở kịch luân lý khi mọi người thường phàn nàn về tình trạng trì trệ và thiếu linh hoạt của bộ máy chính phủ.

Vậy nên, chúng tôi phải tự hài lòng với những bước đi khác. Một kỹ thuật được áp dụng là liên lạc trực tiếp với mọi người đồng thời, với lý thuyết cơ sở là kiến thức chung sẽ giúp xây dựng được nhiều thái độ chung hơn. Tần suất gửi email chung cho toàn thể đội ngũ nhân sự của tôi có thể sánh ngang với tần suất gửi các bản DIRGRAM mà tôi đã thực hiện tại NSA, khoảng hai bản mỗi tuần.

Chúng tôi thiết lập một tài khoản đặc biệt có tên gọi “Hỏi giám đốc” để thông qua những câu hỏi và ý tưởng (và cả những đề xuất quan trọng) có thể được lưu hành nội bộ, thay vì được nghe lần đầu từ “các nguồn giấu tên” trong tờ *Washington Post*. Chúng tôi tiếp nhận rất nhiều nội dung phản ánh trong khoảng 90 ngày, trả lời mọi nội dung, sau đó giảm dần nhịp độ.

Nhiều người trong đội ngũ nhân sự hiện thời (và trong báo giới) thường tham khảo quan điểm của những cựu nhân viên, vậy nên chúng tôi đã cố thu hút sự tham gia của đội ngũ cựu nhân viên. Chúng tôi nhận được sự tham dự đông đảo trong những sự kiện dành cho cựu nhân viên tại hội trường lớn Bong Bông, và mặc dù không thể để họ tham gia vào những buổi tường trình mật, Steve và tôi luôn cố làm sao để họ hiểu rõ được những việc chúng tôi đang cố gắng làm.

Chúng tôi cũng thử áp dụng những thứ như kéo dài thời gian trong quy trình tập sự để nhân sự mới tiếp nhận văn hóa tổng thể của cơ quan trước khi chuyển về ban chuyên trách của họ.

Chúng tôi nhấn mạnh đến di sản chung của cơ quan và phủ kín phần lớn thời gian năm 2007 bằng những sự kiện đánh dấu mười sáu năm thành lập CIA.

Chúng tôi cũng từng bước đưa những hoạt động chung như trung tâm điều hành, công nghệ thông tin, tài chính và quản lý nhân lực ra khỏi các ban chuyên trách và nâng chúng lên cấp độ cơ quan - để theo dõi, quản lý và đồng bộ hóa tốt hơn những chức năng quan trọng này.

Tôi nghĩ mình đã khiến mọi người ngạc nhiên trong mùa Hè đầu tiên về cơ quan bằng việc đề nghị rà soát cách họ đang đốt tiền của mình trước thời điểm cuối năm tài khóa đang đến rất gần. Chúng tôi vẫn chưa có những tài khoản có thể kiểm toán (không cơ quan nào trong cộng đồng tình báo có cả) và cũng không thể tính được chi phí thực sự cho lực lượng nhân sự, nhưng ít ra tôi cũng có lý khi cho rằng đó đều là tiền của CIA, trong khi trước đây “cơ chế” cứ thế rót kinh phí cho các ban chuyên trách vào đầu năm tài khóa và không cần biết cuối năm tài khóa ra sao.

Chúng tôi cũng thay đổi một chút trong cơ chế làm việc với các nhà thầu. Số lượng các nhà thầu đã gia tăng đột biến kể từ sau sự kiện 11/9. Không như một số người, tôi không hề coi các nhà thầu là “quân địch”. Tôi coi họ là một phần của đội ngũ nhân sự cơ quan và đối xử với họ theo hướng đó. Tôi thường nhắc với người của mình rằng, trong nhiệm kỳ của tôi, tôi có thể gắn các ngôi sao nhà thầu lên tường. Rõ ràng là việc sử dụng họ đúng cách đã giúp chúng tôi trở nên hiệu quả hơn.

Ý tưởng vừa nói này thường bị các nghị sĩ Quốc hội đặt thành nghi vấn. Họ cáo buộc chúng tôi sử dụng các nhà thầu để

làm chệch hướng trách nhiệm giải trình đối với các hành động của mình. Thường mỗi khi tôi tường trình với họ về một hoạt động, họ sẽ hỏi liệu có phải một nhà thầu hay một nhân viên chính phủ hoàn thành nhiệm vụ đó. Tôi không biết rõ lắm và cũng hiếm khi cố tìm hiểu. Tôi thường tiếp nhận câu hỏi vào danh mục sẽ trả lời, chỉ ra rằng những cá nhân tham gia vào hoạt động là những người Mỹ giỏi nhất cho nhiệm vụ đó và nhắc nhở họ rằng tôi chịu trách nhiệm pháp lý về các hành động của nhà thầu ở mức độ không kém gì trách nhiệm với đội ngũ nhân viên cơ quan.

Nhưng nếu như việc sử dụng nhà thầu của chúng tôi hữu hiệu, thì chẳng ai dám nói việc đó được thực hiện tốt ở khía cạnh bảo đảm ưu thế và uy thế của chúng tôi. Chúng tôi thường nhận thấy mình đang phải đấu thầu chống lại chính mình để giành sự ủng hộ của nhà thầu, khi các bộ phận khác nhau của cơ quan đều hướng tới cùng một sản phẩm hay dịch vụ của cùng một nhà cung cấp. Chúng tôi cũng có phần hơi giống với đội ngũ chăm sóc vườn ươm cho các nhà thầu. Nhiều nhân viên xin thôi việc, mang theo kinh nghiệm và những đặc quyền được hưởng theo chế độ cơ quan, để ra ngoài làm những công việc của nhà thầu được trả lương cao hơn.

Tôi đã chỉ thị một cách độc đoán rằng chúng tôi sẽ giảm 10 phần trăm mức độ phụ thuộc vào các nhà thầu. Không có cơ sở khoa học nào đằng sau quyết định này, nhưng tôi biết rằng có ít nhất chừng ấy thứ không cần thiết trong hệ thống. Khi chúng tôi đạt được mục tiêu đó trong chưa đầy một năm, tôi cắt giảm thêm 5 phần trăm nữa.

Tôi cũng nói rằng CIA ngừng khôi phục trong vòng một năm những đặc quyền được hưởng theo chế độ nhân viên cơ quan của bất kỳ ai xin thôi việc ở cơ quan và muốn quay lại làm việc cho chúng tôi với tư cách là một nhà thầu. Những người về hưu thì được - vì họ đã làm tròn trách nhiệm của mình - chứ không phải

những người có ý định bán cho chúng tôi những điều chính chúng tôi đã dạy họ.

Nhưng điều đó nằm ở phần kết đầy ấn tượng trong số những hành động của tôi. Vào ngày đầu tiên về cơ quan, tôi có hứa với mọi người rằng không ai cử tôi đến đây để thổi tung bất cứ thứ gì. Ý tôi đúng như những gì tôi nói. Đó là cách để nói với mọi người rằng tôi có lòng tin ở họ, rằng họ không có vấn đề như một số người chỉ trích họ đang cáo buộc.

Trong cuộc nói chuyện giới thiệu với Leon Panetta về chất lượng đội ngũ nhân viên, tôi có nói thêm: “Nếu ông trao cho họ một nửa cơ hội, họ sẽ không để ông thất bại, giống như cách mà họ không để tôi thất bại vậy”.

Điều đó thực sự áp dụng cho tất cả mọi người tại CIA, chứ không chỉ những nhân viên cấp cao, và Leon sẽ sớm biết tại sao tôi lại đặt niềm tin lớn như vậy ở họ.

Vì ba mươi phút tường trình của tôi với Tổng thống Bush về các hành động ngầm và việc thu thập thông tin nhạy cảm diễn ra vào các sáng thứ Năm, nên có thể tưởng tượng trụ sở CIA trông như thế nào vào các chiều thứ Tư, khi các hạng mục công việc mà đội ngũ trợ lý đề xuất bắt đầu đổ dồn vào văn phòng của tôi. Tôi thực hiện một cuộc rà soát vào giữa buổi chiều và một cuộc nữa ngay trước lúc rời khỏi cơ quan vào buổi tối. Sau đó tôi thức dậy rất sớm vào sáng thứ Năm, trải các mục quan trọng ra khắp quầy bếp ở nhà, và quyết định mục nào sẵn sàng và mục nào chưa sẵn sàng được đưa vào trình bày giờ vàng. Điểm quan trọng ở đây là có đến 50 phần trăm số chi tiết hoạt động cụ thể mà tôi tường trình vào sáng thứ Năm lần đầu tiên tôi thấy vào chiều thứ Tư.

Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm trong mọi khía cạnh. Steve Kappes và tôi đặt ra những ranh giới tay trái và tay phải của những hoạt động có thể chấp nhận. Chúng tôi bảo đảm rằng mọi hành động đều phải có mục đích và hướng vào

những mục tiêu rõ ràng và chính đáng. Nhưng trong thế giới mà chúng tôi đang hoạt động, chúng tôi phải dựa rất nhiều vào quyền tự chủ và sự phán xét tại địa bàn hoạt động sở tại. Không có cách nào khác. Những điều chúng tôi yêu cầu thực hiện sẽ không thể được thực hiện bằng sự giám sát gắt gao và kiểm soát chặt chẽ về nguyên tắc hành động từ khu phòng tầng bảy ở Langley, Virginia.

Nếu chúng tôi là một tổ chức quân sự, toàn bộ việc này sẽ được gọi là “lệnh phân cấp theo nhiệm vụ”: sở chỉ huy đưa ra sự chỉ đạo chung và những giới hạn rõ ràng. Mọi thứ còn lại đơn vị tác chiến tự xử lý.

Trên khía cạnh tôn giáo, chúng tôi tập trung loại bỏ những trở ngại và trao quyền hành động, chúng tôi có thể tự mô tả bản thân mình là “những người lãnh đạo phụng sự”.

Tại CIA, chúng tôi là giám đốc và phó giám đốc, có nhiệm vụ lãnh đạo, quyết định, khép kỷ luật và (hy vọng) truyền cảm hứng.

Chương XVI

IRAN: NÉM BOM HAY CHẤP NHẬN ĐỐI MẶT VỚI QUẢ BOM?

Langley, Virginia, 2007-2009

Thời gian tôi ở CIA, chủ đề được bàn thảo nhiều nhất trong phòng Bầu dục là chủ nghĩa khủng bố và những cuộc chiến đang diễn ra. Thứ hai là chủ đề Iran. Dù không phải liên tục nói về vấn đề này, nhưng quả thực chúng tôi nói rất nhiều về Iran. Thực sự là chưa có vấn đề thứ ba. Đương nhiên chúng tôi có bàn thảo về những chủ đề khác, nhưng chưa tổng hợp được đủ các nội dung bàn thảo xoay quanh bất kỳ vấn đề nào xứng đáng đứng vào vị trí thứ ba.

Khi các tổ chức công chúng hỏi về lĩnh vực ưu tiên trong hoạt động tình báo là gì, tôi sẽ trả lời theo công thức bằng chữ cái của Washington: CT-CP-ROW. Đó là: chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân và phần còn lại của thế giới.

Vậy nên chống phổ biến vũ khí hạt nhân là một ưu tiên quan trọng, và trong giai đoạn chuyển tiếp khi tổng thống vừa đắc cử hỏi tôi về mức độ nỗ lực trong chống phổ biến vũ khí hạt nhân mà chúng tôi dành cho Iran, tôi trả lời không chút lưỡng lự: “80 phần trăm”.

Vậy nên *Iran* là một vấn đề hệ trọng, và Tổng thống Bush đang mất dần kiên nhẫn với quốc gia này. Ông ấy không úp mở thừa nhận việc gần như không thể thâm nhập vào một quốc gia

khép kín như Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên nhưng phân vân về việc - với hàng nghìn người Mỹ gốc Iran có khả năng thường xuyên về thăm tổ quốc họ, một nền kinh tế đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và giới trí thức đã trở nên Tây hóa ở nhiều khía cạnh - tại sao chúng ta không thể làm tốt hơn vấn đề Iran.

Tôi không có câu trả lời hay. Iran là một mục tiêu khó nhằn. Các cơ quan phản gián của họ đông đảo, lớn và toàn diện. Bộ Tình báo và An ninh Iran (MOIS) là cơ quan tương đương với FBI trong lĩnh vực phản gián đang cùng rất nhiều cơ quan khác hoạt động. Về danh nghĩa cơ quan này hoạt động dưới quyền của tổng thống, thực chất báo cáo trực tiếp cho lãnh tụ tối cao. Cơ chế đó được củng cố bằng một dàn xếp ngầm với Quân đội Vệ binh cách mạng Iran (IRGC), do Ayatollah Khomeini thành lập sau cuộc cách mạng năm 1979 để bảo vệ nước Cộng hòa Hồi giáo Iran trước những mối đe dọa bên trong và bên ngoài. Được cho là có số lượng hơn 100.000 người, IRGC là lực lượng hành động trực tiếp và trung thành tuyệt đối của lãnh tụ tối cao. Trong nước, IRGC kiểm soát Lực lượng kháng chiến Basij (BRF) có hàng triệu quân, là những thành phần côn đồ đường phố rất thích đàn áp những người đứng đầu các lực lượng chống đối, nhất là con em của những gia đình có nhiều đặc quyền ở khu vực Bắc Tehran không theo tôn giáo và có tính toàn cầu trong lối sống.

Nhiều hoạt động ở nước ngoài của IRGC nằm dưới sự kiểm soát của Lực lượng Quds và viên chỉ huy lăm mưu, độc ác là Qasem Soleimani. Toàn bộ cơ chế hoạt động này được gói gém kỹ lưỡng vào nguyên tắc luật Hồi giáo (*velayat-e faqih*) chứ không phải luật thế tục, đến mức dường như là không một hành động nào thoát khỏi phạm vi kiểm soát. Thật ngạc nhiên trước những việc người ta sẽ làm khi nghĩ rằng mình đang hành động theo ý nguyện của Đức Thánh Allah.

Chúng tôi có được một số thành công, tăng số lượng của thứ chúng tôi gọi là hành động tác chiến những điều ta cần phải làm để thực hiện hoạt động gián điệp - bên trong Iran, nhưng hiệu quả thực tế thì chưa có gì đáng kể.

George Bush hiếm khi thể hiện sự giận dữ với tôi, nhưng có một lần trong phòng Bầu dục, sau một cuộc bàn bạc không thỏa mãn về Iran, ông ấy chặn tôi lại lúc tôi đang rời khỏi phòng, với ngón trỏ phải chỉ vào ngực tôi, ông ấy nói: “Mike này, tôi không muốn bị hạn chế - tôi không muốn bất cứ tổng thống nào bị hạn chế - với chỉ hai sự lựa chọn ở đây”.

Hai sự lựa chọn là đánh bom hoặc chấp nhận đối mặt với quả bom: tấn công “bằng vũ lực” vào chương trình hạt nhân của Iran hoặc chấp nhận một Iran có năng lực hạt nhân.

Tổng thống đang đưa ra một sự cầu viện như nhiều tổng thống vẫn làm với cộng đồng tình báo. Đường như ông ấy muốn nói rằng, nếu kiến thức là sức mạnh, các vị hãy làm trò ảo thuật để mang đến cho tôi kiến thức, để tôi có thêm nhiều lựa chọn khác ngoài việc bị buộc phải chấp nhận điều không thể chấp nhận được.

Một số người Mỹ sắc sảo thực sự đã nói rằng *họ* có thể chấp nhận một trong những lựa chọn nói trên. Brent Scowcroft và Zbigniew Brzezinski, cả hai đều từng là cố vấn an ninh quốc gia, cho rằng có thể kiềm chế một Iran có năng lực hạt nhân hoặc ít ra là lựa chọn ném bom Iran sẽ dễ hơn. Nhưng đó không phải là chính sách của Tổng thống Bush hay cả Tổng thống Obama và, không phải vì Iran có ý nghĩa quan trọng, tôi đồng ý với cả hai tổng thống. Giờ đây phải làm gì với Iran?

Mọi chuyện rất phức tạp.

Bên lề một cuộc họp của Hội đồng An ninh quốc gia vào thời gian cuối của chính quyền Bush, một quan chức cấp cao dồn tôi vào thế bí khi hỏi tôi nghĩ gì về học thuyết hạt nhân Iran.

Tôi đáp, một cách đủ chính xác: “Tôi không biết và tôi đồ rằng họ cũng vậy”.

Vị quan chức này vẫn chưa buông tha: “Họ có thể có bao nhiêu vũ khí?”

“Có lẽ chỉ ít thôi”

“Thế chúng ta có bao nhiêu?”

“Ồ, có mọi thứ, phải đến hàng nghìn”

“Thế tại sao chúng ta không chỉ việc ngăn chặn họ?”

Đến đó thì mọi thứ hỗn độn dường như gắn lại thành một khối và tôi bắt đầu hiểu ẩn ý đằng sau câu chuyện. Tôi phản đối: “Ồ, đây không phải là chuyện ngăn chặn họ. Đây là chuyện ngăn chặn chúng ta. Hãy nhìn vào hành động của họ - với Hamas, với Hezbollah, ở Irắc, ở Ápganixtan. Quý thần ơn, chúng tôi nhận định rằng chính sách của Chính phủ Iran - sau khi đã được thông qua ở cấp cao nhất trong chính phủ ở đó - là làm sao để tiêu diệt được nhiều thanh niên Mỹ và người của các lực lượng đồng minh khác ở Irắc. Và việc này diễn ra trước khi họ có một trong những thứ này trong kho vũ khí của mình. Tưởng tượng xem họ có thể làm gì nếu như có thứ này làm quân bài chủ”.

Iran vốn là một yếu tố gây bất ổn ở mức độ cao trong khu vực, nhất là ở Irắc. Quân đoàn Badr (Badr Corps), một trong những tổ chức dân binh người Shia quan trọng nhất ở Irắc, là lực lượng quân sự trong chính sách của Iran. Tehran cũng giành được sự trợ giúp của người đại diện cho mình tại Libăng là Hezbollah và chỉ huy phụ trách hoạt động sát hại của tổ chức này là Imad Mughniyah để tạo ra một bản sao Hezbollah ở Irắc, một nỗ lực được hỗ trợ thông qua một số trại huấn luyện ở Iran. Lực lượng Quds thuộc IRGC cũng tham gia tích cực vào nỗ lực này. Lực lượng này trợ giúp lên kế hoạch đột kích sát hại - được bổ sung bằng thẻ căn cước giả và quân phục Mỹ - nhằm vào một trạm kiểm soát của Mỹ gần Karbala vào tháng 01 năm 2007, khiến năm lính thiệt mạng (bốn trong số đó bị bắt cóc).

Lực lượng Quds cũng chế tạo và chuyển EFP - đầu đạn xuyên phá - cho lực lượng dân binh người Shia. Đây là những thiết bị đầu nổ được thiết kế tài tình, có thể xuyên phá cả những phương tiện bọc thép dày nhất của Mỹ. EFP là vũ khí giết hại nhiều người Mỹ tại Irắc nhất và, với mức độ tin tưởng cao, chúng tôi biết rằng đây là ý đồ của chính quyền Iran.

Và họ không hề rụt rè trong bất cứ động thái nào trong số này. Soleimani từng gửi một tin nhắn bằng văn bản đến Tổng thống Irắc Talabani để ông ấy chuyển cho Tư lệnh Lực lượng đa quốc gia - Irắc: “Thưa Đại tướng Petraeus, Ngài nên biết rằng tôi, Qasem Soleimani, là người kiểm soát chính sách của Iran liên quan đến Irắc, Libăng, Gaza và Ápganixtan. Đại sứ ở Baghdad là một thành viên của Lực lượng Quds. Người sắp thay ông ấy cũng là một thành viên của Lực lượng Quds”. Vô cùng tự tin, thậm chí có chút thái độ hả hê chiến thắng, và đây là khi họ *chưa có* thứ vũ khí hạt nhân.

Nhưng phải làm gì đây? Vấn đề đầu tiên là phải xác định xem họ đang làm gì. Việc đạt được một vũ khí hạt nhân có thể sử dụng ba yếu tố: nguyên liệu phân hạch (nghĩa là uranium hay plutonium tạo ra nổ hạt nhân); hệ thống vận chuyển, như tên lửa đạn đạo, có thể đưa một vũ khí chạm đến mục tiêu; và cuối cùng, đầu đạn hạt nhân, được tôi cứng và thu nhỏ đủ mức để lắp vừa vào một tên lửa, tháo ra lắp lại được và có khả năng phát nổ ở cấp độ cao.

Khó khăn nhất trong số ba nhiệm vụ này là chế tạo nguyên liệu phân hạch, và may mắn là việc đó đòi hỏi phải có một quy trình công nghiệp đủ phức tạp và to rộng để khiến việc ẩn giấu hoàn toàn trở nên rất khó khăn. Vậy nên, chúng tôi bám theo hoạt động này ở mức cao nhất có thể. Có bao nhiêu máy ly tâm? Có bao nhiêu uranium được làm giàu? Làm giàu đến cấp độ nào? Theo chế độ thời gian nào? Tại những địa điểm nào?

Chúng tôi làm việc này không hề tệ. Chúng tôi đã theo dõi cơ sở làm giàu uranium không công bố gần thành phố linh thiêng Qom từ rất lâu trước khi cơ sở này đạt được điều kiện vận hành và rất lâu trước khi người Iran phát hiện ra chúng tôi biết về cơ sở này. Khi người Iran cuối cùng cũng nghi ngờ chúng tôi đang theo dõi họ, họ đã gửi một bức thư với lời lẽ không mấy rõ ràng cho các thanh sát viên hạt nhân của Liên hợp quốc tại Vienna thúc giục Tổng thống Obama cùng thủ tướng Anh và tổng thống Pháp nêu ra vấn đề liên quan đến cơ sở hạt nhân trái phép này trong Hội nghị Thượng đỉnh G20 diễn ra vào tháng 9 năm 2009 tại Pittsburgh.

Cơ sở Qom là vấn đề đặc biệt rắc rối. Được xây dựng bí mật bên dưới một núi đá granite, tại một căn cứ của IRGC, cơ sở này có thể chứa khoảng ba nghìn máy ly tâm. Con số đó là quá nhỏ cho việc hỗ trợ hoạt động làm giàu cần có của một chương trình năng lượng hạt nhân nhưng lại quá lớn cho một loại dự án thí điểm nào đó. Nhưng nó lại vừa vặn cho việc sản xuất đủ lượng uranium đã làm giàu để phục vụ nỗ lực phát triển vũ khí ở mức độ vừa phải.

Với việc đẩy mạnh hoạt động dựa vào cơ chế báo cáo của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), chúng tôi đã nỗ lực bám sát việc sản xuất uranium làm giàu tại Natanz, cơ sở chính của Iran. Chúng tôi cần biết bao nhiêu uranium đã được làm giàu đến mức 3-4 phần trăm, cấp độ cần thiết cho một chương trình năng lượng dân dụng, và tốc độ có thể chuyển số đó lên cấp độ nguyên chất 90 phần trăm, cấp độ cần thiết để phát triển một thứ vũ khí.

Vào năm 2010, nhu cầu thông tin còn tăng cao hơn nữa khi Iran bắt đầu làm giàu uranium tới cấp độ 20 phần trăm, bên ngoài là để phục vụ một lò phản ứng nghiên cứu ở Tehran, vẫn thấp hơn nhiều so với cấp độ 90 phần trăm cần thiết để phát triển một vũ khí, nhưng - do những yếu tố vật lý đặc trưng

trong hoạt động làm giàu - khoảng 9/10 chặng đường đạt tới vật liệu ở cấp độ vũ khí hạt nhân. Chúng tôi dựa vào thông tin tình báo kỹ thuật để rà soát và bổ sung cho những điều chúng tôi rút ra được tại hiện trường.

Nếu muốn gây ảnh hưởng đến quyết sách của Iran, chúng tôi sẽ phải hiểu rõ cách họ đưa ra quyết định. Tổng thống Bush luôn kiên định với chủ đề này. Ông ấy muốn biết mình có thể nhấn vào nút nào, nhưng cơ chế ra quyết định của người Iran vẫn là điều chúng tôi chưa thể nắm rõ. Tôi luôn thích những câu hỏi liên quan đến bản thân chương trình hạt nhân hơn.

Việc không có đại sứ tại Tehran cũng ảnh hưởng ít nhiều. Người Iran có thể gọi tòa đại sứ là một ổ gián điệp, nhưng nếu có thì tôi đã bố trí một số nhân viên chính trị khôn khéo có khả năng công khai tiếp nhận thông tin khi đi ngang qua “chợ”. Giờ thì chúng tôi bị đẩy tới chỗ phải hỏi những nước có phái đoàn ngoại giao ở Tehran xem các nhà ngoại giao của họ nghe được gì và thấy được gì.

Quãng thời gian chính quyền Bush gần kết thúc, Ngoại trưởng Mỹ Rice thỉnh thoảng lại ướm đề xuất lập tại Iran một khu vực lợi ích của Mỹ, gần giống như thực thể đã xây dựng tại Havana. Tôi luôn ủng hộ tức thì động thái này ngay cả khi phó tổng thống luôn khuyên không nên vì làm vậy chẳng khác nào công nhận tính hợp thức không mong muốn của chế độ ở đó.

Hai câu hỏi cần làm rõ - họ đang ở đâu trong chương trình hạt nhân của mình và họ đưa ra quyết định về chương trình đó như thế nào? - là những nội dung được xem xét đưa vào bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE) đang được xây dựng vào mùa Hè năm 2007. Bản đánh giá này dự định thay thế bản đánh giá trước, là văn bản đã tự tin đánh giá rằng “Iran hiện đang quyết tâm phát triển vũ khí hạt nhân bất chấp nghĩa vụ quốc tế cũng như sức ép quốc tế”. Một bản dự thảo mới đã được xây dựng theo những mạch đánh giá tương tự, dù cấp độ tin tưởng

đã hạ từ cao xuống trung bình, không phải do có bằng chứng cho thấy điều ngược lại, mà đơn giản bằng chứng chúng tôi đang có đã lỗi thời.

Mục tiêu công bố ban đầu là mùa Xuân, nhưng chúng tôi không thể đáp ứng được mục tiêu này vì phải “nâng lên, đặt xuống” các dữ liệu, nguồn tin, giả thiết và nhận định. Theo sự chỉ đạo của tổng thống, chúng tôi cũng dồn nhiều nỗ lực thu thập thông tin và việc đó bắt đầu mang đến quả ngọt. Dữ liệu mới cho thấy rằng, vào năm 2003 Iran bắt đầu tạm ngừng hoạt động phát triển một loại vũ khí, có thể để đáp lại việc nhiều phần của chương trình hạt nhân của họ bị đưa ra công khai vào năm trước đó, hoặc cũng có thể do có hai lực lượng trên bộ lớn của Mỹ đang hoạt động ở phía đông và phía tây của Iran, ở Ápganixtan và Irắc.

Trong bất kỳ trường hợp nào, vì bất cứ lý do gì, người Iran có vẻ đã ngừng phát triển một loại đầu đạn hạt nhân. Họ vẫn tiếp tục tạo nguyên liệu phân hạch và phát triển các hệ thống phóng tên lửa, nhưng không phải vũ khí hạt nhân. Và nhận định này được dựa vào không chỉ những bằng chứng cho thấy họ đang tiến hành hoạt động như vậy, mà cả những bằng chứng cho thấy không có hoạt động như vậy.

Không ai trong chúng tôi nghĩ rằng nhận định này làm chấm dứt tình trạng tiến thoái lưỡng nan của chúng ta trong vấn đề hạt nhân Iran, nhưng quả là nó đã đảo ngược nhận định then chốt của bản NIE trước đó về ý đồ của Iran.

Trong cấu trúc tình báo mới, việc xây dựng NIE là trách nhiệm của Giám đốc Tình báo quốc gia, chứ không phải của CIA. Nhưng rất nhiều phần nội dung của bản lần này đang do các chuyên gia phân tích của CIA đảm nhận, vậy nên tôi đã cùng cấp phó của mình, Steve Kappes dành hai buổi chiều để quán triệt công việc với đội ngũ chuyên gia phân tích. Đây sẽ là nhiệm vụ hệ trọng. Chúng tôi phải bảo đảm mọi thứ đi đúng hướng.

Chúng tôi quán triệt với họ mọi hướng chúng tôi có thể nghĩ đến. Có bao nhiêu nguồn? Thuộc loại nào? Giả thiết là gì? Các giải thích khác? Họ đã làm chủ được nguồn dữ liệu và công việc tường trình của mình. Giống như bất kỳ chuyên gia phân tích nào, họ có thể mắc sai lầm, nhưng họ biết rất rõ những gì mình có.

Như một động tác kiểm tra lần cuối, chúng tôi chuyển những kết luận của họ vào Trung tâm Phản gián CIA và hỏi liệu đây có phải là trò lừa dối của Iran hay không. Người ở trung tâm này được trả lương để nghi ngờ. Và họ đã nghi ngờ. Nhưng điều tệ nhất họ có thể kết luận, chủ yếu dựa vào nghi ngờ chung chung mà không phải bất kỳ chi tiết cụ thể nào, đó là đề xuất đưa ra đánh giá việc Iran ngừng phát triển vũ khí hạt nhân ở mức tin tưởng trung bình chứ không hơn. Nhưng đó không phải là những gì bằng chứng cho thấy. Chúng tôi vẫn quyết định bám vào mức tin tưởng cao.

Sẽ có rất nhiều khó khăn khi đưa vấn đề này đến phòng Bầu dục. Giám đốc Tình báo quốc gia Mike McConnell đã chuẩn bị không gian chiến đấu bằng việc cung cấp cho tổng thống và phó tổng thống phần tiên duyệt những gì sắp xảy ra. Nhưng đây là một thông điệp không hề dễ chịu, một thông điệp hướng tới cắt giảm những nỗ lực của chính quyền đương nhiệm để xây dựng một liên minh quốc tế nhằm trừng phạt và cô lập người Iran vì những tham vọng hạt nhân của họ.

Dẫu vậy, với danh dự của mình và với sự tổn thất nhất định về chính trị, tổng thống đã chỉ thị chúng tôi tiết lộ và công bố càng nhiều càng tốt những nhận định then chốt từ phía NIE. Chính quyền đương nhiệm đã sử dụng những kết luận then chốt trong bản NIE trước, *Iran hiện đang quyết tâm phát triển...*, như một cái mỏ neo cho chính sách của mình, vậy nên họ cảm thấy buộc lòng phải công khai nói rằng nhận định đó giờ đây không còn chắc chắn. Cũng cần suy xét thực tế việc

này sớm muộn gì cũng rò rỉ ra ngoài. Tốt hơn là công khai trước mọi chuyện.

Sửa lại khoảng 15 phần trăm những nhận định then chốt nói quá nhiều về các nguồn và phương pháp là vấn đề đơn giản. Chúng tôi giữ nguyên 85 phần trăm còn lại. Đó là việc đúng đắn cần làm. Ai có thể chấp nhận được câu chuyện bản đánh giá được biên tập lại vì những lý do khác ngoài vấn đề bảo mật trước khi nó được công khai cơ chứ?

Nhưng chúng tôi công khai chỉ hai trang nhận định then chốt trong bản NIE dày 140 trang. Rất nhiều chi tiết quan trọng sẽ bị bỏ lại. Các vấn đề hạt nhân cũng đặc biệt phức tạp; chúng rất khó tóm lược. Và không bản NIE nào được soạn thảo để phục vụ cho công chúng hay thậm chí là cánh phóng viên chuyên viết về hoạt động tình báo. Chúng được soạn thảo để phục vụ vài trăm quan chức chính phủ tiêu biểu, những người có năng lực nắm bắt và đánh giá văn phong, cách diễn đạt, nhịp độ, bối cảnh và lịch sử đặc biệt khó hiểu của bản Đánh giá Tình báo quốc gia. Giờ đây chúng tôi sắp phải đưa một văn bản đã bị cắt gọt nhiều ra công bố. Hình ảnh tôi có thể nghĩ đến là một nhóm thầy bói mù xem voi, mỗi người mô tả con voi theo cách của mình.

Chính quyền đương nhiệm nhận thức được điều này một cách muộn màng. Mike McConnell đang công du nước ngoài, vậy nên khi tôi đang rời khỏi Nhà hát Shakespeare tại khu trung tâm Washington vào một tối thứ Sáu mưa gió cuối tháng 11 thì đội trưởng đội an ninh riêng ghé tai tôi và nói: “Ngài Hadley muốn nói chuyện với Ngài”.

“Ông ấy dậy sớm lắm. Giờ cũng muộn rồi. Tôi sẽ gọi cho ông ấy vào sáng mai”.

“Không, thưa Ngài. Ngài ấy muốn nói chuyện với ngài ngay bây giờ”.

“Chuyển sang đường dây Nhà Trắng cho tôi”.

Steve muốn tôi xử lý việc công bố bản NIE dự định sẽ diễn ra vào sáng thứ Hai. Tôi được toàn quyền sử dụng mọi nguồn lực của toàn thể cộng đồng tình báo để bảo đảm việc này diễn ra. (Ồ, hay đấy. Mình sẽ đóng vai lão Giám đốc Tình báo quốc gia vào một dịp cuối tuần rất tẻ, tôi nghĩ vậy).

Steve nói thêm rằng tôi cần xây dựng một kế hoạch thông báo cho các đồng minh. Họ vẫn chưa nắm được những gì chúng ta sắp công bố.

Vào thứ Bảy, chúng tôi đã phân cấp những người bạn nước ngoài dựa trên mức độ thân thiết và mức độ quan tâm của họ với vấn đề này. Sau đó, chúng tôi chuẩn bị các phiên bản của một bức điện có sự khác nhau về chi tiết và mức độ nhạy cảm cho mỗi cấp. Các trưởng trạm thường trú CIA được yêu cầu làm sao để các đối tác liên lạc nước ngoài nắm được thông báo về việc này trước cuộc thông cáo báo chí vào thứ Hai. Họ đã thực hiện yêu cầu. Tất cả chuyện này mang quá nhiều yếu tố may rủi, nhưng có một mạng lưới toàn cầu đáp ứng hiệu quả để nhờ cậy cũng là điều hay.

Chúng tôi dành phần còn lại cuối tuần để chuẩn bị cho buổi thông cáo và thuyết minh thông tin báo chí của mình.

Vào thứ Hai, sau cuộc bàn bạc với Steve Hadley, tôi hội ý riêng với người cùng tường trình thông tin với tôi là Don Kerr, nguyên Giám đốc Ban Khoa học và Công nghệ của CIA và Cục Trinh sát quốc gia (NRO), giờ đây là Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia (người kế nhiệm tôi) sành sỏi công nghệ hơn tôi rất nhiều. Chúng tôi thông báo với báo chí và sau đó gửi một số bản “bị cấm vận” với nội dung là những nhận định then chốt đã bị biên tập lại cho một số phóng viên quan trọng.

Sau đó chúng tôi bắt đầu lên đường đến địa điểm họp Phố K (K Street) khi ý thức rõ sức nặng của việc phải xử trí với cái tiêu đề dễ dãi (và hóa ra đó là tất yếu): “Iran ngừng Chương trình hạt nhân”. Xét cho cùng, bản NIE đã bắt đầu bằng câu: “*Chúng tôi*

nhận định với mức độ tin tưởng cao rằng, vào mùa Thu năm 2003, Tehran đã ngừng chương trình vũ khí hạt nhân của họ”.

Chúng tôi đã nói đến chú thích cuối trang (vâng, chú thích cuối trang!) nơi các chuyên gia phân tích trong lĩnh vực nghệ thuật đặc biệt khó hiểu này thực sự xác định được thứ gì đã được ngừng lại, đó là các nỗ lực phát triển một loại bom thực sự và chương trình làm giàu uranium bí mật của Iran. Chúng tôi đã đề cập một cách vô vọng sự tiếp diễn hoạt động làm giàu uranium trên diện rộng, sự gia tăng số máy ly tâm tại Natanz, và việc tiếp tục phát triển những loại tên lửa tầm xa mà hầu như không có tác dụng gì khi chưa được gắn với một đầu đạn hạt nhân. Đề cập một công cụ quản lý dự án kinh điển thường được sử dụng để tổ chức một nhiệm vụ phức tạp, tôi nói: “Nếu chương trình hạt nhân của Iran có một biểu đồ PERT (Kỹ thuật ước lượng và đánh giá chương trình), đây sẽ là những đường lối hành động quan trọng, mà không phải là nỗ lực phát triển vũ khí”.

Điều cũng ít thu hút sự chú ý là nhận định chính thức việc chúng ta vẫn chưa thoát khỏi nguy cơ: “Chúng tôi đánh giá với mức độ tin tưởng từ trung bình đến cao rằng Tehran tối thiểu cũng đang để ngỏ lựa chọn phát triển vũ khí hạt nhân”.

Hoặc rằng họ đã có một chương trình hạt nhân và tiếp tục nói dối về chương trình này: “Chúng tôi đánh giá với mức độ tin tưởng cao rằng, cho đến mùa Thu năm 2003, các thực thể quân sự Iran theo sự chỉ đạo của chính phủ đang phát triển vũ khí hạt nhân”.

Hoặc rằng bản NIE này, với tất cả những khía cạnh gây tranh cãi của nó, là sự hợp thức hóa chính sách của Mỹ đối với Iran: “Với mức độ tin tưởng cao chúng tôi đánh giá rằng việc ngừng... chủ yếu là để ứng phó với hành động kiểm soát và sức ép quốc tế ngày một tăng do hoạt động hạt nhân không công khai trước đây của Iran bị bại lộ”.

Nói cách khác, chúng tôi đã đúng khi lo ngại về việc Iran đang cố gắng phát triển vũ khí hạt nhân và mặc dù nguy cơ vẫn còn đó, song chúng tôi đã đạt được những tiến triển nhất định trong việc bảo đảm việc đó không xảy ra.

Không vấn đề gì. Sau khi bản NIE này được công bố, nhiều đồng minh của chúng tôi nghĩ rằng áp lực đã được dỡ bỏ và, trong nước, phe cánh hữu chính trị tấn công dồn dập chúng tôi. Nhiều người kết luận rằng bản đánh giá này là động thái trả thù của cộng đồng tình báo nhằm vào chính quyền Bush về việc bị buộc phải giờ đầu chịu báng trong vụ việc liên quan đến bản NIE Irắc lỗi. Trong vòng vài tuần, Quỹ Di sản (Heritage Foundation) đã xuất bản một cuốn “sách vỡ lòng” có tiêu đề *A Complete Guide to What is Wrong with the NIE* (Hướng dẫn đầy đủ nhận biết các vấn đề sai của bản Đánh giá Tình báo quốc gia). Ông John Bolton mang quan điểm điều hâu của Viện Nghiên cứu Kế hoạch Mỹ (AEI) lên tiếng trên tờ *Washington Post* rằng: “Mọi chuyện như thế này cho thấy rằng chúng ta không chỉ gặp vấn đề trong việc nhận định ý đồ của các giáo sĩ Hồi giáo ở Tehran, mà còn gặp phải vấn đề căn bản hơn: Có quá nhiều nguồn lực trong cộng đồng tình báo được dành cho việc định đoạt chính sách hơn là phân tích “thông tin tình báo” và có quá nhiều người trong Quốc hội và truyền thông hài lòng về việc này”. Tôi tiếp nhận được tình tiết đến sau của cùng một chủ đề trong một cuộc nói chuyện với Viện Hudson (Hudson Institute) có quan điểm bảo thủ. Nó tạo nên một câu chuyện hay và có bố cục chặt chẽ, nhưng không đúng sự thật. Cơ sở hợp lý đưa chúng tôi đến những kết luận của mình, chứ không phải ý muốn trả thù hay sự thiên kiến.

Tiện thể nói thêm, bất chấp việc Iran có một số động thái đáng ngờ và phức tạp trong những năm ngay sau đó, bản đánh giá này vẫn được giữ gần như nguyên trạng. Thực tế đó được phản ánh trong nhiều tuyên bố chính sách khác nhau, như tuyên bố

của Bộ trưởng Quốc phòng Panetta đưa ra năm 2012 rằng “nếu chúng tôi có thông tin tình báo về việc họ đang tiếp tục phát triển một loại vũ khí hạt nhân, chúng tôi sẽ tiến hành mọi bước cần thiết để ngăn chặn họ”. Nói cách khác, họ vẫn chưa dồn sức cho việc phát triển một loại vũ khí hạt nhân.

Sự kiên trì lập trường đó của Mỹ về sau đã làm phức tạp hóa mối quan hệ giữa Tổng thống Obama và Thủ tướng Ixraen Netanyahu. Ngẫm lại cuộc gặp mặt giữa hai người này trong phòng Bầu dục hồi tháng 3 năm 2012, tôi nảy ra ý nghĩ rằng mặc dù cả hai đều đã tuyên bố bằng việc Iran có một loại vũ khí hạt nhân là điều không thể chấp nhận được, song tôi ngờ rằng họ đã không thật lòng với nhau.

Tôi đã so sánh cuộc gặp mặt này với môn toán của trường trung học và khi bị buộc phải giải các phương trình đại số, Tổng thống Obama chỉ ra chúng ta đang nỗ lực ra sao trong việc tìm y , với y đại diện cho ý đồ của Iran. Thật không may, trong phương trình của thủ tướng Ixraen, y là một hằng số đã được xác định. Ixraen tin rằng họ biết người Iran đang hướng tới đâu. Trong phương trình của họ, đại lượng họ chưa biết là x , và x là điều mà Mỹ dự định làm với Iran trong việc này.

Bản NIE này thực sự ảnh hưởng đến các nỗ lực của chính quyền Bush trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn có thể nó không phải là thứ gì đó tệ hại khi mà giới tình báo Mỹ đã trở nên bảo thủ hơn so với nhiều người trong vấn đề này. Không ai có thể tuyên bố rằng chúng tôi đang dắt mũi họ.

*

* *

Bất chấp bản NIE này cùng những cái tit báo và phản ứng của phe cánh hữu, chúng tôi vẫn ý thức được rằng chương trình hạt nhân Iran là thứ nguy hiểm. Nhưng phải làm gì để ngăn chặn đây?

Thứ nhất, chúng tôi phải dựa vào cuộc chơi tình báo của mình. Đề cập ví dụ thành công của Trung tâm Chống khủng bố trong việc bám sát al-Qaeda, Phó Giám đốc CIA Steve Kappes kiến nghị rằng chúng tôi cần xây dựng một Ban Chiến dịch Iran (IOD) để quy về một mối dưới sự chỉ đạo thống nhất tất cả những tài năng trong lĩnh vực điều hành, phân tích và kỹ thuật đang làm nhiệm vụ liên quan đến vấn đề hạt nhân Iran. Chúng tôi triển khai kế hoạch này vào giữa mùa Hè năm 2007 trong quá trình xây dựng bản NIE Iran mới, và giao cho một nhân viên mật vụ kỳ cựu am hiểu về Iran nhiệm vụ lãnh đạo Ban này.

Ông ấy là sự lựa chọn tuyệt vời. Ông ấy bắt đầu bản tường trình nhậm chức với tôi bằng việc nói rằng: “Mối đe dọa đến từ Iran là mang tính chết người, chiến lược và cấp bách”. Ông ấy đã ở lại với công việc này, về sau là người chỉ đạo các nỗ lực của Giám đốc Tình báo quốc gia, sau đó trở thành người hỗ trợ cho những cuộc thương lượng hạt nhân của chính quyền Obama với Cộng hòa Hồi giáo Iran.

Năm 2007, tôi trao cho ông ấy quyền được trưng dụng những tài năng từ các bộ phận khác của CIA, sau đó đứng sau ủng hộ ông ấy khi có những ý kiến phản nản về việc này. Ông ấy cũng tạo không gian trong IOD cho các đối tác trong cộng đồng tình báo, hoan nghênh các nhân viên đến từ DIA, NSA và FBI, và sau đó ông ấy đồng bộ hóa những kế hoạch tập hợp thông tin tình báo con người (HUMINT) của họ.

Như chúng tôi nhận thấy với Trung tâm Chống khủng bố (CTC), việc hòa trộn các chức năng điều hành - kế hoạch, phân tích, và khoa học và công nghệ giúp bảo đảm thu thập thông tin có trọng điểm hơn, công nghệ phù hợp hơn và phân tích tốt hơn. Với định hướng tập trung hóa hơn, chúng tôi có thể làm tốt hơn việc xác lập ưu tiên đối với các yêu cầu, thiết kế các kế hoạch thu thập thông tin và bảo đảm năng lực phản gián mạnh hơn

chống lại các cơ quan tình báo rất khó chịu của Iran. Chúng tôi cũng có thể đánh giá toàn diện hơn và đồng bộ hóa những thứ do các đối tác tiềm tàng cung cấp, và tôi thường xuyên đích thân tới khu vực này để mở rộng quan hệ hợp tác. Vấn đề này quan trọng đến mức việc chia sẻ những thông tin rất nhạy cảm với những đối tác này là chưa từng có tiền lệ.

Đương nhiên, Ixraen cũng bám sát vấn đề này không kém gì chúng tôi, vậy nên chúng tôi thường xuyên đối chiếu các bản nhận xét với họ. Hoạt động đối thoại này là vô cùng hữu ích và chúng tôi hiếm khi bất đồng với nhau về những dữ kiện cơ sở tại hiện trường, nhưng khi đưa ra đánh giá về những dấu mốc quan trọng trong tương lai của Iran, Mossad và Cơ quan Tình báo Quốc phòng Ixraen có xu hướng bi quan hơn chúng tôi: Iran có năng lực hơn, sớm hơn và khối lượng lớn hơn. Những đánh giá của họ luôn hợp lý, và việc Tel Aviv chỉ cách Tehran chưa đầy 1.500 kilômét, tôi hiểu cơ sở hợp lý trong cách giải toán của họ.

Steve và tôi đề nghị IOD thường xuyên cập nhật thông tin cho chúng tôi tại tầng bảy. Sau đó họ nói với tôi rằng họ có cảm giác bị áp trách nhiệm giải trình. Họ cũng nhớ lời nhắc nhở của tôi (sau một buổi tường trình nói về nỗ lực tăng rõ rệt) rằng “tích cực và tiến bộ là hai điều khác nhau”.

Chúng tôi tăng cường nỗ lực cho cuộc chơi chính sách của mình. Steve Hadley đã bắt đầu có những phiên làm việc không chính thức hai lần mỗi tuần tại văn phòng Cảnh Tây Nhà Trắng của mình, và cách tiếp cận này thực sự được đẩy mạnh vào cuối năm 2007 và 2008. Các phiên làm việc có sự tham gia của Steve và cấp phó của ông ấy - cũng là người ghi biên bản - cùng Phó Tổng thống, Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Quốc phòng, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân (JCS), Giám đốc Tình báo quốc gia và tôi. Lấy lý do những cán bộ trung tuổi thường hay cầu bản vào buổi chiều, Steve đã bố trí

nhân viên Nhà Trắng chuẩn bị bánh *nachos* chấm kem phô mai và xốt *taco* cho các buổi làm việc.

Không có nhân vật ủy nhiệm nào tại các buổi làm việc này, chỉ có những người chịu trách nhiệm chính. Chương trình làm việc không được thông báo trước, vậy nên Steve dựa vào quan điểm của chúng tôi hơn là của đội ngũ nhân viên. Phó tổng thống là một người tham gia đích thực, không hề dùng quyền hành để chi phối cuộc bàn luận. Có rất nhiều hoạt động chia sẻ và tiếp nhận, vì chúng tôi có thể thoải mái tranh luận trái chiều với nhau mà không có ai làm chúng và cũng không gây ảnh hưởng gì đến mối quan hệ giữa các cơ quan. Bất kỳ quyết định nào được đưa ra hay chủ trương nào được thiết lập đều dẫn tới một cuộc họp của ủy ban ủy nhiệm (cấp phó các ban bộ nội các và đơn vị khác) để đưa vào hành động thông qua quy trình chính thức của Hội đồng An ninh quốc gia.

Chúng tôi bàn rất nhiều về Iran trong những buổi làm việc này.

Lúc nào cũng vậy, chính sách tốt liên quan đến vấn đề cân bằng. Với một vấn đề phức tạp, nếu ta đẩy quá mạnh một hợp phần, những hợp phần khác sẽ trật khỏi đường ray. Trong trường hợp này, chúng tôi muốn gây sức ép với người Iran, nhưng không muốn khiêu khích để gây chiến với họ. Mặt khác, xử trí quá nhẹ tay cũng có thể khơi mào cho một cuộc chiến nếu những quốc gia như Ixraen cảm thấy mối quan ngại của họ không được xem xét thỏa đáng và kết luận rằng họ phải hành động đơn phương. Chúng tôi đang cố tìm một “điểm ngọt ngào” nằm giữa hai thái cực này.

Một số người trong chúng tôi bày tỏ quan ngại đặc biệt về khả năng Ixraen ra tay hành động vào thời gian giữa cuộc bầu cử tháng 11 năm 2008 và Ngày Lễ nhậm chức tổng thống, với lập luận rằng xa lánh tổng thống sắp mãn nhiệm nhưng tiếp cận tổng thống sắp kế nhiệm bằng một thực tiễn chiến lược đã

thay đổi có thể là kế hoạch hấp dẫn với họ. Hóa ra những mối quan ngại này là không có cơ sở.

Ta có thể hình dung được ba cách tiếp cận diện rộng với vấn đề này. Thứ nhất là cách tiếp cận mặc định trước: hành động quyết liệt hết mức có thể để gây khó khăn cho người Iran trong việc phát triển nguyên liệu phân hạch, một loại đầu đạn hạt nhân và các hệ thống bộ phóng. Giữa bữa ăn với những miếng bánh *nachos* chấm kem phô mai và xốt *taco*, chúng tôi bàn bạc chi tiết mọi đường lối hành động khả dĩ có thể nghĩ ra để thực hiện mục tiêu đó: công khai và bí mật; đơn phương và hợp tác; trực tiếp và gián tiếp; ảo và thực tế; tiếp xúc thực địa và tiếp xúc phi thực địa.

Đương nhiên chúng tôi có đủ loại chế tài để trừng phạt các hành động của Iran hay hành vi của nhà cung ứng nếu chúng tôi có thể vận động được sự ủng hộ quốc tế (khả năng phải thừa nhận đã trở nên khó khăn hơn sau khi bản NIE được công bố). Cũng có phương án lựa chọn bóp nghẹt chuỗi cung ứng những vật liệu có tầm quan trọng đặc biệt với người Iran. Chúng tôi có thể “điểm mặt, chỉ tên” những nhà khoa học tham gia vào hoạt động bất hợp pháp.

Một người khác còn đưa cách tiếp cận rút chất xám lên một tầm cao hơn. Chúng tôi không phải là thế lực duy nhất cố gắng làm chậm bước người Iran. Một thế lực khác cũng đang thổi tung mọi thứ và sát hại các nhà khoa học của Iran. Chúng tôi có những ngờ vực của mình, song tôi không bao giờ nêu ra với bất kỳ ai trong số những đối tác của mình, ngay cả vào những buổi tối có mặt tại ngôi nhà an toàn của một đối tác trong khu vực, bị đắm chìm gần như hoàn toàn vào việc xem xét những điều người Iran đang làm và những việc có thể làm để ngăn chặn họ. Không phải là chúng tôi có thể giúp đỡ bất kỳ ai nếu quả đúng người Iran đang làm việc này. Chúng tôi thậm chí không thể bình luận việc sát hại các nhà khoa học là ý hay hay không

(Xét về khía cạnh hoạt động thì việc đó đúng là ý hay nhưng xét về góc độ thiết lập một tiền lệ quốc tế thì chưa hẳn).

Chúng tôi cũng cân nhắc khả năng thực hiện chiến dịch ném bom. Lầu Năm Góc thường lên kế hoạch cho rất nhiều phương án dự phòng, và kế hoạch cho phương án này có vẻ rất quan trọng. Cần chuẩn bị kỹ nhiều phương án phòng thủ trước khi lực lượng tấn công bắt đầu hành động nhằm vào nơi được coi là mục tiêu lớn, phân tán và dày dạn. Tất cả chúng tôi - Gates, Rice, Hadley, Mullen, McConnell và tôi - đều ý thức rõ những rủi ro của phương án hành động đó, nhưng Bộ trưởng Quốc phòng có thể đã đưa ra lời bảo đảm có thể coi là liều lĩnh nhất, như ông ấy vẫn thường xuyên nhắc với chúng tôi: “Nếu chúng ta quyết định thực hiện việc này, chúng tôi sẽ bảo đảm điều chúng ta đang cố gắng ngăn chặn: một Iran sẽ dừng bước ở tình trạng không còn gì bí mật để phát triển một loại vũ khí hạt nhân”.

Và kết quả chỉ có tính tạm thời, làm chậm chân người Iran khoảng một, hai năm. Trên thực tế, chúng tôi biết rằng dù có nỗ lực thế nào thì cũng chỉ làm chậm chứ không thể ngăn chặn chương trình của Iran. Nếu họ đủ khát khao có một loại vũ khí, họ sẽ quyết tâm để có, kể cả sau một cuộc không kích, kể cả sau khi chúng tôi có những hành động ngầm thành công, kể cả sau khi phải chịu một cơ chế trừng phạt cứng rắn. Chúng ta có thể cản trở và trừng phạt, chứ không thể ngăn chặn, nếu như họ sẵn sàng trả giá để đạt được mục đích.

Cách tiếp cận phạm vi rộng thứ hai của chúng tôi là giải quyết chính yếu tố đó: ý chí của họ. Liệu chúng tôi có thể thay đổi ý định của họ? Chúng tôi nghi ngờ về điều đó, nhưng đây là vấn đề quan trọng nên không thể chỉ dựa vào bản năng để nhận định. Chúng tôi được giao nhiệm vụ lập ra một vật bù nhìn. Kế hoạch làm việc đó sẽ như thế nào?

Nó giống với một dạng bài tập về nhà. Về cơ bản, dạng căng thẳng quốc tế nào sẽ khiến người Iran sao lãng khỏi chương trình hạt nhân, khiến họ chuyển hướng nguồn lực ra khỏi chương trình đó, hay khiến họ tin rằng việc đó không đáng làm hay ít nhất khiến việc làm của họ phải trả giá nhiều hơn?

Iran có những đường đứt gãy và xã hội không thuần nhất. Người Ba Tư chỉ chiếm khoảng 60 phần trăm dân số. Có những bộ phận thiểu số người Kurd và Azer khá đông đảo, cùng những bộ phận người Arập, Baluchi và Turk có số lượng ít hơn. Liệu có thể khai thác hoặc đào sâu mối bất bình mà những nhóm người này đã từng có với Chính phủ Iran? Bộ phận nhỏ dân Arập luôn có tư tưởng bất mãn với sự thâm tóm quyền hành của người Ba Tư ở đây. Bộ phận người Azer có thực lực gồm rất nhiều người thuộc tầng lớp thương nhân *bazaar*, những người gặp vấn đề với chế độ thần quyền nhiều nhượng và luôn hướng tới một quê hương dân tộc tự quản ở ngay phía bắc Iran. Cứ mười người Iran là có một người Kurk, những người cũng muốn lập ra một quê hương như vậy cho riêng mình. Kiểu truyền loại thông điệp nào có thể vận động được những nhóm người này và truyền được năng lượng cho những cuộc tranh cãi này? Loại hành động nào có thể truyền cảm hứng hoặc làm bộc lộ tư tưởng bất mãn cao độ này?

Dẫu vậy, có những nhóm người gặp vấn đề thực sự và chúng tôi sẽ không bao giờ đụng chạm đến họ. Có một phong trào nổi dậy mạnh mẽ đang diễn ra ở Baluchistan ở miền Đông Nam Iran dưới sự lãnh đạo của một nhóm khủng bố có tên gọi Jundallah. Họ hoạt động hiệu quả nhưng vô cùng tàn bạo. Chúng tôi chưa bao giờ, thậm chí là cân nhắc đến họ, trái với những gì báo chí vẫn đưa tin về mối quan hệ giữa CIA - Jundallah đang diễn ra.

Một nhóm nữa có tên gọi Mujahedin-e Khalq. Họ là những người Ba Tư chống đối chế độ thần quyền từ thập niên 1970.

Họ đã chiến đấu chống lại Iran trong cuộc Chiến tranh Iran - Iraq và đang hoạt động ở Iraq dưới sự bảo vệ của Saddam Hussein khi bị quân đội Mỹ trấn áp và tước vũ khí vào năm 2003. Dầu vậy, họ vẫn bị Bộ Ngoại giao Mỹ coi là một tổ chức khủng bố, vậy nên chúng tôi không bao giờ đưa họ vào danh sách.

Họ đã công khai tiết lộ việc cơ sở Natanz liên quan đến yếu tố hạt nhân vào năm 2002, nhưng đội ngũ chuyên gia phân tích của tôi không bao giờ biết chắc họ có bao nhiêu nguồn tin độc lập và có thể đang chuyển bao nhiêu thông tin trên danh nghĩa những nhân vật khác trong cuộc chơi này.

Cũng có những rạn nứt về văn hóa, giai cấp và tuổi tác ở Iran. Liệu có thể làm mất uy tín đội ngũ cán sự của chính quyền? Việc truyền thông điệp về sự nhiều nhượng của chế độ tăng lũ hay sự yếu kém của chính quyền (có rất nhiều bằng chứng) ảnh hưởng đến công luận như thế nào? Công luận sẽ phản ứng ra sao với việc vạch trần tình trạng tham nhũng hoành hành và việc kiểm soát các yếu tố trọng yếu trong nền kinh tế Iran của IRGC? Tình trạng thiếu thốn hàng hóa và dịch vụ - như thế nào là thực tế, hay do tưởng tượng hoặc dàn dựng - sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thái độ của người dân? Liệu việc người dân ít phục tùng hơn có dẫn đến đấu tranh phe phái trong đội ngũ cán sự chính quyền?

Thanh niên thành thị Iran là tầng lớp được tiếp cận công nghệ cao và hiểu biết. Họ liên tục xung đột với giới chức chính quyền đang cố gắng hạn chế mức độ truy cập internet của họ. Liệu các chính sách thương mại có khiến chính quyền gặp khó khăn hơn trong nỗ lực đó không? Liệu có cách nào chia sẻ công nghệ và phần mềm để bảo vệ quyền riêng tư trên mạng? Thế còn hoạt động công nghệ thông tin của Mỹ bị ngăn trở thì sao? Liệu một dòng thác hàng hóa công nghệ cao có mang tới mối đe dọa với chế độ lớn hơn so với việc không cho chúng tràn vào không? Ngược lại, sự tham gia chính đáng của chính phủ hoặc

thậm chí được cho là mạnh tay hơn của chính phủ có làm gia tăng tư tưởng bất mãn không?

Việc chúng ta sẽ phải đối mặt với người Iran ở Irắc và Ápganixtan, nơi họ đang tiếp tay cho việc sát hại binh lính của chúng ta, là một khả năng mặc định. Cũng tương tự trên phạm vi toàn cầu, nhất là khi liên quan đến chủ nghĩa khủng bố, nhưng vượt ra ngoài những biện pháp phòng thủ như vậy, liệu có còn phương án hành động nào đối với những vấn đề này thực sự gây khó khăn cho chế độ ở Iran hay không?

Vậy nên chúng tôi đã làm bài tập về nhà và báo cáo những đường lối hành động tiềm năng của chúng tôi cho Ủy ban các Trưởng ban Nội các (Principals Committee) (gồm toàn bộ thành viên Hội đồng An ninh quốc gia trừ Tổng thống) vào mùa Hè năm 2008. Họ (và nói thẳng ra là chúng tôi) bị “lụt” trong cả đồng phương án. Chúng tôi nhận định rằng tác động của hầu hết các biện pháp sẽ rất khó đoán định và rất có vấn đề. Tác động, nếu có, sẽ phải lâu mới nhận thấy. Nguy cơ tính toán sai lầm hoặc khả năng Iran thắng tay đàn áp sẽ luôn hiện hữu. Và không có cách nào để biết được ở cấp độ bất đồng nào có thể khuyến can người Iran từ bỏ các nỗ lực hạt nhân của họ. Mọi cảm giác hăng hái mơ hồ ban đầu đã tan chảy khi phải đối mặt với thực trạng khó khăn.

Chúng tôi giờ đây cũng đang ở vào những tháng cuối cùng của chính quyền Bush. Sẽ không thỏa đáng khi triển khai một sáng kiến lớn mà những tác động của nó chỉ có người kế nhiệm mới phải sống chung. Ủy ban các Trưởng ban Nội các cảm ơn chúng tôi và chuyển sang bàn thảo vấn đề khác.

Đương nhiên luôn có một phương án lựa chọn thứ ba. Nếu ta không thể thay đổi ý định của chế độ đó, tại sao lại không thay chế độ đó? Đánh giá khả dĩ nhất của chúng tôi là Lãnh tụ tối cao, Ayatollah Khamenei, đây thực sự là mục đích từ đầu tới cuối của chúng ta. Ông ấy cho rằng việc chúng ta gây ồn ào

về chương trình hạt nhân chẳng qua là động thái tạo bình phong để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho những giai đoạn đầu tiên trong công cuộc thực hiện ý đồ thực sự của chúng ta: lật đổ ông ấy.

Chúng ta đã rất muốn Iran có một chế độ khác. Suy cho cùng, chúng ta không phản đối quá mức việc Iran có một chương trình hạt nhân nếu Iran có một chế độ khác. Chúng tôi hình dung hai chiếc đồng hồ, một chiếc đo tiến triển của chương trình hạt nhân, chiếc kia đo tuổi đời của cuộc cách mạng năm 1979 của Ayatollah Khomeini. Rõ ràng chúng ta đang cố làm chậm chiếc đồng hồ hạt nhân. Về lý thuyết, sẽ có lý khi tăng tốc chiếc đồng hồ đo sự tồn tại của chế độ.

Nhưng chúng ta đã không làm gì, ít nhất là không làm gì nhiều khác ngoài việc công khai kêu gọi chế độ này chịu trách nhiệm trước nhiều hành động sai trái của họ. Thay đổi chế độ là vấn đề khó khăn và sự hiện diện của bất kỳ động thái nào của Mỹ có thể càng khiến giới lãnh đạo thần quyền thêm đoàn kết thay vì làm họ suy yếu.

Và luôn có khả năng về sự thay đổi chế độ thực sự, nhưng theo hướng không mong muốn. Iran hiện đã tệ rồi, nhưng vẫn có thể tệ hơn nữa. Suy cho cùng, những cuộc bầu cử được kiểm soát chặt chẽ của họ còn cởi mở hơn hầu hết các nước trong khu vực.

Chính quyền Obama đã phải đối mặt với vấn đề này một cách rõ ràng vào mùa Hè năm 2009 khi Phong trào Xanh huy động ba triệu người biểu tình lấp đầy các đường phố Tehran sau khi có thông tin công bố Mahmoud Ahmadinejad đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tổng thống. Các biểu ngữ, được viết bằng tiếng Anh để ống kính máy quay truyền hình quốc tế hướng tới, kêu gọi sự hỗ trợ từ bên ngoài khi các thủ lĩnh Lực lượng Basiji và người biểu tình bị đàn áp mạnh tay. Chính quyền Iran đã tin rằng chúng ta đứng đằng sau vụ bạo động này,

nhưng các lực lượng đối lập còn biết rõ hơn. Họ cầu xin sự giúp đỡ. Trong vô vọng. Không có hành động nào hứa hẹn sẽ được thực hiện cả, và thậm chí là việc lên án miệng của Mỹ cũng chỉ được thực hiện một cách hời hợt và muộn màng. Nếu có thời khắc nào đó thuận lợi cho việc thay đổi chế độ, thì đó chính là đây. Nhưng thời khắc đó, với tất cả yếu tố thời cơ của nó, cứ thế mà trôi đi.

Tiện thể nói thêm, trong bài diễn văn nhậm chức của mình, Tổng thống Obama đã nói đến việc sẽ không chủ trương hành động theo Chương trình quyền tự do (Freedom Agenda) mà Tổng thống Bush đã xây dựng - dựa trên niềm tin rằng chỉ có chế độ dân chủ mới mang tới hy vọng về một sự ổn định lâu dài: “Với những ai bám lấy quyền lực thông qua tham nhũng và lừa dối cũng như đàn áp ý kiến bất đồng, biết rằng các vị đang ở phía mặt trái của lịch sử, nhưng chúng tôi sẽ dang tay chào đón nếu các vị sẵn sàng thả lỏng nắm đấm của mình”. Diễn dịch ý là: “Chúng tôi sẽ không đe dọa hệ thống *nội bộ* của các vị nếu chúng tôi có thể khiến quan hệ *đối ngoại* của mình trở nên ổn thỏa”.

Giờ đây, mùa Hè năm 2009, chính quyền đương nhiệm không cho phép cuộc đánh cược may rủi trên đường phố của Iran đe dọa đến cách tiếp cận của họ với Tehran trong vấn đề hạt nhân.

Trong thời gian ba tuần tôi làm Giám đốc CIA dưới chính quyền Obama đợi Thượng viện phê chuẩn việc bổ nhiệm Leon Panetta, chúng tôi có hai cuộc bàn thảo về vấn đề Iran tại phòng Tình huống. Tại cuộc bàn thảo đầu tiên, đội ngũ của chính quyền mới trình bày đề xuất mở lối với Tehran. Tôi không có quan điểm nào về hướng tiếp cận này (không có trong bản liệt kê công việc của tôi), nhưng cũng nêu ý kiến rằng một đề nghị như vậy có thể gây ra những căng thẳng cho chế độ cầm quyền của họ. Tôi nói: “Việc đó có thể khiến đầu họ nổ tung”,

vì phần lớn những gì còn lại trong tính chính nghĩa ngày một sụt giảm của chế độ đó nằm ở tinh thần anh dũng chống lại thế lực Đại Satan [nước Mỹ]. “Có thể là bài học để cân nhắc”, tôi nói thêm.

Tại cuộc bàn thảo thứ hai, có sự tham gia của tổng thống, ông ấy bắt đầu bằng việc quay sang tôi và hỏi hiện người Iran có bao nhiêu uranium đã làm giàu.

“Thưa Ngài Tổng thống, tôi thực sự biết số lượng đó nhưng xin phép được trình bày với Ngài một khung tham chiếu khác. Theo một nghĩa nào đó, việc đó hầu như không phải là vấn đề. Không một electron hay neutron nào tại Natanz từng được dùng để tạo thành một loại vũ khí hạt nhân. Họ sẽ xử lý số uranium đó tại một cơ sở quân sự bí mật nào đó nằm ngoài tầm mắt của IAEA”.

Chúng tôi đã biết về cơ sở bí mật nằm dưới chân núi đá granit tại Fordow gần thành phố Qom, nhưng vẫn chưa công khai chuyện này. Việc đó chỉ xảy ra khi người của Văn phòng Nhà Trắng tiết lộ cho David Sanger của tờ *New York Times* tại một phòng khách sạn ở Pittsburgh vào tháng 9.

“Thưa Ngài Tổng thống, điều họ đang xây dựng ở Natanz là kiến thức. Họ đang xây dựng công nghệ. Họ đang xây dựng niềm tin. Họ đang làm chủ quy trình này và một khi đã hoàn thiện kiến thức, họ có thể vận dụng kiến thức đó bất cứ khi nào hoặc bất cứ nơi đâu họ muốn”.

Đó là lý do mà có người ra tay sát hại đội ngũ nhà khoa học của họ. Và về sau đó là lý do mà có người ra tay phá hủy các máy ly tâm của họ bằng một loại vũ khí mạng. Và đó là lý do tại sao bất kỳ chương trình hạt nhân nào nằm trong tay chế độ này hướng tới mục tiêu duy trì hoạt động của các máy ly tâm là một mối nguy hiểm thường trực.

Thỏa thuận hiện thời đạt được giữa Ngoại trưởng Mỹ Kerry và Ngoại trưởng Iran Zarif cho phép họ hướng tới một chương trình

như vậy. Thỏa thuận này giúp bảo vệ các cơ sở, máy ly tâm và hoạt động nghiên cứu hạt nhân của người Iran.

Ngay cả khi thỏa thuận này được tôn trọng, nó hợp thức hóa địa vị của Iran là một cường quốc hạt nhân có sức mạnh công nghiệp và một nhà nước đứng bên ngưỡng sở hữu vũ khí hạt nhân vĩnh viễn. Cơ sở gần như không thể thâm nhập tại Fordow, đủ lớn cho một chương trình phát triển vũ khí nhưng quá nhỏ cho hoạt động tạo nguyên liệu phân hạch phục vụ mục tiêu năng lượng dân dụng, vẫn duy trì hoạt động dù cho uranium không còn được làm giàu ở đó. Thỏa thuận đạt được sau tám năm loại bỏ được những hạn chế nhằm vào chương trình tên lửa đạn đạo của Iran, chương trình mà nếu không gắn với các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt thì không có mấy tính hữu dụng.

Sẽ không có chuyện Tehran trình bày rõ những hoạt động hạt nhân trước đây của họ, gồm cả chương trình phát triển vũ khí mang đầu đạn hạt nhân. Hóa ra “quyền tiếp cận” đối với những cơ sở khả nghi ở đây không có nghĩa là các thanh sát viên quốc tế có thể thoải mái tràn vào các cơ sở này và không bao giờ có chuyện họ nhận được sự giải thích thấu đáo từ Mohsen Fakhrizadeh, người được ví như Robert Oppenheimer của chương trình phát triển vũ khí của Iran.

Nhà Trắng đã nói về chế độ thanh sát thâm nhập sâu nhất trong lịch sử. Phát biểu đó có thể có chút cường điệu, nhưng quả thực là có thể có một cơ chế cứng rắn để thanh sát các cơ sở đã phát hiện của Iran. Dẫu vậy, thẳng thắn mà nói, những địa điểm đang che giấu IAEA mà chúng tôi biết không dễ giải quyết đến như vậy. Các thanh sát viên cần phải có khả năng đến mọi nơi vào mọi lúc, vì tình báo Mỹ đã luôn đánh giá rằng hoạt động làm giàu ở cấp độ phát triển vũ khí sẽ diễn ra tại một cơ sở bí mật nào đó. Nếu các thanh sát viên không thể nhanh chóng tiếp cận các cơ sở của quân đội hay của Lực lượng Vệ binh cách mạng Iran, chế độ thanh sát sẽ xuất hiện một lỗ hổng.

Thỏa thuận đạt được cho phép người Iran có ít nhất hai mươi tư ngày để “tiếp đáp” bất cứ yêu cầu nào.

Tác động của thỏa thuận này đối với các nỗ lực chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong tương lai cũng rất sâu sắc, khi mà một thế lực khu vực đang tranh đấu và bị cô lập thách thức thế giới và đã đạt được mục đích. Rốt cuộc, khởi điểm cho toàn bộ chuyện này là một loạt nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc yêu cầu Iran ngừng toàn bộ các hoạt động làm giàu và đích thân Tổng thống Obama trước đó cũng tuyên bố rằng không có lý do chính đáng để coi các cơ sở tại Fordow và Arak là một phần của chương trình hạt nhân phục vụ mục đích hòa bình.

Thỏa thuận cuối cùng này chỉ ra rằng không nội dung nào trong số những nội dung nhượng bộ đối với người Iran được coi là đặt tiền lệ cho những nước đã tham gia Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT). Việc đó có thể gọi cho ta về một điều gì đó.

Và ngay cả khi có một thỏa thuận trong tay và thỏa thuận đó được tôn trọng, Iran vẫn cứ chơi trò hai mặt, chuyên quyền, hậu thuẫn khủng bố, hỗ trợ cho Hezbollah, tài trợ cho Hamas, gây bất ổn định khu vực và mở rộng nền chính trị thần quyền như họ vẫn làm từ trước đến nay. (Chẳng trách Khamenei luôn nghĩ chúng ta lúc nào cũng hướng vào sự thay đổi chế độ). Một thỏa thuận hạt nhân sẽ chấm dứt tình trạng bị cô lập của chế độ này, trong khi sự quay lại của những nguồn quỹ bị đóng băng và khả năng bán dầu sẽ dự báo một loạt những hoạt động đáng lo ngại.

Như vậy, Iran có thể không có động cơ lừa dối bằng một thỏa thuận*. Nhiều người trong cộng đồng tình báo chúng tôi,

* Tất nhiên là họ sẽ lừa dối. Họ vẫn làm vậy. Nhưng ở đây tôi đang nói về việc lừa dối có tầm quan trọng chiến lược.

kể cả tôi, luôn nghi ngờ Tehran sẽ xây dựng hoặc ít nhất là thử nghiệm thực tế một thiết bị hạt nhân. Khác với Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên, những người đã phải có rất nhiều quyết định liều lĩnh để đạt được sức ảnh hưởng chính trị mong muốn, trong khi đó người Iran đạt được phần lớn những điều họ muốn mà chỉ gặp phải rất ít yếu tố bất lợi bằng việc tự đặt mình ở mức năng lực hạt nhân đã được thừa nhận luôn duy trì năng lực phát triển vũ khí trong tầm tay đánh được - trong 10 đến 15 năm nữa bằng cách *bám vào thỏa thuận này*.

Dẫu vậy, hãy tạm coi những điều nói trên là ý kiến nhận xét, chứ không phải sự lên án. Tôi không nghĩ, ở thời của mình, chính quyền Bush sẽ chấp nhận thỏa thuận này, nhưng không giống kiểu chúng ta không thể kiến tạo được nhiều phương án lựa chọn tốt hơn.

Chương XVII

SỨ MỆNH TOÀN CẦU

Langley, Virginia, 2007-2009

Vào đầu tháng 8 năm 2008, giọng nói đầy lo âu của Steve Hadley vang lên rất rõ tại đường dây bảo mật Red Switch từ Nhà Trắng. Mikheil Saakashvili, Tổng thống Grudia, vừa gọi cho ông ấy trong tình trạng bị kích động, thậm chí là tuyệt vọng. Các phương tiện bọc thép của Nga đang tràn qua thị trấn Tskhinvali nằm bên giao lộ ở miền Bắc Grudia và ông ấy có mọi lý do để sợ rằng đội phương tiện này sẽ chỉ dừng lại khi tóm được ông ấy ở Tbilisi, thủ đô Grudia.

Saakashvili có vai trò nhất định trong việc tạo ra cuộc khủng hoảng. Ông ấy đã cho quân lính bắn rocket và di chuyển vào Nam Ôxétia, phần lãnh thổ ly khai khỏi Grudia đang nằm dưới chế độ bảo vệ của “lực lượng gìn giữ hòa bình” Nga. Và ông ấy đã làm việc này khi một sư đoàn lục quân tăng cường của Nga vừa mới hoàn thành cuộc tập trận mùa Hè gần đó. Giờ đây sư đoàn đó và các đơn vị phối hợp khác đang di chuyển hướng về phía ông ấy.

Chúng tôi biết rõ Saakashvili và phải cảm ơn ông ấy nhiều. Khi là sinh viên, ông ấy hoàn thành chương trình sau đại học tại Đại học Columbia và Đại học George Washington theo một chương trình của Bộ Ngoại giao Mỹ và khi là tổng thống thì ông ấy là một người bạn nhiệt thành của NATO và phương Tây.

Ông ấy đã cử một lữ đoàn bộ binh Grudia đến Irắc và đang cố gắng đưa đất nước mình đi theo hướng kinh tế thị trường và chế độ dân chủ. Nhưng giờ đây ông ấy đang gặp nguy hiểm và Hadley muốn biết ông ấy có thể nói gì với Saakashvili về năng lực và ý đồ của người Nga.

Sau khi hứa với Steve là tôi sẽ gọi lại ngay cho ông ấy, tôi bước vào văn phòng phía ngoài và nói như quát vào mặt đội ngũ trợ lý điều hành: “Triệu tập đội chuyên trách Grudia đến đây ngay!”

Lúc họ đang gọi điện, tôi quay sang Larry Pfeiffer, Chánh Văn phòng CIA, và hỏi nửa đùa, nửa thật: “Chúng ta có đội ngũ chuyên trách Grudia, đúng không nào?”

Hóa ra là chúng tôi có và họ còn rất giỏi. Trong vòng một tiếng đồng hồ tôi đã có được bản đánh giá chi tiết và quay trở lại với đường dây nối với Cánh Tây Nhà Trắng. Saakashvili vẫn chưa thoát khỏi nguy cơ, nhưng chúng tôi nghĩ rằng một cuộc hành quân của Nga vào thủ đô Grudia là điều không thể.

Thay thì tiếp tục tiến xuống phía nam, người Nga rẽ ngoặt sang phía tây và bỏ lại phía sau một vùng đất ly khai khác là Abkhazia, nằm dọc theo Biển Đen. Dẫu vậy, thu thập thông tin về hoạt động di chuyển của người Nga là việc rất khó. Các phương tiện kỹ thuật quốc gia, vệ tinh do thám và những thứ tương tự khi nhắm vào lực lượng quân sự này không đạt được chế độ tối ưu như trước đây.

Tôi còn nhớ lúc đó đã nghĩ rằng chúng tôi phải bảo đảm năng lực cao hơn trong việc này trước khi quân đội Nga xuất hiện, càn quét khắp miền đất giàu khoáng sản đen của Ucraina (điều họ đã làm sáu năm sau đó).

Năm 2008, chúng tôi quyết định dựa chủ yếu vào hoạt động quan sát trực tiếp hơn là thu thập thông tin kỹ thuật. Chúng tôi đã triển khai một đội nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên đến Grudia; chúng tôi bố trí cho họ các xe mềm và chỉ thị họ lái xe

theo hướng tây bắc đến khi nhìn thấy xe bọc thép của người Nga và sau đó bật chế độ định vị GPS và gọi điện về.

Về mặt chính sách, nước Mỹ cũng không có được kết quả mong muốn. Một số tàu hải quân tiến vào Biển Đen để thể hiện sự hiện diện và thực hiện bất cứ hoạt động quan sát nào khả thi. Bộ Quốc phòng đã mở một cầu hàng không khẩn cấp để chuyển lữ đoàn quân Grudia (ngoại trừ khí giới hạng nặng) đang triển khai tại Irắc về nước. Một số gói hàng cứu trợ nhân đạo của Mỹ cũng đã được máy bay quân sự chuyển đến. Chúng tôi đã tính đến triển vọng triển khai máy bay do thám gần hoặc trong không phận Grudia, nhưng cuối cùng đã bác bỏ phương án này vì quá nguy hiểm.

Sau một vài ngày diễn ra chiến sự, người Pháp đã làm trung gian cho một lệnh ngừng bắn, kêu gọi quân đội Nga rút trở lại ranh giới trước khi xảy ra xung đột. Một số đơn vị Nga đã di chuyển, nhưng những thỏa thuận đầy mưu đồ với Nam Ôxétia và Abkhazia vừa giành được độc lập cho phép lính Nga ở lại đó vô thời hạn. Không một chính phủ châu Âu nào chính thức chấp nhận thỏa thuận chia cắt Grudia này, nhưng họ cũng không quá thiết tha sử dụng các biện pháp quân sự hay thậm chí là các biện pháp kinh tế mạnh tay để chống lại hành động chia lại lãnh thổ này. Các nền kinh tế đang rơi vào thế bấp bênh với cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ, trong khi Nga lại là nguồn cung ứng năng lượng của họ.

Suy tính của Mỹ chỉ xoay quanh khái niệm đưa vào - loại ra. Vứt bỏ mô hình Xôviết tự túc, Nga đã phải vật lộn để tham gia vào cấu trúc toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cấu trúc mà nước Mỹ đã khởi xướng xây dựng: các nhóm như G8, G20 và các tổ chức như Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Nhưng các nhóm và tổ chức này được cho là hội đồng của những quốc gia có cùng quan điểm, trong khi hành động vẽ lại

biên giới châu Âu của Nga khó có thể coi là phù hợp với miêu tả này.

Nếu Nga muốn được đối xử như một quốc gia bình thường, họ phải hành xử như một quốc gia bình thường, đó là hướng suy nghĩ của chúng tôi. Nhưng chính quyền đương nhiệm chậm ra tay hành động và ngay cả những biện pháp trừng phạt nhẹ nhàng nhất cũng được dỡ bỏ vào tháng 5 năm 2019 như một phần của “kế hoạch khởi động lại” đầy tranh cãi của chính quyền Obama. Nga đã bị khai trừ khỏi nhóm G8 năm 2014 sau hành động đưa quân vào Ucraina, nhưng chúng ta đã đưa họ ra khỏi danh sách trừng phạt quá vội vã trong cuộc xung đột ở Grudia.

Theo quan điểm của CIA, Grudia là một vấn đề đa khía cạnh. Chúng tôi đã giúp Steve Hadley bảo đảm cho Saakashvili tránh được một cuộc lật đổ. Nhưng chúng tôi đã không chuyển cho Hadley hay bất kỳ ai khác lời cảnh báo về cuộc xung đột đó, dẫn cho chính những người bạn của chúng ta, người Grudia, là bên đã khơi mào cho cuộc xung đột đó.

Những chuyên gia trẻ tuổi đã vào văn phòng tôi mang theo các biểu đồ và bản đồ chắc chắn là những người rất giỏi và họ giải đáp thỏa đáng mọi câu hỏi trực tiếp của tổng thống khi ông ấy đến Langley để tìm hiểu thông tin cơ sở sâu hơn. Nhưng không có nhiều chuyên gia kỳ cựu về Nga để suy đoán ý đồ của Nga đơn giản chứ không chỉ theo dõi họ ở nơi chiến sự. Hoạt động chống khủng bố và cuộc chiến nhằm vào al-Qaeda đã lấy đi của CIA rất nhiều sự tập trung, nguồn lực và tài năng.

Chúng tôi không nhận được nhiều sự cảm thông. Chúng tôi vẫn được kỳ vọng thực hiện sứ mệnh toàn cầu và bảo đảm nhiều hoạt động khác ngoài việc “chỉ” đấu tranh với al-Qaeda. Chính phủ Mỹ rõ ràng kỳ vọng vào điều này, và các đối tác tình báo, “đối tác liên lạc”, như chúng tôi vẫn gọi. Thực ra chính sứ mệnh toàn cầu của chúng tôi là cơ sở cho bất kỳ mối quan hệ hợp tác nào mà chúng tôi thiết lập với họ.

Mối quan hệ đối tác này là sự trao đổi năng lực. CIA là một cơ quan lớn, mạnh, giỏi công nghệ, được ưu tiên nhiều nguồn lực và có khả năng tiếp cận nguồn dữ liệu được thu thập tại địa phương và xác định ý nghĩa rộng hơn của dữ liệu này bằng cách gắn dữ liệu với bối cảnh *toàn cầu*. Đối tác liên lạc thì tập trung hoạt động tại địa phương, hoạt động có trọng điểm, mau lẹ và có hiểu biết sâu về văn hóa và ngôn ngữ. Chúng tôi trao đổi với nhau theo phương châm các bên cùng có lợi ngay cả khi không có nhiều thỏa thuận ở cấp độ chính sách giữa chính phủ các bên.

Trên thực tế, mối quan hệ đối tác này rất lâu bền, tiến triển theo những cơ chế ngầm, ngay cả khi mối quan hệ chính trị giữa các chính phủ gặp giông bão. Có được như vậy là bởi quan hệ đối tác thúc đẩy những cuộc trao đổi giá trị giữa những người chuyên nghiệp đặc trách những vấn đề chung, giữa những đơn vị tình báo vẫn duy trì hoạt động và được kỳ vọng hoạt động hiệu quả ngay cả khi chính sách và lãnh đạo chính trị đã thay đổi.

Mối quan hệ đối tác liên lạc này cũng dựa nhiều vào mối tin cậy *cá nhân*. Đó là lý do tại sao ta mời người đứng đầu cơ quan đối tác đến nhà riêng để dùng bữa tối, hay dành một buổi chiều đặc biệt tại thủ đô của nước đối tác để vị chủ nhà đích thân đưa ta đi tham quan thành phố. Đó là lý do tại sao ta nghe theo lời khuyên của mẹ và ăn mọi thứ trong đĩa (kể cả những thứ lạ lùng) - và tỏ ra thích thú. Và đó là lý do tại sao ta dẹp bỏ lịch làm việc của mình để gặp gỡ một đối tác liên lạc bất chấp những yêu cầu khác.

Mối quan hệ bạn hữu như vậy là một phần thưởng đích thực, nhưng điều chúng tôi đang thực sự làm là xây dựng niềm tin đặc biệt - thứ được hình thành trên cơ sở cùng nhau trải nghiệm và quan hệ cá nhân, chứ không phải các bản ghi nhớ hay biên bản làm việc chính thức.

Một trường hợp điển hình liên quan đến một trưởng trạm thường trú CIA tháp tùng một quan chức nội các đến tham dự cuộc gặp mặt với một đối tác quan trọng ở Trung Đông. Cuối buổi gặp mặt, các bên nhất trí sẽ trao đổi một số dữ liệu quan trọng và vị quan chức nội các nói rằng ông ấy sẽ lệnh cho trợ lý của mình thảo biên bản ghi nhớ về thỏa thuận này. Người đứng đầu cơ quan tình báo nước ngoài hơi cúi người về phía trước, mỉm cười với vị quan chức trong khi nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay nhân viên CIA tháp tùng và phản đối: “Bạn bè thì không cần bản ghi nhớ”.

Rất nhiều cơ quan muốn làm bạn với Cục Tình báo Trung ương Mỹ (và giám đốc cơ quan này) và họ rất nỗ lực thể hiện điều đó. Ngay sau khi tôi về Langley làm Giám đốc CIA, người đứng đầu ngành tình báo Bungari nói với văn phòng của chúng tôi tại đó rằng ông ấy đã lôi hồ sơ của tôi ra khỏi kho lưu trữ và hiện đang giữ bộ hồ sơ này trong két an toàn riêng của mình. Tôi đồ là có thứ gì đó khó nói (hoặc thú vị) trong bộ hồ sơ đó, nhưng Durzhavna Sigurnost (DS - Cơ quan An ninh quốc gia Bungari), cỗ máy an ninh quốc gia của chế độ cộng sản trước đây - sẽ không thể tồn tại nếu họ không có sự kỹ càng trong hoạt động, vậy nên tôi hình dung bộ hồ sơ có vẻ khá dày.

Tôi đã từng làm tùy viên không quân tại Bungari dưới chế độ cộng sản vào giữa thập niên 1980. Tùy viên là “người thu thập thông tin công khai”, vậy nên các cơ quan tình báo đối thủ thường để mắt nhiều tới họ. Chúng tôi dám chắc là căn hộ của mình bị đặt thiết bị nghe lén, vậy nên tôi và vợ bố trí mỗi phòng một bộ thiết bị ghi nghe có thể xóa được với một chiếc bút ghi bằng nhựa - kiểu thiết bị có thể dùng để rê qua tấm ghi bằng nhựa phía trên rồi xóa mọi thứ vừa viết ra. Những cuộc nói chuyện nhạy cảm hoặc chỉ đơn thuần là riêng tư được thực hiện thông qua một loạt những mẫu ghi mà chúng tôi truyền tay nhau và sau đó xóa đi luôn.

Tôi từng bị người Bungari bắt hai lần trong thời gian làm việc ở đó, mỗi lần đều xuất phát từ việc tôi tiếp cận quá gần các hoạt động quân sự của họ để cố nhận diện một chiếc máy bay hay quan sát một cuộc diễn tập. Không có việc đối xử tệ, chỉ có những quy định nghiêm khắc, một trong số những đồng nghiệp của tôi đang làm công việc tương tự đã bị bắn chết ở Đông Đức trong thời gian tôi đang ở Bungari.

Sự việc đó không phải do kết quả của một âm mưu thâm hiểm nào cả, chỉ là một anh lính Xôviết trẻ tuổi quá lo lắng - về sau tôi được biết đó là một người Trung Á - bị đặt vào một tình huống mà chưa ai huấn luyện anh ta cách xử lý.

Chúng tôi nỗ lực hết sức để tránh rơi vào hoàn cảnh đó. Diễn hình như trong một chuyến lái xe cả ngày để quan sát các căn cứ quân sự na ná giống nhau ở miền Trung Bungari cùng với một đồng nghiệp người Pháp của tôi. Chúng tôi thu hút sự theo dõi của DS gần như ngay lập tức và chiếc xe của họ hầu như không thay đổi khoảng cách với xe của chúng tôi. Đó là chuyến đi thu thập thông tin thường lệ, nhưng đó là thời điểm đang diễn ra Đại hội Đảng [Cộng sản], nên tôi đoán họ cũng không cố làm căng. Vì chúng tôi đang lái xe qua các khu trại lính dọc theo các tuyến đường công cộng, họ chẳng cần làm gì thêm ngoài việc bám theo chúng tôi.

Vậy nên bạn đồng hành người Pháp và tôi có phần hơi ngạc nhiên và lo lắng khi mà, trong lúc phải dừng lại chỗ đường giao với đường sắt, chiếc xe bám theo đột nhiên tạt sang và tiến ngang với xe chúng tôi. Tôi nhìn sang bên trái và thấy một trong số những người trong chiếc xe bám theo thực hiện màn kịch câm bằng việc tưởng tượng đang sử dụng một chiếc đĩa để xúc thức ăn vào miệng. Anh ta đúng. Chúng tôi đã đi suốt hơn sáu tiếng đồng hồ không nghỉ. Đến lúc phải ăn trưa rồi.

Chúng tôi rẽ khỏi đường, bày đồ ăn trưa lên phần khoang sau của xe và nhai nhồm nhoàm. Nhóm theo dõi chúng tôi cũng

làm như vậy. Khi gần ăn xong, tôi bước khoảng gần một trăm mét tới gần chỗ họ, chỉ vào chiếc đồng hồ đeo tay của tôi sau đó choãi năm ngón tay ra. Sắp đến lúc phải lên đường rồi. Họ vẫy tay, gói gém lại đồng hồ ăn, sau đó chui vào xe, sẵn sàng tiếp tục công việc bám đuôi.

Tính đến trước thời điểm tôi về Langley, công việc tùy viên vẫn là công việc tuyệt nhất tôi từng làm. Tôi đã biết thế nào là khó khăn và tầm quan trọng của việc học ngôn ngữ thứ hai và tìm hiểu nền văn hóa thứ hai; tôi đã quan sát thấy giá trị tuyệt đối của việc cứ “ở đó”; và tôi đã có được cơ hội tiếp xúc quý giá để thu thập thông tin tình báo tại chỗ trong một môi trường thù địch. Tất cả những trải nghiệm đó rất hữu ích cho công việc của tôi tại CIA.

Giờ đây, năm 2006, cơ quan tình báo của Bungari thiết tha muốn làm bạn với chúng tôi, đến mức giám đốc cơ quan đó đang nỗ lực làm mọi chuyện để “bảo vệ” chúng tôi.

Tôi luôn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những dạng quan hệ này với các trưởng trạm thường trú CIA mỗi khi có cơ hội. Khi gặp họ trong những lần phỏng vấn tại nước ngoài, tôi yêu cầu họ hãy thông qua Steve và tôi để xây dựng mối quan hệ này thêm bền chặt. Chúng tôi sẵn sàng nói chuyện với người đồng nhiệm phía nước ngoài vào mọi lúc, dù là ngày hay đêm - về bất cứ vấn đề nào.

Khi chúng tôi có một khách đến thăm, tôi thực sự nỗ lực đọc kỹ lý lịch, không chỉ của vị khách, mà còn của trưởng trạm thường trú CIA tháp tùng vị khách đó. Khi họ bước vào văn phòng tôi, tôi muốn hỏi trưởng trạm thường trú về vợ con anh ấy cũng như nói một số câu chuyện cá nhân. Việc đó có thể khiến người trưởng trạm thường trú cảm thấy phẫn chấn, nhưng điều tôi thực sự muốn làm là nhắc nhở rằng anh ấy và tôi là những người bạn thân. Việc đó sẽ củng cố địa vị của anh ấy khi quay về trạm thường trú của mình.

Khi tôi nói chuyện với một nhóm trưởng trạm thường trú CIA, tôi trình bày với họ giá trị thực chất trong cách tiếp cận của tôi với các đối tác. Tôi nói: “Khi ta có cuộc gặp với đối tác liên lạc, cần ghi nhớ hai điều. Một, ta đại diện cho siêu cường duy nhất trong phòng này. Và hai, đừng hành xử như vậy. Đối tác của ta đã biết điều thứ nhất; đó là lý do tại sao ta có thể có mặt ở đó. Họ đang kiểm chứng điều thứ hai”.

Trong suốt ba mươi ba tháng của tôi tại CIA, Steve Kappes và tôi đã đến thăm khoảng năm mươi đối tác nước ngoài, nhiều người chúng tôi đến thăm hơn một lần. Có lẽ phải rất lâu rồi (nếu có) mới có một Giám đốc CIA ghé qua các thủ đô Mexico City, Bogotá hay Brasília ở nửa địa cầu bên này, và một chuyến công du khác qua các nước Êtiôpia, Gibuti, Gana và Mali ở châu Phi cũng là sự đột phá. Không có gì ngạc nhiên khi luôn có những vấn đề thuộc mối quan tâm chung tại mọi điểm dừng chân: những đường dây ma túy mới tại Ghana, Lực lượng Vũ trang cách mạng (FARC) ở Côlômbia, hoạt động khủng bố tại Gibuti, các băng đảng buôn lậu ma túy ở Mêhicô, và nhiều vấn đề khác.

Và nếu chúng tôi đã đến thăm trên năm mươi nước, thì chúng tôi còn tiếp đón nhiều người hơn thế tại Langley. Đương nhiên là có những người đứng đầu cơ quan tình báo nước ngoài như dự kiến. Nhưng chúng tôi cũng tiếp đón những nhân vật kiểu như Saif al-Islam, người con trai thứ hai của Muammar Gaddafi, được ăn học tại Anh và mắc chứng khó tiêu. Vào thời điểm đó, Saif al-Islam đang được Chính phủ Mỹ tán tụng là niềm hy vọng tương lai cho Libi.

Gạt chuyện Saif sang một bên, giao thiệp với phần lớn những người này đúng là một phần thưởng cá nhân. Và cũng là phần thưởng quý giá nữa. Khi phải đối mặt với liên tiếp các cuộc khủng hoảng trong một cuộc họp của Hội đồng An ninh quốc gia (NSC), sẽ rất buồn cười khi nói: “Tôi vừa mới nói chuyện

với người đứng đầu ngành tình báo của [nước liên quan] và ông ấy nói với tôi rằng...”.

Họ hầu hết là những người tốt. Nhưng ta luôn phải đề cao cảnh giác. Ngay cả người tốt nhất trong số họ đôi khi cũng đối xử với ta theo cách mà tôi có thể gọi là “giai thoại về sáng tạo”.

Đó là khi có thứ gì đó trong đầu của viên chức chuyên nghiệp ngồi đối diện với ta hay đang nói chuyện điện thoại với ta chợt lóe lên và hầu hết những nhận định rất ban sơ, cảm tính bắt đầu xen vào thứ mà cho đến thời điểm đó là cuộc đối thoại dựa trên cơ sở thực tế. Amrullah Saleh, người Panjshiri Tajik trẻ tuổi làm Giám đốc Cục An ninh quốc gia Ápganixtan, như tôi đã nói, là người thông minh, trung thực, tò mò, và rất ham học hỏi. Vào một buổi chập tối đi bộ qua Bảo tàng Colonial Williamsburg - một trong những sự kiện văn hóa mà chúng tôi dựa vào để thắt chặt mối quan hệ đối tác liên lạc - chúng tôi đi ngang qua khu nhà Thị Dân Viện (House of Burgesses). Amrullah trông có vẻ ngạc nhiên sau đó lên tiếng hỏi tôi: “Tuồng ở đâu nhỉ?”

“Tuồng ư?”

“Phải. Để bảo vệ họ trước đám dân bên ngoài”.

Đương nhiên, ở Kabul mọi thứ rất khác - và toàn bộ trải nghiệm cuộc sống của Amrullah cũng vậy.

Làm việc với Saleh luôn mang lại cảm giác thoải mái - ngay cả khi chủ đề Pakixtan được nêu ra và tính khách quan là thứ hàng hóa bị đe dọa. (Anh ấy không hoàn toàn hoang tưởng; hành xử của Pakixtan *đúng là* rất phức tạp).

Nhiều năm trước đó, khi làm phụ trách bộ phận tình báo phục vụ các lực lượng Mỹ tại châu Âu, tôi có đến Belgrade để nói chuyện với người đồng nhiệm bên phía Xécbia là Branco Krga. Chúng tôi rất tâm đầu ý hợp, nhất là trong cuộc gặp ban đầu, ông ấy bộc bạch rằng ông nội ông ấy từng làm việc trong các xưởng cán thép ở Pittsburgh.

Branco và tôi có chung quan điểm về cuộc xung đột đang diễn ra ở Bôxnia, nơi mà về căn bản chính phủ của ông ấy và chính phủ của tôi ở phe khác nhau. Đó là một cuộc trao đổi chuyên môn thuần túy, đượm chút ý thức về cái giá sinh mạng con người trong cuộc chiến đó.

Có thời điểm Branco còn ghé sát tai tôi trong bữa trưa và than vãn về việc có quá nhiều thanh niên trẻ phải bỏ mạng. Ông ấy nói cụ thể về nỗi thống khổ của người Xécbia; với họ, các gia đình có từ một đến hai con giờ đây là tiêu chuẩn, và sau này thì họ mất con. Ông ấy tiếp tục xua tay và nói: “Nhưng những gia đình Hồi giáo này, họ đông người lắm, chết chóc thì có nghĩa lý gì với họ chứ?”

Tranh luận điều này cũng chẳng có ích gì. Tôi chỉ không đồng ý hay thậm chí tỏ ra đồng ý. Cứ ngồi ở đó, không có biểu hiện gì, không cho phép bản thân được đưa ra cái gật đầu gần như là bản năng để thể hiện “đã tiếp nhận tín hiệu truyền phát”, hy vọng tình tiết đó trôi qua nhanh chóng và ta có thể quay trở lại với cuộc đối thoại hữu ích.

Phải mất một thời gian khá lâu, nhưng có một tối khi đang chuẩn bị cho một chuyến đi qua đêm đến một địa điểm khác trong một chuyến công tác nước ngoài, suy nghĩ đó khiến tôi rất băn khoăn. Những yếu tố nào trong quan điểm của tôi đối với những cuộc đối thoại này bị đối tác của chúng tôi không chấp nhận vì coi đó là giai thoại Mỹ? Khi tôi nói về quyền tự quyết ư? Chủ nghĩa đa nguyên văn hóa ư? Tác dụng chữa bệnh của bầu cử ư? Và khi nào thì các đối tác của tôi kiên nhẫn chờ đợi tôi nói xong trước khi quay trở lại nói chuyện “ngghiêm túc”? Tôi chưa bao giờ xác định rạch ròi những yếu tố đó, nhưng càng để lâu lại càng chắc chắn là có hiện tượng tâm lý đó.

Có một nguy cơ nữa mà ta luôn phải cảnh giác. Trái với những điều có vẻ hợp lý về việc tình báo Mỹ thuê ngoài làm công việc hắc ám, chúng tôi không được phép hỗ trợ hay trao quyền

cho một đối tác làm những việc mà bản thân chúng tôi không được phép làm. Chúng tôi thậm chí không được phép gợi ý dù rằng việc đó có thể là ý hay.

Tôi đã có cuộc gặp riêng với Gabi Ashkenazi, Tổng Tư lệnh Quân đội Ixraen, một con người rất chu toàn. Sau khi cho tôi xem một bức ảnh lớn về một đội hình trình diễn chiến đấu cơ F.15 tưởng nhớ người đã mất phía trên một trại tập trung “tử thần” của Đức Quốc xã tại Birkenau - một sự nhắc nhở nghiêm khắc về việc “sẽ không bao giờ để chuyện đó lặp lại” - chúng tôi ngồi xuống sofa để bàn về Iran. Ông ấy hỏi xem tôi nghĩ đâu là cách tốt nhất để làm chậm bước tiến của chương trình hạt nhân Iran.

Như tôi đã trình bày, ngoài việc làm giàu uranium tại Natanz, người Iran còn xây dựng niềm tin và kiến thức ở đó. Niềm tin và kiến thức đó ngấm vào trong thân thể của các nhà khoa học hạt nhân then chốt của Iran rồi trở về nhà vào buổi tối. Gạt sang một bên những suy tính quy mô hơn, cách tốt nhất để làm chậm bước chương trình này là sát hại các nhà khoa học. Tôi *không* khơi ra việc đó. Tôi thậm chí không gợi ý đó là một khả năng trên lý thuyết hay một điểm đáng bàn thú vị. Tôi chỉ ngồi đó, không nói được điều gì đặc biệt hữu ích cả.

Vậy nên luôn có những thách thức. Các giá trị, luật pháp, lợi ích và chính sách của Mỹ (và CIA) không bao giờ hoàn toàn trùng khớp với những thứ tương tự của một cơ quan đồng minh, kể cả đó là một đồng minh thân cận. Công việc tình báo là làm việc trong không gian chung hướng tới những mục tiêu chung trong khi giảm thiểu tác động của (hoặc làm thay đổi) các yếu tố không hòa hợp.

Tôi dành một buổi chiều với Omar Suleiman bên bờ sông Nile, người đứng đầu giới giang của ngành tình báo Ai Cập, lắng nghe lời khuyên thông thái của ông ấy về Ixraen và Palestin. Ông ấy là mối trung gian có hiểu biết và có năng lực

nhất mà chúng tôi có về vấn đề đó, đồng thời cũng là đối tác chống khủng bố cứng rắn. Chúng tôi có được nhiều thứ từ mối quan hệ này.

Dẫu vậy, tôi phân vân tự hỏi vào thời điểm đó, và đến nay vẫn phân vân, là liệu chúng tôi có nên bớt quyết liệt trong những vấn đề khác - như là mối quan hệ làm việc với lực lượng chống đối Ai Cập, trong đó có cả Tổ chức Anh em Hồi giáo - vì sợ làm mất lòng Omar trong những vấn đề trọng yếu khác. Nếu chúng tôi làm vậy, có khi lại báo hại cho cả chúng tôi *cũng như* các đối tác Ai Cập của mình.

Trong một chuyến thăm Ai Cập tháng 8 năm 2008, Omar mời tôi nán lại thêm để đến hội kiến Tổng thống Mubarak; Omar vừa là cố vấn, vừa là lãnh đạo tình báo của Tổng thống Mubarak. Họ rất thân nhau vì cùng từng là quân nhân, và Omar đã đứng sau hỗ trợ Mubarak chống lại lực lượng đối lập chính trị trong hơn một thập kỷ.

Mubarak không có thời gian trống vào thứ Sáu, ngày Sabbath, vậy nên chúng tôi tranh thủ đến thăm quần thể kim tự tháp Giza, tượng Nhân sư, và Bảo tàng Ai Cập. Ngay cả việc cơ quan tình báo Ai Cập đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, đi qua những con phố nóng nực, chen chúc và huyên náo của Cairo là việc chẳng dễ dàng gì. Việc đó khiến ta tự hỏi sự thống nhất của Ai Cập, được định hình bằng chiều sâu lịch sử, rồi đây sẽ phải ứng phó ra sao trước những rạn nứt thấy rõ trong xã hội hiện nay của quốc gia này.

Sáng hôm sau, bầu trời trong xanh, một nhóm nhỏ chúng tôi đến phủ tổng thống, đặt ở quận Heliopolis ở vùng ngoại ô tráng lệ của Cairo, nhưng không hiểu sao có cảm giác giống một thị trấn ma với các cửa hàng và quán ăn đều lấp cửa chớp và rất vắng khách, có thể là do sự có mặt của Mubarak. Omar dẫn chúng tôi vào văn phòng tổng thống, tôi ngồi phía cuối chiếc divăng gần với ghế của tổng thống, cách Mubarak một cánh tay,

khi ông ấy bắt đầu một màn phê phán dài lê thê về chính sách của Mỹ và Chương trình Quyền tự do của Tổng thống Bush.

Ông ấy bắt đầu bằng việc nói rằng chúng tôi không biết gì về tình hình ở đây, rõ ràng có ý muốn nói tới việc Mỹ đang ủng hộ các nhà hoạt động vị dân chủ và gây áp lực phóng thích các tù nhân chính trị. Ông ấy nói rằng sự can thiệp này là một chiến lược dựa trên niềm tin sai lầm và tự chuốc lấy thất bại. Chúng tôi không hiểu được bản chất thực các đối thủ của ông ấy, nhất là Tổ chức Anh em Hồi giáo. Ông ấy nói thêm rằng, các chế độ dân chủ phát triển theo cách khác và với tốc độ khác nhau. Người dân “nước ông” chưa sẵn sàng cho điều đó.

Mubarak sắc sảo một cách đầy ấn tượng ở tuổi 80 của mình, nhưng cũng rất gia trưởng, không phải với người dân của mình, mà với chính tôi. Thỉnh thoảng ông ấy lại hơi lao người về phía trước, đặt bàn tay lên cánh tay tôi, bộc bạch rằng ông ấy biết cả hai chúng tôi đều là quân nhân (trên thực tế đều từng là sĩ quan không quân), nói rằng cá nhân tôi không có lỗi trong chuyện này và sau đó tiếp tục màn đả kích. Tôi cho rằng ông ấy muốn nói đến Ngoại trưởng Mỹ Condi Rice trong những từ “mụ đàn bà đó”.

Mubarak đã nắm quyền lãnh đạo Ai Cập từ năm 1981 theo một đạo luật khẩn cấp có nội dung mở rộng quyền hành của cảnh sát và hạn chế quyền theo Hiến pháp, và rõ ràng ông ấy không có ý định ngừng lại. Omar là tác nhân hàng đầu thực hiện kế hoạch đó, nhưng ông ấy hầu như không nói lời nào trong suốt buổi hội kiến này. Đây là màn thể hiện của tổng thống. Công việc của Omar là bố trí thỉnh giả.

Tròn ba mươi tháng sau đó, các sự kiện xảy ra chứng tỏ rằng cả Mubarak cũng như Suleiman đều không giỏi xử lý tình hình ở Ai Cập như họ vẫn nghĩ. Không biết việc bổ sung thêm một chút dân chủ vào thời điểm sớm hơn có giúp Ai Cập tránh

được một loạt những cuộc cách mạng đã diễn ra hay không, nhưng có lẽ giúp Ai Cập không phải chịu quá nhiều tổn thương.

Tôi chưa bao giờ đích thân gặp lại Omar, nhưng tôi thấy ông ấy trên truyền hình quốc gia ở cương vị là Phó Tổng thống Ai Cập trong thời gian ngắn, một động thái quyết liệt vào thời gian cao điểm của những cuộc biểu tình tại Quảng trường Tahrir. Sự tự tin thường thấy của Omar giảm sút thấy rõ trong những lần xuất hiện này và ông ấy đã rút khỏi đời sống cộng đồng sau một thời gian ngắn ngủi và sai lầm chạy đua vào chiếc ghế tổng thống. Ông ấy qua đời đột ngột vào mùa Hè năm 2012 trong thời gian đang điều trị tại một bệnh viện của Mỹ tại Cleveland.

Chúng tôi hiếm khi đến Ai Cập, hay bất kỳ nơi nào ở Trung Đông, khi chưa ghé qua Ả-rập Xêút. Khi chúng tôi qua đó, Quốc vương Abdullah thường dành thời gian tiếp chúng tôi. Ông ấy có mục đích của mình. Abdullah ghét cay, ghét đắng Iran và luôn thúc giục chúng tôi “cắt đầu con rắn đó” và nhắc hãy thận trọng, tránh “để lại dấu vết” trong khu vực.

Steve Kappes và tôi từng có lần đến thăm quốc vương tại nông trại của ông ấy (một dạng nông trại có vườn và vòi phun nước...) tại Maroc. Tôi đã kéo dài kế hoạch công du nước ngoài và bay từ Braxin đến đó; Steve cũng từ Washington bay thẳng đến đó. Cơ quan tình báo của Maroc đã rất nhiệt tình chạy đón, chạy đáo để thu xếp nơi lưu trú cho chúng tôi, còn chúng tôi đi ô-tô từ Rabat đến Casablanca để chuẩn bị cho cuộc gặp mặt vào đêm muộn (đúng hơn là vào tảng sáng) với Abdullah. Vị quốc vương đi lại chậm chạp với cây gậy chống trên tay, khá ngạc nhiên khi gặp chúng tôi tại cổng vào khu nhà sản nghiệp của ông ấy. Chúng tôi có rất nhiều thời gian dành cho quốc vương. Ông ấy rõ ràng cũng có thời gian dành cho chúng tôi.

Steve và tôi để lại một số trợ lý tại khu phố ven biển ở Casablanca lúc lên đường đến trang trại của quốc vương.

Họ tranh thủ thời gian đi mua sắm tại các quầy hàng lưu động và quầy bán quà lưu niệm. Khi nhận thấy họ đang trong khu bán búp bê Osama bin-Laden và áo phong al-Qaeda, họ quyết định dừng việc mua sắm.

Adel al-Jubeir, vị đại sứ biết rộng, hiểu sâu của Ả-rập Xêút tại Washington, thường là người phiên dịch cho quốc vương. Adel hiểu rõ nước Mỹ và CIA; ông ấy đã tốt nghiệp Đại học Bắc Texas và Đại học Georgetown, vì nơi cư ngụ của ông ấy chỉ cách Langley có chiều dài đường Chain Bridge, nên ông ấy luôn là vị khách được CIA mời đến uống trà và nói chuyện. Trong một lần như vậy, ông ấy kể lại việc Abdullah đã bày tỏ mối quan ngại sâu sắc đối với chính sách đầy tranh cãi của Mỹ đối với Iraq. Adel nói với tôi rằng ông ấy đã đáp lại Quốc vương: “Thưa Quốc vương, những người này là người Mỹ. Nếu chính sách đó không có tác dụng, họ sẽ thay đổi nó”.

Trong một chuyến công tác tới Jeddah, chúng tôi có ghé thăm một trong những người tiền nhiệm của Adel là Hoàng thân Bandar bin Sultan, người đã dành hơn hai mươi năm làm phái viên mật của Ả-rập Xêút tại Washington. Bandar khi đó là Tổng Thư ký của Hội đồng An ninh quốc gia được Ả-rập Xêút mới lập ra; ông ấy tỏ ra muốn duy trì các mối quan hệ tại Mỹ, còn chúng tôi thì rất vui được gặp gỡ người phi công cởi mở từng được không quân Mỹ huấn luyện.

Đó là một buổi tối dễ chịu với nhiều nội dung được trao đổi (một lần nữa lại là cuộc gặp vào rạng sáng), kết thúc bằng việc Bandar tặng cho tôi một bức ảnh đóng khung lớn có hình Tổng thống Roosevelt hội kiến Quốc vương Abdul Aziz bin Saud, người sáng lập Vương quốc Ả-rập Xêút, trên tuần dương hạm *Quincy* tại hồ Great Bitter nằm bên kênh đào Suez vào tháng 02 năm 1945. Roosevelt đang trên đường từ Yalta về và có vẻ như sắp qua đời (ông ấy qua đời sau đó hai tháng), nhưng hình ảnh đó đánh dấu mối giao kèo bất thành văn giữa hai người đó

và hai quốc gia: đổi dầu lấy an ninh; lấy an ninh mua dầu. Bandar là người truyền thông điệp.

Tôi treo tấm ảnh này trong phòng làm việc tại Langley, chỉ ít là bởi người phiên dịch mặc quân phục đang quỳ giữa hai nhà lãnh đạo là Đại tá Bill Eddy, người của Cơ quan Tình báo chiến lược (OSS), tổ chức tiền thân của CIA.

Người đồng nhiệm thực tế của tôi tại Ả-rập Xêút là Hoàng thân Muqrin, người con trai trẻ nhất còn sống của Abdul Aziz. Muqrin là Giám đốc Tổng cục Tình báo Ả-rập Xêút (General Intelligence Presidency - GIP), một cơ quan tình báo nước ngoài. Ông ấy từng là một phi công của lực lượng không quân, học phổ thông ở Anh và tham gia một số khóa học quân sự ở Mỹ. Ông ấy nói tiếng Anh thành thạo và là một người bạn tốt, nhưng GIP hiện đang thiếu nguồn lực.

Muqrin đã cố gắng triệu tập một cuộc họp giám đốc các cơ quan tình báo của các quốc gia Hồi giáo dòng Sunni trong khu vực để bàn về vấn đề Irắc. Tôi lưỡng lự: đó sẽ là chuyến công tác khó khăn và ngăn ngại; phiên họp sẽ có những phát biểu chính thức được chuẩn bị trước hơn là một cuộc đối thoại; và sẽ không ai có ý định chia sẻ bất cứ bí mật thực sự nào. Nhưng tôi thực sự buộc phải tham dự. Sản phẩm công tác cuối cùng của chúng tôi là một bản mô tả chẳng có chút điểm nhấn nào về tình hình ở Irắc và một số ý kiến phát biểu ở mức độ vừa phải về quan điểm ủng hộ Mỹ và nỗ lực của liên quân do Mỹ đứng đầu tại đó. Trước khi giải tán, tôi nêu ý kiến là có thể lần sau chúng tôi nên mời người Irắc tham gia. Dù sao người đứng đầu ngành tình báo ở Baghdad cũng là người Hồi giáo dòng Sunni.

Hoàng thân Mohammed bin Naif (chúng tôi thường gọi ông ấy là MBN) là Giám đốc của cơ quan đầy quyền năng Mabathith, cơ quan điều tra và tình báo quốc nội của Ả-rập Xêút và là đầu mối tiếp xúc chính của chúng tôi tại Ả-rập Xêút. Mohammed từng học tại Oregon và học thêm các khóa chuyên môn theo

chương trình của FBI và Sở Cảnh sát Scotland Yard. Ông ấy là một chuyên gia chống khủng bố rất cứng rắn; đã triệt phá thắng tay hoàn toàn hoạt động của al-Qaeda tại Ả-rập Xêút sau loạt vụ tấn công của nhóm này nhằm vào khu dinh thự của người phương Tây vào năm 2003. Nhưng ông ấy cũng đã lập ra chương trình cải tạo phần tử cực đoan thánh chiến nhất thế giới, dựa vào đức tin và gia đình để cứu rỗi linh hồn. Và khi Mohammed trình bày với tôi về chương trình này tại căn biệt thự ven biển của ông ấy gần Jeddah, ông ấy khẳng khẳng mời tôi đưa vợ đi cùng; bà ấy cũng có bằng thạc sĩ về tư vấn.

MBN nhiều khả năng sẽ trở thành quốc vương tiếp theo của Ả-rập Xêút. Ông ấy giờ đây là hoàng thái tử đứng ngay sau bác của mình là Quốc vương Salman đã tám mươi tuổi.

Một điểm dừng chân gần như là bắt buộc nữa trong khu vực là Amman. Thực sự thì đây là điểm dừng chân rất đáng mong đợi: phong cách chiêu đãi Ả-rập, món ăn tuyệt vời và một xã hội có quan niệm đủ thoáng để ta có thể gọi một ly rượu vang ngon tại khách sạn mà không thấy có vấn đề gì.

Quốc vương Abdullah II của Gioócđani cũng dễ gần như Quốc vương của Ả-rập Xêút, Abdullah bin Abdul Aziz. Tại một buổi tiệc trưa nhỏ và không chính thức tại khu dinh thự hoàng gia ở Amman, chúng tôi đã phải né người tránh đụng vào các xe đạp ba bánh và những loại đồ chơi khác đang toán loạn khắp khu phòng chơi của trẻ em. Khi quốc vương ở Mỹ, ông ấy chạy xe gắn máy đến khu đường phía sau cơ quan chúng tôi với sự tháp tùng của một người bạn Mỹ thân thiết, một cựu nhân viên cấp cao của CIA.

Mối quan hệ hợp tác an ninh sâu sắc giữa Gioócđani và Mỹ bắt đầu từ năm 1951, khi cha của Abdullah là Hussein (khi đó mười lăm tuổi), tận mắt chứng kiến việc ông mình là Abdullah I bị sát hại dưới tay một phần tử khủng bố Palestín khi hai nhân vật hoàng gia này đang ra khỏi Nhà thờ Hồi giáo Al-Aqsa

ở Jerusalem. Ngay trong năm đó, Hussein kế vị người cha mắc bệnh tâm thần của mình và lập ra Tổng cục Tình báo Gioócdani (GID) - với sự giúp đỡ rất đáng kể của Mỹ. Bảo đảm Vương triều Hashemite tại vị an toàn trên ngai vàng là mối quan tâm của cả hai nước.

Mối quan hệ hợp tác tiếp tục được duy trì cho đến ngày nay. Một trong những chuyến thăm của tôi đến Amman, tôi tháp tùng quốc vương đến dự lễ khai trương chính thức Trung tâm Chống khủng bố của GID, một cơ sở được xây dựng với sự cố vấn và trợ giúp của Mỹ và có không gian làm việc riêng dành cho người Mỹ. Sau khi tôi dời khỏi chính phủ, bi kịch xảy ra tại Khost vào tháng 12 năm 2009 lấy đi mạng sống của bảy nhân viên và nhà thầu CIA, cũng như lấy đi mạng sống của một nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên của GID (trên thực tế, đây là người em họ con chú của quốc vương), người mà CIA đã từng phối hợp công tác.

Tôi chưa bao giờ có cảm giác mối quan hệ giữa Abdullah và chính quyền Bush gần gũi đặc biệt cả. Xét đến lịch sử mối quan hệ với Gioócdani, CIA rất muốn tham gia sâu vào mối quan hệ này. Giống như Quốc vương Ả-rập Xêút, Quốc vương Abdullah dành nhiều thời gian nói chuyện với chúng tôi về những mối nguy cơ mà người Iran mang tới, cả ở Iraq cũng như trong toàn khu vực. Ông ấy nêu quan điểm đặc biệt dữ dội về yếu tố bệnh lý cơ sở và tính điên rồ tột bậc của việc giành con tim và khối óc của người Hồi giáo dòng Sunni bằng một lực lượng quân đội Iraq nằm dưới bàn tay chỉ phối của Iran và các lực lượng vũ trang dân sự được Iran hậu thuẫn và củng cố sức mạnh bằng đội ngũ tay súng tình nguyện thuộc Lực lượng Quds và Lực lượng Vệ binh cách mạng Iran.

Đây không chỉ là những lời than trách suông; Abdullah đã làm tốt những việc cần phải làm. Với sự thúc giục mạnh mẽ của chúng tôi và với lời khuyên của một số lãnh đạo của ông ấy,

vào tháng 8 năm 2008 đức vua đã trở thành nguyên thủ quốc gia Hồi giáo dòng Sunni đầu tiên đến thăm Baghdad. Ông ấy cũng chào đón Thủ tướng Irắc Maliki đến Amman cùng trong năm đó. Về khía cạnh hoạt động, GID là cơ quan tình báo dòng Sunni duy nhất vượt phạm vi hoạt động sang Irắc. Các bộ lạc người Hồi giáo dòng Sunni nằm rải rác ở cả hai bên đường biên giới là một đối tác vô cùng giá trị.

Một vài yếu tố trong số này mang tính tư lợi. Người tị nạn Irắc là mối đe dọa đối với sự ổn định của Gioócdani. Những người nghèo phải bỏ nhà cửa tại Irắc là một gánh nặng xã hội và mối đe dọa an ninh tiềm tàng; những người giàu có buộc phải chạy sang đây thì đẩy giá nhà ở tại Amman lên mức ngoài tầm với của người Gioócdani. Cả hai nhóm người này đều là vấn đề.

Abdullah cũng muốn nói về người Palestín, những người mà giờ đây chiếm một nửa dân số Gioócdani. Ông ấy nói sự thất bại của tiến trình hòa bình ở Trung Đông đã phức tạp hóa mọi vấn đề - như vấn đề Iran và chủ nghĩa khủng bố. Ông ấy lập luận rằng luôn xuất hiện một chu kỳ đi xuống mang tính hủy hoại mỗi khi chúng ta bỏ lỡ một cơ hội: uy tín của chính quyền Palestín (PA) suy giảm; địa vị của PA với vai trò là một thực thể thương thuyết hữu hiệu cũng bị ảnh hưởng; bạo lực sau đó bùng phát khi niềm tin vào PA sụt giảm; Ixraen sau đó cảm thấy có lý do hợp lý để áp dụng các biện pháp mạnh tay hơn (an ninh, khu định cư,...); và hai phía sau đó trở nên xa rời nhau hơn bao giờ hết.

Dẫu vậy, mối quan hệ giữa Ixraen và Gioócdani không tệ đến mức GID không thể đưa tôi đến cầu Allenby nổi tiếng bắc qua sông Jordan để giao tôi đến Mossad trong một trong những chuyến công tác của tôi. (Tôi chọn đi theo cách đó thay vì ngồi trên chiếc C.17 bay hơn 100 kilômét từ Amman đến Tel Aviv).

Cũng có nhiều cơ quan tình báo khác muốn chúng tôi giúp đỡ. Vào tháng 7 năm 2007, hai mươi ba nhà truyền giáo Cơ đốc

Hàn Quốc rất trẻ, thật thà và ngờ nghệch bị bắt cóc ở Ápganixtan. Hàn Quốc là nước có bộ phận người Cơ đốc giáo lớn nhất châu Á, vô cùng sùng đạo, và những tín đồ sùng đạo này đã đặt lòng nhiệt tâm lên trên lý trí trong những phán xét.

Người đứng đầu cơ quan tình báo của Hàn Quốc được giao nhiệm vụ làm sao để những người này được trả tự do, vậy nên ông ấy ngay lập tức đáp chuyến bay - *không phải đến Kabul, mà đến trụ sở CIA* - để nhờ chúng tôi trợ giúp. Ông ấy cần sự trợ giúp tại thực địa ở Ápganixtan và biết rõ cần tìm sự giúp đỡ đó ở đâu. Tôi nghĩ mình đã khiến ông ấy ngạc nhiên khi đề nghị cử một nhân viên Mỹ làm việc toàn thời gian đi cùng ông ấy. Chuyên viên Mỹ trẻ tuổi này có kinh nghiệm sâu về Ápganixtan, nhưng mối quan tâm thực sự được hé lộ khi vị sếp tình báo này hỏi qua phiên dịch là chuyên viên của chúng tôi có biết chút tiếng Hàn nào không. Không đợi được phiên dịch, nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên người Mỹ gốc Hàn trả lời là có và bằng tiếng Hàn, mang đến nụ cười đầu tiên trong ngày trên khuôn mặt của vị sếp.

Đôi khi mối quan hệ liên lạc lại mang đến niềm vui thuần túy. Vào tháng 7 năm 2008, các lực lượng vũ trang Côlômbia tiến hành một cuộc đột kích chớp nhoáng để giải cứu mười lăm con tin, trong đó có ba nhà thầu người Mỹ bị bắt giữ khi chiếc máy bay do thám của họ bị rơi năm năm trước.

Tôi đã từng đến Bogotá nhân một trong những chuyến công tác thiết lập quan hệ đối tác liên lạc. Cuộc chiến lâu dài, khó khăn chống lại Lực lượng Vũ trang cách mạng Côlômbia, một lực lượng nổi dậy hoạt động bằng tiền buôn bán ma túy, đang làm thay đổi đường lối của chính phủ. Vị Tổng thống quyết đoán của Côlômbia là Alvaro Uribe đã tạo ra sự khác biệt lớn kể từ khi nhậm chức năm 2002, nhưng đây cũng là sản phẩm của công tác tình báo liên tục, lâu dài, không báo trước và đầy cam go.

Đó là loại công việc không bao giờ xuất hiện trên báo chí hay các bản tin buổi tối.

Khi đọc bản kế hoạch giải cứu được đề xuất của phía Côlômbia, tôi nghĩ mình đang đọc kịch bản của một bộ phim hạng B. Hai chiếc trực thăng đóng giả làm máy bay của các tổ chức phi chính phủ. Một cuộc điều chuyển tù nhân đến cho lãnh đạo cấp cao của FARC. Quân đội Côlômbia đóng giả lính gác FARC. Tôi chỉ lắc đầu: “Ồ, phải rồi. Thứ này được đấy. Chấn chấn rồi”.

Ấy thế mà được thật! Ba người Mỹ được giải cứu, thì việc tìm nơi tiếp nhận họ là ưu tiên tình báo cao nhất của chúng tôi tại Côlômbia trong nhiều năm, cuối cùng đã tìm được nhưng một trong số họ kháng cự lại việc điều chuyển và nhất định không chịu nhấc chân. Chỉ sau khi một trong những “lính gác” ghé vào tai anh ấy và nói thầm: “Hãy tin tôi, hãy tin tôi” thì anh ấy mới chịu hợp tác.

Những người Mỹ được giải cứu đã đến thăm CIA ngay sau khi được tự do. Cảm động hơn nữa là việc đội giải cứu Côlômbia cũng một mực đòi đến thăm CIA tại Langley. Tại phòng hội nghị họ báo cáo không chính thức toàn bộ chiến dịch đó. Chúng tôi chụp chung rất nhiều ảnh và họ trao cho tôi bản ghi nhớ sự việc làm vật lưu niệm và tôi vẫn còn giữ bản ghi nhớ này trong phòng làm việc tại nhà. Đó là lòng biết ơn sâu sắc mà cả hai phía dành cho nhau.

Một trong những mối quan hệ liên lạc khác thường (và hiệu quả) nhất không phải là với một thực thể nước ngoài nào cả - đó là Sở Cảnh sát thành phố New York (NYPD). Những mối quan hệ này về sau thường gây tranh cãi, nhưng lúc nào chúng tôi cũng coi New York là một trường hợp đặc biệt, một đại đô thị quốc tế cũng như một đô thị Mỹ. Hơn một phần ba cư dân thành phố này là người sinh ra ở nước ngoài. Và New York chắc chắn nằm ở vị trí đầu trong danh sách mục tiêu của al-Qaeda.

Thị trưởng Bloomberg và Giám đốc NYPD, Ray Kelly dường như cũng đồng ý với chúng tôi.

Mối quan hệ hợp tác bắt đầu một cách không chính thức với việc một chuyên gia phân tích chống khủng bố của CIA chuyển dữ liệu về mối đe dọa cho NYPD. Mối quan hệ này thực sự cất cánh khi Kelly thuê Dave Cohen, cựu Giám đốc ban điều hành CIA và Phó Giám đốc ban phân tích, người đã từng làm việc tại New York, để hỗ trợ thành lập bộ phận tình báo trong NYPD. Cohen đã xây dựng một cấu trúc quen thuộc: một ban điều hành (thu thập thông tin) và một ban phân tích.

Việc thu thập thông tin tình báo trong nước trước nay luôn là hoạt động phản văn hóa ở Mỹ. CIA không làm việc đó; việc đó nằm ngoài điều lệ hoạt động của CIA. Giới chức thực thi pháp luật không muốn làm bất cứ điều gì khi chưa có yếu tố hình sự. Không phạm tội hình sự thì không điều tra. Khi không có các văn bản hướng dẫn mới của bộ trưởng tư pháp (mãi đến tháng 12 năm 2008 mới có), FBI sẽ vẫn mãi bị trói tay. Bên cạnh đó, NYPD có đủ điều kiện hơn để thực hiện việc này. Họ hiểu lãnh địa của mình như trong lòng bàn tay và có thể định vị mối đe dọa theo mã bưu chính.

Chúng tôi quyết định cử một chuyên gia phân tích vào làm việc tại cơ quan của Cohen. Giống như với các đối tác khác của chúng tôi, anh ấy có thể hỗ trợ đặt thông tin thu thập được tại địa phương vào bối cảnh toàn cầu. Anh ấy có thể cùng NYPD phân tích ma trận mối đe dọa hằng ngày. Ma trận này là một danh mục gần như không giới hạn các mối nguy cơ. Cùng với NYPD, anh ấy đã nghiên cứu các mối đe dọa sở tại đối với New York và xếp hạng chúng. Suy cho cùng, những khẳng định sai liên quan đến các ngành như dịch vụ tài chính có thể dẫn đến việc chi tiêu lãng phí hàng triệu đôla. Mối đe dọa là cái có thực.

Rất nhiều khía cạnh trong cơ chế hợp tác này vận hành ổn thỏa trước khi tôi về CIA, và tôi không thấy có lý do gì phải

thay đổi cơ chế đó cả. Tôi đồng ý với cơ chế phê duyệt chính thức từ trụ sở CIA đối với các sắp xếp đặc biệt năm 2007. FBI không thấy thoải mái với điều này và tôi dám chắc họ đang cố vận dụng ít nhất một hoặc hai đoạn trong biên bản ghi nhớ (MOU) của chúng tôi với họ để gây áp lực, nhưng như một trong những nhân viên cấp cao của tôi đã nói, “Đây là việc đúng đắn cần phải làm và, ngoài ra, chẳng có ai phải đi tù vì vi phạm MOU cả”.

Chúng tôi thực sự đã dành cho NYPD một mảng trong khóa huấn luyện áp dụng thực tế ngón nghề tình báo của chúng tôi tại Nông trại. Ý tưởng của việc này là giúp họ xây dựng những công cụ họ cần (vì họ cũng có quan hệ liên lạc ở nước ngoài), trang bị cho họ một khả năng nhận thức tình huống nhất định về công việc chống khủng bố và tạo cho họ khả năng nhạy cảm với mối đe dọa phản gián.

Mỗi khi có dịp đến New York tôi luôn cố gắng ghé thăm Giám đốc NYPD Kelly. Chúng tôi đã hình thành tình bạn trong chuyến thăm đầu tiên của tôi khi ông ấy chỉ cho tôi xem chiếc bàn làm việc rộng thênh thang của một trong những người tiền nhiệm của ông ấy là Theodore Roosevelt. Kelly và tôi đồng quan điểm trong nhiều vấn đề (như vấn đề liên quan đến tờ *New York Times*). Đến nay, thỉnh thoảng tôi vẫn mặc chiếc áo chống đạn NYPD; tôi tin là ông ấy cũng sẽ dùng các mối liên hệ với CIA mà chúng tôi trao cho ông ấy.

Năm 2012, hai phóng viên năng nổ của hãng tin AP giành được Giải thưởng Pulitzer cho thể loại phóng sự điều tra nhờ loạt bài tường thuật về hoạt động chống khủng bố tổng thể của NYPD và vai trò của CIA trong nỗ lực này. Loạt bài tường thuật này nêu ra một cách có chủ ý đủ loại mối quan ngại về quyền tự do dân sự, mặc dù đã thừa nhận rằng nỗ lực có thể đã được hưởng lợi từ việc giám sát gắt gao hơn, CIA dường như phản ánh sự đồng thuận từ cấp quốc gia đến cấp thành phố

khi đáp lại rằng: “CIA đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật trong hoạt động chống khủng bố sau sự kiện 11/9. Thật khó hình dung có ai lại cho rằng việc này là không thích hợp hay không mong đợi”.

Và chúng tôi chưa bao giờ cho rằng đây là một mô hình khái quát hóa. New York là thành phố đặc biệt - đặc biệt về đặc điểm nhân khẩu, quy mô và cả mối đe dọa. NYPD hoạt động hiệu quả trong công việc chính của họ là đấu tranh chống tội phạm, trong khi quân số tuyệt đối (35.000 nhân viên không mặc đồng phục, gấp khoảng ba lần quân số của đơn vị đông thứ hai là Sở Cảnh sát Chicago) bảo đảm đủ lực lượng cho mọi hoạt động. NYPD cũng có sự lãnh đạo của nhân vật kỳ cựu và tài năng là Kelly cũng như sự ủng hộ chính trị không bao giờ lay chuyển của Thị trưởng Bloomberg.

Theo nhắm tính của Dave Cohen, thành phố New York là mục tiêu của mười bảy âm mưu tấn công khủng bố trong thời gian từ năm 2002 đến khi xảy ra sự việc ồn ào liên quan đến loạt bài đưa tin của *AP* trong giai đoạn 2011-2013. Al-Qaeda không liên quan đến cả mười bảy âm mưu này. Có rất nhiều yếu tố góp phần vào điều đó. Một trong số đó chính là chương trình này. Xét một cách toàn diện, NYPD là một trong những mối quan hệ liên lạc tốt nhất mà chúng tôi có.

Có thể không mấy ai ngạc nhiên khi Trung Quốc không được coi là người cùng hội, cùng thuyền khi liên quan đến quan hệ tình báo, dù họ đủ quan trọng để tôi phải đích thân đến đó gặp gỡ một người đồng nhiệm. Trong trường hợp này đó là người đứng đầu của cơ quan mà chúng tôi gọi là 3-PLA (Tổng cục 3, Bộ Tổng tham mưu Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc), cơ quan đặc trách hoạt động tình báo tín hiệu. Họ đón tiếp tôi vô cùng trang trọng, mở tiệc thết đãi hoành tráng và chúng tôi thực sự có những vấn đề cùng quan tâm - chẳng hạn như ý đồ của người Nga và sự phát triển kỹ thuật.

Chúng tôi cũng gặp gỡ một số nhân vật chính trị tại Đại lễ đường Nhân dân nằm ngay sát Quảng trường Thiên An Môn. Đại lễ đường được chia thành các phòng đặt tên theo tên các tỉnh của Trung Quốc. Chẳng hiểu vô tình hay hữu ý, chúng tôi gặp mặt trong phòng Đài Loan và phòng Tây Tạng, những “tỉnh” đang gây ra nhiều vấn đề đối với chủ quyền của Trung Quốc. Người Trung Quốc không bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để thể hiện ý định của mình cả.

Mặc dù người đồng nhiệm của tôi rất lịch thiệp nhưng tôi khó có thể cho rằng đội ngũ an ninh cho chúng tôi cũng vậy. Có lúc một tay tài xế Trung Quốc ngang ngạnh không chịu nhường đường cho đoàn hộ tống chúng tôi đến dự một cuộc gặp mặt. Cuối cùng khi thoát khỏi chỗ đó, tôi nhìn qua gương chiếu hậu thấy cảnh sát lao ra từ một trong số những chiếc xe hộ tống đoàn, kéo anh ta ra khỏi xe và xử lý. Trong chuyến di chuyển sau đó đến thăm Tử Cấm Thành, một đội hộ tống đông đảo, đồng phục tối màu yêu cầu du khách Trung Quốc ra khỏi đó để dành không gian cho chúng tôi. Chúng tôi lấy cớ mệt và yêu cầu rời khỏi đó nhanh nhất có thể.

Sự việc đó khiến tôi phân vân tự hỏi rằng người Trung Quốc nghĩ chúng tôi sẽ phản ứng ra sao với mọi chuyện như thế. Liệu có phải họ hiểu quá ít về chúng tôi đến nỗi cho rằng chúng tôi không để tâm chuyện đó? Hay có thể họ hiểu chúng tôi, nhưng chẳng buồn quan tâm. Hay có thể họ đang cố gửi một thông điệp khác. Nếu đúng vậy, tôi chưa hiểu thông điệp đó muốn nói gì.

Với mọi khía cạnh trong hoạt động liên lạc này, việc cả tôi lẫn Steve đều không đến Mátxcova trong thời gian gần nhau là điều đáng ngạc nhiên. Thói quen cũ thường khó bỏ, tôi đoán là vậy. Chúng tôi hầu như không tin tưởng người Nga, nhất là trong lĩnh vực chúng tôi có mối quan tâm chung: đó là chống

khủng bố. Mátxcova thường đánh đồng hành động bạo lực cực đoan với sự thể hiện bất đồng chính đáng.

Đại diện thường trú của Nga, nhân viên tình báo cấp cao trong Đại sứ quán Nga tại Washington, có đến trụ sở CIA một lần để dự bữa trưa và bàn chuyện công tác. Đó là buổi gặp mặt khá dễ chịu, nhưng chánh văn phòng CIA đã cử đội an ninh lục soát khắp phòng ăn và phòng làm việc của tôi sau khi đại diện người Nga ra về.

Tệ hơn nữa cho chúng tôi là người Nga đã trở lại với sứ mệnh hoạt động quốc tế dưới thời Putin và lợi hại hơn trước đây. Gặp gỡ với họ sẽ không ngăn chặn được điều đó, nhưng sẽ giúp chúng tôi có được sự thấu hiểu về những suy nghĩ của họ và kiến tạo những mối quan hệ hữu ích tương xứng trong các cơ quan tình báo Nga, những cơ quan mà chúng tôi biết là đang góp phần tạo nên sự lo ngại của Putin về ý đồ của Mỹ và phương Tây. Quan hệ liên lạc đôi khi đòi hỏi không chỉ việc trao đổi thông tin tình báo.

George Tenet đã chứng minh điều đó. George từng là “gã cần nhờ đến” trong mối quan hệ phức tạp với người Palestín và Yasser Arafat. Cấp phó của tôi là Steve Kappes, khi còn là Giám đốc Ban Điều hành đã tham gia thương lượng rất nhiều khía cạnh liên quan đến thỏa thuận giải trừ vũ khí hủy diệt hàng loạt của Libi với Moussa Koussa, người đứng đầu cơ quan tình báo Libi dưới thời Gaddafi.

Về sau tôi đã có dịp tiếp xúc với người Palestín (xem Chương XVIII).

*

* *

Cách mạng nổ ra ở Ai Cập. Bắt giữ con tin dọc theo dãy Andes và rặng Hindu Kush. Phương tiện quân sự bọc thép của Nga hiện diện khắp Caucasus. Nước Mỹ có một cơ quan tình báo

duy nhất trên thế giới thực hiện, và được kỳ vọng thực hiện, sứ mệnh toàn cầu trong lĩnh vực của mình. CIA luôn cố gắng bảo đảm tốt vai trò đó, nhưng sau sự kiện 11/9 thì nhiệm vụ này đã trở nên đặc biệt khó khăn. Về sau tôi có nói với Leon Panetta, chúng tôi cũng có vai trò như một sở chỉ huy chiến trường của Mỹ khi liên quan đến cuộc chiến chống al-Qaeda.

Nhiều năm sau khi rời khỏi chính phủ, tôi có xem lại các bản tường trình tổng thống vào sáng thứ Năm và thấy ngạc nhiên trước mức độ tập trung quá đầy đặc vào hoạt động khủng bố, và trong phạm vi hoạt động khủng bố lại có rất nhiều nội dung liên quan đến Nam Á - cụ thể là Pakixtan và Ápganixtan. Và trong sáu tháng cuối của chính quyền đương nhiệm [Bush], tôi thấy đặc biệt đáng chú ý việc chúng tôi hầu như luôn bàn thảo việc săn đuổi HVT1 (Mục tiêu giá trị cao số 1 - Osama bin Laden) và HVT2 (Zawahiri). Chúng tôi chắc chắn là hoạt động có trọng tâm*.

Nỗi ám ảnh trong hoạt động chống khủng bố cứ quanh quẩn trong đầu tôi khi Dave Petraeus đến thăm chúng tôi tại nhà riêng khi đang chuẩn bị bước vào phiên điều trần phê chuẩn nhậm chức Giám đốc CIA của Thượng viện năm 2011. Bên món bánh cà phê và nước hoa quả trong căn bếp của chúng tôi, ông ấy và vợ Holly, đã hỏi Jeanine và tôi rất nhiều về đời sống tại CIA.

Lúc Dave và Holly chuẩn bị ra về, tôi kéo ông ấy sang một bên để nói về ý kiến nhận xét cuối cùng.

Tôi nói: “Dave này, CIA chưa bao giờ trông giống với OSS như lúc này”. Tôi muốn nói đến Cơ quan Tình báo chiến lược,

* Hoạt động có trọng tâm đã mang lại thành quả. Chúng tôi đã tường trình với Tổng thống Bush vào tháng 12 năm 2008 về việc tiếp cận Abu Ahmed al-Kuwaiti, người đưa tin của Osama bin Laden và là nhân tố then chốt dẫn đến việc tìm ra Osama bin Laden tại Abbottabad.

đơn vị tình báo hành động trực tiếp thời Chiến tranh thế giới thứ hai dưới sự lãnh đạo của William “Wild Bill” Donovan.

Tôi nói tiếp: “Nhưng CIA không phải là OSS, mà là cơ quan hoạt động gián điệp toàn cầu của đất nước này. Và ông sắp phải nỗ lực hằng ngày - như tôi đã phải làm và tôi tin chắc Leon [Panetta] cũng đã phải làm - để gắn thực tế đó với bản thân mình và với cơ quan”.

Và hãy bảo đảm làm việc đó mà không khiến đất nước này kém an toàn hơn chút nào trước chủ nghĩa khủng bố, tôi thầm nhủ. Mệnh lệnh khó khăn đấy.

Chương XVIII

“CHÚNG TA SẼ KHÔNG PHẢI GIẢI TRÌNH VỀ HÀNH ĐỘNG THIẾU VÀ YẾU”

Washington, D.C., 2002-2009 và sau đó

“**C**ác bạn có chắc chắn chúng ở đó không?”, người sẽ chịu trách nhiệm ra quyết định lên tiếng hỏi.

“Chắc chắn, thưa ngài”.

“Và các anh chắc chắn đó chính là chúng”.

“Chúng tôi có thông tin tình báo con người [HUMINT] tốt. Chúng tôi đã theo dõi bằng video truyền dẫn. Tình báo tín hiệu [SIGINT] đang kiểm tra và xác nhận đó chính là chúng. Chúng kia rồi”.

“Các anh xác định được mục tiêu được bao lâu rồi và còn ai quanh đó không?”

“Khoảng hai, ba tiếng. Gia đình đó đang ở tòa nhà chính. Những gã chúng ta muốn đang ở trong khu nhà trọ lớn ở đây”.

“Chúng ở không xa lắm nhỉ?”

“Không, thưa ngài. Nhưng cũng vừa đủ. Và có một khu nhà phụ nữa ở đây. Nhỏ thôi. Trước đây tôi từng thấy người của al-Qaeda sử dụng nó khi chúng dừng chân ở đây. Chúng tôi ở đây rất lâu. Chúng cũng vậy. Đó thực sự là khu nhà hắc ám”.

“Bây giờ còn ai trong căn nhà nhỏ đó không?”

“Không rõ. Có thể là không. Chúng tôi không thấy ai từ lúc Pred xác định được mục tiêu”.

“Xác suất tiêu diệt [PK] đối với khu nhà trọ lớn sẽ thế nào nếu sử dụng GBU [có thể là GBU12, một loại bom thông minh nặng hơn 250kg được điều khiển bằng laze]?”

“Những gã kia chết chắc. Tôi nghĩ gia đình kia sẽ không sao”.

“Các anh nghĩ họ không sao à?”

“Lý thuyết là vậy. Chúng tôi kiểm tra bằng bug splat rồi, nhưng chúng ta không bao giờ bảo đảm chắc chắn được. Cấu trúc yếu. Họ bước ra khỏi nhà hay việc gì đó tương tự”.

“Thế tình hình sẽ thế nào nếu sử dụng vài quả Hellfire [một loại vũ khí nhỏ hơn nhiều có gắn đầu nổ nặng gần 10kg]?”

“Chúng tôi sẽ phóng vũ khí theo cách này. Tất cả năng lượng được giải phóng khỏi căn nhà có gia đình kia. Căn nhà có gia đình sẽ không sao. Nếu chúng tôi phóng trúng mục tiêu trong khu nhà trọ, chúng ta sẽ tiêu diệt được hết những gã xấu xa kia. Nhưng tường phía trong có thể rất dày. Nếu chúng tôi không phóng trúng mục tiêu hoặc nếu một trong số họ thức dậy đi tè...”.

Im lặng một hồi khá lâu trong phòng.

Cuối cùng, người chịu trách nhiệm ra quyết định lên tiếng: *“Dùng Hellfire, theo cách anh vừa nói”.*

Một nhân viên rời khỏi phòng, hướng đến trung tâm điều hành mang theo thông điệp.

Lại im lặng một hồi khá lâu nữa.

“Nói lại với tôi về những gã này xem nào”.

“Thưa ngài, chúng đều là nhân vật điều hành cỡ bự của al-Qaeda [anh ấy kể lại tên và lai lịch hoạt động]. Chúng tôi không bao giờ rời mắt khỏi chúng. Chúng thực sự rất cẩn trọng. Tìm được chúng không phải chuyện đơn giản. Chúng tham gia lập kế hoạch tấn công trong nội địa lãnh thổ Mỹ. Chúng là đội đầu tiên. Chúng thực sự hắc ám như những gì đã được ghi trong hồ sơ theo dõi”.

Lại ngừng một hồi nữa. Rất lâu.

“Dùng GBU vậy”.

Một chuyên viên điều hành cao cấp nữa nhảy ra khỏi bàn và chạy hết tốc lực đuổi theo chuyên viên vừa ra khỏi trước đó.

“Và căn nhà nhỏ đó đôi lúc họ dùng làm chỗ ngủ chung...”.

“Đúng, thưa ngài”.

“Sau khi GBU bắn trúng mục tiêu, nếu có người đàn ông nào trong độ tuổi quân ngũ đi ra...”.

“Vâng, thưa ngài?”

“Tiêu diệt ngay”.

Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, người ra quyết định lại nhận được báo cáo.

“Thưa ngài, hai đối tượng mục tiêu đã chết. Không có thiệt hại gì đối với căn nhà gia đình kia cả, nhưng họ đã rời đi hết rồi. Khá sợ hãi. Họ rời đi nhanh lắm. Chẳng ai cố xem còn ai sống sót trong khu nhà trọ không. Không có ai từ căn nhà nhỏ đi ra cả. Chúng tôi không phóng vũ khí vào đó”.

“Tốt”.

Tiêu diệt mục tiêu lựa chọn đã trở thành phần cốt lõi trong phương thức chiến tranh của Mỹ, và để làm việc đó một cách hợp pháp và hữu hiệu đòi hỏi phải có thông tin tình báo tinh và mạnh như được phản ánh ở đây. Việc đó cũng đòi hỏi phải có những quyết định hành động và chính trị rất khó khăn.

CIA có vai trò nhất định trong việc đó. Và CIA đã thừa nhận việc có mối quan tâm tình báo và vai trò hoạt động trong kế hoạch sử dụng phương tiện bay không người lái của Chính phủ Mỹ. Đương nhiên, nhiều chi tiết về mức độ của mối quan tâm đó và vai trò hoạt động đó vẫn là thông tin mật, nhưng tôi có thể nói rằng, trong thời gian làm Giám đốc CIA, tôi đã có dịp tiếp xúc với nhiều khía cạnh khác nhau của nỗ lực này và đã chứng kiến hình thức ra quyết định như được mô tả ở đây. Dù không bàn về chi tiết, tôi vẫn có thể nói rằng - với gần bốn mươi năm là sĩ quan không quân và những chức vụ cấp cao khác

trong cộng đồng tình báo tôi từng đảm nhận - tôi ở vị thế ít ai có thể hiểu, đánh giá đúng giá trị và ủng hộ cho nỗ lực này. Suy cho cùng, tôi mang chất của sĩ quan tình báo kết hợp với sĩ quan không quân.

*

* *

Trong vòng hai tuần kể từ khi về Langley tôi đã nhận được thư viết tay của Stan McChrystal, Chỉ huy Bộ Tư lệnh chiến dịch đặc biệt hỗn hợp (JSOC). CIA và các đơn vị tác chiến đặc biệt của Mỹ tự cho là có chung huyết thống ngay từ thời còn là Cơ quan Tình báo chiến lược (OSS) trong Chiến tranh thế giới thứ hai dưới sự lãnh đạo của Wild Bill Donovan. Bức tượng Donovan hiện nay vẫn ngày ngày nhìn xuống cổng vào Tòa trụ sở gốc (Tòa nhà OHB) của CIA*.

Các lực lượng đồng minh vừa tiêu diệt được Abu Musab al-Zarqawi, nhân vật thủ lĩnh khét tiếng của al-Qaeda tại Iraq. McChrystal hiểu rõ hơn ai hết tầm quan trọng của hoạt động tình báo trong cuộc săn đuổi Abu Musab al-Zarqawi. Thư của

* Khi tôi chuẩn bị rời CIA, người đồng nhiệm phía Anh của tôi là John Scarlett cho tôi xem bản sao đóng khung bức điện mà trưởng trạm thường trú của MI6 tại Washington đã gửi về London để giới thiệu Donovan với cơ quan mình. *"Không hề nói quá tầm quan trọng của chuyến thăm của DONOVAN. Ông ấy đã và đang kiểm soát tầm ảnh hưởng đối với KNOX, có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đối với STIMSON, có ảnh hưởng cố vấn hữu nghị với HULL và tổng thống. Một người Công giáo Mỹ gốc Ailen, một đảng viên Cộng hòa đang nắm giữ lòng tin của phe Dân chủ, với thành tích chiến đấu vô cùng đặc biệt, tất cả đặt ông ấy vào vị thế ít ai có được để giúp chúng ta thực hiện mục tiêu tại đó".* Những người bạn Anh của chúng ta thường đánh giá cao lịch sử (và mối quan hệ huyết thống).

ông ấy rất đơn giản: “Mike này. Cảm ơn tất cả người của ông nhé, Stan”. “Quét sạch các phần tử khủng bố khỏi chiến trường” là cách nói trại mà nước Mỹ sử dụng khi tiêu diệt hay bắt sống một thành viên al-Qaeda. Cả hai phương thức lúc này lúc khác đều phát huy hiệu quả, nhưng chúng tôi thích việc bắt sống hơn vì như thế có thể khai thác được giá trị tình báo tiềm tàng của đối tượng bắt giữ. Dẫu vậy, việc đó đang ngày một trở nên khó khăn, ngay cả tại Irắc và Ápganixtan, nơi quân đội Mỹ kiểm soát môi trường, còn vượt ra ngoài phạm vi này thì việc bắt sống đối tượng trở nên vô cùng hãn hũu.

Chúng tôi sẵn sàng khuyến nghị hành động trực tiếp thường xuyên hơn. Chúng tôi biết rằng mối đe dọa đã tăng đến mức không thể chấp nhận nổi, cả đối với các lực lượng Mỹ ở Nam Á lẫn lãnh thổ nội địa Mỹ. Chúng tôi quan sát được đội ngũ học viên khủng bố nhảy khỏi xe gắn máy, đứng vững ngay lập tức và rồi bắt đầu xả súng vào các mục tiêu mô phỏng.

Chúng tôi cũng tin tưởng chất lượng thông tin tình báo đủ tốt để duy trì một chiến dịch tấn công rất chính xác. Chúng tôi không có ý tự nhận mọi thứ đã hoàn hảo. Vào cuối năm 2006, cơ quan tình báo đã hướng dẫn tiến hành cuộc không kích nhằm vào một đối tượng tình nghi là khủng bố, thủ lĩnh thọt một chân trong mạng lưới Haqqani. Hóa ra đối tượng bị tiêu diệt có liên hệ với Haqqani, nhưng hẳn không phải đối tượng lãnh đạo cấp cao như chúng tôi nghĩ. Với rất nhiều mìn được cài trong lòng đất trong những thập kỷ qua, có rất nhiều tên khủng bố thọt một chân ở Nam Á.

Tôi đã yêu cầu giải thích đầy đủ về sự nhận diện sai lầm này. Không có chuyện thoái thác hay viện lý do bào chữa. Mọi người tỏ rõ sự hối lỗi. Hẳn là kẻ xấu, nhưng không phải là mục tiêu.

Tôi trầm ngâm suy nghĩ một lát, rồi bảo họ nghiên cứu xem đã sai chỗ nào và tiến hành sửa sai, nhưng vẫn phải luôn bảo đảm tập trung quan sát qua kính chắn gió. “Tôi sẽ phụ trách

gương chiếu hậu". Sau ngày hôm đó, tôi nói với họ rằng "nếu các anh tìm thấy một mục tiêu khác cần xử lý vào chiều nay, tôi vẫn quan tâm". Đó là sự biểu quyết thể hiện lòng tin. Về sau tôi nhận ra rằng câu nói đó gây ấn tượng rất mạnh cho đội xác định mục tiêu hôm đó.

Tôi biết chúng tôi có khả năng thực hiện việc này. Đến đầu năm 2008 thì tôi tin chắc rằng cộng đồng tình báo thường xuyên cung cấp thông tin tình báo tinh và mạnh để hỗ trợ xác định chính xác mục tiêu. Nhiệm vụ của tôi là thuyết phục các bộ phận khác của chính phủ tin rằng chúng tôi có khả năng thực hiện và họ nên tận dụng việc đó.

Chúng tôi phải xử lý một vấn đề khác, vấn đề mà chúng tôi biết sẽ không kéo dài mãi mãi. Ở cương vị Giám đốc CIA, tôi phải nói chuyện với tổng thống *này* hàng tuần mà không sử dụng cơ chế sàng lọc nào cả. Ai mà biết thứ đó trông ra sao sau một năm cơ chứ?

Tôi từng trình với Tổng thống Bush vào mỗi sáng thứ Năm về hoạt động thu thập thông tin nhạy cảm và hành động ngầm, và tôi bắt đầu sử dụng những buổi tường trình này để chỉ ra dấu hiệu và độ trắng trợn ngày một tăng của al-Qaeda ở nơi được gọi là Những Khu vực bộ lạc quản lý liên bang (Khu vực FATA) của Pakixtan. Chuyên gia phân tích chính của tôi trong vấn đề này là một người tốt nghiệp Đại học Notre Dame, người cao lêu nghêu, từng ăn và ngủ chung với công việc này. Anh ấy giảng giải cho tôi gần như hằng ngày và tôi đã cố gắng truyền lại những điều rút ra được cho tổng thống. Điểm chính nằm ở chỗ, dù điều này có thể rất tệ với Ápganixtan và các lực lượng của chúng ta ở đó, nhưng quan trọng hơn cả điều này về căn bản đang trở thành mối đe dọa đối với *bản thân* nước Mỹ.

Tôi chưa bao giờ buột miệng nói ra câu sau đây với tổng thống, phó tổng thống hay với Steve Hadley trong suốt nửa đầu năm 2008, nhưng nếu phải chốt gọn những cuộc tường trình của

chúng tôi chỉ trong vài từ, thì thực chất vấn đề sẽ là: *“Hiểu rõ những gì chúng ta biết vào lúc này, chúng ta sẽ không phải giải trình về hành động thiếu và yếu sau cuộc tấn công tiếp theo”*.

Tôi gần như đụng phải đúng chủ đề này vào mùa Hè năm 2008 khi tường trình về mối đe dọa, hoạt động tình báo và những biện pháp ứng phó tiềm năng tại một cuộc họp mặt đông đảo các quan chức của CIA, Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng tại Dubai. Trong cơ chế hoạt động liên bang, việc đó được gọi là “trao đổi ý tưởng”. Họ dường như hiểu điều đó.

Chính phủ Mỹ bắt đầu chậm rãi nhón chân xuống nước trong cuộc chiến chống al-Qaeda tại khu vực biên giới Ápganixtan - Pakixtan. Một nhân vật thủ lĩnh điều hành kế hoạch tấn công của al-Qaeda bị tiêu diệt vào đầu năm 2008. Cuộc không kích diễn ra nhanh gọn và mục tiêu quan trọng đến mức ngay cả phản ứng trong khu vực cũng bị chặn bịt.

Cuối năm đó, một nhân vật cấp cao nữa của al-Qaeda, kẻ hoạt động tích cực trong việc lập kế hoạch tấn công vào các mục tiêu phương Tây, đã bị tiêu diệt cùng với một số tay chân thân tín khác trong một cuộc không kích tương tự với độ chính xác tương tự và với phản ứng thận trọng tương tự.

Khoảng thời gian giữa của những sự việc trên, một khu nhà có liên quan đến khủng bố đã trúng đạn khi có một nhóm tụ tập ở đó. Kết quả như thế. Phản ứng vẫn như thế.

Vào giữa Hè, tên lửa Hellfire xé toạc thân thể của một mật vụ cao cấp nữa của al-Qaeda (kẻ đã hoạt động tích cực trong chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt của chúng và đầu của hắn được nước Mỹ treo thưởng 5 triệu đôla theo chương trình của Bộ Tư pháp) cùng một nhóm trợ thủ của hắn khi chúng đang ngủ ở sân sau để tránh cái nóng hè ngột ngạt.

Nước Mỹ rốt cuộc đã bước vào một chiến dịch tiêu diệt mục tiêu lựa chọn bền vững và mạnh mẽ ở Nam Á bằng phương tiện bay không người lái (UAV).

Chiến dịch tiến triển tốt, nhưng chúng tôi ý thức được việc phải tiến hành cẩn trọng mọi việc. Steve Hadley nhắc nhở mọi người rằng việc mắc sai lầm, nhất là sai lầm trong giai đoạn đầu, sẽ có hậu quả rất tai hại. Ông ấy nói thêm rằng mọi chuyện trong vấn đề này phải được thực hiện với nhịp độ tiêu hóa được trong mắt dư luận trong nước và nhất là trong mắt dư luận nước ngoài.

Và có thể nhanh chóng thấy được rằng một số thứ sẽ *không thể* tiêu hóa được. Vào đầu tháng 9, các lực lượng Mỹ tiến hành một cuộc xâm nhập nông vào vùng Waziristan để truy quét phiến quân. Dù đạt được mục đích, cuộc đột kích này đã không được thực hiện nhanh gọn và xuất hiện những cáo buộc về tình trạng thương vong gây ra đối với dân thường. Islamabad phản ứng rất dữ dội, đệ đơn phản đối chính thức, với việc Nghị viện Pakixtan thông qua một nghị quyết lên án hành động này, trong khi Đại sứ Patterson bị triệu đến Bộ Ngoại giao để nghe ý kiến phản đối. Có tin cho hay là vị tổng chỉ huy các hoạt động tác chiến quân sự, Ahmed Shuja Pasha*, người thường ngày vốn rất điềm đạm, đã hoàn toàn “mất kiểm soát” khi bàn về cuộc đột kích này. Người Pakixtan cũng đóng tuyến đường cao tốc Torkham xung yếu trong một ngày, một lời nhắc không hề tế nhị rằng Mỹ và NATO đã nhờ vào sự nhượng nhịn của Pakixtan để sử dụng tuyến đường cung ứng xung yếu vào Ápganixtan này.

Theo một cách éo le (nhưng lại được hoan nghênh), cuộc đột kích này có thể hướng mục tiêu vào các cuộc không kích bằng UAV dọc theo biên giới trở nên dễ chấp nhận hơn trong mắt người Pakixtan. Mức độ khoan nhượng của người Pakixtan dường như cũng tăng lên vào cuối tháng 9 khi một kẻ đánh bom tự sát bằng xe tải khiến hơn năm mươi người thiệt mạng trong

* Về sau là Giám đốc ISI, cơ quan tình báo quốc gia của Pakixtan.

một vụ tấn công vào khách sạn Marriot ở Islamabad. Một số người trong Chính phủ Pakixtan còn nêu quan điểm cho cuộc chiến chống khủng bố giờ đây cũng phải được coi là cuộc chiến của Pakixtan.

Dựa vào các nguồn tin công khai, có trên dưới ba chục cuộc tấn công giống với cuộc tấn công vào mật vụ cao cấp về vũ khí hủy diệt hàng loạt trong bảy tháng cuối của chính quyền Bush, gấp gần ba lần tổng số cuộc tấn công của bốn năm trước đó kết hợp lại. Cũng những nguồn tin này cho hay mười tám thủ lĩnh cấp cao và cấp trung có tên tuổi của Taliban và al-Qaeda đã bị tiêu diệt.

Thông tin tình báo trợ giúp cho những cuộc không kích này là thông tin tinh và mạnh, dựa vào thông tin tình báo con người, thu thập thông tin kỹ thuật và khả năng quan sát không gián đoạn gần như liên tục của phương tiện bay không người lái Predator. Những cuộc không kích này là đòn chí mạng giáng vào đội ngũ thủ lĩnh điều hành hoạt động của al-Qaeda, những đối tượng luôn phải di chuyển và liên lạc. Chúng không thể cứ ngồi im một chỗ như Osama bin Laden hay Zawahiri, những kẻ mà chỉ cần còn sống cũng đóng góp to lớn cho phong trào cực đoan thánh chiến.

Không phải chúng tôi không quan tâm đến các nhân vật thủ lĩnh tối cao. Chúng tôi đã nỗ lực rất nhiều để xác định vị trí của chúng; tôi còn nhớ những nội dung tường trình nhận được vào cuối năm 2007 đầu năm 2008 từ đội chuyên trách theo dõi Osama bin Laden của tôi nói rằng có một đầu mối hứa hẹn có thể dẫn họ tới nơi Osama bin Laden đang ẩn náu. Chúng tôi cũng không hề thiếu sự quan tâm của lãnh đạo ngành hành pháp, khi Tổng thống Bush thường bắt đầu hầu hết các buổi tường trình vào sáng thứ Năm trong suốt sáu tháng cuối nhiệm kỳ của ông ấy bằng câu hỏi đơn giản “Làm tốt chứ?” và sau đó nhắc với tôi số ngày tại nhiệm còn lại của ông ấy.

Cách biện hộ duy nhất của tôi là chỉ cho ông ấy xem biểu đồ các nhân vật thủ lĩnh điều hành quan trọng mà chúng tôi đang bám theo và chỉ ra số lượng chữ X ngày càng tăng được đánh dấu lên ảnh chúng.

Những cuộc tấn công khác, được báo chí phong tặng cái tên “không kích mục tiêu lựa chọn”, được thiết kế để phá vỡ hoạt động bình thường của các địa điểm và hoạt động của al-Qaeda ngay khi không thể xác định được các đặc điểm nhận diện cụ thể. Một số người chỉ trích và gọi đây là tấn công bừa bãi. Không hề bừa bãi chút nào.

Trên thực tế, thông tin tình báo hỗ trợ hoạt động không kích mục tiêu lựa chọn luôn rất cụ thể, vì nó *luôn* có nhiều mạch và lịch sử sâu. Còn cách nào khác để nhận định về khu nhà này, vào thời điểm này, với những manh mối rõ ràng này không? Dữ liệu có được gần như là đầy đủ.

Nhiều cuộc không kích như thế thực sự đã tiêu diệt được các mục tiêu giá trị cao, những kẻ mà sự hiện diện của chúng đã bị tình nghi nhưng chưa chắc chắn. Và chúng tôi cũng không biện bạch việc tiêu diệt các đối tượng khủng bố cấp thấp hơn. Nước Mỹ coi những cuộc tấn công này là hành động đấu tranh chính đáng chống lại một thế lực thù địch có vũ trang, và trong chiến tranh thì rất tiếc là phải tiêu diệt cả những người lính trơn nữa. Những cuộc không kích mục tiêu lựa chọn này có tác động thu hẹp địa bàn ẩn náu của kẻ thù và tạo cảm giác về nơi trú ẩn an toàn của giới thủ lĩnh al-Qaeda. Chúng cũng có tác động gián tiếp là bảo vệ các nguồn tin và phương pháp tình báo, bởi vì, khi quan sát từ mặt đất, những cuộc không kích này trông có vẻ ngẫu nhiên hơn so với thực tế.

Không phải đợi lâu trước khi báo cáo tình báo bắt đầu khẳng định sự thành công của chúng tôi. Đã có sự khổ sở về tinh thần thực sự trong giới lãnh đạo dễ bị tổn thương của al-Qaeda. Những cuộc tấn công này được nhìn nhận là tàn bạo, không

thương xót và al-Qaeda không có giải pháp rõ ràng nào cả. Không còn nơi nào để ẩn náu theo đúng nghĩa đen.

Nhiều năm sau đó, năm 2015, một vụ xét xử tại tòa án Mỹ đối với một thành viên al-Qaeda đã khiến chính phủ phải công khai tám tài liệu lấy từ thùng thư của Osama bin Laden thu giữ được trong vụ đột kích tại Abbottabad năm 2011. Các bức thư trao đổi giữa Osama bin Laden và các thuộc hạ thân tín của mình vào năm 2010 rất đáng chú ý về mức độ thẳng thắn và nội dung xác nhận rằng chúng tôi có được thông tin tình báo ngay trước khi (xác định mục tiêu) và ngay sau khi (tác động dự kiến) những cuộc không kích bắt đầu diễn ra.

Những bức thư này cũng xác nhận rằng chúng tôi nhận định đúng về mối đe dọa với phương Tây và với nội địa nước Mỹ. Chúng có nhiều nội dung nhắc đến những người nước ngoài đang hỗ trợ al-Qaeda hoặc đang tham gia huấn luyện và chuẩn bị hành động. Danh sách bao gồm công dân hoặc cư dân của Uđobêkixtan, Thổ Nhĩ Kỳ, Adécbaigian, Tátgikixtan, Đức, Bungari, Anh, Ôxtrâylia, Canada, Mandivơ, Cỗđixtan (Kurdistan), Libi, Xyri, Libăng, Angiêri, Iran và Mỹ.

Xác định nước Mỹ là mục tiêu trung tâm là nội dung không bao giờ bị bỏ quên. Trong một cuộc trao đổi thư, bin Laden nhấn mạnh rằng “các hoạt động trong lòng nước Mỹ nằm trong số những phần việc quan trọng nhất của Tổ chức, ở chừng mực có thể, bởi vì chúng tác động đến nền an ninh và kinh tế của toàn thể người dân Mỹ”.

Bin Laden giới thiệu rằng một người anh em Đức có “một ý tưởng về cách thức tiến hành công việc trong lòng nước Mỹ”. Rồi hắn xác định một người Mỹ (Azzam al-Amriki), “người có thể bám sát nội dung nghiên cứu mà các trung tâm của phương Tây, đặc biệt là của Mỹ, đăng tải trên internet. Người đó cũng có thể dịch lại bất cứ thứ gì có ích cho những người anh em đang hoạt động tại địa bàn và cho ý kiến về công việc

trong lòng nước Mỹ". Bin Laden thậm chí còn gợi ý việc mở lớp học tiếng Anh cho một số đối tượng.

Những bức thư này tiết lộ mức độ căng thẳng tột bậc lan truyền trong nội bộ tổ chức này do hậu quả của những cuộc không kích. Nội dung thư đọc lên có cảm giác giống như bài ca tụng dành cho các nhân vật cao cấp của al-Qaeda mà Osama bin Laden biết rõ. "Tôi xin chuyển lời chia buồn về sự việc xảy ra với người anh em lớn của chúng ta là Sheikh Said.... [người] đã qua đời như một liệt sĩ trong vụ tấn công của máy bay trinh sát... Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi phải công khai cái chết của anh ấy bởi đó là nhân vật cao cấp đã nói chuyện với Ummah [cộng đồng tín đồ Hồi giáo] và Ummah cũng biết rõ anh ấy".

"Những cuộc không kích từ máy bay trinh sát vẫn đang tiếp diễn... Người anh em của chúng ta là Al-sa'di [Ihsanullah]... là người gần đây nhất trở thành liệt sĩ. Anh ấy qua đời cách đây khoảng một tuần, cũng do bị không kích. Sở chỉ huy cấp trung và anh em trong ban tham mưu rất đau buồn trước những vụ thiệt mạng này. Việc bù đắp tổn thất đang diễn ra chậm chạp".

"Tôi xin thông báo với anh em về sự qua đời của người anh Hamzah Al-Jawfi... việc này do máy bay trinh sát không kích vào miền Nam Waziristan; cũng có những anh em khác bị giết cùng anh ấy nhưng chúng tôi chưa biết chắc là ai".

"Vấn đề trở nên phức tạp hơn sau cái chết của Muhammad Khan và người anh em Mu'awiyah Al-Balushi... Họ đang tìm hiểu về những nơi... và trên đường quay về họ cũng trở thành liệt sĩ trong một cuộc không kích".

Những cuộc không kích mục tiêu lựa chọn cũng gây ra tổn thất nặng nề, cả về vật chất và tinh thần. Một thuộc hạ thân tín của Osama bin Laden đã phàn nàn sau "việc giết hại hai mươi người anh em tại một nơi vào ngày lễ Eid" mà họ đã "tập trung để hưởng kỳ nghỉ lễ, bất chấp mệnh lệnh và ý kiến nhắc nhở

của chúng tôi là phải tránh tập trung tại một chỗ... nhưng đôi khi họ tự bàn bạc các vấn đề và tự ra quyết định”.

Al-Qaeda có sự kiêng nể dành cho tình báo Mỹ. Như chúng tôi nhận thấy, dựa vào phân tích của chúng tôi, họ liên tục theo dõi một số mục tiêu tiềm tàng hoặc các mục tiêu đã được xác định. Nhưng họ chỉ tấn công chúng nếu phát hiện thấy có mục tiêu con người có giá trị trong đó, hay một cuộc tụ tập, hay trong những thời điểm khó khăn (hay những cuộc tấn công trả đũa, chẳng hạn). Câu sau cùng không đúng, nhưng cũng chẳng sao nếu họ nghĩ vậy.

Sự tức thời của hoạt động do thám và tính đột ngột của những cuộc không kích đã khiến chúng khó bề xoay sở. Một báo cáo gửi Osama bin Laden có nội dung: “Ngài biết đấy, mọi người đều bị tên lửa đe dọa”. Và “Những cuộc không kích từ máy bay trinh sát vẫn đang tiếp diễn... Những máy bay này gần như ngày nào cũng quần thảo trên bầu trời của chúng ta”.

Đám thuộc hạ tại địa bàn khẩn nài Osama bin Laden: “Chúng tôi xin Ngài đưa ra hướng dẫn. Nhất là về ý tưởng này: giảm bớt công việc; nghĩa là ngừng nhiều hoạt động để chúng tôi đỡ phải đi lại nhiều và ít đụng phải các cuộc không kích hơn”.

Một gợi ý được nêu ra. “Có một ý kiến anh em muốn được ưu tiên xem xét để tránh tình trạng tiêu hao lực lượng (tổn thất lực lượng tham mưu, thủ lĩnh và giới tinh hoa có thâm niên của tổ chức). Theo ý kiến này, một số anh em sẽ đến một số khu vực ‘an toàn’ cùng gia đình họ, chỉ nhằm bảo vệ an toàn cho họ mà thôi. Họ sẽ chỉ ở lại một thời gian cho đến khi cuộc khủng hoảng qua đi, có thể là một hoặc hai năm”. Người viết còn gợi ý về một số nơi trú ẩn an toàn: Sind, Baluchistan, Iran.

Hai tháng sau đó, Osama bin Laden nhất trí là chúng nên tạm lánh đến những khu vực an toàn hơn và “bình tĩnh và hạn chế tối đa việc di chuyển”.

Tất cả nội dung thư thu giữ được trong cuộc đột kích tại Abbottabad bắt đầu từ năm 2010, nhưng nó nhất quán với bức tranh tình báo mà chúng tôi đã xây dựng khi năm 2008 sắp kết thúc. Những cuộc không kích này tạo được tác động chúng tôi mong muốn và dự liệu. Bộ phận nòng cốt của al-Qaeda dọc biên giới Ápganixtan - Pakixtan đang phải mất thêm nhiều thời gian để lo cho sự sống sót của chúng hơn là lập kế hoạch đe dọa chúng ta.

Tuy nhiên, trong Chính phủ Mỹ có ý kiến lo lắng rằng chiến dịch này sẽ xé vụn mối quan hệ vốn đã rách như xơ mướp với Islamabad. Những người khác thì cho rằng chiến dịch này có thể gây ra sự hỗn loạn tại địa bàn sở tại. Có lần tôi đáp lại lạnh lùng: “Có thể, nhưng hỗn loạn không phải là nơi trú ẩn an toàn. Cần nhớ rằng việc này là để giải quyết mối đe dọa đối với nội địa nước Mỹ”.

Nhưng mục tiêu của chúng tôi không phải là gây hỗn loạn, mà là al-Qaeda. Thiệt hại ngoài dự kiến là mối quan ngại thường trực và nước Mỹ đang nỗ lực tránh tình trạng này.

Trong cuộc không kích nhằm vào mật vụ đặc trách vũ khí hủy diệt hàng loạt nói trên, cháu trai hấn đang ngủ trên chiếc giường nhỏ gần hấn trong khu nhà đó. Những quả đạn Hellfire được cẩn thận điều hướng sao cho năng lượng và mảnh vụn dồn ngược phía cậu bé và hướng về phía ông của cậu. Đạn nổ đúng như dự kiến. Nhưng không đủ.

Ông cậu bé là một phần tử khủng bố đặc biệt nguy hiểm. Hấn có một nhà kho đầy hóa chất và có ý đồ sử dụng những thứ đó. Rất khó tìm ra vị trí của hấn và những người cố tìm hấn có nguy cơ mất mạng. Nước Mỹ đã phải ra tay. Chúng tôi chân thành lấy làm tiếc về cái chết của cậu bé.

Chúng tôi luôn cố gắng làm sao để mọi chuyện tốt đẹp hơn. Xem lại kỹ lưỡng hình ảnh video sau một cuộc không kích thành công, ta có thể thấy trong muện màng - khi một quả GBU

đang rít thành tiếng trong không trung trên đường lao tới một kho vũ khí - một phụ nữ vô cùng hoảng loạn, khi quả đạn trước đó phát nổ, đang dắt mấy đứa trẻ chạy ra khỏi một nơi tương đối an toàn và hướng vào đường đi của quả đạn đang lao tới. Hình ảnh đó khiến chúng tôi phải để mắt nhiều hơn tới mục tiêu *trong lúc mục tiêu đang bị tấn công* để tránh sự việc tương tự.

Bất chấp những sự cố như vậy, tôi nghĩ sẽ là đánh giá công bằng khi cho rằng chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn là sự áp dụng hỏa lực chính xác nhất trong lịch sử xung đột vũ trang.

Tính chính xác và hiệu quả của chiến dịch do Chính phủ Mỹ ủy thác này là một trong những nội dung Tổng thống vừa đắc cử Obama hỏi tôi vào tháng 12 năm 2008. Ông ấy rất quan tâm đến chương trình này. Greg Craig, người lúc đó sắp là cố vấn pháp lý của tổng thống, sau đó có nói với tôi rằng quan điểm của tôi đã thuyết phục được tổng thống về tính hữu dụng của chương trình. Tôi không biết mức độ thuyết phục là bao nhiêu thì đủ với ông ấy, nhưng sau khi nhậm chức Tổng thống Obama đã tăng cường mức độ ủy thác dành cho chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn và mang đến tác động to lớn, như những tài liệu thu giữ được trong cuộc đột kích Abbottabad chứng thực.

Cơ sở nòng cốt al-Qaeda, tổ chức gốc tại Ápganixtan và Pakixtan, đã tạo một vỏ bọc cho chính bản thân tổ chức trước đây và việc đó diễn ra trước rất lâu thời điểm Osama bin Laden bị tiêu diệt. Tất cả những tiếng reo hò và huýt sáo trên Đại lộ Pennsylvania và Quảng trường Lafayette vào đêm Osama bin Laden bị tiêu diệt thể hiện cảm giác kết thúc mọi chuyện trong mắt đa phần công chúng (trong mắt cả nhiều chuyên gia tính báo nữa, dựa vào những cuộc điện thoại tôi nhận được đêm hôm đó). Nhưng nước Mỹ đã và vẫn đang tiêu diệt các phần tử thủ lĩnh

điều hành hoạt động của al-Qaeda một cách thường xuyên và hàng loạt trong suốt ba năm tính đến thời điểm đó.

Dẫu vậy, càng kéo dài, chương trình không kích bằng phương tiện bay không người lái càng gây nhiều tranh cãi. Một phần của tình trạng đó xuất phát từ những tuyên bố khẳng định là có sự thiệt hại ngoài dự kiến (có bị thổi phồng, nhưng cũng không hoàn toàn là không chính xác). Một phần của tình trạng đó xuất phát từ tác động gây thương vong mà những vụ tiêu diệt mục tiêu này gây ra đối với cư dân địa phương (rất đúng, ngay cả khi có thông tin tình báo và các nguồn tin khác cho rằng đa phần người Pashtun không hề nhỏ một giọt nước mắt nào trước cái chết của những người Ả-rập và Uzbek đang chèn ép họ). Một phần của tình trạng đó cũng là sản phẩm của một thói quen khó chịu của người Mỹ, chủ yếu giới hạn trong giới tinh hoa chính trị Mỹ, là phản nản rằng các cơ quan tình báo đã hành động thiếu và yếu khi họ cảm thấy gặp nguy hiểm và rồi lại phản nản rằng các cơ quan này đã hành động quá mức cần thiết khi đã cảm thấy an toàn trở lại.

Dẫu vậy, trên thực tế, hoạt động tiêu diệt mục tiêu lựa chọn có tác động đa khía cạnh, và một số khía cạnh là tác động xấu - kiểu như gây căng thẳng cho mối quan hệ với những người đồng minh (nhất là người châu Âu, những người không dành sự ủng hộ về mặt pháp lý cho chương trình này) hoặc dường như xác nhận những nội dung tuyên truyền tuyển mộ lực lượng của al-Qaeda về tính xảo trá của những kẻ Thập tự chinh [người phương Tây]. Chương trình này cũng gián tiếp tạo động cơ cho al-Qaeda chú trọng nhiều hơn đến việc xây dựng các cơ sở chân rết nằm cách xa Khu vực FATA. Thực vậy, sự thành công của chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn ở Nam Á đã thúc đẩy các nỗ lực của al-Qaeda chuyển hóa mọi nguồn lực vào thứ giờ đây là những cơ sở nhánh phân tán rộng hơn, dù năng lực hoạt động có kém đi.

Nhưng vào năm 2008 (và dường như tiếp diễn đến năm 2009 và 2010), những tác động này đều được đánh giá theo tác động bậc nhất của việc tiêu diệt những kẻ đã có đủ khả năng và sẵn sàng gây hại cho chúng ta. Và khi nói đến việc những cuộc không kích này đang giúp al-Qaeda tuyển mộ lực lượng, không gì có thể thúc đẩy sự tập hợp dưới lá cờ thánh chiến mạnh mẽ hơn một sự thành công ngoạn mục của al-Qaeda.

Tôi thường nghĩ về việc này theo khía cạnh đánh sâu và đánh sát. Đánh sát trong cuộc chiến này có nghĩa là xử lý những đối tượng đã có hành động sát hại chúng ta. Để xử lý chúng, tiêu diệt mục tiêu lựa chọn là giải pháp lý tưởng. Mặt khác, đánh sâu nhằm vào hiệu suất hoạt động của những đối tượng có ý đồ gây hại cho chúng ta trong một, ba, năm hoặc mười năm tới. Đó là cuộc chiến cam go hơn, chủ yếu mang tính ý thức hệ, và cách thức chúng tôi tiến hành việc đánh sát có thể ảnh hưởng đến kết quả đánh sâu, nhất là khi chúng đẩy nhanh hoạt động tuyển mộ hay khai thác được sự ủng hộ.

Ngay cả khi tiến hành hoạt động đánh sát, chúng tôi luôn nghĩ về việc đánh sâu. Trong ba tuần ở lại vị trí Giám đốc CIA dưới thời Barrack Obama, tôi đã bàn về một cuộc không kích thành công nhằm vào al-Qaeda bên lề một cuộc họp tại phòng Tình huống của Nhà Trắng. Sau buổi bàn thảo đó, Rahm Emanuel, tân Chánh Văn phòng Nhà Trắng, không hiểu sao lại chúc mừng tôi về vai trò của CIA trong chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn đó. Tôi cảm ơn ông ấy, nhưng cảm thấy cần phải nói thêm: “Rahm này, hãy nhớ lấy. Đó là sự thành công trong công tác chống khủng bố. Nếu chúng ta không thay đổi điều kiện tại địa bàn, chúng ta sẽ vĩnh viễn phải làm cái việc giết người đó”.

Mối quan ngại về “khía cạnh vĩnh viễn” của chương trình này bắt đầu xuất hiện trong những nhận xét của tổng thống và

lên đến đỉnh điểm trong một bài diễn văn quan trọng của tổng thống vào tháng 5 năm 2013. Dường như Tổng thống Obama đã muốn thực hiện bài diễn văn này từ khá lâu rồi. Dù không còn công tác trong chính phủ, tôi vẫn là đối tượng được thường xuyên ám chỉ đến trong một bài diễn văn sắp tới về kế hoạch chống khủng bố trước mắt. Đó là bài diễn văn đã được ký nháy sẽ thực hiện vào ngay trước ngày xảy ra vụ đánh bom trong sự kiện Marathon Boston nhưng đã bị hoãn lại, rõ ràng là nhờ có sự trợ giúp tăng viện sau đó của nhóm chuyên trách truyền thông của tổng thống.

Với vụ Boston và Tsarnaev dồn dập xảy ra, tổng thống cuối cùng đã đăng đàn tại Đại học Quốc phòng để bày tỏ quan điểm và chỉ đạo. Đó là một bài diễn văn xuất sắc, dài và mang tính cá nhân sâu sắc, giống với Hamlet hơn là Patton (hay thậm chí là Marshall), nhưng thực sự phản ánh sự mâu thuẫn tư tưởng cá nhân về những tình thế tiến thoái lưỡng nan chúng ta đang phải đối mặt.

Bài diễn văn đó liên quan đến cái mà một trong những cố vấn hàng đầu của tổng thống gọi là “cuộc chiến vĩnh viễn”. Dích thân tổng thống đã nói: “Cuộc chiến này, giống như mọi cuộc chiến, phải được chấm dứt. Đó là điều lịch sử khuyến bảo. Đó là điều nền dân chủ của chúng ta yêu cầu”.

Một tổng thống mà vào thời điểm đó đã tiến hành 85 phần trăm tổng số cuộc không kích bí mật bằng phương tiện bay không người lái trong lịch sử loài người đã kêu gọi tiến hành các biện pháp hạn chế, minh bạch và cơ chế giám sát, loại bỏ gần như hoàn toàn sự thiệt hại ngoài mong muốn của những cuộc không kích như vậy. Một tổng thống đã và đang phát động cuộc chiến toàn cầu trong hơn bốn năm tính đến thời điểm đó đã kêu gọi Quốc hội tinh chỉnh và cuối cùng là tước bỏ thẩm quyền của mình được tiến hành cuộc chiến đó và sau đó tái ban hành một quyết định cho phép sử dụng sức mạnh

quân sự tuyên chiến với Al-Qaeda có tính hạn chế thẩm quyền hơn rất nhiều.

Tất nhiên tiền đề phân tích của bài diễn văn này là sai khuyết. Mặc dù đánh giá đúng cơ sở lỗi al-Qaeda là “chiếc vỏ bọc cho chính bản thân tổ chức trước đây”, bài diễn văn đã đánh giá thấp trầm trọng những mối đe dọa đang nổi lên: “Trong những năm tới, không phải mọi tổ chức ô hợp nào tự dán cho mình cái nhãn al-Qaeda cũng có thể mang đến mối đe dọa thực tế đối với nước Mỹ”. Đó là phiên bản cao cấp của bản mô tả về sau của ông ấy coi Cộng hòa Hồi giáo Irắc và Xyri là một đội thể thao của trường phổ thông (JV team). Đó là nhận định sai lầm thậm tệ, nhưng chỉ mãi sau này điều đó mới được thừa nhận đúng đắn (và cay đắng).

Dẫu vậy, thứ dường như rõ ràng vào thời điểm đó là tổng thống thấy không yên tâm với những hành động của chính mình. Một bản tóm tắt không hoàn toàn bất công cho bài nói chuyện kéo dài một tiếng đồng hồ đó như sau: “Ngay cả khi mọi người nghĩ tôi đã hành động rất giống với người khác, chắc chắn mọi người có thể thấy tôi không yên tâm với chuyện này và có ý định ngừng lại”.

Sự bất nhất giữa lời lẽ vận động tranh cử và hành động điều hành thực tế là điều dễ dàng hiểu được, vì vấn đề an ninh quốc gia khi xem xét trong phòng Bầu dục rất khác so với khi xem xét trong căn phòng khách sạn ở Iowa. Nhưng đây lại là chuyện khác. Chuyện này dường như liên quan đến sự bất nhất giữa việc làm của tổng thống với những niềm tin sâu sắc nhất của bản thân ông ấy.

Đương nhiên, sự nổi lên của tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng của Irắc và Xyri (ISIS), tình trạng hỗn loạn ở Yêmen, sự tan rã phe phái ở Irắc, Xyri và cả Libi, và sự phát triển của hệ thống tổ chức chân rết al-Qaeda đã khiến những cuộc bàn luận

này tạm thời lắng lại. Hiện nay chẳng ai tha thiết với triển vọng nước Mỹ tự nguyện trói tay mình cả.

Nhưng những vấn đề này rồi sẽ xuất hiện trở lại. Vào một lúc nào đó cuộc tranh cãi về hoạt động tiêu diệt mục tiêu lựa chọn sẽ xuất hiện trở lại.

Theo quan điểm của tôi, nước Mỹ cần duy trì và sẵn lòng sử dụng khả năng này. Chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo cực đoan hoành hành ở Pakixtan, Xômalia, Yêmen, Xyri, Libi, Mali và nhiều nơi khác, những nơi mà chính phủ không có khả năng và ý chí hành động. Trong một số trường hợp như vậy, nước Mỹ buộc phải hành động.

Và phương tiện bay không người lái được trang bị vũ khí chính xác, thông tin tình báo tinh và mạnh mang đến khả năng ứng phó tương xứng và khác biệt đối với trường hợp được đánh giá cần phải hành động như vậy.

Thứ chúng ta cần ở đây là một bảng bấm số, không phải một chiếc công tắc.

*

* *

Pakixtan là nơi mà mọi vấn đề tiến thoái lưỡng nan của cuộc chiến chống khủng bố dường như biểu hiện ở dạng đỉnh điểm nhất.

CIA thực ra đã có thành công đáng kể trong việc phối hợp với ISI của Pakixtan khi truy quét al-Qaeda tại những vùng định cư của nước này: Abu Zubaida ở Faisalabad (2002); Ramzi bin al-Shibh ở Karachi (2002); Khalid Sheikh Mohammed ở Rawalpindi (2003); Abu Faraj al-Libi gần Peshawar (2005). Mức độ thành công dường như đủ để giới thủ lĩnh cấp cao của al-Qaeda không còn lui tới các vùng định cư và tìm sự an toàn tương đối tại Khu vực FATA.

Chưa từng có ai cai quản Khu vực FATA, chính quyền Ấn Độ thuộc Anh cũng không và Chính phủ Pakixtan lại càng không. Luật, tập tục và quan hệ họ hàng bộ lạc vẫn ngự trị nơi đó. Tôi còn nhớ một cuộc nói chuyện với Giám đốc ISI khi đó là Pasha vào năm 2008. Vì đang cố gắng thuyết phục thiết lập quan hệ hợp tác và đối tác, nên tôi đã nỗ lực khác thường trong việc nhấn mạnh chúng tôi dựa nhiều vào khả năng chuyên môn của ISI như thế nào để hiểu được những nơi như vùng bộ lạc này. Thực ra lúc nào tôi cũng nghĩ rằng Pasha, một người Punjab, cũng chỉ là một người nước ngoài khi liên quan đến vùng Waziristan như tôi mà thôi.

Vào tháng 9 năm 2006, một vị tướng Pakixtan đã nghỉ hưu và là cựu Tư lệnh quân đoàn Ali Jan Aurakzai, người gốc Pashtun, do đó là thành viên của nhóm sắc tộc đông đảo của vùng này, đã ký một thỏa thuận - Hòa ước Waziristan - theo đó chấm dứt hầu như mọi hoạt động quân sự của Pakixtan tại Khu vực FATA. Đổi lại, các thủ lĩnh bộ lạc Pashtun địa phương (hay còn gọi là malik) hứa hẹn sẽ bảo đảm an ninh cho vùng này, ngăn chặn hoạt động di chuyển qua biên giới, xua đuổi hoặc kiểm soát “người nước ngoài” (nghĩa là cả al-Qaeda) và có các biện pháp chống lại xu hướng Taliban hóa và hoạt động huấn luyện bán quân sự.

Đó là kiểu thỏa thuận mà vào những thời điểm đơn giản hơn chúng tôi có thể đánh giá là nhìn xa trông rộng, đặt niềm tin vào người địa phương, tôn trọng sự khác biệt, có tầm nhìn dài hạn. Nhưng đó không phải là những thời điểm yên bình hơn và chúng tôi tiên liệu rằng việc giảm bớt hoạt động quân sự của Pakixtan sẽ dẫn đến việc al-Qaeda và Taliban chọn đây là nơi trú ẩn an toàn và điểm tựa để trỗi dậy trở lại.

Giám đốc ISI Ashfaq Kayani chẳng nói được điều gì làm với bớt mối quan ngại của chúng tôi khi ông ấy cho hay là có rất ít triển vọng cho quân đội Pakixtan tiến hành các hoạt động quân sự

rầm rộ tại vùng bộ lạc này. Ông ấy nói rằng đây là vấn đề ý chí hơn là năng lực. Quân đội của ông ấy chắc chắn phải dành sự chú ý nhiều hơn đến Ấn Độ. Thực vậy, một quan chức cấp cao của Pakixtan có nói với tôi rằng quân đội của ông ấy là quân đội duy nhất trên thế giới đánh giá mức độ hiểu biết về mối đe dọa (Ấn Độ) để xây dựng sức mạnh quân sự mong muốn. Vậy nên, Quân đội Pakixtan (PAKMIL) là lực lượng đông đảo, được trang bị nhiều pháo hạng nặng và hoạt động nhiều ở khu vực đường bộ - và rất không phù hợp cho việc di chuyển theo các đường mòn vùng núi hay chiến đấu với lực lượng phiến quân.

Nhưng chúng tôi không thấy nhiều bằng chứng chứng tỏ họ muốn hành động quân sự tại đó. Kayani dường như muốn nói rằng, nếu quả thực có vấn đề gì với nơi đó, ở tít trên Khu vực FATA kia, thì đó là vấn đề của các vị, không phải của chúng tôi.

Ít nhất thì ông ấy cũng có phần đúng. Đây là vấn đề của chúng ta. Có thể tìm thấy những căn nguyên dẫn đến sự trở lại của Taliban tại Ápganixtan đến cuối năm 2006; cũng có thể làm tương tự với những nơi trú ẩn an toàn của al-Qaeda tại Waziristan.

Tôi ở Gioócdani cùng Jose Rodriguez, Giám đốc Sở Mật vụ quốc gia (NCS) Mỹ, vào tháng 01 năm 2007. Tình cờ Tổng thống Pakixtan Pervez Musharraf cũng đang có mặt tại Vương quốc Hashemite này. Chúng tôi đã xin phép và được chấp thuận gặp gỡ ông ấy trong một khu sảnh khách sạn ở Amman và trình bày lý do chúng tôi nghĩ thỏa thuận Aurakzai là một ý tưởng thực sự thất sách.

Musharraf rất lịch thiệp. Suy cho cùng, ông ấy thậm chí còn không phải đứng ra mời chúng tôi đến tiếp kiến. Lịch thiệp, nhưng không lay chuyển nổi. Ông ấy kiên nhẫn lắng nghe và rồi tiễn chúng tôi về. Sẽ không có sự thay đổi nào trong chính sách. Quân đội của ông ấy được xây dựng để đối phó với Ấn Độ, chứ không phải các lực lượng phiến quân bộ lạc, và ông ấy

không có ý định tiêu hao quân đội tại các vùng núi Waziristan bằng hoạt động truy đuổi các phần tử cực đoan thánh chiến người Pashtun, người Uzbek hay người Ả-rập.

Trong năm tiếp theo, chúng tôi tiếp tục thúc ép Musharraf và Kayani hành động mạnh tay hơn chống lại phong trào phản loạn ngày một phát triển mạnh tại Khu vực FATA hoặc cho phép Mỹ quyền hành động nhiều hơn. Chúng tôi hầu như không đạt được tiến triển nào. Khi Chính phủ Mỹ trình bày với các quan chức Pakixtan thông tin tình báo xác nhận một thủ lĩnh al-Qaeda và một kế hoạch hành động nhằm “dọn hẩn khỏi chiến trường”, câu trả lời của họ là không đồng ý, chậm trễ đến phát điên hoặc mục tiêu của chúng tôi đã thay đổi vị trí đột ngột và ngoài dự kiến. Lời tổng kết bất nhả và tức giận cho năm đó của chúng tôi là nước Mỹ chẳng khác nào “đạt điểm 0 cho năm 2007”.

Đó là năm của thứ mà một trong những chuyên gia phân tích giỏi nhất của tôi gọi là “cuộc trôi dạt lớn”. Chúng tôi cần tốc độ để phá bỏ mạng lưới al-Qaeda nhanh hơn mức chúng có thể xây dựng lại, và chúng tôi không có được thứ đó. Các bản phân tích về mối đe dọa ngày một tăng cứ liên tục được chuyển qua bàn làm việc của tôi. Chúng tôi có những mẫu thông tin về việc lập âm mưu tấn công, việc có người phương Tây đến vùng bộ lạc FATA và bằng chứng cho thấy một vài trong số họ đã “tốt nghiệp” và đang trở về nước. Về mặt tổ chức, giới lãnh đạo al-Qaeda đang ý thức rất rõ tình thế của họ, hệ thống thứ bậc đang được cải cách, các ủy ban đang được xây dựng lại.

Điều này không chỉ không hay với chúng tôi. Chiến lược của Musharraf rất cực cũng nguy hiểm cho cả ông ấy nữa. Nội trong năm đó, phong trào phản loạn đã lan tràn trở lại các khu vực định cư và ông ấy có một cơ sở tiền đồn Hồi giáo cực đoan hoạt động tích cực nằm cách tòa nhà nghị viện ở Islamabad vài trăm mét.

Thánh Đường Đỏ (Red Mosque) từng là cái lò tuyển dụng và huấn luyện chiến binh trong phong trào thánh chiến chống lại Liên Xô, và đến mùa Hè năm 2007 nơi đây lại dần lấy lại danh tiếng lò ươm phiến quân. Các đội quân phụ nữ của nhà thờ Hồi giáo này chiếm đoạt khu đất liền kề và cướp phá các cửa hàng bằng đĩa ở thủ đô; một lệnh *fatwa* (lệnh Hồi giáo) do vị giáo chủ của nhà thờ này ban bố cho phép binh lính quân đội Pakixtan được mai táng đúng nghi thức Hồi giáo nếu bị giết trong lúc chiến đấu chống lại Taliban, và có những lời đồn thổi lan tràn khắp Islamabad về việc các phần tử đánh bom tự sát đang được cơ sở tôn giáo này che chở.

Musharraf đã quyết định hành động. Sau một cuộc bao vây ngắn, ông ấy lệnh cho các lực lượng đặc nhiệm tiến vào khu Thánh Đường rộng lớn; đã có sự kháng cự và hàng trăm người thiệt mạng. Trong một bài phát biểu trước cả nước giải trình về hành động của mình, Musharraf phàn nàn rằng: "Họ chuẩn bị mọi thứ để biến cơ sở tôn giáo này thành pháo đài chiến đấu và chứa chấp các phần tử khủng bố khác trong đó".

Những bánh xe khác đã long ra khỏi trục ở Islamabad. Chỉ trong vài ngày sau cuộc tấn công vào Thánh Đường Đỏ, Tòa án Tối cao của Pakixtan - trước sự thúc giục của một đoàn luật sư vận động hùng hậu - đã ban lệnh phục chức cho vị chánh án và cũng là nhà hoạt động đã bị Musharraf cách chức trước đó do chống lại chế độ quyền hành độc đoán của ông ấy. Musharraf cũng đang phải đối mặt với sức ép ngày một tăng về việc từ bỏ vai trò khác của mình là tổng tham mưu trưởng quân đội. Ông ấy đã làm điều này vào tháng 11 để nhường chỗ cho Giám đốc ISI Kayani. Đến nay nước Mỹ vẫn đang có động thái vận động cho sự trở về của cựu Thủ tướng lưu vong Benazir Bhutto theo cơ chế chia sẻ quyền lực với Musharraf.

Được ân xá miễn các tội danh tham nhũng đang chờ thi hành án, Bhutto trở về Pakixtan tháng 10 năm 2007 để tham gia

chạy đua trong cuộc bầu cử sắp tới. Bà ấy đã thoát chết trong một vụ ám sát ngay sau khi về nước nhưng may mắn như vậy không mỉm cười với bà vào cuối tháng 12 khi một phần tử đánh bom tự sát lấy đi mạng sống của bà và gần hai chục người ủng hộ trong cuộc mít tinh vận động tranh cử tại Rawalpindi.

Chúng tôi triệu tập họp tại phòng Tình huống ngày 27 tháng 12 khi CNN và các hãng tin khác phát video về cuộc tấn công này. Bhutto cùng kế hoạch của nước Mỹ đã chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc hạ cánh mềm dành cho Musharraf đã chết. Tổng thống Bush muốn biết cận kề hơn về bức tranh lớn này.

Tôi nói: “Musharraf đã phạm phải một sai lầm chí mạng. Ông ấy cảm thấy chủ nghĩa cực đoan tại Khu vực FATA chỉ đe dọa chúng ta và Ápganixtan, chứ không phải ông ấy. Ông ấy cắt bỏ thỏa thuận Waziristan năm ngoái và vứt nó vào xó. Điều đó tạo điều kiện cho phong trào phiến loạn Pashtun và tư tưởng cuồng tín al-Qaeda phát triển và sau đó hợp nhất lại theo cách có phần giống với phong trào thánh chiến chống Liên Xô năm nào”.

“Sau khi ông ấy dùng vũ lực tiến vào Thánh Đường Đỏ vào mùa Hè năm ngoái, Osama bin Laden đã ban bố một lệnh *fatwa* chống lại ông ấy. Giờ đây bọn chúng đang mò ra khỏi vùng núi và hướng xuống vùng đất bằng, đang bám theo ông ấy cùng chính phủ của ông”.

Vài ngày sau, Giám đốc Tình báo quốc gia Mike McConnell và tôi được chỉ thị bí mật đáp máy bay đến Islamabad để trình bày kế hoạch này với Musharraf. Chúng tôi cố gắng bảo đảm càng ít người biết càng tốt về chuyến bay dài này và máy bay của chúng tôi chỉ lưu lại trên mặt đất ở Islamabad đủ để bước xuống.

Đại sứ Anne Patterson cho phép chúng tôi tắm rửa và thay quần áo tại nơi ở riêng của bà ấy và sau đó chúng tôi lên đường đến phủ tổng thống. Chúng tôi gặp Musharraf Taj,

tân tham mưu trưởng quân đội Kayani và người kế nhiệm tạm thời cho Kayani tại ISI là Nadeem Taj, một người trung thành lâu năm của Musharraf.

McConnell và tôi trình bày kế hoạch theo hướng chúng tôi đã bàn thảo trong phòng Tình huống. Tôi quỳ xuống trước chiếc bàn cà phê, trải ra một tấm bản đồ và một đồng ảnh có hình các khu vực huấn luyện và nhà trú ẩn của lực lượng phiến quân. Thông điệp ở đây rất đơn giản: "Chúng đang bám theo cả các vị nữa, chứ không chỉ chúng tôi".

Musharraf có thể đã tin vào lời mô tả của chúng tôi về mối đe dọa *thực chất*. Chuyện này thật khó nói chắc. Nhưng Musharraf là một người dày dạn đã từng thoát chết sau nhiều lần bị ám sát, và ngay thời điểm đó vấn đề chính của ông ấy vẫn là cuộc đấu tranh giành *quyền lực chính trị* của mình tại Islamabad. Dù chúng tôi có gợi ý sử dụng máy bay chiến đấu hạng nặng và các dạng hỏa lực mạnh khác trong cuộc bàn thảo, người Pakixtan vẫn không có ý định ra tay hành động tại Khu vực FATA. Cuộc đấu tranh chính trị ở Islamabad và các khu vực định cư đã ngốn của họ toàn bộ tâm trí và thời gian.

Đó là chuyến bay dài về nước và tôi nói vậy không chỉ theo nghĩa biểu tượng. Chuyến bay mất nhiều thời gian hơn bình thường bởi vì người Pakixtan không chịu nạp nhiên liệu cho chiếc máy bay quay lại đón chúng tôi và chúng tôi phải bay đến Bagram ở Ápganixtan để nạp nhiên liệu. Phi hành đoàn đã quên mang theo thẻ tín dụng của chính phủ - không thể tìm được cách nào thay thế thứ này - và người Pakixtan nhất quyết không chịu giải quyết linh hoạt. Lại thêm một mẫu bằng chứng nữa cho thấy những gã này đúng là "bạn đểu".

Trở về nước, chúng tôi hướng sự tập trung trở lại vào hoạt động xây dựng lực lượng của al-Qaeda đang diễn ra tại Khu vực FATA, nhất là ở Waziristan. Đây không phải là Ápganixtan trước sự kiện 11/9, nhưng tình hình ở đây thực sự rất tệ. Chúng tôi

tiếp tục nhận được thông tin tình báo tốt từ các nguồn tình báo con người và kỹ thuật. Đó là dạng thông tin sử dụng được, nhưng đồng minh của chúng tôi không sẵn lòng và không có khả năng hành động, thậm chí không mấy sẵn lòng trong việc cởi dây trói khỏi tay nước Mỹ.

Tôi quay trở lại Nam Á vài tháng sau đó, vào mùa Xuân năm 2008, đến những điểm dừng chân thông thường, nhưng nán lại lâu hơn bình thường ở Ápganixtan. Tôi có kế hoạch đến thăm một số cơ sở của chúng tôi, vì lý do an ninh, tốt hơn nên đến vào buổi đêm, và tôi cũng phải dành thời gian cho trạm thường trú CIA tại Kabul. Trưởng trạm thường trú CIA tại Kabul, một nhân vật kỳ cựu đã nhiều lần được triển khai vào các vùng chiến sự, muốn bảo đảm tôi có nhiều thời gian dành cho nhân viên của ông ấy, gặp gỡ không chính thức tại khu tầng hầm thô nhám mang tên “Talibar” và chỉ chính thức hơn một chút trong các văn phòng của trạm thường trú.

Tâm trạng thất vọng là thứ sờ thấy được. Chúng tôi đang thất thế trước sự xuất hiện của những cơ sở trú ẩn an toàn của Taliban và al-Qaeda tại Pakixtan và dọc biên giới. Những gì còn tồn tại thuộc về quốc gia Pakixtan dọc theo Giới tuyến Durand, là giới tuyến chia tách Ápganixtan và Pakixtan, hầu như không còn tác dụng gì. Vào hầu hết các đêm, các đơn vị tuần biên và lực lượng cảnh sát biên giới làm ngơ trước những hoạt động di chuyển của kẻ địch; đôi khi họ còn hỗ trợ và tiếp tay cho những hoạt động này.

Tôi có cuộc nói chuyện dài với chuyên viên trưởng bộ phận xác định mục tiêu của trạm thường trú CIA tại Kabul là Yolanda, một phụ nữ trẻ tuổi đầy năng lượng với mái tóc nâu dài, người mà trạm thường trú phong cho biệt danh “Thiên thần chết chóc”. Cô ấy có rất nhiều báo cáo tình báo mà không thể làm gì với phần lớn trong số đó, và cô ấy đóng góp ý kiến cá nhân mạnh mẽ vào tâm trạng thất vọng chung.

Tổ chức được cho là đối tác của chúng tôi, ISI, vẫn tiếp tục ủng hộ những thủ lĩnh Taliban như Tư lệnh Nazir. Họ coi những nhân vật như Nazir là tấm phen dầu để bảo đảm chiều sâu chiến lược trong cuộc ganh đua toàn lực với Ấn Độ. Với chúng tôi, những người như hắn là kẻ cướp mạng sống của người Mỹ, trong đó có một người của chúng tôi tại trạm thường trú Kabul.

Người Pakixtan trở nên quần trí cao độ. Khi năm 2008 vừa trôi qua, chính phủ của Pervez Musharraf, với đặc tính như đã nói, đang hướng tới bờ vực phân rã. Cuộc tổng tuyển cử vào tháng 02 đã mang tới cho Đảng Nhân dân Pakixtan (PPP) của Benazir Bhutto quá cố trong Nghị viện, và đến tháng 8, một liên minh do PPP dẫn đầu bắt đầu tiến hành các thủ tục luận tội đối với Musharraf. Ông ấy từ chức ngay trong tháng đó và bỏ trốn sang London vào tháng 11.

Người thay thế vị trí của Musharraf là chồng bà Bhutto, Asif Ali Zardari, người được Đảng PPP dựng lên khi bà Bhutto bị ám sát với lý do đảng này khó có thể tránh được một cuộc đấu đá nội bộ trầy vi, tróc vảy nếu chọn một người kế nhiệm khác. Vị đại sứ tài năng và quyết đoán của chúng tôi tại Pakixtan là Anne Patterson có thể thấy trước việc này sẽ dẫn tới đâu và đã nỗ lực rất nhiều thúc đẩy Pakixtan hướng tới chế độ dân chủ trong quá trình xây dựng mối quan hệ với tổng thống sắp kế nhiệm.

Trong một chuyến thăm, bà ấy đưa theo một nhân viên cấp cao của CIA để trình bày với Zardari về tình hình hiện tại và những việc chúng tôi đang làm. Đang rất muốn giành được sự ủng hộ của Mỹ và với nhiều lợi ích liên quan khác, Zardari chấp nhận kế hoạch của Patterson. Ông ấy cảnh báo rằng mình có thể bị chỉ trích công khai và thú nhận là có một số thành phần trong chính phủ ông ấy thực sự không thể kiểm soát (ý nói đến ISI và quân đội).

Ý đó chắc chắn là đúng, nhưng gạt vấn đề chính trị và chính sách sang một bên, những hoạt động trao đổi chuyên gia của CIA với ISI của Pakixtan thường không thiên kiến và chỉ dựa vào thực tế. Đội ngũ nhân viên cấp trung của ISI thường nắm rõ vấn đề ở các khía cạnh những điều nước Mỹ đang làm và lý do làm việc đó.

Nhưng ISI thường hành xử như một danh từ số nhiều và có những vấn đề thỉnh thoảng phát sinh, như là việc họ cố gắng hạn chế quy mô nhân lực mà CIA có thể đưa vào Pakixtan. Nước Mỹ rõ ràng đang thu thập được một số thông tin tình báo rất tốt ở đó, một thực tế chắc hẳn đã khiến ISI không thoải mái. Họ có thể có hoặc không có khả năng nhìn rõ cách thức chúng tôi đang xây dựng hoạt động tình báo, nhưng họ đã đúng khi nhận định rằng sẽ khó làm việc hơn nếu chúng tôi có ít người hơn trong khu vực này. Vậy nên ISI bắt đầu ngụy biện, nghi vấn, trì hoãn và cuối cùng là từ chối yêu cầu cấp thị thực cho nhiều nhân viên do chúng tôi cử đến. Thật nhỏ nhen. Thật đau đớn. Nhưng điều đó không ngăn được những việc chúng tôi đang làm.

Chúng tôi cũng đang đích thân vận động hành lang Zardari. Tháng 9 năm 2008, Steve Kappes và tôi dành một ngày ở New York trong thời gian diễn ra phiên họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc khiến khu vực Manhattan ngày thường rất hỗn loạn trở nên hỗn loạn gấp bội, vậy nên Steve và tôi cùng với đội an ninh của chúng tôi phải di chuyển bằng cách đi bộ gần như cả ngày hôm đó. Cũng đáng thôi. Chúng tôi ở đó để gặp tổng thống mới của Pakixtan.

Zardari là người hấp dẫn, năng động thái quá và hay ăn hối lộ đến mức bị người Pakixtan gán cho cái mác “Ngài Mười phần trăm”. Chúng tôi gặp ông ấy tại dãy phòng khách sạn tại Waldorf và nhanh chóng ngốn hết lượng thời gian dành cho mình. Ông ấy phải chạy đi gặp thủ tướng Ấn Độ, nhưng một mục yêu cầu

chúng tôi ở lại chờ ông ấy quay về. Ông ấy muốn tiếp tục nói chuyện. Vậy nên chúng tôi đã ở lại, hưởng sự chăm sóc của đội ngũ trợ lý của tổng thống mới, những người cố gắng bảo đảm chúng tôi cảm thấy như ở nhà bằng việc mời chúng tôi dùng nước hoa quả và các món kẹo Nam Á.

Chúng tôi trình bày với Zardari cùng kế hoạch vĩ mô mà chúng tôi đã trình bày với Musharraf chín tháng trước đó. Không phải ông ấy không quan tâm, nhưng đây là người rõ ràng coi trọng mối quan hệ hơn là các dữ liệu. Ông ấy chỉ muốn chúng tôi ở lại đó và “vun đắp quan hệ”.

Dẫu vậy, Chính phủ Mỹ có việc cần phải giải quyết. “Các nguồn tin” Chính phủ Pakixtan đang hướng tới thói quen thường xuyên cáo buộc về tình trạng thiệt hại to lớn mà những người dân thường vô tội ở Nam Á phải gánh chịu. Cáo buộc đó có thể đã thỏa mãn một phần nhu cầu chính trị nội bộ nào đó của Pakixtan mà chúng tôi không nhận thấy rõ, nhưng đó là cáo buộc không đúng. Và nếu như mục đích ở đây là gây sức ép để Chính phủ Mỹ ngừng bất cứ việc gì chúng tôi đang làm, chúng tôi cam đoan với ông ấy rằng việc đó sẽ vô tác dụng.

Tôi giải thích: “Thưa Ngài Tổng thống, chúng tôi biết sự thật và nói thẳng chúng tôi nghĩ những lời nói dối này rất cuộc lại đang gây khó cho Ngài. Dựng lên chuyện này thì phỏng có ích gì?”

Tôi bắt đầu bày một số tài liệu ra trước mắt Zardari để giải thích với ông ấy “về sự quan tâm lớn lao mà Chính phủ Mỹ dành cho...”. Ông ấy lập tức ngắt lời tôi, vỗ vào cánh tay tôi và vừa cười khẩy rồi nói: “Đại tướng này, tôi không phải là người Mỹ. Tôi không quan tâm những thứ như vậy”.

Ôi trời, tôi đoán đó là một dạng giấy phép, nhưng không phải thứ chúng tôi muốn nhận hay cần tới. Steve và tôi rời Manhattan trong tâm trạng mơ hồ về tính cách của người vừa đối diện và quay trở lại với công việc.

Pakixtan chưa bao giờ thôi là trọng tâm chú ý của chúng tôi và hai tháng sau chính họ lại khiến chúng tôi phải đau đầu theo cách khó chịu nhất.

Trước ngày Lễ Tạ ơn, tôi vừa thái cần tây để chuẩn bị mấy món ăn cho ngày nghỉ lễ vừa xem bản tin phát liên tục về Khách sạn Cung điện Taj Mahal ở Mumbai bốc cháy trong lúc các phần tử khủng bố thuộc tổ chức Lashkar-e-Taiba (LET) tràn khắp đường phố giết hại hoặc làm bị thương gần năm trăm người tại một trung tâm thương mại của Ấn Độ.

Cuộc tấn công ở Mumbai gây lo ngại ở nhiều cấp độ. Đương nhiên là có sự thiệt hại về người: những người vô tội bị bắn gục trong một nhà hàng thuộc khách sạn, tại một ga tàu và tại một trung tâm Do Thái giáo. Tiếp đó có mối lo ngại rằng đối tác chống khủng bố, lực lượng ISI của Pakixtan có liên quan trong vụ này. Tiếp đến là đặc tính của bản thân cuộc tấn công. Chưa đầy một chục kẻ cuồng tín với điện thoại di động và vũ khí tự động vừa gây ra một sự kiện khủng bố có tác động chiến lược. Điều đó có nghĩa gì khi nói đến mối đe dọa trong tương lai với bản thân nước Mỹ? Điều gì xảy ra nếu al-Qaeda coi đây là kiến thức cần vận dụng?

Còn một vấn đề nữa, sát gần hơn. Ấn Độ sẽ phản ứng ra sao? Đường như có rất nhiều dấu vết liên quan đến Pakixtan trong vụ sát hại dã man này và điều đó dường như tất yếu sẽ dẫn đến phản ứng gay gắt của giới chức Ấn Độ. Và rồi thì sao?

Dấu chính quyền đương nhiệm đang rất ráo chuẩn bị cho cuộc bầu cử tổng thống, ngành ngoại giao Mỹ đã làm việc không ngừng nghỉ để tháo gỡ nòng cốt cho tình hình ở đó. Thứ cuối cùng mà một tổng thống mới cần là một cuộc chiến nữa ở Nam Á.

Qua điện thoại, tôi thường xuyên quấy nhiễu nhiều người đồng nhiệm với mình phía Pakixtan, giờ đây là Ahmed Shuja Pasha (nguyên là Tổng Chỉ huy Sở Tư lệnh Tác chiến quân sự, chức danh điều hành cao nhất trong quân đội Pakixtan), thúc giục

ông ấy đi thẳng vào bản chất của vụ tấn công này và trao đổi thẳng thắn với chúng tôi. Chúng tôi không nghi ngờ gì về vụ tấn công đó là sản phẩm của LET, nhưng có ngày nhiều bằng chứng cho thấy việc chuẩn bị và chỉ đạo thực hiện vụ tấn công được tiến hành từ bên trong Pakixtan, nơi LET được hưởng sự bảo vệ và hỗ trợ của ISI.

Pasha vừa về ISI chỉ vài tuần trước đó và không phải là người có kinh nghiệm tình báo. ISI là cơ quan có nhiều bộ phận chuyên môn nhỏ, vậy nên chúng tôi sẽ không ngạc nhiên nếu nhiều thứ mà giờ đây ông ấy được biết, là thứ lần đầu ông ấy được khám phá.

Ông ấy đáp máy bay đến Mỹ vào Ngày Giáng sinh và dành gần hết buổi chiều ngày hôm sau trong phòng làm việc của tôi. Ông ấy xem xét kỹ lưỡng từng mục ghi chép. Việc xem xét kỹ lưỡng giúp ông ấy phát hiện ra một số cựu nhân viên của ISI có mối liên hệ với Lashkar-e-Taiba (không có gì ngạc nhiên ở đây). Pasha thừa nhận rằng những người đã thôi việc chưa xác định (và vẫn chưa bị bắt giữ) này có thể đã tham gia một hình thức huấn luyện nào đó dành cho những kẻ thực hiện vụ tấn công đó, nhưng tỏ ra ngỡ ngàng như vẫn thấy khi đề cập bất kỳ sự chỉ đạo chi tiết nào mà những kẻ tấn công nhận được trong suốt cuộc tấn công bằng điện thoại di động gọi từ Pakixtan. Ông ấy cũng không thừa nhận có mối quan hệ chính thức hơn giữa LET và ISI, dấu cho LET là sản phẩm hoạt động tình báo được tạo ra để chống lại sự kiểm soát của Ấn Độ tại vùng Kashmir. Và ISI dường như không biết nhiều về sự chuyển hướng mới đây của LET từ một nhóm khủng bố có trọng tâm hoạt động là vùng Kashmir sang một tổ chức có tham vọng toàn cầu giống al-Qaeda hơn, một cuộc dịch chuyển dễ dàng phát hiện thấy qua hoạt động trên website của nhóm này.

Tôi cố gắng chuyển những thông tin tình báo đã được tinh lọc đủ mức cho Pasha liên quan đến những điều chúng tôi tin là

đang diễn ra nhằm cố gắng thuyết phục ông ấy ra tay hành động. Nếu ông ấy biết là chúng tôi biết... có thể chúng tôi sẽ nhận được sự lay chuyển quyết định nào đó.

Chúng tôi đã không giành được sự thành công trọn vẹn. Nhiều người Pakixtan vẫn coi LET (giống như mạng lưới Haqqani và Taliban) là một dạng lực lượng dự bị chiến lược nào đó hơn là một nguy cơ chiến lược và mối hiểm họa khu vực như bản chất của tổ chức này. Những cố gắng của Pakixtan trước đây nhằm hạn chế hoạt động của LET thường không kéo dài lâu và thực hiện không triệt để. Tình trạng hiện nay tỏ ra không có gì khác biệt.

Giới chức tình báo Pakixtan đồng ý cuộc tấn công Mumbai thực sự là một bi kịch, nhưng họ không liên quan gì và thực sự không biết nhiều thông tin liên quan đến vụ này.

Ơn Chúa, người Ấn Độ đã tỏ ra là người rất biết kiềm chế.

Và ơn Chúa, hai vị tổng thống kế tiếp của nước Mỹ đã quyết định đơn phương hành động vì sự an toàn của người Mỹ đòi hỏi phải làm điều đó.

Chương XIX

GIẢI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

CIA, tháng 11 năm 2008 - tháng 02 năm 2009

Tôi nghĩ quan điểm đồng thuận của cộng đồng tình báo là sự đắc cử của John McCain sẽ mang đến nhiều rắc rối cho cách thức nước Mỹ khai thác thông tin tình báo hơn là sự đắc cử của Barack Obama.

Thượng nghị sĩ McCain là một nhân cách lớn. Yêu nước. Anh dũng. Mạnh mẽ. Giàu tình cảm. Ông ấy từng dùng dùng bỏ ra khỏi một cuộc họp mà tôi đang tham dự tại Điện Capitol dành cho các đảng viên Đảng Cộng hòa của Thượng viện, buộc tội tôi che đậy những thứ xấu xa của mình trong khi phơi bày những thứ xấu xa của họ (bản tóm tắt của tôi, không phải của ông ấy). Sau đấy ông ấy quay lại với phiên họp và nói lời xin lỗi.

Barack Obama là người ít được biết đến. Tôi từng được lên lịch gặp mặt ông ấy vào mùa Xuân năm 2008, theo ý của ông ấy, vì mục đích gì thì đến nay tôi vẫn chưa nắm rõ. Dẫu vậy, vị ứng cử viên tổng thống này lại bận đột xuất vì phải đến dự lễ truy điệu Tim Russert tại Trung tâm Kennedy và ông ấy đích thân gọi điện cho tôi để hoãn buổi gặp và hứa sẽ mau chóng có buổi gặp mặt với tôi. Chiến dịch vận động rõ ràng đã cuốn trôi ông ấy và cuộc gặp như đã hứa không bao giờ diễn ra.

Có một số người tại CIA nhìn nhận cuộc bầu cử sắp tới với mối quan ngại lớn, sợ rằng tân tổng thống sẽ cố gắng khởi tố

những nhân viên CIA can dự đến hoạt động điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn. Thực vậy, cả hai ứng cử viên đều bày tỏ quan điểm tiêu cực mạnh mẽ về các chương trình này, còn Eric Holder thì hứa hẹn cụ thể sẽ có cuộc truy cứu trách nhiệm trong khi tiến hành vận động cho Thượng nghị sĩ Obama.

Một luật sư cao cấp của CIA có thăm dò ý tôi về một kế hoạch kiến nghị tổng thống sớm, yêu cầu ông ấy tha thứ cho mọi nhân vật có liên quan. Cần phải nói rõ, ông ấy không hề có ý gán lỗi cho các đồng nghiệp của mình trong cơ quan. Ông ấy chỉ sợ những cuộc điều tra và hoạt động kiện tụng mang động cơ chính trị sẽ làm đảo lộn cuộc sống và ảnh hưởng đến phúc lợi của mọi người. Xét những gì Holder đã làm sau khi tại nhiệm, lo ngại của luật sư CIA đúng là có tính tiên tri.

Tôi thông cảm với những gì ông ấy đang cố gắng làm, nhưng cũng nhìn nhận đây là việc ẩn chứa nhiều khó khăn. Hiện đã có một cuộc điều tra tích cực đối với việc tiêu hủy các băng video. Tôi ngờ rằng tổng thống thậm chí sẽ không xem xét đến những yêu cầu tha thứ và một số người sẽ coi việc chúng tôi đều đặn yêu cầu là sự thú nhận tội lỗi. Việc này cũng có thể khiến chúng tôi phải công khai trình bày về những nỗ lực đang tiến hành để thuyết phục chính quyền mới rằng những chương trình này cần phải được duy trì.

Tôi muốn nghe một quan điểm khác, vậy nên đã tóm lấy Fred Fielding, Cố vấn pháp lý Nhà Trắng, bên lề một cuộc họp tại phòng Tình huống và giải thích tóm tắt với ông ấy những điều tôi nghĩ. Fred và tôi đã xây dựng tình bạn kể từ khi ông ấy về đảm nhiệm chức vụ trên vào đầu năm 2007. Phong cách khéo léo và thân tình của ông ấy thật dễ chịu, khiến người ta an lòng. Không có thước đo sự khôn ngoan chính trị và pháp lý nào tốt hơn việc đề cập chuyện này, và sau một cuộc nói chuyện ngắn, tôi có thể thấy rõ là Fred thể hiện thái độ không nhiệt tình một cách rõ rệt. Mặc dù vào thời điểm đó tôi không biết

điều này, song ông ấy khi đó đang tham mưu về việc không nên tha thứ hoàn toàn cho Scooter Libby, cựu Chánh Văn phòng của phó tổng thống.

Tôi đã phải buông tay trong vấn đề này. Không cần phải đặt tổng thống vào tình thế bất khả thi. Cũng không cần phải hành xử như thể chúng tôi là người cần được tha thứ. Nhưng tôi sẽ bàn khoản nhiều về quyết định này trong những năm tiếp theo khi Eric Holder quả thực đã quyết tâm truy cứu trách nhiệm đối với các nhân viên CIA.

Vào đêm bầu cử, chúng tôi bố trí các đội hoạt động ở Phoenix và Chicago. Để tránh lặp lại cuộc trì hoãn dài tám năm về trước ở Florida, có ai đó muốn được nhận PDB - Tường trình hàng ngày dành cho Tổng thống - vào buổi sáng. Vào đầu giờ tối, có thể thấy rất rõ rằng *ai đó* ở đây chính là Barack Obama.

Quy trình sẽ vẫn như vậy đối với cả hai người. Giống như những bộ phận khác trong chính phủ, chúng tôi sẽ cố gắng để được tiếp cận nhiều với tổng thống và tạo ra càng nhiều càng tốt những khoảnh khắc mà chúng tôi gọi một cách thô thiển là “úi, chết tiệt thật”.

Nói vậy không có ý thiếu tôn trọng. Trên thực tế, quy trình này được thiết kế để bảo vệ tổng thống vừa đắc cử. Quy trình này sẽ bao gồm những người ở quanh ông ấy trước cuộc bầu cử và sẽ ở quanh ông ấy sau cuộc bầu cử tiếp theo để nói cho ông ấy về thế giới theo cách nhìn nhận của họ, không phải qua lăng kính của sự hùng biện vận động tranh cử, những cuộc thăm dò khảo sát hay thế giới như những gì ông ấy mong muốn. Số lần “úi, chết tiệt thật” phản ánh số lần họ thành công, như trong “Úi, chết tiệt thật, giá như chúng ta không nói ra điều đó trong chặng vận động ở Buffalo”.

Tôi phải đợi đến ngày 09 tháng 12 để có được sự tiếp cận trực tiếp với tổng thống và phó tổng thống vừa đắc cử. Toàn bộ đội ngũ sắp xếp nhiệm nhận tường trình về mỗi đe dọa và

tình hình hiện tại từ Giám đốc Tình báo quốc gia, người mà theo luật là cố vấn tình báo cấp cao của tổng thống. Tôi cần nói với họ về hành động ngầm, thứ vẫn thuộc về lãnh địa riêng của CIA.

Cuộc hẹn tháng 12 rõ ràng là sự chờ đợi lâu và vừa đặt chân đến Chicago đã có người nói với tôi rằng cuộc hẹn của chúng tôi có thể gặp nguy cơ. Khi tôi bước vào khu hành lang tối của khách sạn mà chúng tôi đặt ở trung tâm thành phố (chúng tôi đến muộn để hạn chế bị chú ý), đội trưởng đội an ninh riêng nói thầm với tôi rằng chúng tôi gặp một vấn đề. Điểm hẹn gặp đã được thay đổi; cơ sở an toàn tại văn phòng của FBI trong tòa nhà liên bang không còn được dùng nữa, nhưng chúng tôi đã đặt được một phòng nhỏ hơn tại một địa điểm khác.

Hơi bực mình, tôi hỏi: “Tại sao vậy?”

Ghé sát vào tai tôi, người đội trưởng an ninh nói thầm: “Vì FBI bắt giữ thống đốc lúc sáng nay”.

Sáng hôm sau, tại địa điểm mới, khi vừa thấy tổng thống mới đắc cử tôi đã thấy ông ấy lẩm bẩm nói đi nói lại với chính bản thân mình: “Tay thống đốc đang cố chơi mình một ván. Tay thống đốc đang cố chơi mình một ván”.

Địa điểm hẹn gặp mới rất chật. Chúng tôi ngồi đối diện qua một chiếc bàn hẹp với tổng thống mới đắc cử; phó tổng thống mới đắc cử; người sắp kế nhiệm chức chánh văn phòng Nhà Trắng Rahm Emanuel; người vừa được chỉ định là cố vấn an ninh quốc gia Jim Jones; Tony Blinken, Cố vấn an ninh quốc gia cho phó tổng thống; và Mark Lippert, một sĩ quan dự bị thuộc hải quân, người đã sát cánh với chiến dịch vận động tranh cử từ trước cuộc bầu chọn ứng cử viên trong nội bộ Đảng Dân chủ tại Iowa.

Tôi trải một tấm bản đồ toàn cầu ra phần bàn giữa tổng thống mới đắc cử và tôi. Những lời chú giải trong đó nêu bật toàn bộ hành động ngầm đang được tiến hành, một số thì chú trọng

vào khía cạnh địa lý, số khác lại được tổ chức xung quanh các vấn đề toàn cầu. Tôi bắt đầu lên tiếng: “Thưa Ngài Tổng thống mới đắc cử”. (Vâng, từ này hơi kỳ cục, nhưng rút ngắn thành “Ngài Tổng thống” thì có phần hơi đi trước các bước hiến định, còn quay trở lại với “Ngài Thống đốc” thì lại bỏ qua một thực tế hiến định quan trọng - ông ấy đã được bầu làm tổng thống).

“Thưa Ngài Tổng thống mới đắc cử, tôi sắp tường trình với Ngài về toàn bộ những hành động ngầm hiện đang được tiến hành. Tất cả những hành động này đều đã được tổng thống cho phép. Nhưng quyết định cho phép đến từ văn phòng - chứ không phải tư cách cá nhân - của tổng thống, vậy nên nếu không có bất kỳ hành động nào từ phía Ngài, toàn bộ những hành động này sẽ được chính thức tiếp diễn vào chiều 20 tháng 01 [Ngày Nhậm chức]”.

Sau đó tôi chuyển qua trình bày chi tiết mọi việc chúng tôi đang tiến hành. Tổng thống mới đắc cử tập trung lắng nghe, tiếp thu mọi thứ mà hầu như không có phản ứng rõ ràng nào. Phó tổng thống mới đắc cử thì vẫn nói nhiều như thường lệ, vậy nên một trong những thách thức tôi phải giải quyết là đưa cả hai người đó tới cuối mỗi trang gần như cùng một lúc.

Tổng thống mới đắc cử trở nên sôi nổi hơn khi chúng tôi nói về hoạt động phổ biến vũ khí hạt nhân. Ông ấy muốn biết sự phân công lao động của chúng tôi, nhất là mức độ chú trọng mà chúng tôi dành cho Iran. Ông ấy chấp nhận mà không bình luận gì về mức ước tính 80 phần trăm của tôi.

Chúng tôi cũng trình bày hoạt động tiêu diệt mục tiêu lựa chọn dọc đường biên giới Ápganixtan - Pakixtan đã gia tăng như thế nào vào nửa cuối năm 2008 và kết quả của chúng đang vượt quá khả năng thay thế nhân sự chủ chốt của al-Qaeda.

Tôi để vấn đề còn nhiều tranh cãi - điều chuyển đối tượng, giam giữ và thẩm tra - trình bày sau cùng.

Đến lúc phải trình bày, tôi bắt đầu bằng vấn đề điều chuyển đối tượng - việc chuyển giao ngoại tọng một đối tượng đến một bên thứ ba. Tôi giải thích đại khái rằng chúng tôi phải tiến hành một loạt những hoạt động này trong suốt tám năm qua, rằng chúng không phải là thứ gì đó do chính quyền Bush mới tạo ra, và trách nhiệm đạo lý và pháp lý của chúng tôi đối với những đối tượng giam giữ, kể cả ở địa điểm mới là gì.

Phó Tổng thống mới đắc cử đột nhiên ngắt lời tôi: “Ồ, thôi nào, Đại tướng. Ông chuyển họ đến những nơi này để tra tấn họ rồi moi thông tin chứ gì”.

Tổng thống mới đắc cử chú ý lắng nghe, nhưng không nói gì (vẫn như thế trong phần lớn thời gian buổi tường trình) khi tôi đáp lại: “Thưa Ngài Phó tổng thống mới đắc cử, điều đó đơn giản là không đúng. Và giờ đây, khi tôi đã trình bày với Ngài về việc đó, Ngài nên chấm dứt nói kiểu như vậy đi”. Chẳng hay ho gì khi để cơ hội trôi qua cả.

Khi chúng tôi trình bày đến vấn đề giam giữ và thẩm vấn, tổng thống mới đắc cử giành quyền điều khiển phần trình bày. Tôi vừa mới nói vài câu thì ông ấy đã hỏi: “Những kỹ thuật [thẩm vấn] này là như thế nào?”

Tôi yêu cầu David Shedd, Chánh Văn phòng Giám đốc Tình báo quốc gia, ra đứng cạnh tôi trong khi tôi làm thị phạm cho ông ấy hai phương pháp thẩm vấn là lôi túm và vỗ đập mà chúng tôi được phép thực hiện. Khi ngồi xuống ghế, tôi nói thêm rằng chúng tôi cũng áp dụng phương pháp quản chế giấc ngủ và cố gắng giải thích cho tổng thống mới đắc cử nắm được những điều chúng tôi không được làm và được làm ở đó.

Tôi nghĩ ông ấy có phần choáng ngợp, vì phản ứng tức thì lúc đó của ông ấy là: “Thế còn những kỹ thuật khác là như thế nào?”

Tôi liệt kê những kỹ thuật đó, rồi sau đó ông ấy nói rằng tôi cần làm việc với Greg Craig, người sắp làm cố vấn pháp lý Nhà Trắng, để bàn về kế hoạch trước mắt.

Lên máy bay từ Chicago trở về, tôi vẫn không biết tương lai mình sẽ ra sao, chẳng có gì ngoài lời bình luận mơ hồ của Denis McDonough (cố vấn thân cận của tổng thống, người sau đó đảm nhận nhiều vai trò khác nhau mà tổng thống giao phó) rằng đội ngũ chuyển tiếp sẽ “sò gáy” tôi. Chúng tôi chưa từng trải qua một cuộc chuyển tiếp cương vị tổng thống dưới quyền một Giám đốc Tình báo quốc gia. Các Giám đốc Tình báo Trung ương là người vừa đứng đầu cộng đồng tình báo Mỹ, vừa có thẩm quyền chỉ đạo CIA. Chức danh này thường xuyên được đổi người với mỗi đời tổng thống mới (George Tenet là một ngoại lệ khi được Tổng thống George W. Bush khi đó sắp kế nhiệm giữ lại), nhưng Giám đốc Tình báo Trung ương lúc này lãnh đạo cộng đồng tình báo, còn tôi “chỉ” lãnh đạo CIA. Tôi quyết tâm không gán chức danh của mình với các yếu tố chính trị (vì vốn dĩ nó không có tính chính trị), vậy nên tôi cũng chẳng nói với ai rằng tôi tin mình sẽ *phải* ra đi.

Dẫu vậy, tổng thống mới đặc cử nghĩ rằng tôi nên ra đi, và đến đầu tháng 01, cái tên Leon Panetta được chỉ định không chính thức là người sẽ thay thế tôi. Steve Kappes, cấp phó của tôi, đã gọi điện cho John Brennan (người đứng đầu đội ngũ chuyển tiếp của ngành tình báo) để hỏi xem liệu có ai có ý định nói chuyện với tôi không. Tổng thống mới đặc cử gọi về nhà tôi vào tối hôm đó, nói với tôi rằng việc chọn người của ông ấy dựa vào sự cần thiết phải lật sang trang mới (và không nhìn về phía sau), và mời tôi tiếp tục lãnh đạo CIA cho đến khi Leon được Thượng viện phê chuẩn. Tôi đồng ý ngay. Tôi có thể tạm dưng khoảng thời gian đó, vì tôi chưa bắt đầu lập bất cứ kế hoạch chuyển tiếp thực sự nào.

Việc không có sự chuẩn bị tốt từ trước đúng là một sai lầm. Tôi đã duy trì một lập trường nghiêm khắc về việc hành xử theo hướng chức danh Giám đốc CIA không mang yếu tố chính trị, nhưng đây không phải là lập trường thực tế. Việc Tổng thống Bush

nêu ý kiến với người kế nhiệm mình về việc nên giữ lại tôi càng khiến tôi thấy tổn thương hơn là vinh dự. Tôi sắp phải ra đi và tôi nên thấy trước được điều này. Nói gì thì nói, hoạt động tình báo đòi hỏi phải có khả năng phân tích tốt.

Nhưng nếu như sự chuyển tiếp là thứ tồi tệ với tôi, nó còn tệ hơn đối với John Brennan, người đã cố vấn cho Obama trong thời gian vận động tranh cử và giờ đây là người đứng đầu đội ngũ chuyển tiếp của ngành tình báo. Xét hầu hết khía cạnh, đội ngũ của ông ấy bao gồm toàn những nhân vật kỳ cựu trong ngành tình báo mà chúng tôi biết rõ và nể trọng, và cách tiếp cận phi chính trị của họ là sự bổ sung hoàn hảo cho đường lối chỉ đạo của Tổng thống Bush dành cho chúng tôi khi tiến hành một cuộc “thay máu” chuyên môn. John giải bày với tôi rằng một trong những chỉ thị họ nhận được là không bổ sung nhân sự mới, việc đó chúng tôi thấy ổn.

Dù đã nói với tôi rằng không một thành viên nào trong đội ngũ chuyển tiếp nhắm tới thay thế các chức vụ trong tương lai, nhưng John rõ ràng muốn thay thế tôi làm Giám đốc CIA. Nhưng cộng đồng thạo tin lại bác bỏ ý nghĩ này, với những người kiểu như Andrew Sullivan (người trước sau luôn chống đối Bush) và Glenn Greenwald (gần như chống đối mọi thứ) đang ở vị trí dẫn đầu và có sự ủng hộ mạnh mẽ của luật sư về nhân quyền Scott Horton. Họ nói đến những vai trò cao cấp khác của John dưới trướng George Tenet (chánh văn phòng, giám đốc điều hành, giám đốc Trung tâm Thu thập thông tin về đe dọa khủng bố - TTIC), khi mà hoạt động giam giữ đối tượng đang ở cao điểm của nguy cơ bị xếp vào diện cấm áp dụng. Họ cũng lôi ra những câu trích dẫn ngay năm trước đó mà trong đó John tuyên bố rằng hoạt động thẩm vấn đã cứu được nhiều mạng sống và hoạt động điều chuyển đối tượng là một công cụ thiết yếu.

Ít ngày trước Lễ Tạ ơn, John có viết một bức thư rõ ràng và thẳng thắn gửi tờ *Washington Post* thông báo về việc rút khỏi

chế độ xem xét đảm nhận một chức vụ mà đội ngũ sắp kế nhiệm chưa bao giờ công khai gắn nó với ông ấy. Ông ấy cũng nhân cơ hội đó để nói rằng cá nhân ông ấy không liên quan đến những chính sách và hoạt động trước đây của CIA.

Mọi chuyện vỡ lở theo cách khá khó chịu. Khi John đến gặp tôi vào ngày hôm sau cùng với Jami Miscik (nguyên Giám đốc Ban Phân tích CIA) để làm công việc chuyển tiếp theo lệ thường, tôi đã cố gắng làm sao để không khí trở nên nhẹ nhàng đôi chút. Sau khi chào họ ở khu ngoài văn phòng, tôi tự lẩm bẩm với bản thân: “Vâng, cảm ơn nhiều đã không làm lớn chuyện này”.

Vừa ngồi xuống, tôi nhìn thẳng vào John và nói giọng cảm thông: “Tôi rất lấy làm tiếc, John à. Tôi biết ông cảm thấy thế nào”. Ý tôi muốn nói ở đây là sự đối xử không công bằng của báo chí.

John ngập ngừng một giây, rồi trả lời ngắn gọn: “Với tất cả sự kính trọng, Mike à, ông không biết được đâu”.

Câu chuyện tạm ngừng đôi chút. Miscik nhìn chăm chăm về phía trước. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh bằng việc đếm thầm đến mười. Nào, đồ khốn, John (một). Nào, đồ khốn, John (hai). Nào, đồ khốn, John (ba)... và cứ như thế đến mười. Sau đó chúng tôi tiếp tục buổi gặp như thể chưa có chuyện gì xảy ra.

(Rốt cuộc John đã trở thành Giám đốc CIA năm 2014 và thời gian trước đó của ông ấy tại cơ quan này quả thực vẫn tiếp tục là một vấn đề khi ông ấy kiên quyết bảo vệ CIA trước những cáo buộc khó lọt tai).

Và trải nghiệm công việc của John không bị chia tách. Với tất cả sự khó chịu cá nhân, đây là một vấn đề chính sách nghiêm túc. Một cấu trúc nhân sự đại thể gồm có Greenwald, Sullivan, Horton và những cán bộ quan chức cấp cao của chính quyền đương nhiệm trông có vẻ không ổn lắm.

Một trường hợp tai nạn về sau mới thấy là Phil Mudd, người được đề cử vào vị trí trợ lý bộ trưởng Bộ An ninh nội địa đặc trách

tình báo và phân tích. Phil là một nhà chuyên môn chu toàn, một chuyên gia phân tích sự nghiệp của CIA với chuyên môn vô cùng tuyệt vời và kinh nghiệm sâu rộng trong công tác chống khủng bố. Khi còn là Phó Giám đốc thường trực Tình báo quốc gia (PDDNI), tôi có ép ông ấy rời khỏi vùng dễ chịu tại CIA của mình để đảm nhận nhiệm vụ khó khăn hơn là phó giám đốc của Chi nhánh An ninh quốc gia, mới được thành lập của FBI. Nhiệm vụ của Phil ở đó là mở rộng văn phòng và đưa hoạt động phân tích dựa vào hoạt động pháp lý và thực thi pháp luật dịch chuyển theo hướng trở thành một chức năng tình báo đích thực: suy đoán, phá hỏng và xử lý “khoảng cách giữa các vụ”.

Một nhiệm vụ không dễ dàng, nhưng Phil đã làm tốt. Ông ấy giành được sự tôn trọng của toàn thể FBI và nỗ lực không biết mệt mỏi đưa đội ngũ nhân sự của mình vào dòng hoạt động chủ đạo của cộng đồng tình báo. Trong quá trình đó, ông ấy đã có được sự hiểu biết sâu về những quan chức thực thi pháp luật ở mọi cấp chính quyền và được họ chấp nhận. Là một chuyên viên tình báo quốc gia với nhiều năng lực trong đội ngũ cốt, Phil Mudd được nhấm đưa vào công tác tại Bộ An ninh nội địa, là đầu mối trung gian then chốt giữa nhu cầu và năng lực quốc gia về người bảo vệ nhà nước, bộ lạc và dân địa phương và những người cứu trợ.

Thực tế không như vậy. Giới thạo tin đã bắt đầu kháo nhau về sự không phù hợp của Phil cho vị trí công việc này. Ông ấy có tội gì ư? Ông ấy từng là phó giám đốc của Trung tâm Chống khủng bố của CIA và là chuyên viên phân tích chính của trung tâm này trong giai đoạn đỉnh cao hoạt động chống khủng bố nhằm vào al-Qaeda của CIA.

Khi Mudd lân la tìm hiểu qua đội ngũ nhân viên Điện Capitol, họ nói với ông ấy rằng chính khía cạnh này trong quá khứ của ông, chứ không phải những năng lực khiến ông bảo đảm điều kiện cho vị trí công tác tương lai, sẽ là trọng tâm

trong những buổi điều trần đối với ông ấy. Phil đã bình tĩnh (và khôn ngoan) từ chối điều này. Ông ấy không muốn trở thành miếng thịt kẹp giữa miếng bánh sandwich, bị hỏi vặn để trả lời định nghĩa về tra tấn là như thế nào hay liệu ông ấy có đồng ý với mô tả của Tổng thống Obama cho rằng đây là một giai đoạn đen tối trong lịch sử của chúng ta, hay với ý kiến quả quyết của cựu phó tổng thống cho rằng hàng trăm mạng sống đã được cứu, hay với nhận định của Chủ tịch Hạ viện rằng “họ suốt ngày đánh lừa chúng ta”, hay với những phát biểu công khai của tôi rằng chương trình thẩm vấn của CIA đã giúp có được nhiều thông tin tình báo có giá trị. Vượt ra ngoài phạm vi những tổn thất tinh thần cá nhân mà một cuộc thẩm tra như vậy sẽ gây ra cho mình, Phil đơn giản sẽ không tiếp tay cho tư tưởng bè phái và tạo ra nhiều xáo trộn hơn nữa đối với cộng đồng mà ông ấy rất yêu mến. Và thế là đất nước này không có được viên chức phù hợp nhất ngồi vào vị trí trưởng bộ phận tình báo tại Bộ An ninh nội địa (DHS).

Nhà Trắng đưa ra một bản thông báo chiếu lệ ngắn, bày tỏ lấy làm tiếc về quyết định của Phil. Tôi có viết một bài trang sau xã luận (op-ed) về sự ngu xuẩn tai hại của toàn bộ việc này và âm thầm hy vọng rằng cuộc thanh trừng sẽ mau chóng diễn ra.

Việc bổ nhiệm Leon Panetta khiến một số người ngạc nhiên. Thành viên cấp cao của Đảng Dân chủ trong Ủy ban Tình báo Thượng viện tỏ ra giận dữ khi họ không được tham vấn về sự lựa chọn của đội ngũ dưới trướng tổng thống mới và hơi có phần lo lắng về việc Leon thiếu kinh nghiệm tình báo. Thượng nghị sĩ Feinstein đã âm thầm truyền đạt với cấp phó của tôi là Steve Kappes về việc ông ấy quan tâm đến vị trí này. Với tất cả những xì xèo nói trên, việc Leon được Thượng viện phê chuẩn bổ nhiệm chưa bao giờ bị hoài nghi.

Tôi có cuộc gặp đầu tiên với ông ấy tại trụ sở của đội ngũ chuyển tiếp khu trung tâm Washington. Tôi cùng Steve Kappes

đến buổi làm việc này và đưa theo một số nhân vật chủ chốt trong ban lãnh đạo CIA, bố trí họ đợi phòng trường hợp có yêu cầu tường trình. Kế hoạch cuộc chơi rất đơn giản. Tôi sẽ trình bày với người mới được đề cử về Steve trong khoảng mười lăm phút sau đó ra về để Panetta nói chuyện với Steve về việc giữ ông ấy ở vị trí Phó Giám đốc CIA. Sau buổi làm việc đó, đội ngũ lãnh đạo cấp cao của CIA sẽ bước vào, giới thiệu về mình với giám đốc sắp kế nhiệm và trình bày những khía cạnh quan trọng trong công việc của họ.

Tôi có lập một danh sách ngắn những điểm cần trình bày trong khoảng 15 phút và viết vào mặt sau tấm thẻ ghi nhớ. Sau khi chúc mừng ông ấy được bổ nhiệm, tôi nói với Panetta rằng, sau khi đã được Thượng viện phê chuẩn bổ nhiệm, ông ấy sẽ là chỉ huy chiến trường của Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố. Ông ấy sẽ đưa ra những kiểu quyết định hành động thường không liên quan tới các chỉ huy chiến trường, và sẽ phải đưa ra những kiểu quyết định như thế vào bất cứ thời điểm nào trong ngày. Tôi cũng nói rằng ông ấy đang được kế thừa một đội ngũ lãnh đạo tuyệt vời.

Sau đó tôi hơi cúi người về phía trước, ngầm ý nói đến những nhận xét của ông ấy trong thời gian không làm việc cho chính phủ, khuyên ông ấy đừng bao giờ sử dụng lại từ “tra tấn” và “CIA” trong cùng một đoạn văn. Tôi nói rằng tra tấn là một thuật ngữ pháp lý. Nó có nghĩa đặc thù. Nó là một trọng tội. Gắn nó với cơ quan này là không chính xác và sẽ mang tới những điều bất lợi rất khó kiểm soát, nếu không muốn nói là không thể kiểm soát. Có rất nhiều từ khác có thể chọn nếu ông ấy muốn lên án bất kỳ chính sách hay hoạt động nào trước đây, nhưng riêng từ này thì nên tránh. Đây là lần duy nhất trong suốt cuộc trao đổi nồng ấm và thân thiện mà tôi không thể đọc được phản ứng của ông ấy.

Vài tuần sau đó, trong buổi điều trần phê chuẩn bổ nhiệm trước Ủy ban Tình báo Thượng viện, Thượng nghị sĩ Carl Levin hỏi trực tiếp Panetta về việc ông ấy có đồng ý với ý kiến của tổng thống và bộ trưởng tư pháp cho rằng trấn nước - một kỹ thuật thẩm vấn tôi đã khẳng định trước đó rằng CIA đã áp dụng với ba đối tượng - là một hình thức tra tấn. Ông ấy lập tức đáp là đúng vậy: “Tôi đã bày tỏ quan điểm cho rằng trấn nước là một hình thức tra tấn và việc làm đó là sai trái”.

Nhân vật được bổ nhiệm này đã phải chịu sức ép chính trị to lớn, khiến ông buộc phải nói ra những điều vừa nói ở trên. Tổng thống đã nêu rõ lập trường đó trong chiến dịch tranh cử của ông ấy, và cả lãnh đạo phe Dân chủ trong Quốc hội nữa. Và tất yếu là bất kỳ nhân vật nào được chỉ định bổ nhiệm vào vị trí bộ trưởng tư pháp trong chính quyền Obama cũng sẽ thể hiện lập trường phản thân đó trong buổi điều trần phê chuẩn bổ nhiệm của mình, như Eric Holder đã làm (mà, đương nhiên, không biết gì về kỹ thuật trấn nước và tầm quan trọng của kỹ thuật này trong việc moi được thông tin tình báo có giá trị từ những đối tượng khủng bố bị giam giữ). Người được bổ nhiệm làm Giám đốc CIA cũng vậy. Nói gì thì nói, đây là điều khá thất vọng.

Thẩm phán Michael Mukasey đã từng phải đối mặt với một loại hình chất vấn tương tự trong buổi điều trần phê chuẩn bổ nhiệm vào chức vụ bộ trưởng tư pháp vào năm 2007. Các thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ rất giận dữ với Mukasey khi ông từ chối trả lời, nhưng ông ấy chỉ đơn giản phản ánh thực tế rằng vấn đề pháp lý này phụ thuộc vào những chi tiết cụ thể và không thể được quyết định theo những điều kiện trừu tượng. Điều này đặc biệt đúng, khi Quốc hội đã bác bỏ yêu cầu sửa đổi của Thượng nghị sĩ Kennedy, dứt khoát coi trấn nước là hành động phạm luật trong Đạo luật Ủy thác quân sự (MCA) năm 2006.

Vậy là câu trả lời của Panetta, giống như của Holder trước đó, mang yếu tố chính trị hơn là pháp lý nhưng dù sao cũng vẫn

khiến đội ngũ nhân viên CIA chưng hửng. Giám đốc sắp kế nhiệm vừa nói rằng đội ngũ nhân sự mà ông ấy sắp tiếp nhận lại là những người vướng vào thứ mà ông ấy coi là một trọng tội.

Trước đó, người được chỉ định vào vị trí Giám đốc Tình báo quốc gia là Blair (sau một cuộc nói chuyện qua điện thoại với tôi giống với cuộc trao đổi giữa tôi với Panetta) đã từ chối trả lời cùng câu hỏi này, và nói với chính các thượng nghị sĩ đó rằng mình thấy rất kỳ cục khi lãnh đạo một đội ngũ nhân sự mà trước đó từng bị mình cáo buộc làm điều bất hợp pháp.

Với sự bảo đảm cá nhân của mình, Panetta - trong ít nhất là bốn buổi trong suốt quy trình điều trần - đã nhấn mạnh rằng những nhân viên CIA hoạt động phù hợp với những quan điểm pháp lý khi đó sẽ không bị truy tố.

Gần cuối ngày hôm đó, Thượng nghị sĩ Wyden hỏi Panetta liệu ông ấy có tin rằng nước Mỹ đã “điều chuyển” các đối tượng cho nước thứ ba vì *mục đích áp dụng tra tấn* hay không. Panetta đáp là ông ấy tin chúng ta đã làm việc đó: “Tôi đồ rằng đúng là có chuyện như vậy... rằng chúng ta đã điều chuyển các đối tượng đến những nước mà biết rõ là họ sẽ sử dụng một số kỹ thuật thẩm vấn”. Sau khi thừa nhận rằng ông ấy có rất ít thông tin về chủ đề này, ông ấy kết luận bằng câu nói: “Đường như có mọi biểu hiện về việc chúng ta đã sử dụng chương trình điều chuyển đối tượng này cho mục đích đó”.

Giống như nhiều người trong đội ngũ nhân sự CIA, tôi theo dõi sát qua C-SPAN phần khai chứng này. Điều chuyển “vì mục đích tra tấn” - sao không nói là chúng ta có những biện pháp chưa căn cơ trong việc yêu cầu bảo đảm về cách đối xử hay một đối tác đã phản bội niềm tin của chúng ta - không, ông ấy đã nói là vì *mục đích áp dụng tra tấn*!

Tôi lập tức nhắc điện thoại đường dây bảo mật và gọi cho người đứng đầu Trung tâm Chống khủng bố, một chuyên gia điều hành thực địa giàu kinh nghiệm, một người nghiên cứu về

Hồi giáo, người có cách nói vừa ngay thẳng vừa súc tích. Tôi nói: “Anh đang xem thứ này à?”

“Ồ, có”.

“Tình hình thế nào?”

“Không hay”

“Chúng ta đã bao giờ điều chuyển ai đến một nước thứ ba vì mục đích áp dụng tra tấn chưa?”

“Chưa bao giờ”

“Không chỉ trong diện theo dõi của anh. Đã bao giờ chưa?”

“Chưa bao giờ”

“Và các anh sử dụng mọi công cụ chúng ta có để bảo đảm rằng một đối tác luôn thực hiện đúng cam kết chứ?”

“Luôn sử dụng”

“Cảm ơn. Tôi chỉ muốn xác nhận lại một lần nữa trước khi làm điều gì đó”.

Thượng viện có nhiều cuộc biểu quyết vào ngày hôm đó và mãi đến giữa buổi chiều cuộc điều trần vẫn chưa thể bắt đầu. Chủ tịch Feinstein đã phải tuyên bố giải tán buổi làm việc đó và đồng ý làm việc lại vào sáng hôm sau. Việc đó mang đến cho chúng tôi cơ hội chỉnh lại ý khai chứng vừa tai hại, vừa không đúng sự thật nói trên.

Chúng tôi gọi điện cho các trợ lý của đội ngũ chuyển tiếp phục vụ riêng cho nhân vật sắp được bổ nhiệm này. Cuộc nói chuyện rất đơn giản. Rút lại lời khai chứng “điều chuyển vì mục đích áp dụng tra tấn” vào sáng hôm sau, nếu không giám đốc đương nhiệm của CIA sẽ ra một bản thông báo công khai về việc giám đốc sắp kế nhiệm đã khai chứng dựa vào thông tin sai sự thật.

Đội ngũ chuyển tiếp cảm thấy rằng mọi chuyện ngày hôm đó đã diễn ra tốt đẹp, vậy nên tôi dám chắc ý kiến can thiệp của chúng tôi không được hoan nghênh cho lắm. Nhưng một số thành viên của đội ngũ chuyển tiếp cũng thừa nhận là cách nói

“điều chuyển vì mục đích áp dụng tra tấn” dù sao cũng rất thất sách, và họ không muốn những ồn ào dư luận ảnh hưởng đến kết quả tốt đẹp của ngày hôm đó.

Sáng hôm sau, trong phiên điều trần “hiệp phụ” phải tiến hành do lịch làm việc bận rộn của Thượng viện hôm trước, giám đốc sắp kế nhiệm không chấp nhận yêu cầu của Chủ tịch Feinstein bổ sung hay làm sáng tỏ bất cứ phát biểu nào hôm trước đó. Nhưng sau đó, để đáp lại câu hỏi có phần sắc sảo của Thượng nghị sĩ Bond, ông ấy thừa nhận rằng điều chuyển vì mục đích áp dụng tra tấn “không phải là chính sách của nước Mỹ” và ông ấy muốn “rút lại phát biểu” hôm trước. Lập trường thực dụng đó hầu như đã làm dịu tình hình.

Leon là người có khả năng học hỏi nhanh. Càng nhận được nhiều báo cáo tường trình của cơ quan, ông ấy càng xóa bỏ nhiều quan điểm được hình thành dựa vào thông tin không chính thống khi ông ấy không làm việc trong chính phủ. Ông ấy trở thành tấm lá chắn vững chãi bảo vệ cho CIA trước cả Nhà Trắng và Điện Capitol. Ông ấy là người bảo vệ CIA tốt hơn tôi làm với Quốc hội, xét việc ông ấy là đảng viên đảng đang cầm quyền [Đảng Dân chủ] và có kinh nghiệm cũng như nhiều mối quen biết cá nhân trong thiết chế này [Quốc hội].

Ông ấy cũng có khả năng thiên tài của một chính trị gia trong lĩnh vực quan hệ con người. Đó không phải là nhận định riêng của tôi. Giữa lúc mọi chuyện diễn ra như thế này ông ấy còn để lại một tin nhắn thoại ở điện thoại nhà riêng của tôi chúc cho đội Steelers mà tôi yêu mến giành kết quả tốt đẹp nhất trong trận tranh giải Super Bowl sắp diễn ra.

Cuộc gặp mặt mà tổng thống mới đặc cử hứa thu xếp cho tôi với Creg Craig còn một tháng nữa mới tới, nhưng ngày 09 tháng 01, Craig, cùng với cựu Thượng nghị sĩ tiểu bang Oklahoma (và là cố vấn riêng cho George Tenet) là David Boren và những thành viên khác của đội ngũ chuyển tiếp đã dành cho chúng tôi

trộn một buổi sáng tại Langley để nghe chúng tôi giải trình về hoạt động giam giữ và thẩm vấn.

Chúng tôi họp tại phòng hội nghị của Giám đốc CIA tại tầng bảy, đội ngũ chuyển tiếp ngồi một phía bàn, đội chống khủng bố của CIA và tôi ngồi phía bên kia, còn các chuyên gia chuyên ngành thì ngồi ở khu ghế phía sau chúng tôi.

Tôi đã dành rất nhiều thời gian chuẩn bị cho buổi làm việc này, nhưng trước khi bắt đầu tôi nói với Greg rằng, nếu coi đây là một chiến trường, tôi sẵn sàng trả lại buổi sáng cho ông ấy và đội ngũ của ông ấy. Ông ấy bảo đảm với tôi là không có chuyện đó.

“Tốt. Vậy thì, mục đích của chúng tôi ở đây là giải thích để các vị hiểu những việc chúng tôi thực tế đang làm và đã làm, chứ không phải những thông tin đồn thổi ngoài kia mà người ta vẫn hay lấy đó làm cơ sở để đưa ra phán xét và đưa vào bài phát biểu”. Chúng tôi không có ý định bào chữa cho việc *tra tấn*. Chúng tôi ở đó để bảo vệ cho chương trình này.

Tôi trình bày mọi thứ theo cách diễn đạt mà các thượng nghị sĩ chỉ trích đã sử dụng và sau đó tự hỏi, nếu như họ đã chắc chắn như vậy với lập trường của mình, tại sao họ lại nghĩ rằng họ cần phải mô tả sai những gì chúng tôi đã làm.

Sau đó tôi tiếp tục: “Nói đến việc đưa tới những thay đổi cho chương trình này, chúng tôi tin rằng với việc ta cho là cần phải làm, chúng tôi thực sự đã chăm lo việc đó vào năm 2006”.

Tôi biết rằng một trong những nhân tố thúc đẩy then chốt của chính quyền đương nhiệm là làm sao để “chúng ta có lẽ phải” trong mắt các đồng minh, vậy nên tôi đã chỉ ra rằng khoảng 90 phần trăm thông tin chúng tôi khai thác được từ đối tượng giam giữ đã được chia sẻ với nhiều trong số họ, rằng chúng tôi đã kiểm soát hàng trăm câu hỏi cho các đối tượng giam giữ dựa vào bảng câu hỏi của đối tác liên lạc, và rằng

chúng tôi cũng đã chia sẻ hàng trăm thành phẩm tình báo hoàn thiện bao gồm thông tin về đối tượng giam giữ.

Tôi cũng chỉ ra rằng, với tất cả quan điểm và hành động gay gắt, năm 2006 Quốc hội đã có cơ hội dừng chương trình này, và Quốc hội đã không làm điều đó*.

Tôi nhấn mạnh CIA đã bao lần đến gặp Bộ Tư pháp trong suốt thời gian tồn tại của chương trình và Bộ Tư pháp đã có quan điểm ủng hộ ra sao, không chỉ trong “bản ghi nhớ Bybee” rất nhiều người biết đến và gây rất nhiều tranh cãi vào lúc chương trình mới bắt đầu, mà còn trong những quan điểm hạn chế hơn về sau.

Tôi có rất nhiều thông tin chi tiết. Có 22 trang văn bản và ghi chú tường trình ở ngay trước mặt tôi là những con số và kỹ thuật thẩm vấn, các bản khai và thông tin tình báo. Nhưng lập luận cốt lõi của tôi hết sức rõ ràng: “Hãy cẩn thận. Đừng tùy tiện bỏ đi thứ gì đó mà một ngày nào đó ta có thể cần đến”.

Thượng nghị sĩ Boren về sau có nói với tờ *Washington Post* rằng ông ấy cảm thấy muốn được tắm gội sau buổi tường trình đó. Ông ấy đã không nói với tờ báo này rằng, có thời điểm trong cuộc bàn luận - phản ứng lại cơ sở lập luận “đừng rút hẳn nó đi” của chúng tôi - ông ấy nói với chúng tôi rằng, trong một hoàn cảnh *đặc biệt khó khăn* nào đó trong tương lai, tổng thống có thể ra lệnh cho chúng tôi làm điều gì đó và chúng tôi sẽ làm việc đó dựa vào sự cho phép của tổng thống.

Tôi đáp lại: “Ôi trời ạ. Thậm chí tôi còn chưa từng nghe David Addington và lý thuyết nhà hành pháp đơn nhất của ông ấy đề cập vấn đề này kiểu như vậy. Tôi biết rằng ông chỉ phải

* Công bằng mà nói, Đạo luật Ủy quyền tình báo năm 2008 đáng ra đã đưa tất cả cơ quan chính quyền Mỹ vào giới hạn chỉ được áp dụng những kỹ thuật thẩm vấn được cho phép áp dụng trong Sổ tay Chiến trường lục quân (AFM), nhưng Tổng thống Bush đã phủ quyết dự luật.

lo lắng về điều này trong vài tuần tiếp theo thôi, nhưng hãy quên chuyện đó đi. Tôi sẽ không ủng hộ thứ đó nữa đâu”.

Ngay lúc đó, giám đốc Trung tâm Chống khủng bố đang ngồi ngay bên phải tôi nói thêm: “Còn tôi sẽ không ra lệnh áp dụng thứ đó nữa”.

Và giữa khoảng thời gian im lặng không mấy dễ chịu ngay sau đó, có giọng nói xen vào từ hàng ghế phía sau: “Và không cần biết hai ông đó có thể nói gì, chúng tôi sẽ không làm việc đó”.

Cuối cùng, một người trong đội ngũ trợ lý riêng của tôi, với thái độ giận dữ thực sự, nói rằng anh ấy nghĩ lý thuyết này đã bị “bắn hạ” vào thập niên 1970.

Nói về cảm giác muốn được tắm gội.

Cuộc gặp này thực sự là một chiến trường, đương nhiên rồi. Đội ngũ chuyển tiếp của Bộ Tư pháp trước đó đã nỗ lực hồi thúc một sắc lệnh hành pháp đóng các địa điểm đen của CIA và giới hạn bất kỳ hoạt động thẩm vấn nào của Mỹ ở việc áp dụng những kỹ thuật được liệt kê trong Sổ tay Chiến trường lục quân. Trước một đội hình các sĩ quan cấp đô đốc đã nghỉ hưu, tổng thống đã ký Sắc lệnh hành pháp đó cùng với một sắc lệnh khác cam kết đóng cửa nhà tù Guantánamo hai ngày sau lễ nhậm chức.

Sáng hôm đó, trước khi tổng thống ký Sắc lệnh hành pháp, tôi cố gắng lần cuối với Craig, dù chúng tôi chưa chính thức nhận được bản dự thảo phối hợp của Sắc lệnh hành pháp.

Tôi bắt đầu: “Greg này, ông không hỏi, nhưng tôi muốn nói đây là hoạt động không tranh chấp chính thức của CIA”.

“Chúng tôi hiểu được điều đó, Mike à”.

“Và Greg này, ông có thể vớt vát lại phần lớn những gì chúng tôi cần nếu ông thêm đoạn ‘trừ phi tổng thống có yêu cầu khác’ vào đoạn văn hạn chế chúng tôi chỉ được áp dụng những kỹ thuật nêu trong Sổ tay Chiến trường lục quân. Chúng tôi cần sự

mơ hồ và ngờ vực trong đầu đối tượng giam giữ hơn *bất kỳ kỹ thuật cụ thể nào*”.

Greg nói rằng ông ấy sẽ “đưa chi tiết này vào quy trình cố vấn”.

Sau đó trong cùng ngày, Sắc lệnh hành pháp được công bố, trong đó không có chi tiết sửa đổi mà tôi yêu cầu. Bất chấp chúng tôi không đồng ý với các chi tiết trong đó, tổng thống đã trao cho CIA thứ họ muốn và thứ ông ấy nợ các nhân viên CIA: hướng dẫn rõ ràng. Tôi gõ vào nút “Gửi đi” để gửi đến đội ngũ nhân sự cơ quan một tin nhắn đã được soạn sẵn.

Điều kiện pháp lý và chính sách mà Cơ quan hoạt động trong cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố đã từng thay đổi trước đây và chúng tôi đã điều chỉnh một cách nhất quán và thận trọng nỗ lực của chúng ta cho phù hợp với những thay đổi đó. Sắc lệnh hành pháp này cũng không có gì khác. Chúng tôi sẽ xem xét kỹ lưỡng sắc lệnh này và có hướng dẫn thích hợp để bảo đảm rằng chúng ta tiếp tục hành động phù hợp với luật pháp và đường lối chính sách... Toàn thể anh chị em nhân sự của CIA sẽ tận dụng tốt nhất có thể không gian mà nền Cộng hòa trao cho chúng ta... Tôi có niềm tin vững chắc anh chị em luôn có khả năng làm như vậy và, như vẫn luôn là vậy, tôn trọng pháp luật và những giá trị của chế độ dân chủ chúng ta trung thành phụng sự.

Tôi không thể không đưa ra thêm một nhận xét.

Khi chính phủ của chúng ta thay đổi luật pháp và chính sách, chúng ta sẽ tuân theo đường lối đó mà không có ngoại lệ, cắt bỏ hay né tránh.

Ngoài chính phủ thì nội dung trên có thể giống với việc cảnh báo đội ngũ nhân sự không được thử thách những quy định hạn chế mới. Nhưng chúng tôi biết sâu hơn thế. Câu đó là dành cho chính quyền mới. Anh muốn có nó. Giờ đây anh sắp phải sống chung với nó. Ở đây không có cửa hậu. Thậm chí đừng nghĩ đến chuyện gọi điện.

Có ai đó hỏi tôi liệu có phải giờ đây chúng tôi huấn luyện nhân viên CIA áp dụng những kỹ thuật thẩm vấn liệt kê trong Sổ tay Chiến trường lục quân hay không. Tôi trả lời rằng nếu họ cần những người được huấn luyện áp dụng những thứ ghi trong Sổ tay Chiến trường lục quân, tôi có thể chỉ cho họ đi xuôi sông Potomac tới trụ sở của một cơ quan, nơi có hàng ngàn người được huấn luyện làm việc này theo đúng nghĩa đen. CIA sẽ vẫn cung cấp các chuyên gia chuyên ngành, nhưng chúng tôi đã thực hiện chương trình giam giữ và thẩm vấn đối tượng vì chúng tôi được trao những thẩm quyền đặc biệt. Giờ đây không có nữa. Chúng tôi không làm những việc đó nữa.

Khi làm việc với đội ngũ chuyển tiếp sắp tới, chúng tôi có may mắn hơn ở mảng điều chuyển đối tượng, tức là chuyển ngoại tưng các đối tượng từ một điểm đến một điểm khác. John Rizzo, Quyền Giám đốc cố vấn pháp lý của CIA, chụp quét phần dự thảo sắc lệnh hành pháp đến rất muộn nói về hoạt động điều chuyển đối tượng và nhanh chóng nhận ra rằng cách diễn đạt của phần nội dung này rất chung chung, đến mức có thể khiến chúng tôi phải ngừng cả hoạt động điều chuyển đối tượng. Quá hoảng hốt, John gọi điện cho Greg Craig để hỏi xem có phải có ý đồ gì ở đây không. “Tuyệt đối không có ý đồ gì”, Greg trả lời.

Chúng tôi đã và đang phải giải trình với đội ngũ sắp kế nhiệm rằng chúng tôi không thể yêu cầu hay hỗ trợ một nước khác làm việc gì đó nằm ngoài thẩm quyền pháp lý của chúng tôi. Không khó để nêu ra một loạt những kịch bản mà họ muốn ai đó giam giữ một cách lạnh lẽ (thậm chí là bí mật) một đối tượng nào đó và chuyển đối tượng đó cho bên thứ ba. Hãy hình dung một đối tượng chế tạo bom chạy trốn từ Ápganixtan sang Yemen qua Vịnh Ba Tư hay một đối tượng tài trợ khủng bố quá cảnh qua Các tiểu Vương quốc Ảrập Thống nhất (UAE) khi lui tới chỗ những cơ sở tài trợ khác nhau tại Vùng Vịnh.

Ngày hôm sau, khi Sắc lệnh hành pháp được công bố trong không khí trống dong, cờ mở, có một cụm từ mới được nhét vào phần nội dung cho phép giam giữ đối tượng “trên cơ sở tạm thời trong ngắn hạn”. Nói cách khác, hoạt động điều chuyển đối tượng vẫn được phép tiến hành - mặc dù từ “điều chuyển” thần thánh đó được tránh nhắc đến và, đương nhiên, chính quyền sắp kế nhiệm đã có nhiều nỗ lực đưa ra các hình thức bảo đảm không áp dụng tra tấn và đối xử tàn bạo, coi đó là yếu tố phân biệt họ với những người thực thi việc này trước đây. Chúng tôi đơn giản bỏ túi việc được tiếp tục sử dụng một công cụ giá trị và vượt mặt chịu nhin trước những lời răn dạy về đạo lý. (Việc nhiều phong trào thực tế xuất hiện từ năm 2009 tại khu vực Sừng châu Phi phía nam Sa mạc Sahara cho thấy thách thức liên tục khi phải làm việc với những đối tác nguy hiểm).

Và điều chuyển đối tượng chỉ là một ví dụ về tính liên tục. Bất chấp những lời lẽ châm biếm, có sự kiên định đáng ngạc nhiên giữa hai chính quyền trong lĩnh vực chống khủng bố mang đầy rẫy các yếu tố chính trị. Hơn nhiều so với trông đợi. Các địa điểm đen của CIA bị đóng cửa, nhưng hoạt động tiêu diệt mục tiêu lựa chọn vẫn tiếp tục, thậm chí còn gia tăng mạnh mẽ. Giám sát điện tử được thúc ép giữ nguyên trạng. Các ủy ban quân sự được khôi phục lại. Chính quyền đương nhiệm thường xuyên viện dẫn đặc quyền “bí mật nhà nước” trong các vụ việc tại tòa án. Và nước Mỹ tiếp tục tự coi mình là nước tham chiến trong cuộc xung đột với al-Qaeda và các cơ sở chân rết của tổ chức này.

Có thể có nhiều thay đổi giữa nhiệm kỳ thứ nhất và thứ hai của Tổng thống Bush hơn là giữa ông ấy và người kế nhiệm mình. Tổng thống Obama ẩn ý thừa nhận điều đó trong một nhận xét được đưa ra tại cuộc phỏng vấn dài với Peter Baker của tờ *New York Times* sáu tuần sau khi nhậm chức.

Tôi nghĩ là tôi cần phân biệt giữa một số bước được tiến hành ngay sau sự kiện 11/9 và tình hình nơi tôi nhậm chức. Chẳng hạn, tôi nghĩ CIA, và một số chương trình gây tranh cãi là tiêu điểm của rất nhiều sự chú ý, đã có những bước hiệu chỉnh một số chính sách và thủ tục sau một hai năm đầu đó. Tôi nghĩ rằng Đô đốc [nguyên văn] Hayden và Mike McConnell trên cương vị Giám đốc Tình báo quốc gia là những công chức đầy năng lực, những người lúc nào cũng nghĩ đến lợi ích an ninh của nước Mỹ khi hành động, và tôi nghĩ họ cũng luôn lưu tâm đến các giá trị và lý tưởng Mỹ.

Chúng tôi thành thật cảm ơn lời nhận xét tốt đẹp này (mặc dù ông ấy có phần hào phóng lời khen hơn đối với chính quyền mà tôi và Mike đã phục vụ). Trong bất kỳ trường hợp nào, lời nhận xét này cũng không bị báo chí soi mói và tổng thống chưa bao giờ thực sự quay trở lại chủ đề này mà thay vào đó chọn việc dùng ngôn từ hùng biện để nhấn mạnh những khác biệt giữa ông ấy và người tiền nhiệm (xem Chương XII và Chương XX).

Phóng viên mặt trận David Sanger được phép tiếp xúc với rất nhiều quan chức của chính quyền đương nhiệm và đặt tên đầy hàm ý cho cuốn sách để cảm thụ của mình về chính sách an ninh của chính quyền Obama là *Confront and Conceal* (Đương đầu và che giấu). Một câu chuyện của tờ *New York Times* về hoạt động chống khủng bố năm 2012 đã gọi lại suy nghĩ này khi mô tả Obama là “một người duy thực, khác với một số người ủng hộ nhiệt thành của ông ấy, không bao giờ mất kiểm soát với những ngôn từ hùng biện của bản thân mình”. Theo tờ *Times*, đội phục vụ chiến dịch tranh cử mô tả toàn bộ chuyện này là sự thắng thế của chủ nghĩa thực dụng trước ý thức hệ.

Điều cần nhấn mạnh ở đây là tính liên tục được duy trì giữa các chính quyền và những ngôn từ hùng biện được thiết kế nhằm che giấu tính liên tục đó ở mức có thể. Và cả những nhấn mạnh sau này về cộng đồng tình báo khi nhận thấy đã đến lúc phải có sự điều giải giữa lời nói và việc làm thực tế,

được thể hiện mạnh mẽ nhất với việc tiết lộ chương trình siêu dữ liệu của NSA vào năm 2013.

Lễ nhậm chức chính thức khiến mọi hoạt động chuyển giao đang hồi hả phải tạm ngừng. Một phần lý do là công tác an ninh cho sự kiện này phải được cả đội ngũ sắp kế nhiệm và đội ngũ sắp mãn nhiệm điều hành. Có rất ít thông tin về mối đe dọa cụ thể, nhưng chúng tôi không định tận dụng mọi cơ hội, và có sự hoán đổi tinh vi, không để những mối quan ngại an ninh của “đội hình cũ” hạn chế quá mức mong muốn của “đội hình mới” về một bầu không khí thực sự đại chúng cho sự kiện lịch sử này.

Vào ngày nhậm chức, Jeanine và tôi phải quyết định có mặt ở đâu. Vì tôi vẫn công tác trong chính phủ, chúng tôi được mời hai ghế tại Mall để dự buổi lễ tuyên thệ nhậm chức chính thức của Tổng thống Obama. Chúng tôi cũng được mời đến Căn cứ Không quân Andrews để chia tay Tổng thống Bush.

Mọi người thường quên tôi là người được Clinton bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc NSA. Năm 2001, đội ngũ của Bush là những con người mới trong ngôi nhà chính quyền và chúng tôi phải làm quen với đội ngũ mới đó. Việc đó không quá khó, ngoại trừ một vấn đề. Có người trong đội ngũ mới muốn rà soát lại và xét kỹ mọi thành viên của các ban cố vấn chúng tôi. Mặc dù việc này chưa bao giờ được công bố công khai, tôi ngờ rằng yếu tố đảng phái là vấn đề chính ở đây. Các ban này được lựa chọn nhân sự khá kỹ lưỡng (đích thân tôi cũng làm vậy với ban của mình) và hoạt động rất bận rộn; không có chỗ cho các vị trí danh dự hay danh nghĩa. Tôi hướng tới tiêu chí cân đối, chuyên môn sâu và sự sẵn lòng làm việc. Giờ đây tôi sợ rằng các tiêu chí đó sẽ giống thứ gì đó gọi nhớ lại thập niên 1950: “Anh hiện có phải hoặc đã từng là đảng viên của Đảng...?” Tôi đã quyết định lờ đi ở mức có thể yêu cầu của đội ngũ mới về việc cung cấp

những cái tên cần đưa ra xét lại, và sau đó, sau sự kiện 11/9, việc này cứ thế trôi đi.

Tôi chưa từng gặp Tổng thống George W. Bush trước sự kiện 11/9. Tôi từng gặp cha ông ấy khi làm trợ lý tham mưu trong Hội đồng An ninh quốc gia, và Phó Tổng thống Cheney đã đến thăm Fort Meade [trụ sở NSA] khi chính quyền Bush mới lên nắm quyền, nhưng lần gặp mặt đầu tiên của tôi với tổng thống là vào sáng tháng 9 năm 2001, khi George Tenet đưa tôi vào phòng Bầu dục để bàn luận bổ sung những việc NSA có thể làm. Sau một hoặc hai cuộc bàn luận nữa, chương trình Stellarwind đi vào hoạt động. Tôi định kỳ quay trở lại để cập nhật cho tổng thống tình hình hoạt động của chương trình này, nhưng những cuộc tường trình chi tiết hơn với Quốc hội trong những năm tiếp theo đó luôn diễn ra trong văn phòng chật hẹp của phó tổng thống ở cuối khu sảnh.

Tôi hiểu rõ hơn về tổng thống một chút khi ông ấy đến Fort Meade để khích lệ tinh thần và cảm ơn đội ngũ nhân sự NSA vào tháng 6 năm 2002. Tôi chỉ có một mình chào đón ông ấy tại thao trường quân sự gần đó khi chuyên cơ Marine One [Thủy quân I] hạ cánh và ông ấy đã mời tôi vào ngồi cùng xe với ông ấy và Andy Card để đi một đoạn ngắn về trụ sở NSA. Xe đi bằng qua các khu sân golf, khiến tôi suy đoán tổng thống có thể muốn đi theo con đường mòn dành cho người chạy bộ luôn lách giữa các khu sân golf này.

Khi đến trụ sở NSA, tổng thống đích thân nói lời cảm ơn dành cho đội ngũ nhân sự và lắng nghe họ giải thích về công việc của mình. Đội tiền trạm của tổng thống sẵn sàng đồng ý có một cuộc tiếp xúc báo chí bên dưới một trong những biểu ngữ mang dòng chữ “Chúng ta sẽ không chùn bước” (We Won’t Back Down) có mặt ở gần như khắp mọi nơi. Sau khi ghé thăm các bộ phận, trong đó có bộ phận chuyên trách chương trình Stellarwind và bộ phận điều hành, tổng thống leo lên sân khấu

mà chúng tôi dựng sẵn tại khu để xe chơi nắng trong tiếng hò reo ồn ã của đám đông hơn năm nghìn người đã tập hợp ở đó.

Thông điệp của tổng thống rất đơn giản: Tôi đánh giá cao những việc các bạn làm - một thông điệp quan trọng trong bối cảnh Quốc hội đang có những cuộc thẩm tra để tìm đối tượng đổ lỗi cho sự kiện 11/9. Ông ấy là tổng thống đầu tiên đến NSA kể từ lần cha ông ấy đến thăm cơ quan này sau cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất; George “W”. Bush [Bush con] đến thăm lại NSA năm 2006 vài tuần sau khi tờ *New York Times* cho đăng tải nhiều khía cạnh của chương trình Stellarwind.

Tổng thống Bush giao lưu với mọi người trong hai mươi phút sau khi phát biểu. Ông ấy ký tặng vào các mẫu giấy ghi chú, tờ bạc đôla và cả những miếng phù hiệu ra vào NSA (thứ mà sau đó chúng tôi đã phải thay mới). Đó là một ngày tuyệt vời, đánh dấu bằng tình cảm đích thực của cả hai phía. Họ là kiểu người ông ấy ưa thích. Ông ấy là kiểu tổng thống họ ưa thích.

Khi trở thành Giám đốc CIA, tôi gặp tổng thống thường xuyên hơn. Ông ấy hay chọc vào lòng trung thành của tôi dành cho đội Steelers và hay gọi tôi là Mikey vào những lúc tâm trạng thoải mái. Đó thực ra đúng là tên thân mật tôi được gọi khi còn nhỏ vì còn có hai Mike khác trong nhà, đó là ông nội tôi (Mike Lớn) và bác tôi (Anh Mike).

Sự thân mật của ông ấy thường khiến tôi có nhiều phen ngạc nhiên. Có lúc tôi đang đợi ở phòng nhỏ ngoài cửa phòng Bầu dục thì tổng thống gọi to: “Mike, vào đây ngay!” Khi tôi bước vào, tổng thống ra hiệu về phía lò sưởi và nói: “Ông biết Tony chứ?”. Tôi quay sang và thấy Thủ tướng Anh đang chìa tay về phía mình.

Một số người vẫn đồn thổi rằng trung tâm quyền lực thực sự trong chính quyền Bush là phó tổng thống. Phiên bản dễ chịu hơn của câu chuyện này là một vị tổng thống trẻ tuổi,

chưa va vấp nhiều và may mắn khi ngay từ đầu đã nằm trong vòng bao bọc của những nhân vật lão luyện như phó tổng thống, Don Rumsfeld, Colin Powell, Condi Rice và nhiều người khác.

Tôi thực sự có rất ít hiểu biết về cơ chế làm việc của nhóm thân cận trong chính quyền Bush trước nhiệm kỳ thứ hai. Đầu vậy, xét theo quan điểm đó, tôi chưa bao giờ có sự hoài nghi nào trong đầu về tổng thống. Tôi chưa bao giờ rời một cuộc gặp với Tổng thống Bush mà phải phân vân tự hỏi ông ấy muốn mình làm gì. Và tôi hiếm khi có một cuộc gặp quan trọng nào với phó tổng thống mà không kết thúc bằng việc phó tổng thống nói rằng: “Chúng ta sẽ phải trình bày việc đó với tổng thống”. Và nếu như có bất kỳ yếu tố thực tế nào về việc một tổng thống mới được hưởng lợi từ những con người già tuổi hơn, khôn ngoan hơn, tôi có thể thấy rõ rằng tổng thống đã trưởng thành vượt ra ngoài khuôn khổ của *toàn bộ* đội ngũ cố vấn vào thời điểm tôi tiếp cận được với nhóm thân cận của ông ấy.

Người ta thường học hỏi và tiếp nhận thông tin theo những cách khác nhau. George Bush là một người ham đọc sách, thể hiện rõ ở tấm thẻ ghi điểm được giữ tại văn phòng ngay phía ngoài phòng Bầu dục có ghi số sách và số trang sách hiện thời mà ông ấy và Karl Rove đã đọc. Không cần phải mất nhiều thời gian để bất kỳ cuộc tường trình nào với ông ấy trở thành một cuộc giao tiếp hai chiều đích thực. Những câu hỏi. Quan điểm thay thế. So sánh với những lần trình bày trước đây (“Đó không phải là điều ông nói với tôi sáu tháng trước”). Ông ấy chưa bao giờ tỏ ra hách dịch, hay thậm chí là thô lỗ, nhưng rất hay căn vặn, và ông ấy là người ưa thông tin chi tiết. Gần như là phát cuồng với yếu tố đúng giờ, ông ấy phân bổ rất nhiều thời gian cho các buổi tường trình thông tin tình báo để qua đó không phải mất nhiều thời gian và tạo ra hiệu ứng domino đối với

những nội dung khác trong lịch làm việc của mình. Và ông ấy đã hành động dựa trên thông tin tình báo.

Tôi tham gia thiết thực vào những cuộc bàn luận tình báo quan trọng với tổng thống, nhưng Giám đốc Tình báo quốc gia mới là cố vấn tình báo chính của ông ấy. Mối quan hệ đặc biệt của tôi với ông ấy là thông qua hành động ngầm mà chúng tôi bàn luận hằng tuần. Đó là những cuộc nói chuyện về những chi tiết cụ thể của Chương trình điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn. Tôi không biết những cáo buộc sau này của một số thành viên Đảng Dân chủ rằng tổng thống không biết nhiều về những vấn đề như vậy có bao nhiêu phần đúng, nhưng chắc chắn chúng không đúng chút nào trong thời gian tôi làm việc với ông ấy. Tôi cũng cập nhật cho ông ấy hằng tuần việc các phần tử khủng bố bị loại khỏi chiến trường theo cách này hay cách khác và tôi cũng trình bày với ông ấy khi tình hình diễn ra không tốt đẹp.

Trong sáu tháng tại nhiệm cuối cùng, ông ấy thường bắt đầu các buổi tường trình này bằng việc nhắc tôi xác định cần có thêm bao nhiêu thời gian để tóm được Osama bin Laden trong khi ông ấy còn là tổng thống. Ông ấy hẳn phải tức giận không kém gì tôi khi người kế nhiệm ông ấy gần cuộc đột kích thành công tại Abbottabad với việc xác lập lại ưu tiên của cá nhân mình: “Và ngay sau khi nhậm chức, tôi đã chỉ thị Leon Panetta, Giám đốc CIA, đặt việc tiêu diệt hoặc bắt sống Osama bin Laden làm ưu tiên hàng đầu trong cuộc chiến chống al-Qaeda của chúng ta”. Đêm hôm đó, xem bài phát biểu của Tổng thống Obama trong bếp nhà mình, tôi quay sang nói với Jeanine ý nhận xét chế nhạo: “Khỉ thật. Sao họ không nói với tôi gã UBL [nói trại Usama bin-Laden] này là người quan trọng?”.

Hành động ngầm luôn là chuyện nhạy cảm. Có trường hợp, khi chúng tôi đang kiểm soát một âm mưu của một đối tượng

chế tạo bom của al-Qaeda được đưa vào Mỹ để thực hiện cuộc tấn công nhằm vào một cơ sở của Mỹ. Tôi nhận thông tin tường trình hằng ngày và có đủ lý do tin rằng mọi chuyện nằm trong tầm kiểm soát; tổng thống rõ ràng không lạc quan như vậy, dựa trên những thông tin cập nhật hằng tuần ông ấy nhận được. Ông ấy hối thúc tôi. Quyết liệt. Nhiều lần. Dẫu vậy, kế hoạch đã thành công. Một đối tượng chế tạo bom tài tình đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Chuyện này cho thấy mức độ tín nhiệm nhất định mà tổng thống dành cho tôi.

Một số hành động ngầm có tính chất đặc biệt nhạy cảm. Một chiến dịch như vậy sẽ phải chui qua một lỗ kim rất nhỏ theo mọi khía cạnh có thể hình dung được: luật pháp, chính trị, đạo lý, hoạt động, ngoại giao. Steve Kappes và tôi muốn có cuộc kiểm tra quyết tâm lần cuối với tổng thống, với sự thu xếp của Steve Hadley. Chúng tôi trình bày khoảng một tiếng đồng hồ. Tổng thống kiên nhẫn lắng nghe. Steve Hadley về sau có nói với tôi rằng tổng thống mô tả buổi làm việc này giống như có hai chàng trai Công giáo tốt bụng cùng ông ấy xua tan không khí nặng nề. Khi ra về, chúng tôi biết rằng tổng thống tin rằng nếu chúng tôi nghĩ chúng ta nên và có thể làm việc này, chúng tôi sẽ làm. Nếu không, chúng tôi sẽ không làm. Ông ấy hài lòng với điều đó. Ông ấy không nói lại với chúng tôi về chuyện này một lần nào nữa.

Chúng tôi thì có. Buổi sáng hôm sau, tổng thống bước vào phòng Tình huống đang có đông người, nhìn về phía tôi và nói to: “Mike”. Ông ấy dành cho tôi cái gật đầu vừa đủ hiểu ý và tôi cũng gật đầu đáp lại, rồi ông ấy quay trở lại với buổi làm việc như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Thời gian lâu sau đó, tổng thống mời Jeanine và tôi (cùng với gia đình nhà Hadleys và một số bạn bè của gia đình tổng thống) đến trại David để nghỉ cuối tuần. Mọi người đến vào giữa

ngày thứ Bảy, dùng bữa trưa với tổng thống và Đệ nhất phu nhân, sau đó dành vài tiếng nghỉ ngơi tùy ý trong lúc tổng thống chạy ngược dốc theo lối mòn dành cho xe đạp ở núi Catoctin. Chúng tôi tập hợp trở lại ở khu rạp để xem bộ phim *The Great Debaters* (Những nhà hùng biện đại tài), bối cảnh bộ phim là Texas thập niên 1930 với câu chuyện một trường cao đẳng nhỏ dành cho sinh viên da đen dám thách thức câu lạc bộ hùng biện của Đại học Harvard.

Ngay sau đó là bữa tối. Mọi bữa ăn đều diễn ra trong bầu không khí thân thiện và ấm cúng, và tổng thống khuyến khích mọi người nói chuyện bằng việc hỏi xem họ đang đọc gì. Trên thực tế, thứ duy nhất tôi đang đọc là các bức điện tình báo, nhưng cuốn sách mới đây nhất tôi *từng* đọc là *Friday Night Lights* (Ánh sáng đêm thứ Sáu), một câu chuyện gây tranh cãi về một mùa bóng tại một trường trung học ở Odessa, Texas. Odessa nằm ngay phía dưới thành phố Midland, nơi sinh của Đệ nhất phu nhân và là nơi tổng thống được nuôi nấng. Nếu như tổng thống nghĩ tôi cố tỏ vẻ đọc ít để nâng ông ấy lên, ông ấy đã không vui vẻ bình luận về bối cảnh cuốn sách, về việc cuốn sách đã chia rẽ thành phố này ra sao.

Quan trọng hơn, khi chúng tôi đang bước vào dùng một trong những bữa ăn dịp cuối tuần, tổng thống kéo tôi sang một bên để hỏi riêng: “Mike này, ông thế nào?”.

Tôi thành thật trả lời: “Tôi ổn, thưa Ngài Tổng thống”.

Ông ấy nói tiếp, trong lúc tôi dần hiểu ra bản chất câu hỏi của ông ấy: “Ý tôi là về mặt tinh thần ấy”.

Tôi trả lời một lần nữa rất thành thật (và quả quyết): “Thưa Ngài Tổng thống, tôi thực sự ổn”.

“Tốt. Tốt”.

Thật khó vượt qua một vài trong số những việc đại loại như thế này nếu không xây dựng những mối giao kết cá nhân, vậy nên chúng tôi thực sự muốn có mặt tại Andrews để chào tạm biệt.

Dẫu vậy, tôi vẫn còn lẩn tẩn ở một chuyện. Tôi vẫn cảm thấy rằng vị trí công việc của mình tại CIA nên là và nên được nhìn nhận là phi chính trị, nghĩa là nên đến The Mall [Lễ Tuyên thệ của Obama] hay đơn giản là tránh mặt. Nhưng quyết định thay thế tôi của tổng thống sắp kế nhiệm đã làm vơi nhẹ đáng kể gánh nặng đó cho tôi. Nếu ai đó từng đưa yếu tố chính trị vào cương vị này, đó chắc chắn không phải là tôi.

Chúng tôi đến Andrews sớm và may mắn nằm trong nhóm có thể đợi ở khu phòng chờ DV để chờ trực thăng bay ra từ khu trung tâm. Tôi biết rõ khu phòng chờ đó qua rất nhiều chuyến công tác phải ra vào thủ đô, nhưng cảnh vật lúc này rất khác. Căn phòng ngày thường yên ắng, thoáng rộng và ngăn nắp giờ đây chật kín những người tham gia vào thứ gì đó giống như cuộc đoàn tụ chính quyền Bush chật kín và suốt muốt (nhưng không hẳn buồn thảm). Các quan chức đương nhiệm và cựu quan chức có mặt khắp nơi.

Hầu hết mọi người tụ tập thành các nhóm nhỏ để nói chuyện, mắt thỉnh thoảng lại dán lên các màn hình tivi khi các sự kiện ở khu trung tâm đang diễn ra. Với những từ “Vậy xin Chúa hãy giúp con” ai đó buột miệng nói ra, tiếng vỗ tay xã giao vang khắp khu phòng chờ và sau đó chúng tôi đi bộ một đoạn ngắn đến khu hạ cánh máy bay, nơi cựu tổng thống sắp đến.

Nhiệt độ tại khu hạ cánh máy bay lên tới gần ba mươi độ, nhưng ít ra chúng tôi cũng tránh được những cơn gió dữ dội khi vợ chồng Bush và vợ chồng Cheney thoát mình ra khỏi khu trung tâm nghi lễ và hướng tới chiếc trực thăng để có chuyến bay cuối cùng trên cương vị của mình đến Andrew.

Đám đông được chia ra thành những phần khá đều nhau: một phần là những phi công của chính quyền, những người từng phục vụ công việc đi lại của tổng thống; một phần là nhóm nhân viên trẻ của Nhà Trắng; và một phần là các quan chức cấp cao

(gồm cả quan chức nội các). Hai nhóm đầu bảo đảm sẽ có rất nhiều tiếng hò reo khi nhóm người từ trung tâm ra đến nơi. Họ đã không thất vọng.

Phó Tổng thống Cheney bị đau lưng, vậy nên ông ấy phải ngồi trên xe lăn và có tám mền phủ lên phần chân, thật không may là trông như thể ông ấy đến tham gia thủ giọng cho vai Mr. Potter do Lionel Barrymore đóng trong bộ phim dựng lại nhưng chưa được công bố của nguyên bản phim *It's a Wonderful Life* (Đó là một cuộc sống kỳ diệu). Tổng thống hướng về phía sân khấu, chào đáp lễ trước tiếng vỗ tay đang vang rền và nhìn khắp đám đông. Ông ấy nhận ra Jeanine và tôi đứng nép sát một bên, tiếp xúc bằng mắt với ngụ ý nhẹ nhàng về sự ngạc nhiên trên khuôn mặt và dành cho tôi cái gật đầu rất tinh tế đã từng dành cho tôi tại phòng Tình huống một năm trước đó.

Đúng với tính chất của nó, phần nghi lễ diễn ra rất ngắn. Đám người trẻ sau đó tràn đến phần dải ngăn quanh sân khấu và tôi định quay ra để về thì vợ tôi kéo lại, nói rằng bà ấy muốn lên kia để chào tạm biệt tổng thống lần cuối. Vậy nên chúng tôi đã đợi ở cuối dãy ngăn cách khi Tổng thống Bush chào từ biệt mọi người. Khi ông ấy tiến đến chỗ chúng tôi, Jeanine đứng ngay trước mặt tôi và nhận được cái ôm của tổng thống. Tổng thống sau đó với qua phía sau Jeanine, nắm vào vai tôi và lôi tôi về phía ông ấy. Vị tổng thống thứ 43 của nước Mỹ trao cho tôi một cái ôm nồng hậu, hôn lên trán tôi và sau đó ngẹn ngào bước về phía chiếc máy bay 747 đang đợi chờ ông ấy về Texas. Đến Andrews là lựa chọn đúng đắn.

Gia đình Bush về Texas, còn tôi quay trở lại với công việc. Tôi sẽ là Giám đốc CIA dưới quyền Tổng thống Obama trong ba tuần tiếp theo. Chúng tôi tiếp tục thực hiện điều chỉnh theo đội ngũ nhân sự mới. Trợ lý của tổng thống yêu cầu phải có sự ngắn gọn trong các văn bản tình báo đến mức một chuyên gia phân tích gọi thứ chúng tôi đang viết để phục vụ cho cuộc

tường trình buổi sáng là haiku PDB (Tường trình hằng ngày dành cho tổng thống) [thơ *haiku* của Nhật Bản]. Tôi thực hiện một cuộc tường trình cập nhật hoạt động, dẹp bỏ bớt phần chi tiết mà tôi biết Tổng thống Bush từng ưa thích, vậy mà người ta vẫn bảo tôi đừng bao giờ tường trình với tổng thống những chi tiết vụn vặt như vậy. Xét đến mức độ quan tâm về sau này của Tổng thống Obama đối với những chi tiết của các chương trình như tiêu diệt mục tiêu lựa chọn, tôi ngờ rằng những ý “hạnh hợ” này đến từ nhân viên của ông ấy chứ không phải ông ấy.

Nhưng việc đó giờ đây sắp trở thành vấn đề của ai đó khác rồi. Tôi sắp đi khỏi CIA và gửi một thông điệp cuối cùng cho đội ngũ nhân sự. Một phần nội dung của thông điệp đó như sau:

Cơ quan chúng ta đã chọn một câu trích dẫn từ Kinh Tân Ước để nhấn mạnh sứ mệnh cốt lõi của mình: “Và ta nên biết được chân lý và chân lý sẽ giúp ta được tự do”.

Dẫu vậy, hôm nay, Kinh Cựu Ước lại mang tới sự hướng dẫn phù hợp: “Vạn vật đều có tính thời cơ và thời điểm cho mọi mục đích trong thế gian này”. Thời cơ và thời điểm đã đến để Jeanine và tôi nói lời từ biệt với mọi người, những anh chị em vô cùng tuyệt vời của Cục Tình báo Trung ương Mỹ. Chúng tôi đã ở đây được gần ba năm và tự coi mình là có được đặc ân trở thành một phần của cuộc sống và công việc của mọi người ở đây...

Chúng tôi đã... thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần liêm chính, bảo đảm luôn tôn trọng luật pháp nước Mỹ và gìn giữ các giá trị Mỹ. Đất nước không thể yêu cầu điều gì hơn nữa.

Mọi người vẫn sẽ thoáng thấy bóng tôi trong tuần này, nhưng đó là tôi của người đã ra đi. Đó là sự ra đi theo đúng nghĩa đen. Chúng tôi sẽ mãi bên mọi người ở khía cạnh tinh thần và tình cảm chừng nào mọi người còn nghĩ đến chúng tôi.

Với lòng kính trọng sâu sắc nhất

Mike Hayden

Giám đốc CIA thứ 18

Không còn gì để làm ngoài việc ra đi. Vào giữa buổi chiều lạnh một ngày thứ Sáu của tháng 02, Steve Kappes tiễn Jeanine và tôi qua khu hành lang tiền sảnh ra chiếc xe đang đợi đưa chúng tôi về nhà.

Về đến nhà, mọi tâm trí của tôi quay sang chuẩn bị cho giải chạy maratông Pittsburgh tháng 5 mà tôi đã đăng ký, một trong những quyết định tốt đẹp trong cuộc sống mà tôi từng có. Tôi hy vọng rằng ráng thêm được mười, mười hai, mười lăm cây số hay hơn nữa mỗi ngày sẽ làm dịu đi bất kỳ cơn nhức nhối nào của giai đoạn chuyển tiếp. Tôi đã đúng.

Chương XX

THƯA ĐẠI TƯỚNG, HỌ ĐỊNH CÔNG BỐ BỘ BIÊN BẢN GHI NHỚ

Mclean, Virginia, 2009-2014

“**J**im, ông sẽ phải chấp nhận ít nhất bốn mươi sáu tháng tôi không có Sở Mật vụ quốc gia”.

Khi còn là một hạ sĩ quan, không quân dạy tôi bắt đầu một cuộc tường trình bằng một bước gây chú ý. Đó là thứ tốt đẹp nhất tôi từng học được và tôi vừa mới áp dụng thứ đó với cố vấn an ninh quốc gia.

Jim Jones là bạn cũ của tôi. Chúng tôi từng là hàng xóm của nhau hồi còn ở Bộ Tư lệnh châu Âu ở Đức vào đầu thập niên 1990, từng cùng nhau đến Bosnia để điều phối hoạt động hỗ trợ của Mỹ cho phái bộ Liên hợp quốc ở đất nước đó.

Tôi đã đứng khi gọi cho cố vấn an ninh quốc gia, đầu giờ đây tôi không còn công tác trong chính phủ, nhưng dù sao tôi cũng đang tận dụng mối quan hệ bạn bè. Jim là người lịch thiệp, nhận điện thoại, dành cho tôi đủ thời gian tôi cần để giải thích mối quan ngại của mình và cảm ơn tôi (thật lòng) đã nêu ra vấn đề.

Vấn đề là thế này: Tổng thống Obama - trước sự hối thúc của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Eric Holder và Chánh Cố vấn pháp lý Nhà Trắng Greg Craig - đã quyết định ngừng theo đuổi vụ kiện của Liên đoàn Tự do dân sự Mỹ (ACLU) bám vào Đạo luật Tự do thông tin (FOIA) và đồng ý công khai bốn quan điểm

pháp lý của Bộ Tư pháp trình bày chi tiết những kỹ thuật thẩm vấn đã được cho phép áp dụng vào chương trình thẩm vấn đối tượng khủng bố giá trị cao của CIA.

Chỉ vài ngày trước đó, các luật sư của CIA đã làm việc với Bộ Tư pháp và các bộ khác để phân loại, xem nên chọn ngoại lệ nào trong số nhiều ngoại lệ hiện hành của FOIA để bảo vệ nhiều phần khác nhau của bộ biên bản nói trên.

Những bản ghi nhớ này từng là tiêu điểm tranh cãi trong nhiều năm. Chúng được nhóm vào cấp độ bảo mật cao cũng như được bảo vệ bằng đặc quyền pháp lý, và chính quyền Bush phải miễn cưỡng chia sẻ chúng với một danh sách ngày càng dài các nghị sĩ quốc hội và trợ lý của họ.

Giờ đây Greg Craig thông báo với John Rizzo, Quyền Tổng Tư vấn pháp lý của CIA, rằng Bộ Tư pháp sẽ nói với ACLU và tòa án rằng chính phủ sẽ công bố bộ biên bản ghi nhớ này trong điều kiện chỉnh soạn tối thiểu.

Rizzo không xa lạ gì vấn đề này. Ông ấy là Quyền Tổng Tư vấn pháp lý của CIA vì Ủy ban Tình báo Thượng viện đã không chấp nhận để ông ấy giữ vị trí đứng đầu chính thức sau khi ông ấy từ chối lên án những quan điểm này của Bộ Tư pháp trong phiên điều trần phê chuẩn.

Rizzo đem nội dung cuộc gọi của Craig kể với Phó Giám đốc CIA Steve Kappes và Steve cũng sững sốt không kém. Steve bắt đầu đích thân lân la, dò hỏi ở khu trung tâm trong khi chỉ đạo Rizzo cảnh giác với một số cựu giám đốc. Đó là việc làm rất chuẩn mực khi những cựu giám đốc này sắp bị nêu tên trong những bản tin nóng.

Rizzo gọi cho tôi, vẫn bằng giọng không tin tưởng: “Thưa Đại tướng, họ định công bố bộ biên bản ghi nhớ”. Tôi cũng không thể tin vào điều này. Trong chính vụ kiện của ACLU bám vào FOIA này, CIA đã từng ra hầu tòa vào năm trước đó với vấn đề gần như giống hệt. Dựa vào một bản khai mà tôi đã ký,

tòa án đã nhất trí cho phép chúng tôi - vì những lý do an ninh quốc gia tiếp tục bảo vệ những yếu tố đặc thù của kỹ thuật thẩm vấn trấn nước, một kỹ thuật đã không còn được áp dụng từ năm 2003, thứ mà CIA đã không cho phép sử dụng là phương pháp tiềm năng trong nhiều năm, và thứ mà chúng tôi đã công khai thừa nhận giờ đây có thể trở nên bất hợp pháp theo những nội dung luật mới được Quốc hội ban hành. Bất chấp tất cả điều đó, tòa án đã nhất trí cho rằng việc công bố các chi tiết của kỹ thuật thẩm vấn này sẽ trói tay tổng thống trong một tình huống khẩn cấp trong tương lai, bởi vì, suy cho cùng, luật pháp và chính sách là thứ có thể thay đổi.

Việc công bố bộ biên bản ghi nhớ này cũng là hành động không nhất quán với cam kết của chính quyền đương nhiệm về việc sẽ *không* truy cứu. Trong giai đoạn chuyển tiếp, tổng thống và đội ngũ của ông ấy cam đoan với tôi là sẽ không truy cứu, không bối tìm, không truy tố.

Thực vậy, cuối cùng tôi cũng nhận được cuộc điện thoại kiểu “John thân mến” từ tổng thống mới đắc cử, ông ấy nói với tôi rằng việc tôi đi khỏi CIA sẽ giúp củng cố thông điệp đó. Một giám đốc mới sẽ khiến tổng thống dễ áp dụng chính sách và lời hứa của mình hơn.

Sau khi nghiền ngẫm tình hình trong một vài tiếng đồng hồ, tôi gọi cho Jim Jones từ khu để xe của một trung tâm mua sắm miền Bắc Virginia sau khi thả vợ tôi xuống câu lạc bộ sách của bà ấy. Ngày hôm sau tôi nói chuyện với Chánh Cố vấn pháp lý Nhà Trắng Greg Craig và ngày hôm sau nữa là với cấp phó của Jim, Tom Donilon.

Tôi bẻ lại quan điểm tin chắc của Bộ Tư pháp cho rằng chính phủ sẽ thua trong vụ kiện này. Tôi nhắc đến việc bảo vệ thành công các chi tiết của kỹ thuật trấn nước năm 2008.

Tôi nhấn mạnh rằng Nhà Trắng không thể trông đợi kiểm soát những sự việc có thể xảy ra sau khi công bố những tài liệu này.

Bất chấp cam kết chỉ nhìn về phía trước của chính quyền đương nhiệm, việc công bố bộ biên bản ghi nhớ sẽ khiến yêu cầu cung cấp tài liệu nhiều hơn nữa, và giờ đây không còn bức tường lửa tự nhiên nào nữa khi mà bản thân những chi tiết của bộ kỹ thuật thẩm vấn đã thoát khỏi chế độ mật *một cách tự nguyện*.

Sẽ có những cuộc hô hào đòi khởi tố - nhắm vào tác giả của những quan điểm này, những người đã yêu cầu chúng, những người đã thực thi chúng, những người đã có chủ trương chấp thuận chúng. Tiếp sau đó là những lời hô hào tước quyền các luật sư và áp dụng hình phạt đối với những chuyên gia y tế và chuyên gia tâm lý tham gia vào chương trình.

Tôi mô tả quyết định này là “sự phản bội lòng tin” và “sự lật lọng trắng trợn”. Những người tốt có thể không đồng ý về giá trị của những việc CIA đã làm, và quyết sách của tổng thống áp dụng trở lại các phương pháp thẩm vấn là dạng quyết sách mà CIA trông đợi ở người tổng tư lệnh. Nhưng quyết định này thì lại khác. Đây là việc đẩy những người tốt - những người đang phải làm những việc do nhiệm vụ chứ không phải do ý muốn - vào làn xe tấp nập và dường như thờ ơ với những gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Đi sâu vào thực chất hơn, tôi lập luận rằng việc tiết lộ những kỹ thuật thẩm vấn này sẽ dạy cho kẻ thù của chúng ta về những giới hạn vòng ngoài mà chúng có thể trông đợi trong bất kỳ lần thẩm vấn nào trong tương lai với người Mỹ. Sổ tay Chiến trường lục quân (AFM), tài liệu hướng dẫn áp dụng thẩm vấn của Bộ Quốc phòng, không phải là tài liệu mật và nội dung luôn có trên mạng, nơi al-Qaeda lấy để giảng dạy cách thức chống lại hoạt động thẩm vấn của người Mỹ.

Tôi nhắc cho Greg Craig nhớ rằng bản Sắc lệnh hành pháp của tổng thống yêu cầu các cơ quan chính quyền chỉ được áp dụng những kỹ thuật thẩm vấn nêu trong Sổ tay Chiến trường

lục quân cũng đã chỉ thị tiến hành một nghiên cứu quy mô toàn chính phủ để đánh giá liệu những kỹ thuật được cho phép trong sổ tay này có đủ để bảo vệ chúng ta trước các mối đe dọa trong tương lai hay không. Giờ đây nghiên cứu của chính tổng thống được đưa ra bàn luận theo quyết định này để lộ ra nội dung mô tả chi tiết toàn bộ những kỹ thuật thẩm vấn luân phiên áp dụng của chúng tôi. Loại bỏ yếu tố không chắc chắn của kẻ thù bằng việc nói cho hẳn những giới hạn chính xác về việc ta có thể làm, cách thức và thời gian áp dụng việc đó sẽ chỉ càng tôi rèn thêm khả năng kháng cự của hẳn và biến bất kỳ kỹ thuật bị phơi bày nào đều trở nên vô hiệu. Điều đó có nghĩa là chúng bị loại khỏi danh sách. Chấm hết.

Craig phản bác lại. Tổng thống sẽ *không bao giờ* cho phép bất kỳ kỹ thuật nào trong số mười ba kỹ thuật sắp được công bố. Phản ứng đầu tiên của tôi là - dù hiện tại tổng thống đang rất được lòng công chúng - ông ấy không phải là tổng thống vĩnh viễn, và ông ấy không có quyền tước đi quyền lựa chọn dành cho những người kế nhiệm.

Nhưng tôi đã đề đạt vấn đề này một cách trực tiếp hơn. Tôi nói: “Để tôi nói thế này cho đúng. Không có trường hợp xảy ra mối đe dọa nào mà tổng thống lại cho phép chúng tôi can thiệp vào chu kỳ ngủ của một đối tượng khủng bố ngay cả khi việc đó giúp có được những thông tin cứu được mạng sống, phải vậy không?”.

Các quan chức chính phủ thường xuyên nhắc với tôi rằng bản tóm tắt nội dung những cuộc phỏng vấn của ICRC với mười bốn người từng là đối tượng giam giữ của CIA (xem Chương XII) vừa mới bị rò rỉ ra ngoài. Lý lẽ chính ở đây là, vì đã có quá nhiều thứ trước đó đã bị lọt ra ngoài kia, không thể không giải mật gần như toàn bộ các bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp.

Tôi không thể xác định được làm thế nào mà việc công bố trái phép báo cáo ICRC, là báo cáo dựa hoàn toàn vào những

cuộc thẩm vấn tù nhân một chiều, lại có thể khiến Chính phủ Mỹ đi đến kết luận rằng không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc giải mật và kê khai cho thế giới biết những chi tiết của chương trình thẩm vấn tăng cường trước đây của chúng tôi. Có sự khác biệt giữa suy đoán (dù là am hiểu hay không am hiểu thông tin) và xác nhận chính thức của Chính phủ Mỹ. Và điều đó đưa các ý bàn luận của tôi vào luận điểm cốt lõi, một luận điểm tôi đã nhấn mạnh với Jones, Craig và Donilon: việc công bố bộ biên bản ghi nhớ này sẽ tác động rất tiêu cực đối với những hành động *trong tương lai* của CIA.

Với những chi tiết của một hành động ngầm mà trước đây được phép tiến hành giờ đây bị tiết lộ, bị tuyên bố là phạm tội hình sự và bị chính quyền đương nhiệm rũ bỏ trách nhiệm liên quan, mọi nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên của CIA giờ đây sẽ phải đưa bất kỳ sự bảo đảm nào của chính phủ ra soi xét và đặt câu hỏi liệu bất kỳ lời hứa nào dành cho họ có kéo dài lâu hơn một chu kỳ bầu cử hay không.

Về sau, trên tờ *Fox News Sunday* (Tin tức ngày Chủ nhật của Fox), tôi có cơ hội được giải thích rõ điều này bằng việc gọi ra cuộc nói chuyện với một nhân viên quản lý mạng lưới điệp viên giả tưởng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một hành động ngầm rất nhạy cảm. Giám đốc bảo đảm với nhân viên này rằng: “Ừ, đây là việc đã được tổng thống cho phép. Bộ trưởng Bộ Tư pháp bảo đây là hành động hợp pháp. Và hành động đã được tường trình với Quốc hội”.

Sau đó tôi cho nhân viên giả tưởng này đáp lại: “[Được thôi, nhưng] Ngài đã trình bày để ACLU thông qua việc này chưa? Ban biên tập của tờ *New York Times* nghĩ sao? Ngài đã bàn việc này với các ứng cử viên tổng thống tiềm năng nào chưa?” Tôi kết luận: “Nói ngắn gọn, các vị sắp khiến cơ quan này - cơ quan đang ở tuyến đầu bảo vệ các vị trong cuộc chiến hiện nay - phải rút lui khỏi giới tuyển đổ”.

Ai có thể đổ lỗi cho các nhân viên hiện tại và nhiều thế hệ tiếp sau họ nếu họ không bao giờ còn phải đối mặt với nguy cơ gặp phải những yêu cầu công việc như vậy?

Greg Craig biết rằng việc công bố bộ biên bản ghi nhớ này sẽ có một tác động nào đó. Ông ấy nói với tôi rằng quyết định này sẽ “làm tổn thương mối quan hệ của chúng tôi với cơ quan [CIA]”.

Tôi đáp lại: “Làm tổn thương ư? Tôi nghĩ ông thực sự đang hạ thấp mức độ nghiêm trọng của chuyện này đấy, Greg”.

Nỗ lực chân thành của Giám đốc Panetta nhằm động viên tinh thần của những người bị ảnh hưởng nhiều nhất trong việc này đã được một nhân vật tham gia mô tả là giống với “một cuộc hô hào chiến đấu từ boongke ngầm của Hítler”.

Tôi nghe nói có nhân viên CIA đã hỏi giám đốc xem liệu những người hiện đang làm những việc được chính quyền Obama cho phép có bị đưa vào diện truy cứu kiểu này trong năm năm tới hay không. Panetta tỏ ra thành thật. Ông ấy không thể bảo đảm là họ sẽ không bị như vậy. Nhưng, ông ấy nói thêm, khả năng đó sẽ không xảy ra trong chính quyền tổng thống này. Mọi người trong phòng chắc hẳn đánh giá cao sự ngay thẳng này, nhưng họ cũng nhận ra rằng thời hạn ủng hộ dành cho bất kỳ hành động nào của họ có thể không kéo dài quá một hoặc hai chu kỳ bầu cử.

Chúng tôi đang cố làm gì đó để tránh một kết cục như vậy. Tôi thực hiện những cuộc gọi điện. Cả George Tenet, Porter Goss, John McLaughlin và John Deutsch cũng vậy. Đó là một chuỗi liên mạch các giám đốc và quyền giám đốc CIA tính ngược trở lại năm 1995.

Mỗi người trong chúng tôi đều hướng tới người nào đó trong chính quyền đương nhiệm mà chúng tôi quen biết. George gọi cho John Brennan, nguyên Chánh Văn phòng dưới quyền George và giờ đây là Trợ lý Cố vấn an ninh quốc gia đặc trách mảng an ninh nội địa. Deutsch thì gọi cho Tom Donilon,

một người bạn cũ và là cấp phó của Jones. McLaughlin thì gọi cho Denny Blair.

Cuối chiều thứ Sáu, Craig nói với tôi rằng đoàn tàu đã dừng lại ngay lập tức. Ông ấy đã yêu cầu Hội đồng An ninh quốc gia tiến hành một cuộc họp cấp Trưởng ban Bộ Nội các vào tuần sau. Điều đó có nghĩa là Cố vấn an ninh quốc gia, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân (JCS), Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ An ninh nội địa, Giám đốc Tình báo quốc gia và Giám đốc CIA sẽ cùng nhau xem xét vấn đề. Chúng tôi hoan nghênh việc đó, vì theo quan điểm của chúng tôi thì những lý lẽ chống lại việc công bố những văn bản đó chưa được xét tới, trong khi những lý lẽ ủng hộ việc công bố thì lại chưa bị phản biện.

Toàn bộ diễn biến liên quan đến bộ biên bản ghi nhớ này của Bộ Tư pháp - những quyết định của Bộ Tư pháp đang chờ được đưa ra, sự lo lắng và tức giận của CIA, các cựu giám đốc phải đánh giá tình hình, nhiều cú điện thoại được thực hiện giữa nhiều bên liên quan - đã không bị lọt ra ngoài cho đến thứ Bảy ngày 21 tháng 3, một khoảng thời gian vô tận theo tiêu chuẩn Washington, nhưng là khoảng năm ngày theo cách tính đếm thời gian của phần còn lại của nước Mỹ. Và sau đó câu chuyện bị lọt vào tay tạp chí *Newsweek* - chắc chắn nguồn cung cấp tin là các quan chức chính quyền đương nhiệm và rõ ràng (nếu không muốn nói là chắc chắn) là từ Bộ Tư pháp. Bài tường thuật khẳng định rằng việc công bố bộ biên bản ghi nhớ đã được quyết định. Bài tường thuật cũng khẳng định rằng “Nhà Trắng đã đứng về phía Eric Holder”. “Một quan chức cấp cao trong bộ máy Obama” gọi bộ biên bản ghi nhớ này là thứ “xấu xa” và nói rằng chúng sẽ “khiến CIA gặp rắc rối”. Quan chức này cũng cho rằng tôi đang “cuống cuồng” gọi điện cho các quan chức chính quyền hồng đảo ngược quyết định này.

Bằng việc đưa lý lẽ rằng quyết định đã được đưa ra, những người ủng hộ việc công bố bộ biên bản ghi nhớ đang dựa vào tổng thống, vì bất cứ quyết định “không hành động” nào giờ đây sẽ bị mô tả là việc rút lại quyết định dưới sức ép của cộng đồng tình báo. Những bài tường thuật báo chí về sau đã mô tả cuộc chiến liên quan đến bộ biên bản ghi nhớ này là cuộc kiểm chứng quan trọng cam kết bảo đảm minh bạch của chính quyền Obama.

Tôi nói với Craig rằng những người trong chính quyền đương nhiệm cung cấp tin cho những bài báo này đang báo hại CIA (và chân lý) bằng việc khẳng định rằng CIA sẽ gặp rắc rối với bộ biên bản ghi nhớ này. Việc đó mô tả sai ý kiến phản đối của chúng tôi với dụng ý xấu. Trên thực tế, việc công bố bộ biên bản ghi nhớ này sẽ phơi bày chủ trương quan trọng của cơ quan là tiếp tục đối thoại với Bộ Tư pháp về sinh mệnh của chương trình này và phải đối mặt với nhiều ý kiến cáo buộc cực đoan đến mức lỗ bịch.

Trong suốt vài tuần tiếp theo, Hội đồng An ninh quốc gia thực ra cũng có vài buổi họp để cố gắng đi đến ý kiến đồng thuận. Dựa vào những gì biết được, CIA có cơ hội trình bày quan điểm của mình và Giám đốc Panetta đã làm việc đó một cách thuyết phục.

Mọi lập luận công khai đều xoay quanh luận điểm cho rằng chương trình của CIA khiến nước Mỹ trở nên kém an toàn hơn khi bị biến thành công cụ tuyển mộ của lực lượng thánh chiến cực đoan.

Đó là lập luận rất dễ đưa ra. Nó khớp với câu chuyện kể rằng những hành động của Mỹ đã tạo ra nhiều vấn đề hiện tại của chúng ta. Mọi chuyện không hẳn là đúng hay ít ra không đơn giản như vậy. Có rất nhiều yếu tố thôi thúc các phần tử cực đoan Hồi giáo cầm vũ khí chống lại nước Mỹ, nhưng tôi chưa bao giờ thấy có bằng chứng nào cho thấy việc CIA giam giữ khoảng một trăm thủ lĩnh khủng bố và áp dụng thẩm vấn

cứng rắn đối với khoảng một phần ba số này có thể củng cố lực lượng al-Qaeda.

Có rất nhiều yếu tố ở đây. Bản Đánh giá Tình báo quốc gia (NIE) mùa Xuân năm 2006 nhận định rằng cuộc chiến ở Iraq đã trở thành một “sự kiện thu hút sự chú ý” của các phần tử thánh chiến. Các website mang nội dung cực đoan thường xuyên viện dẫn việc Mỹ ủng hộ Ixraen hay các chính phủ Ả-rập bảo thủ trong việc tuyên truyền tuyển mộ. Hành động ngược đãi của quân nhân Mỹ tại Abu Ghraib rõ ràng đã tạo thuận lợi cho công tác tuyển mộ của al-Qaeda, khi những hình ảnh đó được phát đi phát lại trên khắp thế giới.

Nhưng tôi chưa bao giờ thấy có lý lẽ lập luận Hồi giáo cực đoan nào được đưa ra dựa trên cách CIA đối xử với Khalid Sheikh Mohammed hay Abu Zubaida hay Abd al-Rahim al-Nashiri; tôi chưa bao giờ thấy có đối tác người Hồi giáo nào nêu ra vấn đề này và nói rằng nó là trở ngại cho mối quan hệ hợp tác của chúng tôi.

Trên thực tế, do quá nhạy cảm với mức độ quan hệ của chúng tôi có thể bị ảnh hưởng sau khi chúng tôi đã công khai điều chuyển mười bốn đối tượng bị giam giữ quan trọng đến Guantánamo năm 2006, tôi đã nêu riêng chủ đề này với một đối tác Trung Đông quan trọng. Người đó trấn an tôi một cách đơn giản rằng ông ấy, cơ quan của ông ấy và chính phủ của ông ấy biết những đối tượng này là ai và chúng đã làm gì. Ông ấy nói với tôi đây không phải là vấn đề.

Sẽ rất hữu ích khi luôn nhớ trong đầu rằng, ngay cả khi những thứ như vậy - Abu Ghraib, Guantánamo, các địa điểm đen, Iraq, Ixraen - có thể đóng vai trò như những ký hiệu tiện dụng (theo những mức độ khác nhau), chúng không phải là nội dung cốt lõi trong những nội dung tuyên truyền thánh chiến. Sayyid Qutb, người Ai Cập có những bài viết hình thành cơ sở thần học của tư tưởng thánh chiến hiện đại, đã từng đến Mỹ

vào cuối thập niên 1940. Ông ấy mô tả nước Mỹ là một nơi thiếu linh hồn, thừa sự coi trọng vật chất và đánh đồng những thảm cỏ xanh với thói háms lợi và nhạc jazz là thú âm nhạc thú tính. Ông ấy chỉ trích các buổi gặp mặt tại nhà thờ của thành phố Greeley, nơi rất coi trọng truyền thống của bang Colorado về thứ mà ông ấy coi là hoạt động gọi dục lộ liễu và lên án việc chúng ta đặt luật dân ở vị trí cao hơn luật thần. Những niềm tin như vậy thường củng cố thế giới quan coi bản thân sự đồi bại của tư tưởng hiện đại, tư tưởng mà những người Do Thái và Thập tự chinh [ám chỉ người phương Tây] đang mang trong đầu, đe dọa đến sự hòa hợp của Hồi giáo. Trong một thế giới quan hoàn toàn mang hơi hướng Mani giáo (Manichean) như vậy, hành động của nước Mỹ, ở những mức độ giới hạn, có thể ảnh hưởng đến sức mạnh của thông điệp thánh chiến, nhưng nếu quả đúng như vậy, chúng ta có thể nhìn vào những tập tục có tính gọi dục của mình để biết chọn cách tự bảo vệ mình.

Tôi thừa nhận rằng cách chúng ta chọn để tự bảo vệ mình có ảnh hưởng đến giới tinh hoa *châu Âu* cũng như chính phủ và giới truyền thông *châu Âu*. Nhưng những nhóm đó vẫn bày tỏ quan điểm phản đối nặng nề đối với hoạt động tiêu diệt mục tiêu lựa chọn của Mỹ (được mở rộng sau năm 2008), hoạt động điều chuyển (vẫn tiếp tục) và hoạt động gián điệp điện tử (đã giảm bớt cấp độ mật) như họ vẫn làm với hoạt động giam giữ (đã rút bớt nhiều phần) và hoạt động thẩm vấn (đã ngừng). Và mọi quan điểm phản đối của họ đều bám vào một hệ thống niềm tin rộng hơn, hệ thống thách thức quan điểm hiện hành của nước Mỹ về tính hữu dụng và chính đáng của việc sử dụng vũ lực trong thế giới hiện đại. Nói ngắn gọn, đây cũng là một phần của một cuộc bàn luận vô cùng rộng lớn.

Một sự thật khác nữa đang được tranh cãi là liệu những kỹ thuật thẩm vấn đó có phát huy tác dụng hay không; nếu không, hầu như không còn lý do gì để bảo vệ chúng lúc này.

Tôi công khai tranh luận rằng chúng phát huy tác dụng và đã trở nên có ý nghĩa sống còn đối với an ninh quốc gia. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn của *Fox News* vào ngày Chủ nhật sau vụ công bố bộ biên bản ghi nhớ, tôi nói: “Toàn bộ sự thật của vụ việc này là việc áp dụng những kỹ thuật này với những phần tử khủng bố đã giúp chúng tôi được an toàn hơn. Việc đó thực sự phát huy tác dụng... Tổng thống Bush, vào tháng 9 năm 2006, đã giải thích những nét chính làm thế nào mà một đối tượng giam giữ đưa tới một đối tượng giam giữ khác, rồi lại đối tượng giam giữ khác nữa, với việc áp dụng những kỹ thuật thẩm vấn này”.

Thực vậy, sau vụ công bố bộ biên bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp, Giám đốc Tình báo quốc gia Blair đã xác nhận trong một thông điệp gửi toàn thể cộng đồng tình báo rằng “thông tin giá trị cao đến từ hoạt động thẩm vấn sử dụng những phương pháp đó và giúp có được hiểu biết sâu hơn về tổ chức al-Qaeda, tổ chức đang tấn công đất nước này”. Ngay cả khi những từ ngữ đó bị loại bỏ một cách bí ẩn khỏi bản chú giải của Blair được công bố với báo giới, chính quyền đương nhiệm cũng không thể phủ nhận những kết luận của họ hay của CIA về điểm này mà không tự đẩy mình vào thế đối mặt với lời cáo buộc rằng họ đang chính trị hóa ngành tình báo.

(Năm năm sau đó, phe Dân chủ trong Ủy ban Tình báo Thượng viện đã phản bác kịch liệt lập luận về tính hiệu quả của chương trình, nhưng năm 2009 tổng thống không làm như vậy).

Tại cuộc họp báo đánh dấu một trăm ngày đầu tiên tại nhiệm, tổng thống đã bảo vệ Sắc lệnh hành pháp tháng 01 cấm áp dụng những kỹ thuật thẩm vấn tăng cường. “Tôi tuyệt nhiên tin tưởng đây là việc đúng đắn cần thực hiện, không phải vì có thể đã không có những thông tin thu thập

được từ những đối tượng giam giữ khác nhau bị áp dụng cách đối xử này”.

Điều đó tạo ra một khoảng cách nhất định giữa tổng thống và những người chỉ trích chương trình kịch liệt. Như tôi đã nói trong cuộc trả lời phỏng vấn *Fox News*, “Đa phần những người phản đối những kỹ thuật này muốn được nói rằng: Tôi không muốn đất nước tôi làm điều này (một lập trường hoàn toàn đáng kính), và *dẫu sao chúng cũng không phát huy tác dụng*. Nửa sau của câu đó không đúng”. Tôi nói tiếp: “Lập trường đáng kính phải là như sau: Dù cho những kỹ thuật đó đã phát huy tác dụng, tôi không muốn các ông làm điều đó. Nói câu đó đòi hỏi sự can đảm. Còn câu ở trên thì không”.

Theo mọi nguồn tin nắm bắt được, ngay cả sau khi đã bàn thảo rất nhiều, các cấp trưởng trong Hội đồng An ninh quốc gia vẫn có các luồng quan điểm khác nhau trong vấn đề công bố bộ biên bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp. Một số nguồn tin đưa ra giả thuyết về việc từng có sự bàn thảo về việc công bố một phiên bản được biên soạn lại nhiều nội dung của nhóm quan điểm này (lập trường của CIA) và bù vào đó là cam kết sẽ lập một ủy ban thẩm tra do tổng thống ủy nhiệm để rà soát lại toàn bộ lịch sử áp dụng các kỹ thuật thẩm vấn (một sự nhượng bộ trước cam kết “minh bạch”).

Dẫu vậy, cuối cùng thì tổng thống phải đối mặt với hai lựa chọn: công bố bộ biên bản ghi nhớ nguyên trạng (lập trường của Bộ Tư pháp) hoặc quyết định bảo vệ đến cùng bộ biên bản này và đấu tranh chống lại yêu cầu công bố chúng tại tòa (lập trường của CIA).

Theo tờ *Washington Post*, khi đội ngũ cố vấn pháp lý của mình có những quan điểm trái chiều, tổng thống đã triệu tập một cuộc họp vào đêm muộn và yêu cầu một cố vấn trái chiều lập luận ủng hộ việc công bố bộ biên bản ghi nhớ (Greg Craig)

và một cố vấn khác lập luận chống lại việc công bố (Denis McDonough). Kết thúc cuộc tranh luận giả đó, tổng thống quyết định sẽ công bố và đích thân ra lệnh soạn thảo bài phát biểu công khai đọc vào ngày hôm sau.

Quyết định này chính là quyết định mà Greg Graig đã thông báo cho CIA bốn tuần trước đó. Không có gì thay đổi ngoài ngày tháng.

Tôi nhận được một cuộc điện thoại vào sáng 18 tháng 4 từ chánh văn phòng của Giám đốc Panetta, nói với tôi rằng bộ biên bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp sẽ được công bố ở tình trạng gần như nguyên bản. Sau đó là một cuộc điện thoại từ John Brennan, cựu chuyên viên cấp cao của CIA và giờ đây là cấp phó đặc trách an ninh nội địa của Jim Jones. John đang ở Mexico City đợi tổng thống đến đó. Tôi đã khiến ông ấy không mấy dễ chịu, công khai chỉ trích quyết định này là “sự lật lọng hoàn toàn” đối với đội ngũ nhân viên CIA.

Trong vòng một tiếng đồng hồ tiếp theo, Jim Jones gọi cho tôi từ chuyên cơ Air Force One [Không lực I] đang trên đường tới Mexico City cùng với tổng thống. Điều tốt đẹp nhất tôi có thể nói với Jim là tôi biết phải tôn trọng cá nhân và cương vị tổng thống ra sao nhưng “tôi không thể cứ mãi phải đi giải thích chuyện này”. Ông ấy thừa nhận điều đó. Đường dây kết nối cuộc gọi đó kém. Chúng tôi mất liên lạc ít nhất ba lần và tôi dám chắc Jim cũng bức mình với hoàn cảnh của cuộc đối thoại không kém gì tôi.

Tôi gọi cho cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mike Mukasey. Ông ấy và tôi đã thảo một bài viết dạng op-ed [bài viết đăng ở trang đối diện trang xã luận bày tỏ quan điểm độc lập] trình bày ý kiến phản đối của chúng tôi đối với quyết định của tổng thống. Chúng tôi đi thẳng vào nội dung cốt lõi rất sớm trong bài viết này:

Việc công bố những quan điểm này là không cần thiết xét theo góc độ pháp lý và không chính đáng xét theo góc độ chính sách. Tác động của việc này sẽ là sự dè dặt thể chế và e sợ về tình trạng buộc tội lẫn nhau, những yếu tố đã làm suy yếu khả năng tập trung của ngành tình báo trước đây và là điều chúng ta phải lấy làm tiếc vào ngày 11 tháng 9 năm 2001.

Chúng tôi nhắm vào những lập luận ủng hộ việc công bố tài liệu:

Những người ủng hộ việc công bố tài liệu đã lập luận rằng những kỹ thuật này đã không còn được áp dụng và như vậy không có lý do gì giữ chúng trong vòng bí mật thêm nữa; rằng trong bất kỳ trường hợp nào chúng cũng không phát huy tác dụng; rằng việc công bố chúng dù sao cũng dựa theo yêu cầu pháp lý; và rằng chúng gây tổn hại cho chúng ta ở khía cạnh quan điểm công luận hơn là thực tế. Nếu xem xét kỹ thì không lập luận nào trong số trên có thể đứng vững.

Chúng tôi hoãn việc công bố bài bình luận này đến khi có quyết định cuối cùng của tổng thống vì không muốn tổng thống gặp khó khăn hơn trong việc làm điều đúng đắn (theo cách nhìn nhận của chúng tôi) bằng cách gắn tên của hai cựu quan chức chính quyền Bush với những lập luận chống lại việc công bố tài liệu.

Mặc dù bài bình luận này dài gần gấp đôi một bài op-ed thông thường, tờ *Wall Street Journal* (Nhật báo Phố Wall) vẫn đồng ý đăng toàn văn trong số ra ngày hôm sau.

Điều quan trọng là họ đã làm việc đó. Cả Thẩm phán Mukasey và tôi đều tin rằng cuộc tranh luận công cần một quan điểm phản bác điềm tĩnh, mạch lạc trước điều chính quyền đương nhiệm chắc chắn sẽ trình bày. Tôi cũng có cảm nhận rất mạnh mẽ rằng đội ngũ nhân sự CIA cần được nghe quan điểm phản bác này càng sớm càng tốt, nhất là khi Giám đốc Panetta ở thế rất khó tự thân đưa ra quan điểm.

Tôi đã đứng. Một nhân viên bộ phận điều hành nói với tôi: “Thứ Sáu là một ngày vô cùng đen tối nhưng tôi rất tự hào khi đọc bài viết của Ngài”. Một người khác thì nói: “Tôi đã đọc bài viết của Ngài, phản ánh hết được tính thời điểm và các yếu tố liên quan bằng sự chính xác và rõ ràng. Ông Chúa là có người đã nói ra những điều cần phải nói”.

Tổng thống biết rằng việc công bố bộ biên bản ghi nhớ sẽ chẳng khác nào giáng một đòn mạnh vào CIA, vậy nên vào hôm thứ Hai sau đó ông ấy đã đến Langley. Ông ấy gặp riêng và trả lời câu hỏi của nhân sự Trung tâm Chống khủng bố CIA (CTC) trước khi diễn ra sự kiện công khai tại hội trường lớn. Theo mọi nguồn tin, đó là bầu không khí vui vẻ với một loạt những câu hỏi thân thiện cho đến khi có tiếng nói “thêm một câu hỏi nữa nào” và một nhân viên kỳ cựu của CTC đang đứng phía cuối phòng cùng hai người khác giơ tay lên. Steve Kappes hỏi Giám đốc Panetta xem ông ấy có nhận ra nhân viên kia không và Panetta nói là có.

Nhân viên đó cảm ơn tổng thống đã đến, thừa nhận rằng chương trình RDI (điều chuyển, giam giữ và thẩm vấn) đã làm dấy lên những vấn đề đạo lý và pháp lý gây tranh cãi, nhưng sau đó hỏi liệu tổng thống có đồng ý rằng họ có thể quay trở lại và nói với mọi người trong cơ quan rằng những điều họ đã làm trong chương trình này đã cứu được nhiều mạng sống hay không.

Đang đứng trên bục, tổng thống bước hẳn ra ngoài, đổi giọng và - đưa ngón tay lên vẫy - bắt đầu một bài giảng ngắn về sự cần thiết phải có đạo lý.

CIA có một hệ thống chuyển tin nhanh bảo đảm mang tên Sametime [Đồng thời]. Ngay sau khi buổi gặp mặt kết thúc, mạng lưới sáng rực đèn báo với những bình luận ủng hộ nhân viên nói trên khi những lời trao đổi được lan rộng.

Sau đó tổng thống đến hội trường lớn để nói chuyện với khoảng một nghìn nhân viên CIA, nhiều trong số đó đã đợi hàng giờ để được thấy ông ấy.

Đứng trước bức tường gắn những ngôi sao tưởng nhớ những nhân viên CIA đã ngã xuống, tổng thống khen ngợi việc làm của cơ quan và nói rằng ông ấy biết “vài ngày vừa qua là thời gian khó khăn”. Ông ấy biện minh việc công bố tài liệu “do kết quả của một vụ kiện tại tòa án mà vẫn chưa có kết quả cuối cùng và rất khó để chúng tôi thực hiện một cuộc bào chữa pháp lý hữu hiệu”. Ông ấy cũng xác nhận: “Khi thông tin này được đưa ra công khai - đã trở thành kiến thức công khai, bản chất mật của thông tin đã bị tổn hại”.

Rồi tổng thống thuyết phục nhân viên cơ quan không nên “ngã lòng trước những việc xảy ra trong vài tuần vừa qua. Đừng ngã lòng khi chúng ta phải thừa nhận chúng ta có khả năng phạm phải một số sai lầm. Đó là cách chúng ta học hỏi”.

Một nhân viên nói với tôi rằng ý kiến chung của cơ quan là đoạn sau cùng nghe rất giống cách nói của người dẫn chương trình mang biệt danh *Mister Rogers*. Tổng thống rõ ràng coi đây là một trong những khoảnh khắc dễ rao giảng đó, trong khi đội ngũ nhân sự bộ phận chống khủng bố của cơ quan vẫn tiếp tục tin rằng các chính sách trong quá khứ không phải sai lầm chút nào, mà là lý do chính cho việc tại sao nước Mỹ không phải đối mặt với một cuộc tấn công nào trong hơn bảy năm qua.

Tổng thống đã đứng khi thân chinh đến Langley và không ai nghi ngờ việc nhân viên CIA trân trọng lời đề nghị ủng hộ của ông ấy. Nhưng câu chuyện này đã làm dấy lên những vấn đề mà không thể được giải quyết chỉ bằng một chuyến thăm, một bài diễn văn hay một sự kiện để báo chí chụp hình.

Người phụ trách một chuyên mục của tờ *Washington Post* David Ignatius thường viết về CIA. Ông ấy thường là người chỉ trích, nhưng những nhận xét của ông ấy hiếm khi nào không kém thiện ý và sự tôn trọng dành cho cơ quan và đội ngũ nhân sự của mình.

Hai ngày sau chuyến thăm của tổng thống, Ignatius, người rất thạo tin tức do có quan hệ tốt với những người từng là nhân viên CIA, đã cho đăng tải một chuyên mục vô cùng thâm ý trên tờ *Washington Post*. Ông ấy bắt đầu: “Thật buồn khi phải nói rằng đây là thời điểm “chờ tới lượt” vô cùng căng thẳng tại Langley sau cuộc công bố bộ biên bản ghi nhớ mà, theo lời một nhân viên kỳ cựu của CIA, giáng vào cơ quan một đòn chẳng khác gì một vụ đánh bom xe hơi tại lối vào bãi đỗ xe”.

Ignatius lưu ý rằng, trong chuyến thăm cá nhân của mình vào hôm thứ Hai, tổng thống đã cố gắng trấn an đội ngũ nhân sự cơ quan rằng: “Ông ấy nói mọi điều tốt đẹp về vai trò hoạt động ngầm của cơ quan này. Nhưng việc này mang dáng vẻ của một cuộc vận động, khi các nhân viên thì reo hò, còn tổng thống thì đọc diễn văn từ thiết bị phóng chạy chữ, nên phía sau lưng là những ngôi sao tưởng nhớ những chiến binh đã ngã xuống của CIA”.

Nhận định của Ignatius là “Obama dường như nghĩ rằng ông ấy có thể đạt được mục đích theo cả hai hướng - cho phép thực hiện một cuộc tiết lộ vô tiền khoáng hậu các phương pháp hoạt động của CIA, đồng thời khuyến khích một cơ chế hoạt động ngầm mà, theo lời ông ấy nói hôm thứ Hai, những ngày đẹp đẽ nhất của nó còn chưa tới. Cuộc đời không diễn ra đơn giản như vậy - kể cả đối với các chính trị gia có khả năng thuyết phục”.

Nhiều nhân viên kỳ cựu tại Langley giờ đây tin rằng việc cơ quan và có thể cả các nhân viên bị sờ gáy chỉ là vấn đề thời gian.

Ngày hôm trước chuyến thăm Langley, tổng thống đã từ chối loại trừ hành động pháp lý chống lại những luật sư đã soạn thảo bộ biên bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp; các nhóm hoạt động nhân quyền đã chuyển cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp một đơn kiến nghị với 250.000 chữ ký yêu cầu một cuộc khởi tố đặc biệt; các quan chức Liên hợp quốc và giới luật sư nhân quyền đang dự đoán rằng - khi nước Mỹ không tiến hành khởi tố - các tòa án

châu Âu sẽ điều tra những quan chức Mỹ bị tình nghi vi phạm lệnh cấm tra tấn.

Trên các phương tiện truyền thông và trong cơn cuồng vận chính trị theo sau việc công bố bộ biên bản ghi nhớ, những lời cáo buộc đi và cáo buộc lại cứ lao bổ vào nhau. Khi thời gian biểu do CIA lập cho những cuộc tường trình trước Quốc hội về những kỹ thuật thẩm vấn bị rò rỉ ra báo chí, vấn đề ai trong Quốc hội là người tiếp nhận thông tin tường trình, khi nào và cần phải tường trình nội dung nào với họ đã trở thành một tình tiết phụ quan trọng của toàn bộ vở kịch.

Khoảng một tháng sau buổi công bố bộ biên bản ghi nhớ (cần nhớ rằng việc này được thực hiện để công khai toàn bộ hoạt động thẩm vấn sau lưng chúng tôi), một cái tit trên tờ nhật báo *Politico* của Điện Capitol la thất thanh: “Phe Dân chủ: CIA ra ngoài tìm chúng ta”.

Hai ngày sau, Chủ tịch Hạ viện công khai cáo buộc CIA lừa dối Quốc hội - liên quan đến cả việc sử dụng các phương pháp thẩm vấn tăng cường (“CIA đã tường trình với Quốc hội, giữ lại thông tin về thời điểm và việc áp dụng chủ đề này”) và những yếu tố khác chung chung hơn (“Họ suốt ngày lừa dối chúng ta”).

Thượng nghị sĩ Feinstein, Chủ tịch Ủy ban Tình báo Thượng viện, hấp tấp đưa ra quan điểm ủng hộ cho ý kiến của Pelosi, cáo buộc: “CIA không phải là cơ quan không bao giờ không nói sự thật”, còn Hạ nghị sĩ Anna Eshoo của Ủy ban Tình báo Hạ viện thì hòa theo: “Các vị phải đặt cho họ đến hai mươi câu hỏi. Họ không sẵn sàng cung cấp thông tin”.

Trong một bức thư gửi đội ngũ nhân sự được thiết kế để chuyển tới tay báo giới, Giám đốc Panetta phản bác: “Chúng ta không có chủ trương hay cách làm việc lừa dối Quốc hội. Việc đi ngược lại những nguyên tắc và giá trị của chúng ta... Hồ sơ ghi chép cùng thời của chúng ta từ tháng 9 năm 2002 cho thấy rằng nhân viên CIA đã tường trình đúng sự thực về hoạt động

thăm vấn đối với Abu Zubaida, mô tả ‘những kỹ thuật thẩm vấn tăng cường đã được áp dụng’”.

Phải nói rằng toàn bộ chuyện lùm xùm này giờ đây đã trở nên khá khó chịu là chưa phản ánh đủ vấn đề. Và vấn đề vẫn chưa hề trôi qua.

Động lực trong chính quyền đương nhiệm thôi thúc việc công khai bộ biên bản ghi nhớ này chính là Eric Holder.

Trong thời gian hỗ trợ vận động tranh cử tổng thống, Holder đã coi những cuộc thẩm vấn của CIA là hành động tra tấn dẫu cho ông ấy chưa từng được tường trình về những chi tiết đặc thù của chương trình. Ông ấy cũng hứa sẽ truy xét các hoạt động của CIA. Điều đó đặt ông ấy vào thế đồng quan điểm với ứng cử viên tổng thống Obama. Dẫu vậy, khi đã trở thành tổng thống, Obama đã làm dấy quan điểm. Chẳng hạn, khi những quan điểm của Bộ Tư pháp thời chính quyền Bush được công bố vào tháng 4, ông ấy cảnh cáo: “Giờ là lúc góp ý, không phải trừng phạt”.

Holder hình như chưa bao giờ có được bộ biên bản ghi nhớ đó. Theo những nguồn tin được đăng tải, ông ấy và đội ngũ trợ lý của mình trông đợi việc công bố sẽ tạo ra “làn sóng hưởng ứng việc mở một cuộc điều tra độc lập”.

Khi tình hình không diễn ra như vậy, họ đã kiên trì chờ điều đó. Đến mùa Hè, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Eric Holder ra sức hối thúc việc công bố báo cáo mật năm 2004 của Tổng Thanh tra CIA về chương trình thẩm vấn và mở lại hoạt động điều tra đối với các nhân viên CIA.

Đối với CIA, việc này giống như một cơn ác mộng quay trở lại vậy. Toàn bộ nội dung báo cáo của Tổng Thanh tra đã được chuyển cho lãnh đạo các ủy ban tình báo Quốc hội từ năm 2004 và cho toàn bộ ủy viên các ủy ban và một số lượng đông đảo trợ lý của các ủy viên kể từ năm 2006.

CIA đã hợp tác sâu rộng trong việc khởi tố một nhà thầu của cơ quan bị buộc tội ngộ sát sau cái chết của một đối tượng giam giữ. CIA cũng đã giao nộp những tài liệu phát hiện khác về hành vi không thích hợp cho Bộ Tư pháp và các tài liệu này đã được các công tố viên chuyên nghiệp tại quận East Virginia xem xét kỹ lưỡng và từ chối khởi tố thêm. (Holder về sau thừa nhận rằng ông ấy đã không đọc nội dung bản lý do từ chối khởi tố của các công tố viên chuyên nghiệp này). Cuối cùng, sau quyết định không khởi tố thêm của các công tố viên, CIA đã có hành động xử lý nội bộ thích hợp.

Có tin cho hay là Leon Panetta đã chống lại nhiều hành động tăng cường của Bộ Tư pháp trong một loạt những cuộc cãi vã đầy ngôn từ thóa mạ trong phòng Tình huống. Ông ấy cũng có một hành động không bình thường vào đầu tháng 8 là soạn một bài bình luận op-ed gửi tờ *Washington Post*. Ông ấy cho hay: “Tháng trước, trong một cuộc họp ở nước ngoài với thành phần là lãnh đạo các cơ quan tình báo, một trong những người đồng nhiệm của tôi đến từ một nước đồng minh phương Tây lớn đã kéo tôi sang một bên. Ông ấy hỏi tại sao Washington lại quá bận tâm đến những việc CIA đã làm trong quá khứ như vậy, khi mà những mối quan ngại an ninh quốc gia cấp bách nhất nằm ở hiện tại? Đó là câu hỏi rất hay”.

Chẳng ích gì. Chỉ trong một vài tuần chính quyền đương nhiệm đã công bố phiên bản có chỉnh soạn đôi chút của báo cáo năm 2004 của Tổng Thanh tra CIA, thêm những quan điểm pháp lý khác của Bộ Tư pháp cũng như một mớ thư và điện qua lại giữa CIA và Văn phòng Tư vấn pháp lý (OLC) của Bộ Tư pháp. Holder cũng thông báo rằng ông ấy đã chỉ đạo John Durham, người trước đó vẫn đang điều tra việc CIA tiêu hủy các băng video (xem Chương XII), để mở rộng hoạt động điều tra xét xem liệu có lý do xác đáng mở một cuộc điều tra hình sự đầy đủ đối với hành vi của CIA không.

Tổng thống ít nhất đã ngằm đứng về phía Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Leon đã không thể dừng con tàu. Giờ đây bảy trong số những người tiền nhiệm của Leon phải xuất đầu lộ diện để giúp một tay. Vào giữa tháng 9, chúng tôi viết thư cho tổng thống hối thúc ông ấy đảo ngược quyết định mở lại hoạt động điều tra tội phạm của Holder. Bức thư nhắc lại những lập luận thông thường: các cơ quan nước ngoài sẽ ngần ngại cộng tác hơn; nhân viên CIA sẽ trở nên sợ rủi ro hơn; việc tiết lộ công khai sẽ giúp al-Qaeda né tránh tình báo Mỹ.

Tuy nhiên, lập luận cốt lõi liên quan đến tính công bằng. “Nếu những cuộc điều tra hình sự được các công tố viên chuyên nghiệp ở thời một chính quyền đóng lại nay lại có thể dễ dàng được mở lại theo sự chỉ đạo của những người được bổ nhiệm chính trị trong chính quyền tiếp theo, các bản lý do từ chối khởi tố sẽ bị coi là thứ vô nghĩa... [Các nhân viên] cần phải tin rằng những quy tắc pháp lý điều chỉnh hành động của họ có tính vĩnh viễn”.

Các cựu Giám đốc CIA không phải nhóm người có quan hệ thân tình với nhau. Họ có thể tập trung nhau một hoặc hai lần mỗi năm để nghe thông tin từ giám đốc hiện thời, nhưng họ phục vụ cho các tổng thống khác nhau vào những thời điểm khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau. Thật khó bảo đảm tất cả họ đều đồng ý rằng một ngày nào đó là thứ Ba.

Nhưng, khi đã đã thông được ngôn ngữ diễn đạt chung, việc đạt được sự đồng thuận ký vào bức thư lại không phải là việc khó. Toàn bộ ba cựu giám đốc còn sống đã ký vào bức thư. Bob [Robert] Gates đang làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, vậy nên chúng tôi thậm chí còn không thông báo cho ông ấy. George H.W. Bush là cựu tổng thống và chúng tôi thấy không thích hợp nếu mời ông ấy bình luận những hành động của người kế nhiệm. Đô đốc Stansfield Turner, người sắp kỷ niệm sinh nhật thứ 86,

đơn giản từ chối tham gia với lý do ông ấy không liên quan gì đến vấn đề này. Chúng tôi cũng không ép ông ấy.

Những người chắc chắn sẽ ký là ba chúng tôi - Goss, Tenet và tôi; nói gì thì nói, chúng tôi là những người điều hành chương trình đó. Nhưng Woolsey và Deutch đã thôi làm việc từ rất lâu, sau khi đã phục vụ trong chính quyền Clinton. William Webster là cựu Thẩm phán liên bang và Giám đốc FBI. Và nội dung công việc của Jim Schlesiger là một cuộc điều tra nhằm vào việc ngược đãi tù nhân của quân nhân Bộ Quốc phòng tại Abu Ghraib.

Với tất cả nhân vật nói trên chúng tôi cũng không lay chuyển được gì. Tổng thống tiếp nhận các mối quan ngại của chúng tôi bằng thái độ khá thô bạo: “Tôi trân trọng việc các cựu Giám đốc CIA muốn tìm lối thoát cho một cơ quan mà họ đã góp công xây dựng”. Mặc dù có nhắc lại ưu tiên “hướng về phía trước và không nhìn lại phía sau”, ông ấy đã từ chối can thiệp.

Quá trình điều tra kéo dài trọn vẹn ba năm, trong thời gian đó những nhân vật chủ chốt trong cơ quan được phỏng vấn và nhiều người đã xuất hiện trước đại bồi thẩm đoàn.

Toàn bộ chuyện này đã tạo ra một cảm giác bị vây hãm tại CIA. Vào tháng 02 năm 2010, sau cái chết của bảy nhân viên CIA và nhà thầu trong vụ đánh bom tự sát tại Khost, cơ quan đã tổ chức lễ truy điệu họ tại khu nhà mái che rộng ngay trước tòa nhà Trụ sở gốc (OHB). Tổng thống đến dự, cùng với đó là nhiều nhà lãnh đạo chính trị khác như Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi.

Một số người phát biểu ca tụng là nhân sự của Trung tâm Chống khủng bố CIA, cũng chính là những người bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ quyết định của Holder và tổng thống và từ lời cáo buộc của Pelosi rằng CIA suốt ngày lừa dối. Một người phát biểu ca tụng có thể đã phát đi tín hiệu về cảm giác phân biệt “bọn họ - chúng ta” khi cô ấy nói rõ về “đặc quyền được là một phần của đội ngũ anh chị em đích thực tham gia

vào cuộc chiến đấu chung”. Có ý gần như là bất thành văn như thế này: “Chúng tôi rất cảm ơn các vị đã đến nhưng đây thực sự là chuyện riêng của chúng tôi. Chúng tôi làm việc này trước khi các vị đến đây và sẽ tiếp tục làm sau khi các vị rời khỏi đây”.

Việc tiết lộ tài liệu và nổi lại hoạt động điều tra thậm chí còn là nguyên nhân dẫn đến tâm trạng u ám tại CIA. Tại buổi lễ nghỉ hưu của Chánh Cố vấn pháp lý John Rizzo vào cuối năm 2009, người dẫn chương trình đọc một loạt các bức thư - những văn chứng về sự đóng góp của John. Khi sắp kết thúc, anh ấy nói là mình còn một thứ nữa. Vừa thò tay lấy một tài liệu trong túi, anh ấy vừa mô tả đây là thứ Bộ trưởng Bộ Tư pháp Holder gửi riêng cho John. Anh ấy đọc: “John này, ông có quyền giữ im lặng”. Phải mất vài phút tràng cười phá của mọi người mới tạm lắng xuống để buổi lễ được tiếp tục.

Nhưng tác động của nhiều cuộc điều tra thì không phải chuyện đùa. CIA đang là đối tượng trong cuộc điều tra của Durham nhắm vào việc tiêu hủy bằng video, hoạt động điều tra lại những sự cố được nêu chi tiết trong báo cáo của Tổng thanh tra, cũng như các hoạt động chất vấn Quốc hội được đẩy nhanh về một loạt vấn đề. Vượt ra ngoài phạm vi tác động đối với tinh thần làm việc, quan hệ đối ngoại và tinh thần sẵn sàng chấp nhận rủi ro, có một hóa đơn nhân lực thô mà CIA phải trả. Và đó cũng là một hóa đơn nhân lực cấp cao. Ứng phó với tất thảy những cuộc thẩm tra đó đòi hỏi một số người tài năng nhất CIA phải được đảm trách giải quyết vấn đề. Một văn phòng đặc trách được lập ra tại tầng bảy, đối diện với dãy phòng giám đốc, để quản lý lưu lượng công việc phải giải quyết.

Ba năm sáu ngày sau ngày Bộ trưởng Bộ Tư pháp mở lại hoạt động điều tra, ông ấy và công tố viên liên bang John Durham công bố rằng họ sẽ không tiếp tục theo đuổi các cáo buộc chống lại bất kỳ ai trong chương trình RDI của CIA. Tình trạng

hút máu đồng loại, ít ra là bên trong ngành hành pháp, dường như đã kết thúc.

Holder luôn tỏ ra kiên định trong suốt quá trình: mang tư tưởng Đấng Cứu thế trong trọng tâm hành động, điếc trước mọi ý kiến mang màu sắc chính trị và đứng vững trước bằng chứng và quan điểm trái chiều.

Panetta cũng kiên định không kém, cảnh báo rằng nếu cứ quá tập trung vào quá khứ thì chúng ta sẽ đặt hiện tại và tương lai vào tình thế nguy hiểm.

Tổng thống dường như muốn sự thể tốt đẹp theo cả hai hướng. Ông ấy tỏ ra là người không kiên định trong mắt những người ở cả hai phe của vấn đề.

Ông ấy có thể coi việc chia đôi sự khác biệt là phương án xử trí tốt nhất của mình, nhưng cũng có yếu tố chính trị ở đây. Tổng thống có một vấn đề: Trước sự thất vọng của nhiều người, ông ấy đã gia tăng mức độ đối với nhiều chương trình chống khủng bố của người tiền nhiệm. Siêu dữ liệu điện thoại. Bí mật quốc gia. Điều chuyển. Tiêu diệt mục tiêu lựa chọn. Các ủy ban quân sự. Thẳng thắn mà nói, có nhiều sự khác biệt lớn giữa nhiệm kỳ thứ nhất và nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Bush hơn là giữa ông ấy và người kế nhiệm mình.

Và đó là vấn đề chính trị đối với Tổng thống Obama, người đã có quan điểm vận động tranh cử sẽ không trở thành người giống với George Bush. Tổng thống chắc hẳn đã lập luận rằng: Tôi muốn cho các bạn thấy tôi thực sự khác biệt như thế nào. Tôi muốn cho các bạn thấy tôi đã ngăn chặn được gì. Và thế là ông ấy công bố bộ biên bản thẩm vấn và cho phép (có thể còn ủng hộ nữa - không có nhiều ghi chép rõ ràng về việc này) Bộ trưởng Bộ Tư pháp của mình công bố thêm nhiều tài liệu nữa và mở lại những vụ việc đã đóng lại.

Nhân viên CIA đã phải trả một cái giá nặng nề, nhưng có lẽ họ không nên cảm thấy ngạc nhiên hay bị xúc phạm. Đích thân

tổng thống đã thể hiện một mức độ trân trọng nhất định dành cho họ, nhưng đây là công việc và họ là những người phải chịu trách nhiệm với công việc của mình.

Và còn thêm những thứ khác sắp xảy đến nữa.

Vào khoảng năm 2012, cùng thời gian Holder đang rút lại cuộc điều tra của Durham, điện thoại di động của tôi đổ chuông và George Tenet hỏi xem liệu tôi có nghe nói về “báo cáo SSCI” hay không. Tôi lảng máng biết rằng văn phòng ủy ban phía Đảng Dân chủ đang bắt tay làm việc gì đó, nhưng thực sự tôi phải thú nhận không biết gì hơn. Tôi hỏi: “Chẳng phải là chúng ta đã xem bộ phim này trước rồi hay sao, George?”.

Trên thực tế, chúng tôi chưa hề xem và sự việc đã trở nên thực sự rõ ràng hai ngày sau cuộc bầu cử tổng thống năm 2012. George, Porter Goss, John McLaughlin và tôi (các giám đốc và quyền giám đốc trong thời kỳ vận hành chương trình RDI) đã thu xếp một buổi cập nhật thông tin về cơ quan. Michael Morell, Phó Giám đốc CIA và là người bạn tốt của tất cả chúng tôi, chủ trì cuộc gặp mặt và nói qua về bản dự thảo báo cáo của Đảng Dân chủ tại Ủy ban Tình báo Thượng viện mà CIA vừa mới nhận được. Đó là một bản kể tội không thương xót, buộc tội chúng tôi cùng cơ quan vượt quá thẩm quyền và lừa dối mọi người về chương trình đó cũng như tính hiệu quả của chương trình. Tất cả chúng tôi đều rất sửng sốt. Và tức giận. Chúng tôi tự hỏi làm sao phe Dân chủ có thể đưa ra những kết luận như thế khi chưa hề nói chuyện với bất kỳ ai trong chúng tôi.

Chúng tôi cũng tự hỏi tại sao lại có báo cáo này. Giám đốc Văn phòng SSCI nói là bởi vì Thượng nghị sĩ Feinstein muốn bảo đảm là việc này sẽ không bao giờ lặp lại và điều đó khiến chúng tôi nghĩ đây là một kết luận dẫn đến một cuộc tìm kiếm dữ liệu.

CIA cũng giận dữ với báo cáo này không kém gì chúng tôi và họ đang định sẽ phản ứng quyết liệt, vì bản thảo này đã có sự

chọn lọc trong việc trích dẫn tài liệu, có nhiều sai sót về sự kiện thực tế và dường như không nắm bắt được cách thức làm việc thực sự của ngành tình báo.

Rõ ràng việc này thực sự sẽ rất thú vị khi cuộc tranh luận công khai khởi phát chỉ một vài tuần sau đó về (ngoài nhiều vấn đề khác) một bộ phim mang tên *Zero Dark Thirty* (Truy lùng khủng bố), kể về công tác tình báo dẫn tới việc tiêu diệt Osama bin Laden. Có những ý kiến phản nản về việc giới tình báo và nhóm hoạt động đặc biệt đã đi quá xa trong việc trợ giúp đạo diễn Kathryn Bigelow và nhà biên kịch Mark Boal. Một số nghị sĩ trong Thượng viện đã đề nghị hãng Sony Pictures ra một bản Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm liên quan đến vai trò của hoạt động thẩm vấn của CIA trong cuộc truy lùng khủng bố này.

Phải mất thêm hơn hai năm tranh cãi nữa giữa CIA, Nhà Trắng và Văn phòng của Đảng Dân chủ tại SSCI về dữ liệu, kỹ thuật phân tích và phân loại trước khi một bản báo cáo tóm tắt dày hơn 500 trang của Feinstein cuối cùng đã cho thấy ánh sáng ban ngày. Trong suốt quãng thời gian đó, các cựu thượng nghị sĩ được ám chỉ tới trong báo cáo này định kỳ gặp mặt hoặc tổ chức hội nghị từ xa để bảo đảm cập nhật tình hình và chuẩn bị cách ứng phó.

Không hề nói quá về cơn giận dữ của chúng tôi, nhưng đối phó với tài liệu vu khống này sẽ là việc đầy thách thức. Chúng tôi chỉ được trao một khoảng thời gian hai tuần vào tháng 8 năm 2014 để thực sự tiếp cận bản báo cáo tóm tắt, tài liệu phức tạp dày 130 trang của CIA và tài liệu phản bác dày hơn 150 trang của phe Cộng hòa tại SSCI. Với kế hoạch đi lại đã lập từ trước, tôi phải thu xếp thời gian đọc tài liệu khoảng bốn tiếng mỗi buổi chiều.

Không nao núng, chúng tôi trình đơn đề nghị theo Đạo luật Tự do thông tin đến CIA để có thêm những tài liệu củng cố cho

lý lẽ của mình. Bill Harlow, lãnh đạo bộ phận quan hệ công chúng xuất sắc dưới trưởng George Tenet đã lập một website mang tên *ciasavedlives.com* [CIA đã cứu mạng người] để chúng tôi cung cấp tài liệu sẵn có cho báo giới và công chúng. Chúng tôi cung cấp tài liệu cơ sở cho bất kỳ phóng viên báo in hay báo hình nào quan tâm. John McLaughlin đã viết một bài bình luận op-ed xuất sắc dài 2.300 từ mà chúng tôi đặt chỗ trước với website của tờ *Wall Street Journal* cùng với một phiên bản ngắn hơn dành cho báo in. Bài bình luận op-ed này có chữ ký của ba giám đốc và ba phó giám đốc đã điều hành chương trình RDI. Tôi thì viết một bài viết đồng hành dành cho báo giới Anh, tất cả sẽ được công bố ngay sau khi báo cáo Feinstein được công bố, và điều đó rất cuộc đã diễn ra vào ngày 12 tháng 12 năm 2014.

Lập luận của John trong tờ *Journal* đã tóm lược lý lẽ của chúng tôi:

Báo cáo của Ủy ban Tình báo Thượng viện về hoạt động giám giữ và thẩm vấn các phần tử khủng bố, chỉ do văn phòng trợ lý của đa số thuộc Đảng Dân chủ lập ra, là... nghiên cứu một chiều bị lỗi do có rất nhiều sai sót về sự kiện thực tế và cách diễn giải - về căn bản nghiên cứu được thực hiện sơ sài và cuộc công kích mang yếu tố đảng phái nhằm vào cơ quan đã làm hết sức mình để bảo vệ nước Mỹ sau loạt vụ tấn công 11/9.

Ông ấy phản bác những kết luận phát hiện của báo cáo rằng CIA thường xuyên vượt quá phạm vi những kỹ thuật thẩm vấn thuộc thẩm quyền và lừa dối Bộ Tư pháp, Nhà Trắng, Quốc hội và nhân dân Mỹ. Ông ấy chỉ rõ rằng báo cáo này đã chọn việc lờ đi bối cảnh của thời điểm chương trình này được triển khai và thực tế rằng cơ quan [CIA] không hoạt động một mình (ông ấy nhắc đến hơn ba mươi cuộc tường trình với Quốc hội).

Quan trọng hơn cả, ông ấy (giống như các tài liệu phản bác của CIA và Đảng Cộng hòa) đã phản bác “ý kiến khẳng định

rằng chương trình thẩm vấn của CIA không phát huy tác dụng trong việc tạo ra thông tin tình báo có thể giúp chúng ta triệt phá, bắt sống và tiêu diệt các phần tử khủng bố”, dẫn ra nhiều ví dụ về tính hiệu quả của chương trình, bao gồm cả việc tiêu diệt Osama bin Laden.

Một người vui tính trong cơ quan thì nói thẳng thừng hơn: “Báo cáo Feinstein khiến ta tin rằng những người đã mò ra Osama bin Laden cũng không biết làm thế nào mà họ lại mò ra Osama bin Laden”.

Tôi nhận được sự quan tâm đặc biệt trong báo cáo Feinstein, với tần suất dẫn chiếu gấp hơn ba lần so với bất kỳ ai trong số những người tiền nhiệm của tôi. Việc đó không phải do số lượng đối tượng giam giữ tôi quản lý (chỉ là hai trong tổng số khoảng một trăm đối tượng), mà là do tôi là Giám đốc đã tường trình với toàn thể ủy ban về toàn bộ phạm vi của chương trình.

Họ xoay cụ thể vào bản khai chứng tháng 4 năm 2007 của tôi, dành riêng toàn bộ Phụ lục 3 để nêu rõ cái họ cho là không chính xác. Rất nhiều vấn đề liên quan đến cuộc tranh luận vẫn đang trong hồi quyết liệt về việc Abu Zubaida (đối tượng giam giữ đầu tiên bị áp dụng kỹ thuật trấn nước) đã nói gì với chúng tôi, khi nào và tại sao. Những vấn đề khác có thể được mô tả hợp lý là tôi đã tường trình thứ được coi là tiêu chuẩn và họ thì đào bới qua hàng triệu (theo đúng nghĩa đen) trang tài liệu để tìm ra những chi tiết lệch chuẩn, đa phần đều ở thời gian đầu triển khai chương trình.

Sau đó là vấn đề liên quan đến yếu tố đã tạo sự ra đời của chương trình. Tôi nói rằng chương trình tôi đang tường trình, ít nhất một phần là như vậy, được tạo ra xuất phát từ kết quả hoạt động yếu kém của cơ quan liên quan đến các đối tượng bị bắt sống trên chiến trường thời gian đầu - như tổng thanh tra của CIA đã cung cấp tài liệu đầy đủ và chia sẻ với SSCI. Ủy ban SSCI biết rằng Gul Rahman đã chết trong thời gian chịu chế độ

quản thúc của cơ quan chẳng hạn, nhưng CIA chưa bao giờ coi hẳn là một phần của chương trình này.

Và cuối cùng, rất có khả năng là trong suốt hai tiếng đồng hồ khai chứng về những điều đã trôi qua được năm năm và cách tôi hai đời giám đốc khác, tôi đã nói điều gì đó không chuẩn sao. Rất có thể.

Quan trọng hơn cả, mục đích của chúng tôi cho phiên tường trình năm 2007 - cũng như những phiên tường trình tương tự với Ủy ban thường trực đặc biệt tình báo Hạ viện Mỹ (HPSCI) - *không phải* là kể lại một lịch sử hình thành chương trình RDI, mà là giải thích về tình trạng *hiện thời* của chương trình như một bước đầu tiên hướng tới xây dựng sự đồng thuận về con đường phía trước. Tất nhiên, điều đó chưa bao giờ xảy ra.

Tôi phải xem xét xử lý một khía cạnh vấn đề nữa trong báo cáo liên quan đến con số đối tượng giam giữ. Theo báo cáo, tôi “đã chỉ thị một nhân viên CIA nghĩ ra cách nào đó để giữ cho con số đối tượng giam giữ của CIA bằng với con số mà CIA trước đó đã tường trình với Quốc hội”. Báo cáo cho rằng con số đó là 98; tôi nghĩ rằng thực ra con số đó là 99.

Sự việc được cho là “sự cố” này diễn ra vào tháng 01 năm 2009, khi tôi đang chuẩn bị tâm thế ra đi. Một nhân viên CTC nhận định rằng con số đối tượng giam giữ nằm trong chương trình đúng ra phải lên tới 112. Họ luôn đặt cho tôi những câu hỏi về việc đối tượng như thế nào thì được tính là nằm trong chương trình, trong khi công tác ghi chép sổ sách thời gian đầu cũng khá tùy tiện, nhưng tôi không nhin được nụ cười nửa miệng và nói: “Người của các vị quấy nhiễu tôi ngoài kia trong suốt ba năm với con số 97 hay 98 [khi chúng tôi tăng thêm số đối tượng giam giữ]”.

Tài liệu phản bác của CIA phản ánh ý kiến đồng thuận từ cuộc họp đó rằng những con số mới mà CTC cung cấp vẫn “có phần mang tính suy đoán và chưa phải con số chốt”. Tôi nói rằng nếu thực sự có những con số mới, tốt hơn là họ nên bảo đảm

chắc chắn và tham mưu cho giám đốc rồi mới chuyển chúng cho Quốc hội.

Báo cáo Feinstein hướng tới nhận định có “ít nhất 119” (chứ không phải 112) mới đúng là số đối tượng giam giữ thuộc chương trình này.

Trong khi đó, khi đưa ra kết luận về cuộc điều tra Durham, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Holder tự tin thông báo rằng “Ông Durham đã xem xét bất kỳ sự can dự có thể có nào của CIA trong việc thẩm vấn và giam giữ 101 đối tượng, những người được cho là đã bị đưa vào chế độ quản thúc của Mỹ”. Có vẻ như con số đúng luôn khó chốt - 99, 101, 112, 119.

Kể từ sau đó tôi đã luôn ngẫm nghĩ về báo cáo Feinstein và xét xem có thể rút ra bài học nào từ đó hay không. Một kết luận tích cực mà tôi có được là sự cần thiết rõ ràng phải tường trình với Quốc hội đầy đủ và cập nhật về hoạt động nhạy cảm. Không công bằng khi cứ bắt một giám đốc năm năm sau phải dựng lại mọi sự việc.

Cũng có thể nói tôi đã gần rút ra một kết luận thứ hai, đen tối hơn. Hãy cẩn thận với những gì ta nói với những người này. Một vài người trong số đó không quan tâm đến đối thoại thật lòng mà chỉ chăm chăm lắng nghe rồi bám vào những gì ta nói để phản bác, buộc tội và hạ thấp uy tín.

Và tôi cho rằng việc này một lần nữa đặt ra câu hỏi về động cơ hành động. Tại sao lại có báo cáo này? CIA đã không còn tiến hành hoạt động thẩm vấn. Và cũng chưa có kế hoạch quay lại tiến hành hoạt động này*.

* Vào mùa Hè năm 2015 tôi có gặp ứng cử viên tổng thống Jeb Bush. Khi chủ đề kỹ thuật thẩm vấn được nêu ra, tôi nêu ý kiến cho rằng - sau khi bộ biên bản ghi nhớ được công bố, những kỹ thuật thẩm vấn bị phơi bày, các nhân viên CIA dường như bị bỏ rơi - bất kỳ tổng thống tương lai nào muốn khôi phục lại những kỹ thuật này tốt hơn là nên luyện tập cách áp dụng vì ông ấy sẽ phải tự mình áp dụng chúng.

Cả ở đây các thiên thần đen tối hơn của tôi cũng gợi ý một câu trả lời. Tôi hình dung những người thực sự thúc đẩy việc công bố báo cáo nghĩ rằng việc này đưa đến cho họ một cảm giác lấy công chuộc tội. Họ sẽ nói và nói công khai rằng: “Thấy chưa. Việc này không liên quan đến chúng tôi, chưa bao giờ liên quan đến chúng tôi. Chúng tôi không thuộc dạng như vậy. Những người đó, những người ở kia kia. Bọn họ là kẻ nói dối đấy. Mọi chuyện là chuyện liên quan đến họ. Để tôi chỉ cho nhé”.

Thượng nghị sĩ Rockefeller là một người vận động ủng hộ mạnh mẽ cho báo cáo Feinstein. Ông ấy còn tuyên bố chỉ trích quyết liệt riêng của mình khi báo cáo được công bố vào tháng 12 năm 2014.

Vào tháng 3 năm 2003, sau khi Khalid Sheikh Mohammed (KSM) bị bắt sống, giọng điệu của Thượng nghị sĩ này lại có phần hơi khác.

Wolf Blitzer của CNN có hỏi ông ấy điều gì sẽ xảy ra với KSM.

May là chúng tôi không biết hắn đang ở đâu... Hắn sẽ bị chúng ta tra khảo. Tôi dám chắc chúng ta sẽ đối xử đúng đắn với hắn, nhưng tôi dám chắc chúng ta sẽ rất, rất rắn với hắn.

Việc đó khiến Blitzer nêu ra câu hỏi về tra tấn.

ROCKEFELLER: *Đó luôn là một câu hỏi tế nhị... Mặt khác, hắn có thông tin. Lấy được thông tin đó sẽ cứu được mạng sống người Mỹ. Chúng ta không có mục tiêu nào khác ngoài việc lấy bằng được thông tin đó.*

Blitzer lại một lần nữa nêu ra câu hỏi về tra tấn.

ROCKEFELLER: *Chúng ta không cho phép dùng hình tra tấn, nhưng có những phương tiện tâm lý và phương tiện khác để đạt được phần lớn những gì chúng ta muốn.*

Blitzer sau đó hỏi về việc điều chuyển hắn cho một nước thứ ba “nơi không có những quy định hạn chế việc dùng hình tra tấn”.

ROCKEFELLER: *Tôi sẽ không buông bỏ bất cứ thứ gì có thể áp dụng với hắn, bởi vì hắn chính là thủ phạm đã sát hại hàng vạn người Mỹ trong suốt mười năm qua.*

Ui chà. Ta có thể thấy đội ngũ nhân viên CIA bối rối ra sao.

Đương nhiên là họ không đồng ý với báo cáo, cách đề cập vấn đề, phương pháp và những kết luận trong đó. Và họ đặc biệt không đồng ý với ý kiến cho rằng việc này chỉ liên quan đến họ. Nếu việc này chỉ liên quan đến họ, phe Dân chủ trong Quốc hội (những người đã nhận được thông tin tường trình) đã bắt đầu hành động phản đối của họ vào năm 2002 - khi mà vết thương vẫn còn chưa nguôi ngoai, mối đe dọa dường như sắp xảy đến, còn tương lai thì bị đặt trong ngò vực - chứ không phải đợi đến năm 2014, khi việc này không còn liên quan đến họ.

Công luận Mỹ đồng tình với CIA. Nhiều cuộc điều tra công luận theo sau việc công bố báo cáo Feinstein cho quan điểm đứng về phía CIA với tỷ lệ chênh lệch lớn. Điều tra của Viện Nghiên cứu Pew cho thấy tỷ lệ chia rẽ 51-29 ở ý kiến cho rằng các hành động của CIA là chính đáng. Tỷ lệ chia rẽ thậm chí còn lớn hơn, 56-28, ở ý kiến cho rằng thông tin tình báo từ chương trình này đã ngăn được những cuộc tấn công. Với những người nói rằng họ đang bám sát vấn đề này, những con số thậm chí còn đáng chú ý hơn nữa. Họ ủng hộ chương trình này với tỷ lệ 59-34. CNN có những con số tương tự, 66-34, xét tổng thể.

Viện Brookings, một cơ quan nghiên cứu chiến lược danh tiếng ở Washington, nói về chủ đề này bằng bài viết có tiêu đề: “Người Mỹ đã thể hiện tinh thần trách nhiệm với Chương trình thẩm vấn của CIA”, chỉ ra rằng các chiến thuật của CIA được đồng ý có thể áp dụng cho cả quá khứ lẫn tương lai và kết luận rằng “những tổng thống tương lai nào cố kiềm chế làm những việc chính quyền Bush - Cheney đã làm rất có thể tự đẩy mình vào tình thế nguy cơ chính trị - nhất là nếu như các phần tử khủng bố một lần nữa tìm mọi cách sát hại người Mỹ với số lượng lớn”.

Đây không hẳn là kết quả mà phe Dân chủ trong Ủy ban tình báo dự kiến.

Nhưng đây cũng không hẳn là lời kết. Chương trình RDI luôn đòi hỏi một lịch sử chính xác, không thiên kiến. Sáu người trong số chúng tôi nói như vậy trong bài bình luận op-ed trên tờ *Wall Street Journal* đó, gọi báo cáo Feinstein là “một cơ hội bị bỏ lỡ để trình làng một nghiên cứu nghiêm túc và có cân đối về vấn đề chính sách công quan trọng... Đất nước này và CIA sẽ được hưởng lợi từ một nghiên cứu có cân nhắc hơn về những chương trình này và theo đó là một tập hợp tương ứng những khuyến nghị. Báo cáo của Ủy ban này không phải là dạng nghiên cứu đó”.

Chúng tôi vẫn đang chờ được thấy lịch sử không thiên kiến đó.

Chương XXI

KHU VỰC TƯ NHÂN

Washington, D.C., 2009-2014

Đầu tháng 6 năm 2013, khi đang làm thủ tục nhận phòng tại một khách sạn tiện nghi ở La Jolla, California thì tôi nhận được email từ Mark Hosenball, phóng viên chuyên đưa tin về hoạt động tình báo của hãng tin *Reuters*. Dòng nội dung ở phần chủ đề là: “Chuyện này có thật hay là vớ vẩn đấy?”. Phần nội dung là một vài từ và một đường siêu liên kết (hyperlink) dẫn tới một bài báo của Glenn Greenwald vừa mới được đăng trên website của tờ *Guardian* có trụ sở tại London.

Cái tít của bài báo trên tờ *Guardian* là làng: “NSA thu thập thông tin hồ sơ cuộc gọi điện thoại của hàng triệu khách hàng của Verizon mỗi ngày” và phần tít phụ nhắc đến một án lệnh cho phép hoạt động này.

Tôi thích Hosenball, nhưng đã không trả lời email của ông ấy. Chuyện này không hề vớ vẩn. Chuyện này là có thật. Nhưng tôi không định nói về chuyện này. Đây là chương trình nối tiếp cho mảng thu thập siêu dữ liệu điện thoại chúng tôi đã thực hiện trong chương trình Stellarwind, giờ đây được thực hiện thông qua một án lệnh, nhưng đó không phải là thứ tôi có thể xác nhận hay thậm chí là cố gắng giải thích. Dẫu vậy, tôi vẫn phân vân. Làm thế quái nào *thứ đó* lại lọt ra ngoài nhỉ?

Ngày hôm sau, Greenwald trên tờ *Guardian* và Bart Gellman trên tờ *Washington Post* khẳng định rằng NSA có quyền tiếp cận tự do với hệ thống máy chủ đặt tại Mỹ của Microsoft, Google, Yahoo, Skype, Youtube, Facebook, AOL và Apple theo chương trình do thám mang mật danh PRISM.

Tình trạng bùng nổ tin tức của báo giới đang diễn ra nhanh chóng theo phiên bản báo chí của chiến dịch tác chiến “gây sốc và gây sợ” (shock and awe) của Tommy Franks trong cuộc chiến tranh Irắc lần thứ hai.

Từ lâu trước đó tất cả chúng tôi đều biết rằng những cuộc rò rỉ này là sản phẩm của một nhà thầu 29 tuổi có khuôn mặt thư sinh của hãng Booz Allen mang tên Edward Snowden, người khi đó đang lẩn tránh ở Hồng Kông (Trung Quốc) để cố gắng thu xếp quá cảnh qua Nga để đến Nam Mỹ.

Tính đến mùa Hè năm 2013, tôi đã thôi công tác trong chính phủ được hơn bốn năm. Tôi say mê với công việc tư vấn trưởng tại Chertoff Group, một công ty tư vấn an ninh do cựu Bộ trưởng Bộ An ninh nội địa Mike Chertoff sáng lập, cũng như giảng dạy tại Khoa Sau đại học về chính sách, chính quyền và các vấn đề quốc tế thuộc Đại học George Mason ở miền Bắc Virginia. Chertoff Group giúp tôi có điều kiện tiếp xúc với những người đồng quan điểm và đồng trải nghiệm. Thật hay khi thường xuyên có dịp chia sẻ suy nghĩ với những người như Charlie Allen, một nhân vật huyền thoại của CIA. Vị trí công việc tại Đại học George Mason là sản phẩm của một cuộc nói chuyện tình cờ với một thành viên của khoa tại bữa tiệc Giáng sinh năm 2008 của cựu Thượng nghị sĩ Chuck Robb. Nhận thấy cái ông ấy gọi là “sự uyên thâm thực tế” của tôi, vị thành viên của khoa này đưa tấm bằng thạc sĩ bốn mươi tuổi của tôi qua những khâu thủ tục hành chính của GMU để đưa tôi vào hàm giáo sư thỉnh giảng đặc biệt. Tôi ham mê công việc giảng dạy khóa học “Tình báo và chính sách”, là khóa học thường xuyên

đủ số người tham gia chỉ trong vòng một hoặc hai phút đăng ký trực tuyến, mặc dù tôi ngờ rằng điều này có liên quan đến hy vọng tôi sẽ vui miệng nói ra một số bí mật.

Tôi cũng làm công việc hậu chính phủ thường lệ là đăng ký tham gia một số hội đồng và cơ quan tư vấn. Tôi thường phân vân tự hỏi không biết cụ thể thì mình phải mang đến cho mọi người điều gì, nhưng những lời mời cứ đến tới tấp và đều đặn. Trong một dịp như vậy, Charlie Allen và tôi đã dành vài giờ giải thích với một số lãnh đạo công ty về cơ cấu và chức năng hoạt động của cộng đồng tình báo. Đó không phải là thứ gì đó mới lạ và chúng tôi nhận xét lúc đang ở thang máy sau khi xong việc là không ai trong hai chúng tôi có thể tin họ lại lấy bút ghi lại những thứ chúng tôi nói. Có thể chúng tôi đang nhận định chưa đúng mức về thứ chúng tôi thu nhận được trong gần một thế kỷ trải nghiệm trong cộng đồng tình báo.

Một hội đồng tập hợp các diễn giả tích cực đã làm đầy thêm danh mục công việc hậu chính phủ và tìm cách lấp đầy mọi khoảng trống trong lịch biểu của tôi.

Tôi ít nhớ công việc trong chính phủ hơn là những gì tôi đã nghĩ. Khi có ai hỏi, tôi thường đáp lại rằng tôi nhớ nhiệm vụ và tôi nhớ mọi người (và đôi lúc cũng nói rằng tôi nhớ chiếc máy bay), nhưng nói là nói vậy thôi. Vào hầu hết buổi sáng, tôi vẫn nằm cuộn trên giường, vớ lấy chiếc iPad, đọc các mẫu tin thông cáo báo chí của CIA trước khi rời khỏi giường. Sau đó, khi chuyển cho vợ tôi tách cà phê, cô ấy thường hỏi “Có vấn đề gì trong các mẫu tin đó không?” và tôi cũng thường trả lời “Lại thêm một ngày tốt lành nữa được là *cựu* quan chức tình báo cấp cao”.

Nói vậy thôi chứ tôi đã bị lôi cuốn vào công việc viết lách và bình luận về các vấn đề tình báo kể từ khi rời khỏi chính phủ, vậy nên đã nhanh chóng bị hút vào cuộc tranh cãi xoay quanh E. Snowden.

Luận điểm đầu tôi đưa ra là cuộc tranh cãi này thực ra đã diễn ra từ rất lâu rồi. Đến cuối thập niên 1990, NSA đã nhận thức rất rõ rằng những cuộc liên lạc nước ngoài có thể trở thành mục tiêu chặn thu hợp pháp (như cuộc liên lạc của Liên Xô) không còn chỉ giới hạn trong các mạng lưới đối thủ biệt lập. Các mục tiêu hiện đại (như email của al-Qaeda trên Mạng toàn cầu) đang tồn tại song song với những tin nhắn bình thường và thậm chí được bảo vệ theo Hiến pháp trên một mạng lưới truyền thông toàn cầu nhất thể và tích hợp.

Tình thế tiến thoái lưỡng nan trở nên trầm trọng hơn sau sự kiện 11/9, khi mà kẻ thù cho thấy hắn đã ở bên trong cánh cổng và cho dù hắn không thể đích thân vào được lãnh thổ nước Mỹ thì những cuộc liên lạc của hắn vẫn có thể vào, khi mà các đối tượng khủng bố đã chọn việc sử dụng các dịch vụ email có cơ sở đặt tại đất nước này.

Những hành động tội lỗi mà Greenwald, Gellman và những người khác đang cố gắng miêu tả chính là nỗ lực của NSA và các cơ quan tình báo khác ứng phó với những thực trạng mới này. Một vài trong số những nỗ lực này quả thực đã làm dấy lên những câu hỏi quan trọng về sự cân bằng thích hợp giữa an ninh và quyền tự do, mà những tiết lộ của Snowden rõ ràng đã đẩy nhanh và gia tăng mức độ cho cuộc tranh luận đó. Nhưng những tiết lộ này, và nhất là cách thức tiết lộ, đã làm biến dạng nghiêm trọng cuộc tranh luận, khi những câu chuyện phức tạp được đưa tin không đúng sự thật hoặc, tệ hơn nữa, bị đẩy một cách có mục đích vào góc tối nhất của căn phòng.

Lấy chương trình do thám PRISM làm ví dụ, bị lộ thông tin vào ngày thứ hai của chiến dịch. Chạy đua với thời hạn chót, một số hãng truyền thông đã đưa tin (một cách không chính xác) rằng NSA có quyền tiếp cận trực tiếp và tự do với hệ thống máy chủ của các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông Mỹ và chỉ còn một bước ngắn từ đó đến chỗ cáo buộc gần như là bôi nhọ

rằng NSA thường xuyên moi đọc email của những thường dân Mỹ. Trên thực tế, dưới sự giám sát của tòa án, NSA yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp tài khoản email của những mục tiêu tình báo nước ngoài đã xác định.

Cứ coi đây là giả thuyết. NSA đang nhắm vào các cuộc liên lạc của một phần tử khủng bố đã biết ở Yemen. NSA nhận thấy rằng phần tử khủng bố đang ở Yemen này có liên lạc qua phương tiện điện tử với một cá nhân khác; hẳn có thể đang ở Pakixtan, ở nơi khác tại Yemen hoặc thậm chí là ở trong nước Mỹ. Chúng sử dụng một dịch vụ internet có máy chủ đặt ở Mỹ; chúng gửi email qua lại cho nhau.

Những tình huống tương tự có thể áp dụng với việc lưu chuyển email có nội dung liên quan đến việc chuyển những hóa chất lưỡng dụng đến một nước bị tình nghi đang phát triển vũ khí hóa học. Hoặc có thể áp dụng với những cuộc liên lạc có chứa thông tin về những cuộc tấn công mạng tiềm tàng.

Trong mỗi trường hợp này, thứ duy nhất có “yếu tố Mỹ” của cuộc liên lạc là về mặt vật lý nó nằm trong nước Mỹ và dựa vào máy chủ của một công ty internet có trụ sở ở Mỹ. Mục tiêu của hoạt động do thám này là một người nước ngoài ở bên ngoài nước Mỹ.

Giám đốc Tình báo quốc gia (và là cựu Giám đốc NSA) Mike McConnell nhận thấy điều này và thuyết phục Quốc hội sửa đổi lại Đạo luật Giám sát tình báo nước ngoài (FISA) (Mục 702) vào năm 2008 để NSA thuận lợi hơn trong việc chặn thu những loại liên lạc này. Việc tiếp cận vẫn chịu sự giám sát của Tòa án FISA (cũng là tòa yêu cầu các hãng công nghệ phải tạo điều kiện tiếp cận dữ liệu), nhưng quy trình không còn yêu cầu phải xin lệnh đồng ý từng trường hợp vừa mất thời gian, vừa lồi thối.

NSA đối xử với PRISM như mọi điểm thu thập thông tin khác, một điểm thu thập mà dù phải thừa nhận là rất mới và đặc biệt giá trị song, giống như nhiều điểm khác, được thiết kế

để thu thập những cuộc liên lạc *nước ngoài* có giá trị tình báo *nước ngoài*.

PRISM không gây ra làn sóng phản đối trong nước như hoạt động thu thập siêu dữ liệu mang tên chương trình 215, bởi đó là mục nằm trong Đạo luật Ái quốc làm cơ sở cho chương trình. PRISM được thiết kế hướng trọng tâm vào người nước ngoài, trong khi chương trình 215 thì nhằm vào người Mỹ. NSA có một kho lưu trữ dữ liệu những cuộc gọi của người Mỹ - không phải là nội dung cuộc gọi, mà là thông tin liên quan đến cuộc gọi như ai gọi đến, gọi cho ai, khi nào, trong bao lâu. Đó là kho dữ liệu lớn, nhưng quyền tiếp cận được kiểm soát chặt chẽ, không chỉ bằng cách hạn chế số người có thể tiếp cận, mà còn hạn chế ở phạm vi chỉ phục vụ mục đích chống khủng bố.

Khi NSA thu được một số điện thoại liên quan đến khủng bố mới ở nước ngoài, chẳng hạn, của các lực lượng người Yemen đang gọi cho phần tử khủng bố nói ở trên, câu hỏi then chốt luôn là liệu số điện thoại từ trước đến lúc đó chưa được biết đến có bao giờ liên lạc với một số điện thoại bên Mỹ hay không. Nhiệm vụ sẽ trở nên đơn giản khi tra cứu cơ sở dữ liệu 215 khổng lồ đó và, nếu như một số điện thoại như vậy được xác định, NSA sẽ chuyển sang tra cứu những số điện thoại khác có liên lạc với số đó. Mọi thứ sau đó là công việc của FBI.

Dù với tôi chương trình đó nghe rất hợp lý và áp dụng hạn chế, song nó không hề được nhìn nhận như vậy trong mắt nhiều người. Nhiều người Mỹ tỏ thái độ tức giận, và không phải toàn bộ trong số họ đều đội mũ giấy thiếc (*mia mai* - để chính phủ kiểm soát tín hiệu đối với từng người - *N.D*). Nhiều nhóm trong Quốc hội cũng có thái độ vô cùng giận dữ. Một phần của vấn đề nằm ở chỗ nhiều người không chịu tin rằng chương trình này chỉ được áp dụng hạn chế. Họ nghi ngờ những dữ liệu đó đang được sử dụng cho mục đích khác hoặc những thuật toán lớn đang được gán vào chương trình đó để tiên đoán mẫu hành vi cá nhân.

Những người khác lại đưa ra cáo buộc mà, nếu đúng, sẽ đẩy NSA vào tình trạng không chỉ vi phạm luật pháp nước Mỹ, mà còn vi phạm cả quy luật vật lý nữa. Tôi thậm chí còn nghe được một nhà bình luận khẳng định rằng, nếu tình nghi về thứ gì đó nằm trong phạm vi quan tâm, NSA có thể nhấp chuột vào một số điện thoại để truy hồi và nghe nội dung câu chuyện đã nói của số điện thoại đó. Gì vậy hả trời? Nhấp chuột vào thứ mà trên thực tế chỉ là một hóa đơn điện thoại để nghe những gì đã nói trong quá khứ hay sao?

Tôi phản bác mạnh mẽ ý kiến này trong một cuộc bàn luận trên *Fox News Sunday* với Justin Amash, Thượng nghị sĩ năm đầu, người là thành viên của Phong trào Tiệc trà (Tea Party). Tôi đưa ra lời khuyên rằng ông ấy cần nói sự thật với cử tri của mình chứ không nên giành sự ủng hộ của họ bằng những tin đồn gây hốt hoảng.

AMASH: Và điều quan trọng cần hiểu là chương trình này vượt ra ngoài phạm vi siêu dữ liệu. Như vậy, chúng ta bắt đầu bằng siêu dữ liệu nhưng chính phủ không nói gì về việc chương trình không được phép thu thập những cuộc liên lạc thực tế của mọi người. Theo luận thuyết này, họ chắc chắn có thể thu thập nội dung cuộc gọi của mọi người giống như cách họ có thể thu thập siêu dữ liệu của mọi người...

HAYDEN: ... Tôi phải nói thêm điều này, Chris [Wallace] ạ, xuyên tạc về chương trình này cũng chẳng khiến người dân Mỹ thấy dễ chịu hơn với nó. Chương trình này không cho phép thu thập nội dung cuộc liên lạc. Chấm hết.

Lý lẽ ban đầu NSA đưa ra để bảo vệ chương trình siêu dữ liệu 215 là cả ngành hành pháp, Quốc hội và các tòa án đều có sự suy xét kỹ và có quan điểm ủng hộ. Trong một kỷ nguyên cải cách ngành tình báo hậu Ủy ban Church, lý lẽ đó là quá đủ. Ấy vậy mà không.

Cuộc tranh cãi đã tạo ra những kiểu kết hợp mục đích lạ đời. *Fox News* đã từ bỏ những tiêu chí an ninh quốc gia thông thường để có cơ hội công kích tổng thống và củng cố nhãn hiệu Tiệc Trà mang tư tưởng dân túy của họ. Hãng truyền thông này không thể giải quyết vấn đề mà không có cái tit “vụ bê bối NSA”, một cái tit dựa vào những kết luận của riêng họ.

Vào giữa mùa Hè, chương trình 215 rơi vào nguy cơ bị biểu quyết chấm dứt hoạt động. Với cách biệt chỉ vỏn vẹn mười hai phiếu, một liên minh lưỡng đảng gồm những đảng viên Đảng Cộng hòa có quan điểm ôn hòa hơn hoặc ít hơn và những đảng viên Đảng Dân chủ ôn hòa đã đánh bại một liên minh cũng lưỡng đảng của những người anh em mang nặng ý thức hệ hơn, một liên minh rất không chắc chắn của những người mang quan điểm cực tả và cực hữu. Trong một sự kiện thể hiện tinh thần lưỡng đảng hiếm gặp, gần 60 phần trăm đảng viên Đảng Dân chủ và hơn 40 phần trăm đảng viên Đảng Cộng hòa đã biểu quyết cắt ngân sách dành cho chương trình này. Một nhân vật trong Quốc hội đã mô tả hàng giờ trước khi diễn ra cuộc biểu quyết như một cuộc chiến tay đôi*.

Công bằng mà nói, luôn có một nhóm nhỏ các nghị sĩ (nhất là trong Thượng viện) có sự hiểu biết thấu đáo nhưng vẫn triệt để chống lại chương trình 215. Ví dụ như Ron Wyden của bang Oregon, một thành viên của Ủy ban Tình báo Thượng viện. Rất lâu trước khi xảy ra vụ việc Snowden, Wyden đã cố gắng bắt Giám đốc Tình báo quốc gia Jim Clapper sa vào thế tiết lộ chương trình 215 bằng việc hỏi ông ấy trong một phiên điều trần mở về việc liệu NSA có thu thập “bất cứ loại dữ liệu nào về

* Trong Đạo luật Tự do của Mỹ tháng 6 năm 2015, Quốc hội dành cho NSA sáu tháng để kết thúc hoạt động thu thập siêu dữ liệu Mỹ, dù NSA vẫn có thể tiếp cận siêu dữ liệu này bằng việc mang trát yêu cầu đến gặp thẳng các hãng viễn thông Mỹ.

hàng triệu hay hàng trăm triệu người Mỹ” hay không. Đương nhiên, Wyden và những đồng nghiệp trong ủy ban của ông ấy thừa biết câu trả lời cho câu hỏi này, và đội ngũ trợ lý của họ cũng vậy. Ai ngờ Clapper lại lóng ngóng trả lời: “Không thưa ngài. Hoàn toàn không”.

Câu trả lời thực sự rất dở. Nhưng câu hỏi thì cũng rất dở. Khá là quanh co. Nếu như Wyden muốn tiết lộ các bí mật nhà nước trong một phiên điều trần mở, đáng ra ông ấy nên thể hiện chất đàn ông và tự mình phơi bày những thứ đó. Sau những tiết lộ của Snowden, Wyden chạy thêm một vòng chào mừng thắng lợi bằng việc đưa ra câu hỏi của mình và nhiều người thực sự đã rất tức giận trước phản ứng của Clapper. Dầu vậy, cần luôn nhớ trong đầu rằng Wyden gây sức ép với vấn đề này trong một phiên điều trần mở vì ông ấy sẽ không đạt được điều gì trong các phiên điều trần kín, nơi ông ấy thường xuyên thua với mức chênh lệch lớn trong những cuộc biểu quyết của ủy ban liên quan đến chương trình 215. Trên thực tế, những người ủng hộ mạnh mẽ nhất đối với chương trình 215 chính là lãnh đạo và đa số ủy viên của hai ủy ban tình báo.

Đa số những thành viên am hiểu nhất về những việc NSA đang làm có quan điểm ủng hộ là điều rất khích lệ. Nhưng có những người trong ngành hành pháp có (hoặc nên có) sự am hiểu không kém, nhưng sự im lặng của họ thì thật khó hiểu.

Nếu như phó tổng thống từng có bất kỳ quan điểm công khai bảo vệ NSA nào, thì hẳn tôi đã phải nhớ. Cũng như vậy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, người được hưởng sự phục vụ của Giám đốc NSA.

Tình trạng tương tự có thể áp dụng cho những quan chức như cố vấn an ninh quốc gia và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, những người thực sự góp phần xây dựng các yêu cầu về thông tin tình báo và nhận được các báo cáo dựa vào yêu cầu đó. Họ nghĩ những thứ này từ đâu mà có?

Khó hiểu thay, sau vụ việc tiết lộ của Snowden, có nhiều quan chức chính quyền Bush hơn là quan chức chính quyền Obama đang hoạt động trong hệ thống ủng hộ các chương trình của chính quyền đương nhiệm.

Tổng thống Obama đã bảo vệ NSA... đến một thời điểm nhất định. Ngay sau khi vụ bê bối Snowden bắt đầu diễn ra, ông ấy nhận được một câu hỏi đơn giản (nhưng rõ ràng mang nhiều thâm ý) ngay trước cuộc hội đàm với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại California. Câu trả lời tùy ứng của ông ấy được trau chuốt kỹ lưỡng, chính xác về mặt kỹ thuật (điều không dễ thực hiện) và được đưa ra một cách điềm tĩnh nhưng mạnh mẽ.

Tổng thống tiếp tục thể hiện quan điểm bảo vệ yêu cầu “trả lời câu hỏi” của mình trong những cuộc phỏng vấn với *CNN* và với Charlie Rose, bảo vệ các chương trình của NSA với những lý lẽ tương tự, mặc dù giờ đây ông ấy thừa nhận rằng “những khả năng của NSA đang gây sợ hãi cho mọi người”.

Đến tháng 9, khi được hỏi một câu trước một bộ phận khán thính giả nước ngoài ở Thụy Điển, tổng thống trả lời thậm chí còn mang tính biện giải và phòng thủ hơn. Ông ấy sẵn lòng rút lại một số thứ và cố gắng chỉ ra rằng “những điều tôi vừa nói trong nước và những gì tôi nói với khán thính giả quốc tế là... chỉ bởi chúng tôi có thể làm điều gì đó chứ không có nghĩa là chúng tôi nên làm điều gì đó”.

Khi Tổng thống Bush triển khai chương trình siêu dữ liệu hiện thời vào năm 2006 và nỗ lực PRISM vào năm 2008, ông ấy yêu cầu Keith Alexander, Giám đốc NSA, nhận lấy những thẩm quyền này và bảo vệ nước Mỹ. Ông ấy nói rằng, nếu chúng làm nảy sinh vấn đề chính trị, ông ấy có trách nhiệm đứng ra bảo vệ NSA (đó chính xác là cách ông ấy đối xử với những chương trình tôi từng chịu trách nhiệm điều hành).

Khi Tổng thống Obama tiếp nhận những nỗ lực này vào năm 2009, đáng ra ông ấy nên tiếp nhận cả kế ước xã hội đó, dấu để thực thi đầy đủ thì có thể sẽ khó hơn đối với ông ấy. Khó hơn là bởi nó sẽ tác động đến cơ sở vận động ủng hộ của ông ấy với mức độ lớn hơn so với tác động đối với Tổng thống Bush. Về sau còn khó hơn nữa bởi vì hoạt động do thám dường như đầy tính xâm phạm riêng tư mâu thuẫn với khẳng định của ông ấy về việc “al-Qaeda đang tháo lui” và “cơn thủy triều chiến tranh đang lùi dần ra xa”.

Chiến dịch vận động tranh cử năm 2008 của tổng thống, với cơ sở vận động hướng tới tạo khoảng cách giữa ông ấy với chính quyền Bush, cũng là yếu tố khiến ông ấy gặp khó khăn hơn. Không nghi ngờ gì việc ông ấy có ý định đưa ra ý phán xét trong lễ nhậm chức lần thứ nhất của mình khi nói rằng: “Về công tác phòng thủ chung của chúng ta, chúng tôi coi việc phải lựa chọn giữa sự an toàn và các lý tưởng của chúng ta là ý kiến sai lầm”.

Hãy so sánh câu đó với giải thích của ông ấy đưa ra vào tháng 6 năm 2013 về các hoạt động của NSA: “Nhưng tôi nghĩ rằng điều quan trọng mọi người cần hiểu... là có một số điều kiện đánh đổi không thể tránh được... Ta không thể có chế độ an ninh bảo đảm 100 phần trăm và rồi cũng có chế độ riêng tư 100 phần trăm và không có chút bất tiện nào. Mọi người biết đấy, chúng ta sẽ phải đưa ra một số lựa chọn trong vai trò là một xã hội”.

Tổng thống dường như lại một lần nữa chia đôi sự khác biệt, như ông ấy đã làm với việc công bố bộ biên bản ghi nhớ của Bộ Tư pháp sau lưng CIA năm 2009 (xem Chương XX). Nhưng ông ấy đang ở một tình thế khó. Cả kế hoạch đối ngoại lẫn đối nội của ông ấy đang có nguy cơ đổ vỡ khi các cơ quan tình báo trong chính quyền của ông ấy không thể giữ bí mật dẫn tới thái độ tức giận của những người ủng hộ ông ấy ở trong nước cũng như nước ngoài. Có tin cho hay vị tổng thống lạnh lùng này đã thể hiện cơn giận dữ thấy rõ trong một nhóm ít người với nhau.

Và những tiết lộ của Snowden vẫn tiếp diễn, thường nhắm vào thời gian có thể mang tới sự khó xử tối đa và được thực hiện theo cách mang tới tác động tối đa. Các báo *Los Angeles Times*, *USA Today* và *Washington Post* đều đã thổi phồng mọi chuyện dựa trên cái tit bài Glenn Greenwald và Laura Poitras vào tháng 9 trên tờ *Guardian* có trụ sở tại London: “NSA chia sẻ thông tin tình báo gồm cả dữ liệu của người Mỹ với Ixraen”, ý ám chỉ rõ ràng NSA đang tùy tiện giao thông tin cá nhân người Mỹ cho một đồng minh nguy hiểm.

Những bài báo kiểu đó dường như thường khiến chính quyền đương nhiệm cảm thấy giạt mình khi các biện pháp ứng phó phải trải qua một quy trình suy xét liên ngành công kênh, thường mang tới biện pháp ứng phó hồ hững, thiếu tính năng, muộn màng hoặc không tồn tại. Trên thực tế, trong trường hợp cụ thể này, với những người chỉ cần có chút kiến thức về cách thức vận hành của thông tin tình báo tín hiệu [SIGINT], họ sẽ có mạch chuyện rất khác, nhưng đó là mạch chuyện thậm chí không được gọi nhắc tới trong nội dung đưa tin của báo chí.

Tôi không có kiến thức kỹ thuật về hoạt động bị cáo buộc này, nhưng theo kinh nghiệm của tôi - khi làm việc với một đồng minh và chuyển “thành quả” SIGINT cho họ - thường sẽ có một Biên bản ghi nhớ (MOU) được thảo ra để bảo đảm quyền riêng tư của người Mỹ được bảo vệ ngay cả trong trường hợp ít khả năng xảy ra là dữ liệu cá nhân người Mỹ tình cờ bị tập hợp và lưu trữ. Biên bản ghi nhớ này thực ra là một yếu tố bổ sung cho quyền riêng tư của người Mỹ. Nhưng diễn giải đó chưa bao giờ được đề cập trong các câu chuyện công khai.

Một cái tit nữa của bài báo dài một trang trong số ra tháng 8 năm 2013 của tờ *Washington Post* la lớn: “NSA phá vỡ các quy tắc quyền riêng tư hàng ngàn lần mỗi năm, theo thông tin kiểm toán”. Tôi đã phân tích số liệu đó bằng việc gắn nó với một số liệu khác trong một bài viết ngắn trên tờ *USA Today*, chỉ ra rằng:

Tất cả sự cố đó đều không có chủ ý; không ai có thể cáo buộc về việc bất cứ quy tắc nào bị xâm phạm một cách có chủ ý. Toàn bộ những sự cố đó đã được NSA tự phát hiện, báo cáo và khắc phục sai sót.

Tròn hai phần ba số sự cố này liên quan đến “đối tượng vãng lai” - những người nước ngoài là mục tiêu hợp pháp đang có mặt tạm thời tại Mỹ (và như vậy tạm thời được bảo vệ theo Tu chính án thứ tư).

Tôi giải thích chi tiết hơn từ “đối tượng vãng lai” (roamer). Hãy hình dung một mục tiêu tình báo nước ngoài hợp pháp, người mà NSA không hề biết, đi vào nước Mỹ. Giờ đây mục tiêu đó thực hiện một cuộc gọi điện thoại di động từ Mỹ đi, không được thu thập trong không trung ở đây, mà được thực hiện theo cách cuộc gọi đó được định tuyến trở lại với mạng lưới ban đầu của nó (phục vụ mục đích tính cước) trước khi hướng tới người nhận dự định. Nó có vẻ giống hệt một cuộc gọi nước ngoài và như vậy sẽ được thu thập, cho đến khi có thể thấy rõ, dựa vào nội dung của một cuộc gọi cụ thể hay một số khía cạnh của bản thân bản chặn thu, rằng cuộc gọi được khởi phát từ nước Mỹ. Đến lúc đó, quá trình thu thập được ngưng lại và cuộc thu thập không chủ ý này (“vi phạm quyền riêng tư”) được báo cáo lại - dẫn cho người gọi vẫn là một mục tiêu hợp pháp và NSA sẽ lại theo dõi đối tượng này sau khi người đó rời khỏi nước Mỹ.

Tôi nói thêm rằng “các hình thức vi phạm” khác bao gồm các bản câu hỏi khai thác cơ sở dữ liệu, tìm kiếm những dữ liệu đã được thu thập. Tài liệu mà tờ *Washington Post* dựa vào tiết lộ rằng, trong một giai đoạn kéo dài ba tháng, có 115 câu hỏi được gửi đến sai quy cách, những dạng lỗi như đánh máy hay sử dụng những tiêu chí tìm kiếm quá rộng. Đó là 115 trong số 61 triệu bản câu hỏi.

Tôi không đưa con số đó vào bài viết bình luận op-ed, nhưng có một gợi ý chạy tí khác dành cho bài viết trên tờ *Washington Post*: “NSA gần như là hoàn hảo” (NSA Damn Near Perfect).

Câu chuyện nền tảng trong bài viết op-ed trên tờ *USA Today* của tôi là để cung cấp tin tức. Tờ *Washington Post* cho đăng tải câu chuyện của họ vào thứ Năm. Tờ *USA Today* muốn có loạt bài xã luận dạng “quan điểm khác - phản biện quan điểm” vào thứ Hai tuần sau. Họ mời NSA viết quan điểm trái ngược, một cơ hội mà NSA đã nắm bắt. Dẫu vậy, đến khuya đêm thứ Bảy, tôi nghe nói rằng NSA đang hết hy vọng trong việc lấy ý kiến thông qua của liên cơ quan (cụ thể là Nhà Trắng) về việc đáp ứng yêu cầu nói trên. Ngay sau đó, tờ *USA Today* quay sang tôi.

Tôi viết bài đó vào sáng Chủ nhật và xin được ý kiến thông qua về việc giải mật vào chiều hôm đó. Việc NSA bị ngăn làm điều tương tự thật khó giải thích, và thực tế rằng có người nào đó - đã rời khỏi NSA được mười năm - có thể xây dựng được một lập luận chặt chẽ cho thấy việc này không hề giống với việc chia tách nguyên tử.

Chính quyền đương nhiệm thực sự không muốn đương đầu với chuyện này, và tổng thống hiển nhiên *không* thực hiện một chuyến thăm hỏi, động viên tinh thần đến Fort Meade như Tổng thống Bush đã làm sáu tuần sau khi chương trình Stellarwind bị phơi bày.

Nhưng sự dè dặt của chính quyền đương nhiệm cũng không giúp họ tránh được làn sóng chỉ trích ở trong nước hay quốc tế. Các nhà lãnh đạo nước ngoài đang góp tiếng nói chỉ trích không kém gì các đối thủ chính trị trong nước của tổng thống, khi mà Snowden và những người đồng lõa với anh ta trong báo giới không giới hạn hoạt động tấn công đồng loạt của họ vào các lĩnh vực thuộc quyền riêng tư của người Mỹ. Họ cáo buộc nước Mỹ thâm nhập hệ thống máy tính của Trung Quốc và nghe lén điện

thoại vệ tinh của Tổng thống Nga Dmitry Medvedev, và họ làm điều đó rất sớm, trong thời gian Snowden đang lẩn tránh ở Hồng Kông (Trung Quốc) và trên đường đến sân bay Sheremetyevo ở ngoại ô Mátxcơva. Về sau họ bổ sung thêm những cáo buộc về hoạt động do thám nhằm vào lãnh đạo các nước Đức, Braxin, Mêhicô và nhiều nước khác.

Châu Âu dường như đặc biệt bất bình, nhắc lại sự việc ồn ào trong giai đoạn chuyển giao thế kỷ (XX-XXI) liên quan đến thứ bị cáo buộc là chương trình Echelon (xem Chương II). Cá nhân tổng thống hẳn đã cảm thấy nhói đau khi một cây viết trên tờ *Der Spiegel* gần như là tuyên bố về sự chấm dứt mối tình của châu Âu với ông ấy: “Trước đây, chúng ta ít ra có thể nghĩ rằng, đó chỉ là vấn đề Bush. Có một nước Mỹ tốt đẹp hơn. Nhưng giờ đây chúng ta biết; chỉ có một nước Mỹ”. Một sự thay đổi hoàn toàn trong thái độ của người châu Âu, khi mà tổng thống từng được trao Giải thưởng Nobel Hòa bình chỉ vài tuần sau khi nhậm chức cho việc đã không là George Bush.

Tổng thống chắc cảm thấy không dễ chịu gì khi Stewart Baker, cựu Tổng Cố vấn pháp lý của NSA, tổng hợp nhiều quan điểm của cộng đồng tình báo Mỹ khi ông ấy nhận xét rằng khía cạnh đáng ngạc nhiên duy nhất trong phản ứng của châu Âu là khả năng thể hiện lại thái độ bất bình của họ mà không có chút ngại ngùng nào. Trong những lúc gặp riêng với nhau, đa phần các nhân vật kỳ cựu trong cộng đồng tình báo đều bày tỏ thái độ tức giận với việc giới lãnh đạo chính trị ở nước họ lẫn châu Âu đều không công khai thừa nhận điều hiển nhiên: rằng hoạt động gián điệp là một thông lệ quốc tế được chấp nhận và điều khoản bảo vệ chống lại hoạt động lục soát không có lý do chính đáng trong Tu chính án thứ tư của Hiến pháp Mỹ *không phải* là một điều ước quốc tế.

Có thời điểm có nhiều nhà lãnh đạo nước ngoài - hoặc lãnh đạo cơ quan tình báo, thay mặt cho lãnh đạo nước họ - tới Washington

để yêu cầu “lời giải thích” đến mức thực sự gây khó khăn cho lãnh đạo cộng đồng tình báo trong việc xếp lịch.

Thực ra thì Tổng thống Obama đã nêu cụ thể vấn đề này khi ông ấy có lần phản nài trong một phát biểu ở nước ngoài rằng “một vài trong số những người đã bị xúc phạm công khai nặng nề nhất, chúng tôi bí mật biết rằng họ đang tiến hành những hoạt động tương tự nhằm vào chúng tôi”. Và ông ấy đi vào tâm điểm của vấn đề khi chỉ ra rằng: “Vậy nên dù chúng ta có thể có những mục tiêu chung, song phương pháp của chúng tôi thường lớn hơn rất nhiều”.

Nhưng cũng dần thấy rõ rằng chính quyền đương nhiệm đang suy nghĩ lại về cách thức NSA hướng mục tiêu vào những cuộc liên lạc toàn cầu. Ngoài ý thừa nhận “không phải vì chúng tôi có thể làm thì có nghĩa là chúng tôi nên làm”, tổng thống cũng thừa nhận rằng có “những vấn đề xét ở khía cạnh liệu có phải chúng tôi đang có xu hướng trở nên xâm nhập quá mức liên quan đến khía cạnh như... mọi người biết đấy, hoạt động quan hệ qua lại của các chính phủ khác”.

Tổng thống nói thêm: “Chúng tôi đang tham vấn với các nước khác trong quá trình này và qua họ chúng tôi nhận ra lĩnh vực quan ngại cụ thể của họ là gì”.

Tôi cố gắng nói lại ý đó cho rõ. Chúng tôi đang hỏi các nước đó xem hoạt động gián điệp có thể có của chúng tôi nhắm vào họ khiến họ cảm thấy khó chịu nhất?

Rõ ràng là chính sách và chính trị đòi hỏi tổng thống phải có một tông giọng hòa giải. Nhất thiết có ít nhất một chút yếu tố sân khấu liên quan ở đây. Những lời cáo buộc *công khai* cần có “nạn nhân” để thể hiện thái độ bất bình. Chúng cũng đòi hỏi phải có “thủ phạm” để nhìn sâu vào vấn đề.

Tốt thôi. Nhưng làm quá mức yêu cầu ở đây sẽ là điều nguy hiểm. Giám đốc Tình báo quốc gia Clapper đã bộc lộ phần nào suy nghĩ riêng của mình khi nói rằng ông ấy đang phải đối mặt

với nhu cầu về thông tin tình báo tình và mạnh mà ông ấy phải thu thập sao cho không gây ra rủi ro, không gây ra sự khó xử và không gây ra mối đe dọa đối với quyền riêng tư hay kết quả hoạt động thương mại của bất kỳ ai. Ông ấy gọi đây là “thu thập thông tin không tì vết”.

Và 2014 quả thực là một năm rút bỏ hoạt động.

Sau những cáo buộc của Snowden về việc nước Mỹ đang nghe lén điện thoại của Thủ tướng Đức Angela Merkel, một quan chức cấp cao Mỹ nói với cánh phóng viên rằng nước Mỹ đã “đưa ra một quyết định không thực hiện chế độ do thám đối với hàng chục nguyên thủ quốc gia”. Hàng chục. Thế nghĩa là phải hai chục trở lên và có khi còn hơn.

Tổng thống tuyên bố: “Nếu tôi muốn biết [các nhà lãnh đạo nước ngoài] nghĩ gì về một vấn đề, tôi sẽ nhắc máy và gọi cho họ”. Được thôi, nhưng ý đó nghe có vẻ ngây thơ và không thành thật, vì những điều các nhà lãnh đạo nước ngoài nói với tổng thống có thể không phải là chính xác những điều họ nói với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hay Giám đốc Tình báo của họ sau khi họ gác máy.

Ngay cả trước khi có lời tuyên bố này thì *Reuters* đã đưa tin rằng tổng thống đã ra lệnh chấm dứt hoạt động do thám điện tử nhằm vào những tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế. Dễ hiểu là nhiều người hoan nghênh những tin tức đó. Họ lập luận rằng, suy cho cùng, những thể chế này không phải đối thủ.

Dẫu vậy, dù mức độ sự thật của những bài đưa tin này là thế nào đi nữa thì chúng ta vẫn nên cẩn trọng với lập luận đó. Nó có vẻ phảng phất giọng điệu Greenwald-Poitrass-Snowden lên án thứ mà họ cáo buộc là hoạt động do thám nhằm vào đối tượng không khả nghi. Thái độ đó đánh đồng việc thực thi pháp luật với hoạt động tình báo. Thu thập thông tin tình báo không

hạn chế ở những cuộc liên lạc của đối tượng thù địch hay của đối tượng phạm tội. Thay vào đó, đó là việc thu thập những thông tin mà các cách khác không làm được và đó là những thông tin sẽ góp phần bảo đảm sự an toàn và tự do cho nước Mỹ. Đó là sự khác biệt.

Ngành tình báo Mỹ bị ảnh hưởng mạnh mẽ vào thập niên 1990 khi các cơ quan thu thập thông tin tình báo con người được lệnh ngừng hoạt động và không nói chuyện với người “xấu”. Chúng ta sẽ một lần nữa tạo ra tác động tương tự nếu nói với các cơ quan thu thập thông tin tình báo tin hiệu rằng họ không được phép nghe [lén] người “tốt”.

Rồi thì có cả một dòng thác những câu chuyện về việc CIA đã “hạn chế bớt hoạt động do thám nhằm vào các chính phủ thân hữu ở Tây Âu”. Đó là phản ứng trước những lời cáo buộc rằng CIA đã mua chuộc một nhân viên đang làm việc cho một cơ quan tình báo của Đức. Tôi không có sự hiểu biết đặc biệt nào về mức độ xác thực của lời cáo buộc đó hay thứ được cho là phản ứng của Mỹ, nhưng sự phổ biến của câu chuyện này là bằng chứng đủ cho thấy mức độ yếu bóng vía cao trong hoạt động gián điệp của Mỹ.

Cộng đồng tình báo cũng đang phải làm việc vất vả để đáp ứng cam kết của tổng thống mở rộng phạm vi áp dụng những điều khoản bảo vệ quyền riêng tư cá nhân của người Mỹ đến nhóm đối tượng là người nước ngoài liên quan đến việc nắm giữ và sử dụng dữ liệu thu thập được về họ. Theo mọi nguồn tin, việc này đang diễn ra chậm chạp. Một nhà quan sát có bình luận nửa đùa, nửa thật với tôi: “Chúng ta thậm chí còn không biết việc đó có nghĩa là gì”. Không có gì đáng ngạc nhiên cả. Cộng đồng tình báo Mỹ và luật pháp Mỹ trước nay chưa từng mở rộng khái niệm này của Tu chính án thứ tư đến nhóm đối tượng là người nước ngoài ở nước ngoài.

Từ trước tới nay, hoạt động tình báo tín hiệu [SIGINT] Mỹ thường bị giới hạn theo những yêu cầu của Tu chính án thứ tư và được xác lập hoạt động theo những yêu cầu của an ninh nước Mỹ. Khi không có hướng dẫn chính trị yêu cầu làm điều ngược lại, nếu một người không được bảo vệ theo Hiến pháp Mỹ và những cuộc liên lạc của người đó có chứa những thông tin sẽ giúp nước Mỹ bảo đảm tự do và an toàn, những thông tin mà Chính phủ Mỹ sẽ không thể có được theo cách nào khác, thì công việc cứ thế tiến hành. Trong những trường hợp đó, quyền riêng tư của người nước ngoài ở nước ngoài không nằm trong danh mục công việc của Giám đốc NSA.

Khi ở NSA, tôi nhận được khá nhiều hướng dẫn chính trị yêu cầu ngừng giám sát những mục tiêu cụ thể. Quả thật là có những yếu tố khác ngoài việc thu thập thông tin tình báo theo lựa chọn ảnh hưởng đến hành động của chúng tôi. Nhưng đó chỉ là những ngoại lệ nhỏ lẻ. Việc này xem ra có vẻ là chuyện lớn.

Vì vậy, trước khi tự nhốt mình vào công việc, sẽ là khôn ngoan nếu rà soát một lượt những hàm ý dài hạn. Tổng thống Obama phản ánh hiện trạng và thực tế lịch sử khi ông ấy nói rằng “nước Mỹ chỉ sử dụng thông tin tình báo tín hiệu cho các mục đích an ninh quốc gia chính đáng và không phục vụ mục đích kiểm duyệt tùy tiện email hay các cuộc điện thoại của những dân thường”.

Tại sao thực tế hoạt động đó lại được coi là chưa đủ chuẩn? Chúng tôi có khả năng đặt thêm những gánh nặng hành chính nào vào một hệ thống vốn đang phải căng mình đáp ứng các yêu cầu của một thế giới vô cùng hỗn loạn? Và chế độ pháp lý và chính sách như vậy sẽ áp đặt mức độ thận trọng không cần thiết nào lên một bộ máy quan liêu mà chúng tôi không được phép ngại rủi ro?

Thực ra chúng tôi đã thấy có một phiên bản của bộ phim này từ trước, trước sự kiện 11/9, khi các cơ quan tình báo và

thực thi pháp luật không được phép hoạt động vượt qua “bức tường” được dựng lên giữa họ. Như sự tiên định của số phận, việc đó ít ra cũng có giá trị là xem xét các quyền theo Hiến pháp Mỹ. Việc này thì không.

Và một câu hỏi cuối cùng. Liệu có ai đồng hành cùng chúng ta hay không? Liệu có bất cứ quốc gia nào mở rộng phạm vi áp dụng các điều khoản bảo vệ theo hiến pháp quốc nội của mình đến đối tượng người nước ngoài liên quan đến hoạt động thu thập thông tin tình báo nước ngoài hay không?

Tôi không nghĩ là có ai như thế cả.

*

* *

Tôi có kế hoạch đích thân trình bày một phần của thông điệp khó nghe này tại Hội nghị An ninh Munich vào tháng 02 năm 2014. Tôi tham gia chương trình nghị sự (một cách nghiêm túc) lúc 10 giờ 30 tối trong quán bar của khách sạn. Những người trong nhóm cùng tham gia hội nghị với tôi có cựu Nghị sĩ Jane Harman và người đồng nhiệm cũ phía Đức August Hanning. Với bia Pils được phục vụ không giới hạn và một chủ đề dễ tiếp nhận như vậy, đây hứa hẹn là một sự kiện rất thú vị.

Không xác nhận bất kỳ hoạt động tình báo Mỹ nào, tôi nói về việc tại sao những ý định của giới lãnh đạo lại được coi là mục tiêu ưu tiên cao đối với bất kỳ quốc gia nào. Sau đó tôi không ngại ngừng thừa nhận rằng Angela Merkel là người bạn đích thực của nước Mỹ, nhưng đã hỏi người nghe về người tiền nhiệm của bà ấy là Gerhard Schröder, người đã làm nhiều điều khác nhau đi ngược lại với quan điểm của nước Mỹ về thế giới. Chúng ta có quan điểm khác nhau về chiến tranh Irắc và

liên quan đến cách tiếp cận của ông ấy với nước Nga. Tiếp đó có khoản bảo lãnh vay trị giá hàng tỷ Euro với Gazprom đạt được bằng cuộc bổ nhiệm vào ban điều hành đầy lợi lộc ngay sau khi ông ấy rời nhiệm sở. Tôi hỏi: “Nghệ thuật quản trị thông minh hay còn thứ gì khác nữa không?”.

Sau đó tôi kể lại một câu chuyện của Mỹ. Năm 2008, khi Tổng thống Obama đắc cử, ông ấy có một chiếc BlackBerry. Chúng tôi nghĩ: Ôi Chúa ơi, ông ấy phải vứt thứ đó đi thôi. Nhưng ông ấy không chịu vứt, thế là chúng tôi phải làm một số việc để thứ đó có độ bảo mật cao hơn.

Tôi hỏi những người Đức ở đó: “Nhưng câu chuyện cơ sở của việc đó là gì? Chúng tôi muốn nói với người sắp trở thành người quyền lực nhất tại đất nước hùng mạnh nhất thế giới này rằng, nếu tại ngay thủ đô nước mình mà ông ấy dùng điện thoại thông minh này, vô số cơ quan tình báo nước ngoài sẽ nghe lén điện thoại và đọc lén email của ông ấy. Chúng tôi không có ý giả đò giận dữ hay lên lớp rao giảng đạo lý. Chúng tôi đơn giản muốn giải thích: “Bản chất của câu chuyện này là thế đấy”.

Dẫu vậy, có gì đó tôi đã không nhận ra tại Munich. Ngay cả nếu chúng tôi nghĩ phản ứng của Đức với những tiết lộ của Snowden là không có cơ sở, tôi nhận thấy rõ cảm giác bị xúc phạm là thứ có thực, không phải thứ cảm giác bất bình giả tạo mà chúng ta thường thấy ở những nơi khác. Chúng ta chưa đánh giá đúng mức chiều sâu cảm xúc mà người Đức - không chỉ là thủ tướng - cảm nhận trong vấn đề quyền riêng tư xét đến hoàn cảnh lịch sử của họ. Tại Munich, tôi thấy được là người Đức coi trọng quyền riêng tư theo đúng cách chúng ta coi trọng quyền tự do ngôn luận hay tự do tôn giáo. Chúng ta đã đánh giá điều đó chưa đủ mức.

Và việc đó mang đến những tổn hại vượt xa cảm giác tổn thương. Khi là Giám đốc NSA tôi đã nỗ lực rất nhiều vun đắp

mối quan hệ chiến lược với Đức. Một trở ngại đối với mối quan hệ này là Trạm Bad Aibling (BAS) ở Bavaria. BAS không chỉ là hạng mục gửi lại từ thời Chiến tranh lạnh, nó còn là hạng mục gửi lại từ thời kỳ chiếm đóng. Không người Đức nào được phép lui tới. Trạm này không nhắm vào nước Đức, nhưng sự tồn tại đơn thuần của nó trên đất Đức đã làm cho mối quan hệ trở nên phức tạp.

Người Mỹ luôn có lý lẽ cho việc duy trì BAS mở cửa hoạt động, và khi một lý do không còn phù hợp thì quân đội, thể chế đang quản lý cơ sở này lại rất giỏi trong việc nghĩ ra những lý do mới. Cộng đồng địa phương có quan điểm ủng hộ đến mức khó tin và ai cũng muốn có nó trong tầm nhìn của vùng núi Alps tại Bavaria. Đóng cửa nó sẽ là việc khó khăn.

Tôi đóng cửa BAS năm 2004 để dọn quang mọi trở ngại chính trị ở Đức trong quá trình xây dựng mối quan hệ hợp tác sâu sắc và bền vững hơn. Tôi cố thực hiện một khoản đầu tư dài hạn. Phản ứng chính trị của Đức trước những tiết lộ của Snowden đã đặt mọi nỗ lực trên vào nguy cơ vô ích.

Người Đức là bạn, và cuộc tiếp xúc ở Munich mang tính đối thoại hơn là đối đầu, nhưng tôi phải nhìn kẻ xấu theo cách nhìn của một vài tháng sau khi tôi tranh luận với nhà báo thuộc trường phái cổ xúy Gleen Greenwald tại Toronto về toàn bộ câu chuyện Snowden. Đây thực sự là cuộc đấu đồng đội, và tôi được ghép đôi với luật sư tranh tụng nổi tiếng Alan Dershowitz (lại một kiểu gán ghép kỳ quặc nữa liên quan đến vấn đề này), trong khi Greenwald được ghép với doanh nhân mạng trẻ tuổi và là người đồng sáng lập của Reddit là Alexis Ohanian.

Vào buổi sáng hôm diễn ra cuộc tranh luận, Greenwald được tờ *Toronto Globe and Mail* dẫn lời mô tả chúng tôi như sau: “Tôi coi [Hayden] và Dershowitz là hai trong số những con người nguy hiểm nhất hành tinh. Tôi thấy họ ở thế tấn công về

mặt đạo đức. Có yếu tố đạo đức giả khi ở chung phòng với họ, bên ngoài tôi tỏ ra kính trọng họ nhưng thực tế tôi không hề có”.

Dù chấp nhận đó là sự châm chọc trước cuộc chơi để khiến cho đối thủ nao núng, tôi cảm thấy cuộc tranh luận tối hôm đó có thể sẽ không phải là cuộc trao đổi quan điểm tôn trọng lẫn nhau giữa những người mà xét rộng ra có chung những giá trị về việc cân đối khó khăn mà nhân dân một nước tự do phải đưa ra giữa quyền tự do và nền an ninh của họ. Và tôi đã đúng.

Tôi không thể đếm được số lần Greenwald và Ohanian tuyên bố như một điều hiển nhiên về sự tồn tại của một “nhà nước do thám” cái gì cũng biết, sục sạo mọi nơi và hành động áp bức. Chắc chắn là tần suất cao hơn so với Dershowitz và tôi nói về cái mà Greenwald gọi là “sự viện cớ” chống khủng bố của chúng tôi.

Dershowitz tấn công dồn dập vào luận điểm cho rằng chúng tôi viện cớ và không nao núng trong việc bảo đảm không để cho lý lẽ đoán chừng về ý đồ xấu được đứng vững mà không bị lập luận phản bác. Dershowitz nói động cơ hành động mới là thứ có ý nghĩa, ngay cả khi người ta có thể sai lầm - một đòn phản bác cho bác bỏ của Greenwald đối với giá trị đạo lý và giá trị của bất kỳ lập luận nào của chúng tôi.

Ohanian thì say sưa đưa lý lẽ ủng hộ việc duy trì một mạng internet toàn cầu, phổ biến mọi nơi và có tính nhất thể mà chúng ta biết ngày nay.

Tôi đồng ý rằng có thể kết quả tệ nhất của những sự thật, nửa sự thật và phi sự thật là thêm gió cho những kẻ đang giăng buồm hướng tới việc hủy hoại mạng internet, không phải do các mối quan ngại về hoạt động gián điệp, mà là do họ sợ sự lưu chuyển tự do của các ý tưởng và hoạt động thương mại. Sẽ chẳng có gì khó khăn để những quốc gia Nga, Trung Quốc, Iran và một loạt những quốc gia chuyên quyền khác giở đây lên

tiếng cáo buộc rằng những lý lẽ của người Mỹ ủng hộ một mạng internet mở và tự do đơn thuần là những vỏ bọc che đậy việc tiến hành hoạt động gián điệp của Mỹ.

Các nhà tổ chức tranh luận đã “có ý giúp” và, hầu như không thông báo trước, đưa Edward Snowden nhảy dù vào với câu bình luận được thu dựng đặc biệt, là thứ càng củng cố thêm luận điệu nhà nước do thám. “Nó bao gồm email của ta, nó bao gồm tin nhắn văn bản của ta, lịch sử duyệt web của ta, mọi lượt tìm kiếm qua Google ta từng thực hiện và mỗi chiếc vé máy bay ta từng mua”. Danh sách cứ thế kéo dài.

Alan và tôi bị đánh úp bằng sự can thiệp được thu dựng trước, ít nhất là bởi nó khiến chúng tôi trông giống những con mồi thu hút câu bình luận của Snowden. Tiếp đến là chuyện không thông báo trước.

Nhưng tôi đã xử trí sai. Ngay sau khi tên Muscovite [người Mátxcova] mới [miệt thị ám chỉ Edward Snowden] này vừa nói xong, người dẫn chương trình quay sang tôi bình luận và tôi đã đáp lại bằng ý thức trách nhiệm. Đáng ra tôi không nên làm việc đó. Tôi nên nhảy bỏ lên, hướng tới màn hình lớn đang sắp chuyển cảnh và gào lên: “Đợi đã! Đừng đi đâu cả! Đợi đã! Tôi có câu hỏi đây. Giờ khi mà anh đã ở đây rồi (đương nhiên là anh ta không ở đó), anh có thể làm rõ một số chuyện cho tôi được không?”. Và sau đó tôi nên đặt câu hỏi:

Anh đã viện dẫn câu trả lời của Jim Clapper cho câu hỏi của Ron Wyden về hoạt động do thám của NSA là thứ tạo động lực cho những hành động của anh. Đó là tháng 3 năm 2013 nhưng anh bắt đầu đề nghị cung cấp tài liệu cho Greenwald vào tháng 12 năm 2012 và cho Laura Poitras vào tháng 01 năm 2013. Chẳng phải là anh đã làm những việc đó từ trước rồi sao?

Trong thời gian anh đang ở Hồng Kông để tránh bị dẫn độ, anh nói với báo chí rằng NSA đang thâm nhập trái phép vào hệ thống

máy tính của Trung Quốc. Nhìn bề ngoài thì có vẻ như anh đang cố mua cho mình lối đi qua an toàn. Phải vậy không?

Cái tuần trước khi anh bay đến Hồng Kông (Trung Quốc), tờ *Guardian* ở London (dựa vào tài liệu của anh) cáo buộc rằng nước Mỹ đã chặn thu điện thoại vệ tinh của Tổng thống Nga Medvedev trong khi ông ấy đang tham dự Hội nghị Thượng đỉnh G20 ở Anh. Có vấn đề gì về quyền tự do dân sự ở đó hay đây chỉ là việc đánh đổi bí mật lấy lối đi qua?

Anh nói rằng mình đã đề đạt các mối quan ngại của mình với người có thẩm quyền bên trong hệ thống và bị yêu cầu không được làm phức tạp tình hình. NSA không thể tìm thấy bất kỳ bằng chứng nào cả. Anh đã lấy đi hàng trăm nghìn tài liệu. Liệu có *bất kỳ* tài liệu nào trong số đó thể hiện mối quan ngại mà anh muốn đề đạt? Có thể là một email?

Những gì anh nói có vẻ có căn cứ khá đích xác, nhưng những câu chuyện đầu tiên về PRISM là sai sự thật, cho rằng NSA có quyền tự do truy cập vào hệ thống máy chủ của Google, Hotmail, Yahoo,... Tờ *Washington Post* sau đó đã rút lại nội dung đó. Chẳng lẽ anh cũng hiểu sai phần chạy chữ ở đó nữa hay sao?

Dựa vào những tài liệu của anh, tờ *Le Monde* và tờ *El Pais* cáo buộc rằng NSA đang thu thập hàng chục triệu lượt siêu dữ liệu về công dân Pháp và Tây Ban Nha mỗi tháng. Hóa ra là những lượt dữ liệu đó được người Pháp và người Tây Ban Nha thu thập tại các vùng chiến sự và chuyển cho NSA để giúp bảo vệ lực lượng quân sự. Anh cũng hiểu sai về chuyện đó nữa hay sao?

Chúa ơi, tôi vẫn cảm thấy rất tệ khi để tuột mất thời cơ. Tính đến nay, Snowden đã trả lời phỏng vấn những người ngưỡng mộ chạy theo anh ta như luật sư ACLU của anh ta hay người chỉ trích NSA lâu năm Jim Bamford. Ngay cả mục tin NBC của Brian Williams cũng trở nên giống như chương trình về tiểu sử các vị thánh vậy. Chết tiệt thật.

Alan và tôi bảo vệ quan điểm riêng của chúng tôi trong cuộc tranh luận. Có vài nghìn khán thính giả, đa phần là những

người trẻ tuổi và tất cả là người Canada. Đây thực sự là một cuộc chơi đồng đội đối kháng với chúng tôi. Bắt đầu cuộc chơi, tỷ lệ phân chia trong khán thính giả là 40-60 chống lại chúng tôi, với ít hơn một phần tư một chút chưa quyết định. Vào cuối buổi tối, khi tất cả mọi người buộc phải biểu quyết, tỷ lệ phân chia vẫn là 40-60. Sau đó, tôi trao đổi danh thiếp với Ohanian. Tôi thậm chí không buồn liếc nhìn Greenwald một cái.

*

* *

Những tiết lộ của Snowden rất tai hại. Tôi đã mô tả chúng là sự chảy máu lớn nhất những bí mật chính đáng của Mỹ trong lịch sử phe Cộng hòa. Tôi biết rằng mọi lợi thế tình báo đều mang tính nhất thời, nhất là tình báo tín hiệu. Một quyết định công việc ngẫu nhiên nâng cấp một mạng lưới đã thâm nhập thành công có thể đồng nghĩa với việc mất khả năng truy cập mà phải mất nhiều năm mới gây dựng được. Những tiết lộ của Snowden - xét toàn cục - khiến nước Mỹ tổn thất nặng nề liên quan đến những khả năng truy cập đã có được. Và với việc các mục tiêu giờ đây rất cảnh giác với những chiến thuật và kỹ thuật của Mỹ, khôi phục lại những cuộc truy cập đó sẽ mất thời gian và tiền của hơn rất nhiều.

Rõ ràng là tôi đang phản bội chính kinh nghiệm của bản thân khi nói rằng tôi nghĩ Snowden là một kẻ đào ngũ vô cùng ngây thơ, tự huỷ hoại hoặc bản thân đến mức vô vọng và tự cho mình quan trọng đến mức không thể chịu nổi. Vào đầu tháng 10 năm 2003, tại một buổi tranh luận chuyên đề tại Washington, người dẫn chương trình David Ignatius bắt đầu chương trình bằng việc chỉ ra rằng Snowden đã được đề cử và nằm trong danh sách ngắn ứng cử viên cho Giải thưởng Sakharov về tự do tư tưởng của Nghị viện châu Âu. (Cuối cùng giải thưởng được trao cho cậu thiếu niên Pakixtan Malala Yousafzai). Tôi không

thể không bình luận rằng: “Tôi phải thừa nhận trong những thời khắc đen tối nhất của mình trong vài tháng qua rằng tôi cũng nghĩ đến việc đề cử Ngài Snowden, nhưng là vào một danh sách khác”.

Bình luận đó khiến cộng đồng blogger dậy sóng khi những người ủng hộ Snowden cáo buộc tôi muốn đưa anh ta vào danh sách mục tiêu cần tiêu diệt, một ý nghĩ nảy lên trong đầu tôi cũng lố bịch không kém gì đề cử anh ta là ứng cử viên nhận Giải thưởng Sakharov như Kofi Annan, Nelson Mandela và Aung San Suu Kyi đã từng được nhận.

Không phải tôi - hay hầu như bất cứ ai khác trong cộng đồng tình báo Mỹ - không tức giận bầm gan, tím ruột với anh ta và những việc anh ta đã làm. Họ kể một câu chuyện ở Anh về một thanh niên trẻ bị gia đình mình chê trách vì đã trốn nghĩa vụ quân sự trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai bằng việc nhận vào làm một công việc dân sự tại Bletchley, một thị trấn nhỏ không có gì đặc trưng, nằm an toàn ở phía bắc London. Thay vì vi phạm lời thề giữ bí mật của mình, chàng trai trẻ để cha mẹ mình tới lúc xuống mồ vẫn không biết gì về sự đóng góp của mình vào việc giải mật mã Enigma của Đức. Đó là điều mà những người trong cộng đồng tình báo muốn nói tới trong cụm từ “giữ bí mật”.

Dẫu vậy, bất chấp những điều tôi vừa nói trên, vẫn có một con đường hẹp mà theo đó Snowden, theo cách dị thường của mình, đã trở thành một thiên tài. Mặc dù thực sự tôi không hề chúc anh ta có được số phận của một con chim hoàng yến trong mỏ than [công cụ báo khí độc cho thợ mỏ], song anh ta đã thể hiện đúng như thế - anh ta là kết quả thấy rõ (chứ không phải là nguyên nhân) của xu hướng chuyển dịch văn hóa phạm vi rộng đang định nghĩa lại những khái niệm bí mật chính đáng, minh bạch cần thiết, cũng như yếu tố cấu thành sự đồng ý của người bị trị.

Rất lâu trước vụ Snowden, tôi có hỏi ban cố vấn dân sự của CIA rằng: “Liệu nước Mỹ có thể tiến hành hoạt động gián điệp trong tương lai bên trong một nền văn hóa chính trị xét rộng hơn mà mọi ngày đều yêu cầu phải bảo đảm minh bạch hơn và trách nhiệm giải trình công khai cao hơn từ mọi khía cạnh của đời sống quốc gia?”. Ban cố vấn nghiên cứu một thời gian sau đó báo cáo lại rằng, họ nghi ngờ về khả năng tiến hành trong điều kiện như thế. Thực sự là một câu trả lời quan trọng.

Ngành tình báo Mỹ thường xuyên tuyên cho rằng họ đang hoạt động với sự đồng tình mặc nhiên của người dân Mỹ. Những người làm chuyên môn thường tin rằng, nếu như người dân Mỹ biết mọi việc họ đang làm, nói chung họ sẽ ủng hộ rộng rãi. Chúng tôi luôn tin tưởng rằng mình đã làm việc dựa vào sự đồng thuận của người bị trị.

Giờ đây người bị trị đang xem xét lại cách họ muốn áp dụng sự đồng thuận đó. Và nhiều người nói rằng giờ đây việc thông báo đầy đủ và kịp thời với các ủy ban tình báo trong Quốc hội không còn được coi là đủ nữa. Dường như họ có ý nói rằng: “Đó là sự đồng ý của người cai trị, chứ không phải của người bị trị. Các ông có thể đã nói với họ, nhưng chưa hề nói với tôi”.

“Sự thiên tài” của Snowden nằm ở chỗ giúp mọi người hiểu rõ tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu có ý định tiến hành hoạt động gián điệp trong tương lai, chúng tôi sẽ phải thực hiện một số thay đổi trong mối quan hệ giữa cộng đồng tình báo và công chúng mà cộng đồng này phục vụ.

Đó sẽ là việc khó. Hoạt động gián điệp thường chỉ hiệu quả trong bóng tối và giữ bí mật là thành tố cốt yếu cho sự thành công trong hoạt động này. Dù không phải là không có mặt tích cực tiềm tàng (tính chính đáng, sự ủng hộ, sự hiểu biết), song cộng đồng tình báo Mỹ trước nay luôn nhận định mặt tiêu cực của việc công khai mọi thứ (giảm tính hiệu quả) là yếu tố mang tính quyết định.

Đó là một tính toán đáng khâm phục và đây không phải là thứ của riêng cộng đồng tình báo. Với ý thức trách nhiệm, cộng đồng tình báo thường phản ứng trước các vụ rò rỉ bằng việc co mình thế thủ, không xác nhận cũng không phủ nhận, và hy vọng điều tốt đẹp nhất sẽ đến. Ngay cả khi có thể có mặt tích cực khi một câu chuyện chính xác hơn được đưa ra công khai, song suy nghĩ truyền thống vẫn cho rằng mặt tích cực này không thể bù đắp cho sự tổn hại về mặt hoạt động của *bất cứ thứ gì* bị đưa ra công khai.

Nhưng điều đó đang (và cần phải) thay đổi và ngành tình báo Mỹ sẽ phải nói và thể hiện nhiều hơn và đặc biệt phải làm việc đó *trước khi* ai đó buộc tội cộng đồng tình báo đang làm điều sai trái. Nếu chúng ta tiếp tục cuộc tranh luận này trong điều kiện một mặt bị bịt câm, kết quả sẽ không có gì phải nghi ngờ: cộng đồng tình báo sẽ rơi vào tình trạng quản lý kém và chỉ đạo sai lệch, hoặc trở nên tê liệt, và cuối cùng thì chẳng giúp gì được cho quyền tự do lẫn nền an ninh.

Chấn chấn là cộng đồng tình báo không kiểm soát được yêu cầu về “tính công khai”. Những thứ tốt hơn nên được giữ bí mật giờ đây thường xuyên được đưa ra chốn công cộng vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của cộng đồng tình báo. Thường thì chúng bị đưa ra công khai thông qua những nhân vật chính trị thấy có lợi ích trong một câu chuyện báo chí có quan điểm ủng hộ. Những hình thức rò rỉ khác, ít chính thức hơn, thường đến với nhận thức công chúng, thông qua một ai đó đang có thái độ bất mãn, theo một cách đầy thiên kiến và ghép nối.

Nói cách khác, ngành tình báo Mỹ đã và đang phải trả cái giá hoạt động khá nặng nề khi thứ này bị đưa ra công khai, nhưng vẫn đang phủ nhận bất kỳ mặt tích cực tiềm tàng nào của một sự mô tả có sức thuyết phục, hoàn chỉnh (hơn) về những gì đang thực sự diễn ra. Kết quả là ngành tình báo Mỹ

đang mất đi cả tính hiệu quả (do những vụ rò rỉ) lẫn tính chính danh (do sự kiếm lời của mình).

Trước khi bất kỳ ai trong số những đồng nghiệp trước đây của tôi mắc chứng thở quá nhanh, tôi xin được thừa nhận rằng có những yêu cầu giới hạn mức công khai. Một số thứ buộc phải được giữ bí mật. Và có những thứ khác mà chính phủ không nên xác nhận ngay cả khi chúng là thứ “đã biết”.

Thậm chí khi được chứng minh đúng, yêu cầu minh bạch hàm chứa những mối nguy hiểm.

Nói vậy là bởi, theo một nhẽ, việc này có thể là một con dốc trơn trượt. Một khi đã bắt đầu, ta sẽ dừng ở đâu và khi nào? Nói cụ thể, một khi đã đưa một số sự việc ra công khai, “phép phòng vệ *Glomar*”^{*} trở nên có vấn đề. Chúng tôi cũng có thể thấy xu hướng suy yếu trong những yêu sách liên quan đến bí mật quốc gia, ngay cả trong những vụ kiện nhỏ lẻ. Một mạch chuyện công khai chặt chẽ cũng tạo ra một vạch ranh giới để từ đó cánh phóng viên hiếu chiến bắt đầu ép các nguồn cung cấp tin phải bổ sung thêm thông tin. Việc tiết lộ thông tin tự nguyện dường như cũng chẳng khác nào việc đồng tình với ý kiến cho rằng việc rò rỉ này nọ thực sự không gây hại gì đến an ninh quốc gia.

Chúng tôi cũng cần giải thích với những người mà chúng tôi dự định sẽ cởi mở hơn rằng việc đó sẽ kéo theo rủi ro cao hơn. Không thể khác được. Ta không thể mở rộng cửa sổ cho hơn ba trăm triệu người Mỹ nhìn vào hoạt động gián điệp của Mỹ mà lại không đồng thời cung cấp thông tin cho những đối tượng mà chúng tôi định do thám.

^{*} Không xác nhận cũng không phủ nhận việc có hay không một sự việc nào đó, như chính phủ đã làm vào năm 1975 để đáp lại bài tường thuật của tờ *Los Angeles Times* đưa tin về việc tàu *Glomar Explorer* của Công ty Hughes Corporation trục vớt và khôi phục một tàu ngầm Liên Xô từ đáy Thái Bình Dương.

Vậy nên có lẽ mục tiêu ở đây không nên hoàn toàn là sự minh bạch (sự trong suốt), mà là thứ Mike Leiter (cựu Giám đốc Trung tâm Chống khủng bố quốc gia) gọi là sự trong mờ. Theo Mike (và tôi cũng đồng ý), cộng đồng tình báo Mỹ nhờ vả công chúng mà họ phục vụ một lượng dữ liệu đủ để người dân nắm được những hình dạng và chuyển dịch ở phạm vi rộng những việc ngành tình báo đang làm, nhưng họ không cần biết những chi tiết hoạt động cụ thể. Nắm bắt chung chung là đủ để xây dựng lòng tin, trong khi biết quá cụ thể sẽ hủy hoại các mục đích cố hữu của hoạt động gián điệp. Cựu Cố vấn an ninh quốc gia Steve Hadley đã nhắc lại chủ đề này khi ông ấy nói với tôi rằng chúng ta có thể phân biệt khung chính sách với những chi tiết hoạt động của một hành động.

Thực hiện việc này sẽ rất khó khăn. Và thực hiện việc đó một cách ngu dốt có thể là điều vô cùng tai hại. Nhưng, vào lúc này, chúng tôi đang phải chung sống với tác động chiến lược của những quyết định giữ im lặng mang tính chính đáng riêng. Và tác động đó là một cộng đồng tình báo vừa kém tin cậy hơn, vừa kém hiệu quả hơn so với những gì chúng ta cần.

Dường như chúng ta đang dịch chuyển theo hướng mờ hơn, nhưng việc dịch chuyển này không diễn ra vội vã. Cộng đồng tình báo đăng nhiều tài liệu lên website của mình hơn (icontherecord.tumblr.com, được thiết kế để đọc lên như IC-ON-THE-RECORD [Hồ sơ Cộng đồng tình báo] nhưng những người chống đối thường cố tình đọc I-CON-THE-RECORD [Tôi phản đối hồ sơ này]). Tòa án FISA cũng công bố những phiên bản đã chỉnh sửa của một số phán quyết. Các quan chức trong cộng đồng tình báo tiếp tục thực hiện diễn văn công khai.

Thế nhưng, chẳng có bước đột phá nào cả. Trên thực tế, hướng dẫn tháng 3 năm 2014 rất khó hiểu của Giám đốc Tình báo quốc gia - khi mà cộng đồng tình báo đang phải hứng chịu những điều không hay đến từ những cáo buộc dựa vào nguồn

của Snowden gần như hằng ngày - đã khiến người của cộng đồng tình báo gặp khó khăn hơn khi nói chuyện với khán thính giả bên ngoài và thường phải đối mặt với tình trạng nói cạnh khóe. Ngay cả những người như tôi, những người giữ quyền tiếp cận thông tin an ninh, về mặt lý thuyết vẫn cần phải gọi điện đến và hỏi “Mẹ ơi, liệu con có thể?” và nhận được hướng dẫn trước khi đáp ứng yêu cầu thật lòng của bất kỳ nhà báo nào giải thích về một sự việc đang bùng phát hay thứ được cho là bê bối nào đó. Và, cần nhớ rằng, hướng dẫn chỉ thị này áp dụng cho “*mọi vấn đề liên quan đến tình báo*”, chứ không chỉ những vấn đề được xếp loại tối mật. Hệ quả chiến lược của việc đó sẽ là tình trạng xa cách hơn nữa của một cộng đồng tình báo đang rất cần một cơ chế đối thoại phong phú và giàu hàm lượng thông tin hơn với đất nước này.

Cơ chế kiểm soát cứng rắn của chính quyền Obama đối với hoạt động gửi tin nhắn cũng không giúp được gì. Sự ra đi trước khi kết thúc nhiệm kỳ của Tướng Mike Flynn khỏi Cục Quân báo (DIA) năm 2014 là một sự việc phức tạp, nhưng không có gì nghi ngờ về việc lời khai chứng của Mike trước Quốc hội có tác động cảnh báo nguy cơ (và chính xác) hơn so với mạch chuyện ưa thích của chính quyền đương nhiệm. Ở cương vị là Giám đốc Trung tâm Chống khủng bố quốc gia (NCC), Matt Olsen đã nhận được sự khiển trách nặng nề của cấp trên sau khi ông ấy khẳng định cuộc tấn công Benghazi là hành động khủng bố trong một phiên điều trần mở.

Đỉnh điểm của vụ ồn ào Snowden, với hết lời cáo buộc này đến lời cáo buộc khác, tôi thường xuyên nhận được những yêu cầu không chính thức từ người của cộng đồng tình báo đề nghị tôi bảo vệ họ và những việc họ đang làm bởi vì chính quyền đương nhiệm không cho phép họ làm việc đó. Có thời điểm, khi tôi đang tham gia chương trình *Face the Nation* (Đối diện với quốc gia) của CBS, Bob Schieffer tranh thủ lúc chương trình

tạm ngừng để cảm ơn tôi đã ở đó và sau đó hỏi: “Tại sao ông lại ở đây? Những người duy nhất ngoài này bảo vệ các chính sách của chính quyền đương nhiệm thường là người của chính quyền trước”.

Trong bài diễn văn có ảnh hưởng mạnh về chủ nghĩa khủng bố tại Đại học Quốc phòng tháng 5 năm 2013 đó, Tổng thống Obama đã hứa gia tăng yêu cầu minh bạch khi vấn đề liên quan đến tiêu diệt mục tiêu lựa chọn và phương tiện bay không người lái. Điều đó vẫn chưa xảy ra, ngay cả khi hoạt động không kích đã thu hút mức độ tranh cãi cao hơn. Và cơ chế giữ bí mật chính thức đã khiến những người hiểu biết gặp nhiều khó khăn hơn trong việc đóng góp ý kiến vào cuộc tranh luận công khai chín chắn về chủ đề này.

Tháng 4 năm 2015, sau khi các chiến dịch chống khủng bố của Mỹ dẫn tới cái chết của hai con tin ở Nam Á, nhiều nhà bình luận đã hối hả đồn quan điểm chỉ trích nhằm vào chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn và phương tiện bay không người lái. Tôi có viết một bài bình luận op-ed cho tờ *Washington Times* bày tỏ quan điểm ủng hộ các chiến dịch nói trên, chỉ sử dụng những tuyên bố chính thức của chính phủ. Vì mọi bài viết của tôi đều phải được thông qua theo cơ chế giải mật, tôi đã phải nộp xin phê duyệt bài viết đó và nhận được ý kiến không thông qua bất kỳ bài báo nào về phương tiện bay không người lái *bất kể nội dung có là gì*. Tôi thực sự nghĩ rằng đó là sự lạm dụng quy trình kiểm duyệt, nhưng vượt ra ngoài phạm vi đó, chính là việc vô cùng ngu ngốc. Việc phải mất hai ngày để thuyết phục chính phủ về thực tế đó nói nên rất nhiều điều.

Tôi nghĩ chương trình tiêu diệt mục tiêu lựa chọn của Chính phủ Mỹ là chương trình hợp pháp, chắc chắn là trong phạm vi năng lực công nghệ của chúng ta và phục vụ hiệu quả cho mục đích của chúng ta. Ở cương vị Giám đốc NSA, khi giải thích về

cơ sở ra đời của chương trình Stellarwind (xem Chương V), tôi thường sử dụng ba hình oval trong biểu đồ Venn mang tên “Khả thi về công nghệ”, “Phù hợp về hoạt động” và “Hợp pháp”. Tôi nói: Vùng mà ba hình chồng lên nhau chính là không gian hoạt động của NSA.

Đến lúc làm Giám đốc CIA, tôi đã bổ sung thêm một hình oval thứ tư trong biểu đồ Venn - hình đó mang tên “Bền vững về chính trị”. Các tổng thống (và các cơ quan tình báo dưới thời của họ) thường có xu hướng làm điều gì đó rất ráo một lần dựa vào thẩm quyền hành pháp mặc nhiên của mình. Nhưng chưa có tổng thống nào, thậm chí là những tổng thống được lòng dân, có thể làm bất cứ điều gì mãi mãi mà không có sự can dự của các ngành chính trị khác và, trực tiếp hay gián tiếp, của người dân Mỹ.

Vượt ra ngoài phạm vi một cơ sở hẹp về tính hợp pháp và tính hiệu quả rõ ràng, chính đáng, mọi hành động cần phải nhận được sự thông qua về chính trị và chính sách, và chúng phải là thứ được xây dựng từ hoạt động tranh luận *dựa trên cơ sở am hiểu thông tin*. Vậy nên duy trì một chương trình RDI (xem Chương X và Chương XII) đơn giản đòi hỏi tôi phải công khai nhiều hơn về chương trình đó. Thật khó để xây dựng được sự đồng thuận về chính trị nếu mọi người nghĩ rằng ta không ngang hàng với họ.

*

* *

Đương nhiên tiền đề cho mọi chuyện như thế này là niềm tin rằng hoạt động gián điệp Mỹ là việc đáng làm và đáng bênh vực. Trong lớp mà tôi giảng tại Đại học George Mason, tôi thường bắt đầu mỗi học kỳ bằng việc hỏi sinh viên xem liệu hoạt động gián điệp và mọi yêu cầu bí mật liên quan đến nó có

tương hợp với một chế độ dân chủ hay không. Họ thường nói là có tương hợp. Tôi cũng khá chắc là họ tin điều đó, dù có thể biết rằng người ông đang hỏi mình (và cuối cùng là đánh giá mình) là nguyên Giám đốc của NSA và CIA.

Tôi thường chốt cuộc thảo luận bằng một định đề mang tính thách thức cao hơn. “Không chỉ tương hợp với một chế độ dân chủ, hoạt động gián điệp còn có ý nghĩa với chế độ dân chủ đó nữa. Những kẻ khiếm khuyết không thể là những nhà dân chủ tốt. Không có hoạt động do thám. Kém an ninh hơn. Kém tự do hơn”.

Sau đó tôi kể cho cả lớp nghe màn nói về Washington trong hồi thứ nhất của loạt phim truyền hình *TURN* của AMC, dựa trên cuốn sách nói về những chiến tích trong hoạt động gián điệp của tổ chức gián điệp mang tên Culper Ring tại Long Island của George Washington trong thời kỳ cách mạng. Jeanine và tôi được mời và chúng tôi đến thưởng thức buổi chiếu tại Cục Lưu trữ quốc gia, và tôi phải tham gia vào một cuộc đàm luận sau buổi chiếu. Trong cuộc đàm luận đó, tôi ca ngợi thực tế rằng Culper Ring đang được tưởng nhớ trong văn hóa đại chúng Mỹ và đang được tưởng nhớ tại đó, Cục Lưu trữ, nơi chỉ cách bản gốc Hiến pháp và bản sao của Đại hiến chương Magna Carta có hơn hai chục mét.

Tôi thừa nhận rằng “công chúng Mỹ có mối quan hệ không dễ dàng với các cơ quan gián điệp. Cứ thế qua lại”. Một phần của việc đó (không có gì ngạc nhiên) là hiểu biết chưa đầy đủ của công chúng. “Ta biết về Benedict Arnold. Ta biết về Nathan Hale... [Nhưng có] một quy tắc tuyệt đối, bất di bất dịch về hoạt động gián điệp: Ta chỉ biết tới những điệp viên thất bại. Ta không biết gì về những điệp viên thành công”.

Và đó là lý do tôi hoan nghênh khoảnh khắc đó (và cả loạt phim truyền hình đó), vì nó giúp tôi có cơ hội được nhận định rằng bậc thầy gián điệp đầu tiên của nước này chính là

tổng thống đầu tiên của nước này. Ông ấy thậm chí còn khẳng khái yêu cầu và nhận được một khoản ngân sách cho hành động ngầm từ Quốc hội. Luận điểm ở đây là việc này hoàn toàn mang yếu tố Mỹ. Tôi nói rằng: “Hoạt động gián điệp cũng lâu đời như quốc gia này. Bóng chày, bánh táo... đưa ta về với cội nguồn của chúng ta”.

Nhưng cần thiết và có tính truyền thống không khiến hoạt động gián điệp trở nên dễ dàng. Tôi kết thúc buổi giảng đầu tiên với sinh viên GMU bằng một câu nói trong ngụ ngôn về hang đá của Platon và những câu hỏi ướm trong đó về vẻ ngoài, thực trạng và những thách thức của việc khám phá sự thật.

“Liệu chúng ta có bao giờ thực sự biết được sự thật không?”, tôi đặt câu hỏi và sau đó tiếp tục bằng việc miêu tả một cuộc nói chuyện của mình với một sĩ quan chính trị tại Bungari thời kỳ cộng sản. Bực mình trước một số lời nhận xét của ông ấy trong một cuộc bàn luận dài dằng dặc (chủ đề thì tôi đã quên từ lâu), tôi buột miệng hỏi ông ấy trong nỗi thất vọng: “Thế với ông sự thật là cái gì?” và ông ấy lập tức trả lời: “Sự thật ư? Sự thật là những gì phục vụ cho lợi ích của Đảng”.

Ý đó tạo tiền đề cho việc bàn thảo về bản chất thực sự của hoạt động tình báo, hay ít ra là bản chất của hoạt động tình báo trong một chế độ dân chủ hiện đại. Tôi ví cuộc đối thoại về chính sách tình báo như một căn phòng có hai cửa ra vào, một cửa có dán chữ tình báo, cửa còn lại dành cho người ra quyết định. Vì người ra quyết định có thể nằm trong phạm vi từ một chỉ huy chiến thuật, một quan chức nội các đến một tổng thống, nên “căn phòng” này có thể từ một trung tâm điều hành kế hoạch tác chiến được phủ bạt trở thành một văn phòng lộng lẫy hay một phòng bầu dục.

Trong bất kỳ trường hợp nào, động cơ hành động là như nhau. Dẫu cho hai người đi vào bằng hai cửa khác nhau, thì chuyên gia tình báo phải kết nối với người ra quyết định. Sẽ là

lý tưởng nếu, tại nơi trung tâm của căn phòng, nhưng ngay cả khi không phải như vậy, công việc của người làm tình báo là bắt chính mình phải tư duy theo người khác, bất kể phải mất bao lâu mới hiểu được anh ta.

Và việc đó có thể rất khó khăn, vì để đi vào một cách hợp thức qua cửa tình báo, ta phải dựa vào cơ sở thực tế và nhìn nhận thế giới theo đúng bản chất của nó, trong khi nhà hoạch định chính sách thường dựa vào tầm nhìn một cách đúng đắn (đưa chúng ta đến nơi nào đó) và nhìn nhận thế giới như những gì người đó muốn như thế.

Cánh cửa tình báo đòi hỏi lối tư duy dựa vào suy luận quy nạp. Bởi trong một biển những chi tiết đặc thù, một nhân viên tình báo phải nỗ lực để tạo ra cái tổng quát, dù đó là một nhận định, một kết luận hay chỉ một bản báo cáo chỉ huy (*Thưa Ngài, thứ chúng tôi nghĩ là một cuộc nổi dậy ở Irắc giờ đây rõ ràng là một cuộc nội chiến*). Nhà hoạch định chính sách có xu hướng suy diễn mạnh mẽ, cố gắng áp dụng những nguyên tắc đầu tiên của mình (những nguyên tắc đã giúp gây ảnh hưởng tốt đến bộ phận cử tri của họ) cho một hoàn cảnh cụ thể (*Hãy trình cho tôi xem phương án chi tiết tối từng tù nhân một để đóng cửa nhà tù Guantánamo, như tôi đã hứa sẽ làm*).

Chuyên gia tình báo có xu hướng bi quan. Bob Gates từng chua cay nói rằng khi một chuyên gia phân tích CIA không còn ngửi thấy mùi hoa, anh ta luôn nhìn quanh để xem có chiếc xe tang nào gần đó không. Nếu như nhà hoạch định chính sách không phải là một người lạc quan thì không nên theo đuổi công việc đó. (Luôn nhớ rằng họ nói sẽ làm cho mọi chuyện trở nên tốt đẹp hơn).

Mẹo ở đây là người bi quan, dựa vào cơ sở thực tế, suy luận quy nạp và nhìn nhận thế giới theo đúng bản chất của nó phải làm sao để đi vào suy nghĩ của người lạc quan, dựa vào tầm nhìn, khả năng suy diễn và nhìn nhận thế giới như họ muốn thế

mà không để lộ chân tướng của mình (và tính chính danh đối với việc làm điều đó luôn đứng đầu). Và để biết rằng với mỗi câu nói, anh ta đều khiến tâm trạng nhà hoạch định chính sách trở nên tồi tệ hơn so với tâm thế nhẽ ra sẽ có trong hoàn cảnh khác. *(Thưa Ngài Tổng thống, có vẻ như chúng ta có thể có một lò phản ứng hạt nhân sắp hoàn thiện tại miền Đông Xyri hay Thưa Ngài Tổng thống, dựa vào những gì chúng tôi biết, tôi sẽ KHÔNG mô tả ISIS như là một đội thể thao của trường phổ thông (JV team)).*

Hoạt động tình báo không lập ra chính sách, như khi được thực hiện đúng đắn, hoạt động tình báo có thể tạo ra những ranh giới tay phải và tay trái cho bất kỳ cuộc luận bàn chính sách có lý trí nào. Đó là đóng góp vô cùng quan trọng.

Cần nhắc mọi khía cạnh, có thể nói rằng ngành tình báo Mỹ vận dụng nghệ thuật và khoa học của quy trình này một cách khá tốt. Ngày nay đây là cộng đồng tình báo duy nhất có sứ mệnh hoặc là được yêu cầu hoạt động toàn cầu, và việc họ thực hiện sứ mệnh đó tốt đến mức nào được phản ánh rõ nét nhất qua số lượng các cơ quan tình báo nước ngoài thường xuyên hành hương đến Langley để nhờ giúp đỡ và vun đắp quan hệ hợp tác. Từng có những sai lầm và thất bại, và tôi cũng có phần của mình trong đó, nhưng có sự thật hiển nhiên là cũng có rất nhiều thông tin tình báo tốt có thể phục vụ chính sách có nhiều sai khuyết.

Nhưng giờ đây có những câu hỏi lớn hơn, chứ không chỉ là năng lực của hoạt động gián điệp Mỹ. Dù có cội rễ từ Washington, hoạt động gián điệp chưa bao giờ có vị trí dễ dàng trong tâm lý người Mỹ. Tại NSA, tôi rất thích câu nói này: “Cơ quan chỉ cần có hai thứ để bảo đảm thành công. Chúng ta cần có quyền hành và chúng ta kín kẽ. Và chúng ta sống trong một nền văn hóa chính trị chỉ không tin hai thứ”.

Đương nhiên đó là quyền hành và bí mật.

Ngày nay chúng ta đang thấy điều đó được thể hiện bằng những tông giọng thảm thiết, nhiều trong số đó còn rất đen tối. Có nhiều người mà, khi biết về những biện pháp được sử dụng để xử trí trước những loại hình đe dọa mới (như chủ nghĩa khủng bố) hay những công nghệ mới (như một mạng không gian tích hợp toàn cầu nhất thể), đã đi đến giả thuyết về điều tồi tệ nhất và chỉ trích không tiếc lời cái họ gọi là “nhà nước do thám”.

Những người khác đã gán nhãn một cách bất công cho bất kỳ mối quan ngại nào như vậy là thứ tất yếu phải đến từ đám đông đầu đội mũ thiếc, thường xuyên mắc chứng hoang tưởng và sợ trực thăng màu đen.

Tôi thực sự cố gắng để chỉ ra rằng đây KHÔNG PHẢI là một cuộc đấu tranh giữa các thế lực ánh sáng và các thế lực bóng tối, như ai đó vẫn thường cho là như vậy. Đây là công việc cân đối yếu tố bình thường mà những người tự do thường tiến hành khi họ nghiêm túc suy tính cả về an ninh lẫn quyền tự do của mình. Chúng tôi có một lịch sử bàn đi, bàn lại về vấn đề này trong những điều kiện rộng hơn (như bản chất và cấp độ của mối đe dọa) yêu cầu phải làm như vậy.

Tôi cũng hay nhắc với khán thính giả của mình rằng, chẳng bao lâu sau khi lật đổ vua George III vì ách cai trị chuyên quyền của ông ấy, chúng ta đã trở nên vô mộng với chính quyền kế tục theo Các điều khoản Hợp bang (Articles of Confederation), vì chính quyền đó quá yếu kém, không thể bảo vệ đất nước này hay làm bất cứ việc gì chúng ta thường kỳ vọng ở các chính phủ. Phép màu Philadelphia giải quyết vấn đề đó bằng một chính quyền trung ương hóa mạnh hơn rất nhiều - thực tế là đủ mạnh để tạo nên mối lo sợ đến mức gần như ngay lập tức chính quyền đó bị kiểm chế bằng việc thông qua nhanh chóng mười tu chính án được thiết kế nhằm hạn chế quyền hành của nó: đó là

bản Tuyên ngôn Nhân quyền. Chúng tôi đã xem bộ phim này trước đó. Trên thực tế, chúng tôi chính là nhân vật trong phim.

Mối lo sợ về “nhà nước do thám” và “các cơ quan đứng trên luật pháp” giờ đây bắt nguồn từ việc bị kích động của cánh hữu cũng như cánh tả. Vào đầu năm 2015, tôi đồng ý có mặt tại Hội nghị Hành động chính trị bảo thủ (CPAC) - một sự kiện chính trị thường niên ở Washington. Tôi được bố trí sẽ tranh luận với Thẩm phán Andrew Napolitano, luật gia theo tư tưởng tự do và là khách mời thường trú của *Fox News*, về chương trình 215 của NSA. Thẩm phán Napolitano và tôi biết nhau và thực ra là những người bạn của nhau. Tôi dự kiến buổi tranh luận sẽ rất vui vẻ và đúng là như vậy.

Sau khi Thẩm phán Napolitano khai hỏa bằng sự chỉ trích kịch liệt, thỉnh thoảng kèm theo những dẫn chiếu Hiến pháp đầy cảm xúc, tôi đứng dậy và bắt đầu nói: “Thẩm phán Napolitano là một nhà tư tưởng tự do không nao núng” trong tiếng hoan hô của hàng nghìn người ở độ tuổi 20 mang tư tưởng tự do trong đám đông.

Khi tiếng vỗ tay lắng xuống, tôi nói tiếp: “Tôi cũng vậy”, một câu tự nhận đã tạo ra một số tiếng huýt sáo, tiếng la ó và ít nhất có một người gào lên: “Không, ông thì không!”.

Không nao núng, tôi còn nói thêm rằng tôi là người mang tư tưởng tự do, trong suốt quãng đời trưởng thành của mình, có nhiệm vụ phải hoàn thành một phần khác của văn kiện nền móng đó, phần có nội dung “Sẵn sàng cho cuộc phòng vệ chung”. Và tôi nhắc với đám đông trẻ tuổi rằng phần ưa thích *của họ* không bảo vệ được họ trước mọi cuộc tìm kiếm, mà chỉ có những cuộc tìm kiếm *không có lý do chính đáng* mà thôi. Và cứ như vậy tôi nói thêm ba mươi phút nữa.

Lúc đang rời khỏi sân khấu, tôi đã không ngoái lại khi nghe có tiếng giọng phụ nữ gào lên: “Ông là kẻ nói dối, Hayden.

Tay ông vậy đầy máu”. Tôi không ngoái lại bởi lẽ tôi nhận định cô ấy thuộc diện không thể thuyết phục nổi. Có cố cũng chẳng ích gì. Cô ấy có quan điểm riêng của mình. Chúng ta ai cũng thế.

Hay ít ra là tôi cũng thế.

*

* *

Tôi đã dành cả quãng đời trưởng thành của mình trong ngành tình báo Mỹ. Đó quả là một niềm vinh dự. Thường là có nguồn lực tốt. Một sứ mệnh toàn cầu. Không thiếu các vấn đề.

Và đó là cả một cuộc hành trình đầy ắp trải nghiệm: từ khu phi quân sự ở Bán đảo Triều Tiên đến Masada ở Ixraen; từ Sarajevo bị chiến tranh tàn phá đến Geneva vô cùng hoa lệ; từ Baghdad bị vây hãm đến Sofia dưới thời cộng sản; từ Addis Ababa cổ kính đến London hiện đại; từ Guantánamo biệt lập đến Bamako đông đúc.

Tôi có cơ hội gặp những người như một Ratko Mladic (chỉ huy quân đội Xécbia ở Bôxnia) tội phạm, một Li Chan Bok (nhà thương thuyết Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên) không biết nao núng, một Alvaro Uribe (Tổng thống Côlômbia) cứng rắn, một Abdullah II (Quốc vương Gioócđani) anh dũng, một Mohammed bin Zayed (Thái tử của Abu Dhabi) tao nhã, một Nicolas Sarkozy (Tổng thống Pháp) cuồng tín, một Saif al-Islam (con trai Muammar Gaddafi của Libi) rất khó chịu và rất nhiều nhân vật đáng chú ý khác.

Dẫu vậy, phần quan trọng hơn cả trong suốt cuộc hành trình này chính là sứ mệnh - bảo vệ một nền Cộng hòa đáng giá như nền Cộng hòa của chúng ta - và người dân, những con người cao cả đã chỉ dạy tôi khi còn là một hạ sĩ quan, những người tôi đã trở thành bạn hữu, những người có thể tôi đã giúp

được điều gì đó, cũng như tất cả những người vẫn đang phải làm công việc khó nhọc trong bóng tối và giữ kín bí mật.

Tổ chức gián điệp của Washington ở Long Island được gọi tên là Culper Ring (Sở Culper) theo bí danh của điệp viên trưởng của đơn vị này. Đơn vị này được thành lập sau khi một nỗ lực hoạt động gián điệp trước đó tại Long Island và thành phố New York đã thất bại thảm hại với việc hành hình điệp viên 21 tuổi Nathan Hale. Có một bức tượng Nathan Hale nằm ở một khu yên ả, rợp bóng cây trong khuôn viên trụ sở CIA, khoảng giữa Tòa Trụ sở gốc và Hội trường Bubble (Bong bóng).

Mọi Giám đốc CIA đều có cơ hội được thiết kế một đồng xu cá nhân mà người đó thường dùng để tặng cho những người hoạt động tốt nhất. Mặt trước là mặt tiêu chuẩn với hình khiên biểu tượng của cơ quan, còn mặt sau thì tùy vào mỗi giám đốc. Là người thuộc chuyên ngành lịch sử, tôi đi đến ý tưởng in hình bức tượng Nathan Hale lên đó. Cấp phó của tôi là Steve Kappes lập tức phản đối: “Ông cũng thấy là ông ta bị giết ngay trong lần nhận nhiệm vụ đầu tiên, phải không nào? Và chưa từng mang được thông tin tình báo hữu dụng nào về Washington?”.

Như mọi khi, Steve đã đúng. Tôi từ bỏ ý tưởng này, nhưng gần như đi đến suy nghĩ rằng sự thành công trong nghề này là điều không hề được bảo đảm, còn thất bại thì mang tới một cái giá nặng nề. Nói gì đi nữa thì Hale đã bị hành hình và người Anh vẫn án ngữ ở New York suốt thời gian còn lại của cuộc chiến.

Công việc thường ngày ở cương vị Giám đốc CIA của tôi bắt đầu vào lúc 5 giờ 30 sáng với cuộc chạy bộ gần năm cây số dọc theo bờ sông Potomac, tắm rửa nhanh và ba mươi phút đến Langley ở ghế sau một chiếc SUV bọc thép cùng với chuyên viên Tường trình công việc hàng ngày cho tổng thống (PDB) của tôi. Chúng tôi kiểm tra những nội dung sẽ tường trình với

tổng thống vào 8 giờ 00 sáng, rồi sau đó là cả một mớ báo cáo chưa sẵn sàng cho giờ vàng làm việc, cộng với một mớ điện báo hoạt động gửi về từ các trạm thường trú và cơ sở địa phương của CIA. Toàn bộ công việc rà soát thường mất trung bình hơn một tiếng đồng hồ một chút, một nửa công việc đó thực hiện ở trong xe, nửa còn lại sau khi chúng tôi đến cơ quan. Đọc cuốn sách đó mỗi ngày khiến ta khó mà duy trì được cái nhìn tích cực về bản chất con người. Có thể thấy rõ là cái xấu đang hoành hành mọi nơi trên thế giới này.

Đối mặt với cái xấu đó, chia sẻ trách nhiệm ngăn cản hay ít nhất là làm chệch hướng nó, đôi khi tôi hay trầm ngâm suy nghĩ về điều tương tự ở thế kỷ XXI với sự thất bại của Hale có thể lại xảy ra.

Điều đó gợi lên một số suy nghĩ rất u ám, quả thực là suy nghĩ rất u ám.

LỜI CẢM ƠN

Một trong những niềm vui của dự án này là thiết lập lại được mối liên hệ với hàng chục người bạn cũ, những người thoải mái dành thời gian nói chuyện, hồi tưởng và sửa sai cho trí nhớ lẫn lỗi viết lách của tôi.

Phương pháp của tôi khá thẳng thắn: tận dụng một chuyến bay trong nước hay quốc tế dài để xây dựng (bằng trí nhớ) nội dung tóm tắt một chương và sau đó xác định những con người hay tài liệu tôi sẽ cần để bảo đảm mình đã nhận định đúng, hoàn thiện chương đó, rồi (tôi hy vọng) làm cho nó trở nên đáng quan tâm.

Trong suốt thời gian mười tám tháng, tôi đã thực hiện hơn bảy mươi cuộc phỏng vấn. Tôi hàm ơn sâu sắc mọi sự hợp tác, nhưng do sợ bỏ sót ai đó và, thẳng thừng mà nói, để tránh cho những đồng nghiệp cũ của tôi khỏi mối nguy hiểm từ lối đưa tin báo chí tùy tiện hay sự quấy rầy pháp lý của một bộ phận nhỏ những người đã làm việc vất vả để phục vụ, tôi quyết định không nêu tên cụ thể.

Dẫu vậy, xin được dành lời cảm ơn đặc biệt đến những nhóm người như nhóm chuyên viên NSA đã thiết lập chương trình Stellarwind và vận hành chương trình này một cách rất chuyên nghiệp và đến với những cuộc phỏng vấn của tôi bằng rất nhiều tài liệu liên quan đến tính hiệu quả của chương trình. Cũng xin dành những lời tương tự cho những người tham gia chương trình giám giữ đối tượng của CIA, những người cũng

không kém phần tha thiết được kể phần tham gia của họ trong câu chuyện. Không có gì ngạc nhiên, đội ngũ nhân sự của bộ phận pháp lý ở cả hai cơ quan cũng rất hứng thú với cơ hội được kể câu chuyện về hồ sơ pháp lý của họ. Mọi người tôi nói chuyện đều sẵn lòng trở thành đối tượng phân xét về những gì họ *thực sự* đã làm và muốn những *nội dung đó* được công bố công khai.

Tôi nhận được sự hỗ trợ tuyệt vời từ đội ngũ trợ lý tại CIA, NSA và ODNI, và tôi dựa rất nhiều vào những lưu ý kịp thời của các trợ lý điều hành, chánh văn phòng và những người khác. Cũng dành sự vinh danh cho tất cả những người đã giúp tôi giải mã bản viết tay cũng như về nhiều chi tiết truyền miệng họ sẵn lòng cung cấp liên quan đến những tình tiết câu chuyện gần như đã bị lãng quên.

Những người làm nghề đích thực trong ngành tình báo hiểm khi có cơ hội bước ra ngoài vỏ bọc của chính mình để nói và đánh giá về công việc của họ. Các trưởng trạm thường trú CIA và chuyên viên thu thập thông tin tình báo tín hiệu (SIGINT) của NSA, cũng như đội ngũ chuyên gia phân tích của cả hai cơ quan, đã làm chính xác điều đó trong những lần tôi bàn bạc với họ. Họ thẳng thắn khi nói về điều gì đang có tác dụng tốt và điều gì không có tác dụng, mọi thứ đúng ở đâu và sai ở đâu. Tôi đã cố gắng phản ánh sự trung thực của họ trong cuốn sách này.

Đương nhiên là không phải mọi nhân viên đều sẵn lòng nói chuyện với tôi. Có hai người, cả hai đều rất xuất chúng trong hoạt động chống khủng bố, đã lịch sự từ chối. Tôi coi cả hai người là bạn tốt, nhưng đúng với quy tắc họ tự đặt ra cho mình, họ không nói chuyện với *bất kỳ ai*, kể cả đó là ông giám đốc cũ thân thiết đang viết sách. Phải tôn trọng họ thôi.

Các bản yêu cầu phỏng vấn giới quan chức tình báo đang tại vị được xử lý tại trụ sở của NSA và CIA, và nhiều bản yêu cầu cung cấp tài liệu của tôi cũng vậy. Xin dành lời cảm ơn đặc biệt đến mọi người vì đã đáp ứng yêu cầu. Thẳng thắn mà nói, tôi rất

ngạc nhiên trước mức độ công việc hằng ngày của một giám đốc được ghi chép lại, lưu trữ và chuyển thành tư liệu có thể truy xuất để sử dụng. Đây gần như cũng là những người đã phải nhận định những gì có thể nói và không thể nói khi liên quan đến công tác phân loại tài liệu mật. Họ cương quyết khi cần phải như thế, nhưng cũng rất hiểu biết và sẵn lòng giúp đỡ khi có thể.

Để bảo đảm mình đã phản ánh chính xác những cuộc tranh luận về chính sách, tôi cũng kiểm tra nội dung với các đồng nghiệp trong ngành hành pháp, quan chức nội các và quan chức Nhà Trắng. Mọi người đều rộng lòng và thẳng thắn. Cảm ơn rất nhiều.

Tôi cũng dựa vào nhiều bài viết đã thực hiện sau khi thôi công tác trong chính phủ, đặc biệt là các bài viết chuyên đề khá đều đặn cho *CNN*, *Washington Times* và *World Affairs Journal*. Ở cuốn sách này tôi có điều kiện phát triển sâu hơn những suy nghĩ mà lần đầu tôi phản ánh ở đó.

Cuốn sách này ra đời là nỗ lực cá nhân của tôi, nhưng tôi cần nhắc đến Vernon Loeb, nguyên phóng viên của tờ *Washington Post* và biên tập viên chuyên trách mảng đời sống đô thị, người ban đầu đã đề nghị tôi cộng tác trong dự án này. Trước khi chúng tôi bắt tay thực hiện, Vernon đã xin rút lui để nhận một vị trí biên tập viên ở Houston, nhưng chính sự khởi xướng của anh ấy đã thôi thúc tôi tiếp tục công việc này.

Cuối cùng, tôi thực sự muốn toàn bộ cuốn sách này là thứ gì đó dễ đọc, vậy nên đã nhờ vợ và các con đã trưởng thành của tôi đọc bản nháp từng chương. Họ sẵn lòng chia sẻ suy nghĩ của mình về lối hành văn, ngữ pháp, cách tổ chức và lôgic của tôi. Họ cũng hết lòng động viên, nhiều lúc còn nói rõ là tôi có trách nhiệm kể câu chuyện *của mình* cho con cháu.

Những sự hỗ trợ từ gia đình thực sự đã giúp ích cho việc kể chuyện. Nếu có bất kỳ nội dung nào còn chưa đúng, chưa tinh tế, thừa thãi hay dài dòng, lỗi hoàn toàn là ở tôi.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, số 6/88 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxhctqg.vn, Website: www.nxhctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Howard Jones

* **MỸ LAI: VIỆT NAM, 1968 - NHÌN LẠI CUỘC THẨM SÁT**

GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương (Chủ biên)

* **ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA MỸ VÀ SỰ TÁC ĐỘNG
TỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ**

David Priess

* **BÁO CÁO MẬT CỦA TỔNG THỐNG -
CHUYỆN CHƯA KỂ VỀ CÁC BÁO CÁO TÌNH BÁO
VẤN TẮT GỬI ĐẾN CÁC TỔNG THỐNG MỸ**

ISBN 978-604-57-6733-7



9 786045 767337



8935279132089

Giá: 249.000đ